

THE INTERNATIONAL BESTSELLER

J O N E S B Ø



K É
B Á O
T H Ò



NHÀ XUẤT BẢN
HÀ NỘI

Soát lỗi **V/C** tiên sinh

PHẦN I

KẾ HOẠCH

Tôi sắp chết, và điều này thật vô lý? Kế hoạch đâu phải là vậy, dù sao cũng không phải là kế hoạch của tôi. Có lẽ tôi đã bước trên con đường dẫn tới cái kết cục này suốt bao lâu nay mà chẳng hề hay biết. Đó không phải là kế hoạch của tôi. Kế hoạch của tôi hay hơn nhiều. Kế hoạch của tôi rất hợp lý.

Tôi nhìn chăm chăm vào họng súng, và tôi biết nó sẽ đến từ đó. Sứ giả của thần chết, Người lái đò. Cười lần cuối nào. Nếu người ta thấy ánh sáng cuối đường hầm thì có lẽ đó là một lưỡi lửa. Khóc lần cuối nào. Lẽ ra chúng ta đã có thể biến cuộc đời này thành một thứ tốt đẹp, tôi và em. Nếu chúng ta làm theo đúng kế hoạch. Ý nghĩ cuối cùng. Ai cũng thắc mắc về ý nghĩa của cuộc sống, nhưng chẳng ai hỏi đến ý nghĩa của cái chết.

PHI HÀNH GIA

Ông lão đó khiến Harry nghĩ tới một phi hành gia. Những bước đi ngắn ngủn khôì hài, cử động cứng nhắc, cặp mắt đen đờ dẫn và đôi giày lệt xệt trên sàn lát gỗ. Như thế ông ta sợ bị bứt khỏi mặt đất và trôi vào không trung.

Harry nhìn lên cái đồng hồ treo trên bức tường màu trắng phía trên cửa ra vào. Ba giờ mười sáu phút chiều. Bên ngoài cửa sổ, trên phố Bogstadveien, dòng người chiều thứ Sáu nghìn nghịt lại qua. Mặt trời tháng Mười đang

xuống thấp, phản chiếu trong gương chiếu hậu của một chiếc xe đang lao đi trong giờ cao điểm.

Harry tập trung vào ông lão. Mũ có vành cộng với áo choàng xám lịch lãm nhưng cần phải giặt lắm rồi. Bên trong là áo vest vải tuyết, cà vạt và quần vải màu xám đã sờn có một đường li thẳng tắp. Giày đánh xi bóng, gót đã mòn. Một trong số những người về hưu vốn nhan nhản ở khu Majorstuen. Đây không phải là phỏng đoán. Harry biết rằng August Schulz đã tám mươi một tuổi và đã từng là một người bán lẻ quần áo sống gần như cả đời ở Majorstuen, trừ một khoảng thời gian ở trại Auschwitz hồi Thế Chiến. Và hai cái đầu gối cứng ngắc là di chứng của một lần ngã từ trên cầu đi bộ ở phố Ringveien xuống khi sang thăm con gái như mọi ngày. Ấn tượng về một con búp bê máy cày được củng cố bởi hai cánh tay ông lão co thành góc vuông ở khuỷu tay và chĩa ra phía trước. Một cây gậy chống màu nâu ngoắc vào cẳng tay phải của ông ta, còn bàn tay trái nắm chặt một tấm séc trả lương của ngân hàng chia ra cho một anh chàng tóc cắt ngắn ở quầy số 2. Harry không thấy mặt anh chàng thu ngân đó, nhưng anh biết anh ta đang nhìn ông lão vừa cảm thông vừa bức bối.

Đã ba giờ mười bảy phút. Cuối cùng thì cũng đến lượt August Schulz.

Stine Grette ngồi ở quầy số 1, đếm 730 krone Na Uy cho một thằng nhóc đội mũ len màu xanh lam vừa đưa cho cô một cái phiếu chuyển tiền qua bưu điện. Viên kim cương trên ngón nhẫn bàn tay trái lấp lánh trong lúc cô đặt từng tờ tiền lên quầy.

Harry không nhìn được, nhưng anh biết phía trước quầy số 3, có một người đàn bà đang đu đưa chiếc xe nôi, có lẽ để khiến chính mình phân tâm vì đứa bé đã ngủ. Người đàn bà đang đợi cô Brænne phục vụ, cô này thì đang lớn tiếng giải thích qua điện thoại cho một người đàn ông rằng ông ta không thể rút tiền từ tài khoản của người khác trừ phi họ ký giấy ủy quyền. Cô ta cũng bảo với ông rằng cô mới là người làm việc trong ngân hàng, còn ông thì

không, nên có lẽ điều đó nghĩa là họ nên chấm dứt tranh cãi.

Đúng lúc đó, cửa bật mở và hai gã đàn ông, một cao một thấp, mặc đồ bảo hộ lao động một mảnh giống hệt nhau, sai bước vào ngân hàng. Stine Grette ngược lên. Harry nhìn đồng hồ đeo tay và bắt đầu đếm. Hai gã kia chạy tới góc Stine đang ngồi. Gã cao lớn bước đi như thể đang lội trên đường lầy, còn gã thấp bé có dáng đi lắc lư của người có cơ bắp phát triển quá mức. Thằng nhóc đội mũ xanh chậm rãi quay lại và bước ra cửa, mãi đếm tiền đến độ không nhìn thấy hai gã kia.

“Chào cô,” gã cao nói với Stine, ném một chiếc va li màu đen lên quầy. Gã thấp đẩy cái kính râm phản quang lên và bước tới, đặt một cái va li y hệt bên cạnh. “Đưa tiền đây!” hăn rít lên the thé. “Mở cửa ra!”

Cứ như thể có ai đó bấm nút ngừng: cả ngân hàng bất động. Dấu hiệu duy nhất cho thấy thời gian vẫn đang trôi là dòng người bên ngoài cửa sổ. Và chiếc kim giây đang lướt đi trên đồng hồ treo tường, báo hiệu đã mười giây trôi qua. Stine nhấn một nút phía dưới bàn của cô. Một tiếng chuông điện kêu rền. Gã nhỏ con dùng đầu gối gí cửa quầy vào tường.

“Ai cầm chìa khóa?” gã hỏi. “Mau, bọn tao không có thì giờ đâu!”

“Helge!” Stine ngoái lại gọi to.

“Gì thế?” Giọng nói từ phía trong cánh cửa để hế của văn phòng duy nhất trong ngân hàng vọng ra.

“Có khách này, Helge!”

Một người đàn ông đeo nơ bướm và cặp kính cận đi ra. “Các ông đây muốn anh mở cây ATM, Helge,” Stine nói.

Helge Klementsens trần trối nhìn hai gã đàn ông mặc bộ đồ bảo hộ lao động lúc này đã đi vào phía trong quầy chỗ ông ta. Gã cao bồn chồn liếc ra cửa trước trong khi gã lùn dán chặt mắt vào người trưởng chi nhánh.

“À, vâng. Đương nhiên,” Helge thở dốc, như thể chợt nhớ ra một cuộc hẹn bị nhỡ, và phá lên cười như mất trí.

Toàn thân Harry bất động; anh chỉ để mắt mình tập trung hoàn toàn vào mọi hành động và cử chỉ của họ. Hai mươi lăm giây. Anh tiếp tục nhìn đồng hồ phía trên cánh cửa, nhưng qua khóe mắt, anh thấy người trưởng chi nhánh đang mở khóa cây ATM từ phía trong, lôi ra hai khay kim loại hình chữ nhật và đưa cho hai gã đàn ông nọ. Mọi chuyện diễn ra với tốc độ cực nhanh và lặng lẽ. Năm mươi giây.

“Của mày này, cha nội!” Gã lùn lấy hai khay tiền tương tự từ va li của hắn và đưa ra cho Helge. Trưởng chi nhánh nuốt khan, gật đầu rồi nhận lấy và nhét trở lại cây ATM.

“Chúc cuối tuần vui vẻ!” gã lùn nói, ưỡn thẳng lưng và chộp lấy cái va li. Một phút rưỡi.

“Khoan đã,” Helge nói.

Gã lùn sững người.

Harry hóp má vào và cố gắng tập trung.

“Cái biên lai...” Helge nói.

Trong một khoảnh khắc kéo dài, hai gã đàn ông nhìn chăm chăm người trưởng chi nhánh nhỏ thó, tóc hoa râm. Rồi gã lùn bật cười. Một tràng cười to, the thé với chút gì đó quá khích, kiểu cười của một gã phê thuốc. “Mày không nghĩ là bọn tao sẽ rời khỏi đây mà không ký cọt gì đấy chứ? Nộp hơn hai triệu mà không có biên lai!”

“Ừm,” Helge nói. “Tuần trước một người trong đám các anh suýt quên.”

“Dạo này có nhiều thằng giao hàng mới quá,” gã lùn nói, trong lúc gã và Helge ký và trao nhau các hóa đơn màu vàng và màu hồng.

Harry đợi đến lúc cửa trước khép lại mới nhìn đồng hồ lần nữa. Hai phút mười giây.

Qua lớp kính cửa, anh nhìn thấy chiếc xe tải an ninh của ngân hàng Nordea lái đi.

Các cuộc trao đổi giữa những người trong ngân hàng lại tiếp tục. Harry

không cần phải đếm nữa, nhưng anh vẫn cứ đếm. Bảy người. Ba sau quầy và bốn trước quầy, kể cả đứa bé sơ sinh và người đàn ông mặc đồ bảo hộ lao động vừa bước vào, đang đứng cạnh chiếc bàn giữa phòng, viết số tài khoản lên một cái phiếu nộp tiền. Harry biết cái phiếu đó nộp tiền cho hãng du lịch Sunshine Tours.

“Xin chào,” August Schulz lên tiếng và lê bước về phía cửa trước.

Đồng hồ báo chính xác ba giờ hai mươi một phút mười giây và đó chính là điểm khởi đầu cho toàn bộ câu chuyện.

Khi cánh cửa mở ra, Harry nhìn thấy Stine Grette chột ngẩng lên từ đồng giấy tờ rồi lại cúi xuống ngay. Rồi cô ta lại ngẩng lên, lần này chậm hơn. Harry liếc ra phía cửa trước. Người đàn ông vừa vào kéo khóa bộ đồ bảo hộ lao động xuống và rút ra một khẩu AG3 màu đen và xanh rêu. Mặt hắn được trùm kín bằng một chiếc mũ len trùm đầu màu xanh tím than, chỉ để hở đôi mắt. Harry bắt đầu đếm.

Cái mũ len bắt đầu chuyển động ở chỗ có lẽ là cái miệng, như một con búp bê Vượn người: “Cướp đây! Cấm nhúc nhích!”

Hắn không hề cao giọng, nhưng trong một chi nhánh ngân hàng nhỏ, chật ních thế này thì chẳng khác nào một họng đại bác vừa khạc đạn. Harry nhìn kỹ vẻ mặt của Stine. Giữa tiếng xe cộ từ xa vắng lại, anh nghe thấy tiếng lách cách trơn tru của kim loại đã được tra dầu khi tên cướp lên cò súng. Vai trái của cô khẽ chùng xuống, hầu như không thể nhận thấy.

Cô nàng can đảm thật, Harry nghĩ. Hoặc có lẽ chỉ là đang sợ đến mất trí. Aune, giảng viên tâm lý học tại Trường Cảnh sát Oslo đã dạy anh rằng khi người ta sợ đến một mức độ nào đó thì họ sẽ ngừng suy nghĩ và hành động như được lập trình. Aune xác nhận rằng hầu hết nhân viên ngân hàng đều nhấn chuông báo cướp trong tình trạng gần như choáng váng và trích dẫn những cuộc thẩm vấn sau các vụ cướp trong đó nhiều người đã khai là không nhớ có phải họ đã nhấn chuông báo động hay không. Họ hành động một cách

tự động. Y như bọn cướp ngân hàng tự động bắn bất cứ ai định ngăn cản chúng, Aune nói. Bọn cướp ngân hàng càng sợ hãi bao nhiêu thì càng ít có khả năng thay đổi được ý định của hã bấy nhiêu. Harry sững người khi nhìn vào đôi mắt của tên cướp. Màu xanh lơ.

Tên cướp tháo móc cái túi xách màu đen ra và vút lên quầy. Gã đàn ông mặc đồ đen đó bước sáu bước tới cửa quầy, ngồi ghé lên mép quầy và vắt cả hai chân sang rồi đứng ngay phía sau Stine lúc này đang ngồi im, vẻ dờ dẫm. Tốt, Harry nghĩ. Cô ta thuộc lòng chỉ dẫn là không được nhìn thẳng vào tên cướp nếu không muốn khiêu khích hã.

Tên cướp gí nòng súng vào cổ Stine, cúi xuống thì thầm gì đó vào tai cô.

Cô vẫn chưa hoảng hốt, nhưng Harry nhận thấy ngực Stine nhô lên; thân hình mảnh dẻ dưới chiếc áo sơ mi trắng đang căng ra của cô dường như đang cố gắng hít lấy không khí. Mười lăm giây.

Cô hắng giọng. Một lần. Hai lần. Cuối cùng các dây thanh quản của cô cũng hoạt động được.

“Helge. Chìa khóa cây ATM.” Giọng nhỏ, khàn khàn, hoàn toàn không thể nhận ra là từ chính người đã nói trôi chảy đúng câu đó mới chỉ ba phút trước.

Harry không thấy mặt Helge, nhưng anh biết ông ta đã nghe thấy những gì tên cướp nói và đã ra đứng ở ngưỡng cửa văn phòng.

“Mau lên, không thì...” Giọng cô gái hầu như không thể nghe ra và trong khoảng lặng kế tiếp, trong ngân hàng còn nghe thấy tiếng đế giày của August Schulz trên sàn lát gỗ, như tiếng cọ rê cực chậm trên mặt trống bằng da.

“... hã sẽ bắn tôi.”

Harry nhìn ra ngoài cửa sổ. Thông thường phải có một chiếc xe bên ngoài, máy nổ sẵn, nhưng anh lại chẳng hề thấy. Chỉ thấy dòng người và xe cộ mờ mờ lướt qua.

“Helge...” Giọng Stine trở nên van vãn.

Nhanh lên nào, Helge, Harry thúc giục. Anh cũng đã biết kha khá về vị

trưởng chi nhánh lớn tuổi này. Harry biết rằng ông ta có hai con chó xù cỡ trung, một bà vợ và cô con gái bị phụ tình đang mang bầu chờ ông ở nhà. Họ đã sửa soạn đồ đạc và chuẩn bị lên đường tới căn nhà gỗ ở trên núi ngay khi Helge về. Nhưng đúng lúc này, Helge có cảm giác như vừa bị nhận xuống nước, trong một giấc mơ mà mọi cử động của ông ta đều trở nên chậm chạp dù ta đã cố làm thật nhanh. Rồi Helge hiện ra trước mắt Harry. Tên cướp xoay mạnh cái ghế Stine đang ngồi để đẩy cô ra phía trước hẳn, nhưng lại đối diện với Helge. Giống như một đứa bé đang sợ hãi mà phải đi cho ngựa ăn, Helge đứng lại và giơ chùm chìa khóa ra, cánh tay vươn ra hết mức. Tên cướp thì thảo vào tai Stine và quay súng ra chĩa vào Helge khiến ông loạng choạng lùi lại hai bước.

Stine hăng giọng: “Hắn bảo mở cây ATM ra và bỏ tiền vào cái túi đen.” Helge mù mịt nhìn chăm chăm vào họng súng đang chĩa vào mình.

“Ông có hai mươi lăm giây trước khi hắn nổ súng. Không phải bắn ông mà là tôi.”

Miệng Helge há ra rồi khép lại như định nói điều gì. “Làm ngay đi, Helge,” Stine nói.

Đã ba mươi giây trôi qua kể từ khi vụ cướp bắt đầu. August Schulz đã bước gần tới cửa trước. Vị trưởng chi nhánh quỳ sụp xuống trước cây ATM và lựa chìa khóa. Có bốn chiếc cả thảy.

“Còn hai mươi giây nữa thôi!” giọng Stine vang lên.

Đồn cảnh sát Majorstuen, Harry nghĩ. Những chiếc xe tuần tra đang trên đường tới. Chỉ còn cách tám tòa nhà. Giờ cao điểm chiều thứ Sáu.

Những ngón tay run rẩy của Helge cầm một chiếc chìa và tra vào ổ. Nửa chừng thì bị tắc. Ông ta bèn ấn mạnh hơn.

“Mười bảy giây...”

“Nhưng...” Helge định nói.

“Mười lăm.”

Helge bèn lôi chiếc chìa ra và cố thử một cái khác. Nó vừa với ổ nhưng không xoay được.

“Chúa ơi...”

“Mười ba. Thử cái chìa có dán băng dính xanh xem, Helge.”

Klementsén nhìn chăm chăm vào chùm chìa khóa như thể lần đầu thấy chúng.

“Mười một.”

Chìa thứ ba vừa. Và xoay được. Ông ta kéo cửa cây ATM rồi quay về phía Stine và tên cướp.

“Còn phải mở một cái khóa nữa...”

“Chín!” Stine hét lên.

Helge nức nở trong lúc những ngón tay của ông lần nhanh qua những mép chìa răng cưa, không còn nhìn thấy gì nữa mà phải dùng cách sờ chữ nổi của người mù để đoán xem chìa nào là đúng.

“Bảy.”

Harry thận trọng lắng nghe. Vẫn chưa thấy tiếng còi hụ của xe cảnh sát.

August Schulz nắm lấy tay cầm cửa trước.

Tiếng kim loại leng keng khi chùm chìa rơi xuống sàn. “Năm,” Stine thì thào.

Cánh cửa mở ra và âm thanh từ ngoài phố ồa vào. Harry nghĩ anh có thể nghe thấy tiếng rền rĩ quen thuộc như sắp chết từ xa vọng lại. Nó lại nổi lên. Tiếng còi xe cảnh sát. Rồi cánh cửa khép lại.

“Hai, Helge!”

Harry nhắm mắt lại và đếm đến hai.

“Đây rồi!” Tiếng Helge hét lên. Ông vừa mở được cái khóa thứ hai và lúc này đang đứng lom khom lôi mấy khay đựng đầy tiền. “Để tôi lấy tiền ra đây! Tôi...”

Một tiếng ré chói tai cắt ngang lời ông. Harry liếc về phía bên kia của

ngân hàng thì thấy một người phụ nữ đang đứng trợn mắt kinh hãi nhìn tên cướp bất động đang giáng súng vào cổ Stine. Cô ta chớp mắt hai cái rồi lẳng lặng gật đầu về phía cái xe nôl trong lúc đứa bé khóc ré lên.

Helge suýt ngã ngựa khi khay tiền đầu tiên bật ra. Ông kéo cái túi xách màu đen lại gần. Chỉ trong vòng sáu giây toàn bộ số tiền đã được trút vào túi. Klementsén kéo khóa túi kín lại như được bảo và đứng ra cạnh quầy. Mọi việc được truyền đạt qua miệng Stine; giọng cô lúc này nghe vững vàng và bình tĩnh đến kinh ngạc.

Một phút ba giây. Vụ cướp đã hoàn tất. Số tiền đã nằm trong chiếc túi xách. Vài phút nữa xe cảnh sát đầu tiên sẽ ập tới. Trong vòng bốn phút nữa, các xe cảnh sát khác sẽ chặn hết mọi đường thoát xung quanh ngân hàng. Mọi tế bào trong người tên cướp hẳn đang gào thét rằng đã đến lúc phải biến. Thế rồi một chuyện xảy ra mà Harry không tài nào hiểu nổi. Đơn giản là chẳng thể hiểu nổi. Thay vì bỏ chạy, tên cướp lại xoay cái ghế của Stine để cô đối diện với hắn. Hắn cúi xuống thì thầm gì đó với cô. Harry nheo mắt. Hôm nào anh phải đi khám mắt mới được. Nhưng rõ ràng anh đang nhìn thấy chuyện đó diễn ra. Stine chăm chú lắng nghe kẻ hành hạ bịt mắt. Vẻ mặt cô biến đổi chậm chạp, từ từ trong lúc ý nghĩa của những lời hắn đang thì thào thấm vào óc cô. Cặp lông mày thanh mảnh, được tỉa kỹ càng nhú lên thành hai chữ ‘S’ bên trên đôi mắt lúc này như sắp nhảy ra khỏi tròng, môi trên của cô nhếch lên và hai khóe miệng cô trễ xuống thành một nụ cười méo xệch. Đứa bé ngừng khóc cũng đột ngột như lúc nó ré lên. Harry hít một hơi. Vì anh biết. Nó là hình ảnh được bấm nút dừng, một hình ảnh tài tình. Hai con người bị chộp trong tích tắc kẻ này thông báo bản án tử hình cho kẻ kia, khuôn mặt trùm kín chỉ cách đối tác bất lực của nó hai gang tay. Kẻ Hành quyết và nạn nhân của hắn. Khẩu súng chĩa vào họng của nạn nhân và quả tim nhỏ màu vàng treo trên sợi dây chuyền mỏng manh. Harry không nhìn thấy nhưng vẫn cảm nhận được mạch đập thành thịch của cô dưới làn da

mỏng.

Một tiếng rền rĩ bị bóp nghẹt. Harry dòng tai lên nghe. Nhưng đó không phải tiếng còi hụ của cảnh sát mà là tiếng điện thoại réo ở phòng kế bên.

Tên cướp quay lại và ngược nhìn lên camera giám sát treo trên trần nhà phía sau các quầy giao dịch. Hắn giơ một bàn tay lên và xòe năm ngón tay đeo găng màu đen ra, rồi nắm bàn tay đó lại và lại duỗi ngón trở ra. Sáu ngón. Đã quá sáu giây. Hắn quay lại phía Stine, dùng cả hai bàn tay nắm súng, giữ nó ở ngang hông và chĩa họng súng vào đầu cô, hai chân hơi chạng ra để trụ vững khi súng giật. Chiếc điện thoại vẫn réo. Một phút mười hai giây trôi qua. Chiếc nhả lóe lên khi Stine giơ tay lên nửa chừng như để vĩnh biệt ai đó.

Đúng ba giờ hai mươi hai phút hai mươi hai giây thì hắn bóp cò. Tiếng súng đánh gọn và trống rỗng. Ghế của Stine ngửa ra sau khi đầu cô nảy lên trên cổ giống như một con búp bê bằng vải bị vặn xoắn. Rồi cái ghế đổ kèn. Một tiếng thạch vang lên khi đầu cô gái đập vào mép bàn và Harry không còn nhìn thấy cô nữa. Anh cũng không còn nhìn thấy tấm áp phích quảng cáo kế hoạch trợ cấp lương hưu mới của ngân hàng Nordea được dán phía ngoài tấm kính ngăn bên trên mặt quầy giao dịch, lúc này đã nhuộm đỏ. Anh chỉ còn nghe thấy tiếng réo giận dữ, dai dẳng của chiếc điện thoại. Tên cướp bịt mặt nhắc cái túi xách lên. Harry phải quyết định. Tên cướp nhảy phắt qua quầy. Harry đã quyết định xong. Thoắt cái anh ra khỏi ghế. Sáu bước. Anh tới đó. Và nhắc điện thoại lên:

“Nghe!”

Trong khoảng ngưng sau đó, anh có thể nghe thấy tiếng còi hụ của xe cảnh sát trên ti vi trong phòng khách, một bài hát nhạc pop của Pakistan từ nhà hàng xóm vọng sang và tiếng bước chân nặng nề đi lên cầu thang nghe như tiếng chân bà Madsen. Rồi đầu dây bên kia vắng tiếng cười khẽ. Đó là tiếng cười của một cuộc chạm trán ở khoảng cách xa. Không phải là về thời gian,

nhưng cũng xa xôi như vậy. Giống như bảy mươi phần trăm quá khứ của Harry vẫn thỉnh thoảng lại tìm về với anh dưới dạng những tin đồn mơ hồ hoặc hoàn toàn bịa đặt. Nhưng chuyện này thì anh có thể xác nhận.

“Anh vẫn dùng cái câu hống hách đó thật đấy à, Harry?”

“Anna hả?”

“Chà, giỏi lắm, Harry.”

Harry cảm thấy một luồng hơi ấm ngọt ngào dâng lên qua dạ dày, gần giống whisky. Gần giống thôi. Anh nhìn thấy trong gương tấm ảnh mà anh đã treo lên bức tường đối diện. Ảnh chụp anh và em gái vào một mùa hè đã lâu tại Hvitsten hồi hai anh em còn nhỏ. Họ đang mỉm cười giống như mọi đứa trẻ khác khi tin rằng sẽ chẳng thể có điều gì xấu xa xảy đến với mình.

“Vậy anh làm gì vào một tối Chủ nhật hả Harry?”

“Ừm.” Harry nghe thấy giọng mình tự động bắt chước theo giọng của cô. Hơi trầm quá, hơi kéo dài quá. Anh không định làm vậy. Không phải bây giờ. Anh ho và chỉnh giọng ở mức vừa phải. “Như mọi người thường làm.”

“Là gì?”

“Xem video.”

NHÀ ĐAU ĐÓN

“Xem video chưa?”

Cái ghế tựa trong văn phòng kê lên kèn kẹt phản đối trong lúc anh chàng sĩ quan cảnh sát Halvorsen ngả ra sau và nhìn người đồng nghiệp hơn mình chín tuổi, thanh tra Harry Hole, khuôn mặt non choẹt lộ vẻ sững sốt.

“Rồi,” Harry nói, vuốt ngón trỏ và ngón cái dọc sống mũi để lộ bông bên dưới đôi mắt vẫn đỏ.

“Hết cả cuối tuần?”

“Từ sáng thứ Bảy đến tối Chủ nhật.”

“Ừm, ít ra thì tối thứ Sáu anh cũng được vui vẻ,” Halvorsen nói.

“Ừ.” Harry lôi cặp tài liệu màu xanh nước biển từ trong túi áo khoác ra và đặt lên cái bàn đối diện với bàn của Halvorsen. “Tôi đã đọc bản sao của các cuộc thẩm vấn.”

Anh lại lôi từ túi áo bên kia một gói cà phê nhãn hiệu French Colonial màu xám. Anh và Halvorsen ở chung một văn phòng gần cuối hành lang trong khu vực cấm trên tầng sáu của Sở Cảnh sát ở Gronland. Hai tháng trước, họ đã đi mua một máy pha cà phê đen hiệu Rancilio Silvia, đặt nó trên vị trí cao quý của cái tủ đựng hồ sơ bên dưới tấm hình đóng khung chụp một cô gái ngồi gác hai chân lên mặt bàn. Khuôn mặt lấm tấm tàn nhang của cô nom có vẻ như đang nhăn nhó, nhưng thật ra cô đang cười sảng sặc. Nền cảnh chính là bức tường của văn phòng trên đó treo tấm hình.

“Cậu có biết là cứ bốn cảnh sát thì có ba người không thể đánh vần đúng từ ‘uninteresting’ không?” Harry vừa nói vừa treo cái áo khoác lên móc. “Họ hoặc là bỏ qua chữ ‘e’ giữa chữ ‘t’ và chữ ‘r’ hoặc...”

“Interesting.”*

“Cuối tuần cậu làm gì?”

“Thứ Sáu, nhờ cuộc gọi nặc danh của một thằng điên nào đó cảnh báo về một quả bom đặt trong xe mà tôi được ngồi bên ngoài nhà đại sứ Mỹ. Đương nhiên là báo động giả, nhưng bây giờ mọi chuyện đang phức tạp quá mức nên chúng tôi đã phải ngồi lại đó suốt đêm. Đến thứ Bảy thì tôi cố gắng lần nữa đi tìm người phụ nữ của đời mình. Tối Chủ nhật, tôi quyết định rằng nàng không tồn tại. Anh thu được gì từ những thẩm vấn nhân chứng của vụ cướp?” Halvorsen đong cà phê đổ vào cái phin hai đáy.

“Chả gì cả,” Harry đáp, cởi áo len ra. Bên trong, anh mặc một chiếc áo phông màu lông chuột - nó từng có màu đen nhưng giờ đến cả hàng chữ

Violent Femmes cũng đã phai. Anh đổ người xuống chiếc ghế văn phòng, miệng rên lên. “Chưa thấy ai báo cáo là đã thấy kẻ tình nghi lảng vảng gần ngân hàng trước khi vụ cướp xảy ra. Có người ra khỏi siêu thị 7-Eleven ở phía bên kia phố Bogstadveien và thấy tên cướp chạy lên phố Industrigata. Chính cái mũ len trùm đầu làm anh ta chú ý. Camera giám sát bên ngoài ngân hàng ghi hình cả hai khi tên cướp chạy qua nhân chứng trước cái thùng rác để trước siêu thị. Điều thú vị duy nhất không có trên đoạn phim mà anh ta có thể nói cho chúng ta biết là tên cướp đã băng qua đường hai lần ở trên phố Industrigata.”

“Có kẻ không quyết định được nên đi trên vỉa hè nào. Chuyện đó nghe có vẻ uninteresting đối với tôi.” Halvorsen đặt cái phin đôi vào vành rổ lọc. “Với hai chữ ‘e’, một chữ ‘r’ và một chữ ‘s’.”

“Cậu không biết nhiều lắm về cướp ngân hàng phải không, Halvorsen.”

“Sao tôi phải biết? Chúng ta phải đi bắt bọn sát nhân cơ mà. Để mấy gã bên Hedmark lo chuyện cướp đi.”

“Bên Hedmark?”

“Anh không thấy khi đi qua Đơn vị Chống Cướp ư? Giọng nhà quê, những chiếc áo khoác len đan cài cúc. Nhưng vấn đề anh đang nói tới là gì vậy?”

“Vấn đề là Victor.”

“Tay huấn luyện chó nghiệp vụ ư?”

“Theo nguyên tắc thì lũ chó phải có mặt ở hiện trường trước tiên, và một tên cướp ngân hàng dày dạn biết điều đó. Một con chó giỏi có thể lần theo một tên cướp đi bộ, nhưng nếu hẫng băng qua đường, sau đó xe ô tô chạy qua thì con chó sẽ bị mất dấu.”

“Thì sao?” Halvorsen dùng cái đũa nén bột cà phê và kết thúc bằng việc xoay cái đũa để làm phẳng lớp bột, thao tác mà anh ta khẳng định là điểm phân biệt người chuyên nghiệp với kẻ nghiệp dư.

“Nó chứng thực cho nghi ngờ rằng chúng ta đang đối phó với một tên

cướp có kinh nghiệm. Và riêng chuyện đó cũng có nghĩa là chúng ta có thể tập trung vào một số lượng ít hơn đáng kể so với con số mà lẽ ra chúng ta phải xử lý. Trưởng Đơn vị Chống Cướp đã bảo tôi...”

“Ivarsson ư? Tôi tưởng anh với ông ta không nói chuyện với nhau?”

“Đúng thế. Nhưng ông ta nói với cả đội điều tra. Ông ta bảo ở Oslo có chưa tới một trăm tên cướp ngân hàng. Năm mươi tên rất ngu, phê thuốc hoặc loạn trí nên hầu như lần nào cũng bị tóm. Một nửa số đó đang bóc lịch, vì thế chúng ta có thể quên bọn đó được. Bốn mươi tên khá điêu luyện, có thể lọt lưới dễ dàng nếu có kẻ tiếp tay. Còn lại là mười tên chuyên nghiệp, những kẻ tấn công các xe tải an ninh và các trung tâm xử lý tiền tệ. Phải may mắn lắm mới tóm được chúng, và chúng ta luôn cố gắng theo dõi chúng sát sao. Bọn chúng đang bị yêu cầu phải cung cấp chứng cứ ngoại phạm.” Harry liếc nhìn Silvia đang riu rít trên tủ hồ sơ. “Và tôi đã trao đổi với Weber bên Pháp y hôm thứ Bảy.”

“Tuởng tháng này Weber nghỉ hưu rồi.”

“Có ai đó dính phốt. Ông ấy sẽ vẫn làm tiếp tới hè.”

Halvorsen cười khùng khục. “Hắn là ông ấy còn gắt gồng hơn bình thường nhỉ.”

“Ừ, nhưng đó không phải là lý do,” Harry nói. “Bên đó chẳng tìm được gì sất.”

“Không gì ư?”

“Không một dấu vân tay. Không một cọng tóc. Thậm chí không một sợi vải. Và đương nhiên, qua dấu chân cậu có thể thấy hắn đi một đôi mớ toanh.”

“Vậy thì đâu thể kiểm tra được vết mòn so với những đôi giày khác?”

“Chính xác,” Harry nói, kéo dài chữ ‘i’.

“Thế còn vũ khí của tên cướp thì sao?” Halvorsen nói và cầm một cốc cà phê tới bàn Harry. Khi ngược lên, anh ta nhận thấy lông mày bên trái của

Harry đã nhướn lên sát lớp tóc mái màu vàng cắt ngắn. “Xin lỗi. Còn vũ khí giết người?”

“Cảm ơn cậu. Vẫn chưa tìm thấy.”

Halvorsen ngồi bên bàn mình nhấm nháp cà phê. “VẬY tóm lại là có một gã đi vào một ngân hàng tấp nập giữa ban ngày ban mặt, lấy đi hai triệu krone, giết chết một phụ nữ rồi ung dung đi ra, rẽ lên một con phố khá vắng người nhưng lại đầy xe cộ giữa thủ đô Na Uy, chỉ cách đồn cảnh sát vài trăm mét và chúng ta, những quân nhân chuyên nghiệp ăn lương nhà nước lại chẳng có manh mối nào mà điều tra tiếp?”

Harry chậm rãi gật đầu. “Hầu như không có gì. Chúng ta có cuộn băng ghi hình đó thôi.”

“Mà theo như tôi biết thì anh sẽ có thể mừng rỡ ra từng giây từng phút diễn biến trong đó.”

“Không, một phần mười giây thì đúng hơn.”

“Và anh có thể trích dẫn nguyên văn lời khai của nhân chứng?”

“Chỉ của August Schulz thôi. Ông ta đã kể lại với tôi rất nhiều điều thú vị về Thế Chiến. Kể vanh vách tên của các đối thủ trong ngành may mặc, những người Na Uy được gọi là tử tế đã ủng hộ việc sung công tài sản của gia đình ông ta hồi Thế Chiến. Ông ta biết rõ những người đó bây giờ đang làm gì. Nhưng ông ta không hề nhận ra rằng có một vụ cướp ngân hàng đã xảy ra.”

Họ lặng lẽ uống cà phê. Mưa đang tấp vào cửa sổ.

“Anh thích cuộc sống này, phải không?” Halvorsen đột nhiên hỏi. “Cuối tuần nào cũng ngồi một mình đuổi theo những bóng ma.”

Harry mỉm cười, không đáp.

“Tôi cứ tưởng bây giờ đã có bốn phận với gia đình thì anh sẽ từ bỏ lối sống một mình chứ.”

Harry nhìn mặt cảnh cáo người đồng nghiệp trẻ. “Không biết liệu tôi có nhìn nhận theo cách đó không,” anh nói chậm rãi. “Cậu biết là chúng tôi thậm

chí còn không sống cùng nhau mà.”

“Đúng thế, nhưng Rakel có một đứa con trai và điều đó khiến mọi chuyện khác đi, phải không?”

“Oleg,” Harry nói, lách qua bàn đi ra chỗ tủ hồ sơ. “Họ bay tới Moscow từ thứ Sáu rồi.”

“Hả?”

“Xử ở tòa. Bố thằng bé muốn nhận nuôi con.”

“À, phải rồi. Ông ta là người thế nào?”

“Ừm.” Harry chỉnh lại tấm hình bị lệch trên cái máy pha cà phê. “Ông ta là một giáo sư mà Rakel gặp rồi cưới hồi còn làm việc ở đó. Ông ta xuất thân từ một gia tộc lâu đời và giàu có, với ảnh hưởng lớn trong chính trường, Rakel bảo vậy.”

“Tức là họ quen biết vài thăm phán chứ gì?”

“Chắc là có, nhưng chúng tôi nghĩ sẽ ổn thôi. Ông bố là người chẳng ra gì, chuyện này thì ai cũng biết. Nghiện rượu nặng và thiếu tự chủ, cậu biết kiểu người đó rồi đấy.”

“Tôi nghĩ vậy.”

Harry nhanh mắt ngược lên kịp thấy nụ cười Halvorsen tắt lịm.

Ở Sở Cảnh sát này hầu như ai cũng biết Harry có tật uống rượu. Ngày nay, uống rượu không phải là căn cứ để sa thải một công chức nhà nước, nhưng say rượu trong giờ làm thì có. Lần gần đây nhất Harry tái phạm, có người ở tầng trên tán thành chuyện cho anh ra khỏi ngành, nhưng người đứng đầu Đội Hình sự, Bjarne Møller, đã xòe cánh che chở cho Harry bằng cách đưa ra tình tiết giảm nhẹ. Tình tiết đó là người phụ nữ trong tấm hình bên trên máy pha cà phê - Ellen Gjeltén, từng là cộng sự và người bạn thân thiết của Harry - đã bị đánh chết bằng gậy bóng chày trên một con đường mòn ven sông Akerselva. Harry phải chột vật lằm mới gượng dậy được, nhưng vết thương lòng vẫn còn nhức nhối. Nhất là vì, theo Harry, vụ đó chưa bao giờ được làm

sáng tỏ. Khi Harry và Halvorsen tìm thấy chứng cứ pháp y buộc tội Sverre Olsen, một kẻ theo chủ nghĩa phát xít mới, thì thanh tra Tom Waaler đã lập tức lao tới nhà Olsen để bắt hăng. Hình như Olsen đã bắn Waaler và anh ta đã bắn trả để tự vệ rồi giết chết hăng. Theo báo cáo của Waaler là vậy. Cả những báo cáo điều tra tại hiện trường vụ xả súng hay những điều tra của Đội Điều tra Đặc biệt, cơ quan điều tra có thẩm quyền độc lập của cảnh sát, đều không chỉ ra điều gì khác. Tuy nhiên, động cơ khiến Olsen giết Ellen lại không hề được lý giải, ngoài những dấu hiệu cho thấy hăng dính líu vào đường dây buôn lậu vũ khí đã khiến Oslo tràn ngập súng trong những năm gần đây, và Ellen đã mò ra dấu vết của hăng. Tuy nhiên, Olsen chỉ là con tốt thí mà thôi; cảnh sát vẫn chưa truy ra kẻ nào đứng sau vụ thanh toán.

Sau khi được đưa lên làm ở Cục An ninh trên tầng thượng một thời gian ngắn, Harry đã đệ đơn xin được quay lại Đội Hình sự để tiếp tục điều tra vụ sát hại Ellen Gjeltén. Tất cả bọn họ đều mừng hóm vì thoát được anh. Còn Møller thì hài lòng khi nhận anh trở lại tầng sáu.

“Tôi vừa chạy ào lên tầng trên để đưa cho Ivarsson cái này,” Harry lầm bầm, vẫy cuốn băng video. “Ông ta muốn xem cùng với một thần đồng đang ở trên đó.”

“Ồ, ai thế?”

“Một sinh viên đã bỏ Trường Cảnh sát vào mùa hè này và hình như đã điều tra ra ba vụ cướp chỉ bằng cách xem băng video.”

“Chà. Xinh không?”

Harry thở dài. “Thanh niên các cậu dễ đoán đến phát chán lên được. Tôi chỉ mong là cô ta có năng lực. Còn những thứ khác tôi chẳng bận tâm.”

“Chắc chắn đó là phụ nữ chứ?”

“Tôi nghĩ ông bà Lønn có thể đặt tên thằng con trai của họ là Beate để đùa.”

“Tôi có cảm giác là cô ta vừa mất đây.”

“Hy vọng là không,” Harry nói, cúi xuống theo thói quen đã ăn sâu vào máu, để chiều cao một mét chín hai của anh chui lọt qua khung cửa.

“VẬY Ừ?”

Câu trả lời từ hành lang vọng lại: “Sĩ quan cảnh sát giỏi thì chẳng đẹp đâu.”

Thoạt nhìn, Beate Lønn không hẳn đẹp, cũng chẳng hẳn xấu. Cô không xấu; thậm chí có thể nói là trông cô như búp bê. Nhưng có lẽ chủ yếu là bởi cái gì của cô cũng nhỏ: mặt, mũi, tai - và thân hình. Điểm nổi bật ở cô là vẻ nhợt nhạt. Da và tóc cô trắng bệch đến mức khiến Harry nhớ tới một thi thể mà Ellen và anh đã vớt từ dưới hồ Bunnefjord lên. Tuy nhiên, khác với thân hình của cô gái đó, Harry có cảm giác rằng chỉ cần ngoảnh đi một giây thôi là anh quên mất ngay Beate Lønn trông thế nào. Chuyện đó có vẻ không làm cô bận tâm khi cô lí nhí giới thiệu tên, để Harry bắt bàn tay nhỏ nhắn, ươn ướt của cô rồi buông ra rất nhanh.

“Thanh tra Hole gần như là một huyền thoại ở Sở Cảnh sát này đấy,” Rune Ivarsson nói, quay lưng về phía họ và nghịch một chùm chìa khóa. Bên trên cánh cửa sắt màu xám trước mặt họ treo một tấm biển đề chữ kiểu gothic: NHÀ ĐAU ĐÓN. Và bên dưới ghi: PHÒNG HỌP 508. “Không đúng sao, Hole?”

Harry không đáp. Anh không mảy may nghi ngờ về cái kiểu huyền thoại mà Ivarsson nghĩ tới; ông ta chưa bao giờ cố gắng che giấu quan điểm cho rằng Harry là một vết nhơ của ngành và đáng lẽ phải bị khai trừ từ mấy năm trước.

Ivarsson cuối cùng cũng mở được khóa cửa và cả ba cùng bước vào. Nhà Đau đón là phòng chuyên dụng phục vụ việc nghiên cứu, biên tập và sao chụp các cuốn băng ghi hình của Đơn vị Chống Cướp. Giữa phòng bày một

cái bàn lớn có ba chỗ ngồi làm việc; không có cửa sổ. Tường kê kín những cái giá để băng video, treo hơn một chục tấm áp phích in hình những tên cướp bị truy nã, một màn chiếu rộng chiếm nguyên một bức tường khác, một bản đồ Oslo và rất nhiều chiến lợi phẩm thu được trong những vụ bắt giữ, ví dụ như: bên cạnh cửa treo hai ống tay áo bằng vải len đã bị mấy lỗ dành cho mắt và miệng. Ngoài ra, trong phòng còn có những máy tính cá nhân màu xám, màn hình ti vi đen ngòm, đầu băng từ và DVD cùng đủ thứ máy móc khác mà Harry không nhận biết nổi.

“Đội Hình sự đã thu được gì từ cuốn băng rồi?” Ivarsson hỏi và ngồi phịch xuống một cái ghế. Ông ta kéo dài nguyên âm ‘i’ với vẻ cường điệu.

“Vài thứ,” Harry đáp và bước tới chỗ một giá để băng video.

“Vài thứ ư?”

“Không nhiều lắm.”

“Thật xấu hổ là các anh đã không tới nghe tôi giảng trong căng tin hồi tháng Chín. Tất cả các đơn vị đều có mặt trừ đơn vị của anh, nếu tôi nhớ không nhầm.”

Ivarsson cao, chân tay dài, tóc mái vàng lượn sóng phía trên cặp mắt màu xanh. Khuôn mặt ông ta mang những nét đặc trưng nam tính mà người mẫu của các hãng thời trang Đức như Boss thường có, và làn da vẫn còn rám nắng sau nhiều chiều hè trên sân tennis, và có thể là cả vài buổi nằm trong nhà tắm nắng tại một trung tâm thể hình nữa. Tóm lại, Rune Ivarsson là kiểu người mà hầu như ai cũng công nhận là đẹp trai, và vì thế nên ông ta càng củng cố cho giả thiết của Harry về mối tương quan giữa ngoại hình và năng lực trong nghề cảnh sát. Tuy nhiên, cái mà Rune Ivarsson thiếu trong năng lực điều tra phá án thì ông ta bù lại bằng sự nhạy bén về chính trị và khả năng tạo quan hệ trong hệ thống cấp bậc của Sở Cảnh sát. Hơn nữa, Ivarsson có một sự tự tin bẩm sinh mà nhiều người nhầm tưởng là phẩm chất lãnh đạo. Trong trường hợp của ông ta, sự tự tin đó may mắn có được chỉ là do hoàn toàn không hề

hay biết về những thiếu sót của mình, một phẩm chất tất yếu sẽ đưa ông ta lên tới đỉnh cao, và một ngày nào đó sẽ khiến cho ông ta trở thành thượng cấp của Harry - theo cách này hay cách khác. Ban đầu, Harry thấy không có lý do gì phải than phiền về chuyện con người xoàng xĩnh đó được thăng lên cao gọn đường cho việc điều tra phá án, nhưng sự nguy hại của những kẻ như Ivarsson nằm ở chỗ họ có thể dễ dàng nghĩ rằng họ nên can thiệp và ra lệnh cho những người thật sự hiểu về công việc điều tra.

“Chúng tôi có bỏ lỡ điều gì không?” Harry hỏi, lướt một ngón tay dọc các nhãn dán cỡ nhỏ ghi bằng tay trên những cuốn băng.

“Có lẽ không,” Ivarsson đáp. “Trừ phi, anh quan tâm tới những chi tiết nhỏ giúp phá các vụ án hình sự.”

Harry đã cưỡng lại được nỗi thôi thúc nói toẹt ra rằng anh không tới nghe ông ta giảng vì những người đã tham gia các buổi nói chuyện trước đó bảo anh rằng, mục đích duy nhất của màn biểu diễn này là tuyên bố với tất cả mọi người rằng sau khi ông ta đảm trách vị trí Trưởng Đơn vị Chống Cướp thì tỷ lệ phá án thành công trong các vụ cướp ngân hàng đã tăng từ ba mươi lăm lên năm mươi phần trăm. Không hề dả động đến chuyện ông ta được bổ nhiệm đúng lúc quân số trong đơn vị của ông ta tăng gấp đôi, một đợt mở rộng tổng thể lực lượng điều tra viên của họ cùng lúc điều tra viên kém cỏi nhất - Rune Ivarsson - rời khỏi vị trí đó.

“Tôi tự coi là mình khá quan tâm,” Harry đáp. “Vậy, hãy cho tôi biết ông đã phá vụ này thế nào.” Anh lấy một cuốn băng ra khỏi giá và đọc to dòng chữ ghi trên nhãn: “20.11.94, Ngân hàng Tiền gửi NOR, Manglerud.”

Ivarsson bật cười. “Rất sẵn lòng. Chúng tôi đã bắt chúng theo cách cổ điển. Chúng đổi xe chạy trốn ở một bãi rác tại Alnabru và đốt cái xe chúng bỏ lại. Nhưng nó không cháy hết. Chúng tôi tìm thấy đôi găng tay của một tên còn dính chút ADN. Chúng tôi so sánh chúng với ADN của những tên cướp có tiền án đã bị các điều tra viên khoanh vùng là nghi phạm sau khi xem cuốn

băng, và một trong số bọn chúng khớp. Thằng ngu đó đã từng bắn một phát lên trần nhà và lĩnh bốn năm tù. Anh còn thắc mắc gì nữa không, thanh tra Hole?”

“Ừm.” Harry nghịch nghịch cuốn băng. “ADN kiểu gì?”

“Tôi đã bảo anh rồi, ADN trùng khớp.” Khóe mắt bên trái của Ivarsson bắt đầu giật giật.

“Phải rồi, nhưng nó là gì? Da chết? Hay móng tay? Hay là vết máu?”

“Chuyện đó có quan trọng không?” Giọng Ivarsson trở nên gay gắt và bức bối.

Harry tự nhủ phải ngậm miệng lại. Anh nên kể xác những câu công kích kiểu Đôn Kihôtê này. Kiểu gì thì những người như Ivarsson cũng sẽ không bao giờ chịu học hỏi.

“Có lẽ là không,” Harry nghe thấy tiếng mình nói. “Trừ phi ông quan tâm đến những chi tiết nhỏ giúp phá những vụ án hình sự.”

Ivarsson nhìn Harry với ánh mắt hình viên đạn. Trong căn phòng cách ly đặc biệt, sự im lặng tưởng như áp suất vật lý tác động lên tai mọi người. Ivarsson mở miệng định nói.

“Lông ở đốt ngón tay.”

Cả hai người đàn ông cùng quay sang nhìn Beate Lønn. Harry hầu như quên mất có cô ở đó. Cô nhìn qua nhìn lại hai người đàn ông và nhắc lại gần như thì thầm: “Lông ở đốt ngón tay. Lông trên những ngón tay của mọi người ấy... có phải nó được gọi như thế không...?”

Ivarsson hắng giọng. “Cô nói đúng rồi, là sợi lông đó. Nhưng tôi nghĩ - mặc dù chúng ta không cần phải đi sâu thêm vào chuyện đó nữa - một sợi lông trên mu bàn tay. Phải không cô Beate?” Không đợi cô trả lời, ông ta gõ lên mặt kính chiếc đồng hồ đeo tay. “Tôi phải đi đây. Chúc vui vẻ với cuốn băng.”

Khi cánh cửa sập lại sau lưng Ivarsson, Beate cầm cuốn băng từ tay Harry

và liền sau đó, cái đầu video nuốt lấy nó với một tiếng ro ro.

“Hai sợi lông,” cô nói. “Trong găng tay trái. Trên đốt ngón. Và cái bãi rác nằm ở Karihaugen chứ không phải Alnabru. Còn chi tiết bốn năm tù thì đúng.”

Harry sững sốt nhìn cô gái. “Chẳng phải vụ này xảy ra trước khi cô vào trường sao?”

Cô nhún vai, bấm nút PLAY trên điều khiển từ xa. “Vấn đề chỉ là đọc báo cáo thôi mà.”

“Ừm,” Harry đáp và ngấm kỹ khuôn mặt nhìn nghiêng của cô. Rồi anh ngồi xuống ghế cho thoải mái. “Để xem gã này có để lại vài cái lông trên đốt ngón tay không.”

Cái đầu video rên rỉ và Beate tắt đèn đi. Trong vài phút sau đó, trong khi màn hình xanh lúc khởi động chiếu sáng cho họ thì một cuốn phim khác lại đang chạy trong đầu Harry. Nó chỉ diễn ra vài giây ngắn ngủi, một cảnh tượng tắm trong ánh đèn xanh nhấp nháy ở khu bờ sông, một câu lạc bộ ở Aker Brygge đã từ lâu không còn hoạt động. Anh không biết tên cô, người đàn bà với cặp mắt nâu biết đang cố hét lên điều gì đó với anh trên nền nhạc. Một bản nhạc rock cuồng loạn cuối thập niên bảy mươi. Green on Red, do nhóm Jason and Schorchers hát. Anh đổ rượu Jim Beam vào ly Coca của mình và chẳng thèm biết tên cô gái đó nữa. Nhưng đêm hôm sau thì anh biết. Khi họ nằm trên chiếc giường được trang trí bằng một hình chạm trổ trên mũi tàu, một con ngựa không đầu, đã vứt hết những dây nhợ trói buộc và khởi hành chuyến vượt biển đầu tiên. Harry lại cảm thấy luồng hơi ấm giống tối hôm trước khi nghe thấy giọng cô trên điện thoại.

Rồi cuốn phim thật thế chỗ.

Ông lão bắt đầu chuyển đi vất vả qua sàn nhà về phía quầy cứ cách năm giây lại được quay từ một cái máy quay khác.

“Thorkildsen ở TV2,” Beate nói.

“Không, đó là August Schulz,” Harry nói.

“Ý tôi là người biên tập,” cô đáp. “Có vẻ như Thorkildsen ở TV2 đã mó tay vào. Có vài tích tắc bị mất ở chỗ này chỗ khác...”

“Mất ư? Làm sao cô có thể nhìn ra...?”

“Số lượng vật thể. Theo dõi hậu cảnh. Cái xe Mazda đỏ anh có thể nhìn thấy ngoài phố ở trung tâm màn hình của cả hai máy quay khi hình ảnh dịch chuyển. Một vật không thể ở cả hai nơi vào cùng một thời điểm.”

“Ý cô là có ai đó đã tự ý sửa cuốn băng ghi hình?”

“Không phải thế. Mọi hình ảnh của cả sáu cái máy quay cả trong lẫn ngoài được ghi vào cùng một cuốn băng. Ở cuốn băng lúc đầu, hình ảnh nhảy rất nhanh từ máy quay này sang máy quay khác và anh chỉ nhìn thấy nó thoáng qua thôi. Vì thế cuốn băng phải được biên tập lại để có những chuỗi hình ảnh mạch lạc kéo dài hơn. Thỉnh thoảng chúng tôi gọi người từ đài truyền hình tới nếu chúng tôi không có khả năng làm việc đó. Những biên tập viên của đài như Thorkildsen sẽ xử lý mã thời gian để cải thiện chất lượng của cuốn băng ghi hình, để nó không lộn xộn như trước. Tôi đoán là thói quen chuyên môn.”

“Thói quen chuyên môn,” Harry nhắc lại. Anh lấy làm lạ, vì đó là cách nói của một người ở độ tuổi trung niên chứ không phải của một cô gái trẻ măng như vậy. Hoặc có lẽ cô ta không trẻ như lúc đầu anh đã nghĩ? Có chuyện gì đó đã xảy ra với cô ngay khi đèn vụt tắt. Ngôn ngữ thân thể qua cái bóng hắt ra có vẻ thoải mái hơn, giọng cô trở nên chắc chắn hơn.

Tên cướp bước vào ngân hàng và hét lên bằng tiếng Anh. Giọng hằn nghe xa xôi và không rõ tiếng, như thể bị quẩn trong một cái chăn lông.

“Cô nghĩ sao về chi tiết này?” Harry hỏi.

“Người Na Uy. Hẳn nói tiếng Anh để chúng ta không nhận ra giọng địa phương hay phương ngữ của hẳn hoặc bất kỳ từ ngữ đặc trưng nào mà chúng ta có thể liên hệ tới những vụ cướp trước đó. Hẳn mặc quần áo nhẵn nhụi để

không sợi vải nào rớt lại khiến chúng ta có thể lần ra trong những chiếc xe bỏ trốn, nơi ẩn náu hay tại nhà của hắn.”

“Ừm. Gì nữa?”

“Mọi khe hở trên quần áo của hắn đều được bịt kín lại sao cho không để rơi rớt bất cứ một dấu vết ADN nào. Như là lông tóc hay mồ hôi. Anh có thể thấy ống quần của hắn quăn quanh ủng, còn ống tay áo thì quăn quanh găng tay. Tôi đoán là hắn còn quăn cả đầu và bôi sáp lên lông mày nữa.”

“Vậy là một tên cướp chuyên nghiệp?”

Cô nhún vai. “Tám mươi phần trăm số vụ cướp ngân hàng được lên kế hoạch từ trước đó chưa tới một tuần và được tiến hành bởi những kẻ đang say rượu hay phê thuốc. Vụ này thì đã được tính toán kỹ lưỡng và tên cướp có vẻ như không hề dùng bất kỳ chất kích thích nào.”

“Làm sao cô biết được?”

“Nếu chúng ta có đèn và máy quay tốt hơn thì chúng ta đã có thể phóng to màn hình và nhìn thấy đồng tử mắt hắn. Nhưng chúng ta không có nên tôi phán đoán dựa vào ngôn ngữ cơ thể của hắn. Những động tác bình tĩnh, thận trọng, anh thấy chứ? Nếu hắn đang say hay phê thuốc thì đó không phải là speed hay bất cứ loại amphetamine nào. Có lẽ là Rohypnol. Đó là loại đang thịnh hành.”

“Tại sao lại là loại đó?”

“Cướp ngân hàng là một trải nghiệm rất phấn khích. Anh không cần đến speed, mà phải là loại trái ngược với nó. Năm ngoái có kẻ vào ngân hàng Den Norske ở quảng trường Solli với một khẩu súng tự động, bắn như vãi lên lên trần và tường nhà rồi chạy ra mà không lấy xu nào. Hắn khai với thẩm phán rằng hắn đã nốc nhiều amphetamine đến mức phải tống bớt ra khỏi cơ thể. Tôi thích những tên tội phạm dùng Rohypnol hơn, nếu như có thể nói như vậy.”

Harry hất đầu ra hiệu về phía màn hình. “Nhìn vào vai Stine Grette ở quầy

số 1 xem; cô ta đang bấm chuông báo động. Và âm thanh trên băng ghi hình đột nhiên trở nên tốt hơn. Tại sao?”

“Chuông báo động được kết nối với thiết bị ghi hình, và khi nó được kích hoạt thì phim bắt đầu chạy nhanh hơn nhiều. Nhờ thế chúng ta có được hình ảnh và âm thanh rõ nét hơn. Đủ để chúng ta phân tích giọng nói của tên cướp. Và vì thế mà việc nói tiếng Anh cũng không ích gì cho hắn.”

“Nó có đáng tin như người ta nói không?”

“Âm của các dây thanh quản trong họng chúng ta giống như dấu vân tay vậy. Nếu chúng ta có thể cung cấp cho chuyên gia phân tích giọng nói của trường đại học ở Trondheim mười từ trong cuốn băng, anh ta sẽ có thể khớp hai giọng nói với độ tin cậy lên tới chín mươi lăm phần trăm.”

“Ừm. Nhưng theo tôi hiểu thì chất lượng của âm thanh chúng ta thu được trước khi chuông báo động kêu thì không được?”

“Độ tin cậy thấp hơn thôi.”

“Vì thế hắn hét lên bằng tiếng Anh trước, rồi sau đó khi đoán là chuông báo động đã được kích hoạt thì hắn lại sử dụng Stine Grette làm người nói thay cho mình.”

“Chính xác.”

Họ im lặng quan sát gã đàn ông trùm kín trong bộ đồ màu đen khéo léo nhảy qua quầy giao dịch tới kê súng vào cổ Stine Grette và thì thầm vào tai cô.

“Cô nghĩ gì về phản ứng của cô gái đó?” Harry hỏi.

“Ý anh là sao?”

“Về mặt cô ta. Có vẻ như cô ta khá bình tĩnh, cô có nghĩ thế không?”

“Tôi chẳng nghĩ gì cả. Thông thường, anh không thể thu được gì nhiều từ vẻ mặt ai đó đâu. Tôi thì nghĩ là mạch cô ta phải gần 180.”

Họ quan sát Helge Klementsén lúnh quýnh trên sàn nhà phía trước khay đựng tiền.

“Hy vọng là ông ta được điều trị hậu tâm chấn đúng cách,” Beate khẽ lẩm bẩm và lắc đầu. “Tôi đã từng thấy nhiều người bị suy sụp tâm lý nặng sau khi trải qua những vụ cướp như thế này.”

Harry không nói gì, nhưng nghĩ rằng câu đó hẳn là do cô lấy lại từ các đồng nghiệp lớn tuổi hơn.

Tên cướp quay lại và giơ sáu ngón tay lên.

“Thú vị thật,” Beate lẩm bẩm và, không nhìn xuống, cô viết gì đó lên tập giấy trước mặt. Harry theo dõi cô cảnh sát trẻ từ khóe mắt và thấy cô giật mình khi súng nổ. Trong lúc tên cướp trên màn hình chớp lấy cái túi, nhảy qua quầy giao dịch và chạy ra khỏi cửa thì cái cảm nhỏ nhắn của Beate hếch lên và chiếc bút rơi khỏi tay cô.

“Chúng ta vẫn chưa đưa phần cuối lên mạng, hoặc là cho phát trên bất cứ kênh truyền hình nào,” Harry nói. “Nhìn xem, giờ thì hẳn đang ở trên camera bên ngoài ngân hàng.”

Họ quan sát tên cướp băng qua đường trên lối dành cho người đi bộ ở phố Bogstadveien rồi mới đi lên phố Industrigata. Rồi hẳn biến mất khỏi máy quay.

“Thế còn cảnh sát?” Beate hỏi.

“Đồn cảnh sát gần nhất ở Sørkedalsveien, ngay phía sau trạm thu phí đường bộ, cách ngân hàng chỉ tám trăm mét. Tuy nhiên, phải mất hơn ba phút từ lúc chuông báo động kêu họ mới tới nơi. Vì thế tên cướp có chưa đầy hai phút để tẩu thoát.”

Beate trầm ngâm nhìn màn hình, quan sát người và xe cộ đi qua như thể không hề có chuyện gì xảy ra.

“Kế hoạch tẩu thoát cũng được tính toán kỹ lưỡng như vụ cướp. Chiếc xe bỏ trốn chắc đậu sau một góc phố nào đó để không lọt vào camera bên ngoài ngân hàng. Hẳn gặp may đấy.”

“Có lẽ vậy,” Harry đáp. “Mặt khác, hẳn không hề khiến cô nghĩ rằng hẳn

là một kẻ dựa vào vận may, đúng không?”

Beate nhún vai. “Hầu hết những vụ cướp ngân hàng thành công đều có vẻ như đã được lên kế hoạch tỉ mỉ.”

“OK, nhưng ở đây hẳn biết khả năng cao là cảnh sát sẽ đến muộn. Tầm giờ đó vào ngày thứ Sáu tất cả các xe tuần tra đều đang bận bịu ở đâu đó, ở...”

“... nhà đại sứ Mỹ!” Beate kêu lên và vỗ trán. “Cuộc gọi nặc danh báo có bom xe. Hôm đó tôi nghỉ nhưng có xem thời sự trên ti vi. Và nếu tính đến chuyện bây giờ người ta quá khích đến mức nào thì rõ ràng là cảnh sát hẳn sẽ đều phải chạy tới đó hết.”

“Chẳng có quả bom nào cả.”

“Đương nhiên rồi. Đó là thủ đoạn kinh điển hòng làm cho cảnh sát bận rộn ở chỗ khác trước khi vụ cướp xảy ra.”

Họ lặng lẽ ngồi xem kỹ nốt đoạn cuối cuốn băng. August Schulz đứng đợi ở chỗ sang đường cho người đi bộ. Đèn xanh chuyển sang đèn đỏ rồi lại xanh mà ông ta vẫn đứng yên. Ông ta đang đợi gì? Harry tự hỏi. Một điều trái quy tắc? Một chầu đèn xanh thật lâu? Hay một làn sóng xanh* dài cả trăm năm? Chắc chắn rồi. Lẽ ra phải tới sớm chứ. Từ xa, anh nghe thấy tiếng còi hụ của xe cảnh sát.

“Có gì đó không ổn lắm.”

Beate Lønn trả lời cùng tiếng thở dài mệt mỏi như là cụ non: “Lúc nào chẳng có điều gì đó không ổn lắm.”

Rồi cuộn phim kết thúc và màn hình chỉ còn toàn những đốm nhiễu.

PHẦN II

TIẾNG VỌNG

“Tuyệt ư!” Harry hét vào điện thoại di động trong lúc bước hồi hả trên vỉa hè.

“Vâng, thật đấy,” Rakel gọi qua một đường dây rất tệ ở Moscow. Tiếng ‘...ấy’ lặp lại rè rè trong ống nghe. “A lô?”

“Ở đây lạnh lắm... ảm. Cả trong nhà lẫn ngoài trời... ời.”

“Thế còn trong tòa án?”

“Ở đó nhiệt độ cũng thấp dưới không độ. Hỏi mẹ con em còn sống ở đây, mẹ anh ta thậm chí còn bảo em phải đưa Oleg đi. Giờ thì bà ta đang ngồi với những người khác và cau có nhìn em, ghét ra mặt... ặt.”

“Vụ xử thế nào?”

“Làm sao em biết được?”

“Ừm. Thứ nhất là vì em học luật ra. Thứ hai, em biết tiếng Nga.”

“Harry à, giống như 150 triệu người Nga, em chẳng biết chút gì về hệ thống luật pháp ở đây cả, OK... K?”

“OK. Oleg tiếp nhận chuyện này thế nào?”

Harry nhắc lại câu hỏi nhưng vẫn không nhận được câu trả lời và giờ điện thoại ra để nhìn màn hình xem liệu anh có bị mất liên lạc không, nhưng đồng hồ bấm giờ đàm thoại vẫn tiếp tục chạy. Anh lại áp điện thoại vào tai.

“A lô?”

“A lô, Harry à, em không nghe thấy anh nó... óóóí. Em nhớ anh nhiều lắm... म्म. Tiếng gì mà cứ ha ha... aa thế?”

“Trên điện thoại có tiếng vọng. Cứ thấy ốố với aaa nhiều lắm.”

Harry bước tới cửa chính, rút một chiếc chìa khóa ra và mở cánh cửa vào sảnh.

“Anh có nghĩ là em cố chấp quá không, Harry?”

“Đương nhiên là không rồi.”

Harry gật đầu chào Ali, lúc này đang cố gắng lách cái xe trượt tuyết gắn ghế tựa qua cửa tầng hầm. “Anh yêu em. Em còn đó không? Anh yêu em! A lô?”

Harry hoang mang ngược lên khỏi chiếc điện thoại đã mất tín hiệu thì bắt gặp người hàng xóm gốc Pakistan mỉm cười tươi rói.

“Vâng, vâng, cả anh nữa, Ali,” anh vừa lúng búng vừa vất vả nhấn lại số điện thoại của Rakel.

“Nhật ký cuộc gọi,” Ali nói.

“Sao cơ?”

“Không có gì. Nếu anh muốn cho thuê kho trong tầng hầm thì báo cho tôi biết nhé. Anh không dùng tới nó nhiều lắm, đúng không?”

“Tôi có cái kho trong tầng hầm à?”

Ali đảo mắt. “Anh sống ở đây bao lâu rồi hả, Harry?”

“Anh bảo là... anh yêu em.”

Ali nhìn Harry dò xét. Harry vẫy tay tạm biệt Ali và ra hiệu rằng anh đã gọi lại được. Anh chạy lên cầu thang, chìa khóa chìa phía trước như một cái que dò mạch.

“Xong rồi, giờ chúng ta có thể nói chuyện được rồi,” Harry vừa nói vừa đi qua cửa bước vào căn hộ hai phòng bài trí sơ sài nhưng ngăn nắp của anh, được mua với giá bèo hồi thập niên chín mươi khi thị trường nhà đất chạm đáy. Thình thoảng, anh vẫn nghĩ là căn hộ này đã dùng hết phần may mắn cho phần đời còn lại của anh mất rồi.

“Em ước gì anh ở đây với mẹ con em, Harry à. Oleg cũng nhớ anh lắm.”

“Nó bảo thế à?”

“Nó không cần phải nói. Về điểm đó thì anh với nó giống hệt nhau.”

“Này, anh vừa nói là anh yêu em đấy nhé. Tận ba lần cơ. Anh hàng xóm nghe thấy. Em có biết một chuyện kiểu như thế ảnh hưởng tới một người đàn ông như thế nào không?”

Rakel bật cười. Harry yêu tiếng cười của cô, đã yêu ngay từ lần đầu nghe thấy. Theo bản năng, anh biết anh sẽ làm bất cứ chuyện gì để được nghe tiếng cười của cô thường xuyên hơn. Ngày nào cũng được nghe thì càng tốt.

Anh hất giày ra rồi mỉm cười khi thấy máy trả lời điện thoại tự động ở hành lang nhấp nháy báo hiệu có tin nhắn. Chẳng cần phải là ông đồng bà cốt anh cũng đoán được đó là tin nhắn trước đó của Rakel. Chẳng có ai khác gọi về nhà cho Harry Hole cả.

“VẬY thì làm sao anh biết được là anh yêu em,” Rakel thủ thỉ. Không còn thấy tiếng vọng nữa.

“Anh cảm thấy nóng bừng lên ở trong... gọi là gì nhỉ?”

“Tim á?”

“Không, phía sau một chút và bên dưới tim cơ. Thận? Gan? Hay là lá lách?”

“Đúng rồi, là lá lách. Anh cảm thấy lá lách của anh nóng lên.”

Harry không rõ tiếng anh nghe thấy ở đầu dây bên kia là tiếng nước nở hay tiếng cười. Anh nhấn nút PLAY trên chiếc máy trả lời tự động.

“Em hy vọng là hai tuần nữa sẽ được về nhà,” Rakel nói trên điện thoại di động trước khi bị tiếng máy trả lời tự động át đi: “Chào anh, lại là em đây...”

Harry cảm thấy tim mình ngừng một nhịp và anh phản ứng ngay không kịp nghĩ. Anh nhấn nút STOP. Nhưng tiếng vọng của những từ ngữ được thốt ra bằng cái giọng nữ hơi khàn, quyến rũ đó dường như vẫn tiếp tục rập rờn qua lại giữa các bức tường.

“Cái gì thế?” Rakel hỏi.

Harry hít một hơi thật sâu. Một ý nghĩ cố gắng len lỏi vào đầu anh trước khi anh trả lời, nhưng nó đã tới quá trễ. “Tiếng radio ấy mà.” Anh hăng giọng. “Khi nào chắc chắn rồi thì báo cho anh biết em bay chuyến nào để anh ra đón nhé.”

“Đương nhiên rồi,” cô đáp, giọng vẻ ngạc nhiên. Cả hai cùng im lặng trong căng thẳng.

“Em tắt máy đây,” Rakel lên tiếng. “Tám giờ tối nay mình nói chuyện tiếp chứ?”

“Ừ, à, ý anh là không. Lúc đó anh bận mất rồi.”

“Vậy sao? Em hy vọng lần này thì sẽ là một chuyện thú vị.”

“Ừm,” Harry nói rồi đột ngột hít một hơi. “Anh sẽ ra ngoài với một phụ nữ.”

“Ai là người may mắn thế?”

“Beate Lønn. Nhân viên mới của Đơn vị Chống Cướp.”

“Nhân dịp gì?”

“Tối nói chuyện với chồng của Stine Grette. Cô ta bị bắn trong vụ cướp nhà băng trên phố Bogstadveien mà anh đã kể với em rồi đấy. Và với cả trường chi nhánh nữa.”

“Chúc anh vui vẻ. Mai nói chuyện nhé. Oleg muốn được chúc anh ngủ ngon trước này.” Harry nghe thấy tiếng đôi chân nhỏ bé chạy tới rồi sau đó là tiếng thở đầy phấn khích trên điện thoại...

Sau cuộc trò chuyện, Harry đứng giữa sảnh nhìn chăm chăm vào chiếc gương phía trên bàn điện thoại. Nếu giả thuyết của anh đúng, thì lúc này anh đang nhìn vào một cảnh sát giỏi. Cặp mắt vẫn tia máu, mỗi con mắt ở một bên của chiếc mũi lớn chằng chịt các tĩnh mạch rất mảnh màu xanh trên khuôn mặt hốc hác, nhợt nhạt, lỗ chân lông sâu. Những nếp nhăn trông như vết dao rạch tùy tiện lên một thanh rầm gỗ. Làm thế nào mà mặt anh thành ra thế này? Trong gương, anh thấy sau lưng mình là bức tường treo tấm ảnh

chụp cậu bé rám nắng đang mỉm cười bên em gái. Nhưng Harry không bận tâm chuyện mất đi vẻ ứa nhìn hay tuổi trẻ, vì ý nghĩ đó cuối cùng cũng đã lọt vào trong anh. Anh đang tìm kiếm những nét lừa dối, trốn tránh, hèn nhát vừa khiến anh thất hứa với chính mình: rằng anh sẽ không bao giờ, không bao giờ, dù chuyện gì có xảy ra, nói dối Rakel. Trong số tất cả những bãi đá ngầm có thể đánh đắm mối quan hệ của họ, vốn đã khá nhiều, sẽ không có lừa dối. Vậy thì tại sao anh lại nói dối? Đúng là anh và Beate sẽ đi gặp chồng của Stine Grette, nhưng tại sao anh lại không nói với Rakel là anh sẽ đi gặp Anna sau đó? Tình cũ, nhưng thế thì có sao? Đó là một mối tình mãnh liệt nhưng ngắn ngủi đã để lại những vết sẹo, dù không có vết thương do dài lâu. Họ sẽ chỉ đi uống nước và trò chuyện, kể cho nhau nghe những việc mà họ đã làm sau cuộc tình ấy. Rồi ai lại đi đường này.

Harry nhấn nút PLAY trên máy trả lời tự động để nghe nốt tin nhắn. Giọng Anna vang lên trong sảnh: "... đợi anh ở quán M tối nay. Chỉ nhờ anh hai việc thôi. Trên đường đi anh có thể ghé qua chỗ thợ khóa ở đường Vibes lấy hộ em mấy cái khóa em đã đặt không? Họ mở cửa đến tận bảy giờ tối và em đã dặn họ ghi tên người nhận là anh. Và anh không phiền nếu mặc cái quần jean mà anh biết là em rất thích chứ?"

Tiếng cười trầm, khàn. Căn phòng dường như rung lên theo nhịp điệu đó. Cô vẫn chẳng hề thay đổi gì cả, chắc chắn vậy.

KẺ BÁO THÙ

Mưa ào ào trút xuống thành dòng trên nền trời tháng Mười tối sớm trong ánh sáng của ngọn đèn đường. Từ tấm biển bằng sứ phía dưới, Harry đọc thấy rằng Espen, Stine và Trond Grette sống ở đây, 'đây' tức một ngôi nhà liền kề

tường sơn vàng ở khu Disengrenda. Anh nhấn chuông và nhìn bao quát cả khu. Disengrenda gồm có bốn dãy nhà liền kề dài ở giữa một cánh đồng rộng và bằng phẳng, vây quanh nó là những tòa chung cư, khiến Harry nhớ tới cảnh những người đi tiên phong trên thảo nguyên Bắc Mỹ chiếm cứ lấy vị trí phòng thủ trước những cuộc tấn công của người Anh Địch. Có lẽ chuyện là như vậy. Những ngôi nhà liền kề được xây dựng vào thập niên sáu mươi cho những người thuộc tầng lớp trung lưu mới nhất, và có lẽ đám dân lao động địa phương đang thu hẹp vào những tòa chung cư ở Disenveien và Traverveien đã biết rằng đó là những kẻ xâm lược mới; rằng họ sẽ kiểm soát đất nước mới ra đời này.

“Có vẻ như không có nhà,” Harry nói, nhấn chuông thêm lần nữa. “Cô có chắc là anh ta biết chúng ta sẽ tới nhà chiều nay không?”

“Không.”

“Không ư?” Harry quay lại và nhìn xuống Beate Lønn đang rét run bên dưới chiếc ô. Cô mặc váy ngắn, đi giày cao gót, và khi cô tới đón anh ở ngoài quán Schrøder, anh chợt nghĩ cô ăn mặc cứ như để đi uống cà phê buổi sáng vậy.

“Lúc tôi gọi đến thì Grette đã xác nhận về cuộc gặp này tới hai lần,” cô nói. “Nhưng anh ta có vẻ hoàn toàn... quẩn trí.”

Harry ngả người qua bậc cầu thang và ghé sát mặt vào cửa sổ bếp. Bên trong tối om và anh chỉ nhìn thấy cuốn lịch *Ngân hàng Nordea* màu trắng treo trên tường.

“Quay về thôi,” anh nói.

Đúng lúc đó, cửa sổ bếp của nhà hàng xém bật mở đánh rầm. “Anh chỉ đang tìm Trond phải không?”

Bà ta nói tiếng bokmal tiếng Na Uy chuẩn, nhưng lại bằng giọng vùng Bergen, với âm ‘r’ rung đến mức nghe như thể một đoàn tàu cỡ trung bị trật đường ray. Harry quay sang và nhìn chăm chăm khuôn mặt da nâu nhăn nheo

của người phụ nữ bị chộp đúng lúc đang cố gắng mỉm cười mà vẫn toát ra vẻ nghiêm nghị.

“Vâng,” Harry xác nhận.

“Người nhà à?”

“Cảnh sát.”

“Phải rồi,” người đàn bà đó nói và lập tức bỏ ngay vẻ mặt đờ đẫn. “Tôi lại nghĩ là anh chị tới để chia buồn. Anh ta đang ở ngoài sân tennis ấy, tội nghiệp.”

“Sân tennis ư?”

Bà ta chỉ. “Ở phía bên kia cánh đồng. Anh ta ở đó suốt từ lúc bốn giờ cơ.”

“Nhưng tối rồi mà,” Beate nói. “Mà trời lại còn đang mưa nữa.”

Người đàn bà nhún vai. “Chắc là đau khổ quá.” Bà ta lại uốn lưỡi ở âm rung riết đến mức Harry bắt đầu nhớ tới hồi anh lớn lên ở Oppsal và những mảnh giấy bồi người ta thường nhét vào trong các bánh xe đạp để chúng đập phần phật vào nan hoa.

“Nghe giọng cô thì chắc là cô cũng lớn lên ở phía Đông Oslo,” Harry nói trong lúc và Beate đi về phía người đàn bà đó chỉ. “Hay là tôi nhầm?”

“Không,” Beate đáp, không muốn giải thích dài dòng.

Sân tennis nằm giữa quảng đường từ khu chung cư tới khu nhà liền kề. Họ có thể nghe thấy tiếng thành thịch khi lưới của vợt tennis đập vào quả bóng tennis bị ướt. Bên trong hàng rào lưới bằng kim loại, họ nhìn thấy một bóng người đang đứng phát bóng trong cái bóng tối ảm đạm của mùa thu đang dần lại.

“Xin chào!” Harry hét lên khi họ tới chỗ hàng rào, nhưng người đàn ông chẳng hề đáp lại. Tới tận lúc này họ mới nhìn thấy anh ta mặc nguyên áo vest, sơ mi và đeo cà vạt.

“Anh là Trond Grette phải không?”

Một quả bóng đập xuống vũng nước đen, bật lên rồi va vào hàng rào và

làm bắn tóe nước mưa vào người họ, nhưng Beate đã giương ô ra chắn được.

Beate kéo cổng ra. “Anh ta đã khóa cổng tự nhốt mình ở bên trong rồi,” cô thì thào.

“Cảnh sát đây! Thanh tra Hole và Lønn đây!” Harry hét lên. “Chúng tôi đã hẹn gặp anh. Chúng ta có thể... Trời ạ!” Harry không nhìn thấy quả bóng cho tới lúc nó lao thẳng vào hàng rào kim loại, cách mặt anh chỉ vài xăng ti mét. Anh bèn chùi nước bắn vào mắt và nhìn xuống: thứ nước bắn màu nâu đỏ đã vấy khắp người anh. Harry tự động quay phắt đi khi nhìn thấy người đàn ông tung quả bóng tiếp theo.

“Trond Grette?” Tiếng hét của Harry vang khắp tòa chung cư. Họ nhìn quả bóng tennis bỗng lên theo hình vòng cung về phía những ngọn đèn trong tòa chung cư rồi mất hút trong bóng tối và rơi xuống đâu đó ngoài cánh đồng. Harry lại quay mặt về phía sân tennis thì đột ngột nghe thấy tiếng rú man dại và thấy từ trong bóng tối có một cái bóng lao về phía anh. Cái hàng rào kim loại rít lên khi nó đập vào người chơi tennis đang lao tới tấn công. Anh ta ngã chổng vó trên nền sân đất nện, bật dậy và lại lao tới hàng rào. Lại ngã, lại đứng dậy và lao tới.

“Chúa ơi, anh ta mất trí rồi,” Harry lẩm bẩm. Anh bất giác lùi lại khi một khuôn mặt trắng bệch, mắt trợn trừng đột ngột hiện ra ngay trước mặt anh. Beate bật đèn pin lên và chiếu vào mặt Grette lúc này đang bám vào hàng rào. Với mái tóc đen, ước nhẹp dính sát vào vầng trán trắng nhợt, dường như anh ta đang tìm kiếm thứ gì đó để tập trung nhìn vào trong lúc từ từ trượt xuống như tuyết tan trên kính chắn gió, cho tới khi nằm bất động trên sân.

“Giờ chúng ta làm gì?” Beate thốt ra.

Harry cảm thấy lạo xạo trong răng, bèn nhổ ra tay. Dưới ánh sáng đèn pin, anh nhìn thấy những hạt đất màu đỏ.

“Cô gọi cấp cứu đi, còn tôi đi lấy dụng cụ cắt kim loại trong xe,” anh nói.

“Rồi anh ta được cho thuốc an thần hả?” Anna hỏi.

Harry gật đầu và nhấp một ngụm Coca.

Những khách hàng trẻ măng khu West End đang ngồi trên những chiếc ghế đẩu xung quanh họ, uống rượu vang, những đồ uống sảng sảng và Coca không đường. Quán M giống hầu hết các quán cà phê ở Oslo - thành thị theo một cách quê kệch và ngô nghê nhưng cũng khá dễ chịu, làm Harry nhớ tới Kebab, thằng bé thông minh, lễ độ học cùng lớp với anh mà bọn anh từng phát hiện ra là có một cuốn sổ chép tất cả những cách nói lóng mà bọn học sinh ‘sành điệu’ hay dùng.

“Họ đã đưa anh chàng tội nghiệp đó tới bệnh viện. Rồi bọn anh nói chuyện với bà hàng xóm lần nữa và bà ấy bảo bọn anh rằng từ hồi vợ anh ta bị giết, tối nào anh ta cũng ra đó đánh tennis.”

“Trời. Tại sao?”

Harry nhún vai. “Khi người ta mất người thân trong một hoàn cảnh như vậy thì hóa điên cũng là bình thường thôi. Một số người thì nén đau thương và hành động như thể người đã mất vẫn còn sống. Bà hàng xóm kể rằng Stine và Trond Grette là một cặp vợ chồng đánh đôi tennis vô cùng ăn ý, rằng chiều hè nào họ cũng ra sân tập.”

“Vậy là anh ta kiểu như đang mong đợi vợ mình sẽ đỡ cú giao bóng?”

“Có lẽ vậy.”

“Trời! Anh lấy cho em lon bia trong lúc em đi vệ sinh được không?”

Anna tụt xuống khỏi cái ghế đẩu và uốn éo bước qua phòng. Harry cố không nhìn theo cô. Mà cũng chẳng cần phải nhìn, vì anh đã nhìn no mắt rồi. Cô đã có vài nếp nhăn quanh mắt, vài sợi ngả xám trên mái tóc đen như mun; còn lại thì cô vẫn y như trước. Vẫn cặp mắt đen với cái vẻ hơi sợ hãi bên dưới cặp lông mày giao nhau, vẫn cái mũi cao, thon bên trên cặp môi đầy đặn

một cách khiếm nhã và hai cái má hóp vào thường dễ khiến cho cô trông có vẻ thèm khát. Có thể cô không đủ tiêu chuẩn để được gọi là ‘đẹp’ - vì các nét của cô quá dữ dội và cứng rắn - nhưng thân hình mảnh mai của cô lại có những đường cong đủ khiến Harry nhận thấy ít nhất hai người đàn ông ngồi ở dãy bàn trong khu nhà ăn ngơ ngẩn khi cô đi ngang qua.

Harry châm một điếu thuốc lá nữa. Sau Grette, họ tới gặp Helge Klementsén, người trưởng chi nhánh. Nhưng chuyến viếng thăm đó cũng chẳng cung cấp cho họ thêm manh mối gì để điều tra. Ông ta vẫn còn trong cơn sốc, cứ ngồi trên chiếc ghế tựa trong ngôi nhà hai hộ ở Kjelsåsveien hết nhìn con chó xù đang chạy qua chạy lại giữa hai chân mình đến nhìn bà vợ đang chạy qua chạy lại giữa nhà bếp và phòng khách với cà phê và món bánh sừng bò nhồi kem khô nhất Harry từng được nếm. Trang phục của Beate hợp với khung cảnh trường giả ở nhà Klementsén hơn là cái quần bò Levi’s bạc phết và đôi giày Doc Martens của Harry. Tuy thế, Harry lại là người đảm trách cuộc trò chuyện với bà Klementsén đang run rẩy bồn chồn về chuyện mùa thu năm nay nhiều mưa đến bất thường và nghệ thuật làm món bánh sừng bò nhồi kem, thỉnh thoảng lại bị gián đoạn bởi những tiếng giậm chân thành thịch và tiếng nước nở ầm ỉ từ trên tầng vắng xuống. Bà Klementsén giải thích rằng cô con gái tội nghiệp Ina đang mang thai bảy tháng của bà vừa bị bồ đá. Chắc, thực ra hẳn là thủy thủ và đã lên đường tới Địa Trung Hải thì đúng hơn. Harry suýt làm vãi kem ra bàn. Đến lúc đó, Beate bèn thế chỗ anh để hỏi Helge, lúc này đã thôi không rượt đuổi con chó bằng mắt nữa vì nó đã nhẹ nhàng lên ra khỏi cửa phòng khách. “Ông đoán tên cướp cao khoảng bao nhiêu?”

Helge nhìn cô chăm chú, rồi nhắc tách cà phê đưa lên miệng, nhưng lại bắt nó phải đợi vì ông ta không thể cùng lúc vừa uống vừa nói. “Cao ư? Chắc phải hai mét. Cô ấy luôn rất chính xác, Stine ấy.”

“Hẳn không thể cao đến thế được, ông Klementsén.”

“Ờ, vậy thì chắc là mét chín. Và lúc nào cũng ăn mặc sành điệu.”

“Hắn mặc quần áo như thế nào?”

“Loại gì đó màu đen, trông như cao su. Mùa hè này là lần đầu tiên cô ấy có một kỳ nghỉ đúng nghĩa. Ở Hy Lạp.”

Bà Klementsens sụt sịt.

“Giống như cao su ư?” Beate hỏi lại.

“Vâng. Và một cái mũ len trùm kín đầu và cổ.”

“Màu gì, ông Klementsens?”

“Đỏ.”

Đến đoạn đó thì Beate ngừng nghỉ và họ mau chóng ra xe để lên đường trở lại thành phố.

“Nếu các thẩm phán và hội đồng xét xử biết rằng lời khai của nhân chứng trong các vụ cướp ngân hàng thiếu chính xác đến thế nào thì họ sẽ không cho phép chúng ta sử dụng chúng làm bằng chứng nữa đâu,” Beate nói. “Những gì mà bộ não của họ tái tạo sai lạc khủng khiếp. Như thế nỗi sợ hãi đã đeo lên mắt họ một đôi kính khiến cho mọi tên cướp đều trở nên cao lớn và độc ác hơn, một khẩu súng biến thành nhiều khẩu và thời gian trở nên dài hơn bình thường. Vụ cướp chỉ diễn ra trong hơn một phút, thế mà bà Brænne, nhân viên thu ngân gần cửa ra vào nhất bảo rằng hắn ở đó gần năm phút. Và hắn không cao tới hai mét, mà chỉ có 1 mét 79 thôi. Trừ phi hắn đi giày có đế trong, mà những tên cướp chuyên nghiệp cũng thường làm thế.”

“Làm sao cô có thể xác định chính xác về chiều cao của hắn đến thế?”

“Qua cuốn băng thôi. Anh ước tính chiều cao của hắn dựa vào khung cửa mà hắn bước vào. Sáng nay tôi đã đến ngân hàng để lấy dữ liệu, chụp vài tấm ảnh và tính toán.”

“Ừm. Ở Đội Hình sự, chúng tôi để việc tính toán đó cho Đơn vị Điều tra hiện trường đảm trách.”

“Đo chiều cao từ một cuốn băng ghi hình phức tạp hơn một chút so với

hình dung. Ví dụ như trong vụ cướp chi nhánh ngân hàng Den norske ở đường Kaldbakken năm 1989, những tính toán của Đơn vị Điều tra Hiện trường bị chênh mất ba xăng ti mét. Vì thế tôi thích tự mình đo lấy hơn.”

Harry liếc cô và băn khoăn không biết anh có nên hỏi tại sao cô lại theo ngành cảnh sát không. Nhưng thay vì hỏi, anh lại đề nghị cô cho anh xuống chỗ cửa hàng khóa trên đường Vibes. Trước khi xuống xe, anh hỏi liệu cô có nhận thấy Helge không hề làm sánh một giọt cà phê nào ra khỏi cái tách đầy ắp mà ông ta cầm trong suốt cuộc thẩm vấn giữa cô và ông ta không. Nhưng cô không nhận thấy.

“Anh có thích chỗ này không?” Anna hỏi khi leo trở lại cái ghế đầu.

“Ừm.” Harry đưa mắt nhìn quanh. “Không phải gu của anh.”

“Cũng không phải gu của em,” Anna nói rồi vớ lấy cái túi và đứng dậy. “Về nhà em đi.”

“Anh vừa mua cho em một cốc bia rồi.” Harry hất đầu về phía cái cốc sủi bọt.

“Uống một mình thì chán lắm,” cô nhả mặt nói. “Thư giãn đi nào, Harry. Đi thôi.”

Ngoài trời đã ngớt mưa và bầu không khí lạnh căm, mới được gột rửa có cảm giác thật sảng khoái.

“Anh có nhớ cái lần, cũng vào mùa thu, mình lái xe tới Maridalen không?” Anna hỏi, luồn tay khoác cánh tay anh và bắt đầu bước đi.

“Không,” Harry đáp.

“Đương nhiên là anh vẫn nhớ! Trong cái xe Ford Escort khủng khiếp có cái ghế không gập xuống được của anh ấy.”

Harry mỉm cười giễu cợt.

“Anh đang đỏ mặt kìa,” cô kêu lên sung sướng. “Em chắc chắn anh vẫn

còn nhớ là chúng ta đã đổ lại và đi vào rừng. Với những chiếc lá vàng, cứ như là...” Cô siết cánh tay anh. “Như là cái giường ấy, một cái giường khổng lồ bằng vàng.” Cô bật cười và huých anh một cái. “Sau đó em còn phải giúp anh đẩy cái xe cà tàng đó để nó khởi động được. Em hy vọng là bây giờ anh đã tổng khứ nó rồi chứ?”

“Ừm,” Harry nói, “Nó vẫn nằm trong ga ra. Còn phải xem đã.”

“Ôi trời ơi. Nghe anh nói cứ như thể nó là một người bạn thân phải vào viện vì ung bướu gì đó ấy.” Và cô dịu dàng nói thêm, “Lẽ ra anh không nên buông tay nhanh đến thế, Harry ạ.”

Anh không trả lời.

“Đây rồi,” cô nói. “Mà anh cũng không thể quên chuyện đó được, phải không?” Họ dừng lại phía ngoài cánh cửa màu xanh ở phố Sorgenfrigata.

Harry nhẹ nhàng gỡ tay cô ra. “Nghe này, Anna,” anh mào đầu và cố gắng phớt lờ cái lườm đầy đe dọa của cô. “Sáng sớm mai anh phải họp với Hội Hình sự.”

“Em có nói gì đâu,” cô nói, mở cửa ra.

Harry sức nhớ ra chuyện gì đó. Anh thò tay vào túi và đưa cho cô cái phong bì màu vàng. “Ở chỗ cửa hàng khóa.”

“À, cái chìa khóa. Mọi chuyện ổn chứ?”

“Người đứng sau quầy soi thẻ căn cước của anh kỹ lắm. Và anh còn phải ký nhận nữa. Một người kỳ quặc.” Harry liếc nhìn đồng hồ đeo tay và ngáp.

“Họ rất nghiêm cẩn trong việc trao chìa khóa hệ thống!” Anna nói vội. “Nó mở được mọi cánh cửa trong tòa nhà, cửa chính cửa hầm, cửa căn hộ.” Cô bật cười vẻ lo lắng, chiếu lệ. “Phải có đơn của ban quản lý chung cư họ mới làm thêm cái chìa này đây.”

“Anh hiểu,” Harry nói, nhấp nhỉnh gót chân. Anh hít một hơi để chào tạm biệt cô.

Nhưng cô đã cướp lời. Giọng cô gần như van xin. “Chỉ một tách cà phê

thôi, Harry.”

Vẫn cái đèn chùm treo trên trần phía trên cái bàn và những chiếc ghế tựa y nguyên như cũ trong căn phòng khách rộng rãi. Harry nghĩ là tường nhà từng sơn màu trắng tinh hay có lẽ là màu vàng - nhưng anh không chắc lắm. Giờ đây tường được sơn màu xanh lơ khiến căn phòng trông có vẻ nhỏ hơn. Có lẽ Anna muốn thu hẹp bởi không gian. Sống một mình trong một căn hộ ba phòng khách, hai phòng ngủ lớn và cái trần cao tới ba mét rưỡi thì khó mà tránh khỏi cảm thấy trống trải. Harry nhớ rằng Anna đã kể với anh rằng bà của cô cũng từng sống một mình trong căn hộ này, nhưng bà không thường xuyên ở đây, vì bà là một ca sĩ giọng nữ cao nổi tiếng và vi vu khắp thế giới chừng nào bà còn hát được.

Anna vào bếp còn Harry nhìn quanh phòng khách. Căn phòng trống trải, gần như chẳng có đồ đạc gì ngoại trừ một con ngựa gỗ có kích cỡ bằng với giống ngựa lùn Ai Xơ Len đặt giữa phòng trên bốn cái chân gỗ loe với hai cái vòng nhô lên trên lưng. Harry đi tới vuốt ve lớp da màu nâu mềm mại.

“Em tập thể dục dụng cụ đấy à?” Harry hỏi to.

“Ý anh là con ngựa gỗ ấy hả?” Anna hỏi vọng từ trong bếp ra.

“Nó là dành cho đàn ông phải không?”

“Vâng. Anh có chắc là không muốn uống bia không, Harry?”

“Chắc,” anh đáp lớn. “Hỏi thật nhé, tại sao em lại có thứ này ở đây?”

Harry giật thót khi nghe thấy giọng cô cất lên ngay sau lưng anh. “Vì em thích làm những việc mà đàn ông làm.”

Harry quay lại. Cô đã cởi áo len ra và đứng ở ngưỡng cửa. Một tay đặt lên hông, tay kia đặt lên khung cửa. Tới tận phút cuối Harry mới cưỡng lại được sự cám dỗ kéo ánh mắt anh lướt từ trên xuống dưới thân hình cô.

“Em mua ở Câu lạc bộ Gym Oslo đấy. Nó sẽ là một công trình nghệ thuật.

Nghệ thuật sắp đặt. Rất giống với tác phẩm ‘Tiếp xúc’, mà em chắc là anh chưa quên.”

“Ý em là cái hộp để trên cái bàn phủ một tấm vải mà em có thể nhét bàn tay mình vào được ấy hả? Và trong đó là cả đồng bàn tay giả mà em có thể bắt?”

“Hoặc là vuốt ve. Hoặc tán tỉnh. Hoặc từ chối. Chúng có công cụ đốt nóng trong đó để duy trì nhiệt độ cơ thể và là một trò hết sảy, phải không. Người ta cứ tưởng có ai đó đang nấp dưới gầm bàn. Tới đây em cho anh xem cái này.”

Anh đi theo cô tới căn phòng ở cuối căn hộ, đến đây cô kéo hai cánh cửa trượt ra. rồi cô nắm tay anh kéo vào trong bóng tối với cô. Khi đèn bật sáng, thoát tiên Harry đứng im nhìn chăm chăm vào cái đèn bàn. Đó là một cái đèn bàn mạ vàng thông thường được làm thành hình một người đàn bà tay cầm cân, tay cầm kiếm. Ba bóng đèn được đặt trên mép ngoài của thanh kiếm, trên cái cân và đầu của người đàn bà, rồi khi Harry quay lại, anh nhìn thấy từng bóng đèn chiếu vào một bức tranh sơn dầu. Hai bức treo trên tường, còn bức thứ ba, rõ ràng là vẫn chưa hoàn tất, nằm trên giá với một bảng màu lem nhem màu nâu vàng, buộc chặt vào góc trái.

“Loại tranh gì vậy?” Harry hỏi.

“Chân dung. Anh không thấy sao?”

“À, ừ. Kia là mắt à?” Anh chỉ. “Còn kia là miệng?”

Anna nghiêng đầu. “Tùy anh hiểu. Có ba người đàn ông.”

“Có ai anh biết không?”

Anna trầm ngâm nhìn Harry hồi lâu rồi mới trả lời. “Không. Em không nghĩ là anh biết người nào, Harry, nhưng anh có thể tìm hiểu họ nếu anh thật lòng muốn.”

Harry ngắm mấy bức tranh kỹ hơn. “Hãy nói cho em xem anh thấy gì.”

“Anh thấy anh chàng hàng xóm có cái xe trượt tuyết có ghế tựa. Anh thấy một người đàn ông đi ra từ phòng sau ở chỗ cửa hàng khóa khi anh rời khỏi

đó. Anh còn thấy anh chàng bồi bàn ở quán M. Và cả cái gã dẫn chương trình truyền hình nổi tiếng Per Stale Lønning.”

Cô bật cười. “Anh có biết rằng vông mạc đảo ngược mọi thứ để não anh nhận được hình ảnh phản chiếu qua gương trước không? Nếu anh muốn thấy sự vật đúng như vốn có, anh sẽ phải thấy chúng trong một tấm gương. Rồi anh sẽ thấy những con người khá là khác trong những bức tranh này.” Mắt cô rạng ngời khiến Harry không đành lòng nói rằng vông mạc không đảo ngược mà là lộn ngược hình ảnh. “Đây sẽ là kiệt tác cuối cùng của em, Harry ạ. Đây sẽ là thứ khiến cho em được người đời nhớ tới.”

“Những bức tranh chân dung này ư?”

“Không, đó chỉ là một phần của toàn bộ công trình nghệ thuật. Nó vẫn chưa hoàn tất. Cứ chờ đã.”

“Ừm, nó có tên không?”

“Nemesis,” cô nói khẽ.

Anh nhìn cô dò hỏi và họ nhìn sâu vào mắt nhau. “Lấy tên của nữ thần báo thù.”

Bóng tối phủ lên một nửa khuôn mặt cô. Harry ngoảnh đi. Anh nhìn vậy là đã đủ rồi. Lưng cô uốn cong đi lên như đang khấn nài một bạn nhảy, chân nọ bắt ra trước chân kia như thể không chắc nên tiến hay nên lùi, ngực phập phồng và cái cần cổ mảnh mai với những mạch máu mà anh tưởng mình có thể nhìn thấy được đang đập giần giật. Anh cảm thấy nóng rực và hơi lả đi. Lúc này cô nói gì nhỉ? ‘Lẽ ra anh không nên buông tay nhanh như thế.’ Anh đã làm vậy ư?

“Harry...”

“Anh phải về thôi,” anh đáp.

Anh kéo cái váy qua đầu cô, cô bật cười và ngã xuống tấm ga trải giường trắng tinh. Cô cởi thắt lưng của anh trong lúc ánh sáng màu ngọc lam, hắt ra qua rừng cây cọ đang đu đưa trên nền bảo vệ màn hình chiếc laptop cứ nhấp nháy trên đám yêu tinh và quỷ quái đang há miệng gầm gừ trên đầu giường chạm trổ. Anna bảo với anh rằng đó là giường của bà cô và nó đã ở đây gần tám mươi năm rồi. Cô cắn nhẹ tai anh và thì thào những điều vớ vẩn nhưng ngọt ngào bằng một thứ ngôn ngữ xa lạ. Rồi cô ngừng thì thầm và vừa cười lên anh vừa la hét, rồi cười, khấn khoản nài nỉ mạnh thêm nữa và anh ao ước chuyện đó cứ kéo dài mãi không thôi. Anh sắp ra thì cô đột ngột dừng lại, hai tay ôm lấy mặt anh và thì thào: “Là của em mãi mãi nhé?”

“Không đời nào,” anh bật cười và vật cô xuống dưới để anh lên trên. Những con quỷ bằng gỗ nhe răng cười nhạo anh.

“Là của em mãi mãi nhé?”

“Ừ,” anh rên lên và xuất.

Khi tiếng cười im bật và họ nằm đó, mướt mả mồ hôi, nhưng vẫn quấn chặt lấy nhau trên tấm ga phủ, Anna kể với anh rằng chiếc giường là do một nhà quý tộc người Tây Ban Nha tặng cho bà cô.

“Sau một buổi biểu diễn của bà tại Seville vào năm 1911,” cô nói, hơi nhắc đầu dậy để Harry có thể đặt điều thuốc lá đã châm vào giữa hai môi cô. “Chiếc giường được chuyển đến Oslo ba tháng sau đó bằng tàu SS Elenora. Tình cờ thế nào mà vị thuyền trưởng người Đan Mạch, Jesper gì gì đó, lại là người tình đầu tiên ân ái với bà trên chiếc giường đó - mặc dù không phải là người tình đầu tiên trong đời bà. Jesper rõ ràng là một người cuồng nhiệt, và theo lời bà cô kể lại thì đó là lý do con ngựa trang trí chiếc giường bị mất đầu. Thuyền trưởng Jesper, trong cơn mê, đã cắn đứt lìa cái đầu của nó.”

Anna cười vang còn Harry chỉ cười mỉm. Khi điều thuốc được hút hết, họ

lại làm tình trong tiếng kéo kẹt và rên rỉ của những tấm gỗ Manila Tây Ban Nha, khiến Harry tưởng như anh đang ở trên một con thuyền không có người cầm lái, nhưng chuyện đó lại chẳng hề quan trọng.

Chuyện đó xảy ra đã lâu lắm rồi, và đó là đêm đầu tiên cũng là đêm cuối cùng anh ngủ trên chiếc giường của bà Anna mà không say rượu.

Harry trần trọc trên chiếc giường sắt hẹp. Chiếc đồng hồ báo thức kết hợp với đài radio trên kệ đầu giường báo 3 giờ 21 phút. Anh chửi thề một tiếng rồi nhắm mắt lại. Những ý nghĩ của anh chập chờn về với Anna vào mùa hè đó trên tấm ga trắng tinh của chiếc giường của bà cô. Hồi đó, anh say nhiều hơn tình, nhưng anh vẫn còn nhớ những đêm đó, hồng thắm và tuyệt vời như những tấm bưu thiếp ảnh gợi tình. Thậm chí cả câu nói cuối cùng mà anh thốt ra khi mùa hè trôi qua cũng là một câu cũ rích, nhưng đầy cảm xúc mãnh liệt. “Em xứng đáng có người nào đó tốt hơn anh.”

Hồi đó, anh uống nhiều đến mức mọi thứ đều chỉ về một hướng. Trong một khoảnh khắc tỉnh táo hơn cả, anh đã quyết định sẽ không kéo cô chết chìm cùng mình. Cô đã nguyên rủa anh bằng thứ ngoại ngữ của cô và thề rằng một ngày nào đó cô sẽ làm y như vậy với anh: tước đi của anh cái mà anh yêu quý nhất.

Đó là hồi bảy năm về trước, và mối tình đó chỉ kéo dài sáu tuần. Sau đó, anh chỉ gặp lại cô hai lần. Một lần tại một quán bar, cô đã đi tới chỗ anh, mắt rưng rưng và bảo anh đi chỗ khác, thế là anh đi. Lần khác là tại một cuộc triển lãm khi Harry dẫn em gái đến. Anh đã hứa sẽ gọi cho cô, nhưng lại chẳng bao giờ gọi.

Harry lăn qua để nhìn đồng hồ lần nữa. 3 giờ 22 phút. Anh đã hôn cô. Vào cuối buổi tối. Khi đã an toàn ra khỏi cái cửa lắp kính lượn sóng ngoài căn hộ của cô, anh đã cúi xuống định ôm tạm biệt cô, rồi nó trở thành một nụ hôn. Thoải mái và cảm giác thật tuyệt. Hay ít ra thì cũng là thoải mái. 3 giờ 33 phút. Trời, từ khi nào anh trở nên nhạy cảm đến mức chỉ trao cho tình cũ một

nụ hôn tạm biệt mà cũng thấy cắn rứt đến vậy? Harry cố gắng hít thở sâu và đều đặn để tập trung nghĩ tới những ngã thoát có thể có từ phố Bogstadveien qua Industrigata. Ý nghĩ về cô cứ liên tục lên vào, rồi bị đẩy bật ra, rồi lại vào tiếp. Anh vẫn ngửi thấy mùi nước hoa của cô. Cảm thấy người cô áp sát vào anh thật êm ái. Sự dai dẳng của lưỡi cô.

ỚT

Những ánh nắng đầu tiên vừa vượt qua đỉnh núi Ekcherg, lọt qua rèm cửa kéo lên nửa chừng trong phòng họp của Đội Hình sự và lách vào giữa những nếp gấp trên vùng da quanh đôi mắt nhắm lại của Harry. Rune Ivarsson đứng giữa chiếc bàn dài, hai chân giạng ra, nhún nhảy trên hai bàn chân, tay chấp sau lưng. Một tờ giấy đặt trên giá vẽ có dòng chữ CHÀO MỪNG màu đỏ to tướng ở phía sau ông ta. Harry đoán đây là thứ mà Ivarsson đã học lỏm được trong một buổi hội nghị chuyên đề về thuyết trình và đã miễn cưỡng cố kiềm chế không ngáp khi vị Trưởng Đơn vị Chống Cướp bắt đầu trình bày.

“Chào các anh chị. Tám người chúng ta đang ngồi quanh bàn đây sẽ họp thành một đội để điều tra vụ cướp ngân hàng xảy ra tại Bogstadveien hôm thứ Sáu vừa qua.”

“Giết người,” Harry lầm bầm.

“Xin lỗi anh nói gì?”

Harry ngồi thẳng lại trên ghế. Ánh nắng đáng ghét làm anh quay hướng nào cũng vẫn bị chói. “Tôi nghĩ phải tiến hành điều tra dựa trên căn cứ rằng đây là một vụ giết người mới là chính xác.”

Ivarsson mỉm cười giễu cợt. Không phải với Harry, mà là với những người khác đang ngồi xung quanh bàn mà ông ta vừa liếc nhanh. “Tôi nghĩ rằng tôi

nên bắt đầu bằng việc giới thiệu các bạn với nhau, nhưng người bạn của chúng ta ở Đội Hình sự đã mở đầu rồi. Thanh tra Harry Hole đã được cấp trên của anh, Bjarne Møller, có nhã ý cho chúng ta mượn vì anh chuyên về các vụ giết người.”

“Trọng án,” Harry chữa lại.

“Trọng án. Ngồi bên trái thanh tra Hole là Torleif Weber bên Phòng Giám định Pháp y, người đã điều hành việc điều tra tại hiện trường. Như nhiều người đã biết, Weber là một trong những thanh tra pháp y dày dạn kinh nghiệm nhất của chúng ta. Nổi tiếng về năng lực phân tích và trực giác nhạy bén. Giám đốc Sở từng nói rằng ông rất muốn có Weber đi cùng như một chú chó nghiệp vụ trong những bữa tiệc đi săn của ông.”

Cả bàn cười rộ. Harry không cần nhìn Weber cũng biết ông không cười. Weber hầu như chưa bao giờ cười, ít nhất là với những người ông không ưa, mà ông thì hầu như chẳng ưa ai. Nhất là trong cái đám sắp trẻ mà, theo ý ông, rất những hạng háo danh bất tài, chẳng có lấy một gam yêu nghề hay yêu ngành nhưng lại thính nhạy hơn đối với quyền lực và ảnh hưởng hành chính có thể giành được nhờ thỉnh thoảng ghé qua Sở Cảnh sát.

Ivarsson mỉm cười và xoay lên xoay xuống như hoa tiêu trên một chiếc tàu lớn đang tiến ra biển trong lúc ông ta đợi tràng cười lắng xuống.

“Beate Lønn còn khá mới mẻ trong tình huống này và là chuyên gia phân tích bằng ghi hình của chúng ta.”

Mặt Beate đỏ lựng.

“Beate là con gái của Jørgen Lønn, người đã từng phục vụ hơn hai mươi năm ở đơn vị mà về sau được gọi là Đơn vị Chống Cướp và Ban Trọng án. Tới nay, có vẻ như cô đang tiếp bước người cha huyền thoại của mình. Cô đã đóng góp những bằng chứng vô cùng quan trọng giúp phá nhiều vụ án. Không biết tôi đã từng nhắc tới chưa, nhưng trong năm vừa qua, Đơn vị Chống Cướp chúng tôi đã lập được tỷ lệ kết án gần năm mươi phần trăm, mà

xét trong bối cảnh quốc tế được cho là...”

“Ông đã từng nói rồi, Ivarsson ạ.”

“Cảm ơn anh.”

Lần này thì Ivarsson nhìn thẳng vào Harry khi ông ta mỉm cười. Một nụ cười cứng đờ của loài bò sát, nhăn nhó cả hai hàm răng. Và ông ta tiếp tục điệu cười đó trong suốt màn giới thiệu. Harry biết hai người trong nhóm. Một là Magnus Rian, một thanh tra trẻ bên Tomrefjord, từng ở Đội Hình sự sáu tháng và để lại ấn tượng mạnh mẽ. Người kia là Didrik Gudmundson, thanh tra dày dạn kinh nghiệm nhất nhóm và là sếp phó Đơn vị Chống Cướp. Một cảnh sát kín đáo, làm việc có phương pháp, khiến Harry chưa từng gặp vấn đề gì khi hợp tác. Hai người cuối cùng cũng ở Đơn vị Chống Cướp, cả hai đều có họ Li, nhưng Harry ngay lập tức biết chắc rằng họ không phải là một cặp sinh đôi cùng trứng. Toril Li là một phụ nữ tóc vàng, cao lớn với cái miệng nhô và khuôn mặt khó đoán, trong khi Ola Li lại là một người đàn ông béo lùn, tóc đỏ với khuôn mặt tròn và cặp mắt vui vẻ. Harry gặp họ trong hành lang đủ để nhiều người nghĩ rằng chào hỏi là việc hết sức tự nhiên, nhưng anh lại chưa một lần nào nghĩ tới chuyện đó.

“Còn về tôi, chắc các bạn đã nhìn mặt tôi trong nhiều trường hợp khác rồi,” Ivarsson kết thúc màn giới thiệu. “Nhưng để cho đúng thủ tục, xin giới thiệu tôi là Trưởng Đơn vị Chống Cướp và đã được giao nhiệm vụ chỉ đạo cuộc điều tra này. Và, trở lại với việc anh đã nói lúc đầu, thanh tra Hole, đây không phải là lần đầu tiên chúng tôi điều tra một vụ cướp với một người vô tội bị giết.”

Harry cố gắng không cắn câu. Thật ra là anh đã làm được, nhưng cái nụ cười cá sấu kia khiến anh không nhịn nổi.

“Cùng với tỷ lệ kết án gần năm mươi phần trăm ư?”

Chỉ có một người duy nhất trong nhóm cười, nhưng lại cười rõ to. Weber. “Xin lỗi các bạn, rõ ràng là tôi quên không đề cập đến một chuyện về Hole,”

Ivarsson nói nhưng không cười. “Anh ấy được đánh giá là có khiếu hài hước. Một cây hài, tôi nghe người ta bảo vậy.”

Một giây im lặng đầy lúng túng. Rồi Ivarsson bật cười một tiếng ngắn và cả bàn khùng khục cười theo.

“OK, hãy bắt đầu với một bản tóm lược.” Ivarsson lật qua trang đầu. Trang kế tiếp có dòng tiêu đề CHÚNG CỨ PHÁP Y. Ông ta mở nắp bút viết bảng, chuẩn bị sẵn sàng. “Xin mời anh, Weber.”

Karl Torleif Weber đứng dậy. Ông thấp người, mái tóc xám bạc như bờm sư tử và để râu. Giọng ông trầm trầm như âm thanh tần số thấp, nghe đầy hăm dọa, nhưng rành rọt. “Tôi sẽ nói ngắn thôi.”

“Xin tùy ý,” Ivarsson nói, đặt bút lên giấy. “Nhưng anh cần nói bao lâu cũng được, Karl.”

“Tôi nói ngắn thôi vì tôi không cần nhiều thời gian,” Weber làu bàu. “Chúng tôi chưa tìm được gì cả.”

“Ra vậy,” Ivarsson nói, hạ bút xuống. “Các anh chưa tìm được gì cả. Chính xác thì ý anh là gì?”

“Chúng tôi thu được dấu vết của một chiếc giày Nike mới tinh, cỡ 45. Hầu hết mọi chi tiết trong vụ cướp này đều có dấu hiệu chuyên nghiệp đến mức thông tin duy nhất mà tôi suy ra được là đây có lẽ không phải cỡ giày hăn thường đi. Viên đạn đã được phân tích bởi bên đạn đạo học. Đó là một viên 7,62 li thông thường cho súng AG3, loại đạn phổ biến nhất trong vương quốc Na Uy này, vì trong trại lính, cửa hàng bán vũ khí và nhà của sĩ quan dự bị hay tình nguyện nào trên khắp đất nước cũng có. Nói cách khác là không thể lẫn ra dấu vết. Ngoài ra, các vị sẽ tưởng rằng hăn chưa từng đặt chân vào trong ngân hàng. Hay thậm chí là bên ngoài. Chúng tôi cũng đã tìm kiếm chứng cứ cả ở đó nữa.”

Weber ngồi xuống.

“Cảm ơn anh Weber, thông tin của anh thật... ừm, hữu ích.” Ivarsson lật

sang trang tiếp theo. NHÂN CHỨNG.

“Hole?”

Harry ngồi lún sâu hơn vào trong ghế. “Tất cả những người có mặt tại ngân hàng đều được thẩm vấn ngay sau đó, nhưng không ai có thể nói cho chúng tôi bất cứ điều gì nằm ngoài cuốn băng. Tức là, họ nhớ được vài chuyện mà chúng tôi biết là không chính xác. Một nhân chứng đã nhìn thấy tên cướp đi lên phố Industrigata. Chưa có ai khác gọi điện đến Sở Cảnh sát nữa.”

“Thông tin đó đưa chúng ta đến với vấn đề tiếp theo - xe tên cướp dùng để bỏ trốn,” Ivarss nói. “Toril?”

Toril Li bước lên, bật máy chiếu treo trên đầu, trong đó đã để sẵn một tấm phim đèn chiếu có tóm tắt về những chiếc xe cá nhân đã bị đánh cắp trong vòng ba tháng qua. Bằng giọng đặc vùng Sunnmørsk, cô ta trình bày về bốn chiếc xe mà cô ta cho là có khả năng được tên cướp sử dụng nhất, phán đoán dựa trên thực tế rằng chúng là xe của những thương hiệu và kiểu dáng tầm thường, màu sáng, trung tính, và đủ mới để tên cướp cảm thấy tự tin rằng chúng sẽ giúp hãn chạy thoát. Một trong số đó, một chiếc Volkswagen GTI đỗ trên phố Maridalsveien, rất đáng quan tâm vì nó bị đánh cắp vào đêm ngay trước vụ cướp ngân hàng.

“Bọn cướp ngân hàng thường đánh cắp xe vào thời điểm gần với vụ cướp nhất có thể để chúng không xuất hiện trong danh sách của cảnh sát tuần tra,” Toril Li giải thích. Cô ta tắt máy chiếu trên đầu và cầm tấm kính ảnh trong lúc về chỗ ngồi.

Ivarsson gật đầu. “Cảm ơn cô.”

“Vì đã chẳng làm được gì,” Harry thì thầm với Weber.

Tiêu đề của trang tiếp theo là PHÂN TÍCH BĂNG GHI HÌNH. Ivarsson đã đóng nắp cái bút lại. Beate nuốt khan, hắng giọng, nhấp một ngụm nước từ cái cốc trước mặt và lại ho trước khi bắt đầu nói, mắt dán chặt xuống mặt

bàn. “Tôi đã ước tính chiều cao...”

“Cô làm ơn nói to lên được không, Beate.” Nụ cười răn độc.

Beate hăng giọng vài lần.

“Tôi đã ước tính chiều cao của tên cướp từ cuốn băng ghi hình. Hăn cao khoảng 1 mét 79. Tôi đã kiểm tra lại với Weber và ông ấy cũng đồng ý.”

Weber gật đầu.

“Xuất sắc!” Ivarsson nói to với vẻ nhiệt tình giả tạo. Ông ta giật phắt nắp cái bút ra và ghi: CAO 1 MÉT 79.

Beate nói tiếp, mắt vẫn nhìn xuống bàn. “Tôi vừa nói chuyện với Aslaksen ở trường đại học, chuyên gia phân tích giọng nói. Anh ta đã xem qua năm từ mà tên cướp nói bằng tiếng Anh. Anh ta...” Beate hồi hộp ngược lên nhìn Ivarsson đang quay lưng lại với cô, sẵn sàng ghi chú. “... nói rằng chất lượng của cuốn băng ghi âm quá kém nên không thu được gì. Nó không sử dụng được.”

Ivarsson hạ cánh tay xuống vừa vặn lúc vầng mặt trời đã xuống thấp lặn vào sau đám mây và vệt sáng hình chữ nhật trên bức tường đằng sau họ nhạt dần. Cả căn phòng lặng phắc như tờ. Ivarsson hít vào một hơi rồi nhón chân đi lên phía trước.

“May thay, chúng tôi đã để dành lá bài chủ tới phút cuối.” Vị sếp của Đơn vị Chống Cướp lật qua trang cuối cùng. THEO DÕI.

“Với các anh chị không làm trong Đơn vị Chống Cướp, có lẽ chúng tôi phải giải thích rằng khi chúng tôi có một cuốn băng ghi hình một vụ cướp ngân hàng thì chúng tôi luôn xem xét phần theo dõi trước. Mười vụ thì có đến bảy vụ băng ghi hình sẽ tiết lộ danh tính của tên cướp, nếu hăn là một trong số những người bạn cũ của chúng ta.”

“Cho dù hăn đeo mặt nạ sao?” Weber hỏi.

Ivarsson gật đầu. “Một thanh tra năm vùng giới sẽ xác định một kẻ từng có tiền án qua dáng vóc, ngôn ngữ cơ thể, cách nói trong quá trình vụ cướp diễn

ra, tất cả những chi tiết nhỏ mà người ta không thể giấu sau mặt nạ.”

“Nhưng việc biết được danh tính của hắn chưa đủ,” sếp phó của Ivarsson, Didrik Gudmundson ngắt lời. “Chúng ta phải...”

“Đúng thế,” Ivarsson cắt ngang. “Chúng ta phải có bằng chứng. Một tên cướp có thể đánh văng tên của hắn trước máy ghi hình, nhưng nếu hắn đeo mặt nạ và không để lại một chứng cứ xác thực nào thì trước pháp luật ta vẫn chẳng có gì hết.”

“VẬY, bao nhiêu trong số bảy tên ông nhận ra đó cuối cùng đã bị kết án?” Weber hỏi.

“Một vài tên,” Gudmundson nói. “Dù kẻ gây án vẫn nhờn nhờ thì việc biết được hắn là ai vẫn tốt hơn. Nhờ thế chúng ta sẽ biết được chút gì đó về mô thức tiến hành và phương pháp của chúng. Và lần sau chúng ta sẽ tóm chúng.”

“Và nếu như không có lần sau?” Harry hỏi. Anh nhận thấy những mạch máu trên tai Ivarsson vốn đã to lại càng phình ra thêm khi ông ta cười.

“Chuyên gia về những vụ giết người thân mến,” Ivarsson nói, vẫn còn vẻ tếu táo. “Nếu anh nhìn xung quanh mình, thì anh sẽ thấy hầu hết mọi người đều đang tùm tùm phía sau chòm râu trước điều anh vừa hỏi. Đó là vì một tên cướp ngân hàng nếu đã thực hiện trót lọt một vụ thì sẽ luôn luôn - luôn luôn - tái phạm. Đó là định luật vạn vật hấp dẫn đối với đám cướp ngân hàng.” Ivarsson nhìn ra ngoài cửa sổ và cho phép mình cười thêm tiếng nữa rồi mới xoay người trên gót chân. “Nếu như buổi học dành cho người lớn hôm nay kết thúc ở đây thì có lẽ chúng ta có thể xem xem có nghi phạm nào không.”

Ola Li nhìn Ivarsson, không chắc có nên đứng dậy không, nhưng cuối cùng vẫn quyết định ngồi tại ghế. “Ừm, cuối tuần trước tôi có ca trực. Chúng tôi đã có một cuốn băng được biên tập xong sẵn sàng vào tám giờ tối thứ Sáu, và đã cho cả đội theo dõi xem cuốn băng trong Nhà Đau đón. Những người không có ca trực được gọi tới vào thứ Bảy. Cả thầy là mười ba cảnh sát theo

dồi đã tới đây, tốp đầu vào lúc tám giờ tối thứ Sáu, tốp sau...”

“Được rồi, Ola,” Ivarsson nói. “Hãy nói luôn kết quả anh tìm được.”

Ola bật cười vẻ bồn chồn. Nghe như tiếng kêu ngập ngừng của con hải âu.

“Thế nào?”

“Espen Vaaland nghi ồm,” Ola nói. “Anh ta khá rành về bọn cướp ngân hàng. Mai tôi sẽ cố gọi anh ta tới đây.”

“Cái mà anh định nói là...?”

Mắt Ola đảo như rang lạc quanh bàn. “Không nhiều lắm,” anh ta nói khẽ.

“Ola vẫn còn chưa quen với những vụ thế này,” Ivarsson nói và Harry nhận thấy các cơ hàm của ông ta bắt đầu nghiến lại. “Ola muốn chắc chắn một trăm phần trăm khi xác định danh tính của ai đó, và điều đó rất đáng biểu dương, nhưng như thế thì quả là kỳ vọng hơi nhiều khi mà tên cướp...”

“Tên sát nhân.”

“... bịt kín người từ đầu tới chân, với chiều cao tầm trung, không để lộ giọng, hành động khác thường và đi giày lớn hơn cỡ chân của mình.” Ivarsson cao giọng. “Vì vậy, hãy cho chúng tôi toàn bộ danh sách, Ola. Kẻ nào nằm trong cuộc đua?”

“Không có ai cả.”

“Phải có vài cái tên chứ!”

“Không,” Ola nói và nuốt khan.

“Anh đang định bảo chúng tôi rằng không ai đưa ra đề xuất nào, rằng tất cả những kẻ cung cấp tin tình nguyện, những cảnh sát nằm vùng nhiệt huyết đến thế, vốn luôn tự hào về những cuộc chạm trán hằng ngày với đám cặn bã xấu xa nhất ở Oslo, những người mà mười vụ thì chín vụ nghe được những lời xì xào về kẻ lái xe bỏ trốn, kẻ mang theo đồ ăn cắp, kẻ canh chừng, đột nhiên lại không dám đưa ra dù chỉ là một phỏng đoán hay sao?”

“Họ có đưa ra phỏng đoán,” Ola nói. “Nhắc tới sáu cái tên.”

“Nào, vậy thì nói ra nhanh lên đi, chàng trai.”

“Tôi đã kiểm tra tất cả những cái tên đó. Ba trong số đó đang bóc lịch. Một thì được nhìn thấy ở quảng trường chợ Plata khi vụ cướp diễn ra. Một thì đang ở Pattaya, Thái Lan. Tôi đã kiểm tra rồi. Và còn một tên mà tất cả các cảnh sát nằm vùng của chúng ta đều nhắc đến vì hắn có vóc dáng tương tự và vụ cướp lại quá chuyên nghiệp, và đó là Jim Johansen ở băng Tveita.”

“VẬY Ừ?”

Nom Ola như thể muốn trượt xuống khỏi cái ghế mà biến mất dưới gầm bàn. “Hắn đang nằm trong bệnh viện Ulleval, và thứ Sáu tuần trước hắn đang được phẫu thuật vì chứng aures alatae.”

“Aures alatae ư?”

“Tai vênh,” Harry rên lên, gạt giọt mồ hôi trên lông mày.

Ivarsson tức phát điên lên.

“Cậu đạt được bao nhiêu rồi?”

“Tôi mới qua hai mươi mốt.”

Giọng Halvorsen vang vọng khắp các bức tường. Vì mới đầu giờ chiều nên trung tâm thể hình ở tầng hầm của Sở Cảnh sát hầu như chỉ có mình họ.

“Cậu đã chọn đường tắt hay sao thế?” Harry nghiêng răng và nâng tốc độ lên một chút. Đã có cả vũng mồ hôi quanh cái xe đạp có gắn đồng hồ đo ca lo của anh, trong khi trán của Halvorsen mới chỉ hơi rịn rịn.

“VẬY là anh vẫn chưa thu được gì hả?” Halvorsen hỏi, thở đều và điềm tĩnh.

“Trừ phi có gì đó trong thông tin mà Beate Lønn báo cáo vào lúc cuối còn không thì chúng ta chẳng có gì nhiều cả.”

“Thế cô ta đã nói gì?”

“Cô ấy đang phát triển một chương trình có thể tái tạo hình ảnh 3D của đầu và mặt tên cướp từ cuốn băng.”

“Có cả mặt nạ?”

“Chương trình này sử dụng thông tin từ các hình ảnh ghi lại được. Ánh sáng, bóng, những chỗ lồi ra lõm vào. Mặt nạ càng ôm sát thì càng dễ tạo ra hình ảnh giống với mặt người bên trong. Tuy nhiên, đó chỉ là phác họa thôi, nhưng Beate bảo rằng cô ấy có thể sử dụng nó để so sánh với ảnh của các nghi can.”

“Đó có phải là chương trình nhận dạng của FBI không?” Halvorsen quay sang Harry và, với một thoáng thích thú, xác nhận lại rằng vết mờ hôi hình thành từ chỗ logo của câu lạc bộ kết bạn trên ngực Harry giờ đã loang ra khắp cái áo thun.

“Không, chương trình của cô ấy tốt hơn,” Harry nói. “Bao xa rồi?”

“Hai mươi hai. Loại nào?”

“Hồi hình thôi.”

“Của Microsoft hay Apple Mac?”

Harry gõ ngón trỏ lên cái trán đỏ phừng phừng. “Phần mềm ai cũng có. Nằm trên thùy thái dương trong não với chức năng duy nhất là nhận ra mọi người. Công việc của nó chỉ có thế. Chính cái mẫu đó đảm bảo chúng ta có thể phân biệt được hàng trăm, hàng nghìn khuôn mặt người, nhưng không phân biệt nổi một tá tê giác.”

“Tê giác ư?”

Harry nhắm chặt hai mắt và chớp liên tục để đẩy giọt mồ hôi cay sè ra khỏi mắt. “Nói để ví dụ thôi, Halvorsen ạ, nhưng chắc chắn Beate Lønn là một trường hợp đặc biệt. Hồi của cô ấy có thể hoạt động tốt hơn vài lần mà nhờ thế cô ấy nhớ được tất cả các khuôn mặt từng nhìn thấy trong đời, có thể nói thế cũng được. Và ý tôi là không chỉ những người mà cô ấy quen hay từng nói chuyện, mà cả những khuôn mặt đeo kính râm mà cô ấy chỉ nhìn lướt qua trên một con phố tấp nập từ mười lăm năm trước.”

“Anh đang đùa à?”

“Không.” Harry cúi đầu xuống khi đã hít thở đủ để tập tiếp. “Chỉ có khoảng một trăm trường hợp giống cô ấy. Didrik Gudmundson bảo rằng cô ấy đã từng tham gia một bài kiểm tra ở Trường Cảnh sát và thắng cả mấy chương trình nhận dạng nổi tiếng. Cô gái đó là một kho dữ liệu sống về các khuôn mặt. Nếu cô ấy hỏi anh rằng ‘Chẳng phải tôi đã gặp anh ở đâu đó rồi sao?’ thì anh có thể tin tôi rằng đó không phải là một câu hỏi cho có.”

“Trời ạ. Cô ta làm gì trong ngành cảnh sát vậy? Ý tôi là với một tài năng như thế.”

Harry nhún vai. “Anh có nhớ viên sĩ quan đã bị bắn trong một vụ cướp ngân hàng hồi thập niên 1980 ở đường Ryen không?”

“Hồi đó tôi chưa vào ngành.”

“Ông ta tình cờ ở gần đó khi chuông báo động kêu và, vì là người đầu tiên có mặt tại hiện trường, ông ta đã đi người không vào ngân hàng để điều đình. Ông ta bị bắn gục bằng một khẩu súng tự động còn bọn cướp thì cao chạy xa bay. Về sau, vụ đó được Sở Cảnh sát sử dụng làm ví dụ về những việc không nên làm khi có thể khiến cho bọn cướp bị bất ngờ.”

“Phải đợi cho đến khi có quân tiếp viện. Không được đối đầu bọn cướp hoặc đặt bản thân, nhân viên ngân hàng hay bọn cướp vào tình huống nguy hiểm không cần thiết.”

“Đúng thế, trong tài liệu hướng dẫn viết thế. Có điều lạ ông ta lại là một trong những thanh tra giỏi và có kinh nghiệm nhất hồi đó. Jørgen Lønn. Cha của Beate.”

“Ra vậy. Anh nghĩ đó là lý do cô ấy gia nhập lực lượng cảnh sát ư? Vì cha mình?”

“Có lẽ thế.”

“Cô ta có xinh không?”

“Cô ấy giỏi. Bao nhiêu nữa rồi?”

“Vừa qua hai mươi tư, còn sáu nữa. Còn anh?”

“Hai mươi hai. Tôi sẽ đuổi kịp cậu cho xem.”

“Lần này thì không đâu,” Halvorsen nói và tăng tốc.

“Có chứ, tôi sẽ đuổi kịp, vì đến đoạn leo dốc rồi. Tôi tới đây rồi. Và cậu sẽ cuống cà kê và sẽ bị chuột rút. Như mọi lần.”

“Lần này thì không,” Halvorsen đáp, đáp nhanh hơn nữa. Một giọt mồ hôi hiện rõ ở chỗ đường chân tóc dày của anh ta. Harry mỉm cười và gò người trên ghi đông.

Bjarne Møller hết nhìn danh mục mua hàng mà vợ ông vừa đưa cho lại nhìn lên giá, chỗ đặt thứ mà ông nghĩ có lẽ là rau mùi. Margrete bắt đầu mê đồ ăn Thái sau chuyến du lịch của họ tới Phuket vào mùa đông năm ngoái, nhưng người đứng đầu Đội Hình sự vẫn không quen được với nhiều loại rau ngày ngày được chở từ Bangkok tới cửa hàng tạp hóa của một người Pakistan trên đường Grønlandsleiret.

“Đó là ớt xanh, thưa sếp,” một giọng nói vang lên ngay bên tai ông. Ông bèn quay ngoắt lại thì thấy khuôn mặt đỏ ửng, nhể nhại mồ hôi của Harry. “Chỉ cần hai quả này cùng vài lát gừng là sếp nấu được món xúp tom yam rồi. Ăn vào thì xì khói ra đằng tai, nhưng sếp sẽ đổ mồ hôi ra được vài độc tố.”

“Nhìn như là cậu vừa nếm món đó hả, Harry?”

“Chỉ là một cuộc đua xe đạp ngăn ngăn với Halvorsen thôi.”

“Vậy hả? Thế cậu đang cầm cái gì ở tay kia?”

“Ớt Nhật. Một loại ớt nhỏ màu đỏ.”

“Tôi không biết là cậu nấu ăn đấy.”

Harry cũng nhìn chăm chăm cái túi đựng ớt với vẻ sững sốt như thể chính anh cũng mới thấy nó lần đầu. “Mà may là gặp sếp ở đây. Chúng tôi có chút rắc rối.”

Møller có thể cảm thấy da đầu ông phồng rộp lên.

“Tôi không biết ai đã quyết định để Ivarsson chỉ đạo cuộc điều tra vụ giết người ở Bogstadveien, nhưng làm thế không ổn.”

Møller đặt tờ danh sách vào giỏ mua hàng. “Các cậu đã làm việc cùng nhau được bao lâu rồi? Hết hai ngày chưa?”

“Sếp à, vấn đề không phải là thế.”

“Cậu không thể cứ việc mình mình làm một lần trong đời sao, Harry? Và để những người khác quyết định chuyện tổ chức? Thử không chống lại mọi người một lần cũng không để lại hậu quả lâu dài gì đâu, cậu biết mà.”

“Sếp cũng biết là tôi chỉ muốn phá vụ án này càng nhanh càng tốt, để còn giải quyết vụ kia mà.”

“Đúng, tôi biết, nhưng cậu đã thụ lý vụ đó lâu hơn nhiều so với thời gian hai tháng tôi hứa với cậu, mà tôi thì không thể bảo vệ việc giao phó thời gian và nguồn lực bằng những lý do cá nhân và duy tình được, Harry.”

“Cô ấy là đồng nghiệp của chúng ta mà sếp.”

“Tôi biết!” Møller gắt lên. Ông ngừng bật, nhìn ngó xung quanh rồi mới nói tiếp, giọng nhỏ hơn. “Vấn đề của cậu là gì vậy, Harry?”

“Họ đã quá quen xử lý những vụ cướp, còn Ivarsson thì chẳng thêm mảy may bận tâm đến những lời khuyên có tính xây dựng.”

Bjarne Møller không nén nổi một nụ cười ngoác miệng khi nghĩ tới những ‘lời khuyên có tính xây dựng’ của Harry.

Harry ghé lại gần. Anh nói nhanh và gay gắt. “Điều đầu tiên mà chúng ta hỏi bản thân khi xảy ra một vụ giết người là gì, sếp? Tại sao? Động cơ là gì? Chúng ta sẽ hỏi như vậy. Ở Đơn vị Chống Cướp, họ cứ mặc nhiên quy kết động cơ là vì tiền mà chẳng thèm đặt câu hỏi.”

“Vậy cậu nghĩ động cơ của vụ này là gì?”

“Tôi chẳng nghĩ gì cả. Vấn đề là họ áp dụng phương pháp sai hoàn toàn.”

“Một phương pháp khác, Harry ạ, chỉ khác thôi. Tôi phải ra thanh toán

đồng rau cỏ này để về nhà đây, nên nói thẳng ra điều cậu muốn đi.”

“Tôi muốn sắp nói chuyện với những người cần thiết, để tôi có được một người làm việc riêng với tôi thôi.”

“Rút lui khỏi nhóm điều tra hả?”

“Song song với nhóm điều tra.”

“Harry...”

“Đó là cách chúng ta tóm tên Chim Cỏ đỏ, sắp nhớ chứ?”

“Harry, tôi không thể can thiệp...”

“Tôi muốn làm việc với Beate Lønn, để cô ấy và tôi có thể bắt tay từ đầu. Chưa gì Ivarsson đã bị sa lầy...”

“Harry!”

“Sao, sếp?”

“Lý do thật sự là gì?”

Harry đổi chân trụ. “Tôi không thể làm việc với con cá sấu biết cười ấy.”

“Ivarsson ư?”

“Tôi sẽ làm chuyện gì đó cực kỳ ngu ngốc đấy.”

Cặp lông mày của Bjarne Møller cau lại thành hình chữ V đen sì trên sống mũi: “Đó là một lời đe dọa đấy à?”

Harry đặt một bàn tay lên vai Møller. “Làm ơn, chỉ một lần này thôi, sếp. Tôi sẽ không bao giờ xin xỏ sếp lần nào nữa. Không bao giờ.”

Møller găm gừ. Bao năm qua ông đã giơ đầu chịu báng cho Harry bao nhiêu lần, thay vì lưu luyến những lời khuyên thiện ý hòng tốt cho sự nghiệp của ông từ những đồng nghiệp lớn tuổi hơn? Họ bảo ông phải tránh xa anh. Rằng anh là một khẩu đại bác đã lên nòng. Điều duy nhất chắc chắn về Harry Hole là một ngày nào đó sẽ xảy ra sai phạm tày trời. Tuy nhiên, cho đến nay, vì ông và Harry vẫn luôn tai qua nạn khỏi một cách khó hiểu, nên chẳng ai thi hành những biện pháp quyết liệt được. Cho đến nay. Thế nhưng, câu hỏi thú vị hơn cả là: Tại sao ông lại chịu làm vậy? Ông đánh mắt sang Harry. Gã

nghiện rượu. Gã hay sinh sự. Gã đầu bò đầu bấu ngạo mạn, không ai chịu nổi. Nhưng lại là nhân viên điều tra giỏi nhất của ông, ngoài Waaler ra.

“Cậu đừng có mà nhúng mũi vào chuyện gì đấy, Harry. Nếu không tôi sẽ đẩy cậu sau một cái bàn rồi khóa trái cửa lại. Hiểu chứ?”

“Nghe thấy rất to và rõ ràng, thưa sếp.”

Møller thở dài. “Ngày mai tôi họp với Giám đốc Sở Cảnh sát và Ivarsson. Phải đợi xem sao đã. Tôi sẽ không hứa trước bất cứ điều gì đâu, rõ chứ?”

“Nhất trí, nhất trí, thưa sếp. Cho tôi gửi lời hỏi thăm bà xã của sếp nhé.” Trên đường ra, Harry ngoái cổ lại. “Rau mùi ở giá dưới cùng, đầu dây bên trái đằng kia kìa.”

Bjarne Møller đứng nhìn trân trân vào giỏ mua hàng. Ông nhớ ra lý do rồi. Chính là ông mẫn cái tên khốn nghiện ngập, bất kham, bướng bỉnh này.

PHẦN III

VUA TRẮNG

Harry gật đầu với một khách quen trong quán và ngồi xuống bàn bên dưới ô cửa sổ hẹp, gấn kính lượn sóng, nhìn ra đường Waldemar Thranes. Trên bức tường sau lưng anh treo một bức tranh lớn vẽ một ngày nắng ở Youngstorget, có những người đàn bà cầm dù được vui vẻ đón chào bởi cánh đàn ông đội mũ chóp cao đang dạo chơi. Khác một trời một vực thứ ánh sáng ảm đạm vĩnh viễn của mùa thu và sự tĩnh lặng gần như thành kính của buổi chiều trong quán Schrøder.

“Rất vui vì ông đã tới,” Harry nói với người đàn ông to béo đã ngồi sẵn ở bàn. Dễ thấy là ông ta không phải khách quen. Không phải bởi chiếc áo vest vải tuyết sang trọng, cũng không phải bởi cái nơ bướm màu đỏ chấm bi, mà bởi vì ông ta đang khuấy một tách trà trắng đặt trên miếng lót sắc mùi bia và lốm đốm vết cháy đen vì tàn thuốc lá. Vị khách khác thường này là Stale Aune, nhà tâm lý học hàng đầu trong cả nước và là chuyên gia mà cảnh sát thường xuyên phải nhờ vả. Họ nhiều lúc cũng hài lòng nhưng đôi khi cũng phải hối tiếc vì Aune là một người cực kỳ chính trực, luôn bảo vệ sự liêm khiết của mình và trong một phiên tòa sẽ không bao giờ tuyên bố bất cứ điều gì mà ông không thể chứng minh đầy đủ bằng những chứng cứ khoa học. Tuy nhiên, vì ít khi có bằng chứng trong tâm lý học nên những nghi ngờ mà ông gieo xuống thường có lợi cho bị cáo và nhân chứng của bên khởi tố lại trở thành bạn thân thiết của bên bị khởi tố. Harry với tư cách là một sĩ quan cảnh

sát, đã sử dụng chuyên môn của Aune trong những vụ sát nhân lâu đến mức anh xem ông như đồng nghiệp. Còn với tư cách một kẻ nghiện rượu, Harry tin tưởng người đàn ông tốt bụng, thông minh và ngạo mạn một cách vừa phải này tới mức nếu bị đồn thì hẳn là anh sẽ gọi ông là bạn.

“VẬY đây là nơi ẩn náu của anh hả?” Aune hỏi.

“Vâng,” Harry nói, nhướn một bên mày với Maja đang đứng ở quầy, và cô ta đáp lại ngay lập tức bằng cách lao qua cánh cửa xoay để vào bếp.

“Anh cầm gì thế?”

“Ốt Nhật.”

Một giọt mồ hôi lăn xuống mũi Harry, đọng lại nơi chóp mũi trong một giây rồi rơi xuống khăn trải bàn. Aune nhìn vết ướm với vẻ kinh ngạc.

“MÁY điều hòa ì ạch quá,” Harry nói. “Tôi vừa đi tập gym về.”

Aune nhăn mũi. “Là người làm khoa học, tôi nghĩ là mình phải tán dương anh, nhưng với tư cách là nhà triết học thì tôi sẽ thắc mắc tại sao anh lại bắt cơ thể mình phải trải qua một chuyện khó chịu đến vậy.”

Một bình cà phê bằng thép và một cái cốc đặt xuống trước mặt Harry. “Cảm ơn cô, Maja.”

“MẶC cảm tội lỗi cắn rứt,” Aune nói. “Một số người chỉ có thể đối phó với điều đó bằng cách tự trừng phạt bản thân. Giống như khi anh bị suy sụp ấy, Harry. Trong trường hợp của anh, rượu không phải nơi ẩn náu mà là cách tự trừng phạt nặng nhất.”

“Cảm ơn ông. Tôi đã nghe ông đưa ra chẩn đoán đó rồi.”

“Thế đó có phải là lý do tại sao anh tập nặng đến thế không? Cắn rứt lương tâm ấy?”

Harry nhún vai.

Aune hạ thấp giọng. “CÓ phải anh vẫn đang đau đầu vì vụ Ellen không?”

Harry vụt ngược lên và bắt gặp ánh mắt của Aune. Anh chậm rãi đưa cốc cà phê lên môi và nhấp một hơi dài rồi nhăn mặt lại đặt xuống. “Không,

không phải là vụ của Ellen Gjelten. Chúng tôi chẳng đi tới đâu cả, nhưng không phải là vì chúng tôi kém cỏi. Điều đó thì tôi biết chắc. Rồi sẽ có đầu mối mới. Chúng tôi chỉ việc chờ thời cơ thôi.”

“Tốt,” Aune nói. “Cái chết của Ellen không phải do lỗi của anh. Hãy nghĩ đến điều đó trước hết. Và chớ quên rằng tất cả các đồng nghiệp của anh đều coi như thủ phạm đã bị bắt.”

“Có lẽ vậy, mà cũng có lẽ không. Hẳn ngẫm rồi còn đâu mà trả lời.”

“Đừng để điều đó trở thành một ám ảnh, Harry.” Aune thò hai ngón tay vào túi áo gi lê vải tuyết lồi ra một chiếc đồng hồ bỏ túi bằng bạc và liếc nhanh. “Nhưng tôi không nghĩ là anh muốn nói chuyện về tội lỗi đâu nhỉ?”

“Không, không hề.” Harry lôi một xấp ảnh chụp từ túi áo trong của anh ra. “Tôi muốn biết ông nghĩ gì về chuyện này.”

Aune chìa tay ra cầm lấy rồi lật qua xấp ảnh. “Trông như là một vụ cướp ngân hàng. Theo tôi hiểu thì đây không phải là việc của Đội Hình sự.”

“Cứ xem tấm ảnh tiếp theo rồi ông sẽ hiểu.”

“Thật vậy sao? Hẳn giơ một ngón tay về phía máy quay này.”

“Xin lỗi, tấm kế tiếp cơ.”

“Ồ. Có phải cô ta...?”

“Đúng, ông hầu như không thấy được tia lửa lóe lên vì đây là một khẩu AG3, nhưng hẳn vừa bắn xong. Nhìn đi, viên đạn vừa xuyên qua trán của người phụ nữ đó. Trong bức ảnh kế tiếp nó đã chui ra phía sau đầu cô ta và găm vào tấm gỗ bên cạnh vách ngăn bằng kính.”

Aune đặt mấy tấm ảnh xuống. “Tại sao anh cứ phải đưa cho tôi xem những tấm ảnh rùng rợn thế hả, Harry?”

“Để cho ông hiểu lý do của cuộc trò chuyện hôm nay. Xem tấm kế tiếp đi.”

Aune thở dài.

“Tên cướp vớ lấy tiền ở đó,” Harry nói và chỉ tay. “Tất cả những gì hẳn

phải làm bây giờ là tẩu thoát. Hẳn là một tên chuyên nghiệp, bình tĩnh, chính xác và không có lý do gì để dọa dẫm ai hay bắt ép ai phải làm gì. Nhưng hẳn lại trì hoãn việc tẩu thoát lại vài giây để bắn chết nhân viên giao dịch của ngân hàng. Đơn giản là vì người trưởng chi nhánh chậm mất sáu giây khi lấy tiền ra khỏi cây ATM.”

Aune cứ chậm rãi dùng thìa khuấy thành hình số tám trong cốc trà. “Và bây giờ anh đang tự hỏi động cơ của hắn là gì?”

“Ừ, vụ nào chẳng có động cơ, nhưng khó mà biết được ta phải nhìn vào khía cạnh nào thì hợp lý. Giả thuyết đầu tiên của ông là gì?”

“Rối loạn nhân cách nghiêm trọng.”

“Nhưng mọi chuyện khác hẳn làm đều có vẻ rất có lý.”

“Một người bị rối loạn nhân cách không có nghĩa là ngu ngốc. Những người mắc phải bệnh này thực hiện được mục tiêu của mình tốt y như người bình thường, mà thường là tốt hơn. Họ chỉ khác với chúng ta ở chỗ họ muốn những điều khác.”

“Thế còn ma túy? Có loại ma túy nào khiến một người vốn dĩ bình thường trở nên hung hăng đến mức muốn giết người không?”

Aune lắc đầu. “Ma túy sẽ chỉ làm nặng thêm hay yếu đi những khuynh hướng tiềm tàng thôi. Một kẻ say rượu mà giết vợ mình thì khi tỉnh hẳn cũng có xu hướng đánh đập cô ta. Vụ giết người cố ý như thế này thì hầu như luôn được thực hiện bởi những người có tố chất đặc biệt.”

“Vậy ông đang muốn nói rằng gã này tâm thần nặng?”

“Hoặc là đã được lập trình từ trước.”

“Lập trình trước ư?”

Aune gật đầu. “Anh có nhớ tên cướp không bao giờ bị bắt, Raskol Baxhet không?”

Harry lắc đầu.

“Dân Di gan,” Aune nói. “Có nhiều lời đồn đoán về nhân vật bí ẩn này

suốt nhiều năm. Hắn được cho là kẻ chủ mưu đứng sau tất cả những vụ cướp xe chở tiền và các tổ chức tài chính ở Oslo trong thập niên 1980. Phải mất nhiều năm cảnh sát mới chấp nhận là hắn có thật, nhưng ngay cả khi ấy, họ cũng không bao giờ thu được bất cứ bằng chứng nào chống lại hắn.”

“Giờ thì tôi đã mang máng nhớ ra rồi,” Harry nói. “Nhưng tôi tưởng hắn đã bị bắt cơ mà.”

“Nhầm. Người ta chỉ mới tóm được hai tên cướp đã cam kết sẽ cung cấp những chứng cứ chống lại Raskol, nhưng chúng đã biến mất trong những hoàn cảnh lạ lùng.”

“Không có gì là bất thường,” Harry nói, lôi ra một bao thuốc lá Camel loại hai mươi điếu.

“Bất thường ở chỗ lúc đó chúng đang ngồi tù.”

Harry khẽ huýt sáo. “Tôi vẫn nghĩ hắn đã tàn đời ở đó.”

“Đúng thế,” Aune nói. “Nhưng hắn không bị bắt. Raskol ra đầu thú. Một hôm, hắn đi đến bàn lễ tân ở Sở Cảnh sát, bảo hắn muốn thú tội về một chuỗi các vụ cướp ngân hàng trước kia. Đương nhiên, chuyện đó gây ra một cơn chấn động dữ dội. Không ai hiểu gì, còn Raskol thì từ chối không giải thích tại sao hắn lại ra đầu thú. Trước khi vụ đó được đưa ra xét xử, người ta gọi cho tôi đến kiểm tra xem tâm thần của hắn có bình thường không và đảm bảo những lời thú nhận của hắn sẽ có giá trị. Raskol đồng ý nói chuyện với tôi với hai điều kiện. Một là, hai chúng tôi sẽ chơi một ván cờ - đừng hỏi tôi là tại sao hắn biết tôi vẫn chơi cờ. Và, hai là, tôi mang theo bản dịch tiếng Pháp của cuốn Binh pháp, một cuốn sách cổ của Trung Hoa về các chiến lược quân sự.”

Aune mở hộp thuốc lá hai đầu nhãn hiệu Nobel Petit.

“Tôi đặt mua một cuốn sách từ bên Pháp và mang theo một bộ cờ vua. Tôi được cho vào phòng giam của hắn, và được đón chào bởi một người có vẻ ngoài của một thầy tu. Hắn hỏi mượn tôi cái bút, rồi giở sách ra và hát đầu ra

hiệu cho tôi xếp bàn cờ. Tôi bày các quân cờ ra và khai cuộc với thế cờ mở màn kiểu Reti - tức anh sẽ không tấn công đối thủ cho đến khi nào kiểm soát được khu vực trung tâm, thường có hiệu quả đối với các kỳ thủ hạng trung. Lúc đó, không thể nhìn thấy ý định của tôi chỉ qua một nước đi, nhưng gã Di gan đó ngược mắt lên khỏi cuốn sách và nhìn vào bàn cờ, vuốt chòm râu dê, nhìn tôi mỉm cười tinh quái, hí hoáy viết gì đó vào cuốn sách...”

Một chiếc bật lửa màu bạc bùng cháy ở phần đuôi điều thuốc lá hai đầu.

“... rồi lại đọc tiếp. Tôi bèn hỏi: ‘Anh không định đi một nước cờ nào sao?’ Tôi nhìn bàn tay hắn hí hoáy viết bằng cây bút của tôi trong lúc miệng trả lời: ‘Tôi không cần. Tôi đang viết về kết thúc của cuộc chơi này, từng nước một. Ông sẽ đá đổ quân vua của ông.’ Tôi giải thích rằng hắn sẽ không thể nào biết được cuộc đấu này sẽ diễn ra như thế nào chỉ sau một nước cờ. Hắn bảo: ‘Ông cá không?’ Tôi cố gắng cười xòa để xí xóa, nhưng hắn cứ nhất quyết đòi cá bằng được. Tôi đành phải đồng ý cá một trăm để hắn có tâm lý thoải mái cho cuộc phỏng vấn của tôi. Hắn đòi xem tờ tiền nên tôi phải đặt nó xuống bên cạnh bàn cờ nơi hắn có thể nhìn thấy. Hắn giơ tay lên như thể định đi nước của hắn, rồi mọi chuyện xảy ra rất nhanh.”

“Cờ chớp nhoáng à?”

Aune mỉm cười và trầm ngâm, nhả một vòng khói lên trần. “Loáng một cái, tôi đã bị siết chặt bởi một cánh tay như gọng kìm, đầu bị ép ngửa ra sau để mặt hướng lên trần nhà, và một giọng nói thì thâm vào tai tôi: ‘Ông có cảm thấy lưỡi dao không, Gadjo?’ Đương nhiên là tôi cảm thấy nó chứ, cái miếng thép mỏng như lưỡi lam, sắc lẹm đang gí sát vào họng tôi, đe dọa cửa vào da thịt tôi bất cứ lúc nào. Anh đã bao giờ trải qua cảm giác đó chưa, Harry?”

Bộ não của Harry hồi hải lướt qua những kinh nghiệm tương tự, nhưng không tìm thấy lần nào hoàn toàn giống vậy. Anh lắc đầu.

“Có cảm giác, như lời nhiều bệnh nhân của tôi đã nói, rõ ràng rành. Tôi sợ

đến mức suýt tè ra quần. Rồi hắn thì thảo vào tai tôi: ‘Hất đổ quân vua của ông đi, Aune.’ Hắn nói lỏng tay siết một chút để tôi có thể giơ tay lên hất văng quân cờ. Rồi hắn lại đột ngột thả tôi ra cũng nhanh y như vậy. Hắn quay về chỗ ngồi của mình bên kia bàn và đợi tôi đứng dậy lấy lại hơi. ‘Chuyện quái quỷ gì thế?’ Tôi rên lên. ‘Đó là một vụ cướp ngân hàng đấy,’ hắn đáp. ‘Đầu tiên là lên kế hoạch, rồi sau đó là thực hiện.’ Rồi hắn cho tôi xem những gì hắn đã ghi vào cuốn sách. Tôi chỉ nhìn thấy mỗi nước cờ duy nhất tôi đã đi và dòng chữ Vua trắng đầu hàng. Rồi hắn hỏi: ‘Chuyện này đã trả lời được những câu hỏi của ông chưa, Aune?’”

“Ông bảo sao?”

“Chẳng bảo gì cả. Tôi hét lên gọi lính gác tới. Tuy nhiên, trước khi anh ta vào, tôi vẫn cố hỏi Raskol câu cuối cùng, vì tôi biết tôi sẽ phải vò đầu bứt tai mà nghĩ về nó nếu tôi không có được câu trả lời ngay lúc đó. Tôi hỏi: ‘Liệu anh có làm chuyện đó không? Liệu anh có cửa sổ tôi nếu tôi không đầu hàng? Chỉ để thắng một ván cược ngớ ngẩn?’”

“Thế hắn trả lời ra sao?”

“Hắn cười và hỏi tôi có biết lập trình trước là thế nào không?”

“Vậy sao?”

“Chỉ mỗi thế thôi. Rồi cửa mở và tôi rời khỏi đó.”

“Nhưng hắn nói lập trình trước nghĩa là sao?”

Aune đẩy tách trà ra xa. “Anh có thể lập trình trước cho bộ não của mình tuân theo một mô thức hành động cụ thể nào đó. Bộ não sẽ gạt bỏ tất cả những phản xạ khác và đi theo những quy tắc đã định trước, dù cho có chuyện gì xảy ra. Sẽ có ích trong những tình huống mà phản xạ tự nhiên của bộ não là hoảng sợ. Như là khi dù không mở. Khi đó, tôi hy vọng là những người nhảy dù đã lập trình trước thao tác xử lý trong tình huống khẩn.”

“Hoặc là binh lính đang chiến đấu.”

“Chính xác. Tuy nhiên, có những phương pháp có thể lập trình con người

tới một mức độ mà họ đi vào một trạng thái thôi miên nào đó, không hề bị tác động bởi ngay cả những tác nhân mạnh nhất từ bên ngoài, và họ trở thành những rô bốt sống. Thực tế thì đây là giấc mơ của mọi vị tướng, để thực hiện đến đáng sợ, miễn là anh biết các kỹ thuật cần thiết.”

“Có phải ông đang ám chỉ thuật thôi miên không?”

“Tôi thích gọi nó là lập trình trước. Nghe có vẻ đỡ bí ẩn hơn. Đó là vấn đề mở và đóng các con đường của phản xạ thôi. Nếu thông minh, anh có thể dễ dàng lập trình cho bản thân mình, gọi là tự thôi miên. Nếu Raskol đã tự lập trình bản thân để giết tôi nếu tôi không chịu đầu hàng thì hẳn là hẳn sẽ tự ngăn mình thay đổi ý định.”

“Nhưng hẳn đã không giết ông mà.”

“Tất cả các chương trình đều có một nút thoát, một mật khẩu để đưa anh ra khỏi trạng thái thôi miên. Trong trường hợp này, có lẽ là việc tôi hất đổ quân vua.”

“Ừm. Nghe thú vị đấy.”

“Và giờ thì tôi đã đi đến kết luận...”

“Tôi nghĩ là tôi đã hiểu,” Harry nói. “Tên cướp ngân hàng trong xấp ảnh có thể đã tự lập trình bản thân là sẽ bắn nếu trưởng chi nhánh không làm khớp với giới hạn thời gian.”

“Các quy tắc của việc lập trình trước đều phải đơn giản,” Aune nói, thả mẫu thuốc lá vào cốc trà rồi úp cái đĩa lên trên. “Để anh rơi vào trạng thái mê muội, chúng phải thiết lập một hệ thống nhỏ, nhưng logic và khép kín, khước từ mọi suy nghĩ khác.”

Harry đặt đồng năm mươi krone bên cạnh cốc cà phê và đứng dậy. Aune lặng lẽ quan sát trong lúc anh thu lại hết những tấm ảnh rồi mới nói. “Anh không tin một lời nào tôi nói, phải không?”

“Không.”

Aune đứng dậy cài cúc áo vest che bụng lại. “Vậy thì anh tin vào điều gì?”

“Tôi tin vào cái mà kinh nghiệm dạy cho tôi.” Harry nói. “Những tên tội phạm đó rốt cuộc thì cũng ngu như tôi thôi, hành động vì những lựa chọn dễ dãi và có những động cơ chẳng có gì phức tạp. Tóm lại, mọi chuyện luôn đúng với vẻ bề ngoài của chúng. Tôi dám cá tên cướp đó hoặc đang phê lòi hoặc là đang sợ chết khiếp. Việc làm của hắn cực kỳ điên rồ và từ đó tôi kết luận rằng hắn là thằng ngu. Thử nghĩ về cái gã Di gan mà rõ ràng ông cho là hết sức thông minh đi. Hắn bị bóc lột bao lâu vì tội dùng dao tấn công ông?”

“Không ngày nào,” Aune đáp, miệng cười giễu cợt.

“Sao?”

“Người ta không hề tìm thấy con dao nào cả.”

“Tôi tưởng ông kể là ông bị khóa trong phòng giam của hắn.”

“Anh đã bao giờ nằm úp sấp trên bãi biển và bị đám bạn đi cùng bảo anh phải nằm im vì họ đang dự than nóng phía trên lưng anh chưa? Rồi anh nghe thấy ai đó kêu ối và ngay sau đó anh cảm thấy than đang cháy trên lưng mình?”

Bộ não của Harry lại sục tìm trong cái kho ký ức về những ngày nghỉ lễ của anh. Không mất nhiều thời gian lắm. “Chưa.”

“Nhưng hóa ra chỉ là một trò bịp; đó chỉ là những viên nước đá.”

“Thì sao?”

Aune thở dài. “Thỉnh thoảng tôi vẫn thắc mắc anh đã làm gì suốt ba mươi lăm năm qua trong lúc nói là mình vẫn đang sống, Harry ạ.”

Harry xoa mặt. Anh cảm thấy mệt mỏi. “OK, Aune, ý ông là gì?”

“Ý tôi là một kẻ giỏi lừa gạt sẽ có thể khiến anh tin rằng mép của tờ một trăm krone là một lưỡi dao.”

Cô gái tóc vàng nhìn thẳng vào mắt Harry và hứa hẹn với anh sẽ có nắng mặc dù sau đó trời sẽ nhiều mây. Harry nhấn nút OFF và tấm ảnh thu lại thành một chấm nhỏ sáng chói nằm chính giữa màn hình 14 inch. Nhưng khi anh nhắm mắt lại, thì hình ảnh của Stine Grette lại hiện ra trên võng mạc của anh, và anh nghe thấy tiếng của người phóng viên vang lên “... đến nay cảnh sát vẫn chưa tìm ra kẻ tình nghi nào trong vụ án này.”

Anh lại mở mắt ra và nhìn hình ảnh phản chiếu trên nền màn hình đã tắt. Chính anh, cái ghế bành có tựa lưng cao đã cũ, màu xanh lục nhẵn hiệu Elevator và cái bàn uống nước trống trơn, được trang trí bằng những vệt tròn do đáy cốc và chai để lại. Mọi thứ vẫn y nguyên như trước. Cái ti vi xách tay vẫn nằm trên cái giá ở giữa sách hướng dẫn du lịch Thái Lan của Lonely Planet và bản đồ các tuyến đường ở Na Uy từ hồi anh về sống ở đây đến giờ, và nó chưa hề xê xích một mét nào suốt mấy năm qua. Anh đã đọc về chứng bệnh Chán Sau Bảy Năm và chuyện người ta thường bắt đầu muốn một nơi ở mới. Hoặc một công việc mới. Hoặc bồ mới. Anh chẳng hề nhận thấy điều gì như vậy, mà anh vẫn làm công việc cũ suốt gần mười năm qua. Harry nhìn xuống chiếc đồng hồ đeo tay. Anna hẹn tám giờ.

Về chuyện tình cảm thì những mối quan hệ của anh chẳng bao giờ kéo dài đủ lâu để anh kiểm nghiệm lý thuyết này. Ngoại trừ hai mối tình lẽ ra đã có thể kéo dài lâu đến thế, chuyện yêu đương của Harry thường đột tử vì cái mà anh gọi là bệnh Chán Sau Sáu Tuần. Liệu có phải sự ngần ngại dính líu sâu là do kết cục bi thảm sau hai lần yêu hai người đàn bà không, anh cũng chẳng rõ. Hay là chính hai tình yêu không gì lay chuyển nổi của anh - điều tra những vụ giết người và rượu - là thủ phạm? Dù sao đi nữa thì trước khi gặp Rakel hai năm trước, anh đã bắt đầu ngả về quan điểm cho rằng anh không hợp với những mối tình bền lâu. Anh nghĩ về căn phòng ngủ rộng rãi, thoáng

mát của cô ở Holmenkollen. Những tiếng rì rầm hiều ngẫm mà họ thốt ra tại bàn ăn sáng. Bức tranh của Oleg trên cửa tủ lạnh, ba người đang nắm tay nhau, một trong số đó cao ngồng, cao ngang vầng mặt trời màu vàng trên nền trời trong xanh, bên dưới đề chữ HARRY.

Harry đứng lên khỏi ghế, tìm mẫu giấy có ghi số điện thoại của cô để bên cạnh cái máy trả lời tự động và bấm số vào di động. Điện thoại đổ bốn hồi chuông mới thấy giọng trả lời vang lên bên kia đầu dây.

“Chào anh, Harry.”

“Chào em. Sao em biết là anh?”

Một tiếng cười trầm, khẽ. “Anh đi đâu mất tiêu suốt mấy năm qua vậy, Harry?”

“Nay đây mai đó. Sao em lại hỏi thế? Anh lại nói gì ngu ngốc à?”

Cô lại bật cười to hơn.

“À, em thấy số của anh hiển thị trên màn hình. Anh ngốc quá.”

Harry nghe thấy mình nói năng chẳng ra đâu vào đâu, nhưng không sao. Quan trọng nhất là phải nói được chuyện anh cần nói rồi cúp máy. Thế là xong. “Nghe này, Anna, về cuộc hẹn của chúng ta tối nay...”

“Đừng có trẻ con thế, Harry!”

“Trẻ con ư?”

“Em đang làm món cà ri ngon nhất thiên niên kỷ đây. Nếu anh lại sợ là em sẽ dụ dỗ anh, thì em phải làm cho anh thất vọng đấy. Em chỉ nghĩ là chúng ta nợ nhau vài tiếng ngồi bên bàn ăn và chuyện phiếm thôi. Nhớ lại ngày xưa. Xóa bỏ các hiều lầm. Hoặc có lẽ là không. Có lẽ là cười với nhau nữa. Anh có nhớ món ớt Nhật không?”

“Ờ, có.”

“Tuyệt. Tám giờ đúng nhé?”

“Ừm...”

“Tốt.”

Harry đứng đó, trân trân nhìn cái điện thoại.

THÀNH PHỐ JALALABAD

“Tao sẽ giết mày sớm thôi,” Harry nói, siết chặt hơn khẩu súng bằng thép lạnh băng. “Tao chỉ muốn mày biết trước. Để mày nghĩ về điều đó. Mở miệng ra!”

Harry đang nói với đám búp bê bằng sáp. Bất động, vô hồn và không có nhân tính. Lúc này Harry đang toát mồ hôi bên trong lớp mặt nạ và mạch máu đập giần giật trên thái dương, mỗi nhịp đập lại làm anh hơi nhói lên một chút. Anh không muốn thấy mọi người xung quanh mình, không muốn bắt gặp một ánh mắt buộc tội nào từ phía họ.

“Cho tiền vào túi,” anh nói với người không rõ mặt đứng trước anh. “Rồi đặt cái túi lên trên đầu.”

Kẻ không mặt kia bật cười, và Harry bèn xoay khẩu súng để phang báng súng vào đầu hắn, nhưng bị trượt. Giờ thì những người khác trong ngân hàng cười rộ lên và Harry quan sát họ qua hai cái lỗ cắt không đều trên mặt nạ. Đột nhiên, họ trở nên thật quen thuộc. Cô gái đứng cạnh quầy giao dịch số 2 trông rất giống Birgitta. Và anh thề rằng người đàn ông da màu đứng bên quầy bán vé là Andrew. Và cái quý bà tóc trắng có cái xe đẩy tay kia...

“Mẹ,” anh thì thào.

“Anh có muốn tiền hay không đây?” kẻ không mặt nói. “Còn hai mươi lăm giây nữa thôi.”

“Tao mới là người quyết định thời gian bao lâu!” Harry gầm lên, thọc mạnh nòng súng vào cái miệng đen ngòm đang há ra của hắn. “Là mày. Tao đã biết ngay từ đầu. Mày sẽ chết trong vòng sáu giây nữa. Hãy lo cho cái

mạng mày đi!”

Một cái răng dính lủng lẳng vào lợi và máu ứa ra từ miệng kẻ không mặt nạ, nhưng hắn nói như thể hắn không hề nhận thấy: Tôi thì không thể bảo vệ việc giao phó thời gian và nguồn lực bằng những lý do cá nhân và duy tình được. Đâu đó có tiếng điện thoại réo liên hồi.

“Lo cho cái mạng mày đi! Lo cho mạng mày như cô ta ấy!”

“Đừng để nó biến thành ám ảnh, Harry.” Harry cảm thấy cái miệng đó đang nhai nòng súng.

“Cô ấy là đồng nghiệp của chúng ta, đồ khốn! Cô ấy là bạn...” Cái mặt nạ mắc vào miệng Harry và làm anh khó thở. Nhưng giọng nói của kẻ không mặt kia vẫn tiếp tục vang lên, không thêm đếm xỉa. “Tổng cô ta đi rồi.”

“... thân nhất của tôi.” Harry siết cò súng. Chẳng có gì xảy ra. Anh mở choàng mắt.

Ý nghĩ đầu tiên của Harry là anh vừa ngủ gật. Anh đang ngồi nguyên trên cái ghế bành màu xanh đỏ nhìn vào cái màn hình ti vi tắt lịm. Nhưng cái áo khoác thì mới xuất hiện. Nó đắp lên người anh, che kín một nửa khuôn mặt anh; anh còn thấy vài ươn ướt ở miệng.

Ánh nắng đã rọi khắp căn phòng. Rồi anh cảm thấy đau như búa bổ. Nó dội vào một dây thần kinh trong hốc mắt, hết lần này tới lần khác, với sự chính xác đến tàn nhẫn. Kết quả là cơn đau vừa dữ dội vừa quen thuộc.

Anh cố gắng tua lại cuộn băng. Có phải là cuối cùng anh đã tới quán Schröder không? Có phải anh đã uống rượu tại nhà Anna không? Nhưng tất cả đã đúng như anh sợ sự trống rỗng. Anh nhớ là mình đã ngồi trong phòng khách sau khi nói chuyện với Anna qua điện thoại, nhưng sau đó thì hoàn toàn chẳng nhớ gì.

Đúng lúc đó, thức ăn trong dạ dày trào lên. Harry bèn nhoài ra khỏi ghế và nghe thấy tiếng chất nôn bắn tóe trên sàn gỗ. Anh rên rỉ, nhắm mắt lại và cố gắng bỏ ngoài tai tiếng chuông điện thoại cứ réo ngăn ngắt. Khi máy trả lời tự

động xen vào, anh đã lại tiếp đi.

Cứ như thể có ai đó đã cắt nát thời gian của anh và vãi tung các mảnh vụn. Harry lại tỉnh giấc, nhưng chưa chịu mở mắt ngay để xem có thấy đỡ hơn được chút nào không. Anh chẳng thấy đỡ gì cả.

Những điểm khác biệt duy nhất là những nhát búa bây giờ tản ra rộng hơn, người anh hơi rình vì nôn mửa và anh biết rằng mình sẽ không thể ngủ lại được nữa. Anh đếm đến ba rồi dậy, loạng choạng bước tám bước vào trong nhà tắm, đầu gục xuống tận gối, trút nốt những gì còn sót lại trong dạ dày. Anh đứng vịn chặt vào bồn cầu trong lúc gắng sức để thở lại bình thường.

Rồi anh sửng sốt khi nhìn thấy trong dòng chất lỏng màu vàng đang chảy xuống trên lớp sứ trắng là những mẩu li li màu xanh và đỏ. Anh dùng ngón tay cái và tay trở nhặt được một mẩu màu đỏ, đưa ra trước vòi nước để rửa và giơ lên trước ánh sáng.

Rồi anh thận trọng đặt nó vào giữa hàm răng và nhai. Anh nhắm mắt khi nếm thấy vị cay xé của ớt Nhật. Anh rửa mặt rồi đứng thẳng dậy và bắt gặp cặp mắt to tròn màu đen trong gương ánh sáng của phòng khách khiến mắt anh nhức nhối trong lúc anh bật lại tin nhắn trên máy trả lời tự động.

“Tôi Beate Lønn đây. Hy vọng là không làm phiền anh, nhưng Ivarsson bảo tôi phải gọi cho mọi người ngay lập tức. Có một vụ cướp ngân hàng khác, tại chi nhánh ngân hàng Den norske ở phố Kirkeveien, đoạn giữa công viên Frogner và ngã tư Majorstuen.”

SƯƠNG MÙ

Mặt trời khuất sau màn mây màu xám thép đã trườn xuống rất thấp trên vịnh Oslo, và cơn gió Nam đang giật gần tới cấp độ bão, như một khúc dạo đầu cho cơn mưa đã được dự báo. Máng nước trên các mái nhà rít lên và các mái hiên di động bay phần phật suốt dọc phố Kirkeveien. Cây cối giờ đây đã trụi sạch lá; như thế những màu sắc cuối cùng đã bị rút mất khỏi thành phố và Oslo chỉ còn lại hai màu trắng và đen. Harry cảm cúi bước ngược chiều gió và cho tay vào túi để giữ chặt lấy áo khoác. Anh nhận thấy cái nút áo cuối đã tuột mất, có lẽ là từ tối hoặc đêm qua, và nó không phải là thứ duy nhất bị mất. Khi định gọi cho Anna để nhờ cô giúp tái hiện lại buổi tối hôm qua thì anh mới phát hiện ra là điện thoại di động của anh cũng đã mất. Và khi gọi cho cô bằng điện thoại cố định, anh nghe thấy một giọng nói lơ mờ nhắc anh nhớ tới một người dẫn chương trình từ ngày xưa. Nó thông báo rằng số máy anh vừa gọi hiện không liên lạc được, nhưng anh có thể để lại số hoặc tin nhắn. Anh chẳng buồn làm vậy.

Harry mau chóng tỉnh rượu và ngạc nhiên khi thấy chẳng khó gì cưỡng lại cơn thèm uống, cưỡng lại nỗi hồi thúc đi đoạn đường ngắn tới quán Vinmonopolet hay Schrøder. Thay vào đó, anh đi tắm, mặc quần áo, rồi đi bộ từ phố Sofies qua sân vận động Bislett, qua phố Pilestredet, rồi phố Stenspark và sang đường ở phố Majorstuen. Anh tự hỏi là mình đã uống loại rượu gì. Không thấy những cơn đau bụng tất yếu của một chai whisky có chữ ký của Jim Beam, chỉ có một màn sương bao phủ lên anh và che mờ mọi giác quan của anh, ngay cả những cơn gió dữ dội mới thổi tới cũng không thể xua nó đi.

Hai xe tuần tra cảnh sát có đèn xanh xoay tít đang đỗ bên ngoài chi nhánh ngân hàng Den norske. Harry chìa thẻ căn cước cho một sĩ quan mặc quân phục rồi chui qua dải băng ngăn đường của cảnh sát và đi tới chỗ cửa nơi Weber đang nói chuyện với một thuộc cấp ở bên Krimteknisk, Phòng Giám định Pháp y.

“Chào buổi chiều, ngài thanh tra,” Weber nói, nhấn mạnh vào chữ ‘buổi

chiều'. Ông ta nhướn mày khi thấy quầng thâm ở mắt của Harry. “Bắt đầu bị bà xã nện à?”

Harry không kịp nghĩ ra câu gì để đối đáp lại, bèn lấy một điều thuốc lá trong bao ra. “Ở đây có gì nào?”

“Một gã đeo mặt nạ với một khẩu AG3.”

“Và đã cao chạy xa bay?”

“Bay rất xa.”

“Đã ai nói chuyện với nhân chứng chưa?”

“Có rồi. Hai đồng nghiệp họ Li đang bận rộn ở Sở Cảnh Sát.”

“Đã biết được những chi tiết nào về vụ việc chưa?”

“Tên cướp cho bà trưởng chi nhánh hai mươi lăm giây để mở khóa cây ATM trong lúc hấn gí súng vào đầu một nữ giao dịch viên.”

“Và hấn bắt cô ta phải nói thay mình?”

“Đúng thế. Và khi hấn đi vào ngân hàng, hấn lặp lại chính xác những từ tiếng Anh đó.”

“Cướp đây. Không ai được nhúc nhích!” một giọng nói đột ngột vang lên sau lưng họ, sau đó là một tiếng cười ngắn, dứt quãng. “Anh đến được tốt quá, Hole. Ôi trời, bị trượt chân trong nhà tắm hả?”

Harry một tay châm thuốc, tay kia chìa hộp thuốc cho Ivarsson nhưng ông ta lắc đầu. “Thói quen xấu, anh Hole ạ.”

“Đúng thế.” Harry dứt bao thuốc lá Camel vào túi áo trong. “Đừng bao giờ mời thuốc lá mà phải đoán trước rằng một quý ông sẽ tự mua cho chính mình. Benjamin Franklin đã nói thế.”

“Vậ ư?” Ivarsson hỏi, phớt lờ Weber đang cười ngoác miệng. “Anh hiểu biết quá, Hole ạ. Có lẽ anh biết là tên cướp lại vừa gây án - đúng như chúng tôi đã nói chứ?”

“Làm sao ông biết được đó chính là hấn?”

“Như có lẽ anh đã nghe nói, vụ cướp lần này giống y đúc vụ cướp xảy ra ở

Bogstadveien.”

“VẬY Ừ?” Harry nói, hít một hơi sâu. “VẬY THÌ XÁC CHẾT ĐÂU?”

Ivarsson và Harry nhìn thẳng vào mắt nhau. Hàm răng bò sát lại lấp lánh. Weber vội chen vào: “Người trưởng chi nhánh đã làm rất nhanh. Bà ta đã lấy tiền ra trong vòng hai ba giây.”

“Không có nạn nhân nào bị giết,” Ivarsson nói. “Thất vọng sao?”

“Không,” Harry đáp, phì khói ra đằng mũi. Một cơn gió mạnh ào tới xua tan đám khói. Nhưng đám sương mù trong đầu anh vẫn không chịu tan đi.

Halvorsen đang nhìn Silvia bèn ngược lên khi thấy cửa mở.

“CẬU PHA NGAY CHO TÔI MỘT CỐC CÀ PHÊ ĐEN ĐẶC NHÉ?” Harry nói rồi ngồi phịch xuống ghế.

“VÀ XIN CHÀO BUỔI SÁNG NỮA,” Halvorsen nói. “TRÔNG ANH KINH QUÁ.”

Harry úp mặt vào lòng bàn tay: “TÔI CHẴNG NHỚ ĐƯỢC CÁI QUÁI GÌ VỀ CHUYỆN ĐÃ XẢY RA ĐÊM QUA. TÔI KHÔNG BIẾT MÌNH ĐÃ UỐNG PHẢI CÁI GÌ, NHƯNG TÔI SẼ KHÔNG BAO GIỜ ĐỂ MỘT GIỌT NÀO LỘT VÀO MIỆNG NỮA.”

Anh nhìn hé qua kẽ tay thì thấy cậu đồng nghiệp trán cau lại với đường hằn rõ sâu, có vẻ lo lắng.

“ BÌNH TĨNH ĐI, HALVORSEN, VIỆC NHỎ THÔI MÀ. GIỜ THÌ TÔI TĨNH NHƯ SÁO RỒI.”

“ĐÃ XẢY RA CHUYỆN GÌ?”

Harry cười nhạt. “ĐỒNG THỨC ĂN TRONG DẠ DÀY CHO BIẾT LÀ TÔI ĐÃ ĂN TỐI VỚI MỘT NGƯỜI BẠN CŨ. TÔI ĐÃ GỌI ĐIỆN VÀI LẦN ĐỂ XÁC NHẬN ĐIỀU ĐÓ NHƯNG CÔ ẤY KHÔNG NGHE MÁY.”

“CÔ ẤY Ừ?”

“ĐÚNG, CÔ ẤY.”

“MỘT CẢNH SÁT KHÔNG KHÔN NGOAN MẤY, HẢ?” Halvorsen dè dặt hỏi.

“CẬU TẬP TRUNG PHA CÀ PHÊ ĐI,” Harry làu bàu. “CHỈ LÀ MỘT CÔ BỒ CŨ. TRONG

sáng thôi.”

“Làm sao anh biết trong khi anh chẳng nhớ được chút gì?”

Harry xoa lòng bàn tay lên cái cằm chưa cạo, ngẫm nghĩ về điều mà Aune đã nói rằng ma túy chỉ có tác dụng tăng thêm những khuynh hướng tiềm tàng. Anh không rõ liệu mình có thấy được an ủi bởi điều đó không. Những chi tiết rời rạc bắt đầu xuất hiện. Một cái váy đen. Anna đã mặc một bộ váy đen. Và anh đang nằm trên cầu thang. Một người đàn bà đỡ anh dậy. Chỉ nhìn thấy một bên mặt. Giống như một bức chân dung mà Anna vẽ.

“Tôi vẫn hay mất trí nhớ tạm thời,” Harry nói. “Lần này cũng không có gì tệ hơn những lần khác cả.”

“Thế còn mắt anh?”

“Có lẽ là va vào tủ bếp khi về đến nhà hoặc đại loại như vậy.”

“Tôi không muốn khiến anh lo lắng, Harry, nhưng trông nó có vẻ nghiêm trọng hơn một cú va vào tủ bếp đấy.”

“Ừm,” Harry nói, đón lấy cốc cà phê bằng cả hai tay. “Trông tôi có phiền muộn gì lắm không? Những lần tôi say đến mức đánh lộn ai thì đó cũng là những người tôi không ưa ngay trong lúc tỉnh táo.”

“Mà tiện thể, Møller gửi lời nhắn cho anh đấy. Ông ấy bảo tôi nhắn anh là ổn rồi, nhưng không nói là cái gì ổn.”

Harry đảo ngậm cà phê trong miệng rồi mới nuốt xuống. “Rồi cậu sẽ biết thôi, Halvorsen, rồi cậu sẽ biết.”

Vụ cướp ngân hàng được nhóm điều tra mổ xẻ tại buổi họp chỉ thị ở Sở Cảnh sát chiều hôm đó. Didrik Gudmundson báo cáo rằng từ lúc chuông báo động kêu tới lúc cảnh sát đến nơi là ba phút, nhưng lúc đó tên cướp đã chạy xa khỏi hiện trường. Ngoài việc lập tức huy động xe tuần tra phong tỏa và chặn hết các phố lân cận; trong vòng mười phút sau đó, họ đã lập hàng rào chặn

bắt trên những tuyến đường giao thông chính: đường E18 gần khu ngoại ô Fornebu, đường Ring 3 gần sân vận động Ulleval, đường Trondheimsveien gần bệnh viện Aker, đường Griniveien ở khu ngoại ô Bærum và ngã tư gần quảng trường Carl Berners. “Tôi ước gì chúng ta có thể gọi đây là một hàng rào thép, nhưng các anh cũng biết vấn đề nhân sự của chúng ta hiện nay rồi đấy.”

Toril Li đã thăm vấn một nhân chứng báo rằng đã nhìn thấy một người đàn ông đội mũ trùm đầu nhảy vào ghế hành khách của một chiếc xe Opel Ascona màu trắng chờ sẵn trên đường Majorstuveien. Chiếc xe lập tức vòng sang trái đi thẳng qua đường Jacob AAls. Magnus Rian nói có một nhân chứng khác đã thấy một chiếc xe trắng, có lẽ là một chiếc Opel, lái vào một ga ra ở Vindern và ngay sau đó một chiếc Volvo màu xanh phóng ra khỏi đó. Ivarsson nghiên cứu tấm bản đồ treo trên cái bảng trắng.

“Nghe cũng có lý. Ola, phát báo động cả cho những chiếc Volvo màu xanh nữa. Weber?”

“Những sợi vải dệt,” Weber nói. “Hai sợi vương phía sau quầy giao dịch mà hần nhảy qua và một ở cạnh cửa ra vào.”

“Có thể chứ!” Ivarsson dấm tay vào không khí. Ông ta bắt đầu khệnh khạng đi vòng quanh bàn phía sau lưng họ khiến Harry thấy cực kỳ khó chịu. “Vậy là chúng ta chỉ việc tìm ra vài ứng viên. Chúng ta sẽ tung đoạn băng về vụ cướp đó lên mạng ngay khi Beate biên tập xong.”

“Làm thế có khôn ngoan không?” Harry hỏi, nhún đẩy cái ghế của anh ra phía sau chạm vào tường để chặn đường Ivarsson.

Sếp Đơn vị Chống Cướp nhìn anh ngạc nhiên. “Khôn ngoan ư? Chính xác thì chúng ta sẽ không phản đối bất cứ ai gọi tới để cung cấp tên của kẻ trong cuốn băng.”

Ola xen vào. “Ông có nhớ lần một bà mẹ gọi tới bảo bà vừa thấy con trai mình trong một video vụ cướp trên mạng không? Nhưng hóa ra hần đã bị

tổng vào tù vì một vụ cướp khác?”

Mọi người cười rộ. Ivarsson cười mỉm. “Chúng ta sẽ không bao giờ gạt bỏ nhân chứng mới, anh Hole ạ.”

“Hoặc là một kẻ bắt chước mới?” Harry vòng hai tay ra sau đầu.

“Một kẻ bắt chước ư? Thôi nào, kiểm chế chút đi, Hole.”

“Ừm. Nếu hôm nay tôi mà đi cướp ngân hàng thì rõ ràng là tôi sẽ bắt chước tên cướp ngân hàng đang bị lùng sục gắt gao nhất ở Na Uy vào lúc này và chuyển hướng nghi ngờ về phía hăn. Toàn bộ chi tiết về vụ cướp trên phố Bogstadveien đều đã được đăng trên mạng cả.”

Ivarsson lắc đầu. “Tôi e là một tên cướp ngân hàng bình thường ngày nay không phức tạp đến thế đâu, anh Hole ạ. Có ai khác muốn giải thích cho Đội Hình sự nghe về dấu hiệu phân biệt đặc thù của một tên cướp ngân hàng đã có thâm niên không? Không ư? Ừm, hăn luôn - với sự chính xác kinh khủng - lặp lại những gì hăn đã làm trong những lần trót lọt trước đó. Chỉ khi nào thất bại - tức là không lấy được tiền hay bị bắt - thì hăn mới thay đổi cách thức.”

“Điều đó chứng minh cho giả định của ông, nhưng nó không loại trừ giả định của tôi,” Harry nói.

Ivarsson nhìn khắp lượt mọi người quanh bàn như muốn cầu viện. “Tốt thôi, anh Hole. Anh sẽ có cơ hội để kiểm tra giả định của mình. Thật ra, tôi đã quyết định thử nghiệm một cách tiếp cận mới. Cơ bản là một nhóm nhỏ sẽ làm việc độc lập, nhưng song hành, cùng với nhóm điều tra này. Ý tưởng này do FBI khởi xướng và nhằm mục đích tránh đi vào lối mòn, chỉ có một quan điểm trong một vụ án, vốn thường xuyên xảy ra với những nhóm cảnh sát lớn khi, do hữu ý hay vô tình, hình thành một sự nhất trí về những đặc điểm chính của cuộc điều tra. Nhóm nhỏ này có thể đưa ra một điểm mới vì họ làm việc độc lập và không chịu ảnh hưởng của nhóm lớn. Phương pháp này tỏ ra có hiệu quả trong những vụ án hóc búa. Tôi chắc chắn rằng hầu hết chúng ta ở đây đều đồng ý rằng thanh tra Harry Hole có sẵn những năng lực để là một

thành viên của nhóm này.”

Tiếng cười hình hích lan ra. Ivarsson dừng lại phía sau ghế của Beate. “Beat, cô sẽ tham gia cùng với Harry.”

Beate đỏ mặt. Ivarsson đặt tay lên vai cô như cha với con. “Nếu có gì không ổn, cô chỉ cần báo cáo lại.”

“Chắc chắn rồi,” Harry đáp thay.

Harry đang định mở cửa trước tòa chung cư của mình thì đổi ý và quay lại mười mét tới chỗ cửa hàng tạp hóa nhỏ nơi Ali đang bê những thùng rau quả từ vỉa hè vào.

“Chào anh, Harry! Đã chờ chưa?” Ali cười toe toét và Harry nhắm mắt lại một giây. Đúng như anh đã sợ.

“Anh đã giúp tôi phải không, Ali?”

“Chỉ đưa anh lên phòng thôi. Khi mở cửa phòng xong thì anh bảo anh có thể tự lo.”

“Tôi đã về nhà bằng gì? Đi bộ hay là...”

“Taxi. Anh nợ tôi một trăm hai mươi krone.”

Harry rên lên và theo Ali vào cửa hàng. “Tôi xin lỗi, Ali. Thật lòng đấy. Anh kể vắn tắt lại cho tôi nghe, bỏ bớt những chi tiết đáng xấu hổ đi, được không?”

“Anh và người lái xe cãi nhau ngoài đường. Mà phòng ngủ của chúng tôi thì nằm ở hướng đó.” Anh ta nói thêm với nụ cười dễ mến: “Có cái cửa sổ ở đó thật kinh khủng.”

“Lúc đó là tầm nào?”

“Giữa đêm.”

“Anh thức dậy lúc năm giờ, Ali. Tôi không biết những người như anh nói giữa đêm là mấy giờ.”

“Mười một rưỡi. Ít ra là vậy.”

Harry hứa chuyện đó sẽ không bao giờ lặp lại nữa. Ali gật đầu lia lịa theo kiểu người ta vẫn hay gật khi nghe những chuyện mà họ đã thuộc lòng. Harry hỏi làm thế nào để cảm ơn anh ta cho xứng thì Ali bảo Harry có thể cho anh ta thuê lại cái kho không sử dụng của anh. Harry bảo anh sẽ nghĩ thêm về chuyện đó và trả tiền taxi cho Ali, mua một chai Coca, một túi mì ống và thịt viên.

“Thế là hết nợ nhé,” Harry nói.

Ali lắc đầu. “Còn lệ phí hăng quý nữa,” vị chủ tịch kiêm thủ quỹ và Ngài Sửa chữa của ban quản lý chung cư nói.

“Ôi, chết tiệt, tôi quên mất đấy.”

“Eriksen.” Ali mỉm cười.

“Đó là ai?”

“Một người viết thư cho tôi hỏi mùa hè năm ngoái. Ông ta hỏi tôi số tài khoản để trả tiền cho tháng Năm và tháng Sáu năm 1972. Ông ta cho rằng đó là lý do khiến ông ta mất ngủ suốt ba mươi năm qua. Tôi viết lại, trả lời rằng không ai ở tòa nhà này còn nhớ nổi ông ấy nên ông ấy không cần phải trả nữa.” Ali trỏ một ngón tay vào Harry. “Nhưng tôi không định làm thế với anh đâu.”

Harry giơ cả hai tay lên đầu hàng: “Mai tôi sẽ chuyển tiền cho anh.”

Việc đầu tiên Harry làm khi về tới căn hộ của mình là gọi lại vào số của Anna. Lại vẫn cái giọng trả lời tự động lần trước. Nhưng anh vừa mới trút túi mì ống và thịt viên vào chảo thì nghe thấy tiếng điện thoại réo át cả tiếng xèo xèo. Anh bèn chạy ra sảnh vô lấy điện thoại.

“A lô!” anh nói như hét.

“Chào anh,” giọng phụ nữ quen thuộc cất lên phía đầu dây bên kia, có vẻ hơi giật mình.

“À, là em.”

“Vâng, thế anh nghĩ là ai?”

Harry nhắm nghiền hai mắt. “Công việc ấy mà. Vừa có một vụ cướp nữa.” Những lời nói đó có vị đắng như mật và cay như ớt. Cơn đau âm ỉ phía sau mắt lại tái phát.

“Em đã cố gọi vào di động cho anh,” Rakel nói.

“Anh bị mất điện thoại.”

“Mất ư?”

“Để quên đâu đó, hoặc là bị móc trộm. Anh cũng chẳng biết nữa, Rakel ạ.”

“Có chuyện gì trục trặc à, Harry?”

“Trục trặc á?”

“Nghe giọng anh có vẻ... căng thẳng.”

“Anh...”

“Ừm, sao?”

Harry hít vào. “Vụ xét xử thế nào rồi?”

Harry đang nghe nhưng không thể sắp xếp các từ theo trật tự thành câu có nghĩa. Anh nghe lồm bồm được mấy cụm từ ‘tình trạng tài chính’, ‘tốt nhất cho đứa trẻ’ và ‘phân xử’ và phỏng đoán là không có mấy tin tức mới. Cuộc gặp tiếp theo với luật sư đã bị hoãn đến thứ Sáu; Oleg vẫn ổn, nhưng đã chán ở khách sạn.

“Bảo với nó là anh đang mong hai mẹ con về đây,” anh nói.

Khi họ cúp máy, Harry đứng đó tự hỏi liệu anh có nên gọi lại không. Nhưng để làm gì? Để nói với cô rằng anh đã được một cô bồ cũ mời đến ăn tối mà anh lại chẳng hề nhớ chuyện gì đã xảy ra sao? Harry đặt tay lên chiếc điện thoại để bàn, nhưng chuông báo cháy trong bếp bỗng kêu rinh lên. Và khi anh vừa nhấc cái chảo xuống khỏi ngăn bên của bếp rồi mở toang cửa sổ ra thì điện thoại lại réo. Sau này, ngẫm lại Harry thấy rằng giá Bjarne Møller không gọi cho anh tối hôm đó thì mọi chuyện đã khác đi rất nhiều.

“Tôi biết là cậu vừa hết ca trực,” Møller nói, “Nhưng chúng ta đang hơi thiếu nhân sự, người ta vừa phát hiện ra một người phụ nữ chết trong căn hộ của mình. Có vẻ như cô ta dùng súng tự sát. Cậu ghé qua đây xem thế nào được không?”

“Tất nhiên rồi, thưa sếp. Hôm nay tôi nợ sếp mà. Mà nhân thế, Ivarsson đã nói ý tưởng điều tra song song là của ông ta đấy.”

“Thế cậu sẽ làm gì nếu cậu là sếp mà lại nhận một mệnh lệnh từ trên xuống như thế?”

“Mới nghĩ đến chuyện tôi là sếp đã thấy kỳ dị rồi, sếp ạ. Vậy tôi tới chỗ căn hộ đó thế nào?”

“Cứ ở nhà đi. Tôi sẽ qua đón cậu.”

Hai mươi phút sau, tiếng chuông chói tai hiếm khi nghe thấy làm Harry giật bắn người. Giọng nói lạnh lạnh và bị méo tiếng do hệ thống điện thoại nội bộ báo rằng taxi đã tới, nhưng Harry vẫn cảm thấy rợn tóc gáy. Khi đi xuống cầu thang và thấy chiếc xe Toyota MR2 thể thao màu đỏ, gầm thấp, những nghi ngờ của anh đã được xác định chắc chắn.

“Chào anh, Hole.” Giọng nói đó phát ra từ cửa kính chiếc xe để mở, nhưng nó sát với mặt đường nhựa đến mức Harry không thể nhìn thấy người đang nói. Harry mở cửa xe và được đón chào bằng tiếng bass từng bừng, tiếng organ giả tạo như là kẹo mật màu xanh và một giọng nam cao quen thuộc. “Trông anh gợi tình bỏ mẹ!”

Phải vất vả lắm Harry mới nhét mình ngồi vừa cái ghế đơn bé tí.

“Đêm nay có hai chúng ta,” thanh tra Tom Waaler nói, mở cái hàm kiểu Đức ra và để lộ một hàng răng không tì vết đầy ấn tượng nằm giữa khuôn mặt rám nắng. Nhưng cặp mắt xanh thì vẫn lạnh lùng như băng Bắc Cực. Có nhiều người ở Sở Cảnh sát không ưa Harry, nhưng theo anh được biết chỉ có một người thật sự đem lòng thù ghét anh. Harry biết, trong mắt Waaler, anh là một đại diện không xứng đáng của lực lượng cảnh sát, và vì thế là một sự sỉ

nhục cá nhân.

Có vài lần, Harry đã nói thẳng rằng anh không chia sẻ quan điểm phát xít ngầm của Waaler và các đồng nghiệp khác về người đồng tính, cộng sản, những kẻ lừa đảo để lĩnh trợ cấp thất nghiệp, dân Pakistan, dân Tàu, dân mọi đen, dân Di gan, và dân Nam Âu, còn Waaler thì lại gọi Harry là một ‘gã phóng viên nhạc rock say xỉn’. Tuy nhiên, Harry ngờ rằng lý do thật sự khiến anh ta căm ghét anh là vì anh nghiện rượu. Tom Waaler không tha thứ cho sự yếu đuối. Harry cho rằng đó là lý do tại sao anh ta dành nhiều thời gian đến thể ở phòng tập thể hình để tập đá cao chân, đấm bao cát và có một loạt bạn cùng tập quyền Anh.

Trong căng tin, Harry đã nghe lỏm thấy một sĩ quan trẻ, giọng có vẻ ngưỡng mộ, miêu tả Waaler đã bẻ gãy cả hai tay một thằng choai choai biết võ karate trong một băng nhóm người Việt ở gần nhà ga trung tâm Oslo.

Căn cứ vào quan điểm của Waaler về màu da, Harry thấy thật ngược đời khi người đồng nghiệp của anh lại dành nhiều thời gian trong phòng tắm nắng, nhưng có lẽ một người hay đùa đã nói đúng: Waaler thật ra không phải là một người phân biệt chủng tộc. Anh ta thích đánh bọn phát xít mới cũng ngang với thích đánh đám da đen.

Trên tất cả những hiểu biết thông thường, có vài vấn đề không ai hiểu đúng nghĩa, nhưng dù sao một số người vẫn có trực giác nào đó. Đã hơn một năm kể từ khi Sverre Olsen - người duy nhất có thể nói với họ tại sao Ellen Gjeltén bị giết - được tìm thấy nằm trên giường với một khẩu súng vẫn còn ấm trong tay và một viên đạn từ khẩu Smith & Wesson của Waaler xuyên vào giữa hai mắt.

“Cẩn thận đấy, Waaler.”

“Xin lỗi, anh bảo gì?”

Harry với tay ra và vắn nhỏ những tiếng rên rỉ của cuộc làm tình. “Tối nay có băng.”

Động cơ xe chạy vo vo như máy khâu, nhưng âm thanh đó dễ khiến người ta nhầm lẫn; khi chiếc xe tăng tốc, Harry mới thực sự cảm thấy cái lưng ghế cứng đến mức nào. Họ phóng như bay lên ngọn đồi cạnh công viên Stenpark dọc theo đường Suhms.

“Chúng ta đi đâu thế?” Harry hỏi.

“Đây,” Waaler đáp, quay ngoắt sang bên trái ngay trước mũi một chiếc xe đang chạy tới. Cửa kính xe vẫn để mở và Harry có thể nghe thấy tiếng lá ẩm ướt dính vào lớp xe.

“Mừng anh trở lại Đội Hình sự,” Harry nói. “Chẳng phải là người ta muốn anh ở Cục An ninh sao?”

“Tái cơ cấu,” Waaler nói. “Vả lại ngài Giám đốc Sở và Møller muốn tôi quay lại đây. Tôi đã làm được một số việc khá hữu ích ở Đội Hình sự, nếu anh còn nhớ.”

“Làm sao tôi quên được.”

“Người ta vẫn hay nói nhiều về những hậu quả lâu dài của việc nghiện rượu mà.”

Harry vừa mới tì cánh tay lên bảng đồng hồ thì xe đột ngột phanh gấp khiến anh ngã chúi về phía kính chắn gió. Ngăn chứa đồ lật vật bật mở và có gì đó nặng trĩch rơi trúng đầu gối Harry rồi rớt xuống sàn xe.

“Cái quái gì thế?” anh rên lên.

“Một khẩu Jericho 941, loại súng được phát cho cảnh sát Israel,” Waaler nói, tắt máy. “Chưa nạp đạn. Cứ để nó ở đấy. Chúng ta tới nơi rồi.”

“Đây á?” Harry sững sốt hỏi và cúi xuống để nhìn tòa chung cư sơn vàng trước mặt.

“Sao lại không?” Waaler nói, đã bước một chân ra khỏi xe.

Harry cảm thấy tim bắt đầu đánh trống. Khi anh quờ tìm tay cầm của xe với cả trăm ý nghĩ đang nhảy nhót trong đầu, chỉ một ý nghĩ nằm lại được: lẽ ra anh phải gọi lại cho Rakel.

Sương mù lại trở lại. Nó thấm qua các con phố, qua những kẻ hờ quanh những ô cửa sổ đóng kín phía sau những cái cây trên đại lộ, qua cánh cửa màu xanh mở ra sau khi họ nghe thấy tiếng Weber xẵng giọng quát vào điện thoại nội bộ, và qua những lỗ khóa trên những cánh cửa họ đi qua khi lên lầu. Nó giống như một cái chần bông len quấn quanh Harry, và khi họ vào tới bên trong căn hộ, Harry có cảm giác như đang bước trên mây. Mọi vật quanh anh - con người, những giọng nói, tiếng rè rè của bộ đàm, ánh sáng của đèn flash máy ảnh - đều khoác một vẻ mờ ảo như trong mơ, một vỏ bọc của sự tách biệt vì đây không phải, không thể, là thật. Nhưng, đứng trước chiếc giường nơi người chết nằm với khẩu súng trong tay phải và một cái lỗ đen ngòm trên thái dương, anh lại thấy mình không thể nhìn vào vết máu trên gối hay vào đôi mắt trống rỗng, oán trách của cô. Thay vì thế, anh nhìn chăm chăm vào đầu giường, vào con ngựa với cái đầu bị cắn đứt, hy vọng màn sương sẽ sớm rút đi để anh tỉnh dậy.

PHẦN IV

PHỐ SORGENFRIGATA

Xung quanh anh, những giọng nói vang lên rồi lặng im.

“Tôi là thanh tra Waaler. Ai đó kể vắn tắt sự việc cho tôi được không?”

“Chúng tôi tới đây bốn mươi lăm phút trước. Người thợ điện ở đây đã phát hiện ra cô ta.”

“Khi nào?”

“Lúc năm giờ. Anh ta gọi cho cảnh sát ngay lập tức. Tên anh ta là... để tôi xem nào... René Jensen. Tôi có mã số thuế và cả địa chỉ của anh ta nữa.”

“Tốt. Gọi ngay và kiểm tra hồ sơ của anh ta.”

“Vâng.”

“Anh là René Jensen phải không?”

“Vâng.”

“Anh qua đây được không? Tôi là Waaler. Làm thế nào anh vào đây được?”

“Như tôi đã nói với ngài sĩ quan kia, tôi vào bằng cái chìa dự phòng này. Cô ta để lại cửa hàng của tôi hôm thứ Ba vì cô ta sẽ không có nhà lúc tôi tới.”

“Vì cô ta đi làm?”

“Tôi không biết. Tôi không nghĩ cô ta có việc làm. Ừm, tức là một công việc bình thường. Cô ta bảo cô ta đang chuẩn bị cho một cuộc triển lãm về cái gì đó.”

“VẬY tức là cô ta là nghệ sĩ. Có ai ở đây từng nghe nói về cô ta không?”

Im lặng.

“Anh làm gì ở phòng ngủ, Jensen?”

“Tôi đi tìm nhà tắm.”

Một giọng khác cất lên: “Nhà tắm ở sau cửa kia.”

“Được rồi. Anh có thấy bất cứ điều gì khả nghi là khi bước vào căn hộ này không, Jensen?”

“Ờ... anh nói khả nghi nghĩa là sao?”

“Cửa có bị khóa không? Có cửa sổ nào mở không? Có mùi hay tiếng động đặc biệt nào không? Bất cứ thứ gì.”

“Cửa bị khóa. Không thấy cửa sổ mở, nhưng tôi không nhìn. Mùi duy nhất là thứ dung môi đó...”

“Nhựa thông?”

Một giọng nói khác: “Có vài vật liệu vẽ tranh ở một trong các phòng lớn.”

“Cảm ơn anh. Anh còn nhận thấy điều gì khác nữa không, Jensen?”

“Anh còn hỏi cái gì nữa ấy nhỉ?”

“Tiếng động.”

“À, đúng rồi! Tiếng động. Không, không thấy nhiều tiếng động, im lặng như trong mồ. Tức là... ha ha... ý tôi không phải là...”

“Được rồi, Jensen. Anh đã bao giờ gặp người đã khuất chưa?”

“Trước khi cô ta tới cửa hiệu của tôi thì tôi chưa từng gặp. Lúc đó trông cô ta tươi tỉnh lắm.”

“Cô ta muốn thuê anh làm gì?”

“Sửa lại bộ điều chỉnh nhiệt cho máy sưởi dưới sàn nhà tắm.”

“Anh làm ơn giúp chúng tôi kiểm tra xem liệu có đúng là dây cáp trực trực được không? Xem liệu cô ta thậm chí có dây cáp điện của hệ thống sưởi không?”

“Để làm gì? Ồ, tôi hiểu rồi, có lẽ cô ta đã bịa ra tất cả những chuyện này để chúng ta phát hiện ra cô ta phải không?”

“Đại loại vậy.”

“Vâng, ừm, bộ điều chỉnh nhiệt đã bị cháy.”

“Cháy ư?”

“Không hoạt động được.”

“Làm sao anh biết.”

Im lặng.

“Hẳn là anh đã được thông báo là không được đụng vào bất cứ thứ gì phải không, Jensen?”

“Vâng, nhưng mãi lâu sau các anh mới tới, và tôi thấy bứt rứt không yên nên phải tìm một việc gì đó để làm.”

“Tức là, bây giờ người đã khuất có một bộ điều chỉnh nhiệt đã hoạt động hoàn toàn bình thường?”

“Ờ... ha ha... vâng.”

Harry cố gắng tránh xa khỏi cái giường, nhưng đôi chân anh không chịu làm theo. Bác sĩ đã vuốt mắt Anna và lúc này trông cô như đang ngủ. Tom Waaler đã cho người thợ điện về nhà và dặn anh ta phải luôn sẵn sàng trình diện trong mấy ngày tới. Anh ta cũng cho giải tán đám cảnh sát tuần tra mặc đồng phục đã tới khi nhận được cuộc gọi. Bình thường thì hẳn Harry không bao giờ tin nổi là anh lại đang cảm thấy thế này, nhưng quả thật là anh thấy mừng vì có Waaler ở đây. Nếu không có sự hiện diện của người đồng nghiệp dày dạn này thì sẽ không có nổi một câu hỏi khôn ngoan, và thậm chí còn có ít quyết định sáng suốt hơn nữa.

Waaler hỏi vị bác sĩ pháp y xem liệu ông ta có thể cung cấp cho họ những kết luận tạm thời nào không.

“Viên đạn rõ ràng là xuyên qua sọ, phá hủy não và vì thế làm ngưng hoàn toàn mọi chức năng sống của cơ thể. Nếu giả định là nhiệt độ trong phòng không thay đổi thì nhiệt độ cơ thể của cô ta cho thấy cô ta đã chết được ít nhất mười sáu tiếng. Không có dấu hiệu bạo lực. Không thấy vết tiêm hay

dấu hiệu bên ngoài của việc sử dụng thuốc. Tuy nhiên...” Vị bác sĩ ngừng lại để gây ấn tượng. “Những vết sẹo trên hai cổ tay cho thấy rằng cô ta đã từng tự tử hụt. Một phỏng đoán thuần túy giả thuyết nhưng dựa trên kinh nghiệm cho thấy cô ta mắc chứng trầm cảm hưng phấn, hoặc đơn giản chỉ là trầm cảm, và muốn tự sát. Tôi dám cá rằng chúng ta sẽ tìm được hồ sơ bệnh án của cô ta ở chỗ một bác sĩ tâm lý nào đó.”

Harry cố gắng nói gì đó, nhưng cả lưỡi cũng cứ riu lại. “Tìm hiểu kỹ hơn thì tôi sẽ biết được nhiều hơn.”

“Cảm ơn bác sĩ. Ông có gì cho chúng tôi không, Weber?”

“Hung khí là một khẩu Beretta M92F, một loại súng rất hiếm gặp. Chúng tôi chỉ tìm được một bộ vân tay trên băng súng, và rõ ràng đều là của cô ta. Viên đạn găm vào thành giường và khớp với kích cỡ của súng, vì thế báo cáo về đạn đạo học sẽ cho thấy nó được bắn ra từ khẩu súng này. Mai anh sẽ nhận được bản báo cáo đầy đủ.”

“Tốt, Weber. Còn một chuyện nữa. Khi tay thợ điện tới thì cánh cửa đã bị khóa. Tôi nhận thấy cánh cửa này được lắp loại khóa chuẩn và không có then cửa, vậy thì không ai có thể vào rồi ra khỏi căn hộ, đương nhiên là trừ phi họ lấy chìa khóa của người chết rồi khóa cửa lại sau khi ra khỏi. Nói cách khác, nếu chúng ta tìm ra chìa khóa của cô ấy, chúng ta có thể phá vụ này.”

Weber gật đầu và nhắc lên một cái bút chì màu vàng, trên đó lủng lẳng cái khuyên tròn móc vào chiếc chìa khóa. “Nó nằm trên mặt tủ ngăn kéo ở ngoài sảnh. Nó là một loại chìa khóa hệ thống có thể mở được cửa chính tòa nhà và tất cả các phòng sử dụng chung. Tôi đã kiểm tra và nó vừa như in với ổ khóa trên cửa căn hộ này.”

“Tuyệt. Thế thì căn bản chúng ta chỉ còn thiếu mỗi một lá thư tuyệt mệnh. Có ai phản đối việc coi vụ này là đã ba năm rồi mười không?”

Waalder nhìn Weber, ông bác sĩ và Harry. “OK. Vậy là có thể báo tin buồn cho gia đình để họ đến nhận.”

Anh ta đi ra sảnh trong lúc Harry đứng lại bên giường. Lát sau, Waaler lại ló đầu vào.

“Thật tuyệt khi tất cả các miếng ghép đều ráp vào đúng vị trí, phải không Hole?”

Não của Harry truyền tín hiệu cho đầu anh phải gật, nhưng anh không biết nó có nghe theo hay không.

ẢO THUẬT

Tôi đang xem cuốn băng ghi hình đầu tiên. Khi tôi tua chậm từng khung hình, tôi thấy tia lửa tóe ra. Những hạt thuốc súng vẫn chưa bị chuyển hóa hoàn toàn thành năng lượng, giống như một đám tinh vân li ti lóe sáng theo sau một sao chổi lớn khi đi vào khí quyển thì bùng cháy trong khi sao chổi vẫn lảng lảng bay nốt hành trình của nó. Và không ai có thể làm bất cứ điều gì vì đây là chuyến hành trình đã định sẵn từ trước cả triệu năm, trước cả khi có loài người, có cảm xúc, có thù hận và khoan dung. Viên đạn xuyên vào đầu, cắt ngang hoạt động của bộ não và thu hồi những giấc mơ. Tại phần lõi của hộp sọ, ý nghĩ cuối cùng, một xung động thần kinh từ trung khu đau đớn, tan tành. Đó là tín hiệu cầu cứu cuối cùng đầy mâu thuẫn gửi tới chính nó, trước lúc mọi thứ rơi vào im lặng. Tôi nhấp vào tiêu đề cuốn băng thứ hai. Tôi nhìn ra bên ngoài cửa sổ trong lúc chiếc máy tính ro ro chạy, sục tìm trên mạng Internet buổi đêm. Có những vì sao trên trời và tôi nghĩ rằng mỗi vì sao ấy là một bằng chứng về sự tất yếu của số phận. Chúng chẳng có ý nghĩa gì cả; chúng được nâng lên cao hơn nhu cầu của con người về sự logic và bối cảnh. Và tôi nghĩ đó là lý do tại sao chúng lại đẹp đến vậy.

Rồi cuốn băng thứ hai đã sẵn sàng. Tôi nhấn nút PLAY. Chơi một trò chơi.

Nó giống như một nhà hát lưu động cứ diễn đi diễn lại một tiết mục, nhưng ở địa điểm khác nhau. Lời thoại và hành động cũ, trang phục cũ, phối cảnh cũ. Chỉ có các vai phụ là thay đổi. Và màn kết nữa. Tối nay không có bi kịch nào.

Tôi thấy hài lòng với mình. Tôi đã phát hiện ra căn cốt của nhân vật mà tôi thủ vai - kẻ thù chuyên nghiệp lạnh lùng, biết chính xác mình muốn gì và sẽ giết người nếu phải làm vậy. Không ai cố gắng kéo dài thời gian; không ai dám bắt chước vụ ở Bogstadveien. Và đó là lý do tôi là Chúa trong vòng hai phút, một trăm hai mươi giây tôi cho mình. Trò ảo thuật đã có tác dụng. Bộ quần áo dày cộp bên trong bộ đồ bảo hộ lao động, giày hai đáy, kính áp tròng đổi màu và những thao tác được tập đi tập lại.

Tôi đăng xuất và căn phòng tối đen. Thứ duy nhất bên ngoài chạm tới tôi lúc này là tiếng ồn ào huyền ảo của thành phố từ xa vọng lại. Hôm nay tôi đã gặp Hoàng Tử. Một người kỳ lạ. Anh ta khiến tôi cảm thấy phân vân không biết liệu mình có phải một con *Pluvianus aegyptius*, chim chơi chơi Ai Cập, giống chim kiếm ăn bằng cách ria răng cho cá sấu, không. Anh ta bảo tôi rằng mọi chuyện đều trong tầm mắt, rằng Đơn vị Chống Cướp không tìm được bất cứ manh mối nào hết. Anh ta nhận phần của mình và tôi có khẩu súng Do Thái mà anh ta đã hứa.

Có lẽ tôi nên vui mừng mới phải, nhưng chẳng gì có thể khiến tôi còn nguyên vẹn như trước nữa.

Sau đó tôi ra bộ điện thoại công cộng gọi tới Sở Cảnh sát, nhưng họ không chịu tiết lộ bất cứ điều gì trừ phi tôi nhận là người thân. Họ bảo tôi rằng đó là một vụ tự sát, rằng Anna đã tự bắn mình. Vụ án đã được khép lại. Vừa gác máy là tôi phá lên cười.

TỰ SÁT

“Albert Camus từng nói rằng ‘Tự sát là vấn đề nghiêm túc thật sự của triết học’,” Aune nói, ngửa mặt lên bầu trời xám xịt phía trên phố Bogstadveien. “Bởi vì việc quyết định liệu cuộc đời có đáng sống hay không chính là câu trả lời cho câu hỏi căn bản của triết học. Mọi chuyện khác - như, có phải là thế giới có ba chiều hay không, hoặc trí óc có chín hay mười hai phạm trù - đều xếp sau nó.”

“Ừm,” Harry đáp.

“Nhiều đồng nghiệp của tôi đã tiến hành nghiên cứu về lý do khiến con người tự sát. Anh có biết họ đã tìm được nguyên nhân phổ biến nhất là gì không?”

“Đó là điều mà tôi hy vọng là ông có thể giải đáp cho tôi.” Harry phải luôn lách liên tục giữa dòng người đi trên vỉa hè chật hẹp để theo kịp nhà tâm lý học béo phệ.

“Rằng họ không muốn sống thêm một phút nào nữa,” Aune nói.

“Nghe như là có người xứng đáng giành giải Nobel ấy nhỉ.” Harry đã gọi cho Aune tối hôm trước và hẹn sẽ đón ông tại văn phòng của ông trên phố Sporveisgata vào lúc chín giờ. Họ đi qua chi nhánh của ngân hàng Nordea và Harry thấy cái thùng rác màu xanh vẫn để ở phía ngoài siêu thị 7-Eleven bên kia đường.

“Chúng ta hay quên mất rằng quyết định tự tử thường xuất hiện ở những người tỉnh táo và suy nghĩ hợp lý nhưng không còn thấy cuộc đời còn có gì để tận hưởng nữa,” Aune nói. “Ví dụ như những người già đã mất đi bạn đời của mình hay sức khỏe đang suy sụp.”

“Người phụ nữ này còn trẻ và đầy sức sống. Vậy thì cơ sở lý trí ở đâu?”

“Trước hết, anh phải định nghĩa lý trí là gì đã. Khi một người trầm cảm chạy trốn nỗi đau bằng cách kết liễu cuộc đời mình, anh phải giả định là kẻ

bất hạnh đã cân nhắc kỹ lợi hại. Mặt khác, khó có thể xem tự sát là lý trí trong trường hợp thường gặp là người tự sát đang bắt đầu thoát ra khỏi tình trạng thiếu tỉnh táo, và chỉ khi ấy họ mới đủ sức để thực hiện cái việc có tính chủ động là tự sát.”

“Tự sát có thể là một hành động hoàn toàn tự phát không?”

“Đương nhiên là có. Tuy nhiên, thường là người ta phải có ý đồ tự sát trước đã, nhất là phụ nữ. Ở Mỹ, người ta đã tính toán rằng trong những vụ tự sát của nữ giới, cứ mười người thì tới chín người có ý đồ tự sát giả.”

“Giả ư?”

“Uống năm viên thuốc ngủ là một lời cầu cứu, tất nhiên là cũng khá nghiêm trọng, nhưng tôi không xem đó là một ý đồ tự sát khi mà một nửa lọ thuốc còn để ở trên kệ đầu giường.”

“Nhưng người phụ nữ này đã tự bắn mình.”

“Thế thì là một vụ tự sát kiểu nam giới.”

“Nam giới?”

“Một trong những lý do khiến đàn ông thành công hơn là họ chọn cách dữ dội hơn, chắc chết hơn so với phụ nữ. Súng và nhảy lầu, thay vì cứa cổ tay hay uống thuốc quá liều. Một người phụ nữ tự vẫn bằng cách bắn mình quả là rất bất thường.”

“Bất thường đến mức đáng nghi?”

Aune nhìn Harry chăm chú. “Anh có lý do nào để tin rằng vụ này không phải là tự sát?”

Harry lắc đầu. “Tôi chỉ muốn tìm hiểu cho chắc. Phải rẽ ở đây rồi. Căn hộ của cô ấy ở phố này, trên kia một chút.”

“Phố Sorgenfrigata à?” Aune cười khùng khục và liếc nhìn những đám mây u ám trên trời. “Đương nhiên rồi.”

“Đương nhiên gì?”

“Sorgenfri là tên một cung điện của Christophe, vị vua người Haiti đã tự

sát khi bị người Pháp bắt làm tù binh. Người ta còn gọi nó là Sans Souci. Tức là vô ưu. Phố Vô Ưu. Sorgenfrigata. Anh biết không, ông ta đã chĩa những họng đại bác lên trời để trả thù Chúa.”

“Ừm...”

“Và tôi đoán là anh cũng biết nhà văn Ola Bauer đã nói gì về con phố này phải không? Tôi chuyển sang con phố Vô Ưu, nhưng điều đó cũng chẳng ích gì nhiều.” Aune cười nhiều đến nỗi cái cằm hai ngấn rung lên bần bật.

Halvorsen đứng chờ ngoài cửa. “Lúc ra khỏi đồn, tôi đã gặp Bjarne Møller,” anh ta nói. “Ông ấy xem như vụ này đã xong gọn rồi.”

“Chúng tôi cần thắt lại một vài đầu nút bị tuột thôi mà,” Harry nói, mở cửa bằng chiếc chìa khóa mà tay thợ điện đã đưa cho anh.

Dải băng cách ly của cảnh sát trước cửa đã bị gỡ và cái xác cũng đã được đưa đi, còn lại mọi thứ vẫn y nguyên như tối hôm trước. Họ vào phòng ngủ. Tấm ga trắng trên chiếc giường rộng sáng lên dưới ánh đèn mờ.

“Chúng ta tìm gì mới được chứ?” Halvorsen hỏi trong lúc Harry kéo rèm lại.

“Một chìa khóa dự phòng của căn hộ,” Harry đáp.

“Vì sao?”

“Chúng tôi đoán là cô ấy có một chìa dự phòng, cái mà cô ấy đã đưa cho gã thợ điện ấy. Tôi đã điều tra một chút. Không phải cửa hàng khóa nào cũng đánh được chìa khóa hệ thống, người ta phải đặt hàng nhà sản xuất thông qua một cửa hàng được ủy quyền. Vì chiếc chìa đó khớp với cửa chính tòa nhà và cửa tầng hầm, nên ban quản lý tòa nhà này muốn kiểm soát chúng. Thế nên những người sống ở đây phải viết đơn xin phép ban quản lý khi họ đặt một chiếc chìa khóa mới, phải không. Theo thỏa thuận với ban quản lý, nhiệm vụ của cửa hàng khóa được ủy quyền là một danh sách các chìa khóa được phát cho mỗi căn hộ. Tối qua tôi đã gọi cho Lasesmeden, cửa hàng khóa ở phố Vibes. Anna Bethsen được phát hai chìa dự phòng, thế nên tổng cộng là có ba

chìa khóa. Chúng ta tìm thấy một trong căn hộ và người thợ điện có một. Còn chìa thứ ba? Cho đến khi tìm thấy nó, chúng ta chưa thể loại trừ khả năng đã có ai đó ở đây lúc cô ấy chết rồi khóa cửa lại khi ra khỏi căn hộ.”

Halvorsen chậm rãi gật đầu: “Ừm, chiếc chìa khóa thứ ba.”

“Chiếc chìa khóa thứ ba. Cậu có thể bắt đầu từ chỗ này, Halvorsen, trong lúc đó, tôi sẽ chỉ cho Aune xem một thứ nhé?”

“OK.”

“À, còn chuyện này nữa. Đừng ngạc nhiên nếu cậu tìm thấy điện thoại di động của tôi nhé. Tôi nghĩ tôi đã để quên nó ở đây chiều hôm qua.”

“Tôi tưởng anh bảo là đã làm mất từ ngày hôm kia?”

“Tôi đã tìm thấy. Rồi lại đánh mất lần nữa. Cậu biết đấy...”

Halvorsen lắc đầu. Harry dẫn Aune đi vào hành lang dẫn tới phòng khách. “Tôi hỏi ông vì ông là người duy nhất tôi quen mà biết vẽ.”

“Thật không may, nói thế là hơi phóng đại.” Aune vẫn còn hỗn hển sau khi leo cầu thang.

“Phải, nhưng ông vẫn biết chút ít về nghệ thuật, và tôi hy vọng là ông có thể hiểu được chút gì đó từ thứ này.”

Harry mở cánh cửa trượt dẫn vào căn phòng cuối căn hộ, bật đèn lên và chỉ. Thay vì nhìn vào ba bức tranh, Aune lại hít một hơi và đi tới chỗ cái đèn bàn có ba cái đầu. Ông lôi cặp kính từ trong túi áo vest vải tuyết ra, cúi xuống đọc dòng chữ trên cái bệ tượng nặng nề.

“Chà chà!” ông kêu lên phấn khích. “Một cái đèn bàn Grimmer đích thực.”

“Grimmer ư?”

“Bertol Grimmer. Nhà thiết kế người Đức nổi tiếng thế giới. Trong số các thiết kế của ông có tượng đài chiến thắng mà Hitler đã cho dựng ở Paris vào năm 1941. Lẽ ra ông ta đã có thể trở thành nghệ sĩ vĩ đại nhất thời đại chúng ta, nhưng đang ở đỉnh cao sự nghiệp thì ông ta bị phát hiện là có ba phần tư

dòng máu Di gan. Ông ta đã bị đưa tới trại tập trung và xóa tên khỏi vài công trình kiến trúc và tác phẩm nghệ thuật mà ông thiết kế. Grimmer sống sót, nhưng cả hai tay đã giập nát trong thời gian làm việc tại mỏ đá cùng những người Di gan. Sau Thế Chiến, ông ta vẫn tiếp tục làm việc, mặc dù sau đó không còn đạt được những đỉnh cao vĩ đại như trước bởi chấn thương. Nhưng tôi dám cá là thứ này phải được thiết kế sau Thế Chiến.” Aune nhấc cái chụp đèn lên.

Harry hăng giọng: “Thật ra thì tôi đang nghĩ về những bức chân dung này nhiều hơn.”

“Nghiep dư,” Aune khịt mũi. “Anh nên chú ý đến bức tượng người phụ nữ tao nhã này thì hơn. Nữ thần Nemesis, chủ đề ưa thích nhất của Bertol Grimmer sau Thế Chiến. Nữ thần báo thù. Nhân tiện, anh biết không, báo thù lại là động cơ tự sát thường gặp. Người ta cảm thấy cuộc sống của mình bất như ý là do lỗi của ai đó, và người ta muốn đổ cái tội lỗi ấy cho những người khác bằng cách tự sát. Bertol Grimmer cũng tự kết liễu đời mình sau khi giết chết vợ, vì bà ta có nhân tình. Trả thù, trả thù, trả thù. Anh có biết con người là những sinh vật duy nhất biết trả thù không? Điều thú vị về sự trả thù là...”

“Aune?”

“À phải, những bức tranh này, anh muốn tôi lý giải chúng chứ gì? Ừm, trông chúng chẳng khác gì mấy vết mực của Rorschach.”

“Những bức tranh đưa cho bệnh nhân để thúc đẩy họ liên tưởng ấy à?”

“Chính xác. Vấn đề ở đây là nếu tôi giải thích những bức tranh này thì điều đó sẽ nói lên nội tâm của tôi nhiều hơn là của cô ta. Chỉ có điều không ai còn tin vào vết mực của Rorschach nữa, vậy thì tại sao lại không nhỉ? Để tôi xem nào... Những bức tranh này rất u ám, thiên về tức giận hơn là chán nản. Dù vậy, một bức rõ ràng là vẫn chưa hoàn tất.”

“Có lẽ ý định của người vẽ là như vậy, như vậy mới tạo thành một tổng thể chẳng?”

“Sao anh lại nói vậy?”

“Tôi không rõ, có lẽ vì ánh sáng của từng bóng đèn riêng rẽ kia chiếu đúng vào từng bức tranh một?”

“Hừm.” Aune đưa một cánh tay qua ngực và đặt một ngón trỏ lên môi. “Anh nói đúng. Đương nhiên là anh nói đúng. Và, anh biết gì không, Harry?”

“Không. Gì vậy?”

“Tôi chẳng thấy chúng có nghĩa lý gì cả - xin lỗi phải nói thế này - chẳng thấy cái cứt gì cả. Xong chưa?”

“Rồi. À, tiện thể, vì ông đã từng vẽ tranh nên còn một chi tiết nhỏ này tôi muốn hỏi nữa. Như ông thấy đấy, bảng màu nằm bên trái giá vẽ. Như thế có phải là rất bất tiện không?”

“Phải, trừ phi anh thuận tay chiêu.”

“Tôi hiểu. Tôi phải tới giúp Halvorsen một tay. Tôi không biết phải cảm ơn ông thế nào nữa.”

“Tôi thì biết đấy. Tôi sẽ tặng thêm một giờ nữa vào hóa đơn lần sau.”

Halvorsen đã tìm kiếm xong trong phòng ngủ.

“Cô ta không có nhiều đồ đạc cá nhân lắm,” anh ta nói. “Hơi giống tìm kiếm trong phòng khách sạn. Chỉ có quần áo, mỹ phẩm, một cái bàn là, khăn tắm, ga trải giường và vài thứ khác. Không có ảnh chụp gia đình, cũng chẳng có thư từ hay giấy tờ cá nhân gì hết.”

Một tiếng sau, Harry đã hiểu rõ ý của Halvorsen là gì. Họ lục sạo khắp căn hộ và trở lại phòng ngủ mà chẳng tìm nổi lấy một cái hóa đơn điện thoại hay bảng kê của ngân hàng.

“Đây là vụ lạ nhất mà tôi từng gặp,” Halvorsen nói, ngồi xuống đối diện với Harry bên chiếc bàn viết. “Hẳn là cô ta đã dọn đồ. Có lẽ cô ta muốn mang theo mọi thứ, toàn bộ con người cô ta, khi ra đi, nếu anh hiểu ý tôi.”

“Tôi hiểu. Cậu không thấy có dấu hiệu gì của một cái laptop sao?”

“Laptop ư?”

“Máy tính xách tay ấy.”

“Anh đang nói gì vậy?”

“Cậu không thấy cái hình chữ nhật mờ mờ trên các vật bằng gỗ ở đây à?”

Harry chỉ lên mặt bàn ở giữa họ. “Trông có vẻ như đã từng có một chiếc laptop ở đây và nó đã bị đem đi rồi.”

“VẬY Ư?”

Harry cảm thấy ánh mắt dò xét của Halvorsen.

Họ đứng ngoài phố nhìn chăm chăm lên những khung cửa sổ ở phía mặt tiền sơn màu vàng nhạt trong lúc Harry hút một điếu thuốc lá rúm ró mà anh tìm thấy ở túi trong áo khoác.

“Cái vụ về gia đình đó lạ nhỉ,” Halvorsen nói.

“Vụ gì?”

“Møller không nói gì với anh sao? Họ không thể tìm thấy địa chỉ của cha mẹ, anh chị em cô ta hoặc bất cứ ai khác, chỉ có mỗi một ông chú đang ngồi tù. Møller phải đích thân gọi cho người làm dịch vụ tang lễ đến đưa cô gái tội nghiệp đó đi. Như thế chết cũng chưa đủ cô đơn hay sao ấy.”

“Ừm. Người làm dịch vụ tang lễ nào?”

“Sandermann,” Halvorsen đáp. “Ông chú muốn cô ấy được hỏa táng.”

Harry rít điếu thuốc lá rồi nhìn khói bay lên và tản ra. Kết thúc của một quá trình bắt đầu từ lúc một người nông dân gieo hạt trên một cánh đồng ở Mexico. Cái hạt đó mọc lên thành cây thuốc lá cao ngang đầu người sau bốn tháng, và hai tháng sau đó nó được hái, giữ sạch, phơi khô, phân loại rồi đóng gói và gửi tới các xưởng sản xuất của RJ Reynolds ở Florida hay Texas để trở thành điếu thuốc có đầu lọc đóng trong một cái bao màu vàng, hút chân không của Camel, được xếp vào hộp các tông và chuyển tới châu Âu. Tám tháng sau khi còn là một chiếc lá trên một cái mầm cây xanh mới nhú dưới

ánh nắng Mexico, nó rơi ra khỏi túi áo khoác của một gã say rượu khi anh ta bị trượt chân trên cầu thang, hoặc trong lúc bước ra khỏi xe taxi, hay khi lấy áo làm chăn vì không thể hay không dám mở cửa phòng ngủ vì sợ những con quái vật đang núp dưới gầm giường. Rồi, khi cuối cùng cũng tìm thấy điều thuốc đó, rúm ró và dính đầy nùi bông trong túi áo, anh ta cắm một đầu vào cái miệng hơi há và châm lửa vào đầu kia. Sau khi chiếc lá phơi khô, thái nhỏ được hít vào cơ thể anh ta trong một khoảnh khắc khoái trá ngăn ngủi, nó bị phì ra và được tự do mãi mãi. Tự do để tan rã, để trở thành hư không. Để bị lãng quên.

Halvorsen hắng giọng hai lần: “Làm sao anh biết được cô ta đã đặt thêm chìa khóa ở cửa hàng khóa trên phố Vibes?”

Harry ném đầu mẫu thuốc lá xuống đất và khép áo khoác chặt hơn quanh mình. “Có vẻ như Aune nói đúng,” anh nói. “Trời sắp mưa rồi. Nếu cậu đi thẳng về Sở Cảnh sát thì cho tôi đi nhờ.”

“Có đến cả trăm cửa hàng khóa ở Oslo này cơ mà, Harry.”

“Ừm. Tôi đã gọi cho Knut Arne Ringnes, phó chủ tịch ban quản lý chung cư. Ông ta tử tế lắm. Họ thuê cửa hàng khóa đó suốt hai mươi năm nay rồi. Về chứ?”

“May quá, anh tới rồi!” Beate Lønn nói khi thấy Harry bước vào Nhà Đau đớn. “Tối qua tôi đã phát hiện ra một chi tiết. Nhìn cái này xem.” Cô tua lại đoạn băng và ấn nút PAUSE. Hình ảnh tĩnh hơi rung của khuôn mặt Stine Grette đang hướng về phía cái mũ len trùm đầu của tên cướp choán hết màn hình. “Tôi đã phóng to một phần của khung hình trong cuốn băng. Tôi muốn nhìn khuôn mặt của Stine gần hết mức có thể.”

“Để làm gì?” Harry hỏi, thả người xuống một chiếc ghế tựa.

“Nếu anh nhìn vào quầy giao dịch, anh sẽ thấy rằng lúc đó cách thời điểm

Kẻ Hành quyết bản tám giây...”

“Kẻ Hành quyết ư?”

Cô mỉm cười bên lên. “Tôi mới đặt cho hân cái tên đó chỉ để gọi riêng thôi. Ông tôi có một trang trại, nên tôi... đúng thế.”

“Ở đâu?”

“Valle, thung lũng Sete.”

“Và cô đã từng thấy gia súc ở đó bị giết?”

“Vâng.” Giọng điệu của Beate ngầm định là chớ có hỏi thêm nữa. Beate ấn nút TUA CHẬM và khuôn mặt Stine Grette bắt đầu trở nên sinh động. Harry thấy cô ta chớp mắt và môi mấp máy rất chậm. Anh bắt đầu cảm thấy sợ phải nhìn thấy cảnh nổ súng thì Beate đột ngột dừng đoạn băng lại.

“Anh có thấy không?” cô hỏi, vẻ phấn khích.

Vài giây trôi qua Harry mới lên tiếng.

“Cô ta đang nói!” anh thốt lên. “Cô ta đang nói gì đó trước lúc chết vài giây, nhưng không nghe thấy gì trong phần thu thanh cả.”

“Là vì cô ta đang thì thào.”

“Làm sao tôi lại bỏ sót đoạn này được nhỉ? Nhưng tại sao? Và cô ta nói gì?”

“Tôi hy vọng là chúng ta sẽ sớm tìm ra. Tôi đã liên lạc với một chuyên gia đọc cử động miệng ở Viện Nghiên cứu Âm Điếc. Anh ta đang trên đường tới đây.”

“Tuyệt.”

Beate liếc nhìn đồng hồ đeo tay. Harry căn môi dưới, hít một hơi và nói khẽ. “Beate, tôi đã từng...”

Anh thấy cô sửng người khi anh gọi tên cô mà không dùng họ. “Tôi từng có một đồng nghiệp tên là Ellen Gjelten.”

“Tôi biết,” cô nói nhanh. “Chị ấy bị giết gần sông.”

“Đúng thế. Khi tôi và cô ấy bị tắc trong một vụ điều tra, chúng tôi đã sử

dụng vài kỹ thuật để kích hoạt những thông tin bị kẹt trong tiềm thức. Những trò chơi liên tưởng. Chúng tôi viết vào những mẫu giấy, kiểu vậy.” Harry cười gượng gạo. “Chuyện đó nghe thì hơi mơ hồ, nhưng đôi khi cũng có hiệu quả. Tôi đang tự hỏi liệu chúng ta có nên thử một lần không.”

“Nếu anh muốn.” Harry lại nhận thấy khi tập trung vào cuốn băng ghi hình hay màn hình máy vi tính thì Beate có vẻ tự tin hơn biết bao nhiêu. Còn lúc này cô đang nhìn anh chăm chăm như thể anh vừa rủ cô chơi bài cờ đồ vậy.

“Tôi muốn biết cô cảm thấy thế nào về vụ này,” anh nói.

Cô bật cười vẻ hồi hộp. “Ừm, cảm giác à.”

“Tạm quên đi tất cả những sự kiện thực tế.” Harry hơi ngả về phía Beate. “Đừng có cố lý giải. Cô không cần phải chứng minh cho những gì cô nói ra. Chỉ cần nói những gì mà trực giác của cô mách bảo thôi.”

Beate nhìn chăm chăm xuống bàn. Harry chờ đợi. Rồi cô ngước lên, nhìn thẳng vào mắt anh: “Tôi đặt cược vào trường hợp số hai.”

“Trường hợp số hai là sao?”

“Kiểu cá cược bóng đá. Đội khách thắng. Đó là một trong số năm mươi phần trăm mà chúng ta không bao giờ lý giải.”

“Ra thế. Nhưng tại sao?”

“Số học đơn giản thôi. Nếu anh nghĩ tới tất cả những tên ngu ngốc mà chúng ta không tóm được, thì một gã như Kẻ Hành quyết, vốn đã tính kỹ mọi đường đi nước bước và biết chút ít về cách làm việc của chúng ta, có khá nhiều lợi thế.”

“Ừm.” Harry xoa mặt. “Vậy là linh cảm của cô đã tính toán rồi hả?”

“Không hẳn. Có gì đó trong cách hành động của hắn. Rất dứt khoát. Có vẻ như hắn bị điều khiển bởi...”

“Cái gì đã điều khiển hắn, Beate? Tiền ư?”

“Tôi không biết. Theo số liệu thống kê, động cơ chủ yếu của các vụ cướp

là tiền, thứ hai là do kích động và...”

“Quên số liệu thống kê đi, Beate. Giờ cô đã là điều tra viên rồi. Cô không chỉ phân tích hình ảnh trong cuốn băng mà còn cả những diễn giải trong tiềm thức của chính cô về điều cô nhìn thấy. Tin tôi đi, đó là đầu mối quan trọng nhất đối với một điều tra viên.”

Beate nhìn Harry. Anh biết là anh vừa cố dỗ cô tự tin vào bản thân. “Nào!” anh giục. “Cái gì đã điều khiển Kẻ Hành quyết?”

“Cảm xúc.”

“Loại cảm xúc nào?”

“Những cảm xúc mãnh liệt.”

“Loại cảm xúc mãnh liệt nào, Beate?”

Cô nhắm mắt lại. “Yêu hoặc ghét. Ghét. Không, là yêu. Tôi cũng không biết nữa.”

“Tại sao hắn lại bắn cô ta?”

“Vì hắn... không.”

“Nói đi. Tại sao hắn lại bắn cô ta?” Harry nhích ghế của anh về phía cô.

“Vì hắn phải làm thế. Vì hắn đã quyết định từ trước...”

“Tốt! Tại sao chuyện đó lại được quyết định từ trước?”

Đúng lúc đó có tiếng gõ cửa.

Hắn là Harry sẽ thích hơn nếu Fritz Bjelke bên Viện Nghiên cứu Tâm Điếc đã không đạp xe sốt sắng đến thế ngang qua thành phố để tới giúp họ, nhưng giờ thì anh ta đang đứng ở ngưỡng cửa rồi - một người béo tròn, lịch sự, đeo kính tròn và đội mũ bảo hiểm màu hồng. Bjelke không điếc và dứt khoát cũng chẳng câm. Để anh ta có thể hiểu rõ cử động môi của Stine Grette hết sức có thể, họ phải bật lại phần đầu của cuốn băng, lúc còn nghe thấy cô ta nói. Trong lúc cuốn băng chạy, Bjelke nói như súng liên thanh.

“Tuy tôi là chuyên gia, nhưng thật ra thì tất cả chúng ta đều nhìn môi người khác mà đoán, dù chúng ta nghe được lời họ nói. Đó là lý do khiến cho

tiếng lồng trong phim dù chỉ lệch vài phần trăm giây vẫn có cảm giác khó chịu đến thế.”

“Thế à?” Harry nói. “Cá nhân tôi thì chịu không thể đọc ra cái gì từ chuyển động môi của cô hết.”

“Vấn đề là chỉ có ba mươi đến bốn mươi phần trăm của tất cả những từ nói ra có thể đọc từ chuyển động của môi. Để hiểu được phần còn lại thì anh phải nghiên cứu ngôn ngữ của nét mặt và cơ thể, và sử dụng những bản năng ngôn ngữ cũng như suy luận của chính mình để điền nốt những từ bị khuyết. Nghĩ cũng quan trọng ngang với nhìn.”

“Cô ta bắt đầu thì thảo từ chỗ này,” Beate nói.

Bjelke lập tức im bật và tập trung cao độ vào những chuyển động cực kỳ nhỏ của đôi môi ở trên màn hình. Beate dừng đoạn băng lại trước lúc súng nổ.

“Được rồi,” Bjelke nói. “Lại lần nữa đi.” Và sau đó: “Lại nào.”

Rồi: “Thêm lần nữa.”

Sau bảy lần, anh ta gật đầu ra hiệu đã xem đủ.

“Tôi không hiểu ý cô ta là gì,” Bjelke nói. Harry và Beate liếc nhìn nhau. “Nhưng tôi nghĩ là tôi biết cô ta nói gì.”

Ra tới hành lang, Beate bước gần như chạy mới bắt kịp Harry.

“Anh ta được coi là chuyên gia hàng đầu trong nước về lĩnh vực này,” cô nói.

“Chẳng tích sự gì,” Harry nói. “Chính anh ta cũng nói rằng anh ta không chắc chắn.”

“Nhưng nhờ cô ta đã nói đúng cái câu mà Bjelke nói lại thì sao?”

“Nó chẳng có ý nghĩa gì cả. Hẳn là anh ta đã bỏ sót một từ phủ định nào đó.”

“Tôi không đồng ý với anh.”

Harry dừng phắt lại khiến Beate suýt lao vào anh. Vẻ mặt hoảng hốt cô ngược lên, nhìn vào một con mắt mở to.

“Tốt,” anh nói.

Beate tỏ vẻ bối rối. “Ý anh là sao?”

“Không đồng ý là tốt. Không đồng ý có nghĩa là cô đã nhìn thấy hoặc hiểu được điều gì đó mặc dù cô không hoàn toàn chắc chắn về nó. Và có điều gì đó tôi vẫn chưa hiểu ra.” Anh lại đi tiếp. “Cứ cho là cô đúng đi, vậy thì để xem chuyện này dẫn tới đâu.” Anh dừng lại trước thang máy và nhấn nút.

“Anh đi đâu bây giờ?” Beate hỏi.

“Kiểm tra lại một số chi tiết. Gần một tiếng nữa tôi sẽ quay lại.”

Cửa thang máy mở ra và sếp Ivarsson bước ra.

“Chà!” ông ta tươi cười. “Hai điều tra viên bậc thầy đang lần theo dấu vết đây. Có gì mới để báo cáo chưa?”

“Vấn đề cốt yếu của chuyện làm việc hai nhóm song song là tôi không phải báo cáo thường xuyên. Phải không?” Harry nói, vòng qua ông ta để vào thang máy. “Nếu tôi hiểu đúng ý của ông và FBI thì là vậy.”

Nụ cười và ánh mắt của Ivarsson vẫn không hề suy suyển. “Nhưng rõ ràng là chúng ta vẫn phải chia sẻ những thông tin then chốt.”

Harry bấm nút xuống tầng một, nhưng Ivarsson đã đứng chặn ở cửa.

“Thế nào?”

Harry nhún vai. “Stine Grette thì thảo gì đó với tên cướp trước khi bị bắn.”

“À há?”

“Chúng tôi tin rằng cô ta đã thì thảo: ‘Đó là lỗi của tôi’.”

“Đó là lỗi của tôi ư?”

“Đúng vậy.”

Lông mày Ivarsson nhú lại. “Không thể là thế chứ? Nếu cô ta nói ‘Đó không phải là lỗi của tôi thì còn có lý’. Ý tôi là việc trưởng chi nhánh lấy tiền

bỏ vào cái túi chậm mất sáu giây không phải là lỗi của cô ta.”

“Tôi không đồng ý,” Harry nói, nhìn đồng hồ đeo tay, chẳng buồn ý tứ. “Chúng tôi đã nhờ một chuyên gia hàng đầu về lĩnh vực đoán lời nói qua chuyển động của môi. Beate có thể báo cáo chi tiết với ông.”

Ivarsson tì vào cửa thang máy đang nhấp nhỉnh xô vào lưng ông ta. “Vậy là cô ta đã quên mất từ phủ định trong câu nói của mình vì bấn loạn. Đó có phải là điều cô đã thu được không, Beate?”

Beate đỏ mặt. “Tôi chỉ vừa bắt đầu nghiên cứu cuốn băng ghi hình vụ cướp ở phố Kirkeveien thôi.”

“Đã có kết luận nào chưa?”

Beate hết nhìn Ivarsson lại nhìn Harry. “Lúc này thì chưa.”

“Vậy là chưa có gì,” Ivarsson nói. “Có lẽ hai người sẽ vui mừng khi biết rằng chúng tôi đã xác định được chín nghi phạm và đã triệu tập tới để thẩm vấn. Và chúng tôi có một chiến lược để cuối cùng sẽ moi được điều gì đó từ Raskol.”

“Raskol ư?” Harry hỏi.

“Raskol Baxhet, tên đầu sỏ của đám du thủ du thực,” Ivarsson nói, móc ngón tay vào đĩa quần. Ông ta hít một hơi rồi xách quần lên với một nụ cười ngoác miệng hơn hở. “Nhưng có lẽ lát nữa Beate sẽ có thể báo cáo chi tiết với anh.”

PHẦN V

CẨM THẠCH

Harry biết rằng, trong một số vấn đề, anh khá nhỏ nhen. Chẳng hạn như vụ cướp ở phố Bogstadveien. Anh không ưa phố Bogstadveien. Anh cũng không biết tại sao, có lẽ là trên con phố đó lát toàn bằng vàng và dầu đó, cái Đinh Hạnh phúc của Xứ sở Hạnh phúc, chẳng ai mỉm cười. Harry cũng không mỉm cười, nhưng anh sống ở Bislett, không được trả tiền để cười và ngay lúc này cũng có khá nhiều lý do chính đáng để không mỉm cười. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là Harry, cũng giống với nhiều người Na Uy khác, thích thú việc bị cười nhạo.

Trong thâm tâm, Harry cố gắng biện hộ cho thằng nhóc đứng sau quầy thu ngân trong siêu thị 7-Eleven. Có lẽ nó ghét cái công việc của mình, có lẽ nó cũng sống ở Bislett, mà trời thì lại bắt đầu mưa như trút.

Khuôn mặt nhợt nhạt với những nốt trứng cá đỏ tấy ném cái nhìn chán chường lên thẻ cảnh sát của anh. “Làm sao tôi biết cái thùng đã nằm đó được bao lâu rồi chứ?”

“Vì nó màu xanh và lại che mất nửa tầm mắt của cậu khi nhìn ra đường Bogstadveien,” Harry nói.

Thằng nhóc rên rỉ, hai tay chống lên hông chỉ vừa đủ giữ cho cái quần khỏi tụt. “Một tuần. Tầm đó. Đây, còn cả hàng người đang xếp hàng sau lưng anh đấy.”

“Ừm. Tôi đã ngó bên trong cái thùng. Gần như chẳng có gì trừ vài cái chai

và mấy tờ báo. Cậu có biết ai đã yêu cầu đưa nó tới không?”

“Không.”

“Tôi thấy là cậu có máy quay giám sát phía trên quầy. Có vẻ nó quay được cái thùng đấy nhỉ?”

“Là anh nói thế.”

“Nếu cậu vẫn còn đoạn phim quay thứ Sáu tuần trước thì tôi muốn xem lại.”

“Sáng mai gọi lại. Tobben lúc đó mới có ở đây.”

“Tobben ư?”

“Chủ cửa hàng.”

“Tôi đề nghị cậu gọi cho ông ta ngay và xin phép trao cho tôi đoạn băng, rồi tôi sẽ không cản trở cậu thêm nữa.”

“Anh tự đi mà tìm lấy,” nó đáp, những nốt mụn càng đỏ thêm. “Tôi thì giờ đâu mà đi tìm một cuốn băng nào đó.”

Harry nói, không chịu nhúc nhích. “Thế còn lúc đóng cửa?”

“Chúng tôi mở cửa suốt hai mươi tư giờ,” thằng nhóc đảo mắt đáp.

“Tôi đùa mà,” Harry nói.

“À. Ha ha,” thằng nhóc nói bằng cái giọng mộng du. “Anh có định mua gì hay không nào?”

Harry lắc đầu và thằng nhóc nhìn ra phía sau anh. “Quầy thông rồi.”

Harry thở dài và quay lại dòng người đang dồn ứ lại chỗ quầy thu ngân. “Quầy chưa thông. Tôi từ Sở Cảnh sát Oslo đến.” Anh giơ thẻ ra. “Và người này bị bắt vì không phát âm được chữ kh.”

Trong một số chuyện, Harry có thể khá nhỏ nhen. Tuy nhiên, trong khoảnh khắc đặc biệt này, anh lại cực kỳ hài lòng với câu trả lời đó. Anh hài lòng vì bị cười nhạo.

Nhưng anh không thích nụ cười có vẻ như là một phần trong chương trình đào tạo của những nhà truyền giáo, chính khách và người làm dịch vụ tang lễ. Họ mỉm cười bằng mắt trong lúc miệng vẫn nói và nó khiến ông Sandemann của Trung tâm Tang lễ Sandemann có một vẻ chân thành mà, cùng với nhiệt độ trong phòng quần quan tài bên dưới nhà thờ Majorstuen, khiến Harry rùng mình. Anh quan sát nơi này. Hai cái quan tài, một cái ghế, một vòng hoa tang, một người điều hành lễ tang, một bộ vest đen và một mớ tóc chải lật che cái đầu hói.

“Trông cô ấy thật tuyệt,” Sandemann nói. “Thanh thản. Thư thái. Cao quý. Anh là người nhà cô ấy à?”

“Không hẳn.” Harry chìa thẻ cảnh sát ra, hy vọng rằng cái vẻ chân thành kia chỉ dành riêng cho những người thân thiết nhất của người đã khuất. Nhưng không.

“Thật đau lòng khi một người còn trẻ như thế lại ra đi theo cách này.” Sandemann mỉm cười, chắp hai lòng bàn tay lại với nhau. Những ngón tay của người điều hành lễ tang này gầy gò và cong queo một cách dị thường.

“Tôi muốn xem quần áo mà người đã khuất mặc khi cô ấy được phát hiện,” Harry nói. “Ở văn phòng họ nói ông đã đem chúng về đây.”

Sandemann gật đầu, lấy ra một túi ni lông trắng và giải thích ông ta đã làm thế phòng khi có cha mẹ hoặc anh chị em đến thì ông ta sẽ trả lại. Harry tìm cái váy đen xem có túi không mà không thấy.

“Anh muốn tìm gì cụ thể không?” Sandemann hỏi bằng giọng ngây thơ khi ngó qua vai Harry.

“Một cái chìa khóa nhà,” Harry nói. “Ông không tìm thấy bất cứ thứ gì khi ông...” Anh nhìn chăm chăm vào những ngón tay cong queo của Sandemann. “... cởi quần áo của cô ấy ra sao?”

Sandemann nhắm mắt lại và lắc đầu. “Thứ duy nhất dưới chiếc váy là tấm thân của cô ấy. Đương nhiên là ngoại trừ tấm ảnh trong chiếc giày.”

“Tấm ảnh ư?”

“Đúng thế. Là quá phải không? Họ có phong tục gì mà kỳ cục. Nó vẫn nằm trong giày của cô ấy.”

Harry nhắc một chiếc giày cao gót màu đen ra khỏi túi và trong đầu anh bỗng lóe lên hình ảnh cô đứng ở ngưỡng cửa khi anh tới: Váy đen, giày đen, môi đỏ.

Bức ảnh bị gấp mép chụp một người phụ nữ và ba đứa trẻ trên bãi biển. Trông có vẻ như một tấm ảnh kỷ niệm kỳ nghỉ đầu đó ở Na Uy nơi có những tảng đá to, trơn nhẵn ở mép nước và những cây thông trên những ngọn đồi đàng xa.

“Đã có người thân nào của cô ấy tới đây chưa?” Harry hỏi.

“Chỉ có chú của cô ấy thôi. Tất nhiên là cùng với một đồng nghiệp của anh.”

“Tất nhiên?”

“Đúng thế, tôi hiểu là ông ta đang thụ án.”

Harry không trả lời. Sandemann ghé lại và cúi xuống làm cho cái đầu nhỏ rụt lại giữa hai vai khiến ông ta trông giống như chim kền kền. “Tôi tự hỏi làm vậy ích gì.” Tiếng thì thào nghe như tiếng chim kêu khàn khàn: “Vì ông ta thậm chí sẽ không được phép tham gia lễ tang, ý tôi là vậy.”

Harry hắng giọng. “Tôi nhìn cô ấy được chứ?”

Sandemann có vẻ thất vọng, nhưng vẫn lịch sự chỉ về phía một chiếc quan tài.

Như mọi khi, Harry ngạc nhiên khi thấy một tay chuyên nghiệp có thể tận trang cho một cái xác đến mức nào. Trông Anna thật sự thanh thản. Anh đặt tay lên trán cô. Cứ như chạm vào cẩm thạch.

“Cái vòng cổ này là gì vậy?” Harry hỏi.

“Những đồng xu vàng,” Sandemann đáp. “Chú của cô ấy đem đến.”

“Thế còn cái này?” Harry nhắc một bó giấy được buộc lại bằng một sợi dây thun màu nâu, dày. Đó là một xấp tiền giấy loại một trăm krone.

“Một phong tục của họ,” Sandemann đáp.

“Ông cứ liên tục nói về họ nào vậy?”

“Anh không biết sao?” Sandemann nặn ra một nụ cười trên cặp môi ướn, mỏng quệt. “Cô ấy là dân Di gan mà.”

Tất cả các bàn trong căng tin Sở Cảnh sát đều đã kín đặc nhân viên ngồi chuyện trò rôm rả. Trừ một người. Harry bèn đi tới đó.

“Rồi dần dần cô sẽ quen hết mọi người ở đây thôi,” anh nói.

Beate ngược lên nhìn anh tỏ vẻ không hiểu, và anh nhận ra có lẽ họ có nhiều điểm chung hơn anh tưởng. Anh ngồi xuống và đặt cuốn băng ghi hình trước mặt. “Cái này lấy được từ siêu thị 7-Eleven nằm ở góc phố đối diện với ngân hàng vào hôm xảy ra vụ cướp. Cộng thêm cả cuốn băng của thứ Năm tuần trước. Cô kiểm tra xem có gì thú vị không nhé?”

“Để xem tên cướp có trong đó không chứ gì?” Beate lúng búng với cái miệng đầy bánh mì và pate gan. Harry ngó bữa ăn qua loa của cô.

“Ừm, chúng ta chỉ có thể hy vọng thôi,” anh nói.

“Đương nhiên,” cô đáp, trợn mắt nuốt miếng thức ăn trong cổ. “Năm 1993, chi nhánh ngân hàng Kreditkasse ở Frogner bị cướp. Tên cướp đã mang túi ni lông có in logo của hãng Shell để đựng tiền, vì thế chúng tôi đã kiểm tra máy quay giám sát của trạm xăng Shell gần nhất. Hóa ra hắn đã vào mua mấy cái túi trước đó mười phút. Mặc quần áo y chang, nhưng không đeo mặt nạ. Sau nửa tiếng thì chúng tôi tóm được hắn.”

“Chúng tôi, tám năm trước á?” Harry hỏi không kịp nghĩ.

Mặt Beate đổi màu như đèn tín hiệu giao thông. Cô chớp lấy một lát bánh

mì và cố dùng nó để che mặt. “Cha tôi,” cô lí nhí.

“Tôi xin lỗi. Tôi không định nói như vậy.”

“Không sao,” câu trả lời thốt ra ngay sau.

“Cha cô...”

“Bị giết,” cô nói. “Cũng lâu rồi mà.”

Harry ngồi im nghe tiếng nhai, nhìn xuống hai bàn tay.

“Tại sao anh lại lấy cuốn băng của tuần trước vụ cướp?” Beate hỏi.

“Vì cái thùng rác,” Harry nói.

“Nó thì liên quan gì?”

“Tôi đã gọi cho công ty bán thùng để hỏi. Nó đã được một người tên Stein Søbstad ở phố Idustrigata đặt hàng vào thứ Năm và ngày hôm sau chở đến địa điểm như đã hẹn ngay bên ngoài siêu thị 7-Eleven. Có hai người tên Stein Søbstad ở Oslo và cả hai đều phủ nhận là đã đặt mua chiếc thùng. Giả thuyết của tôi là tên cướp đã cho đặt nó ở đó cốt chặn tầm nhìn từ cửa sổ của cửa hàng này để máy quay không thể ghi hình hắn lúc ra khỏi ngân hàng và sang đường. Nếu hắn đã do thám quanh cửa hàng này cùng ngày hôm hắn đặt mua cái thùng thì chúng ta sẽ có thể thấy ai đó nhìn vào máy quay và từ cửa sổ cửa hàng về phía ngân hàng, để kiểm tra các góc nhìn hay gì đó.”

“Với một chút may mắn. Nhân chứng bên ngoài siêu thị 7-Eleven nói rằng tên cướp vẫn đeo mặt nạ khi hắn băng qua đường, vậy thì hắn lại phải đặt mua thùng rác làm gì cho lãng nhãng?”

“Có lẽ theo kế hoạch hắn sẽ cởi cái mũ trùm đầu khi sang đường.” Harry thở dài. “Tôi không biết, tôi chỉ biết là có vấn đề gì đó với cái thùng rác xanh đó thôi. Nó nằm đó cả tuần và ngoài mấy món vứt đi mà thỉnh thoảng người qua đường quăng vào thì chẳng ai sử dụng đến nó cả.”

“OK,” Beate nói, nhận cuốn băng và đứng dậy.

“Một điều này nữa,” Harry nói. “Cô biết gì về gã Raskol Baxhet này?”

“Raskol ư?” Beate nhúu mày. “Hắn là một huyền thoại cho đến khi ra tự

thứ. Nếu tin đồn là đúng thì hẳn nhúng tay vào chín mươi phần trăm số vụ cướp ngân hàng ở Oslo, theo cách này hay cách khác. Theo phán đoán của tôi, hẳn có thể chỉ mặt tất cả những kẻ đã từng cướp ngân hàng ở đây trong vòng hơn hai mươi năm qua.”

“Vậy là Ivarsson đang định sử dụng hẳn cho việc đó. Giờ hẳn đang bóc lịch ở đâu?”

Beate chìa một ngón cái ra sau vai. “Bên Cánh A.”

“Ở Botsen hả?”

“Vâng. Và hẳn nhất định không hé một lời với bất cứ nhân viên cảnh sát nào trong thời gian thụ án.”

“Vậy thì điều gì khiến Ivarsson nghĩ là ông ta sẽ thành công?”

“Rốt cuộc thì ông ta đã tìm ra điều gì đó Raskol muốn để ông ta thương lượng. Ở Botsen, người ta nói rằng đó là điều duy nhất mà Raskol hỏi xin kể từ khi hẳn vào đó. Được phép tới dự đám tang của một người thân.”

“Vậy ư?” Harry thốt lên, hy vọng là mặt anh không để lộ điều gì.

“Cô ta sẽ được chôn cất trong hai ngày nữa, và Raskol gửi lời khẩn cầu lên giám đốc trại giam để được phép tới dự.”

Sau khi Beate đi khỏi, Harry vẫn ngồi lại. Giờ nghỉ ăn trưa đã hết và căng tin đang vắng dần. Lẽ ra nó phải sáng sủa, ấm cúng và được điều hành bởi một công ty thực phẩm quốc gia, vì vậy Harry thích ăn ở ngoài phố hơn. Nhưng anh chợt nhớ ra đây là nơi anh đã từng khiêu vũ với Rakel trong bữa tiệc Giáng sinh; chính xác là tại đây anh đã quyết định tấn công cô. Hay là ngược lại nhỉ? Tay anh vẫn còn cảm thấy đường cong của tấm lưng cô.

Anna sẽ được mai táng trong hai ngày nữa, và không ai mấy may nghi ngờ rằng cô đã tự vẫn. Anh là người duy nhất có mặt ở đó nên có thể phủ định họ, nhưng anh lại chẳng nhớ nổi điều gì. Vậy tại sao anh không thể để cho mọi chuyện cứ thế trôi qua? Anh sẽ mất tất cả chứ đâu được gì. Nếu không anh có lý do gì khác, cố gì anh không quên phút vụ này vì họ, vì anh và Rakel?

Harry tì khuỷu tay lên bàn và bưng mặt.

Nếu lúc đó anh có thể phủ nhận kết luận của họ thì liệu anh có làm không?

Mấy người bàn bên quay lại khi nghe thấy tiếng ghế ken két rê trên sàn nhà và nhìn anh chàng cảnh sát tóc húi cua, chân dài và lưng còng hối hả bước ra khỏi căng tin.

VẬN MAY

Chùm chuông treo phía cửa ra vào khua lanh canh trong cửa hàng chật hẹp, tối tăm khi hai người đàn ông chạy vào. Cửa hàng Trái cây và Thuốc lá của Elmer là một trong những cửa hàng cuối cùng thuộc loại này, với các tạp chí về ô tô, săn bắn và câu cá ở một bên tường, và sách báo khiêu dâm loại nhẹ, thuốc lá và xì gà ở tường bên kia, ba chồng phiếu cá cược bóng đá trên quầy thu ngân nằm giữa các thanh kẹo dẻo vị cam thảo và những chiếc bánh hạnh nhân hình con lợn từ Giáng sinh trước đã xám ngắt và khô khốc, buộc ruy băng.

“Vừa làm đấy,” Elmer, một người đàn ông gầy gò, hói đầu, tuổi lục tuần, để râu và nói bằng giọng vùng Nordland.

“Chà, đột ngột quá,” Halvorsen nói, phủi những giọt nước mưa vương trên vai áo.

“Đúng là mùa thu ở Oslo,” anh chàng miền Bắc nói bằng thứ giọng bokmal đã học được. “Không khô hạn thì mưa như trút. Camel loại hai mươi điếu à?”

Harry gật đầu và rút ví ra.

“Và hai cái thẻ cào cho chàng sĩ quan trẻ này hả?” Elmer đưa hai thẻ cào cho Halvorsen, anh chàng cười toét miệng và nhanh tay đút hai chiếc thẻ vào

túi.

“Tôi châm thuốc ở đây được chứ, Elmer?” Harry xin phép, ngó ra ngoài trời nhìn cơn mưa như trút nước, lúc này đang quất xuống vỉa hè chẳng có lấy một bóng người bên ngoài cửa sổ vậy bắn.

“Đương nhiên rồi,” Elmer đáp, trả lại tiền thừa cho họ. “Chất độc hại và bài bạc là cần câu cơm của tôi mà.”

Ông ta cúi xuống đi qua một tấm rèm nhăn nhúm, họ có thể nghe thấy tiếng máy pha cà phê đang tí tách từ đằng sau nó.

“Tấm ảnh đó đây,” Harry nói. “Tôi chỉ muốn cậu tìm hiểu xem người phụ nữ này là ai.”

“Chỉ ư?” Halvorsen nhìn tấm ảnh bị gấp góc, nhòe nhoẹt mà Harry vừa đưa cho.

“Bắt đầu bằng cách tìm hiểu xem tấm ảnh được chụp ở đâu,” Harry nói và bị ho dữ dội khi anh cố gắng giữ khói thuốc trong phổi. “Trông như là một khu nghỉ mát. Nếu là vậy thì chắc phải có một cửa hàng tạp hóa nhỏ nào đó hoặc ai đó cho thuê nhà gỗ, đại loại thế. Nếu gia đình trong tấm ảnh này là du khách thường xuyên thì chắc sẽ có người nào làm ở đó biết họ là ai. Lúc nào tìm được thông tin đó thì phần còn lại để tôi xử lý.”

“Tất cả chuyện này chỉ vì tấm ảnh nằm trong chiếc giày?”

“Đó không phải là một chỗ bình thường để cất giữ ảnh bình thường, phải không?”

Halvorsen nhún vai và đi ra đường.

“Chưa tạnh đâu,” Harry nói.

“Tôi biết, nhưng tôi phải về nhà.”

“Để làm gì?”

“Làm một việc được gọi là sống. Chẳng phải việc sẽ khiến anh thích thú đâu.”

Harry gượng cười để tỏ ra rằng anh hiểu đó là một lời nói tếu táo. “Chúc

vui vẻ.”

Chùm chuông kêu lanh canh và cánh cửa đóng sập lại sau lưng Halvorsen. Harry rít thuốc, và, trong lúc ngẫm nghĩ sách báo do Elmer lựa chọn, anh chợt nhận thấy mình chẳng có mấy quan tâm chung với đám đàn ông Na Uy bình thường. Có phải là vì anh chẳng còn mối quan tâm nào nữa không? Âm nhạc, ừ, nhưng mười năm qua chẳng có ca sĩ nào ra hồn, ngay cả các thần tượng của anh một thời. Phim ảnh? Đạo này, bước ra khỏi rạp chiếu phim mà anh không cảm thấy như vừa mới bị mỗ não là may lắm rồi. Chẳng còn gì khác nữa. Nói cách khác, thứ duy nhất mà anh còn quan tâm là truy lùng và tổng giam người. Thậm chí ngay cả chuyện đó cũng không làm cho tim anh đập mạnh như trước nữa. Điều đáng sợ là, Harry ngẫm, đặt một bàn tay lên cái quầy trơn nhẵn, lạnh lẽo của Elmer, tình trạng này chẳng còn mảy may khiến anh bận tâm. Thực ra là anh đã đầu hàng. Anh chỉ thấy thật thoải mái khi được già đi.

Chuông cửa lại kêu rinh lên.

“Tôi quên không báo với anh về cái gã mà chúng tôi đã bắt tối qua vì tội tàng trữ trái phép vũ khí,” Halvorsen nói. “Roy Kinnsvik, thuộc nhóm đầu trọc, tại quán pizza Herbert.” Anh ta đứng ở ngưỡng cửa, mưa nhảy múa xung quanh đôi giày ướt sũng.

“Ừm?”

“Hắn sợ xanh mặt, vì thế tôi bảo hắn cho tôi thứ gì đó tôi cần thì tôi sẽ thả hắn.”

“Và?”

“Hắn bảo hắn nhìn thấy Sverre Olsen ở Grunerløkka vào cái đêm Ellen bị giết.”

“Thì sao? Chúng ta đã có vài nhân chứng xác nhận điều đó rồi mà.”

“Đúng thế, nhưng gã này đã thấy Olsen ngồi nói chuyện với ai đó trong xe ô tô.”

Điều thuốc của Harry rơi xuống đất. Anh lờ đi. “Hắn có biết đó là ai không?” anh hỏi chậm rãi.

Halvorsen lắc đầu. “Không, hắn chỉ nhận ra mỗi Olsen.”

“Anh có bắt hắn miêu tả không?”

“Hắn chỉ nhớ được là hắn nghĩ kẻ đó trông giống cảnh sát. Nhưng hắn bảo có lẽ hắn sẽ nhận mặt được kẻ đó.”

Harry cảm thấy người nóng dần lên dưới chiếc áo khoác và cần trọng nói rành rọt từng từ: “Hắn có nói được loại xe không?”

“Không, hắn chỉ chạy qua đó thôi.”

Harry gật đầu, liên tục lướt bàn tay ngược xuôi trên mặt quầy. Halvorsen hăng giọng: “Nhưng hắn nghĩ đó là một chiếc xe thể thao.”

Harry thấy điều thuốc bốc khói trên sàn nhà. “Màu gì?”

Halvorsen ngửa một lòng bàn tay lên tỏ ý xin lỗi.

“Có phải màu đỏ không?” Harry hỏi bằng một giọng nhỏ và khàn.

“Anh nói gì cơ?”

Harry đứng thẳng dậy. “Chẳng có gì cả. Nhớ cái tên đó. Và về với cuộc sống của cậu đi.”

Chuông kêu vang.

Harry ngừng vuốt ve cái quầy, nhưng vẫn để nguyên bàn tay trên đó. Đột nhiên anh cảm thấy nó giống như đá cẩm thạch lạnh toát.

Astrid Monsen đã bốn mươi lăm tuổi và kiếm sống bằng nghề dịch văn học Pháp trong phòng làm việc riêng thuộc một căn hộ ở Sorgenfrigata. Chị ta không có người đàn ông nào trong đời nhưng có một cuộn băng cát xét thu tiếng chó sủa để đến đêm lại bật. Harry nghe thấy tiếng bước chân của chị ta và ít nhất là ba lần mở khóa bên trong rồi mới thấy cánh cửa được hé ra một chút vừa đủ để lộ ra một khuôn mặt nhỏ nhắn, lấm tấm tàn nhang bên dưới

những lọn tóc quăn đen nhánh.

“Hừ,” khuôn mặt đó thốt lên khi nhìn thấy vóc dáng lừng lững của Harry.

Có thể nhìn mặt chị ta thì không quen, nhưng ngay lập tức anh có cảm giác như đã gặp chị ta ở đâu đó rồi. Chắc tại Anna đã miêu tả quá kỹ về người hàng xóm khủng khiếp này.

“Tôi là Harry Hole, thuộc Đội Hình sự,” anh giới thiệu và chìa thẻ ra. “Xin lỗi vì đã làm phiền chị muộn thế này. Nhưng tôi muốn hỏi chị vài câu về buổi tối Anna Bethsen chết.”

Anh cố gắng mỉm cười trấn an khi thấy miệng chị ta cứ há hốc ra không khép lại được. Từ khoe mắt, Harry thấy có chuyển động phía sau tấm kính cửa nhà bên.

“Tôi vào được chứ, chị Monsen? Không quá một phút đâu.”

Astrid Monsen lùi lại hai bước và Harry chớp ngay lấy cơ hội đó lách vào và đóng cánh cửa lại. Lúc này anh đã có thể nhìn thấy toàn bộ cái mái tóc quăn tít kiểu châu Phi. Rõ ràng là chị ta đã nhuộm đen, và mái tóc đó bọc lấy cái đầu nhỏ trắng hếu của chị ta như một quả cầu khổng lồ.

Họ đứng đối diện với nhau dưới ánh sáng dè sẻn của gian sảnh ngoài, bên cạnh những bông hoa khô và tấm áp phích lồng khung mua tại Bảo tàng Chagall ở Nice.

“Chị đã gặp tôi bao giờ chưa nhỉ?” Harry hỏi.

“Ý... anh là sao?”

“Tôi chỉ muốn hỏi là chị đã thấy tôi bao giờ chưa. Rồi tôi sẽ nói tiếp phần còn lại.”

Miệng chị ta mở ra rồi khép lại. Rồi chị ta lắc đầu dứt khoát. “Tốt,” Harry nói. “Tối thứ Ba chị có ở nhà không?”

Chị ta dè dặt gật đầu.

“Chị có nghe thấy gì không?”

“Không,” chị ta đáp. Hơi vội vã quá, khiến Harry không hài lòng.

“Chị cứ từ từ và nghĩ cho kỹ,” anh nói và cố mỉm cười thân thiện, nó không phải là tiết mục thành thạo nhất trong vốn tiết mục về biểu cảm trên mặt của anh.

“Không...” chị ta nói, mắt nhìn ra cánh cửa sau lưng Harry. “Không nghe thấy gì.”

Bước ra phố, Harry châm thuốc. Anh vừa ra khỏi cửa nhà Astrid Monsen thì đã nghe thấy tiếng khóa an toàn sập. Tội nghiệp. Chị ta là người cuối cùng trong danh sách của anh và anh có thể kết luận rằng không có ai nhìn thấy hoặc nghe thấy anh hay bất cứ ai khác trên cầu thang vào cái đêm Anna chết.

Sau khi rít liền hai hơi, Harry ném điếu thuốc đi.

Về tới nhà, anh ngồi xuống ghế, nhìn chăm chăm vào cái đèn tín hiệu màu đỏ của chiếc máy trả lời tự động một lúc lâu rồi mới nhấn nút PLAY. Rakel gọi chúc anh ngủ ngon và một nhà báo muốn được biết anh bình luận thế nào về cả hai vụ cướp ngân hàng. Sau đó, anh tua lại cuộn băng và nghe tin nhắn của Anna. “*Và anh không phiền nếu mặc cái quần jean mà anh biết là em rất thích chứ?*”

Anh đưa tay lên vuốt mặt. Rồi anh lấy cuộn băng ra và ném vào sọt rác. Ngoài trời mưa rơi nhỏ giọt, trong nhà Harry chuyển kênh ti vi. Trận đấu bóng ném của nữ, phim truyền hình nhiều tập và một chương trình trò chơi trên truyền hình trong đó người chơi có thể trở thành triệu phú. Harry dừng lại ở cuộc tranh luận giữa một nhà triết học và một nhà nhân loại học xã hội về khái niệm trả thù trên một kênh tiếng Thụy Điển. Một người bảo vệ quan điểm cho rằng một đất nước như Mỹ, vốn đại diện cho những giá trị nhất định như tự do và dân chủ, có trách nhiệm đạo đức phải trả đũa những vụ tấn công vào lãnh thổ của họ vì chúng cũng tấn công vào chính những giá trị đó. “*Riêng khao khát phục thù - và việc thực hiện khao khát đó - cũng có thể bảo*

vệ một hệ thống dễ bị tổn thương như nền dân chủ rồi.”

“Thế nếu như những giá trị mà nền dân chủ đó đại diện tự trở thành nạn nhân của một hành động trả thù thì sao?” người kia phản bác. “Nếu như chủ quyền của một quốc gia khác được luật pháp quốc tế công nhận bị xâm phạm? Anh sẽ bảo vệ loại giá trị nào nếu như tước đoạt quyền của các công dân vô tội trong cuộc săn lùng những nhóm người có tội? Còn giá trị đạo đức của giáo lý nếu bị tát má này thì hãy giơ nốt má kia ra thì sao?”

“Vấn đề là chúng ta chỉ có hai cái má thôi!” người đàn ông kia nói, mỉm cười. “Phải không?”

Harry tắt phụt ti vi. Anh tự hỏi liệu có nên gọi cho Rakel không, nhưng quyết định là đã muộn quá rồi. Anh định vùi đầu vào một cuốn sách của Jim Thompson, nhưng phát hiện ra rằng nó đã biến đi đâu mất. Anh bèn đứng dậy đi đi lại lại trong phòng. Anh mở tủ lạnh ra và bực bội nhìn miếng phó mát trắng và một lọ mứt dâu. Anh thêm thứ gì đó, nhưng không rõ là gì. Anh sập cửa tủ lạnh lại. Anh đang cố giống ai vậy? Cái anh thêm là rượu.

Hai giờ sáng, anh tỉnh giấc trên ghế, quần áo vẫn còn nguyên trên người.

Anh trở dậy, đi vào phòng tắm và uống một cốc nước.

“Mẹ kiếp,” anh chửi thề với chính mình trong gương. Anh đi vào phòng ngủ và bật máy tính cá nhân lên. Anh tìm thấy 104 bài báo bằng tiếng Na Uy trên mạng viết về tự sát, nhưng không có bài nào viết về sự trả thù, chỉ có những từ khóa và đường dẫn tới những bài về động cơ của sự trả thù trong văn học và thần thoại Hy Lạp. Anh vừa định tắt máy đi thì nhớ ra đã mấy tuần nay mình chưa mở hòm thư. Có hai email mới. Một từ nhà cung cấp dịch vụ mạng của anh, cảnh báo anh rằng dịch vụ sắp bị cắt từ hai tuần trước. Địa chỉ email còn lại là *anna.beth@chello.no*. Anh nhấp đúp chuột và đọc thư: *Chào Harry. Đừng quên lấy chìa khóa nhé. Anna*. Thời gian thư được gửi là hai tiếng trước cuộc gặp cuối cùng của anh với cô. Anh đọc lại bức thư lần nữa. Quá ngắn. Quá... đơn giản. Anh đoán đó là cách người ta viết email

cho nhau. *Chào Harry*. Người ngoài nhìn vào hẳn sẽ nghĩ họ là những người bạn cố tri, nhưng họ chỉ quen nhau có sáu tuần thôi, đã lâu lắm rồi, và anh thậm chí còn chẳng hề biết là cô có địa chỉ email của anh.

Khi anh ngủ thiếp đi, anh lại mơ thấy mình đang đứng trong ngân hàng, tay cầm khẩu súng. Mọi người xung quanh anh đều là những bức tượng cẩm thạch.

GADJO

“Hôm nay trời đẹp quá đi mất,” Bjarne Møller kêu lên trong lúc lướt vào văn phòng của Harry và Halvorsen buổi sáng hôm sau.

“Ừm, ông thì biết rõ rồi, phải không. Ông có cửa sổ mà,” Harry nói, vẫn không ngước lên khỏi cốc cà phê của mình. “Và một cái ghế mới,” anh nói thêm khi Møller thả mình vào cái ghế sắp hỏng của Halvorsen khiến nó ré lên như bị đau.

“Chào buổi sáng tốt lành,” Møller nói. “Có chuyện khó chịu hả?”

Harry nhún vai. “Tôi đã xấp xỉ bốn mươi rồi nên bắt đầu thích căn nhà, thế thôi. Có gì sai không?”

“Không hề. Mà này, tôi rất thích thấy anh mặc vest.”

Harry nhắc ve áo lên như thể đến giờ mới phát hiện ra bộ vest đen.

“Hôm qua có một cuộc họp các trưởng đơn vị,” Møller nói. “Anh muốn nghe vắn tắt hay dài dòng?”

Harry dùng một chiếc bút chì để khuấy cà phê. “Chúng ta phải dừng điều tra vụ Ellen. Phải không?”

“Vụ đó đã khép lại từ lâu lắm rồi mà, Harry. Và Trưởng Phòng Giám định Pháp y bảo rằng anh đang làm phiền họ khi bắt họ phải kiểm tra lại mọi

chứng cứ cũ.”

“Hôm qua chúng tôi đã tìm được một nhân chứng mới có...”

“Lúc nào chẳng có nhân chứng mới, Harry. Chỉ là họ không muốn thêm bất cứ ai nữa.”

“Nhưng...”

“Chúng tôi đã quyết định vụ đó coi như xong, Harry. Xin lỗi cậu.”

Ra đến cửa, Møller quay lại. “Đi dạo ngoài trời nắng một chút đi. Có lẽ đây sẽ là ngày ấm cuối cùng trong một thời gian nữa đấy.”

“Nghe đồn là trời nắng,” Harry nói khi anh bước vào Nhà Đau đớn và thấy Beate. “Báo để cô biết.”

“Tắt đèn đi,” cô nói. “Để tôi chỉ cho anh xem cái này.”

Lúc nói trên điện thoại cô đã tỏ ra khá phấn khích nhưng không nói rõ tại sao. Cô cầm lấy điều khiển từ xa. “Tôi không phát hiện ra điều gì trên cuộn băng của cái ngày chiếc thùng được đặt mua, nhưng anh hãy ngó thử cuộn băng vào ngày xảy ra vụ cướp mà xem.”

Harry nhìn thấy siêu thị 7-Eleven trên màn hình. Anh thấy cái thùng rác màu xanh bên ngoài cửa sổ, những chiếc bánh kem bên trong cửa hàng, phía sau đầu và cái khe mộng của thẳng nhóc anh hỏi chuyện hôm trước. Nó đang tính tiền cho một cô gái mua sữa, tạp chí Cosmopolitan và bao cao su.

“Thời gian ghi lại là 15 giờ 5 phút, vậy là mười lăm phút trước vụ cướp. Giờ thì xem nhé.”

Cô gái xách đồ của mình đi ra, hàng người tiến lên phía trước, và một người đàn ông mặc bộ đồ bảo hộ lao động màu đen và đội mũ lưỡi trai có vành che tai kéo sụp xuống chỉ vào thứ gì đó trên quầy. Hắn cúi xuống để tránh bị thấy mặt. Tay hắn xách một cái túi hành lý màu đen đã gấp lại.

“Cái chết tiệt gì thế này,” Harry thì thào.

“Đó chính là Kẻ Hành quyết,” Beate nói.

“Cô chắc chứ? Có nhiều người mặc đồ bảo hộ lao động màu đen lẫm, mà tên cướp thì đâu có đội mũ lưỡi trai.”

“Khi hắn đi ra khỏi quầy thu ngân thì anh sẽ thấy hắn đi đôi giày giống hệt với đôi trong cuốn băng kia. Và chú ý cái chỗ phồng lên ở bên trái người hắn nhé. Đó là khẩu AG3 đấy.”

“Hắn đã buộc nó vào người. Nhưng hắn vào cửa hàng này làm gì?”

“Hắn đợi xe tải bọc thép đến và hắn cần một điểm quan sát mà không bị chú ý. Hắn đã thăm dò khu vực này và biết rằng xe tải chở tiền sẽ tới vào khoảng 15 giờ 15 đến 15 giờ 20. Trong lúc đó, hắn không thể đội mũ len trùm đầu đi lại loăng quăng và tuyên bố ý định của hắn được, nên hắn sử dụng cái mũ lưỡi trai che gần kín khuôn mặt. Khi hắn tới quầy thu ngân, nếu nhìn kỹ anh có thể thấy một quầng sáng hình chữ nhật nhỏ xíu nhấp nháy trên đó. Đó là ánh sáng bị phản xạ trên kính. Mi đang đeo kính phải không, Kẻ hành quyết khốn kiếp kia.” Beate nói nhỏ nhưng rất nhanh, với vẻ tức giận mà Harry chưa từng thấy ở cô. “Rõ ràng là hắn đã biết về cái máy quay ở siêu thị 7-Eleven. Hắn không hề để lộ mặt chút nào. Nhìn hắn kiểm soát các góc độ kìa! Công nhận là hắn rất giỏi.”

Thằng nhóc đứng sau quầy thu ngân đưa cho hắn một chiếc bánh kem và cầm đồng mười krone hắn vừa đặt lên quầy.

“Đây rồi.”

“Chính xác,” Beate nói. “Hắn không đeo găng tay. Nhưng có vẻ như hắn cũng chưa hề đụng tới bất cứ thứ gì trong siêu thị. Và anh có thể thấy quầng sáng hình chữ nhật mà tôi vừa bảo kia kìa.”

Harry không nói gì.

Gã đàn ông rời khỏi siêu thị trong lúc người cuối cùng được tính tiền.

“Ừm. Chúng ta sẽ lại phải bắt đầu tìm kiếm nhân chứng,” Harry nói rồi đứng dậy.

“Tôi không lạc quan lắm đâu,” Beate nói, vẫn nhìn chăm chăm vào màn hình. “Nên nhớ chỉ có một nhân chứng báo là đã nhìn thấy Kẻ Hành quyết chạy trốn vào giờ cao điểm chiều thứ Sáu. Nơi ẩn náu tốt nhất của tên cướp là giữa đám đông.”

“OK, nhưng vậy thì cô có đề xuất gì khác không?”

“Cứ ngồi xuống đi nếu không anh sẽ để lỡ đoạn cao trào này đấy.”

Tên tò, Harry nhìn Beate một cái rồi lại nhìn vào màn hình. Thằng nhóc đứng sau quầy đã hướng về phía máy quay, tay đang ngoáy mũi. “Cao trào của một người lại là...” Harry làu bàu.

“Nhìn vào cái thùng bên ngoài cửa sổ ấy.”

Ô cửa sổ phản chiếu ánh nắng, nhưng họ vẫn nhìn thấy gã đàn ông mặc bộ đồ bảo hộ màu đen. Hắn đang đứng trên vỉa hè quăng giữa cái thùng và một cái xe đang đỗ. Hắn quay lưng về phía máy quay và đặt một tay lên mép thùng. Có vẻ như hắn vừa ăn cái bánh kem vừa quan sát ngân hàng. Cái túi hành lý hắn mang đã được đặt xuống mặt đường nhựa.

“Đó là trạm quan sát của hắn,” Beate nói. “Hắn đặt mua cái thùng và cho để ở chính xác chỗ đó. Đơn giản đến tài tình. Hắn vừa có thể quan sát được chiếc xe tải chở tiền lại vừa tránh được máy quay an ninh. Và chú ý cách hắn đứng nhé. Thứ nhất, một nửa số khách qua đường thậm chí sẽ không thể nhìn thấy hắn vì cái thùng che khuất, còn những người nhìn được thì sẽ chỉ thấy một người đàn ông mặc bộ đồ bảo hộ lao động và đội mũ lưỡi trai đứng cạnh một cái thùng rác: có thể là thợ xây, nhân viên dọn dẹp nhà cửa hay thu gom rác thôi. Nói tóm lại, chẳng để lại ấn tượng gì trong đầu họ cả. Thảo nào mà chúng ta chẳng kiếm được nhân chứng.”

“Hắn để lại vài cái dấu vân tay to tướng đẹp đẽ trên cái thùng kia,” Harry nói. “Tiếc là trời lại mưa dầm dề suốt cả tuần qua.”

“Nhưng cái bánh kem...”

“Hắn nuốt trôi cả dấu vân tay rồi còn gì,” Harry thở dài.

“... làm hẩn khát. Xem đoạn này đi.”

Gã đàn ông cúi xuống, kéo khóa túi hành lý và lôi ra một cái túi bóng màu trắng. Rồi hẩn lấy ra một cái chai.

“Coca-Cola,” Beate thì thào. “Tôi đã dừng hình và phóng to lên trước khi anh đến. Đó là một chai Coca có nút bần.”

Gã đàn ông tay giữ cổ chai tay kéo nút bần. Rồi hẩn ngửa đầu ra sau, giơ cái chai lên cao và dốc xuống. Họ thấy chỉ còn chút nước sót lại đang chảy xuống, nhưng cái mũi lưỡi trai che mất cái miệng đang há ra và khuôn mặt của hẩn. Sau đó, hẩn đặt cái chai vào túi bóng, thắt nút lại và đang toan nhét cái túi bóng vào túi hành lý thì hẩn chợt dừng lại.

“Nhìn xem. Hẩn đang nghĩ,” Beate thì thào, rồi nói bằng một giọng nhỏ, đều đều: “Số tiền đó cần chỗ đựng rộng chừng nào? Số tiền đó cần chỗ đựng rộng chừng nào?”

Kép chính chăm chú nhìn cái túi hành lý, rồi lại nhìn cái thùng. Rồi hẩn quyết định. Và hẩn quăng vèo cái túi bóng đựng cái chai bên trong bay thành vòng cung lên không trung rồi rơi thẳng vào trong cái thùng hở.

“Cú ném ba điểm!” Harry reo lên.

“Đám đông phát cuồng!” Beate cũng reo theo.

“Mẹ kiếp!” Harry chửi thề.

“Ôi không,” Beate rên rỉ và đập đầu vào bánh lái vì thất vọng.

“Lẽ ra chúng phải còn ở đây chứ,” Harry nói. “Đợi đã!”

Anh mở tung cửa xe ngay trước mặt một người đi xe đạp khiến người này phải ngoặt gấp, rồi chạy băng qua đường tới siêu thị 7-Eleven và xông thẳng tới quầy thu ngân.

“Họ dọn cái thùng đi lúc nào?” anh hỏi thằng nhóc đang định gói hai khúc xúc xích Big Bite cho hai cô nàng mộng bự.

“Vì Chúa, đợi đến lượt mình đi nào,” thằng nhóc nói mà không buồn ngược lên.

Một trong hai cô nàng lâu bầu phần nộ khi Harry nhào tới, chặn không cho thằng nhóc với tới chai tương cà, và túm lấy ngực cái áo sơ mi màu xanh của nó.

“Chào, lại là tôi đây,” Harry nói. “Giờ thì hãy nghe cho kỹ, kéo khúc xích này sẽ tọng thằng...”

Vẻ mặt kinh hoàng của thằng nhóc buộc Harry trấn tĩnh lại. Anh buông tay và chỉ ra cửa sổ lúc này đã có thể nhìn sang ngân hàng Nordea phía bên kia đường nhờ chỗ trống toang hoác mà cái thùng để lại. “Người ta chuyển cái thùng đi lúc nào? Nói mau!”

Thằng nhóc nuốt khan rồi tròn mắt nhìn Harry. “Vừa nãy.”

“Vừa nãy là khi nào?”

“Hai phút trước.” Mắt thằng nhóc đã dờ dẩn ra.

“Tới đâu?”

“Làm sao tôi biết được? Tôi chả biết gì về thùng với thiếc cả.”

“Chẳng.”

“Gì cơ?”

Nhưng Harry đã đi mất.

Harry áp cái điện thoại di động đó của Beate lên tai.

“Ban Quản lý Rác thải Oslo phải không? Tôi là thanh tra Harry Hole bên Sở Cảnh sát. Các anh đem đồ thùng rác ở đâu nhỉ? Phải, những cái thùng rác cá nhân ấy. Metodica à. Được rồi. Phố Verkseier Furulands ở chỗ nào trong khu Alnabru? Cảm ơn. Gì cơ? Hoặc là ở Grønmo ư? Làm sao tôi biết là nơi nào...?”

“Kìa!” Beate nói. “Đường đang tắc.”

Ô tô nối đuôi nhau thành một bức tường có vẻ không thể xuyên qua về phía ngã ba ở trước quán Kafé Lorry trên phố Hegdehaugsveien.

“Lẽ ra chúng ta phải đi theo ngã Uranienborgveien,” Harry nói. “Hoặc là Kirkeveien.”

“Đáng tiếc là không phải anh lái xe,” Beate nói, điều khiển cho bánh trước bên phải leo lên vỉa hè, bấm còi liên tiếp và tăng tốc. Người đi bộ vội dạt hết sang bên.

“A lô,” Harry nói vào điện thoại. “Anh vừa đi thu một cái thùng rác màu xanh trên phố Bogstadveien gần ngã tư giao cắt với phố Industrigata. Giờ anh đang chở nó đi đâu? Phải. Tôi sẽ đợi.”

“Thử qua bên Alnabru xem sao,” Beate nói và lại ngoặt xuống phố ngay trước mũi một cái xe điện. Bánh xe rê trên đường ray thép cho đến khi bám được vào mặt đường nhựa. Harry cảm thấy một thoáng ký ức ảo giác.

Họ chạy tới phố Pilestredet thì người bên Ban Quản lý Rác thải Oslo gọi lại để báo rằng họ không liên lạc được với điện thoại di động của người lái xe, nhưng cái thùng có lẽ là đang được chở tới Alnabru.

“Được rồi,” Harry nói. “Anh có thể gọi cho bên Metodica và yêu cầu họ không đổ cái thùng vào lò thiêu rác trước khi chúng tôi... Văn phòng các anh đóng cửa trong khoảng từ 11 rưỡi tới 12 giờ ư? Cẩn thận! Không, tôi đang nói với lái xe. Không, là lái xe của tôi.”

Trong đường hầm Ibsen, Harry gọi về Sở Cảnh sát và đề nghị họ cử một xe tuần tra tới Metodica, nhưng cái xe gần nhất cũng còn cách đó mất mười lăm phút.

“Mẹ kiếp!” Harry ném cái điện thoại qua vai và đập mạnh lên bảng điều khiển.

Tới chỗ bùng binh giữa phố Byporten và quảng trường, Beate lách vào khoảng trống giữa một cái xe buýt đỏ và cái xe tải Chevy, vạch vôi trắng chạy thẳng giữa thân xe. Khi cô phóng xuống ngã tư được nâng cao hơn so

với mặt đường, được coi là ‘thiết bị điều tiết giao thông’, với vận tốc 110 km/h và thực hiện một cú rê khéo léo khiến những cái lốp rít lên, rồi ngoặt qua khúc quanh chữ chi trên mé gần vịnh của Ga Trung tâm Oslo, thì Harry nhận ra rằng vẫn chưa mất hết hy vọng.

“Gã khùng khốn kiếp nào dạy cô lái xe vậy?” anh hỏi, tay bám chặt ghế trong lúc chiếc xe ngoằn ngoắt luồn lách giữa những dòng xe trên xa lộ ba làn dẫn tới đường hầm Ekeberg.

“Tự học,” Beate đáp.

Tới giữa đường hầm Valerenga, một cái xe tải lớn, xấu xí, đang nhả khói dầu diesel lù lù hiện ra trước xe họ. Nó lết vào làn đường bên phải; sau xe, được cố định bằng hai cái cầu sắt màu vàng, là cái thùng rác màu xanh in dòng chữ *Ban Quản lý Rác thải Oslo*.

“Thế chứ!” Harry kêu lên.

Beate phóng lên ngoặt vào trước đầu xe tải, đi chậm lại và bật xi nhan phải. Harry hạ cửa kính xuống, thò một tay ra giơ thẻ lên, tay kia vẫy chiếc xe tải tấp vào lề đường.

Người lái xe không phản đối Harry ngó vào cái thùng rác, nhưng thắc mắc là sao họ không đợi đến lúc tới bãi Metodica mà đổ rác ra xem.

“Tôi không muốn cái chai đó bị nghiền nát!” Harry nói to để át tiếng ồn của xe cộ đang chạy qua phía sau chiếc xe tải.

“Tôi chỉ nghĩ cho bộ vest đẹp đẽ của anh thôi,” người lái xe nói, nhưng Harry đã nhảy phắt vào cái thùng rồi. Lát sau, những tiếng rầm rầm vang ra từ trong thùng, người lái xe và Beate nghe thấy Harry vắng tục. Rồi một hồi sục sạo nữa. Và cuối cùng một tiếng “Đây rồi!” vang lên trước khi Harry ló ra phía trên cái thùng, tay giơ cao cái túi bóng màu trắng như chiến lợi phẩm.

“Đưa tới cho Weber ngay lập tức và bảo ông ấy đây là việc khẩn,” Harry nói trong lúc Beate nổ máy. “Bảo tôi gửi lời chào.”

“Nói thế có giúp được gì không?”

Harry gãi gãi đầu. “Không. Cứ bảo việc khẩn là được.”

Cô bật cười. Không to, không chân thành, nhưng Harry có nhận thấy tiếng cười.

“Lúc nào anh cũng nhiệt tình thế này à?” cô hỏi.

“Tôi á? Thế còn cô thì sao? Chẳng phải cô đã sẵn sàng đưa chúng ta về châu ông vải sớm chỉ vì cái chứng cứ này sao?”

Beate mỉm cười, nhưng không đáp lại. Chỉnh lại gương trước khi quay trở lại đường.

Harry liếc nhìn đồng hồ. “Mẹ kiếp!”

“Muộn họp à?”

“Cô có nghĩ là đưa tôi tới nhà thờ Majorstuen được không?”

“Được. Đó là lý do anh mặc vest đen hả?”

“Ừ. Một... người bạn.”

“Thế thì tốt hơn hết là anh cố mà gột sạch vết bẩn trên vai trước đi đã.”

Harry nghiêng đầu lên. “Tại cái thùng xe rác đấy mà,” anh nói, dùng tay phủi.

“Đã hết chưa?”

Beate đưa cho anh một cái khăn tay. “Nhổ tí nước bọt ra đây. Bạn thân à?”

“Không. À, ừ... có lẽ là chỉ trong một thời gian thôi. Nhưng mà đám tang thì phải tới chứ, phải không?”

“Anh vẫn hay tới dự đám tang à?”

“Cô thì không ư?”

“Tôi chỉ tới duy nhất một đám tang trong đời.”

Họ im lặng lái đi.

“Cha cô hả?” Cô gật đầu.

Họ đi qua giao lộ ở Sinsen. Ở Muselunden, một bãi cỏ rộng bên dưới phố Haraldsheimen, một người đàn ông và hai thằng bé đang thả một con diều lên trời. Cả ba đều đứng nhìn lên bầu trời xanh và Harry thấy người đàn ông đưa

sợi dây cho thẳng bé cao hơn.

“Chúng ta vẫn chưa bắt được thủ phạm,” cô nói.

“Chưa,” Harry nói. “Vẫn chưa.”

“Chúa ban cho rồi Chúa lại lấy về,” linh mục nói, nhìn xuống những hàng ghế trống và người đàn ông cao lừng lững tóc húi cua vừa mới rón rén bước vào, tìm một chỗ ở tít phía cuối. Ông ta đợi cho tiếng nước nở thương tâm vang vọng rồi lắng xuống bên dưới vòm trần. “Nhưng đôi khi, dường như Người chỉ lấy về.”

Vị linh mục nhấn mạnh từ ‘lấy’ và cái tiếng đó được khuếch âm, vang tới tận chỗ Harry. Tiếng nước nở lại to lên. Harry quan sát. Anh cứ nghĩ rằng Anna, người sống hướng ngoại và sôi nổi như vậy, hẳn phải có nhiều bạn bè. Nhưng anh chỉ đếm được có tám người, sáu ngồi hàng ghế đầu và hai người ở từ phía sau. Tám. Ồ, thế thì sẽ có bao nhiêu người tới dự đám tang của anh? Tám người có lẽ cũng chẳng phải quá tệ.

Tiếng nước nở phát ra từ hàng ghế đầu nơi Harry có thể thấy ba cái đầu quần khăn rực rỡ và ba cái đầu trần của đàn ông. Hai người còn lại là người đàn ông đang ngồi mạn trái và người phụ nữ ngồi ở giữa. Anh nhận ra cái mái tóc xù như quả cầu của Astrid Monsen.

Những phím đàn organ kéo kẹt, rồi âm nhạc cử hành. Một bản thánh ca. Ân điển của Chúa. Harry nhắm mắt lại và cảm thấy mệt rã rời. Tiếng đàn organ trầm bổng, những nốt cao nghe như tiếng nước chảy từ trần nhà xuống. Những giọng yếu ớt hát lời cầu xin sự tha thứ và khoan dung. Anh khao khát được ngâm mình trong thứ gì đó có thể làm anh ấm lên và che giấu cho anh. Chúa sẽ phán xử người sống và người chết. Sự trả thù của Chúa. Chúa như Kẻ báo thù. Những nốt trầm của tiếng đàn khiến những cái ghế dài bằng gỗ không có người ngồi khẽ rung lên. Tay cầm kiếm, tay cầm cân, trừng phạt và

công lý. Hoặc là không trừng phạt và không có công lý. Harry mở mắt ra.

Bốn người đàn ông khiêng quan tài đi. Harry nhận ra Sĩ quan Ola Li đi sau hai người đàn ông da ngăm ngăm mặc bộ vest Armani, sơ mi trắng mở cúc cổ. Người thứ tư cao đến mức khiến cho cỗ quan tài nghiêng đi. Bộ vest lủng thùng trên thân hình gầy gò, nhưng ông ta là người duy nhất trong số bốn người khiêng có vẻ không oằn xuống vì quan tài. Harry đặc biệt bị thu hút bởi khuôn mặt của người đàn ông đó. Khuôn mặt hẹp, đẹp đáng, cặp mắt nâu to và buồn bã nằm trong hai hốc mắt sâu. Mái tóc đen được buộc lại thành một bím dài, để lộ vầng trán cao và bóng. Viền quanh cái miệng hình tim nhọn cảm là một bộ râu dài, được chăm sóc cẩn thận. Trông như thể Chúa Jesus vừa bước xuống từ bàn thờ sau lưng linh mục. Còn một điều khác nữa: có rất ít khuôn mặt mà người ta có thể nhận xét thế này, nhưng khuôn mặt ấy đang tỏa sáng. Khi bốn người đàn ông bước qua lối đi giữa lễ đường tới gần Harry, anh cố gắng nhìn xem cái gì đã làm nên thứ hào quang đó. Đau khổ chăng? Không phải là mãn nguyện. Thiện tâm? Hay ác tâm chăng?

Ánh mắt hai người giao nhau trong khoảnh khắc ngắn ngủi khi đoàn người đi qua. Theo sau là Astrid Monsen mắt nhìn xuống, mặt người đàn ông trung niên trông có vẻ như làm nghề kế toán và ba người phụ nữ, hai già một trẻ, mặc những chiếc váy sắc sỡ. Họ nức nở khóc than, đảo mắt và vịn tay giữa sự im lặng của những người đi cùng.

Harry đứng lên trong lúc đám rước lèo tèo đi ra khỏi nhà thờ.

“Đám người Di gan này hay thật, phải không Hole?”

Câu nói vang vọng khắp nhà thờ. Harry quay lại. Là Ivarsson, mặc vest đen và đeo cà vạt, đang mỉm cười. “Hồi nhỏ, nhà tôi có một người làm vườn là dân Di gan. Ursari, anh biết không, họ chu du cùng với những con gấu biết nhảy múa. Anh ta tên là Josef. Suốt ngày nhặt nhẽo và đùa cợt. Nhưng lúc chết thì, anh thấy đấy... Những người này còn căng thẳng trước cái chết hơn cả chúng ta. Họ sợ chết khiếp mule - linh hồn của người chết. Họ tin rằng

chúng sẽ quay về. Josef thường tìm tới chỗ một người phụ nữ có thể đuổi được chúng đi. Hình như chỉ có phụ nữ mới có thể làm được việc đó. Đi thôi nào.”

Ivarsson khẽ chạm vào cánh tay Harry. Harry phải nghiêng chặt răng để cưỡng lại thôi thúc hẩy bàn tay đó ra. Họ đi xuống bậc thềm nhà thờ. Tiếng ồn ngoài phố Kirkeveien át cả tiếng chuông. Một chiếc Cadillac màu đen cửa sau đã mở sẵn đợi đám tang ở phố Schønings.

“Họ đưa quan tài tới đài hóa thân Vestre,” Ivarsson nói. “Hỏa táng, đó là phong tục của đạo Hindu mà họ mang theo từ Ấn Độ. Ở Anh, họ thiêu cả cái nhà lưu động của người chết, nhưng họ không được phép nhốt góa phụ ở bên trong nữa.” Ông ta bật cười. “Họ được phép lấy các vật dụng cá nhân. Josef kể cho tôi nghe về gia đình Di gan của một tay chuyên gia thuốc nổ ở Hungary. Họ để thuốc nổ vào trong quan tài và làm nổ tung cả đài hóa thân.”

Harry lôi một bao thuốc lá Camel ra.

“Tôi biết tại sao anh lại tới đây, Hole ạ,” Ivarsson nói mà không hề giảm bớt độ tươi của nụ cười. “Anh muốn xem có tóm được cơ hội nào để nói chuyện với gã đó không chứ gì?” Ivarsson hất đầu ra hiệu về phía đám rước và người đàn ông cao, gầy sải bước chậm rãi trong khi ba người còn lại phải cố gắng bắt kịp.

“Hắn có phải là cái kẻ tên Raskol không?” Harry hỏi, nhét một điếu thuốc vào giữa hai môi.

Ivarsson gật đầu. “Hắn là chú của cô ta.”

“Thế còn những người kia?”

“Chắc là bạn bè.”

“Còn gia đình?”

“Họ không công nhận người chết này.”

“Vậy ư?”

“Đó là theo lời của Raskol. Dân Di gan nói dối như cuội, nhưng những gì

hắn nói thì khớp với những câu chuyện về cách nghĩ của dân Di gan mà Josef từng kể.”

“Đó là gì?”

“Danh dự gia đình là tất cả. Vì thế cô ta mới bị đuổi đi. Theo lời Raskol thì cô ta từng được gả cho một gã Di gan nói tiếng Hy Lạp sống ở Tây Ban Nha khi mới mười bốn tuổi, nhưng trước lúc động phòng, cô ta đã trốn đi cùng một tay gadjo.”

“Gadjo ư?”

“Một kẻ không phải người Di gan. Một thủy thủ người Đan Mạch. Điều tồi tệ nhất mà một người Di gan có thể làm. Làm ô nhục cả gia đình.”

“Ừm.” Điều thuốc chưa châm lửa cứ nhấp nhỉnh trong miệng Harry trong lúc anh nói. “Theo tôi hiểu thì ông đã biết khá rõ về tay Raskol này?”

Ivarsson xua đi làn khói tưởng tượng. “Tôi và hắn cũng thỉnh thoảng trò chuyện. Gọi là những cuộc tranh cãi ngắn thì đúng hơn. Những cuộc trò chuyện đáng kể sẽ diễn ra sau khi chúng ta thực hiện đúng thỏa thuận của mình, nói cách khác là sau khi hắn đã được tham dự đám tang này.”

“Vậy tức là cho tới nay hắn vẫn chưa nói gì?”

“Chưa có bất cứ thông tin gì quan trọng đối với cuộc điều tra cả. Nhưng nghe giọng điệu thì có vẻ khả quan.”

“Khả quan đến mức tôi thấy là cảnh sát đang giúp khênh người thân của hắn đi mai táng hả?”

“Linh mục đã hỏi là Li hoặc tôi có thể tham gia khiêng quan tài cho đủ người không. Có sao đâu, chẳng nào thì chúng tôi cũng phải ở đây để canh chừng hắn mà. Và chúng tôi sẽ tiếp tục canh chừng hắn ấy mà.”

Harry nheo mắt trước ánh nắng thu chói chang.

Ivarsson quay về phía anh. “Để tôi nói rõ chuyện này nhé, Hole. Không ai được phép nói chuyện với Raskol tới khi nào chúng tôi đã xong việc với hắn. Không một ai. Tôi đã phải mất ba năm để thương lượng với cái gã biết hết

mọi chuyện này. Và giờ thì tôi đã thành công. Không ai được phép làm hỏng chuyện. Anh hiểu ý tôi chứ?”

“Nói cho tôi biết, Ivarsson, vì lúc này chúng ta đang trò chuyện tay đôi với nhau,” Harry nói, búng một mẩu sợi thuốc lá dính trên miệng. “Vụ này đã trở thành một cuộc cạnh tranh giữa ông và tôi rồi sao?”

Ivarsson ngẩng mặt về phía mặt trời và cười khùng khục. “Cậu có biết tôi sẽ làm gì nếu tôi là cậu không?” ông ta nói, mắt nhắm lại.

“Làm gì?” Harry hỏi lại khi sự im lặng đã trở nên không thể chịu đựng nổi.

“Tôi sẽ gửi bộ vest của mình tới cửa hiệu giặt khô. Trông cậu như vừa chui lên từ bãi rác vậy.” Ông ta đưa hai ngón tay lên trán. “Chúc một ngày tốt lành.”

Harry đứng một mình trên bậc thềm hút thuốc trong lúc nhìn theo cổ quan tài màu trắng đi nhấp nhô trên vỉa hè.

Halvorsen quay ngoắt trên ghế khi Harry bước vào.

“May quá, anh về đây rồi. Tôi có tin tốt cho anh đây. Tôi... chết tiệt, hơi quá!”

Halvorsen bịt mũi lại và nói bằng cái giọng dự báo thời tiết cho tàu thuyền: “Quần áo của anh bị làm sao thế?”

“Trượt chân ngã vào thùng rác. Tin gì thế?”

“À... phải rồi, tôi nghĩ là tấm ảnh đó có lẽ là chụp trong một khu nghỉ mát ở Sørland, vì vậy tôi đã email nó cho tất cả các đồn cảnh sát ở Aust Agder. Và, trùng phóc, một cảnh sát ở Risør đã gọi lại để báo rằng anh ta biết rất rõ về bãi biển đó. Nhưng anh có biết sao không?”

“Ờ, thật ra là không.”

“Không phải nó ở Sørland mà là ở Larkollen!”

Halvorsen nhìn Harry, toét miệng cười khấp khởi rồi nói thêm, khi thấy Harry không phản ứng đúng ý anh ta. “Ở Østfold. Ngoại ô Moss.”

“Tôi biết Larkollen ở đâu mà, Halvorsen.”

“Ừ, nhưng tay cảnh sát đó ở...”

“Những người ở Sørland cũng đi nghỉ mát mà. Cậu đã gọi tới Larkollen chưa?”

Halvorsen đảo mắt tỏ vẻ chán chường. “Có, đương nhiên rồi. Tôi đã gọi tới khu cắm trại và hai chỗ mà người ta cho thuê nhà gỗ. Và chỉ có hai cửa hàng tạp hóa thôi.”

“Có gặp may chút nào không?”

“Có,” Halvorsen lại toét miệng cười. “Tôi đã fax tấm ảnh tới và một trong hai chủ cửa hàng tạp hóa biết cô ấy. Họ đã từng có một trong số những căn nhà gỗ đẹp nhất vùng. Thỉnh thoảng anh ta vẫn chở hàng lên đó.”

“Và người phụ nữ tên gì?”

“Vigdis Albu?”

“Albu? Hay Elbow?”

“Đúng. Chỉ có hai người tên như thế ở Na Uy. Một sinh năm 1909. Người kia thì bốn mươi ba tuổi và ở số 12 phố Bjørnetrakket, khu Slemdal, cùng với Arne Albu. Và úm ba la, đây là số điện thoại bàn của chị ta, thừa sếp.”

“Đừng có gọi tôi là sếp,” Harry nói, chộp lấy cái điện thoại để bàn.

Halvorsen rên lên. “Sao thế? Anh đang khó ở à?”

“Ừ, nhưng không phải vì thế. Møller mới là sếp. Không phải tôi, rõ chưa?”

Halvorsen định nói gì đó thì Harry giơ một bàn tay lên đầy vẻ hách dịch: “Bà Albu phải không?”

Ai đó đã cần rất nhiều thời gian, tiền bạc và diện tích để xây ngôi nhà của gia đình Albu. Và cả nhiều khiếu thẩm mỹ nữa. Hoặc là như Harry thấy: rất nhiều khiếu thẩm mỹ rõ rệt. Trông như thể gã kiến trúc sư - nếu quả là có - đã cố gắng kết hợp kiểu nhà gỗ truyền thống của người Na Uy với phong cách nhà đồn điền ở miền Nam Mỹ và điểm thêm chút hạnh phúc ngoại ô màu hồng. Chân của Harry lún xuống khi bước vào lối lái xe rải sỏi chạy qua một khu vườn có những bụi cây cảnh được xén tỉa và một bức tượng hươu nhỏ bằng đồng đang uống nước từ cái đài phun. Trên nóc ga ra ô tô có một tấm biển bằng đồng hình bầu dục khắc phù hiệu lá cờ xanh bên trong là một tam giác vàng chồng lên một tam giác đen.

Tiếng chó sủa dữ dội vọng ra từ sau nhà. Harry bước lên những bậc thềm rộng giữa những cây cột, bấm chuông, và suýt nữa đã nghĩ rằng sẽ có một bà vú da đen đeo tạp dề trắng nào đó ra mở cửa.

“Xin chào!” bà ta líu lo gần như cùng lúc cánh cửa bật mở. Vigdis Albu là hình ảnh ngoài đời của một người phụ nữ trong những thước phim quảng cáo về tập thể hình mà thỉnh thoảng Harry vẫn thấy trên ti vi. Cô ta cũng có nụ cười trắng lóa, mái tóc được tẩy trắng kiểu Barbie và một thân hình thượng lưu rắn chắc bó gọn trong chiếc quần chạy ô-mét và chiếc áo ki-ê-m vải. Cô ta đã nâng ngực nữa, nhưng ít ra cô ta cũng còn khôn ngoan để không độn căng quá mức.

“Tôi là Harry...”

“Mời vào!” Cô ta mỉm cười mà chỉ lộ ra một chút nếp nhăn xung quanh cặp mắt to, xanh biếc, được kẻ vẽ tinh tế.

Harry bước vào tiền sảnh rộng rãi để đầy những bức tượng chú lùn khắc gỗ xấu xí, mập ú cao tới ngang hông anh.

“Tôi đang giặt giũ chút,” Vigdis Albu giải thích. Cô ta nở một nụ cười

trắng lóa và thận trọng đưa ngón tay trở lên gạt mồ hôi để không làm lem mascara.

“Thế thì tốt hơn hết là tôi nên tháo giày ra,” Harry nói và đúng lúc đó nhớ ra tất của mình có lỗ thủng ngay ở đầu ngón cái bên phải.

“Lạy Chúa, đừng làm thế, tôi không phải lau nhà đâu. Chúng tôi thuê người làm việc đó,” cô bật cười. “Nhưng tôi thích tự tay giặt quần áo của mình. Phải có giới hạn cho việc để người lạ vào đến đâu trong nhà mình, anh có nghĩ thế không?”

“Quá đúng,” Harry lúng búng. Anh phải bước nhanh mới theo kịp cô ta lên bậc cấp. Họ đi qua một gian bếp đẹp long lanh và vào phòng khách. Một sân hiên rộng rãi nằm phía ngoài hai ô cửa kính trượt. Trên bức tường chính có một cấu trúc lớn ốp gạch mộc, một kiểu pha trộn giữa kiến trúc của Tòa Thị chính Oslo và một đài tưởng niệm.

“Cái đó là do Per Hummel thiết kế nhân dịp sinh nhật lần thứ bốn mươi của Arne,” Vigdis nói. “Per là một người bạn của chúng tôi.”

“Vâng, đúng là Per đã thiết kế một cái... cái lò sưởi ở đằng kia.”

“Tôi chắc là anh biết kiến trúc sư Per Hummel, phải không? Anh biết đấy, nhà nguyện mới ở Holmenkollen.”

“Tôi e là không,” Harry đáp và đưa tấm ảnh cho cô ta. “Phiền bà xem cái này một chút được không?”

Anh quan sát vẻ kinh ngạc lan ra trên mặt cô ta.

“Đây là tấm ảnh mà Arne chụp ở Larkollen năm ngoái mà. Làm sao anh có nó?”

Harry chờ xem liệu cô ta có giữ được vẻ mặt bối rối thành thật đó cho đến lúc anh trả lời không. Cô ta đã giữ được.

“Chúng tôi tìm thấy nó trong giày của một người phụ nữ tên là Anna Bethsen,” anh nói. Harry nhận thấy phản ứng dây chuyền trong những ý nghĩ, suy luận và cảm xúc lướt qua khuôn mặt của Vigdis Albu, giống như một bộ

phim truyền hình tua nhanh vậy. Đầu tiên là ngạc nhiên, tiếp đến là thắc mắc và sau đó là khó hiểu. Rồi tới một trực giác, thoát đầu bị phủ định bởi tiếng cười hoài nghi, nhưng rồi nó vẫn còn lại và dần dần trở thành một sự vỡ lẽ. Và cuối cùng là vẻ mặt khép kín với dòng phụ đề: Phải có giới hạn cho việc để người lạ vào đến đâu trong nhà mình, anh có nghĩ thế không?

Harry nghịch bao thuốc lá mà anh vừa lôi ra. Một cái gạt tàn thủy tinh lớn được đặt trang trọng ngay giữa bàn uống nước. “Bà có biết Anna Bethsen không, bà Albu?”

“Đương nhiên là không. Tôi phải biết sao?”

“Tôi không biết nữa,” Harry nói thành thật. “Cô ấy chết rồi. Tôi phải thắc mắc là một tấm ảnh riêng tư như thế sao lại ở trong giày của cô ấy. Bà có biết gì không?”

Vigdis Albu cố gắng nở một nụ cười nhẵn nại, nhưng miệng cô ta không chịu nghe theo. Cô ta đành bằng lòng với một cái lắc đầu mạnh mẽ.

Harry chờ đợi, vẫn không nhúc nhích, vẻ thoải mái. Cũng như đôi giày của anh lún xuống lớp đá cuội, anh cảm thấy cơ thể mình đang lún xuống cái ghế xô pha màu trắng. Kinh nghiệm mách bảo anh rằng sự im lặng là phương pháp hiệu quả nhất khiến người ta phải nói. Khi hai người xa lạ ngồi đối diện nhau, sự im lặng có vai trò như một cái máy hút chân không, lôi tuột lời lẽ ra khỏi miệng. Họ ngồi như thế trong mười giây tưởng như vô tận.

Vigdis Albu nuốt khan: “Có lẽ người lau dọn đã nhìn thấy nó nằm ở đâu đó và nhặt lấy mang đi. Và đưa nó cho cái cô... có phải tên cô ta là Anna không nhỉ?”

“Ừm. Tôi hút thuốc bà không phiền chứ, bà Albu?”

“Trong nhà tôi không được hút thuốc. Cả chồng tôi và tôi đều không...” Cô ta đưa một bàn tay lên bím tóc rất nhanh. “Alexander, đứa nhỏ nhất của chúng tôi, mắc bệnh hen.”

“Tôi rất tiếc khi nghe bà nói vậy. Ông nhà sử dụng thời gian của mình thế

nào?”

Cô ta há hốc miệng nhìn anh khiến đôi mắt xanh đã to càng thêm trố.

“Ý tôi là công việc của ông ấy?” Harry lại nhét bao thuốc vào túi áo.

“Anh ấy là nhà đầu tư. Anh ấy đã bán công ty khoảng ba năm trước.”

“Công ty nào?”

“Albu AS. Nhập khẩu khăn tắm và thảm nhà tắm cho khách sạn và các cơ quan.”

“Hẳn là phải nhiều khăn tắm lắm. Lại cả thảm nhà tắm nữa.”

“Chúng tôi làm đại lý cho toàn bộ khu vực Scandinavia này.”

“Chúc mừng bà. Lá cờ trên nóc ga ra có phải là cờ của tòa lãnh sự không?”

Vigdis Albu đã lấy lại bình tĩnh và cời cái bờm tóc ra. Harry chợt nhận thấy là cô ta đã làm phẫu thuật thẩm mỹ cho khuôn mặt của mình. Có gì đó không ăn khớp ở các tỷ lệ trên khuôn mặt. Tức là, chúng quá cân xứng; khuôn mặt của cô ta cân xứng như nhân tạo vậy.

“St Lucia. Chồng tôi làm lãnh sự Na Uy ở đó mười một năm. Chúng tôi có một nhà máy may thảm nhà tắm. Chúng tôi cũng có một căn nhà nhỏ ở đó. Anh đã tới...?”

“Chưa.”

“Một hòn đảo mê hồn, tuyệt vời, ngọt ngào. Một số cư dân lâu đời vẫn còn nói tiếng Pháp. Tôi phải nói là thứ tiếng Pháp không thể nào hiểu nổi, nhưng họ đáng yêu đến mức khó tin.”

“Người Pháp ở Mỹ.”

“Gì cơ?”

“Tôi đã từng đọc về họ. Bà có nghĩ là chồng bà có thể biết làm sao tấm ảnh này lại xuất hiện trong tư trang của người đã chết không?”

“Tôi không thể hình dung nổi là làm sao. Tại sao anh ấy lại phải biết?”

“Ừm.” Harry mỉm cười. “Có lẽ giải thích tại sao người ta có một tấm ảnh

người lạ trong giày của mình cũng khó như vậy.” Anh đứng dậy. “Tôi có thể tìm ông ấy ở đâu, thưa bà Albu?”

Khi Harry ghi số điện thoại bàn và địa chỉ văn phòng của Arne Albu, anh vô tình nhìn xuống cái ghế xô pha vừa ngồi.

“E hèm...” Anh nói khi thấy Vigdis Albu nhìn theo ánh mắt của anh. “Tôi bị trượt chân ngã vào một cái thùng đựng đồ phế thải. Đương nhiên là tôi sẽ...”

“Không sao,” cô ta ngắt lời anh. “Đằng nào thì sang tuần sau tôi cũng sẽ cho lớp bọc này đi giặt khô mà.”

Trên bậc thềm ngoài nhà, Vigdi hỏi liệu anh có thể đổi ý mà đợi đến năm giờ rồi hãy gọi cho chồng cô ta không.

“Tới lúc đó là anh ấy sẽ về nhà và không còn bận bịu lắm.”

Harry không trả lời và chăm chú nhìn khoe miệng cô ta cứ nhếch lên lại hạ xuống.

“Lúc đó chúng tôi có thể... xem xem liệu chúng tôi có thể giải quyết việc này cho anh không.”

“Cảm ơn bà, bà thật tử tế, nhưng tôi đi xe tới đây và đang để ngoài đường, vì vậy tôi sẽ lái xe tới chỗ làm của ông ấy để xem có tìm thấy ông ấy ở đó không.”

“Vây cũng được,” cô ta nói, mỉm cười vẻ bất chấp.

Tiếng chó sủa theo Harry đằng đằng trong lúc anh lái xe đi xuôi xuống đường. Tới cổng, anh quay lại. Vigdis Albu vẫn đứng trên bậc thềm trước ngôi nhà kiểu đồn điền màu hồng. Cô ta cúi đầu xuống và ánh nắng chiếu lên mái tóc cùng bộ đồ thể thao bóng lộn. Từ xa, trông cô ta giống như một con hươu bằng đồng thau nhỏ xíu.

Harry không tìm nổi một chỗ đỗ xe hợp pháp hay Arne Albu tại địa chỉ ở tòa nhà Vika Atrium. Chỉ có một nhân viên lễ tân cho anh biết rằng Albu đã thuê một văn phòng cùng với ba nhà đầu tư khác, và rằng anh ta đang ăn trưa với một ‘công ty môi giới’.

Khi ra khỏi tòa nhà đó, Harry tìm thấy một phiếu phạt đỗ xe sai chỗ gài dưới cần gạt nước. Anh bèn mang theo cả nó lẫn nỗi bức dọc tới SS Louise, hóa ra không phải một tàu thủy chạy bằng hơi nước mà là một nhà hàng ở Aker Brygge. Không giống như quán Schrøder, ở đây người ta phục vụ đồ ăn xịn cho những vị khách có tiền làm ở các văn phòng trên con phố mà có thể gọi một cách hào phóng là phố Wall của Oslo. Harry chưa từng cảm thấy hoàn toàn thoải mái ở Aker Brygge, nhưng có lẽ đó là vì anh sinh ra và lớn lên ở Oslo chứ không phải khách du lịch. Anh trao đổi vài câu với một bồi bàn, anh ta chỉ về phía một cái bàn gần cửa sổ.

“Thưa các quý ông, xin lỗi đã làm phiền,” Harry nói.

“À, đây rồi,” một trong ba người ngồi tại bàn kêu lên, hất nhẹ tóc mái ra sau. “Phục vụ, anh có nghĩ là chai vang này đang ở nhiệt độ phòng không?”

“Tôi sẽ nghĩ nó là rượu vang đỏ Na Uy được chắt vào cái chai nhãn hiệu Clos des Papes,” Harry đáp.

Sửng sốt, gã Tóc mái nhìn Harry đang mặc bộ vest đen từ đầu tới chân.

“Tôi đùa đấy.” Harry mỉm cười. “Tôi là cảnh sát.”

Vẻ ngạc nhiên lúc này chuyển sang hoảng hốt.

“Không phải là cảnh sát môi trường đâu.”

Vẻ nhẹ nhõm chuyển tiếp thành dò hỏi. Harry nghe thấy tiếng cười như con nít và hít một hơi. Anh đã nghĩ trước cách tiến hành việc này, nhưng lại chẳng hề biết nó sẽ diễn biến ra sao. “Ông Arne Albu?”

“Tôi đây,” người đang cười lên tiếng. Anh ta người mảnh khảnh, tóc đen,

ngắn và xoắn với nhiều nếp nhăn quanh mắt do cười, cho Harry biết anh ta đã cười rất nhiều và già hơn so với cái tuổi ba mươi lăm mà anh đoán lúc đầu. “Xin lỗi vì đã hiểu lầm,” anh ta nói tiếp, giọng vẫn rớt lại tiếng cười. “Tôi giúp được gì cho anh, thưa ngài cảnh sát?”

Harry quan sát anh ta, cố hình dung nhanh về con người này trước khi tiếp tục. Giọng nói thuộc loại vang. Cái nhìn không nao núng. Cổ áo trắng tinh sau cái cà vạt thắt vừa vặn. Việc anh ta không dừng lại sau khi nói ‘Tôi đây’ mà còn nói thêm lời xin lỗi và câu ‘Tôi giúp được gì cho anh, thưa ngài cảnh sát?’, với một chút nhấn nhá hơi mĩa mai ở cái từ ‘ngài cảnh sát’ cho thấy Arne Albu hoặc là rất tự tin hoặc là đã tập đến nhuần nhuyễn cách gây ấn tượng như vậy.

Harry tập trung. Không phải vào điều anh định nói, mà vào cách phản ứng của Albu.

“Có đấy, ông Albu. Ông biết Anna Bethsen chứ?”

Albu nhìn Harry với cặp mắt xanh y hệt cô vợ và, sau một lát ngẫm nghĩ, trả lời to, rõ ràng. “Không.”

Mặt Albu cũng kín bưng như cái câu mà anh ta vừa thốt ra. Không phải Harry nghĩ rằng anh ta sẽ để lộ ra mặt. Từ lâu anh đã không còn tin vào chuyện hoang đường rằng những người có nghề nghiệp khiến họ phải dối mặt với những lời dối trá hằng ngày sẽ học được cách phát hiện ra chúng. Một cảnh sát từng tuyên bố trong một vụ án rằng kinh nghiệm lâu năm cho anh ta biết khi nào thì bị cáo đang nói dối. Stale Aune, một lần nữa lại là công cụ cho bên bị, đã trả lời rằng nhiều nghiên cứu chứng tỏ không có nhóm chuyên nghiệp nào giỏi phát hiện nói dối hơn nhóm người làm nghề khác; một lao công cũng giỏi hoặc tệ như nhà tâm lý hoặc cảnh sát mà thôi. Nhóm người duy nhất đạt điểm trên trung bình trong nghiên cứu so sánh đó là nhóm mật vụ. Mà Harry thì không phải là mật vụ. Anh chỉ là một anh chàng ở khu Oppsal đang bị áp lực về thời gian, tâm trạng tồi tệ và ngay lúc này đây đang

đưa ra những phán xét ngớ ngẩn. Đối đầu với một người đàn ông trong hoàn cảnh có thể sẽ khiến anh ta bẽ mặt trước sự hiện diện của những người khác mà không hề có căn cứ nào để nghi ngờ, thì khó mà thu được kết quả và không thể gọi là chơi đẹp được. Bởi vậy, Harry biết anh không nên làm cái việc mà anh đang làm.

“Ông có biết ai đã có thể đưa cho cô ấy tấm ảnh này không?”

Cả ba người đàn ông cùng xem tấm ảnh mà Harry đặt lên bàn.

“Chẳng có manh mối nào cả,” Albu nói. “Vợ tôi? Hay có lẽ là lũ trẻ chẳng?”

“Ừm.” Harry nhìn xem đồng tử mắt anh ta có gì thay đổi không và để ý những dấu hiệu cho thấy mạch đập đang tăng lên như là đổ mồ hôi hay đỏ mặt.

“Tôi chẳng biết chuyện này là vì cái gì, ngài cảnh sát ạ, nhưng vì anh đã cất công tới tìm tôi, tôi đồ rằng nó không phải là một chuyện vặt vãnh. Có lẽ chúng ta có thể thảo luận riêng sau khi cuộc gặp của tôi với các quý ngài đến từ Handelsbanken đây kết thúc. Nếu anh muốn đợi, tôi có thể nhờ phục vụ sắp xếp cho anh một bàn ở khu dành cho người hút thuốc.”

Harry không rõ Albu cười giễu hay cười gượng. Thậm chí có phải đang cười không.

“Tôi không có thời gian,” Harry đáp. “Vì vậy nếu chúng ta có thể ngồi xuống...”

“Tôi e là tôi cũng không có thời gian,” Albu ngắt lời bằng một giọng bình tĩnh nhưng dứt khoát. “Đây là giờ làm việc của tôi, vì vậy chúng ta sẽ phải nói chuyện vào chiều nay. Nếu anh vẫn cho rằng tôi có thể giúp được gì thì sẽ là như vậy.”

Harry nuốt khan. Anh bắt lực và nhận thấy là Albu biết điều đó.

“Vậy thì nói chuyện sau,” Harry nói và nghe thấy rõ câu nói của mình nghe thật thảm hại.

“Cảm ơn, ngài cảnh sát.” Albu nghiêng đầu, mỉm cười. “Và có lẽ anh đã nói đúng về loại rượu đó.” Anh ta quay sang mấy người Handelsbanken. “Stein, anh đang nói gì về Opticom nhỉ?”

Harry cầm tấm ảnh lên và phải chịu đựng nụ cười hầu như không thèm che đậy của gã môi giới để tóc mái trước khi rời khỏi đó.

Ra tới ngoài rìa bến cảng, Harry châm một điếu thuốc, nhưng nó chẳng có vị gì cả và anh làu bàu ném đi. Mặt trời lóe lên trên một ô cửa sổ ở pháo đài Akershus và biển tĩnh lặng đến mức dường như có một lớp băng mỏng trong suốt phía trên. Tại sao anh lại làm việc này? Tại sao lại phải liều chết hạ nhục một người đàn ông mà anh không hề quen biết? Để rồi bị người ta lột tay mà dắt ra khỏi đó.

Anh quay về phía mặt trời, nhắm mắt lại và tự hỏi liệu hôm nay anh có nên làm gì đó khôn ngoan cho khác đi không. Như là bỏ qua toàn bộ vụ này chẳng hạn. Dường như chẳng điều gì có ý nghĩa cả; tất cả chỉ là một trạng thái hỗn mang rối loạn thường thấy. Tiếng chuông ở Tòa Thị chính bắt đầu rung lên.

Harry không biết rằng lời tiên đoán của Møller quả nhiên sẽ đúng. Đó là ngày ầm áp cuối cùng trong năm.

PHẦN VI

KHẨU G-CON 45 HIỆU NAMCO

Oleg can đảm. “Rồi sẽ ổn thôi,” nó đã nói trên điện thoại như vậy. Hết lần này đến lần khác, cứ như thế nó có một kế hoạch bí mật vậy. “Cháu và mẹ sẽ sớm quay về ạ.”

Harry đứng bên cửa sổ nhìn lên bầu trời phía trên nóc tòa nhà đối diện, nơi ánh nắng chiều tà đang tô sắc đỏ và cam lên mặt dưới của một tầng mây mỏng, nhàn nhúm. Trên đường anh về nhà, nhiệt độ đã hạ xuống đột ngột và khó hiểu, như thể có ai đó đã mở toang một cánh cửa vô hình và toàn bộ hơi ấm đã bị hút sạch đi. Trong căn hộ, cái lạnh đã bắt đầu luồn vào từ bên dưới ván lát sàn.

Anh đã để đôi dép nỉ đi trong nhà ở đâu nhỉ? Trong tầng hầm hay trên tầng áp mái? Mà anh có đôi dép lê nào không nữa? Anh cũng chẳng nhớ nổi. May mà anh đã ghi lại tên bộ trò chơi Playstation mà anh hứa sẽ mua cho Oleg nếu thằng bé phá được kỷ lục của Harry trong game Tetris trên máy điện tử cầm tay Gameboy. G-Con 45 hiệu Namco.

Bản tin thời sự cứ phát đều đều trên màn hình ti vi 14 inch sau lưng anh. Lại một gala quyên tiền cho các nạn nhân. Julia Roberts bày tỏ sự cảm thông và Sylvester Stallone nhận những cuộc gọi của các nhà hảo tâm. Và thời khắc trả thù đã tới. Những hình ảnh phơi bày những sườn núi bị rải bom. Những cột khói đen sì bốc lên từ đá và chẳng có gì mọc lên trong khung cảnh tan hoang đó.

Điện thoại réo vang.

Là Weber. Tại Sở Cảnh sát, Weber có tiếng là một lão già bản tính bảo thủ và khó cộng tác. Harry thì nghĩ ngược lại. Chỉ cần biết rằng ông sẽ trở nên ngang bướng khi người ta tỏ ra thiếu tôn trọng hay quấy rầy ông mà thôi.

“Tôi biết anh đang chờ kết quả,” Weber nói. “Chúng tôi không tìm được một mẫu ADN nào trên chiếc chai, nhưng chúng tôi tìm được hai dấu vân tay mờ.”

“Tốt quá. Tôi đang sợ là chúng sẽ bị mất dù có để trong túi bóng.”

“May mà là chai thủy tinh đấy nhé. Sau gần đây ngày trời thì mờ ở dấu vân tay trên một cái chai nhựa chắc hẳn đã bị hấp thu rồi.”

Harry nghe thấy tiếng que gạch lách cách ở hậu cảnh. “Ông vẫn đang làm việc đấy à, Weber?”

“Phải.”

“Khi nào thì ông sẽ so sánh hai dấu vân tay đó với ngân hàng dữ liệu?”

“Anh đang giục tôi đấy à?” Viên sĩ quan pháp y lớn tuổi càu nhàu giọng ngờ vực.

“Đâu có. Tôi thư thả lắm mà, Weber.”

“Mai. Tôi đâu có giỏi máy tính, mà mấy thằng trẻ đã về nhà đi ngủ cả rồi.”

“Còn ông?”

“Tôi sẽ so sánh hai dấu vân tay đó với một vài nghi phạm theo cách cũ vậy. Ngủ say nhé, Hole. Chú Plod sẽ chỉ nhắm một mắt thôi.”

Harry gác máy, đi vào phòng ngủ và bật máy tính cá nhân lên. Trong một giây, tiếng nhạc vui nhộn của Windows át đi những lời lẽ khoa trương về việc trả thù của người Mỹ vang ra từ phòng khách. Anh nhấp chuột tới đoạn băng ghi lại vụ cướp ở Kirkeveien. Tua đi tua lại đoạn clip giật cục đó mà vẫn chẳng thấy sáng tỏ thêm hay mờ mịt đi. Anh bèn nhấp chuột vào biểu tượng email. Màn hình hiện ra biểu tượng đồng hồ cát và dòng thông báo Có 1 thư mới. Cái điện thoại ngoài sảnh lại đổ chuông. Harry liếc nhìn đồng hồ đeo tay

rồi mới nhắc ống nghe lên và nói lời chào bằng một giọng dịu dàng chỉ dành riêng cho Rakel.

“Tôi Arne Albu đây. Xin lỗi đã gọi cho anh vào buổi tối, nhưng vợ tôi đã cho biết là anh tìm tôi và tôi nghĩ là mình sẽ làm sáng tỏ chuyện này ngay lập tức. Giờ có tiện không?”

“Tiện,” Harry ngượng ngùng đáp bằng giọng bình thường.

“Thế này, tôi đã nói chuyện với vợ tôi, và cả hai chúng tôi đều chưa bao giờ nghe nói về người phụ nữ đó hoặc biết làm thế nào cô ta lại có tấm ảnh đó. Nhưng nó được rửa ngoài hiệu ảnh, nên có lẽ là ai đó làm việc trong hiệu đã rửa thêm một tấm. Ngoài ra, có rất nhiều người từng ra vào nhà chúng tôi nên cũng có thể có rất, rất nhiều lời giải thích.”

“Ừm.” Harry nhận thấy giọng Arne Albu không có được sự điềm tĩnh đầy tự tin như hồi chiều. Sau vài giây im lặng, chỉ còn tiếng lạo xạo của đường dây, Albu nói tiếp: “Nếu anh cần nói thêm về chuyện này, tôi sẽ rất biết ơn nếu anh liên lạc với tôi tại văn phòng. Tôi được biết là vợ tôi đã cho anh số điện thoại trong giờ làm việc của tôi.”

“Và, tôi cũng đã hiểu rằng ông không muốn bị làm phiền trong giờ làm việc.”

“Tôi không muốn... vợ tôi căng thẳng. Một người phụ nữ đã chết với một tấm ảnh nhét trong giày, Chúa ơi! Tôi muốn anh làm việc với tôi.”

“Tôi hiểu. Nhưng tấm ảnh lại chụp vợ con ông!”

“Tôi nói cho anh hay là cô ấy chẳng biết gì về chuyện đó cả!” Rồi, có vẻ hối hận vì đã nói năng giận dữ, anh ta nói thêm: “Tôi hứa với anh là tôi sẽ kiểm tra lại mọi khả năng mà tôi có thể hình dung ra, để lý giải vì sao lại có chuyện này.”

“Cảm ơn thiện chí của ông, nhưng tôi vẫn bảo lưu quyền được nói chuyện với bất cứ ai tôi thấy phù hợp.” Harry lắng nghe tiếng thở của Albu trước khi nói thêm. “Tôi hy vọng là ông sẽ hiểu.”

“Nghe này...”

“Tôi e là chuyện này không phải là chủ đề để thảo luận. Tôi sẽ liên hệ với ông hoặc vợ ông nếu có điều gì đó tôi cần biết.”

“Chờ đã! Anh không hiểu rồi. Vợ tôi sẽ rất... buồn lòng.”

“Ông nói đúng, tôi không hiểu. Bà ấy ồm à?”

“Ồm ư?” Albu nói, giọng sừng sốt. “Không, nhưng...”

“Thế thì tôi đề nghị là chúng ta sẽ kết thúc cuộc trò chuyện ở đây.” Harry nhìn mình trong gương. “Giờ không phải là giờ làm việc của tôi. Chào ông.”

Anh gác máy và nhìn vào gương lần nữa. Nó đã biến mất, cái nụ cười ruồi, niềm sung sướng mà sự Thù hận đã mang lại. Tiểu nhân. Tự phụ. Tàn ác. Bốn chữ ‘T’ của sự trả thù. Nhưng còn có gì đó khác nữa. Một thứ gì đó có vẻ bất ổn. Có gì đó bị thiếu mất. Anh nhìn hình ảnh phản chiếu. Có lẽ đó chỉ là cảm giác do ánh sáng chiếu vào.

Harry ngồi trước máy tính nghĩ rằng chắc anh sẽ phải nói chuyện với Aune về bốn chữ ‘T’ này. Ông ta chuyên thu thập những chuyện kiểu đó. Email anh vừa nhận được được gửi từ một địa chỉ mà anh chưa từng thấy bao giờ: *furie@bolde.com*. Anh nhấp chuột.

Và khi anh ngồi đó, một luồng ớn lạnh truyền đi khắp cơ thể Harry Hole, để rồi sẽ còn đọng lại suốt cả một năm trời.

Chuyện xảy ra khi anh đọc email trên màn hình. Tóc gáy anh dựng đứng và da trên người anh căng như quần áo bị co vải.

Cùng chơi chứ? Hãy tưởng tượng là mày vừa ăn tối với một người đàn bà hôm trước thì hôm sau người ta phát hiện ra cô ta đã chết. Mày sẽ làm gì?

TBK

Điện thoại réo lên ai oán. Harry biết đó là Rakel. Anh cứ để mặc nó kêu.

NƯỚC MẮT Ạ RẬP

Halvorsen rất đỗi ngạc nhiên khi thấy Harry bước vào văn phòng.

“Đã đến rồi cơ à? Anh biết rằng đây chỉ là...”

“Không ngủ được,” Harry làu bàu rồi ngồi xuống trước màn hình máy tính, tay khoanh trước ngực. “Mấy cái máy này chậm như rùa.”

Halvorsen ngó qua vai anh. “Tất cả phụ thuộc vào tốc độ truyền dữ liệu khi anh lên mạng. Giờ anh đang dùng đường truyền ISDN tiêu chuẩn, nhưng vui lên đi, vì chúng ta sẽ sớm có băng thông rộng. Anh đang tìm bài báo của tờ Dagens Næringsliv à?”

“Hả?... Ủ.”

“Arne Albu? Anh đã nói chuyện với Vigdis Albu à?”

“Ủ.”

“Thật ra họ có liên quan gì tới vụ cướp ngân hàng?”

Harry không ngược lên. Anh chưa hề nói là chuyện đó có liên quan gì đến vụ cướp, nhưng anh cũng không nói rằng nó không hề liên quan, vì vậy chuyện cậu đồng nghiệp của anh giả định như vậy cũng là bình thường. Harry không phải trả lời anh ta vì đúng lúc đó mặt của Arne Albu hiện lên màn hình. Nụ cười tươi nhất mà Harry từng thấy trong ngày hôm nay ngự phía trên cái cà vạt thắt chặt. Halvorsen chép môi khoái trá và đọc to lên:

Ba mươi triệu cho công ty giả định. Hôm nay Arne Albu đã có thể tích góp ba mươi triệu krone sau khi chuỗi khách sạn Choice mua hết toàn bộ cổ phần của Albu AS ngày hôm qua. Albu nói rằng ông ta muốn dành nhiều thời gian hơn nữa cho gia đình, đó là lý do lớn nhất khiến ông bán đi công ty đang ăn nên làm ra này.

“Tôi muốn thấy các con của mình lớn lên,” Albu trả lời phỏng vấn. “Gia đình là khoản đầu tư quan trọng nhất của tôi.”

Harry nhấn nút PRINT.

“Anh không muốn xem phần còn lại của bài báo sao?”

“Không, tôi chỉ muốn xem tấm ảnh thôi,” Harry đáp.

“Có ba mươi triệu trong ngân hàng rồi mà bây giờ lại bắt đầu cướp các ngân hàng nữa hả?”

“Tôi sẽ giải thích sau,” Harry đáp, đứng dậy khỏi ghế. “Trong lúc đó, tôi không biết liệu cậu có thể giải thích giùm tôi cách tìm ra người gửi một cái email như thế nào không.”

“Địa chỉ có trong email đó mà.”

“Và nó có trong danh bạ điện thoại, phải không?”

“Không, nhưng anh có thể truy ra máy chủ nào đã gửi nó. Nó nằm ngay trong địa chỉ thư. Máy chủ này có một danh sách khách hàng kèm theo các địa chỉ thư mà họ sở hữu. Đơn giản lắm. Anh đã nhận được một cái email hay ho à?”

Harry lắc đầu.

“Cho tôi địa chỉ, tôi sẽ tìm ra ngay cho anh,” Halvorsen nói.

“OK. Anh đã bao giờ nghe nói tới máy chủ có tên là *bolde.com* chưa?”

“Chưa, nhưng để tôi kiểm tra đã. Phần còn lại của địa chỉ là gì?”

Harry ngần ngừ. “Tôi quên rồi,” anh đáp.

Harry trưng dụng một chiếc ô tô trong ga ra và thông thả lái qua Grønland. Một cơn gió lạnh ngắt cuốn bay những chiếc lá đã khô cong trên vỉa hè dưới ánh nắng của ngày hôm qua. Những người đi bộ rút tay vào túi áo và rút đầu vào giữa hai vai.

Tới phố Pilestredet, Harry đi sau một chiếc xe điện công cộng và thấy chương trình tin tức NRK đang phát trên đài. Họ chẳng hề dả động gì tới vụ Stine Grette. Người ta đang lo rằng hàng trăm nghìn đứa trẻ tị nạn sẽ không

sống nổi qua mùa đông khắc nghiệt ở Afghanistan. Một lính Mỹ đã bị giết. Có một cuộc phỏng vấn gia đình anh ta. Họ muốn trả thù. Bislett vẫn đang cấm đường nên xe cô phải chuyển hướng.

“Vâng?” Một tiếng gọn lỏn cất lên trên điện thoại nội bộ ngoài cửa đủ cho thấy Astrid Monsen đang bị cúm nặng.

“Tôi Harry Hole đây. Cảm ơn chị đã giúp đỡ cho tới nay. Tôi tự hỏi liệu tôi có thể hỏi chị thêm đôi câu nữa không. Chị rảnh chứ?”

Chị ta sực sực hai lần rồi mới đáp. “Về chuyện gì thế?”

“Tôi muốn vào nhà để hỏi hơn là đứng ngoài này.”

Hai tiếng khịt mũi nữa.

“Lúc này không tiện à?” Harry hỏi.

Tiếng khóa kêu o o, rồi Harry đẩy cửa vào.

Astrid Monsen đang đứng trong hành lang, vai choàng khăn và khoanh tay trước ngực trong lúc Harry bước lên bậc thang.

“Tôi đã thấy chị tới dự đám tang,” Harry nói.

“Tôi nghĩ ít nhất thì một hàng xóm của cô ta cũng nên có mặt,” chị ta đáp.

Giọng chị ta ghen ghét như nói bằng loa phóng thanh.

“Tôi tự hỏi liệu chị có nhận ra người này không?”

Chị ta ngần ngừ cầm lấy tấm ảnh bị gấp góc. “Ai?”

“Thật ra là bất cứ ai trong ảnh.” Giọng Harry vang vọng cả lên phía trên lẫn xuống phía dưới cầu thang.

Astrid Monsen nhìn chăm chăm vào tấm ảnh. Nhìn một lúc lâu.

“Thế nào?”

Chị ta lắc đầu.

“Chị chắc chứ?”

Chị ta gật.

“Ừm. Chị có biết là liệu Anna có người tình nào không?”

“Chỉ một thôi á?”

Harry hít sâu một hơi. “Ý chị là có nhiều sao?”

Chị ta nhún vai. “Trong căn nhà này anh có thể nghe thấy mọi tiếng động. Cứ tạm nói là cái cầu thang kéo kẹt cũng được.”

“Có mối tình nào nghiêm túc không?”

“Tôi không rõ.”

Harry đợi. Chị ta ngập ngừng không lâu. “Dạo hè, tôi thấy có mảnh giấy ghi tên ai đó dính cạnh hòm thư của cô ta. Nhưng tôi không biết liệu chuyện đó có phải là nghiêm túc hay không...”

“Không ư?”

“Tôi nghĩ trên mảnh giấy đó là chữ viết tay của cô ta. Nó chỉ đề là ERIKSEN.” Đôi môi mỏng của chị ta phảng phất một nụ cười. “Có lẽ anh ta đã quên không cho cô ta biết tên thánh của mình. Mà dù sao thì mảnh giấy cũng biến mất sau một tuần.”

Harry nhìn xuống qua lan can. Cầu thang dốc đứng. “Nhưng một tuần cũng còn hơn là không được ngày nào, phải không?”

“Có lẽ với một số người thì đúng là thế thật,” chị ta đáp, đặt tay lên tay cầm trên cánh cửa. “Tôi phải vào đây. Tôi vừa nghe thấy máy báo có email.”

“Nó có chạy đi mất đâu mà chị phải vội?”

Chị ta lại bị một cơn hắt hơi nữa. “Tôi phải trả lời,” chị ta nói, nước mắt trào lên. “Đó là tác giả của cuốn sách. Chúng tôi đang trao đổi về bản dịch của tôi.”

“Vậy thì tôi sẽ hỏi nhanh thôi,” Harry nói. “Tôi chỉ muốn chị xem thêm cả cái này nữa.”

Anh đưa cho chị ta một tờ giấy. Chị ta cầm lấy, lướt qua một lượt rồi ngược lên nhìn Harry vẻ ngờ vực.

“Cứ xem kỹ đi,” Harry nói. “Bao nhiêu lâu tùy chị.”

“Không cần đâu,” chị ta đáp, trả lại tờ giấy.

Harry đi bộ từ Sở Cảnh sát tới số 21A phố Kjøberggata mất mười phút. Vào thời hoàng kim, tòa nhà bằng gạch đỏ nát này từng là xưởng thuộc da, xưởng in, xưởng rèn và có lẽ là cả vài xưởng khác nữa. Một di tích gợi nhắc rằng Oslo đã từng có công nghiệp. Giờ thì bên Pháp y đã tiếp quản nó. Mặc dù đã được lắp hệ thống chiếu sáng mới và nội thất hiện đại, tòa nhà vẫn mang dáng dấp của một cơ sở sản xuất công nghiệp. Harry tìm thấy Weber ở một trong những căn phòng rộng lớn, lạnh lẽo.

“Chết tiệt,” Harry kêu lên. “Ông hoàn toàn chắc chắn chứ?”

Weber mỉm cười mệt mỏi. “Dấu vân tay trên chiếc chai rõ tới độ nếu chúng ta có trong hồ sơ lưu trữ thì máy tính ắt hẳn đã tìm ra. Đương nhiên là chúng ta có thể tìm kiếm kiểu thủ công cho chắc chắn hơn, nhưng sẽ mất tới nhiều tuần lễ mà có khi công toi. Đã rõ ràng rồi.”

“Xin lỗi,” Harry nói. “Chỉ tại tôi quá chắc là chúng ta đã lần được ra hân. Tôi đoán là cơ hội để một gã như hân chưa từng bị tóm vì bất cứ chuyện gì là quá nhỏ.”

“Việc chúng ta không có hồ sơ lưu trữ về hân chỉ có nghĩa rằng chúng ta phải tìm ở nơi nào khác thôi. Nhưng bây giờ thì ít ra chúng ta cũng đã có chứng cứ rõ ràng rồi. Dấu vân tay này và những sợi vải ở chi nhánh trên phố Kirkeveien. Nếu anh tìm ra được gã đó, chúng ta sẽ có chứng cứ thuyết phục. Helgesen!”

Một thanh niên đang đi ngang qua dừng phắt lại.

“Người ta đưa cho tôi cái nắp này từ Akerselva trong một cái túi không niêm phong,” Weber làu bàu. “Đây không phải là cái chuồng lợn đâu nhé. Rõ chưa?”

Helgesen gật đầu và nhìn Harry với ánh mắt vẻ thấu hiểu.

“Anh phải ra dáng nam nhi mà chịu thôi,” Weber nói, lại quay sang Harry. “Ít ra thì anh cũng không phải chịu cảnh của Ivarsson hôm nay.”

“Ivarsson ư?”

“Anh chưa nghe chuyện xảy ra ở Culvert hôm nay sao?”

Harry lắc đầu. Weber cười khùng khục và xoa tay. “Nếu thế thì tôi sẽ kể cho anh nghe một câu chuyện hay ho để giúp anh vui vẻ lên đường nhé.”

Cách kể chuyện của Weber rất giống với bản báo cáo của ông. Những câu ngắn gọn, không trau chuốt, phác họa giản lược vụ việc xảy ra mà không hề thêm mắm giặm muối về cảm xúc, giọng điệu hay nét mặt. Nhưng Harry cũng chẳng gặp khó khăn lắm trong việc mường tượng ra toàn cảnh. Anh có thể hình dung ra hai sếp Rune Ivarsson và Weber đi vào phòng dành cho khách tới thăm ở bên Cánh A và có thể nghe thấy cả tiếng cửa bị khóa lại sau lưng họ. Cả hai căn phòng đều nằm cạnh quầy lễ tân và được trang bị đồ đạc như trong gia đình. Tù nhân có thể tận hưởng chút yên bình với người thân trong một căn phòng mà thậm chí người ta còn cố gắng làm cho ra vẻ ấm cúng - nội thất đơn giản, hoa giả và hai bức tranh màu nước nhạt trên tường.

Raskol đang đứng thì hai người bước vào. Dưới nách hắn kẹp một cuốn sách dày cộp, và trên chiếc bàn thấp tè trước mặt họ có một bàn cờ vua đã bày sẵn. Hắn chẳng nói một lời, chỉ nhìn họ chăm chăm bằng cặp mắt nâu u buồn. Hắn mặc một chiếc sơ mi trắng trông như áo khoác dài gần ngang gối. Ivarsson có vẻ lúng túng bèn cộc cằn bảo tên Di gan lênh khênh, gầy gò kia ngồi xuống. Raskol làm theo lệnh, miệng khẽ nhếch lên cười.

Ivarsson đưa Weber đi cùng thay vì mấy nhân viên trẻ trong nhóm điều tra vì ông ta nghĩ rằng tay cáo già này có thể giúp ông ta ‘cân đo Raskol’, như lời ông ta nói. Weber kê một cái ghế tựa sát cửa và lôi một cuốn sổ ra trong lúc Ivarsson ngồi đối diện với tên tù khét tiếng.

“Mời ông, Trưởng Đơn vị Chống Cướp Ivarsson,” Raskol nói, chìa một bàn tay để ngửa ra mời vị thanh tra khai cuộc.

“Chúng tôi tới đây để lấy thông tin chứ không phải để chơi cờ,” Ivarsson nói và đặt năm tấm ảnh chụp vụ cướp ở Bogstadveien cạnh nhau sang mặt bàn phía bên Raskol. “Chúng tôi muốn biết gã này là ai.”

Raskol nhắc từng tấm ảnh lên và xem xét kỹ, miệng ‘hừm, hừm’ rõ to.

“Cho tôi mượn một cái bút được không?” Hắn đề nghị sau khi đã xem hết. Weber và Ivarsson nhìn nhau.

“Lấy bút của tôi đi,” Weber nói, đưa chiếc bút máy cho hắn.

“Tôi thích loại thông thường hơn,” Raskol nói, mắt vẫn không rời Ivarsson. Ivarsson nhún vai, lôi một cây bút bi từ trong túi áo trong ra đưa cho hắn.

“Trước tiên, tôi muốn giải thích nguyên lý vận hành của những ống màu,” Raskol nói, bắt đầu vặn cái bút bi trắng của Ivarsson, tình cờ lại có logo của ngân hàng Den norske. “Như các ông đã biết, nhân viên ngân hàng lúc nào cũng để thêm một ống màu cùng số tiền để phòng trường hợp bị cướp. Ống màu đó được gắn vào khay đựng tiền trong cây ATM. Một số ống màu còn được kết nối với máy phát tín hiệu và được kích hoạt khi có chuyển động, ví dụ như bị cho vào một cái túi chẳng hạn. Một số ống khác được kích hoạt khi đi qua một cái cửa từ có thể được gắn vào phía trên cửa chính của ngân hàng. Ống màu này có thể chứa một máy phát tín hiệu rất nhỏ kết nối với một thiết bị thu nhận sẽ kích hoạt một vụ nổ khi nó bị di chuyển ra xa, khoảng một trăm mét chẳng hạn. Một số loại khác thì phát nổ sau khi được kích hoạt một khoảng thời gian đã được cài đặt trước. Bản thân ống màu cũng có đủ mọi định dạng, nhưng nó phải nhỏ đến mức có thể giấu giữa những tờ tiền. Một số nhỏ cỡ này.” Raskol giơ ngón cái và ngón trỏ lên cách nhau hai xăng ti mét. “Vụ nổ không nguy hiểm cho tên cướp; vấn đề là chất màu, tức là mực ấy.”

Hắn giơ ruột mực của cái bút lên.

“Ông nội tôi là một thợ làm mực. Ông đã dạy tôi rằng ngày xưa người ta sử dụng mũ cây keo để tạo ra thứ mực muối sắt pha với a-xít ta-nanh. Thứ mũ đó được lấy từ cây keo và được gọi là nước mắt Ả Rập vì nó chảy ra thành từng giọt màu vàng tươi cỡ này.”

Hắn dùng ngón trỏ và ngón cái tạo một hình tròn bằng hạt quả óc chó.

“Tác dụng của thứ mũ đó là làm đặc và giảm độ căng bề mặt của mực. Và nó giữ cho muối sắt ở dạng lỏng. Ta cũng cần có dung môi nữa. Ngày xưa, nước mưa và rượu vang trắng được khuyến sử dụng. Hoặc là giấm chua. Ông nội tôi khuyên nên cho giấm vào mực khi viết thư cho kẻ thù và rượu khi viết cho bè bạn.”

Ivarsson hăng giọng, nhưng Raskol không thèm đếm xỉa, cứ nói tiếp.

“Ban đầu, thứ mực đó vô hình. Nó chỉ hiện ra khi viết lên giấy thô. Trong ống màu ấy có những phần tử màu đỏ tạo ra phản ứng hóa học khi tiếp xúc với giấy tiền, và phản ứng này sẽ khiến cho nó không thể tẩy xóa được. Những tờ tiền đó sẽ vĩnh viễn bị đánh dấu là tiền bị cướp.”

“Tôi biết ống màu hoạt động thế nào,” Ivarsson nói. “Điều tôi muốn biết hơn là...”

“Đừng sốt ruột, ông sếp. Điều thú vị ở công nghệ này là nó cực kỳ đơn giản. Đơn giản đến mức tôi có thể tự mình làm một cái ống màu, đặt vào bất cứ chỗ nào tôi muốn và làm nó phát nổ ở một khoảng cách nhất định với thiết bị thu nhận tín hiệu. Toàn bộ dụng cụ có thể để gọn trong một hộp cơm trưa.”

Weber đã ngừng ghi.

“Nhưng yếu tố cơ bản của ống phẩm màu không nằm ở công nghệ, sếp Ivarsson ạ. Yếu tố cơ bản của nó là để buộc tội.” Mặt Raskol sáng bừng lên với một nụ cười hết cỡ. “Thứ màu đó cũng sẽ dính lên quần áo và da của tên cướp. Và bám dai đến mức một khi nó đã dính vào tay rồi thì sẽ không bao giờ rửa sạch được. Pontius Pilate và Judas, phải không nào? Máu vấy trên tay

hắn. Đồng tiền vấy máu. Nỗi thống khổ của người phân xử. Sự trừng phạt dành cho kẻ chỉ điểm.”

Raskol đánh rơi ruột bút xuống sàn đằng sau chiếc bàn và trong lúc hắn cúi xuống nhặt nó lên, Ivarsson ra hiệu cho Weber rằng ông ta muốn mượn cuốn sổ.

“Tôi muốn anh viết ra tên của người trong những tấm ảnh này,” Ivarsson nói và đặt cuốn sổ lên bàn. “Như tôi đã nói, chúng tôi không tới đây để chơi.”

“Không phải để chơi, không,” Raskol nói, chậm rãi xoay cái bút lại như cũ. “Tôi đã hứa là tôi sẽ cho ông biết tên của gã đã lấy số tiền đó, phải không nào?”

“Đúng, thỏa thuận là như vậy,” Ivarsson đáp. Ông ta nhòai về phía Raskol trong lúc hắn viết ra giấy.

“Người Xoraxan chúng tôi biết thỏa thuận nghĩa là thế nào mà,” Hắn nói. “Tôi không chỉ viết tên hắn, mà còn cả ả điểm mà hắn thường chơi và kẻ mà hắn đã tìm đến để thuê phang gãy chân cái thằng vừa làm tan nát trái tim của con gái hắn nữa. Cho ông biết thêm là cái gã được thuê đã từ chối.”

“À, tuyệt lắm.” Ivarsson quay phắt sang Weber, toét miệng cười khoái trá.

“Đây,” Raskol đưa cuốn sổ và cái bút cho Ivarsson, và ông ta vồ lấy đọc.

Nụ cười hoan hỉ vụt tắt. “Nhưng...” ông ta lắp bắp. “Helge Klementsén. Trưởng chi nhánh.” Ivarsson như chợt hiểu ra. “Ông ta có dính líu à?”

“Dính líu sâu,” Raskol đáp. “Ông ta đã lấy tiền ra, phải không?”

“Và cho vào cái túi của tên cướp,” Weber làu bàu cạnh cửa.

Mặt Ivarsson từ từ chuyển từ thắc mắc sang giận dữ. “Chuyện nhằm nhí gì thế này? Anh đã hứa sẽ giúp chúng tôi cơ mà.”

Raskol ngăm ngía cái móng tay dài, nhọn hoắt trên ngón út của bàn tay phải. Rồi hắn nghiêm nghị gật đầu, ngả qua bàn và vẩy Ivarsson lại gần. “Ông nói đúng,” hắn thì thào. “Mách ông điều này. Hãy xem cuộc đời này là để làm gì. Ngồi xuống và quan sát con ông. Không dễ phát hiện ra những gì

mình đã để mất đầu, nhưng vẫn có thể làm được.” Hắn vỗ lưng vị sếp Đơn vị Chống cướp và ra hiệu về phía bàn cờ. “Đến lượt ông đấy, sếp.”

Ivarsson giận xì khói khi ông ta và Weber đi dọc hầm Culvert, một đường hầm ngầm dài ba trăm mét nối liền nhà tù Botsen tới Sở Cảnh sát.

“Tôi đã tin tưởng một tên thuộc cái giống người đã phát minh ra sự dối trá!” Ivarsson rít lên. “Tôi đã tin một tên Di gan khốn kiếp!”

Tiếng vọng dội lại từ các bức tường gạch. Weber hồi hải bước đi; Ông ta muốn ra khỏi cái đường hầm lạnh lẽo, ẩm ướt này. Hầm Culvert được dùng để đưa tù nhân đến Sở Cảnh sát thẩm vấn rồi lại đưa trở lại nhà tù, và người ta đồn đại khá nhiều về những chuyện xảy ra ở đây.

Ivarsson khép chiếc áo khoác chặt hơn quanh người và bước ra. “Hứa với tôi một điều, Weber: anh sẽ không hờ ra một lời với bất cứ ai. Được chứ?” Ông ta quay về phía Weber, lông mày nhướn lên: “Thế nào?”

Câu trả lời cho đề nghị của Ivarsson là một tiếng ‘được’ dè dặt bởi họ vừa tới chỗ tường sơn màu cam trong đường hầm và Weber nghe thấy một tiếng ‘bụp’ nhỏ. Ivarsson hét lên một tiếng kinh hãi và khụy xuống một vũng nước, tay ôm ngực.

Weber quay trước quay sau nhìn suốt dọc đường hầm. Không một bóng người. Rồi ông quay sang vị sếp lúc này đang trợn tròn mắt nhìn bàn tay vấy đỏ của mình.

“Tôi chảy máu rồi!” Ông ta rên rỉ. “Tôi sắp chết rồi.”

Weber có thể thấy mắt Ivarsson càng lúc càng mở to thêm trên mặt.

“Gì vậy?” Ivarsson hỏi, giọng run lên vì sợ trong khi thấy Weber há hốc miệng nhìn ông ta.

“Ông phải tới tiệm giặt khô rồi,” Weber nói.

Ivarsson liếc nhìn xuống dưới. Mực đỏ bắn tung tóe khắp cả phần thân trước của chiếc áo sơ mi và loang lổ trên cái áo khoác màu xanh non chuối.

“Mực đỏ!” Weber đáp.

Ivarsson lôi phần còn lại của cái bút bi có logo ngân hàng Den Norske ra. Vụ nổ nhỏ đó đã khiến nó vỡ đôi ở giữa. Ông ta vẫn quỳ tại chỗ, mắt nhắm nghiền cho đến khi hơi thở bình thường trở lại. Rồi ông ta dán mắt vào Weber.

“Ông có biết tội lỗi lớn nhất của Hitler là gì không?” Ông ta hỏi, đưa bàn tay sạch ra. Weber nắm lấy và kéo Ivarsson đứng dậy. Ivarsson liếc nhìn lại quãng đường hầm mà họ vừa đi qua. “Là không trốc tận gốc đám Di gan.”

“Đừng có hờ ra lời nào với bất cứ ai đấy nhé,” Weber nhại lại Ivarsson và cười khùng khục. “Ivarsson đã đi thẳng ra ga ra và lái xe về nhà. Thứ mực đó sẽ còn dính vào da ông ta ít nhất là ba ngày nữa.”

Harry lắc đầu không tin nổi. “Thế các ông đã làm gì với tên Raskol đó?”

Weber nhún vai. “Ivarsson bảo rằng ông ta sẽ tổng hãn vào phòng biệt giam.

“Nhưng tôi đoán là như vậy cũng chẳng ích gì đâu. Gã đó... khác người lắm.”

“Nhắc đến chuyện khác người, anh và Beate tiến hành đến đâu rồi? Hai người đã tìm được gì ngoài dấu vân tay đó chưa?”

Harry lắc đầu.

“Cô gái đó đặc biệt đấy,” Weber nói. “Tôi có thể nhận thấy cô ta giống cha mình. Cô ta có thể là một cảnh sát giỏi.”

“Đúng thế. Ông có quen cha cô ấy không?”

Weber gật đầu. “Một người tử tế. Trung thành. Tiếc là mọi chuyện lại kết thúc như vậy.”

“Kỳ lạ là một cảnh sát dày dạn kinh nghiệm lại mắc phải sai lầm như vậy.”

“Tôi không nghĩ đó là một sai lầm,” Weber nói, tráng cốc cà phê trong bồn rửa.

“VẬY Ừ?”

Weber lăm bằm gì đó.

“ÔNG NÓI GÌ VẬY, WEBER?”

“KHÔNG CÓ GÌ,” WEBER LẦU BÀU. “HẸN LÀ ÔNG TA PHẢI CÓ LÝ DO NÀO ĐÓ. TÔI CHỈ NÓI VẬY THÔI.”

“*Bolde.com* là một máy chủ,” Halvorsen nói. “Tôi chỉ có thể nói là nó không được đăng ký ở bất cứ đâu hết. Có thể là ở trong một cái hầm ở Kiev chẳng hạn và có những khách hàng nặc danh gửi cho nhau những đoạn phim khiêu dâm đặc biệt. Mà tôi thì biết gì? Chúng ta chỉ là người trần mắt thịt sẽ không thể tìm ra những người không muốn bị phát hiện trong khu rừng ấy. Anh sẽ phải tìm một chú chó nghiệp vụ, một chuyên gia thực thụ.”

Có tiếng gõ cửa nhẹ đến mức Harry không nghe thấy, nhưng Halvorsen gọi to: “Mời vào.”

Cánh cửa được mở ra rón rén.

“Chào cô,” Halvorsen nói, mỉm cười. “Beate phải không?”

Cô gật đầu và vội vã nhìn sang Harry. “Tôi đang tìm anh. Số điện thoại di động của anh ở trong danh sách...”

“Anh ấy bị mất điện thoại rồi,” Halvorsen nói và đứng dậy. “Cô ngồi đi, còn tôi sẽ pha một tách cà phê đen thương hiệu Halvorsen.”

Beate lưỡng lự. “Cảm ơn anh, nhưng tôi có thứ muốn cho anh xem ở Nhà Đau đớn. Harry. Anh có thời gian không?”

“Cả tỷ năm luôn,” Harry đáp, ngả người ra trên ghế. “Weber chỉ mang tới toàn tin xấu. Không có dấu vân tay trùng khớp và Raskol chơi Ivarsson một võ ngoạn mục hôm nay.”

“Đó mà là tin xấu ư?” Beate buột ra. Cô hoảng hốt bưng miệng.

Harry và Halvorsen bật cười.

“Rất vui được gặp lại cô, Beate,” Halvorsen nói trước khi cô cùng Harry rời khỏi văn phòng. Anh ta không nhận được lời đáp lại, chỉ có cái nhìn thăm soi của Harry, rồi bị bỏ lại tên tò giữa phòng.

Harry nhận thấy trên chiếc ghế xô pha hai chỗ hiệu IKEA trong Nhà đau đớn, có một cái chăn nhàu. “Cô ngủ lại đây đêm qua à?”

“Tôi chỉ chớp mắt một chút thôi,” Cô đáp và bật cái đầu video. “Nhìn Kẽ Hành quyết và Stine trong hình ảnh này nhé.”

Cô chỉ vào màn hình nơi cô đã cho dừng hình ảnh tên cướp với Stine đang ghé lại gần. Harry có thể cảm thấy tóc gáy anh dựng đứng lên.

“Có gì đó trong hình ảnh này, phải không?” Cô nói.

Harry chăm chú nhìn tên cướp. Rồi nhìn Stine. Và anh nhận ra chính chỗ này đã khiến anh phải xem đi xem lại cuốn băng nhiều lần, cứ kiểm tìm điều gì đó vốn hiện diện nhưng cứ lẩn trốn anh.

“Là gì?” anh hỏi. “Điều cô nhìn ra mà tôi thì không là gì?”

“Cố xem nào.”

“Tôi đã cố rồi.”

“Khắc sâu hình ảnh đó vào võng mạc của anh rồi nhắm mắt lại và cảm nhận xem.”

“Quả tình là...”

“Nào, Harry.” Cô mỉm cười. “Điều tra là thế mà, phải không nào.”

Anh nhìn cô thoáng vẻ ngạc nhiên. Rồi anh nhún vai và làm theo lời cô.

“Anh nhìn thấy gì, Harry?”

“Phía bên trong mí mắt tôi.”

“Tập trung vào. Nói cho tôi biết cái gì khiến anh khó chịu.”

“Có gì đó ở anh ta và cô ta. Có gì đó... trong dáng đứng của họ.”

“Tốt. Dáng đứng của họ làm sao?”

“Họ đứng... Tôi không biết nữa. Họ đứng trông cứ bất thường thế nào ấy.”

“Bất thường như thế nào?”

Harry có cảm giác chìm lún y như lúc ở nhà Vigdis Albu. Anh thấy Stine Grette ngồi ngả về trước. Như thể để đón lấy lời tên cướp. Hắn đang nhìn vào mặt người mà hắn sắp giết từ hai cái lỗ trên chiếc mũ len trùm đầu. Hắn đang nghĩ gì? Còn cô ta đang nghĩ gì? Trong khoảnh khắc ngưng đọng đó, có phải cô ta đang cố gắng phát hiện ra hắn là ai không, cái gã đàn ông dưới chiếc mũ trùm đầu đó?

“Bất thường thế nào?” Beate hỏi lại.

“Họ... họ...”

Bàn tay cầm súng, ngón đã đặt trên cò. Mọi người xung quanh đều hóa đá cả. Stine đang há miệng. Hắn có thể nhìn thấy mắt cô ta qua ống ngắm. Nòng súng đẩy nhẹ vào răng cô ta.

“Bất thường như thế nào?”

“Họ... họ đứng quá gần.”

“Tuyệt vời, Harry!”

Anh mở mắt ra. Những đốm nhỏ như amip cứ hoa lên trước mắt anh và lượn lờ trước trường nhìn của anh.

“Tuyệt vời?” anh lúng búng. “Ý cô là sao?”

“Anh đã gọi trúng cái điều mà chúng ta vẫn thấy từ trước tới giờ. Anh nói hoàn toàn chính xác! Harry ạ. Họ đứng quá gần nhau.”

“Đúng thế, tôi đã nghe thấy mình nói vậy, nhưng ‘quá gần’ so với cái gì?”

“So với khoảng cách mà hai người chưa từng gặp mặt nên đứng.”

“Sao?”

“Anh đã nghe nói tới Edward Hall chưa?”

“Chưa hẳn.”

“Một nhà nhân chủng học. Ông ta là người đầu tiên giải thích mối liên hệ

giữa khoảng cách giữa con người với nhau và quan hệ giữa họ. Nó được chứng minh khá thuyết phục.”

“Giải thích đi.”

“Khoảng cách xã hội giữa những người không hề quen biết là từ một tới ba mét rưỡi. Đó là khoảng cách mà anh sẽ giữ nếu như hoàn cảnh cho phép, nhưng nhìn vào những người xếp hàng trên xe buýt và vào toa lét mà xem. Ở Tokyo, người ta đứng gần nhau hơn mà vẫn cảm thấy thoải mái, nhưng mức độ dao động giữa các nền văn hóa thật ra là khá nhỏ.”

“Hắn không thể thì thầm vào tai cô ta từ cách xa cả mét được, phải không?”

“Không, nhưng hắn có thể dễ dàng làm được điều đó trong cái được gọi là không gian cá nhân, vào khoảng từ một mét tới bốn mươi lăm phân. Đó là khoảng cách mà người ta thường hay giữ với người lạ và những ai được gọi là người quen. Nhưng anh thấy đấy, Kê Hành quyết và Stine Grette đã phá vỡ ranh giới này. Tôi đã đo khoảng cách này. Là hai mươi phân. Điều đó có nghĩa là họ đã đứng vào khoảng cách thân mật. Khi anh đứng quá gần người khác thì anh sẽ không thể duy trì sự chú ý đến khuôn mặt hoặc tránh được mùi cơ thể và thân nhiệt của họ. Đó là khoảng cách dành cho người tình hoặc người thân trong gia đình.”

“Ừm,” Harry đáp. “Tôi ấn tượng với hiểu biết của cô đấy, nhưng hai người này đang tham gia vào một màn kịch gay cấn.”

“Đúng nhưng chính thế mới thú vị!” Beate kêu lên, bám vào tay vịn của chiếc ghế để khỏi nhảy cẫng lên. “Nếu không nhất thiết phải làm vậy thì người ta sẽ không vượt qua ranh giới mà Edward Hall đã nói tới. Mà Kê Hành quyết và Stine Grette thì không nhất thiết phải làm vậy.”

Harry xoa cằm. “OK, cứ tiếp tục đi theo hướng đó đi.”

“Tôi nghĩ là Kê Hành quyết quen Stine Grette,” Beate nói. “Rất rõ.”

“Tốt, tốt.” Harry đưa tay lên bưng mặt và nói vọng qua các kẽ ngón tay.

“Vậy là Stine quen biết một tên cướp ngân hàng chuyên nghiệp, kẻ đã thực hiện một phi vụ hoàn hảo rồi bắn chết cô ấy. Cô biết lập luận đó sẽ đưa chúng ta tới đâu, phải không.”

Beate gật đầu. “Tôi sẽ xem chúng ta tìm được gì về Stine Grette ngay lập tức.”

“Tuyệt. Và sau đó hãy nói chuyện với ai đó thường xuyên ở trong khoảng cách thân mật của cô ta.”

MỘT NGÀY TUYỆT VỜI

“Chỗ này làm tôi sờn gai ốc,” Beate nói.

“Ở đây có một bệnh nhân nổi tiếng, tên là Arnold Juklerød,” Harry nói. “Ông ta nói nơi này là bộ não của con thú bệnh hoạn có tên là tâm thần học. Vậy là cô không tìm được gì về Stine Grette à?”

“Không. Hồ sơ không tì vết, và tài khoản ngân hàng của cô ta không cho thấy bất thường nào về tài chính cả. Không mua sắm vô tội vạ trong những cửa hàng quần áo hay ăn uống lu bù ở nhà hàng. Không có những khoản chi ở trường đua ngựa Bjerk hay bất cứ dấu hiệu cờ bạc nào. Sự phung phí duy nhất tôi lần được ra là chuyến du lịch tới São Paulo mùa hè này.”

“Còn chồng cô ta?”

“Cũng y chang. Chắc chắn và đúng mực.”

Họ đi vào qua cổng dẫn vào bệnh viện Gaustad và bước vào một khoảng sân nằm lọt thỏm giữa những tòa nhà lớn bằng gạch đỏ.

“Giống một cái nhà tù,” Beate nói.

“Heinrich Schinner,” Harry nói, “Kiến trúc sư người Đức thế kỷ mười chín. Cũng là người thiết kế nhà tù Botsen.”

Một nhân viên chăm sóc ra đón họ tại quầy lễ tân. Anh ta có mái tóc nhuộm đen và trông như thể anh ta nên chơi trong một ban nhạc hoặc làm nghề thiết kế gì đó. Thật ra thì đó đúng là công việc của anh ta.

“Trond Grette hầu như chỉ toàn ngồi nhìn ra cửa sổ,” anh ta nói trong lúc họ bước dọc hành lang tới khu G2.

“Anh ta đã sẵn sàng nói chuyện chưa?”

“Rồi, anh ta nói chuyện được...” Người nhân viên chăm sóc đã phải trả sáu trăm krone để tạo mái tóc bù xù, và giờ thì anh ta đang chỉnh lại một nhúm tóc và chớp mắt nhìn Harry qua cặp kính gọng sừng màu đen, khiến anh ta trông giống như một anh chàng ngộ chữ một cách đúng kiểu, tức là, để dân sành điệu có thể thấy anh ta không phải là kẻ ngộ chữ mà là một người biết ăn diện hợp thời.

“Đồng nghiệp của tôi thắc mắc là liệu Grette có đủ tỉnh táo để nói về vợ của anh ta không,” Beate nói.

“Các vị cứ thử sẽ biết,” anh ta đáp rồi trả nhúm tóc trở về phía trước cặp kính. “Nếu anh ta lại điên lên nữa thì tức là anh ta chưa sẵn sàng.”

Harry không hỏi làm sao họ biết được khi nào một người điên lên. Họ tới cuối hành lang và người nhân viên chăm sóc mở một cánh cửa có ô cửa sổ hình tròn.

“Anh ta cần phải bị nhốt à?” Beate hỏi, nhìn quanh phòng lễ tân sáng sủa.

“Không.” Nhân viên chăm sóc đáp, nhưng không giải thích thêm mà chỉ vào lưng cái áo choàng màu trắng trên một chiếc ghế đã được kéo tới chỗ cửa sổ.

“Tôi ở trong phòng trực nằm bên trái đường ra.”

Họ bước tới chỗ người đàn ông đang ngồi trên ghế. Anh ta đang nhìn đăm đăm ra ngoài cửa sổ và thứ duy nhất cử động là bàn tay phải của anh ta, đang chậm chậm rê cái bút trên một tập giấy, giật giật và máy móc như một cánh tay rô bốt.

“Anh Trond Grette phải không?” Harry hỏi.

Anh không nhận ra cái người quay mặt lại. Grette đã cắt trụi tóc, mặt anh ta gầy rộc đi và vẻ điên loạn trong mắt anh ta từ cái đêm trên sân tennis được thay thế bằng ánh mắt điềm tĩnh, trống rỗng xa xăm, nhìn xuyên qua họ. Harry đã từng thấy ánh mắt đó. Ánh mắt của những kẻ đã bị tổng giam vài tuần và bắt đầu ăn năn về tội lỗi của mình. Bản năng mách bảo Harry rằng người đàn ông này cũng đang như vậy. Anh ta đang sám hối.

“Chúng tôi là cảnh sát,” Harry nói.

Grette hướng cái nhìn trở lại với họ.

“Chúng tôi đến vì vụ cướp ngân hàng và chuyện về vợ anh.”

Grette nhắm hờ mắt, như thể anh ta phải tập trung mới hiểu Harry đang nói gì.

“Chúng tôi cần khoản là liệu có thể hỏi anh vài câu không,” Beate lớn tiếng nói.

Grette chậm rãi gật đầu. Beate kéo một chiếc ghế lại gần và ngồi xuống. “Anh có thể nói cho chúng tôi biết về cô ấy chứ?” cô hỏi.

“Nói cho các vị biết ư?” Giọng anh ta rên rỉ như cánh cửa bị khô dầu.

“Vâng,” Beate nói, mỉm cười dịu dàng. “Chúng tôi muốn biết Stine là người thế nào. Cô ấy đã làm gì. Cô ấy thích gì. Hai người đã có những dự định gì. Những chuyện như vậy.”

“Những chuyện như vậy ư?” Grette nhìn Beate. Rồi anh ta đặt cái bút xuống. “Chúng tôi định sinh con. Đó là dự định của chúng tôi. Những đứa trẻ thụ tinh trong ống nghiệm. Cô ấy muốn có một cặp sinh đôi. Hai cộng hai, cô ấy luôn nói vậy. Hai cộng hai. Chúng tôi sắp sửa bắt đầu. Chính là lúc này đây.” Mắt anh ta rưng rưng.

“Hai người lấy nhau lâu rồi, phải không?”

“Mười năm,” Grette đáp. “Nếu chúng không chơi tennis thì tôi cũng sẽ chẳng thấy buồn đâu. Chúng ta không thể ép con cái thích những gì cha mẹ

chúng thích được, phải không nào? Có thể chúng sẽ thích cười ngửa. Cười ngửa thì tuyệt lắm.”

“Cô ấy là kiểu người như thế nào?”

“Mười năm,” Grette nhắc lại, lại quay ra cửa sổ. “Chúng tôi gặp nhau năm 1988. Tôi vào trường Quản lý ở Oslo, còn cô ấy học năm cuối trường trung học Nissen. Cô ấy là cô gái xinh nhất tôi từng gặp. Tôi biết mọi người đều bảo rằng người xinh đẹp là người mà ta chẳng bao giờ có được và có lẽ đã quên mất, nhưng với Stine thì điều đó đã đúng. Và tôi chưa bao giờ ngừng nghĩ rằng cô ấy là người xinh đẹp nhất. Chúng tôi dọn về sống chung sau một tháng và ở bên nhau từng ngày, từng đêm suốt ba năm trời. Vậy mà tôi vẫn không thể tin nổi khi cô ấy gạt đầu đồng ý trở thành Stine Grette. Là quá phải không? Khi anh yêu ai đó tha thiết, anh sẽ không thể hiểu nổi tại sao họ lại yêu anh. Phải là ngược lại mới đúng, phải không?”

Một giọt nước mắt rớt xuống tay ghế.

“Cô ấy tốt bụng. Giờ không còn nhiều người đánh giá cao phẩm chất đó nữa. Cô ấy đáng tin, trung thành và lúc nào cũng nhẹ nhàng. Và dũng cảm nữa. Nếu cô ấy nghĩ là cô ấy nghe thấy tiếng động dưới nhà và tôi đang ngủ thì cô ấy sẽ tự dậy và đi xuống dưới. Tôi bảo cô ấy phải đánh thức tôi dậy vì nhờ có kẻ trộm thật thì sao? Nhưng cô ấy chỉ cười và bảo: Thế thì em sẽ mời chúng ăn bánh quế và bánh quế tỏa mùi thơm thì sẽ làm anh tỉnh giấc, vì lần nào em làm bánh quế anh cũng tỉnh dậy. Mùi bánh quế lẽ ra phải đánh thức tôi khi... đúng thế.”

Anh ta khịt mũi. Những cành trơ trụi của cây dương bên ngoài đung đưa trong cơn gió mạnh. “Lẽ ra em nên làm bánh quế,” anh ta thì thào. Rồi anh ta cố gượng cười mà nghe như khóc.

“Bạn bè của cô ấy thế nào?” Beate hỏi.

Grette vẫn chưa dứt cười và cô phải nhắc lại câu hỏi lần nữa.

“Cô ấy thích ở một mình,” anh ta đáp. “Có lẽ bởi vì cô ấy là con một. Cô

ấy từng rất hay liên lạc với cha mẹ mình. Nhưng rồi chúng tôi đã có nhau. Chúng tôi chẳng cần tới ai khác nữa.”

“Cô ấy có thể có liên hệ với ai khác mà anh không biết chứ?” Beate hỏi.

Grette nhìn cô. “Ý cô là gì?”

Má Beate đỏ bừng lên và cô thoáng mỉm cười. “Ý tôi là vợ anh có thể không nhất thiết phải kể lại mọi cuộc trò chuyện với tất cả những ai mà cô ấy gặp.”

“Tại sao không? Cô đang cố gắng nói điều gì vậy?”

Beate nuốt khan và liếc sang Harry. Anh đỡ lời. “Trong những cuộc điều tra, chúng tôi luôn luôn phải kiểm tra mọi khả năng, dù có thể khó lòng xảy ra. Và một trong những khả năng đó là có nhân viên ngân hàng đã cấu kết với tên cướp. Đôi khi có nội gián trong cả việc lên kế hoạch lẫn thực hiện vụ cướp. Ví dụ như ở đây, rõ ràng tên cướp biết khi nào cây ATM được nạp tiền.” Harry nhìn chăm chú về mặt Grette để xem anh ta đón nhận chuyện đó như thế nào. Nhưng ánh mắt anh ta cho thấy anh ta đã lại rời bỏ họ. “Chúng tôi cũng đặt những câu hỏi này với tất cả các nhân viên khác,” anh nói dối.

Một con chim ác là kêu ré lên trên cái cây bên ngoài. Tiếng kêu ai oán, cô đơn. Grette gật đầu. Lúc đầu còn chậm chạp, sau nhanh hơn.

“À,” anh ta nói. “Tôi hiểu rồi. Các vị nghĩ đó là lý do vì sao Stine bị bắn chứ gì. Các vị nghĩ cô ấy biết tên cướp. Và khi hãn sử dụng cô ấy xong rồi thì hãn bắn cô ấy để chặt đứt mọi liên hệ dẫn tới hãn, phải vậy không?”

“Phải, ít ra thì đó cũng là một khả năng trên lý thuyết,” Harry nói.

Grette lắc đầu và lại cười: tiếng cười buồn bã, trống rỗng. “Rõ ràng là các vị chẳng hiểu gì về Stine của tôi cả. Cô ấy chẳng bao giờ có thể làm bất cứ chuyện gì như thế. Và việc gì cô ấy phải làm thế? Nếu cô ấy sống lâu thêm chút nữa thì cô ấy đã là triệu phú rồi.”

“Vậy sao?”

“Walle Bøldtker, ông cô ấy. Tám mươi lăm tuổi và sở hữu ba tòa chung cư

ở trung tâm thành phố. Ông cụ bị chẩn đoán ung thư phổi đạo hê và chỉ còn một con đường duy nhất mà thôi. Mỗi đứa cháu của ông ấy sẽ được nhận một tòa chung cư.”

Câu hỏi của Harry hoàn toàn là phản xạ: “Giờ thì ai sẽ được nhận tòa chung cư của Stine?”

“Những đứa cháu khác,” Grette trả lời với giọng nói đầy ghê tởm. “Và giờ thì các vị sẽ kiểm tra chứng cứ ngoại phạm của họ chứ gì?”

“Theo anh chúng tôi có nên làm thế không?” Harry hỏi.

Grette định trả lời, rồi lại thôi khi nhìn vào mắt Harry. Anh ta cắn môi dưới. “Tôi xin lỗi,” anh ta nói, xoa một bàn tay lên khuôn mặt chưa cạo râu. “Đương nhiên là tôi phải lấy làm mừng khi các vị kiểm tra mọi khả năng. Chỉ là mọi chuyện có vẻ như vô vọng. Và vô nghĩa nữa. Dù anh có bắt được hăn thì tôi cũng chẳng bao giờ lấy lại được thứ mà hăn đã cướp đi của tôi. Ngay cả án tử hình cũng không làm được điều đó. Mất mạng sống chưa phải là điều tồi tệ nhất.” Harry đã biết anh ta sẽ nói tiếp câu gì. “Điều tồi tệ nhất là mất lý do để sống.”

“Đúng thế,” Harry đáp và đứng dậy. “Đây là danh thiếp của tôi. Hãy gọi cho tôi bất cứ khi nào anh chợt nghĩ ra điều gì. Anh cũng có thể gọi điện đề nghị nói chuyện với cô Beate Lønn.”

Grette đã lại quay ra cửa sổ và không nhìn thấy Harry đang chìa danh thiếp ra, vì vậy anh để lại trên bàn. Bên ngoài, trời đang tối dần và họ nhìn thấy những cái bóng trong mờ phản chiếu trên cửa sổ, như những bóng ma.

“Tôi có cảm giác là đã từng thấy hăn,” Grette nói. “Vào ngày thứ Sáu, tôi thường đi thẳng từ chỗ làm tới nơi chơi bóng quần ở trung tâm Focus trên phố Sporveisgata. Không có bạn chơi cùng nên tôi đành vào phòng tập thể hình. Nâng tạ, đạp xe, những bài tập kiểu như vậy. Lúc đó, người đến tập đông tới mức phải xếp hàng.”

“Đúng thế,” Harry nói.

“Khi Stine bị giết, tôi đang ở đó. Cách ngân hàng ba trăm mét. Đang chờ tắm và đi về nhà để nấu ăn. Tôi luôn nấu ăn vào tối thứ Sáu. Tôi thích đợi cô ấy. Thích... chờ đợi. Đàn ông không phải ai cũng thế.”

“Anh nói anh đã từng thấy hấn nghĩa là sao?” Beate hỏi.

“Tôi đã thấy ai đó đi ngang qua mặt tôi để vào phòng thay đồ. Hấn mặc bộ đồ lòng thùng màu đen. Trông giống như một bộ bảo hộ lao động.”

“Đội mũ trùm đầu chứ?”

Grette lắc đầu.

“Hay là một cái mũ lưỡi trai?” Harry hỏi.

“Tay hấn cầm một cái mũ. Có thể là một cái mũ trùm đầu. Hoặc là một cái mũ lưỡi trai.”

“Anh có nhìn thấy mặt...”

Harry chưa nói hết thì bị Beate ngắt lời. “Hấn cao bao nhiêu?”

“Không rõ.” Grette đáp. “Tầm thước. Nhưng mà tầm thước là bao nhiêu nhỉ? Mét tám à?”

“Sao lúc trước anh không nói với chúng tôi?” Harry hỏi.

“Bởi vì,” Grette nói, áp những ngón tay lên cửa kính, “Đó chỉ là một cảm giác. Tôi biết đó không phải là hấn.”

“Làm sao anh có thể chắc chắn đến thế?” Harry hỏi.

“Vì hai đồng nghiệp của các vị đã tới đây vài ngày trước. Cả hai đều có họ Li.” Anh ta xoay ghế lại và nhìn thẳng vào Harry. “Họ là họ hàng à?”

“Không. Họ muốn gì?”

Grette rút tay lại. Cửa sổ phủ sương quanh những dấu tay nhờn bóng.

“Họ muốn kiểm tra xem liệu Stine có dính líu gì tới tên cướp hay không. Và họ cho tôi xem những tấm ảnh chụp vụ cướp.”

“Và?”

“Bộ quần áo màu đen nhưng không có chữ hay hình thù gì cả. Còn bộ đồ tôi nhìn thấy ở phòng tập Focus lại in chữ cái lớn màu trắng trên nền đen.”

“Chữ gì?” Beate hỏi.

“P-O-L-I-T-I,” Grette đáp, xóa những dấu tay nhờn bóng đi. “Sau đó, khi xuống phố, tôi nghe thấy tiếng còi xe cảnh sát hú lên ở trên phố Majorstuen. Điều đầu tiên tôi nghĩ tới là bọn trộm cướp tẩu thoát được với sự hiện diện dày đặc như thế của cảnh sát thì thật lạ.”

“Đúng vậy. Điều gì đã khiến anh nghĩ thế?”

“Tôi không biết. Có lẽ là vì có kẻ đã trộm vớt bóng quần của tôi trong phòng thay đồ lúc tôi đang tập. Ý nghĩ tiếp theo của tôi là ngân hàng của Stine bị cướp. Đầu óc anh sẽ vận động như vậy khi trí tưởng tượng của anh được tự do, phải không? Sau đó tôi về nhà và làm món lasagne. Stine mê món đó lắm.” Grette cố nở một nụ cười. Rồi những giọt nước mắt cứ thế tuôn rơi.

Harry dán mắt vào mẫu giấy mà Grette đã viết để không phải thấy cảnh một người đàn ông trưởng thành khóc.

“Tôi thấy trong bảng kê tài khoản ngân hàng định kỳ sáu tháng của anh, anh đã rút một khoản tiền lớn.” Giọng Beate nghe sắt đá và gay gắt. “Ba mươi nghìn krone chi ở São Paulo. Anh đã sử dụng số tiền đó vào việc gì thế?”

Harry ngược nhìn cô sững sốt. Cô có vẻ không hề mủi lòng trước cảnh tượng vừa rồi.

Grette mỉm cười trong làn nước mắt. “Stine và tôi đã kỷ niệm mười năm ngày cưới ở đó. Cô ấy được nghỉ và tới đó một tuần trước tôi. Đó là khoảng thời gian chúng tôi xa nhau lâu nhất.”

“Tôi hỏi là anh đã sử dụng ba mươi nghìn krone quy đổi sang tiền Brazil như thế nào,” Beate nhắc.

Grette quay ra cửa sổ. “Đó là chuyện riêng.”

“Nhưng đây là một vụ giết người, anh Grette.”

Grette nhìn cô rất lâu và khó chịu. “Rõ ràng là cô chưa từng yêu ai bao giờ

phải không?”

Beate sầm mặt.

“Nữ trang Đức ở São Paulo được coi là thuộc hạng nhất trên thế giới,” Grette đáp. “Tôi đã mua chiếc nhẫn kim cương Stine đeo khi cô ấy bị giết.”

Hai nhân viên chăm sóc tới đón Grette. Đã đến giờ ăn trưa. Harry và Beate đứng bên cửa sổ nhìn theo anh ta trong lúc đợi người chăm sóc lúc này đưa họ ra.

“Tôi xin lỗi,” Beate nói. “Tôi đã hành động thật ngu ngốc. Tôi...”

“Không sao,” Harry nói.

“Chúng ta vẫn luôn kiểm tra tài chính của nghi phạm trong những vụ cướp ngân hàng, nhưng có lẽ lần này tôi đã đi quá xa...”

“Tôi đã bảo là không sao mà, Beate. Đừng bao giờ xin lỗi vì những câu hỏi cô đã đặt; mà hãy xin lỗi vì những câu hỏi mà cô chưa đặt.”

Anh chàng nhân viên chăm sóc tới mở khóa cửa.

“Anh ta sẽ ở đây bao lâu?” Harry hỏi.

“Anh ta sẽ được trả về vào thứ Tư,” anh ta đáp.

Khi ngồi trên ô tô lái về trung tâm thành phố, Harry hỏi Beate tại sao nhân viên chăm sóc luôn nói, ‘trả bệnh nhân về nhà’. Dù sao thì họ đâu có cung cấp phương tiện, phải không? Và bệnh nhân tự quyết định xem liệu họ có muốn về nhà không, hoặc đi bất cứ nơi nào khác cơ mà? Vì vậy tại sao họ không nói ‘về nhà’? Hoặc ‘cho ra viện’?

Beate không có ý kiến gì về chuyện đó, và Harry tập trung vào thời tiết u ám, nghĩ rằng anh đã bắt đầu căn nản như một ông già lắm cẩm mất rồi. Trước kia anh chỉ căn nản thôi.

“Anh ta đã đổi kiểu tóc,” Beate nói. “Và đeo kính.”

“Ai cơ?”

“Cái anh chàng nhân viên chăm sóc ấy.”

“Ồ, tôi không biết là cô quen anh ta đấy.”

“Chúng tôi không quen. Có lần tôi đã thấy anh ta trên bãi biển ở Huk. Cả ở Eldorado và Stortingsgata nữa. Tôi nghĩ là ở Stortingsgata thì đúng hơn... chắc là năm năm trước.”

Harry nhìn cô chăm chú. “Tôi không nghĩ đó lại là kiểu người cô thích đấy.”

“Không phải vậy,” cô nói.

“À,” Harry nói. “Tôi quên mất. Đó là nhược điểm của não cô.”

Cô mỉm cười. “Oslo nhỏ như lòng bàn tay ấy mà.”

“Vậy ư? Thế cô đã thấy tôi bao nhiêu lần trước khi về làm ở Sở Cảnh sát?”

“Một lần. Năm năm trước.”

“Ở đâu?”

“Trên ti vi. Lúc đó anh vừa phá vụ án ở Sydney.”

“Ừm. Tôi đoán là hản điều đó đã để lại ấn tượng.”

“Tôi chỉ nhớ là tôi thấy bức chuyện anh tỏ vẻ như người hùng mặc dù đã thất bại.”

“Ồ.”

“Anh không đưa tên giết người ra tòa mà bắn hản chết tươi.”

Harry nhắm mắt lại và nghĩ tới cảm giác khoan khoái khi được rút hơi đầu tiên của liều thuốc tiếp theo. Anh vỗ ngực để xem bao thuốc có nằm trong túi áo không và lôi ra một mảnh giấy đã được gấp lại cho Beate xem.

“Gì vậy?” Beate hỏi.

“Tờ giấy mà Grette đã viết nguệch ngoạc lên.”

“*Một Ngày Tuyệt Vời*,” cô đọc.

“Anh ta đã viết câu đó mười ba lần. Hơi giống trong phim *The Shining*, phải không?”

“*The Shining* ư?”

“Cô biết đấy, phim kinh dị ấy mà. Stanley Kubrick đạo diễn.” Anh liếc

nhanh cô qua khoe mắt. “Cái cảnh Jack Nicholson ngồi trong một khách sạn viết đi viết lại cùng một câu.”

“Tôi không thích phim kinh dị,” cô nói khẽ.

Harry quay lại đối diện với cô. Anh sắp sửa nói một điều gì đó nhưng rồi lại cảm thấy tốt nhất là không nên nói.

“Anh sống ở đâu?” cô hỏi.

“Bislett.”

“Nó cũng cùng đường.”

“Ừm. Đường đi đâu?”

“Oppsal.”

“Thế à? Chỗ nào ở Oppsal?”

“Đường Vetlandsveien. Ngay gần ga. Anh có biết Jørnsløkkveien ở đâu không?”

“Có, đó là một ngôi nhà lớn bằng gỗ màu vàng ở góc đường.”

“Chính xác. Tôi sống ở đó. Ngay tầng hai. Mẹ tôi ở tầng trệt. Tôi lớn lên trong căn nhà đó.”

“Tôi cũng lớn lên ở Oslo,” Harry nói. “Có lẽ chúng ta quen chung nhiều người đấy.”

“Có lẽ vậy,” Beate nói, nhìn qua cửa sổ xe.

“Lúc nào đó phải kiểm tra xem sao,” Harry nói.

Không ai nói thêm lời nào nữa.

Trời đã tối và gió nổi lên. Bản tin dự báo thời tiết báo có bão ở phía Nam của Stadt và gió giạt mạnh ở phía Bắc. Harry ho. Anh lôi chiếc áo len mẹ anh đã đan cho cha anh, rồi cha anh tặng lại anh nhân dịp Giáng sinh vài năm sau khi bà mất. Một việc làm kỳ lạ, Harry thầm nghĩ. Anh hâm lại mì ống và thịt viên, rồi gọi cho Rakel và kể với cô về ngôi nhà mà anh đã lớn lên.

Cô không nói gì nhiều, nhưng anh biết cô thích nghe anh kể về phòng ngủ của anh. Về những trò chơi của anh và cái bàn trang điểm nhỏ. Về cách anh bịa ra những câu chuyện từ các họa tiết trên giấy dán tường, như thể chúng là những chuyện cổ tích được viết bằng mật mã. Và một cái ngăn kéo trên chiếc bàn trang điểm mà mẹ anh và anh đã đồng ý là của riêng anh, và bà không bao giờ đụng tới.

“Anh cất những tấm thiệp bóng đá ở đó,” Harry nói. “Chữ ký của Tom Lund. Một lá thư của Sølvi, cô gái anh gặp vào một kỳ nghỉ hè ở Andalsnes. Sau đó là bao thuốc lá đầu tiên của anh. Một hộp bao cao su. Chúng nằm ở đó không hề được bóc ra cho tới tận lúc hết hạn sử dụng. Rồi, khi em gái anh và anh đem ra thối thì chúng đã khô đến mức bị vỡ.”

Rakel bật cười. Harry kể tiếp, chỉ để nghe thấy tiếng cười của cô.

Sau cuộc gọi đó, anh đi đi lại lại không yên. Tin tức chỉ là chiếu lại của ngày hôm qua. Những cơn gió giạt dữ dội nổi lên khắp thành phố Jalalabad.

Anh đi vào phòng ngủ và bật máy tính lên. Trong lúc nó kêu rền rẹt và o o thì anh thấy mình đã nhận được một cái email nữa. Anh cảm thấy mạch đập hồi hả khi nhìn thấy địa chỉ thư.

Anh nhấp chuột.

Chào Harry,

Trò chơi đã bắt đầu. Cuộc khám nghiệm tử thi cho thấy có thể mày đã có mặt vào lúc cô ta chết. Đó có phải là lý do tại sao mày ngậm tăm? Có lẽ như thế là khôn đấy. Dù nó có vẻ như là một vụ tự sát. Nhưng vẫn có vài chỗ không khớp lắm, phải không? Đến lượt mày.

TBK

Một tiếng rầm khiến Harry giật bắn và anh nhận ra anh đã đập lòng bàn tay xuống mặt bàn mạnh hết sức. Anh nhìn quanh căn phòng tối om. Anh

đang tức giận và sợ hãi, nhưng điều khiến anh bức nhất là linh cảm mách bảo rằng kẻ viết email đó... ở trong tầm tay. Harry duỗi cánh tay ra và đặt bàn tay vẫn còn nhúc nhối lên màn hình. Lớp kính mát lạnh làm dịu da anh, nhưng anh vẫn cảm thấy hơi nóng, như hơi nóng của thân thể, tăng lên bên trong cái máy.

PHẦN VII

NHỮNG ĐÔI GIÀY TRÊN DÂY

Elmer chạy trên quảng trường trên phố Grønlandsleiret, vội vàng chào hỏi và mỉm cười với khách hàng và nhân viên trong những cửa hiệu bên cạnh. Ông ta đang bức bối với chính mình. Ông ta lại bị hết tiền lẻ và buộc lòng phải treo biển SẼ SỚM QUAY LẠI lên cửa trong lúc chạy vội tới ngân hàng.

Ông ta kéo cánh cửa, bước vào ngân hàng, ngân nga câu cửa miệng, ‘Xin chào’ và hối hả chạy tới lấy phiếu. Không ai đáp lại, nhưng bây giờ ông ta đã quen với chuyện đó - chỉ những người Na Uy da trắng làm việc ở đây. Có một người đàn ông hình như đang sửa cây ATM và ông ta chỉ thấy có mấy người khách đứng gần cửa sổ nhìn ra ngoài phố. Ngân hàng yên tĩnh đến khác thường. Có gì đó đang xảy ra mà ông chưa biết ư?

“Hai mươi,” một giọng phụ nữ vang lên. Elmer nhìn số trên phiếu của mình. Tận 51, nhưng vì tất cả các vị trí đều đã bị bỏ qua nên ông ta đi tới chỗ cái quầy giao dịch nơi giọng nói đó phát ra.

“Chào Catherine, tình yêu của tôi,” ông ta nói, tò mò ngoác qua ô cửa sổ. “Làm ơn cho năm tệp năm krone và một krone.”

“Hai mươi mốt.”

Ông ta nhìn Catherine Schøyen vẻ ngạc nhiên và chỉ lúc đó mới nhận thấy có một người đàn ông đang đứng cạnh cô ta. Thoạt nhìn, ông ta tưởng đó là một gã da đen, rồi sau đó mới thấy đó là một gã đàn ông đội mũ trùm đầu màu đen. Họng súng AG3 của hắn rời khỏi Catherine và dừng lại ở Elmer.

“Hai mươi hai,” Catherine gọi to bằng giọng như trong hộp thiếc.

“Tại sao lại ở đây?” Halvorsen hỏi, nhìn xuống vịnh Oslo bên dưới. Gió thổi tóc mái anh ta bay tứ tung. Họ lái xe chưa đến năm phút từ con đường

Grønland ngập khói xăng tới Ekerberg, nhô lên như một tòa tháp canh màu xanh ở góc Đông Nam của Oslo. Họ tìm được một cái ghế băng dưới tán cây nhìn về phía một tòa nhà bằng gạch cổ kính rất đẹp mà Harry vẫn gọi là Trường Hàng hải, mặc dù hiện nay ở đó người ta đã chuyển qua dạy những khóa học về quản trị doanh nghiệp.

“Thứ nhất là vì ở đây rất tuyệt,” Harry nói. “Thứ hai là để dạy cho một người ngoại quốc một chút về lịch sử của Oslo. Từ ‘Os’, trong Oslo có nghĩa là ‘đỉnh’, tức cái sườn đồi mà chúng ta đang ngồi đây. Đỉnh Ekeberg. Còn ‘lo’ là dải đồng bằng mà cậu có thể nhìn thấy bên dưới kia.” Anh chỉ tay. “Và thứ ba là ngày nào chúng ta cũng ngược nhìn cái đỉnh này, nên việc tìm xem thứ gì ở phía sau nó là rất quan trọng, cậu không nghĩ thế sao?”

Halvorsen không đáp.

“Tôi không muốn làm chuyện này ở văn phòng,” Harry nói. “Hay ở cửa hàng Elmer. Có một chuyện mà tôi phải nói với cậu.” Mặc dù họ đang đứng ở cao bên trên vịnh, nhưng Harry nghĩ rằng anh vẫn có thể ném thấy vị muối biển trong gió. “Tôi quen Anna Bethsen.”

Halvorsen gật đầu.

“Cậu không hề ngạc nhiên chút nào,” Harry nhận xét.

“Tôi cũng đã ngờ ngợ.”

“Nhưng còn hơn thế nữa.”

“VẬY Ừ?”

Harry nhét một miếng thuốc chưa châm lửa vào giữa hai môi. “Trước khi tôi kể tiếp, tôi phải cảnh báo cậu. Những gì tôi sắp sửa nói ra sẽ chỉ có cậu và tôi

biết thôi, và điều đó sẽ đặt cậu vào thế khó xử. Cậu hiểu chứ? Vì vậy, nếu cậu không muốn dính líu thì tôi không cần phải nói thêm gì nữa và chúng ta sẽ dừng ở đây. Cậu muốn nghe nữa hay thôi?”

Halvorsen nhìn xoáy vào mặt Harry. Nếu có nghĩ ngợi gì thì anh ta cũng chẳng cần phải nghĩ lâu. Anh ta gật đầu.

“Có một người đã bắt đầu gửi email cho tôi,” Harry nói. “Về cái chết của Anna.”

“Người quen của anh ư?”

“Không có manh mối gì cả. Tôi chẳng hề biết chút gì về địa chỉ đó.”

“Vì thế nên hôm qua anh đã bảo tôi truy tìm địa chỉ email à?”

“Tôi mù tịt về máy tính. Nhưng cậu thì khá giỏi.” Gió tạt khiến Harry không châm nổi điếu thuốc. “Tôi cần cậu giúp đỡ. Tôi nghĩ Anna đã bị giết.”

Trong lúc cơn gió Đông Bắc tuốt lá của những cái cây trên đỉnh Ekeberg, Harry kể về những email kỳ lạ mà anh mới nhận được từ một kẻ nào đó có vẻ như biết rõ mọi chuyện mà họ biết, có lẽ còn nhiều hơn cả họ. Nhưng anh không dả động đến chuyện những cái email đó cáo buộc Harry có mặt ở hiện trường vụ án trong cái đêm Anna chết. Tuy nhiên, anh lại nhắc đến chuyện khẩu súng nằm trong tay phải của Anna mặc dù bảng màu vẽ cho thấy cô thuận tay trái. Tấm ảnh nhét trong chiếc giày. Và cuộc trò chuyện với Astrid Monsen.

“Astrid Monsen bảo rằng chị ta chưa từng thấy Vigdis Albu và lũ trẻ trong tấm ảnh. Nhưng khi tôi đưa cho chị ta xem tấm ảnh chụp ông chồng, Arne Albu, thì chị ta không cần nhìn tới lần thứ hai. Chị ta không biết tên hăn, nhưng hăn thường xuyên tới thăm Anna. Chị ta đã nhìn thấy hăn khi chị ta xuống nhà lấy thư. Hăn tới vào buổi chiều và đến tối thì về.”

“Cái đó gọi là làm việc muộn.”

“Tôi đã hỏi Monsen có phải hai người bọn họ chỉ gặp nhau trong tuần không thì chị ta bảo có vài lần hăn đánh xe tới đón cô ấy vào cuối tuần.”

“Có lẽ họ thích thay đổi một chút và những chuyến du hý tới miền quê.”

“Có lẽ vậy, ngoại trừ chuyến du hý. Astrid Monsen là một người tinh mắt và hay để ý. Chị ta bảo rằng hẳn không bao giờ đưa cô ấy đi chơi vào mùa hè. Đó là điều khiến tôi suy nghĩ.”

“Nghĩ tới cái gì? Một khách sạn nào đó à?”

“Có thể. Nhưng mùa hè cậu cũng có thể tới khách sạn mà.”

“Nghĩ đi, Halvorsen. Nghĩ tới thứ gì đó gần gần ấy.”

Halvorsen dẫu môi dưới và nhãn mặt tỏ ý không có ý kiến gì. Harry mỉm cười và phả ra một đám khói. “Chính cậu đã tìm ra chỗ đó.”

Halvorsen bối rối nhướng mày lên. “Căn nhà gỗ! Đúng rồi!”

“Phải không? Một cái tổ uyên ương kín đáo và sang trọng khi người thân đang ở nhà sau kỳ nghỉ hè còn đám hàng xóm tọc mạch thì đóng chặt cửa chớp. Chỉ cách Oslo một giờ lái xe.”

“Nhưng thế thì sao?” Halvorsen hỏi. “Điều đó cũng đâu có đưa chúng ta tiến xa thêm chút nào.”

“Đừng nói vậy. Nếu chúng ta có thể chứng minh rằng Anna từng tới căn nhà gỗ đó, thì ít ra Albu sẽ buộc phải phản ứng. Sẽ không mất công lắm. Một cái dấu vân tay nhỏ. Một sợi tóc. Một người giao hàng tinh mắt thỉnh thoảng chờ đồ tới.”

Halvorsen xoa gáy. “Nhưng tại sao không đi thẳng vào vấn đề và tìm dấu vân tay của Albu trong căn hộ nhà Anna luôn cho rồi? Ất hẳn ở đó thì đây.”

“Tôi không tin là ở đó còn chút dấu vết gì. Theo Astrid Monsen, một năm trước hẳn đột ngột thôi lui tới chỗ Anna. Cho tới một Chủ nhật hồi tháng trước. Hẳn đã lái xe tới đón cô ấy. Monsen nhớ rõ là vì Anna bấm chuông gọi chị ta và nhờ chị ta để ý nhớ có trộm.”

“Và anh nghĩ là họ tới căn nhà gỗ đó?”

“Tôi nghĩ rằng,” Harry đáp, vút mẫu thuốc đang nhả khói vào một vũng nước, nơi nó kêu xèo xèo rồi tắt lụi, “đó là một lý do khiến Anna để tấm ảnh

vào trong chiếc giày. Cậu có nhớ đã từng được dạy gì về chứng cứ pháp y ở trường Cảnh sát không?”

“Chúng tôi được học ít lắm. Anh không thể ư?”

“Không. Có những va li bằng kim loại đựng những dụng cụ sơ đẳng trong ba chiếc xe tuần tra. Bột phấn, bút lông, và màng nhựa dẻo để lấy dấu vân tay. Thước dây, đèn pin, dây thừng, những dụng cụ kiểu như vậy. Tôi muốn cậu đặt trước một chiếc xe như vậy cho ngày mai.”

“Harry...”

“Và gọi trước cho người chủ hiệu tạp hóa để hỏi rõ đường đi. Cố gắng nói sao cho có vẻ thành thật và ngay thẳng để họ không nghi ngờ bất cứ điều gì. Cứ bảo là cậu đang xây một căn nhà gỗ và người kiến trúc sư mà cậu đang thuê bảo cậu tham khảo căn nhà của Albu. Cậu chỉ muốn tới đó xem thôi.”

“Harry, chúng ta không thể cứ thế...”

“Mang theo cả một cái xà beng nữa.”

“Nghe tôi nói hăng!”

Tiếng hét của Halvorsen khiến hai con mòng biển ré lên khàn khàn và cất cánh bay ra vịnh. Anh ta vừa nói vừa đếm đầu ngón tay. “Chúng ta không có lệnh khám của tòa. Chúng ta không có bất cứ chứng cứ nào để xin lệnh. Chúng ta... chẳng có gì hết. Và quan trọng nhất là chúng ta - hay phải nói là tôi - không được biết hết toàn bộ dữ kiện. Anh chưa kể hết với tôi, phải không, Harry?”

“Điều gì khiến cậu nghĩ...?”

“Đơn giản thôi. Động cơ của anh không đủ mạnh. Quen biết một người đàn bà không phải là một động cơ đủ mạnh để đột nhiên bất chấp mọi quy tắc, đột nhập vào những căn nhà gỗ và liêu lĩnh với công việc của mình. Và cả của tôi. Tôi biết anh có thể hơi lẩn thẩn, Harry ạ, nhưng anh không ngu ngốc.”

Harry nhìn mẫu thuốc lá thừa trôi lộp lờ trên vũng nước. “Chúng ta biết

nhau bao lâu rồi, Halvorsen?”

“Sắp tròn hai năm.”

“Trong suốt thời gian đó tôi đã bao giờ nói dối cậu chưa?”

“Hai năm không phải là một khoảng thời gian dài.”

“Tôi đã từng nói dối chưa? Tôi đang hỏi cậu.”

“Chắc chắn là có.”

“Tôi đã từng nói dối về bất cứ điều gì quan trọng chưa?”

“Theo tôi biết thì chưa.”

“OK. Bây giờ tôi cũng sẽ không nói dối cậu. Cậu nói đúng, tôi chưa kể hết với cậu mọi chuyện. Và, đúng, cậu giúp tôi thì sẽ là mạo hiểm với công việc của cậu. Tôi chỉ có thể nói là cậu sẽ còn gặp nhiều rắc rối hơn nếu tôi kể nốt với cậu những chuyện còn lại. Vì thế, cậu sẽ phải tin tôi. Hoặc rút lui. Cậu vẫn có thể từ chối.”

Họ ngồi đó, nhìn qua vịnh. Hai con mòng biển chỉ còn là hai cái chấm nhỏ ở đằng xa.

“Là anh thì anh sẽ làm gì?” Halvorsen hỏi.

“Rút lui.”

Hai cái chấm to dần lên. Lũ mòng biển đang quay trở lại.

Khi họ về tới Sở Cảnh sát thì trên máy trả lời tự động có một lời nhắn Møller để lại.

“Ta đi dạo đi,” ông ta nói khi Harry gọi lại. “Tới đâu cũng được,” Møller nói thêm khi họ đã ra ngoài.

“Tới cửa hàng của Elmer đi,” Harry nói. “Tôi cần mua ít thuốc lá.”

Møller bước theo Harry trên một lối mòn lầy lội băng qua thảm cỏ giữa Sở Cảnh sát và lối lái xe rải sỏi dẫn tới nhà tù Botsen. Harry để ý thấy rằng đám người quy hoạch đường phố dường như chưa bao giờ hiểu rằng người ta sẽ

luôn tìm lối đi nhanh nhất giữa hai địa điểm mà không thèm đếm xỉa đến đường xá. Ở cuối lối mòn có một biển đã bị đá đổ: KHÔNG GIÃM LÊN CỎ.

“Cậu đã nghe nói tới vụ cướp ngân hàng trên đường Grønlandsleiret đầu giờ sáng nay chưa?” Møller hỏi.

Harry gật đầu. “Thú vị là hẳn chọn chỗ hành động chỉ cách đồn cảnh sát một trăm mét.”

“Thật trùng hợp, chuông báo động của ngân hàng lại đang được sửa.”

“Tôi không tin vào sự trùng hợp,” Harry nói.

“Sao? Cậu nghĩ là có kẻ tiếp tay à?”

Harry nhún vai. “Hoặc ai đó biết về vụ sửa chữa.”

“Chỉ có ngân hàng và những người sửa chữa biết. Và chúng ta.”

“Không phải là ông đang muốn nói về vụ cướp ngân hàng phải không, sếp?”

“Không,” Møller nói, nhảy vòng sang để tránh một vũng nước. “Ngài Giám đốc Sở Cảnh sát đã thảo luận với Thị trưởng. Tất cả những vụ cướp này khiến ông ấy đau đầu.”

Trên đường đi, họ dừng lại nhường đường cho một người phụ nữ với ba đứa trẻ theo sau. Cô ta đang mắng mỏ chúng với giọng giận dữ và kiệt sức, tránh ánh nhìn của Harry. Đang là giờ thăm người thân ở nhà tù Botsen.

“Ivarsson làm việc hiệu quả. Không ai nghi ngờ gì về chuyện đó cả,” Møller nói. “Tuy nhiên, Kẻ Hành quyết có vẻ thuộc loại bản lĩnh khác hẳn so với những kẻ chúng ta thường gặp. Giám đốc Sở nghĩ rằng lần này có lẽ những biện pháp thông thường sẽ là không đủ.”

“Có lẽ vậy, nhưng thế thì sao? Thêm một vụ ‘trường hợp số hai’ nữa cũng đã có gì bẽ bối lắm đâu.”

“Trường hợp số hai là sao?”

“Đội khách thắng. Vụ án không phá được. Từ lòng chuẩn hiện hành, thừa sếp.”

“Có nhiều thứ đang bị đe dọa hơn thế, Harry. Truyền thông lúc nào cũng rình rập chúng ta, nó đã trở thành một cơn ác mộng. Người ta gọi hắn là một ‘Martin Pedersen mới’. Và trang web của Đảng Verdens viết rằng chúng đã phát hiện ra chúng ta gọi hắn là Kẻ Hành quyết.”

“Chuyện xưa như trái đất,” Harry nói, băng qua đường khi thấy đèn đỏ, Møller thận trọng bám theo sau. “Truyền thông quyết định chúng ta ưu tiên cái gì.”

“Ừm, dù sao thì hắn cũng giết ai đó mà.”

“Và những vụ giết người không còn bị công chúng để ý tới đều bị bỏ qua.”

“Đừng!” Møller cúi kính ngắt lời. “Đừng có đào bới tất cả những chuyện đó lên nữa.”

Harry nhún vai và bước qua một quầy báo đã bị gió cuốn đổ sập. Trên phố, một tờ báo đang lật qua những trang của chính nó với nhịp điệu giận dữ.

“Vậy sắp muốn gì?”

“Đương nhiên, Giám đốc Sở rất lo lắng về phương diện hình ảnh trước công chúng của những sự việc đó. Một vụ cướp ngân hàng đơn lẻ sẽ bị công chúng lãng quên từ lâu trước khi vụ án đó bị xếp xó. Chẳng ai thèm để ý rằng tên cướp đã không bị bắt. Tuy nhiên, lần này, mọi con mắt đều đổ dồn vào chúng ta. Và càng có nhiều bàn tán về những vụ cướp kiểu này thì càng kích thích sự tò mò của công chúng. Martin Pedersen là một người bình thường làm được cái điều mà bao người hằng mơ ước; hắn là một bản sao hiện đại của Jesse James đã lọt lưới pháp luật. Những vụ kiểu như vậy tạo ra những huyền thoại, anh hùng và người ta đồng cảm với nó. Vì vậy, sẽ càng làm gia tăng quân số cho ngành cướp ngân hàng. Số vụ cướp ngân hàng đã tăng vọt trên khắp cả nước khi báo chí viết về Martin Pedersen.”

“Ông sợ chuyện này sẽ lan ra. Cũng hợp lý. Nhưng chuyện đó thì liên quan gì tới tôi.”

“Như tôi đã nói, chẳng ai nghi ngờ gì về hiệu quả làm việc của Ivarsson

cả. Không một ai hết. Ông ta là một cảnh sát chuẩn mực, truyền thống không bao giờ bước qua ranh giới. Tuy nhiên, Kẻ Hành quyết lại không phải là một tên cướp ngân hàng truyền thống. Giám đốc Sở không vui vì những kết quả đạt được cho tới nay.” Møller hất đầu về phía nhà tù. “Vụ việc với Raskol đã tới tai ông ấy rồi.”

“Ừm.”

“Trước giờ ăn trưa tôi đã ở trong văn phòng của Giám đốc Sở và tên cậu đã được nhắc tới. Thật ra là vài lần.”

“Chà, liệu tôi có nên phỏng mũi không đây?”

“Dù sao thì cậu cũng là một điều tra viên đã thu được kết quả dù sử dụng những biện pháp phi truyền thống.”

Nụ cười của Harry nhếch lên giễu cợt. “Một định nghĩa tử tế về một phi công cảm tử...”

“Tóm lại lời nhắn là thế này, Harry. Hãy gác lại tất cả mọi việc khác mà cậu đang làm và cho tôi biết nếu cậu cần thêm người. Ivarsson sẽ tiếp tục làm việc cùng với nhóm của ông ta, nhưng chúng tôi đang trông cậy vào cậu. Và còn một chuyện nữa...” Møller đã bước tới gần Harry. “Cậu được phép tự do hành động. Chúng tôi sẽ chấp nhận việc quy tắc có thể sẽ bị bẻ cong. Đường nhiên đổi lại, chuyện này chỉ nằm trong phạm vi ngành thôi.”

“Ừm. Tôi nghĩ là tôi đã hiểu. Nhưng nếu như nó vượt quá phạm vi thì sao?”

“Chúng tôi sẽ cố gắng hết sức để hỗ trợ cậu, nhưng cũng chỉ có giới hạn thôi. Đó là luật bất thành văn.”

Elmer quay lại khi những chiếc chuông trên cửa rung lên và hát hàm về phía cái đài xách tay nhỏ đằng sau ông ta. “Tôi vẫn cứ nghĩ Kandahar là một câu lạc bộ trượt tuyết. Camel loại hai mươi điều hả?”

Harry đồng ý. Elmer vắn nhỏ cái đài và giọng của bình luận viên thời sự hòa lẫn với tiếng ồn ào từ bên ngoài - xe cộ, gió lùa mái hiên, lá bị quét trên

mặt đường nhựa.

“Có lấy gì cho đồng nghiệp của anh không?” Elmer ra hiệu về phía cửa nơi Møller đang đứng.

“Ông ấy muốn một phi công cảm tử,” Harry đáp, mở bao thuốc ra.

“VẬY Ừ?”

“Nhưng ông ấy quên không hỏi giá,” Harry nói và cảm thấy nụ cười mỉa mai ngọt xót của Møller mà không cần phải quay lại.

“VẬY GIÁ CẢ CỦA CÁC PHI CÔNG CẢM TỬ NGÀY NAY LÀ BAO NHIÊU?” Chủ cửa hàng hỏi, trả lại tiền thừa cho Harry.

“Nếu sống sót, anh ta được phép đảm nhận những công việc mà anh ta muốn làm sau đó,” Harry nói. “Đó là điều kiện duy nhất mà anh ta đưa ra. Và cũng là điều duy nhất anh ta vẫn cố nài.”

“Nghe có vẻ hợp lý,” Elmer nói. “Chúc một ngày tốt lành, hai quý ông.”

Trên đường về, Møller bảo ông sẽ nói chuyện với Giám đốc Sở về khả năng để Harry tiếp tục điều tra vụ án của Ellen Gjeltén ba tháng nữa. Miễn là Kẻ Hành quyết phải bị bắt. Harry đồng ý. Møller lưỡng lự trước tấm biển KHÔNG GIÃM LÊN CỎ.

“Đây là con đường ngắn nhất mà sếp.”

“Phải,” Møller nói. “Nhưng giày của tôi sẽ bị bẩn.”

“Tùy ông,” Harry đáp rồi bước vào lối mòn. “Giày tôi vốn đã bẩn sẵn rồi.”

Đường trở nên thoáng hơn sau khi rẽ vào phố Ulvøya. Trời đã tạnh mưa và đường Ljan đã khô ráo. Chẳng mấy chốc nó mở rộng thành đường bốn làn, nhìn giống như vạch xuất phát cho xe ô tô tăng tốc và chạy đua. Harry nhìn sang Halvorsen và tự hỏi khi nào thì anh ta cũng sẽ nghe thấy những tiếng rú đứng tim. Nhưng Halvorsen chẳng nghe thấy gì vì còn đang nghe những lời hô hào, theo đúng nghĩa đen, của ban nhạc Travis đang phát trên đài:

Hát lên, hát lên, hááát lên!

“Halvorsen...”

Cho tình yêu mà bạn mang tới...

Harry vắn dài đi và Halvorsen nhìn anh với ánh mắt khó hiểu. “Cần gạt nước,” Harry nói. “Giờ cậu tắt đi được rồi.”

“À, vâng, xin lỗi anh.”

Họ lái đi trong im lặng. Qua lối vào Drøbak. “Cậu đã nói gì với chủ tiệm tạp hóa?” Harry hỏi.

“Anh sẽ không muốn biết đâu.”

“Nhưng đúng anh ta đã mang thực phẩm tới căn nhà gỗ của Albu vào hôm thứ Năm cách đây năm tuần chứ?”

“Vâng, anh ta nói thế.”

“Trước khi Albu tới à?”

“Anh ta chỉ bảo mình thường tự vào nhà.”

“Vậy là anh ta có chìa khóa à?”

“Harry, với cái cơ kém thuyết phục như vậy thì tôi cũng chỉ hỏi được những câu nhất định thôi.”

“Cậu đã viện cớ gì?”

Halvorsen thở dài. “Kiểm sát viên của hội đồng hạt.”

“Cái gì? Của hội đồng hạt?”

“Kiểm sát viên?”

“Là gì?”

“Chịu.”

Larkollen nằm ngay ngoài đường cao tốc, cách mười ba cây số trên làn đường dành cho xe đi chậm và mười bốn cây trên đường có những khúc cua gấp.

“Bên phải cái nhà màu đỏ đằng sau trạm xăng ấy,” Halvorsen chỉ dẫn từ trí nhớ và lái vòng lên một con đường rải sỏi.

“Rất nhiều thăm trải nhà tắm,” năm phút sau Harry lăm bắm, khi Halvorsen đã dừng lại và chỉ về phía cái công trình xây dựng bằng những khúc gỗ đồ sộ nằm giữa cụm cây. Trông như thể một căn nhà gỗ trên núi có cây cối mọc um tùm mà do một hiểu lầm nho nhỏ rốt cuộc lại xuống nằm gần bờ biển.

“Ở đây hơi vắng vẻ nhỉ,” Halvorsen nói, nhìn sang những ngôi nhà gỗ kế bên. “Chỉ thấy toàn mòng biển. Vô số mòng biển. Có lẽ ở gần đây có bãi đổ rác.”

“Ừm.” Harry nhìn đồng hồ. “Cứ đỗ lùì lên trên kia một chút.”

Con đường kết thúc ở một chỗ ngoặt. Halvorsen tắt khóa điện và Harry mở cửa xe rồi bước duỗi thẳng lưng và lắng nghe tiếng lữ mòng biển và tiếng sóng ì oạp vỗ vào những tảng đá ven bờ ở đằng xa.

“Chà,” Halvorsen nói, hít ngạt phổi. “Ở đây hơi khác không khí ở Oslo nhỉ?”

“Chắc chắn rồi,” Harry đáp, tay tìm bao thuốc. “Cậu có mang theo cái va li kim loại chứ?”

Trên đường đi tới ngôi nhà, Harry nhận thấy một con mòng biển to lông màu vàng và trắng đậu trên cọc hàng rào. Đầu nó chậm rãi xoay trên thân mình khi họ đi qua. Harry cảm thấy anh cảm nhận được ánh mắt sáng quắc của con chim trên lưng suốt dọc đường đi lên.

“Chuyện này sẽ không dễ đâu,” Halvorsen tuyên bố khi họ đã nhìn gần cái khóa chắc chắn trên cửa ngoài. Anh ta đã treo cái mũ lưỡi trai lên ngọn đèn bằng sắt uốn phía trên cánh cửa gỗ sồi nặng trĩch.

“Ừm. Cậu chỉ phải bắt đầu thôi.” Harry châm một điếu thuốc, “Trong lúc đó tôi sẽ đi thăm dò nhanh một lượt.”

“Sao dạo này anh lại đột nhiên hút nhiều hơn trước quá vậy?” Halvorsen vừa hỏi vừa mở cái va li ra.

Harry đứng im một lát, mắt lơ đãng nhìn về phía khu rừng. “Để cậu ngày

nào đó sẽ đánh bại được tôi trong vụ đạp xe chứ.”

Những khúc gỗ đen như hắc ín, những khung cửa sổ chắc chắn. Mọi thứ của căn nhà gỗ đều có vẻ vững chắc và không thể xuyên qua.

Harry tự hỏi có thể đột nhập vào qua cái ống khói bằng đá trông rất ấn tượng kia không, nhưng rồi gạt ngay ý tưởng đó. Anh đi bộ xuôi con đường nhỏ. Cơn mưa trong những ngày vừa qua đã nhào ướt con đường, nhưng anh có thể dễ dàng tưởng tượng ra những bàn chân nhỏ và những cẳng chân trần của đám trẻ đang chạy trên con đường mòn khô danh dưới nắng hè, ra bãi biển phía sau những tảng đá đã bị nước biển mài nhẵn nhụi.

Anh dừng lại và nhắm mắt. Cho tới khi những âm thanh đó vang tới tai anh. Tiếng côn trùng vo ve, tiếng đám cỏ cao vờn trong gió xào xạc, tiếng đài xa xôi đâu đó và một bài hát văng vẳng lúc rõ lúc không trong gió, và những tiếng í ới vui vẻ của lũ trẻ ngoài bãi biển. Khi ấy anh mười tuổi và đang rón rén đi tới cửa hàng để mua sữa và bánh mì. Những viên đá nhô lún sâu vào gan bàn chân anh, lưng anh nghiêng rặng lại vì mùa hè đó anh đã quyết tâm phải rèn cho chân mình trở nên chai sạn để khi nào Øystein trở về còn thi chạy chân trần với cậu ta.

Khi anh quay về, túi đồ nặng trĩu dường như càng ấn anh xuống con đường rải sỏi đó sâu hơn; cảm tưởng như anh đang bước trên những hòn than nóng đỏ. Anh đã tập trung chú ý vào một thứ ở phía trước - một hòn đá to hay một cái lá - và tự nhủ rằng anh chỉ phải đi tới được chỗ đó, không còn xa nữa. Cuối cùng, khi anh cũng về được tới nhà, một tiếng rười sau đó, thì sữa đã hỏng và mẹ anh nổi giận. Harry mở mắt ra. Những đám mây xám đang bay gấp gáp trên bầu trời.

Anh tìm thấy dấu vết xe trên bãi cỏ nâu ven đường. Những vết sâu, gồ ghề cho thấy đó là một chiếc xe to có bánh chạy trên mọi địa hình, một chiếc Land Rover hay gì đó tương tự. Căn cứ lượng mưa đã rơi suốt mấy tuần qua thì dấu xe đó không cũ đến thế. Cùng lắm là mới được vài ngày.

Anh lòng sục xung quanh, nghĩ bụng chẳng có gì hoang vắng bằng những khu nghỉ mát mùa hè vào mùa thu. Trên đường trở lại chỗ căn nhà gỗ, Harry gật đầu với con mòng biển.

Halvorsen đang cúi húi ở cửa trước với cái nạy ổ khóa bằng điện, miệng rên rĩ.

“Thế nào rồi?”

“Tệ lắm.” Anh ta đứng thẳng dậy và quệt mồ hôi. “Cái khóa này không phải loại vớ vẩn. Phải dùng xà beng thôi, không thì phải bỏ cuộc.”

“Không dùng xà beng.” Harry gãi cằm. “Cậu đã kiểm tra bên dưới tấm thảm trước cửa chưa?”

Halvorsen thở dài. “Chưa, và tôi cũng sẽ không làm đâu.”

“Tại sao?”

“Vì giờ đã là thiên niên kỷ mới rồi, làm gì còn ai để chìa khóa nhà gỗ dưới thảm cửa nữa. Nhất lại là một căn nhà gỗ sang trọng. Vì vậy, trừ phi anh chịu cá một trăm krone, nếu không thì đơn giản là tôi sẽ không phí hơi đâu. Được chứ?”

Harry gật đầu.

“Tốt,” Halvorsen nói, ngồi thụp xuống để xếp cái va li lại.

“Ý tôi là tôi đồng ý cược,” Harry nói.

Halvorsen ngược lên. “Anh đùa à?” Harry lắc đầu.

Halvorsen túm lấy mép tấm thảm bằng sợi tổng hợp.

“Cầu may nào,” anh ta lăm bắm và giật phắt tấm thảm ra. Ba con kiến, hai con một và một con sâu tai giật mình và bò lung tung trên nền bê tông màu xám. Nhưng không thấy cái chìa khóa nào.

“Đôi khi anh ngây thơ đến khó tin, Harry ạ,” Halvorsen nói, chìa lòng bàn tay ra. “Sao hẳn phải để một cái chìa lại chứ?”

“Vì,” Harry nói, chú ý tới cái đèn bằng sắt uốn ở bên cạnh cửa và không nhìn thấy bàn tay đang chìa ra. “Sửa sẽ hỏng nếu bị để ngoài trời nắng.” Anh

đi tới chỗ cái đèn và xoáy cái chụp nó ra.

“Ý anh là sao?”

“Đồ ăn được chở đến đây một ngày trước hôm Albu tới, phải không? Rõ ràng là đồ ăn phải được đưa vào nhà.”

“Thì sao? Có lẽ người đàn ông ở tiệm tạp hóa đó có một cái chìa dự phòng?”

“Tôi không nghĩ vậy. Tôi nghĩ Albu muốn hoàn toàn chắc chắn là sẽ không có ai đột ngột tới khi anh ta và Anna ở đây.” Anh giật phắt cái chụp ra và sục sạo bên trong cái vỏ thủy tinh. “Và giờ thì tôi đã biết là thế.”

Halvorsen rút tay lại, lăm bầm.

“Để ý cái mùi đó xem,” Harry nói khi họ bước vào phòng khách.

“Mùi thuốc tấy,” Halvorsen nói. “Có người đã nghĩ là phải cọ rửa sàn.”

Nội thất nặng nề, những món đồ cổ mộc mạc và cái lò sưởi bằng đá rộng củng cố thêm cho ấn tượng về những kỳ nghỉ Phục sinh. Harry đi tới chỗ một hệ thống giá bằng gỗ thông ở đầu kia căn phòng. Những cuốn sách cũ trên giá. Mắt Harry lướt qua tựa đề trên những cái gáy đã sờn, nhưng vẫn có cảm giác là chúng chưa bao giờ được đọc tới. Không phải ở đây. Có lẽ chúng đã được mua thanh lý từ một hiệu sách chuyên bán sách cổ trên đường Majorstuen. Những cuốn album cũ. Những cái ngăn kéo. Trong ngăn kéo có những hộp xì gà Cohiba và Bolivar. Một ngăn kéo bị khóa.

“Thế này thì còn lau chùi gì nữa,” Halvorsen nói. Harry quay lại và nhìn thấy cậu đồng nghiệp đang chỉ vào những vết chân màu nâu, ướt nhẹp chạy chéo qua sàn.

Họ cởi giày ở ngoài sảnh, tìm thấy một cái khăn lau sàn trong bếp và sau khi cọ sạch sàn, đồng ý để Halvorsen lo phòng khách, còn Harry lo mấy phòng ngủ và nhà tắm.

Những gì Harry biết về việc khám nhà thì anh đều học được ở một lớp học nóng nực tại Trường Cảnh sát vào một ngày thứ Sáu sau bữa trưa, khi mọi

người đều khao khát muốn về nhà tắm tấp và lên phố. Chẳng có giáo trình hướng dẫn nào cả, chỉ có một thanh tra nào đó tên là Røkke. Và vào thứ Sáu ấy, ông ta đã cho Harry cái mảnh mà về sau anh đã dùng làm hướng dẫn duy nhất của mình: “Đừng nghĩ về thứ anh đang tìm kiếm. Hãy nghĩ về cái anh tìm ra. Sao nó lại ở đó? Nó có nên ở đó không? Điều đó có nghĩa là gì? Giống như đọc sách vậy - nếu anh nghĩ về một chữ ‘l’ trong lúc nhìn vào một chữ ‘k’ thì anh sẽ không nhìn thấy từ ngữ nào cả.”

Điều đầu tiên mà Harry nhìn thấy khi anh bước vào căn phòng ngủ thứ nhất là một chiếc giường đôi to và tấm ảnh chụp ông bà Albu trên bàn đầu giường. Nó không lớn, nhưng dễ chú ý vì đó là tấm ảnh duy nhất và lại quay mặt về phía cửa.

Harry mở cửa tủ quần áo. Mùi quần áo của người khác xộc vào mũi anh. Không thấy có quần áo bình thường, chỉ có những bộ đầm dạ tiệc, áo sơ mi nữ và vài bộ vest. Lại thêm một đôi giày chơi golf để đỉnh.

Harry lục tìm cả ba cái tủ một cách bài bản. Anh đã làm điều tra viên lâu đến mức không còn cảm thấy ngỡ ngàng khi lục lợi đồ đạc cá nhân của người khác nữa.

Anh ngồi xuống giường và xem tấm ảnh. Hậu cảnh chỉ thấy biển và trời, nhưng nhìn cách ánh sáng chiếu, Harry nghĩ hẳn nó được chụp ở miền Nam. Arne Albu da nâu và trên mặt vẫn là vẻ tinh quái kiểu con nít mà Harry đã thấy lúc ở nhà hàng Aker Brygge. Anh ta đang vòng tay ôm chặt eo vợ. Chặt đến độ thân trên của Vigdis dường như đang ngã về phía anh ta.

Harry cuộn ga trải giường và chiếc chăn lông sang một bên. Nếu Anna từng ngủ trên chiếc giường này thì dứt khoát họ sẽ tìm thấy tóc, những mẩu da, nước bọt hay chất tiết từ bộ phận sinh dục. Có lẽ là tất cả mấy thứ đó. Nhưng đúng như anh nghĩ. Anh vuốt tay qua tấm ga hồ bột và áp mặt vào cái gối mà hít. Mới giặt. Mẹ kiếp.

Anh mở ngăn kéo của cái bàn đầu giường. Một gói kẹo cao su Extra, một

hộp Paralglin chưa mở, một cái móc có một chìa khóa cùng một miếng đồng với chữ cái đầu tên A.A., một tấm ảnh chụp đứa bé trần truồng cuộn người lại như một con ấu trùng trên bàn thay tã, và một con dao xếp nhiều lưỡi.

Anh đang định cầm con dao lên thì nghe thấy tiếng ré lạnh người, đơn lẻ của một con mòng biển. Anh bất giác run lên và liếc qua cửa sổ. Con mòng biển đã bay đi mất. Anh quay lại với công việc đang làm dở thì nghe thấy tiếng chó sủa dữ dội.

Đúng lúc đó, Halvorsen xuất hiện ở ngưỡng cửa. “Có ai đó đang đi lên con đường mòn.”

Tim anh đập như bị tăng áp.

“Tôi sẽ đi lấy giày,” Harry nói. “Cậu mang cái va li cùng toàn bộ dụng cụ vào đây.”

“Nhưng...”

“Chúng ta sẽ nhảy qua cửa sổ khi họ tới. Nhanh đi.”

Tiếng sủa bên ngoài mỗi lúc một to và dồn dập. Harry chạy nhào qua phòng khách ra tới sảnh trong lúc Halvorsen quỳ trước mấy cái giá và ném phấn bột, bút lông và giấy dính vào va li. Tiếng sủa lúc này đã ở gần đến mức Harry có thể nghe thấy tiếng gầm gừ sâu trong họng giữa những tiếng sủa. Tiếng bước chân bên ngoài. Cửa không khóa, đã quá muộn để làm được gì anh sẽ bị bắt quả tang tại trận! Anh hít vào và đứng yên tại chỗ. Đành phải chịu hậu quả ngay tại trận thôi. Có lẽ Halvorsen sẽ có thể thoát thân. Nếu vậy thì anh sẽ không cảm thấy cắn rứt lương tâm vì Halvorsen bị sa thải.

“Gregor!” Tiếng một người đàn ông quát từ phía bên kia cánh cửa. “Quay về đây!”

Tiếng sủa trở nên xa xôi hơn và anh nghe thấy người đàn ông bên ngoài kia đi xuống khỏi bậc thềm.

“Gregor! Để cho con hươu ấy yên!”

Harry tiến lên hai bước và kín đáo xoay cái khóa. Rồi anh nhấc hai đôi

giày lên và rón rén đi qua phòng khách trong lúc tiếng chìa khóa khua xúng xoèng bên ngoài. Anh đóng cửa phòng ngủ lại khi nghe thấy tiếng cửa trước mở ra.

Halvorsen đang ngồi trên sàn nhà bên dưới cửa sổ nhìn Harry với cặp mắt thô lỗ.

“Gì thế?” Harry thì thào.

“Tôi đang trèo ra cửa sổ thì cái con chó điên ấy xuất hiện,” Halvorsen thì thào. “Một con chó giống Rottweiler to.”

Harry ngó ra ngoài cửa sổ và nhìn xuống bộ hàm đang táp liên tục. Con chó đã tì cả hai chân trước lên bức tường bên ngoài. Nhìn thấy Harry, nó nhảy phốc lên và sủa như bị ma ám. Dãi rớt chảy ròn ròn từ những cái răng nanh của nó. Tiếng bước chân nặng nề đi lại trong phòng khách. Harry ngồi sụp xuống sàn bên cạnh Halvorsen.

“Cùng lắm là bảy mươi cân,” anh thì thào. “Không nhắm nhò gì.”

“Xin anh. Tôi từng chứng kiến một con Rottweiler tấn công Victor, anh chàng huấn luyện chó.”

“Ừm.”

“Họ đã để mất kiểm soát trong lúc huấn luyện con chó đó. Tay sĩ quan đóng vai kẻ xấu đó đã phải đi khâu lại cả bàn tay ở bệnh viện Riks.”

“Tôi tưởng họ đeo đệm lót dày.”

“Có đấy.”

Họ ngồi yên nghe tiếng sủa bên ngoài. Tiếng bước chân trong phòng khách dừng lại.

“Chúng ta đi ra chào chứ?” Halvorsen thì thào. “Sớm muộn gì thì...”

“Suyt.”

Họ nghe thấy nhiều tiếng bước chân nữa. Tiến về phía cửa phòng ngủ. Halvorsen nhắm tịt mắt lại. Như thể để gồng mình đón nỗi nhục. Khi mở ra, anh ta trông thấy Harry đang đặt một ngón tay lên môi vẻ uy quyền.

Rồi họ nghe thấy một giọng nói bên ngoài cửa sổ phòng ngủ. “Gregor! Đi nào! Về nhà thôi!”

Sau vài tiếng sửa nữa, tất cả đột ngột im lặng. Harry chỉ còn nghe thấy tiếng thở ngắn, dồn dập, nhưng anh không biết liệu đó là tiếng thở của anh hay của Halvorsen.

“Ngoan thật, bọn chó Rottweiler đó,” Halvorsen thì thào.

Họ đợi đến khi nghe thấy tiếng xe ô tô nổ máy chạy xuống con đường. Rồi họ cuống cuồng chạy ra phòng khách và Harry chỉ kịp nhìn thấy đuôi chiếc xe Jeep Cherokee màu xanh nước biển đang khuất dần. Halvorsen đổ phịch xuống xô pha và ngả người ra sau.

“Chúa ơi,” anh ta rên lên. “Mất một lúc ở trong đó tôi đã tưởng tượng ra cảnh mình trở về Steinkjer, bị đuổi khỏi ngành vì phạm tội. Hẳn làm cái quái gì vậy? Hẳn chỉ tạt vào đây có hai phút.” Anh ta lại ngồi bật dậy trên xô pha. “Anh có nghĩ là hẳn sẽ quay lại không? Nhớ đâu hẳn chỉ đi mua gì đó.”

Harry lắc đầu. “Anh ta về nhà rồi. Những người như vậy không nói dối chó của họ.”

“Anh chắc chứ?”

“Ừ, đương nhiên. Một ngày nào đó anh ta sẽ quát: ‘Lại đây, Gregor. Chúng ta sẽ tới bác sĩ để cho mày yên nghỉ’.”

Harry nhìn khắp căn phòng. Rồi anh đi tới chỗ mấy cái giá và lướt một ngón tay dọc theo gáy những cuốn sách trước mặt, từ giá trên cùng xuống giá dưới cùng.

Halvorsen lăm lăm gật đầu và nhìn chăm chăm vào khoảng không. “Và con Gregor sẽ vẩy tí đuôi mà chạy tới. Đúng là những sinh vật kỳ lạ, lũ chó ấy.”

Harry dừng lại giữa chừng và cười toét miệng. “Không hối hận chứ, Halvorsen.”

“Ừm, tôi cũng không thấy hối hận hơn những chuyện khác.”

“Cậu bắt đầu ăn nói giống tôi rồi đấy.”

“Đấy chính là anh. Tôi đang trích dẫn lời anh mà. Cái lần chúng ta đi mua máy pha cà phê ấy. Anh đang tìm gì vậy?”

“Không rõ,” Harry đáp, lôi một cuốn sách to, dày cộp xuống và mở ra. “Xem cái này đi. Một cuốn album ảnh. Hay đấy.”

“VẬY Ờ? TÔI LẠI KHÔNG HIỂU Ý ANH NỮA RỒI.”

Harry chỉ ra sau vai và tiếp tục lật. Halvorsen đứng dậy để nhìn và rồi hiểu ra. Những dấu giày ướt nhẹ kéo từ cửa trước qua hành lang tới chỗ cái giá mà Harry đang đứng cạnh.

Harry nhét cuốn album vào chỗ cũ, lôi một cuốn khác ra và bắt đầu lật xem.

“Phải,” anh nói sau một hồi lật giở. Rồi anh áp cuốn album đó lên mặt. “Đây rồi.”

“Là cái gì thế?”

Harry đặt cuốn album lên mặt bàn trước mặt Halvorsen và chỉ vào một trong sáu tấm ảnh được dán vào trang giấy đen. Một người phụ nữ và ba đứa trẻ đang ở trên bãi biển ngược lên mỉm cười với họ.

“Đó chính là tấm ảnh mà tôi đã tìm thấy trong giày của Anna,” Harry nói. “Người mà xem.”

“Không cần. Tôi có thể ngửi thấy mùi keo từ đây.”

“Phải. Anh ta vừa dán tấm ảnh này vào. Dịch nó ra một chút là có thể cảm thấy lớp keo vẫn còn mềm. Người đi.”

“OK.” Halvorsen gí mũi vào những nụ cười trong tấm ảnh. “Nó có mùi... hóa chất.”

“Loại hóa chất nào?”

“Ảnh mới rửa ra bao giờ cũng có mùi.”

“Lại đúng nữa. Vậy từ đó ta có thể rút ra kết luận gì?”

“Cái đó, ờ... anh ta thích dán ảnh.”

Harry nhìn đồng hồ đeo tay. Nếu Albu lái xe thẳng về nhà thì sau một tiếng anh ta sẽ về đến nơi.

“Lên xe rồi tôi sẽ giải thích,” anh nói. “Chúng ta đã tóm được bằng chứng cần thiết rồi.”

Trời đang mưa khi họ lái xe vào đường E6. Những ánh đèn từ luồng xe ngược chiều phản chiếu trên mặt đường nhựa loáng ướt.

“Giờ thì chúng ta đã biết tấm ảnh Anna để trong giày từ đâu mà ra,” Harry nói. “Tôi đoán là Anna đã nhìn thấy cơ hội lấy nó ra khỏi cuốn album khi tới căn nhà gỗ lần cuối.”

“Nhưng cô ta định làm gì với nó?”

“Có Chúa mới biết. Có lẽ là để thấy cái gì đang ngáng trở cô ấy và Albu. Để hiểu rõ hơn. Để có thứ mà cắm ghim vào.”

“Và khi anh cho Albu xem tấm ảnh, anh ta có biết nó ở đâu ra không?”

“Đương nhiên. Những vết bánh xe Cherokee ở cạnh căn nhà gỗ giống hệt những vết trước đó, cho thấy anh ta đã tới đây vài ngày trước, mà có lẽ là mới hôm qua.”

“Để cạo sần và xóa sạch mọi dấu vân tay?”

“Và để kiểm tra cái điều mà anh ta đã nghi ngờ - tấm ảnh đó đã biến mất khỏi cuốn album. Vì vậy, khi về tới nhà, anh ta đã tìm lại phim âm bản và đem đến một tiệm ảnh.”

“Có lẽ là một cửa hàng rửa ảnh chỉ trong một tiếng. Rồi hôm nay anh ta quay lại căn nhà gỗ dán nó vào chỗ tấm ảnh cũ.”

“Ừm.”

Mấy bánh sau của chiếc xe tải trước mặt họ hắt những dải nước bắn thiu, nhờn dầu lên kính xe họ, làm cái cần gạt nước phải làm việc quá sức.

“Albu đã cố sống cố chết che giấu những dấu vết về chuyện vụng trộm của anh ta,” Halvorsen nói. “Nhưng anh có nghĩ là anh ta đã sát hại Anna Bethsen không?”

Harry nhìn chăm chăm cái logo trên cửa sau của chiếc xe tải: AMOROMA. MÃI LÀ CỬA ANH. “Tại sao không?”

“Tôi không thấy anh ta có vẻ gì là kẻ giết người cả. Cái kiểu người có học thức, không vòng vèo. Người cha đáng tin cậy với lý lịch sạch sẽ và một công ty mà anh ta tự mình gây dựng.”

“Anh ta đã ngoại tình.”

“Ai mà không chứ?”

“Phải, ai mà không,” Harry chậm rãi nhắc lại. Rồi đột ngột nổi quạu. “Cậu định đi sau cái xe tải này để nó hất đất vào mặt chúng ta suốt từ đây về tới Oslo hay sao thế?”

Halvorsen nhìn gương rồi lái sang làn đường bên trái. “Thế động cơ của anh ta là gì?”

“Sao ta không hỏi thẳng?” Harry nói.

“Ý anh là sao? Lái xe tới nhà anh ta để hỏi á? Tiết lộ rằng chúng ta vừa tìm được chứng cứ bằng cách bất hợp pháp để rồi cùng lúc bị đuổi việc sao?”

“Cậu không cần phải đi. Tôi sẽ tự đi.”

“Thế anh nghĩ là anh sẽ đạt được gì khi làm thế? Nếu lộ chuyện chúng ta đột nhập vào nhà anh ta mà không có lệnh khám thì sẽ chẳng có lấy một thẩm phán nào ở vùng này chấp nhận đưa vụ án đó ra xét xử đâu.”

“Chính xác thì đó là lý do đấy.”

“Chính xác... Xin lỗi anh, nhưng mà những câu đố này đang bắt đầu khiến tôi thấy mệt đầu rồi đấy, Harry ạ.”

“Vì chúng ta không có gì để làm bằng chứng trước tòa, nên chúng ta phải gây sức ép để tìm được thứ gì đó mà chúng ta có thể sử dụng.”

“Sao không gọi anh ta tới thẩm vấn, cho anh ta cái ghế êm ái, mời anh ta uống cà phê và bật cuốn băng lên?”

“Không. Chúng ta không cần cả tá lời nói dối được thu băng khi mà chúng ta không thể dùng điều chúng ta biết để chứng minh là anh ta nói dối. Cái mà

chúng ta cần là một đồng minh. Ai đó có thể thay chúng ta vạch mặt anh ta.”

“Và đó là?”

“Vigdis Albu.”

“Chà. Bằng cách nào...?”

“Nếu Arne Albu ngoại tình, rất có thể Vigdis sẽ muốn đào sâu hơn chuyện đó. Và rất có thể cô ta đang nắm những thông tin mà chúng ta cần. Còn chúng ta lại biết một số chuyện có thể giúp cô ta điều tra ra nhiều hơn.”

Halvorsen chỉnh nghiêng cái gương để khỏi bị chói bởi đèn pha của chiếc xe tải đang đi sát đuôi xe họ. “Anh có chắc đó là ý hay không, Harry?”

“Không. Cậu có biết một từ đọc xuôi hay ngược đều giống nhau là gì không?”

“Không.”

“Nhìn vào cái xe tải trong gương đi. AMOROMA. Cậu đọc kiểu gì cũng ra chính cái từ đó.”

Halvorsen đang định nói gì đó, nhưng nghĩ lại rồi chỉ lắc đầu vẻ tuyệt vọng.

“Đưa tôi tới quán Schrøder,” Harry nói.

Không khí đặc quánh mùi mồ hôi, khói thuốc, quần áo ướt sũng nước mưa và những tiếng gọi bia từ các bàn.

Beate Lønn đang ngồi tại cái bàn nơi Aune ngồi lần trước. Cô dễ nhận ra như chú ngựa vằn trong một cái chuồng bò vậy.

“Cô đợi lâu chưa?” Harry hỏi.

“Có gì đâu mà lâu,” cô nói dối.

Trước mặt cô là một cốc bia to, chưa hề đụng tới và đã nhạt. Cô nhìn theo ánh mắt anh và ngoan ngoãn nâng cái cốc lên.

“Ở đây không bắt buộc phải uống bia đâu,” Harry nói, đưa mắt ra hiệu cho

Maja. “Trông thì có vẻ như vậy thôi.”

“Thật ra thì cũng đâu có tệ,” Beate nhấp một ngụm nhỏ. “Cha tôi bảo ông không tin người nào không uống bia.”

Bình cà phê và tách được đưa đến trước mặt Harry. Mặt Beate đỏ lựng đến tận chân tóc.

“Tôi từng hay uống bia,” Harry nói. “Tôi phải cai rồi.”

Beate nhìn chăm chăm xuống khăn trải bàn.

“Đó là thói xấu duy nhất tôi bỏ được,” Harry nói. “Tôi vẫn hút thuốc, nói dối, và hay ôm hận thù.” Anh nhắc cái tách lên để nâng cốc. “Cô mắc những tật gì, cô Lønn? Ngoài chuyện nghiện xem băng ghi hình và nhớ hết mọi khuôn mặt cô từng nhìn thấy?”

“Cũng không còn thêm nhiều lắm.” Cô cũng nâng cái cốc của mình lên. “Trừ chứng múa giật Setesdal.”

“Nghiêm trọng không?”

“Khá. Thật ra nó gọi là Hội chứng Huntingdon. Do di truyền và là chuyện bình thường ở Setesdal.”

“Tại sao lại là ở đó?”

“Đó là một... thung lũng hẹp nằm lọt thỏm giữa những quả đồi đá. Cách xa bất cứ nơi đâu.”

“Tôi hiểu rồi.”

“Cả cha mẹ tôi đều là dân Setesdal nên lúc đầu mẹ tôi không muốn lấy cha tôi vì bà nghĩ ông ấy có một bà cô bị mắc chứng múa giật. Bà cô tôi thường hay bất ngờ vung tay lên, vì thế mọi người thường giữ khoảng cách với bà.”

“Và giờ thì cô bị mắc chứng đó?”

Beate mỉm cười. “Cha tôi thường chọc mẹ tôi về chuyện đó hồi tôi còn bé. Vì khi ông và tôi chơi trò đấm nhau, tôi thường nhanh như sóc và đánh ông mạnh tới mức ông tưởng đó là cơn múa giật. Tôi chỉ thấy chuyện đó thú vị đến mức tôi ước... mình bị chứng đó thật, nhưng một ngày, mẹ tôi bảo tôi

rằng người ta có thể chết vì bệnh đó.” Cô ngồi đó, nghịch cái cốc. “Và vào đúng mùa hè năm đó, tôi được biết chết là thế nào.”

Harry gật đầu với một thủy thủ già ở bàn bên nhưng ông ta không chào lại.

Anh hắng giọng. “Thế còn hay ôm hận thù? Cô có bị mắc tật đó không?”

Cô ngược lên nhìn anh. “Ý anh là sao?”

Harry nhún vai. “Nhìn xung quanh mình đi. Con người không thể sống nổi nếu thiếu điều đó. Trả thù và trừng phạt. Đó là động lực của những đứa nhỏ con hay bị bắt nạt ở trường rồi sau đó trở thành triệu phú, và của tên cướp ngân hàng nghĩ rằng hẳn đã bị xã hội lừa bịp. Và nhìn chúng ta mà xem. Sự trả thù ghê gớm của xã hội ngay trang dưới lớp vỏ trừng phạt lạnh lùng và lý trí - chẳng phải đó là cái nghề mà chúng ta đang làm sao?”

“Đó là chuyện tất yếu,” cô đáp, tránh ánh mắt của anh. “Xã hội sẽ không thể vận hành nếu không có sự trừng phạt.”

“Phải, đương nhiên là vậy, nhưng không chỉ có thế, phải không nào? Còn sự thanh lọc cơ mà. Trả thù là xóa sổ. Aristotle đã viết rằng nỗi sợ và lòng trắc ẩn mà bi kịch khơi dậy sẽ gột rửa tâm hồn con người. Chúng ta thỏa mãn nỗi khao khát thẳm sâu nhất của tâm hồn bằng bi kịch của sự trả thù, đó chẳng phải là một ý nghĩ khủng khiếp sao?”

“Tôi không đọc nhiều về triết học lắm.” Cô nâng cốc lên và uống một hơi dài.

Harry cúi đầu. “Tôi cũng vậy. Tôi chỉ đang cố gây ấn tượng với cô thôi. Nói chuyện nghiêm túc nhé?”

“Trước hết là tin xấu,” cô nói. “Việc phục dựng lại khuôn mặt sau chiếc mặt nạ đã thất bại. Chỉ có cái mũi và đường viền của cái đầu.”

“Còn tin tốt?”

“Người phụ nữ bị dùng làm con tin trong vụ cướp trên phố Grønlandsleiret cho rằng cô ta có thể nhận ra giọng tên cướp. Cô ta bảo nó cao bất thường, khiến cô ta suýt tưởng là giọng phụ nữ.”

“Ừm. Còn gì nữa?”

“Tôi đã nói chuyện với các nhân viên ở trung tâm Focus và kiểm tra vài thứ. Trond Grette tới lúc hai rưỡi và ra khỏi đó lúc khoảng bốn giờ.”

“Sao cô có thể chắc chắn đến thế?”

“Vì anh ta trả tiền thuê sân bóng quần bằng thẻ lúc tới. Khoản thanh toán đó được ghi lại lúc 14 giờ 34 phút. Và anh có nhớ chi tiết cái vợt bị lấy mất không? Dĩ nhiên là anh ta đã báo với nhân viên ở đó. Người trực ca hôm thứ Sáu đã ghi lại thời gian Grette ở đó. Anh ta rời khỏi trung tâm lúc 16 giờ 2 phút.”

“Và đó là tin tốt à?”

“Không, tôi sắp nói tới đó rồi. Anh có nhớ bộ đồ bảo hộ lao động mà Grette nhìn thấy đi qua phòng tập thể hình không?”

“Với dòng chữ POLITI sau lưng ấy hả?”

“Tôi đã xem cuốn băng. Có vẻ như có khóa dán ở cả phía trước lẫn phía sau của bộ đồ bảo hộ lao động của Kẻ Hành quyết.”

“Nghĩa là?”

“Nếu Kẻ Hành quyết là người mà Grette đã thấy thì hẳn có thể đã dán dòng chữ đó lên bộ đồ bảo hộ lao động bằng khóa dán khi hắn đã ra khỏi tầm máy quay.”

“Ừm.” Harry húp đánh soap.

“Điều đó có thể lý giải tại sao không có ai báo cáo là đã nhìn thấy người mặc bộ đồ bảo hộ lao động màu đen trơn trong khu vực đó cả. Ngay sau vụ cướp thì những bộ đồng phục cảnh sát màu đen hiện diện khắp nơi.”

“Ở trung tâm Focus người ta bảo sao?”

“Phần đó mới thú vị. Người phụ nữ trực buổi hôm đó quả có nhớ một người đàn ông mặc bộ đồ bảo hộ lao động mà cô ta tưởng nhầm là cảnh sát. Hắn đi qua rất nhanh nên cô ta đoán là hắn đã thuê trước sân chơi bóng quần hoặc đại loại thế.”

“Thế nên họ không hỏi tên hử?”

“Không.”

“Thế thì cũng đâu có gì ghê gớm...”

“Phải, nhưng đây mới là phần hay nhất. Lý do khiến cô ta nhớ người đàn ông đó là cô ta nghĩ hử phải thuộc một đơn vị đặc nhiệm nào đó, hoặc gì đó tương tự, vì phần còn lại của bộ quần áo hử có vẻ Harry Cóm Bẩn* lắm. Hử...” Cô dừng lại và nhìn anh vẻ kinh hãi. “Tôi không có ý...”

“Không sao,” Harry nói. “Nói tiếp đi.”

Beate xê dịch cái cốc của mình, và Harry nghĩ anh đã thấy cái miệng nhỏ của cô hơi nhếch lên cười đắc thắng.

“Hử đội một cái mũ len kéo lên nửa chừng. Đeo một đôi kính lớn che đi phần còn lại của khuôn mặt. Cô ta bảo hử xách theo một cái túi đen trông có vẻ rất nặng.”

Cà phê lạc vào đường thở của Harry.

Một đôi giày cũ được treo bằng dây giày vào sợi thép căng giữa những ngôi nhà ở khu Dovregata.

Những bóng đèn trên sợi dây đó cố hết sức chiếu sáng cho vỉa hè lát đá, nhưng dường như buổi tối mùa thu đã nuốt hết mọi ánh sáng của thành phố. Điều đó không khiến Harry bận tâm; có tối như mực anh vẫn có thể tìm ra con phố dẫn từ phố Sofies tới quán Schrøder. Anh đã làm vậy nhiều lần rồi.

Beate đã lập một danh sách tên những người đặt thuê sân quần hoặc phòng tập Aerobic ở trung tâm Focus vào lúc gần nửa đêm để bảo hộ lao động tới đó, và mai cô sẽ gọi tới một số nơi. Nếu không tìm ra được kẻ đó, thì vẫn có cơ may là ai đó ở trong cùng phòng lúc hử thay đồ và có thể mô tả hử.

Harry bước đi bên dưới đôi giày treo trên dây thép. Anh đã thấy chúng treo ở đó bao năm qua và từ lâu đã cam chịu là sẽ không bao giờ tìm ra câu

trả lời cho cái câu hỏi là chúng lên đó bằng cách nào.

Ali đang cọ rửa bậc thềm khi Harry bước ra tới cửa tòa nhà.

“Chắc anh phải ghét mùa thu ở Na Uy lắm nhỉ?” Harry nói, chùi đế giày.
“Toàn bụi bẩn và nước bùn.”

“Ở thành phố quê tôi bên Pakistan tầm nhìn chỉ còn có năm mươi mét vì ô nhiễm.” Ali mỉm cười. “Quanh năm.”

Harry nghe thấy một âm thanh xa xôi nhưng quen thuộc. Có một định luật phát biểu rằng người ta nghe thấy khi điện thoại bắt đầu kêu, nhưng người ta sẽ không bao giờ kịp chạy tới để nhắc máy. Anh nhìn đồng hồ đeo tay. Mười giờ. Rakel đã bảo rằng cô sẽ gọi cho anh lúc chín giờ.

“Cái buồng dưới hầm đó...” Ali mào đầu, nhưng Harry đã chạy như bay, cách bốn bậc mới để lại dấu giày Doc Martens.

Điện thoại ngừng kêu khi anh mở cửa ra.

Anh đá văng giày. Hai tay ôm mặt. Đi tới chỗ điện thoại và nhắc ống nghe lên. Số của khách sạn ghi trên mẫu giấy nhớ màu vàng dán trên gương. Anh cầm lấy và liếc thấy hình ảnh phản chiếu của email đầu tiên TBK gửi đến. Anh đã in nó ra và ghim nó lên tường. Thói quen cũ. Ở Đội Hình sự người ta luôn trang trí tường bằng những bức ảnh, lá thư hay những đầu mối khác có thể giúp họ nhìn ra sự liên hệ hoặc kích hoạt tiềm thức theo cách nào đó. Harry không thể đọc hình ảnh phản chiếu trong gương, nhưng anh cũng đâu cần phải đọc.

Cùng chơi chứ? Hãy tưởng tượng là mày vừa ăn tối, với một người đàn bà hôm trước thì hôm sau người ta phát hiện ra cô ta đã chết. Mày sẽ làm gì?

TBK

Anh đổi ý, đi vào phòng khách, bật ti vi lên rồi ngồi sụp xuống chiếc ghế

bành. Rồi anh lại đứng phắt dậy, đi ra sảnh và bấm số.

Giọng Rakel nghe có vẻ kiệt sức vì lo âu.

“Ở quán Schrøder,” Harry đáp. “Anh vừa về đến nhà.”

“Em đã gọi đến mười lần rồi ấy.”

“Có chuyện gì không ổn sao?”

“Em sợ, Harry.”

“Ừm. Sợ lắm à?”

Harry đang đứng ở ngưỡng cửa phòng khách, kẹp chặt ống nghe giữa vai và tai trong lúc bấm điều khiển bật nhỏ ti vi.

“Không sợ lắm,” cô đáp. “Chỉ chút thôi.”

“Sợ chút không ảnh hưởng gì đâu. Một chút sợ hãi sẽ càng khiến em mạnh mẽ thêm.”

“Ngộ nhờ em trở nên sợ lắm thì sao?”

“Em biết là anh sẽ bay sang đó ngay mà. Chỉ cần em nói một câu.”

“Em đã bảo anh không thể sang rồi mà, Harry.”

“Giờ đây anh xin trao cho em quyền được thay đổi ý kiến.”

Harry nhìn người đàn ông mặc bộ đồng phục ngụy trang và đội khăn xếp trên ti vi. Có gì đó trên khuôn mặt hắn trông quen kỳ lạ, rất giống với một người.

“Thế giới của em đang sụp đổ,” cô nói. “Em chỉ cần biết có ai ở bên.”

“Có người đang ở bên em đây.”

“Nhưng giọng anh sao nghe xa quá.”

Harry không nhìn màn hình ti vi nữa và dựa người vào khung cửa. “Anh xin lỗi, nhưng anh đang ở đây và nghĩ về em. Dù giọng anh nghe có xa xôi.”

Cô bắt đầu khóc. “Em xin lỗi, Harry. Chắc anh nghĩ là em động tí là khóc lóc. Đương nhiên là em biết anh đang ở đó.” Cô thì thào: “Em biết em có thể trông cậy vào anh.”

Harry hít một hơi sâu. Cơn đau đầu xuất hiện chậm rãi nhưng chắc chắn.

Giống như một cái vòng làm cô đang siết lại quanh trán anh. Khi cuộc nói chuyện của họ kết thúc, anh có thể cảm thấy từng mạch đập nhói nhói trên thái dương.

Anh tắt ti vi đi rồi bật một đĩa nhạc của nhóm Radiohead lên, nhưng lại không chịu nổi giọng Thom Yorke. Anh đành đi vào phòng tắm rửa mặt. Đứng trong bể và nhìn chăm chăm vào cái tủ lạnh mà không biết mình đang tìm gì.

Cuối cùng, không trì hoãn được thêm nữa, anh bèn đi vào phòng ngủ. Máy tính khởi động, hắt thứ ánh sáng xanh xanh, lạnh lẽo vào phòng.

Anh đã liên lạc với thế giới xung quanh mình. Và cái thế giới đó báo cho anh biết anh vừa nhận được email. Giờ thì anh đã cảm thấy nó. Cơn khát. Nó khua những sợi xích ầm ầm như một bày chó săn đang giăng xích để sống ra. Anh nhấp chuột vào biểu tượng email.

Lẽ ra tao đã phải kiểm tra giày của cô ta. Tấm ảnh hẳn là để trên cái kệ đầu giường và cô ta đã lấy nó trong lúc tao nạp đạn. Tuy nhiên, điều đó khiến cho trò chơi thú vị hơn một chút. Một chút thôi.”

TBK

T/B: Cô ta sợ. Tao chỉ muốn nói cho mày thế.

Harry thò tay sâu vào trong túi áo và lôi ra một cái móc chìa khóa. Cái móc đeo một miếng đồng nhỏ có đúc hai chữ A.A.

HẠ CÁNH

Khi một người nhìn xuống họng súng, thì họ sẽ nghĩ gì? Đôi lúc tôi tự hỏi liệu họ có nghĩ gì không. Giống như người phụ nữ tôi đã gặp hôm nay.

“Đừng bắn tôi,” cô ta nói. Cô ta có thật sự tin rằng một lời van xin kiểu như vậy sẽ khiến cho mọi chuyện khác đi may mắn không? Biển tên của cô ta đề NGÂN HÀNG DEN NORSKE & CATHERINE SCHØYEN, và khi tôi hỏi tại sao có quá nhiều chữ ‘c’ và ‘h’ trong tên của cô ta như thế thì cô ta chỉ nhìn tôi với vẻ mặt ngu như bò và nhắc lại những từ đó: “Đừng bắn tôi.” Suýt chút nữa thì tôi mất kiên nhẫn, rống lên với cô ta như bò và bắn cô ta vào đúng giữa hai cái sừng.

Xe cộ trước mặt tôi không nhúc nhích. Tôi có thể cảm thấy cái ghế sau lưng, dập dính và ướt đầm mồ hôi. Đài đang phát bản tin thời sự 24 giờ của đài NRK, vẫn chưa thấy nhắc gì đến vụ cướp. Tôi nhìn đồng hồ đeo tay. Bình thường thì tôi đã tới căn nhà gỗ an toàn trong vòng nửa giờ rồi. Chiếc xe ô tô trước mặt tôi có một bộ biến đổi xúc tác nên tôi tắt quạt đi. Giờ cao điểm buổi chiều đã bắt đầu, nhưng lần này dòng xe cộ di chuyển chậm hơn mọi khi. Phải chăng trên kia có tai nạn? Hay là cảnh sát đã dựng rào chắn lên rồi?

Không thể nào. Cái túi đựng tiền nằm dưới một cái áo khoác trên băng ghế sau. Bên cạnh khẩu AG3 đã nạp đầy đạn. Chiếc xe phía trước rồ máy, rà côn và lao lên hai mét. Rồi chúng tôi lại đứng yên. Tôi đang suy ngẫm xem mình nên tỏ ra chán chường, lo lắng hay bức bối khi thấy họ. Hai sĩ quan cảnh sát đang bước qua phân vạch trắng giữa những dòng xe. Một là nữ mặc đồng phục, còn người kia là nam cao lớn mặc áo khoác dài màu xám. Họ để ý xe cộ ở cả hai phía. Một người dừng lại trao đổi gì đó và mỉm cười với một người lái xe rõ ràng là không thắt dây an toàn. Có lẽ chỉ là một buổi tuần tra theo thông lệ. Họ tiến lại gần hơn.

Một giọng mũi nghèn nghẹt nói tiếng Anh trên bản tin thời sự 24 giờ của đài NRK thông báo rằng nhiệt độ ở mặt đất là hơn bốn mươi độ và nên đề phòng cảm nắng. Người tôi bắt đầu tự động đổ mồ hôi mặc dù tôi biết bên ngoài trời ẩm đạm và lạnh lẽo. Họ đang đứng trước mũi xe tôi. Chính là tay cảnh sát đó, Harry Hole. Người phụ nữ kia trông giống Stine. Cô ta nhìn

xuống tôi lúc đi ngang qua. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Tôi sắp sửa cười sảng sặc khoái trá thì có tiếng gõ trên cửa kính xe. Tôi chậm chậm ngoái cổ sang. Cực kỳ chậm. Cô ta mỉm cười và tôi phát hiện ra rằng cửa kính xe đã bị hạ xuống. Lạ thật. Cô ta nói gì đó nhưng tiếng động cơ xe đang nổ ở phía trước đã át đi mất.

“Cô bảo gì cơ?” Tôi hỏi, mở mắt ra.

“Ông có thể làm ơn chỉnh thẳng lưng ghế của mình không?”

“Lưng ghế của tôi ư?” Tôi hỏi lại, vẫn chưa hiểu mô tê gì.

“Chúng ta sắp hạ cánh trong ít phút nữa, thưa ông.” Cô ta lại mỉm cười rồi đi mất.

Tôi dụi mắt cho tỉnh ngủ và mọi chuyện ủa về. Vụ cướp ngân hàng. Lúc tàu thoát. Cái va li có vé máy bay đã sẵn sàng ở căn nhà gỗ. Tin nhắn từ Hoàng Tử báo tình hình đã yên. Nhưng cái cảm giác hồi hộp vẫn nhói lên khi tôi chìa hộ chiếu ra tại cửa kiểm soát ở sân bay Gardenmoen. Cất cánh. Mọi chuyện đã diễn ra theo đúng kế hoạch.

Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ máy bay. Rõ ràng tôi vẫn chưa thoát hẳn ra khỏi cơn mộng mị. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi dường như tôi đang bay lên trên các vì sao. Rồi tôi nhận ra đó là ánh đèn của thành phố và bắt đầu nghĩ tới chiếc xe tôi đã đặt thuê. Liệu tôi có nên ngủ lại khách sạn trong một thành phố khổng lồ, ẩm thấp và hôi hám này rồi mai hăng lái xe về phía Nam không nhỉ?

Không, ngày mai tôi sẽ mệt lử y như thế này, vì mất ngủ sau chuyến bay dài. Tốt nhất là nên tới đó càng sớm càng tốt. Nơi mà tôi sắp tới hay ho hơn tiếng tăm của nó. Thậm chí còn có cả vài người Na Uy để trò chuyện. Thức dậy là thấy mặt trời, biển và một cuộc đời tốt đẹp hơn. Kế hoạch là như vậy. Hay ít ra cũng là kế hoạch của tôi.

Tôi vẫn cầm cốc rượu mà tôi đã giữ được trước lúc cô tiếp viên gấp cái bàn của tôi lại. Vậy tại sao tôi lại không tin tưởng kế hoạch đó?

Tiếng động cơ ù ù lúc to lúc nhỏ. Tôi cảm thấy lúc này tôi đang hạ xuống thấp. Tôi nhắm mắt lại và bất giác hít một hơi, biết chuyện gì sắp tới. Nàng. Nàng mặc bộ váy nàng đã mặc lần đầu tôi gặp nàng.

Chúa ơi, chưa gì tôi đã thèm muốn nàng. Sự thực là nỗi thèm muốn đó sẽ không được thỏa mãn, dù nàng có còn sống đi nữa, cũng chẳng thay đổi được điều gì. Mọi thứ ở nàng đều là không thể. Đức hạnh và đam mê. Mái tóc dường như hút hết tất cả ánh sáng trên đời, nhưng lại tỏa sáng như vàng ròng. Tiếng cười thách thức trong khi những giọt nước mắt lăn dài trên má. Cặp mắt đầy căm ghét khi tôi đi vào trong nàng. Những lời tuyên bố giả dối về tình yêu và khoái cảm thành thật của nàng khi tôi tìm đến với nàng bằng những cái cớ cũ rích sau những lần thất hứa. Những hứa hẹn được lặp lại khi tôi nằm cạnh nàng trên giường, đầu gối lên cái vết hằn do kẻ khác để lại. Chuyện đó cách đây đã lâu lắm. Cả triệu năm rồi.

Tôi nhắm nghiền mắt để không nhìn thấy phần kế tiếp. Phát súng tôi đã bắn nàng. Đôi đồng tử của nàng từ từ nở rộng ra như một bông hồng đen; máu chảy thành dòng, rơi xuống và chạm đất với một tiếng thở dài mệt mỏi; cổ nàng gãy và đầu nàng ngật ra sau. Và lúc này thì người đàn bà tôi yêu đã chết. Đơn giản thế thôi.

Nhưng tôi vẫn chẳng hiểu gì về chuyện đó cả. Chính đó mới là điều tuyệt đẹp. Đơn giản và đẹp đến mức khó mà sống nổi cùng nó. Áp suất trong khoang máy bay giảm xuống và sự căng thẳng tăng lên. Từ bên trong. Một lực vô hình dồn ép lên màng tai tôi và bộ não mềm yếu. Có gì đó mách bảo tôi rằng chuyện sẽ diễn ra như thế này. Sẽ không ai tìm ra tôi, không ai moi được bí mật của tôi, nhưng kế hoạch sẽ vẫn vỡ tan. Từ bên trong.

CỜ TỈ PHÚ

Harry tỉnh giấc khi nghe thấy tiếng chuông báo thức của đồng hồ kiêm radio và bản tin thời sự. Ném bom ngày càng leo thang. Nghe như một điệp khúc lặp đi lặp lại.

Anh cố gắng tìm ra một lý do để dậy.

Giọng phát thanh viên nói rằng từ năm 1975, cân nặng trung bình của đàn ông và phụ nữ Na Uy đã tăng mười ba cân đối với nam và chín cân đối với nữ. Harry nhắm mắt lại và nhớ tới điều gì đó Aune đã từng nói. Khuynh hướng thoát ly thực tế đã bị mang tiếng một cách bất công. Cơn buồn ngủ kéo đến. Cái cảm giác ấm áp, ngọt ngào y như hồi anh còn bé và nằm trong giường, cửa để mở, lắng nghe cha đi lại quanh nhà tắt đèn đi - từng cái một - và mỗi bóng đèn tắt đi thì bóng tối phía ngoài cửa phòng anh lại trở nên thẫm hơn.

Sau những vụ cướp đầy bạo lực ở Oslo trong mấy tuần qua, các nhân viên ngân hàng đã kêu gọi cho bảo vệ có vũ trang tại các ngân hàng để bị tấn công nhất ở trung tâm thành phố. Vụ cướp xảy ra hôm qua tại chi nhánh của ngân hàng Den norske trên phố Grønlandsleiret là vụ mới nhất trong chuỗi các vụ cướp có vũ trang mà cảnh sát nghi ngờ kẻ được đặt tên là Kẻ Hành quyết gây ra. Chính tên này đã bắn chết...

Harry đặt chân xuống lớp vải sơn lót sàn nhà lạnh giá. Khuôn mặt trong tấm gương treo trong phòng tắm chẳng khác nào tranh thời kỳ sau của Picasso.

Beate đang nói chuyện điện thoại. Cô lắc đầu khi nhìn thấy Harry đứng ở ngưỡng cửa văn phòng. Anh gật đầu và định bước đi thì cô vẫy anh quay lại.

“Dù sao cũng cảm ơn anh đã giúp đỡ tôi,” cô nói và đặt ống nghe xuống.

“Tôi có làm phiền cô không?” Harry hỏi, đặt tách cà phê trước mặt cô.

“Không, tôi lắc đầu là muốn nói rằng chúng ta không gặp may với trung tâm Focus rồi. Người vừa rồi là cái tên cuối cùng trong danh sách. Trong số tất cả những gã mà chúng ta biết là có mặt ở Focus vào thời gian được hỏi,

chỉ có một người nhớ mang máng là đã thấy một người đàn ông mặc bộ bảo hộ lao động. Nhưng anh ta thậm chí còn không chắc có thấy hẳn ở trong phòng thay đồ hay không.”

“Ừm.” Harry ngồi xuống và nhìn quanh. Văn phòng của cô gọn gàng đúng như anh đã nghĩ. Ngoài một cái cây trồng trong chậu trông quen quen mà anh không thể nhớ tên để trên bậu cửa sổ, phòng cô cũng đơn giản như phòng anh. Trên bàn làm việc của cô, anh thấy mặt sau một bức ảnh được lồng khung. Anh đã đoán ra đó là ai.

“Cô chỉ nói chuyện với toàn đàn ông thôi à?” anh hỏi.

“Theo lý thuyết thì hẳn sẽ vào phòng thay đồ của nam để thay, phải không?”

“Rồi hẳn đi xuống khu Morristown như bất cứ người bình thường nào, đúng vậy. Có gì mới trong vụ cướp trên phố Grønlandsleiret hôm qua không?”

“Còn tùy thuộc vào việc theo anh thế nào là mới. Tôi muốn nói rằng đó là một bản sao thì đúng hơn. Cũng bộ quần áo và khẩu súng AG3 đó. Dùng con tin để truyền đạt lệnh. Lấy tiền từ máy ATM, tất cả chỉ diễn ra trong vòng một phút năm mươi giây. Không có manh mối. Tóm lại...”

“Là Kẻ Hành quyết,” Harry nói.

“Cái gì đây?” Beate giơ tách cà phê lên ngó.

“Cappuccino đấy. Với lời chúc từ Halvorsen.”

“Cà phê pha với sữa ư?” Cô nhăn mũi.

“Để tôi đoán xem nhé. Cha cô bảo ông ấy không bao giờ tin người nào không uống cà phê đen phải không?”

Anh thấy hối hận ngay khi nhìn thấy vẻ mặt kinh ngạc của Beate. “Xin lỗi,” anh lúng búng nói. “Tôi không có ý... thật ngu ngốc quá.”

“Vậy giờ chúng ta làm gì?” Beate vội vã hỏi trong lúc mân mê quai cốc. “Chúng ta vẫn giậm chân tại chỗ.”

Harry ngồi phịch xuống cái ghế và ngắm nghía mũi giày của mình. “Tối nhà tù.”

“Sao cơ?”

“Đi thẳng tới nhà tù.” Anh ngồi thẳng lại. “Đừng có bỏ qua chỗ ĐI. Đừng có nhặt hai nghìn krone.”

“Anh đang nói gì thế?”

“Cờ ti phú. Chúng ta chỉ còn lại mỗi nước đó. Thử vận may xem sao. Ở nhà tù ấy. Cô có số của nhà tù Botsen chứ?”

“Thật là mất thì giờ,” Beate nói.

Giọng cô vang vọng giữa các bức tường của đường hầm Culvert trong lúc rảo bước bên cạnh Harry.

“Có lẽ vậy,” anh nói. “Giống như chín mươi phần trăm công việc điều tra.”

“Tôi đã đọc tất cả các báo cáo và bản ghi chép những cuộc thẩm vấn đã được thực hiện. Hẳn chưa bao giờ hờ ra bất cứ điều gì. Ngoại trừ một mớ triết lý vớ vẩn chẳng liên quan quái gì cả.”

Harry nhấn nút điện thoại nội bộ bên cạnh cánh cửa màu xám ở cuối đường hầm.

“Cô đã nghe câu ngạn ngữ cổ về việc tìm bóng đèn trong ánh sáng chưa? Tôi cho là câu đó nhằm minh họa cho sự ngu ngốc của con người. Tôi thấy nó khá chính xác.”

“Giờ thẻ của anh lên trước máy quay,” tiếng loa vang lên.

“Tôi đi với anh để làm gì nếu như anh định một mình nói chuyện với hăn?” Beate hỏi, linh nhanh ra sau lưng Harry.

“Đó là một phương pháp mà tôi và Ellen từng sử dụng khi chúng tôi thẩm vấn những kẻ tình nghi. Một người tiến hành thẩm vấn, còn người kia thì chỉ

lắng nghe. Nếu cuộc thẩm vấn bị sa lầy, chúng tôi sẽ tạm nghỉ. Nếu tôi là người hỏi, tôi sẽ đi ra và Ellen sẽ bắt đầu hỏi về những chuyện tầm thường khác. Giống như là chuyện cai thuốc hay chuyện mọi thứ trên ti vi hiện nay đều vớ vẩn. Hoặc chuyện cô ấy nhận ra là mình đã phải trả bao nhiêu tiền thuê nhà kể từ lúc chia tay với bồ. Sau khi họ nói chuyện được một lúc, tôi sẽ ló đầu vào và nói có việc bất chợt và cô ấy sẽ phải tiếp quản.”

“Cách đó có tác dụng chứ?”

“Chưa hỏng lần nào.”

Họ đi lên cầu thang dẫn tới rào chắn phía trước phòng lớn của nhà tù. Viên sĩ quan quản lý trại giam đứng sau tấm kính chắn đạn dày cộp gật đầu với họ và nhấn một cái nút. “Một lát nữa quản giáo sẽ ra,” một giọng mũi cất lên.

Viên quản giáo thấp tè, vai u thịt bắp và dáng đi lạch bạch như người lùn. Anh ta dẫn họ tới phòng giam. Một hành lang cao ba tầng với những hàng ô cửa xà lim màu xanh nhạt chạy vòng quanh một cái sảnh hình chữ nhật. Lưới thép vươn cao giữa các tầng. Chẳng thấy ma nào và sự im lặng chỉ bị phá vỡ bởi một tiếng sập cửa ở đâu đó.

Harry từng tới đây nhiều lần, nhưng dường như lần nào anh cũng thấy thật ngớ ngẩn khi nghĩ rằng đằng sau những cánh cửa này là những con người mà xã hội cho rằng đáng bị giam giữ trái với ý muốn của họ. Anh hoàn toàn không biết là tại sao anh lại thấy ý nghĩ đó gớm ghiếc đến vậy, nhưng nó có liên quan gì đó tới việc chứng kiến biểu hiện hữu hình của sự trừng phạt đã được thể chế hóa công khai. Cái cân và thanh kiếm.

Chùm chìa khóa của viên quản giáo kêu xúng xoàng khi anh ta mở khóa cánh cửa để dòng chữ PHÒNG THĂM VIẾNG màu đen. “Mời các vị. Khi nào chuẩn bị đi thì cứ việc gõ cửa.”

Họ bước vào trong và cánh cửa đóng sập lại sau lưng họ. Trong quăng im lặng sau đó, Harry chợt chú ý đến tiếng kêu ro ro ngắt quãng của chiếc đèn tuýp và những bông hoa nhựa trên tường, hắt những cái bóng mờ mờ lên

những bức tranh màu nước đã phai. Một người đàn ông đang ngồi thẳng đơ trên một chiếc ghế tựa kê ở chính giữa bức tường màu vàng phía sau một cái bàn. Hai cẳng tay của hắn đặt lên mặt bàn ở hai bên bàn cờ, tóc hắn được vén chặt ra sau tai. Hắn mặc một bộ đồng phục trông giống như bộ đồ bảo hộ lao động trơn. Cặp lông mày sắc nét và cái bóng vắt ngang sống mũi thẳng tắp tạo thành một chữ T rõ ràng mỗi lần bóng đèn tuýp nhấp nháy. Tuy nhiên, vẻ mặt của hắn mới là thứ khiến Harry ghi nhớ đậm nét nhất từ lúc gặp ở đám tang, một sự pha trộn đầy mâu thuẫn giữa vẻ đau buồn và lạnh lùng khiến Harry nhớ tới ai đó.

Harry ra hiệu cho Beate ngồi xuống cạnh cửa. Anh kéo một chiếc ghế tới gần bàn và ngồi xuống đối diện với Raskol.

“Cảm ơn ông đã dành thời gian gặp chúng tôi.”

“Ở đây thời gian rẻ như bèo,” Raskol nói bằng một giọng nhẹ nhàng và tươi tỉnh đến kinh ngạc. Hắn nói giống người Đông Âu với âm ‘r’ rung mạnh và cách phát âm rõ ràng.

“Tôi hiểu. Tôi là Harry Hole còn đồng nghiệp của tôi là...”

“Beate Lønn. Trông cô giống cha lắm, Beate ạ.”

Harry nghe thấy Beate thở dốc và hơi quay người lại. Mặt cô không đỏ, mà trái lại, làn da trắng của cô càng trắng bệch ra và miệng thì cứng đờ lại nhẵn nhúm, như thể cô vừa bị một cú tát trời giáng.

Harry nhìn xuống mặt bàn, hắng giọng một tiếng, và lần đầu tiên anh nhận ra rằng sự đối xứng gần như kỳ dị ở hai bên cái trục phân chia giữa anh và Raskol đã bị phá vỡ bởi một chi tiết rất nhỏ: quân vua và hoàng hậu trên bàn cờ.

“Tôi đã gặp anh ở đâu rồi nhỉ, anh Hole?”

“Tôi gần như lúc nào cũng bị nhìn thấy gần bên người chết,” Harry đáp.

“À. Đám tang là một trong những con chó canh của Ivarsson.”

“Không.”

“Vậy là anh không thích điều đó hả? Bị gọi là chó canh của lão ấy? Giữa anh và lão có xích mích à?”

“Không,” Harry suy ngẫm. “Chỉ là chúng tôi không ưa nhau thôi. Tôi hiểu ông cũng không ưa ông ta.”

Raskol mỉm cười dịu dàng và bóng đèn tuýp chập chờn một lúc rồi sáng trưng lên. “Tôi hy vọng ông ta không cảm thấy bị xúc phạm vì chuyện đó. Bộ vest đó chắc đắt lắm.”

“Tôi nghĩ là bộ vest của ông ta tổn hại nhất.”

“Lão muốn tôi nói cho lão điều gì đó. Vậy là tôi nói.”

“Rằng bọn chỉ điểm sẽ bị đánh dấu suốt đời à?”

“Không tệ đâu, ngài Thanh tra. Nhưng thứ mực đó sẽ phai theo thời gian. Anh có chơi cờ không?”

Harry cố gắng không để Rasol thấy là hắn đã gọi đúng chức danh của anh. Có lẽ hắn đã đoán ra.

“Làm sao sau đó ông che giấu được cái máy phát tín hiệu?” Harry hỏi. “Tôi nghe nói người ta đã lục tung tòa nhà lên cơ mà.”

“Ai bảo là tôi giấu gì nào? Đen hay trắng?”

“Nghe nói ông vẫn là kẻ giật dây phần lớn các vụ cướp ngân hàng ở Na Uy, rằng đây là đại bản doanh của ông và phần của ông trong số tiền cướp được sẽ được chuyển vào một tài khoản ở nước ngoài. Đó có phải là lý do tại sao ông đã thu xếp để được giam trong Cánh A của nhà tù Botsen không? Để ông có thể gặp gỡ những gã bị tù ngắn, sẽ sớm được thả ra và có thể thực hiện những kế hoạch mà ông ngấm ngầm ấp ủ ở đây? Và ông liên lạc với bọn chúng ở bên ngoài bằng cách nào? Ở đây ông cũng có điện thoại di động phải không? Hay là máy tính?”

Raskol thở dài. “Một màn khởi đầu đầy hứa hẹn, ngài Thanh tra, nhưng anh lại bắt đầu làm tôi chán ốm lên rồi. Anh có chơi cờ hay không?”

“Một trò chơi chán phèo,” Harry nói. “Trừ phi ta cá cược gì đó.”

“Được. Vậy chúng ta sẽ cược cái gì?”

“Cái này.” Harry giơ lên cái móc khóa đeo một cái chìa duy nhất và cái biển tên bằng đồng.

“Đó là cái gì?” Raskol hỏi.

“Không ai biết. Thành thạo anh sẽ phải đánh liều mà tin rằng có vật cá cược có giá trị.”

“Sao tôi phải liều?”

Harry nhào về phía trước. “Vì ông tin tôi.”

Raskol bật cười ha hả. “Hãy cho tôi biết một lý do tại sao tôi phải tin anh, Spiuni.”

“Beate,” Harry nói, mắt vẫn không rời khỏi Raskol. “Cô không phiền nếu để chúng tôi ở riêng với nhau chứ?”

Anh nghe thấy tiếng đập cửa rồi tiếng chìa khóa lách cách sau lưng. Cánh cửa mở ra và một tiếng cạch trơn tru vang lên khi khóa được sập lại.

“Xem đi.” Harry đặt chiếc chìa khóa lên mặt bàn.

Mắt vẫn không rời mắt Harry, Raskol hỏi. “A.A?”

Harry nhắc quân vua trắng lên khỏi bàn cờ. Đó là một quân cờ dẻo thủ công rất đẹp. “Đó là những chữ đầu tên của một người đàn ông vương phải một rắc rối tể nhị. Anh ta giàu, có vợ con. Có nhà cửa và cả nhà gỗ nghỉ mát nữa. Có cả chó và người tình. Mọi chuyện có vẻ rất tuyệt vời.” Harry xoay lật úp quân cờ. “Nhưng thời gian trôi qua, người đàn ông giàu có đó đã thay đổi. Những chuyện xảy ra khiến anh ta nhận ra rằng gia đình mới là thứ quan trọng nhất trong cuộc đời mình. Anh ta bèn bán công ty, bỏ rơi người tình và hứa với gia đình cũng như bản thân rằng họ sẽ sống vì nhau. Vấn đề là cô bồ bắt đầu dọa sẽ tiết lộ mối quan hệ của họ. Có lẽ cô ta còn tố tiền anh ta nữa. Không phải vì lòng tham, mà vì cô ta nghèo. Và vì sắp hoàn tất một tác phẩm nghệ thuật mà cô ta nghĩ sẽ đưa sự nghiệp của mình lên đỉnh vinh quang, nên cô ta cần tiền để ra mắt tác phẩm đó. Cô ta thúc ép người đàn ông

đó càng ngày càng dữ, và một đêm nọ anh ta quyết định tới thăm cô ta. Không phải một đêm bất kỳ, mà là một đêm đặc biệt, vì cô ta đã kể với anh ta rằng một người tình cũ sắp tới thăm. Tại sao cô ta lại kể với anh ta? Để khiến cho anh ta nổi cơn ghen chăng? Hay để chứng tỏ rằng vẫn có những người đàn ông khác thèm muốn cô ta? Anh ta không hề ghen. Anh ta phấn khích. Đó là một cơ hội tuyệt vời.” Harry nhìn Raskol. Hắn đang khoanh tay trước ngực và chăm chú nhìn Harry. “Anh ta đợi ở bên ngoài. Đợi, đợi mãi, quan sát đèn trong căn hộ của cô ta. Tới gần nửa đêm thì người khách kia về. Một người đàn ông bất kỳ, mà nếu như có điều tra thì sẽ không có bằng chứng ngoại phạm và có lẽ sẽ có người xác nhận rằng anh ta đã ở bên Anna suốt cả buổi tối. Bà hàng xóm hay để ý của cô ta chẳng hạn, hẳn đã nghe thấy người này bấm chuông trước đó. Nhưng người đàn ông của chúng ta thì không bấm chuông. Anh ta tự mở khóa vào. Rón rén đi lên cầu thang và mở khóa căn hộ của cô ta.”

Harry nhắc quân vua đen lên và so sánh nó với quân vua trắng. Nếu không nhìn thật gần thì người ta có thể nhầm tưởng rằng chúng giống y hệt nhau.

“Khẩu súng không có đăng ký. Nó có thể là của Anna; cũng có thể là của kẻ kia. Tôi không biết chính xác chuyện gì đã xảy ra trong căn hộ đó, và có lẽ cả thế giới này cũng sẽ chẳng bao giờ biết được, vì cô ấy đã chết. Theo quan điểm của phía cảnh sát thì đó là một vụ đã rõ ràng và không cần phải điều tra nữa: Tự sát.”

“Tôi? Theo quan điểm của phía cảnh sát ư?” Raskol vuốt chòm râu dê: “Tại sao không phải là chúng tôi và theo quan điểm của chúng tôi? Anh đang cố gắng nói với tôi rằng anh đang đi một mình một đường sao, ngài Thanh tra?”

“Ý ông là sao?”

“Anh hiểu rất rõ tôi muốn nói gì. Cái cách anh đuổi cô đồng nghiệp đi cho tôi thấy rằng chuyện này chỉ tôi và anh biết, điều đó tôi hiểu, nhưng...” Hắn

chập hai bàn tay vào với nhau. “Mặc dù chuyện đó có thể xảy ra. Còn ai khác biết những gì anh biết không?”

Harry lắc đầu.

“Vậy anh đang theo đuổi điều gì? Tiền ư?”

“Không.”

“Là tôi thì tôi sẽ không trả lời nhanh như thế đâu, ngài Thanh tra ạ. Tôi chưa có cơ hội để nói rằng thông tin này có giá trị như thế nào đối với tôi. Biết đâu lại có một món tiền lớn. Nếu anh có thể chứng minh được những điều anh vừa nói. Và sự trừng phạt những kẻ có tội có lẽ sẽ được thực hiện - nói thế nào nhỉ - dưới sự bảo trợ của cá nhân mà không bị chính phủ can thiệp vào.”

“Đó không phải là vấn đề,” Harry nói, hy vọng mồ hôi đang rịn ra trên trán anh không nhìn thấy được. “Vấn đề là thông tin của ông có giá trị như thế nào đối với tôi.”

“Vậy anh đang định đề nghị điều gì, Spiuni*?”

“Điều mà tôi định đề nghị,” Harry nói, cầm cả hai quân vua trong một bàn tay, “là một sự thỏa hiệp. Ông cho tôi biết Kẻ Hành quyết là ai thì tôi sẽ kiếm được chứng cứ chống lại cái gã đã lấy mạng Anna.”

Raskol cười khùng khục. “Thì ra là vậy. Giờ thì anh đi được rồi đấy, Spiuni.”

“Hãy suy nghĩ về chuyện đó, Raskol.”

“Không cần thiết đâu. Tôi tin những người săn lùng tiền bạc; tôi không tin những người hùng thập tự chinh.”

Cả hai nhìn nhau từ đầu đến chân. Cái đèn tuýp kêu rẹt rẹt. Harry gật đầu, đặt hai quân cờ trở lại chỗ cũ rồi đứng dậy, đi ra cửa và đập mạnh. “Hắn là ông quý Anna lắm,” anh nói trong lúc quay lưng về phía Raskol. “Căn hộ ở Sorgenfrigata đứng tên ông, mà tôi biết rất rõ Anna túng quẫn đến mức nào.”

“Vậy sao?”

“Vì đó là căn hộ của ông, tôi đã yêu cầu ban quản lý nhà gửi chìa khóa tới cho ông. Trong ngày hôm nay sẽ có người đưa thư mang tới cho ông. Tôi gợi ý là ông nên so sánh nó với cái chìa mà tôi đưa cho ông.”

“Vì sao?”

“Có ba chìa khóa mở căn hộ của Anna. Anna giữ một cái, người thợ điện giữ cái thứ hai. Cái này tôi tìm thấy trong căn nhà gỗ của người đàn ông mà tôi vừa kể với anh. Trong ngăn kéo của bàn đầu giường. Đó là cái chìa thứ ba và cũng là cái chìa cuối cùng. Cái chìa duy nhất có thể đã được sử dụng nếu đúng là Anna bị giết.”

Họ nghe thấy tiếng bước chân bên ngoài cửa phòng.

“Và nếu điều này khiến ông tin tưởng tôi hơn,” Harry nói, “thì tôi chỉ đang cố gắng cứu chính mình thôi.”

PHẦN VIII

CHÂU MỸ

Người khát thì hễ đâu có nước là uống. Cứ xem quán Malik trên đường Thereses thì thấy. Đó là một quán bar bán cả hamburger và chẳng có chút gì để cho nó cái dáng dấp nhất định của một quán rượu được cấp phép giống như quán Schrøder, dù quán này cũng nhiều nhược điểm. Đúng là họ có món hamburger như lời quảng cáo, nghe đồn là vượt bậc; nếu rộng rãi thì người ta cũng có thể nói rằng phần nội thất mang hơi hướm Ấn Độ với bức chân dung Hoàng gia Na Uy nhìn cũng hay hay theo kiểu đã lỗi mốt; tuy nhiên, nó đang và sẽ mãi là một tiệm đồ ăn nhanh, nơi mà những ai sẵn lòng trả tiền mua đồ uống có cồn đáng tin nhiệm sẽ không bao giờ muốn nốc thứ bia bán trong đó.

Harry chưa bao giờ là người như vậy.

Lâu lắm rồi Harry mới tới quán Malik, nhưng khi liếc sơ qua thì anh có thể chắc chắn rằng quán chẳng có gì thay đổi.

Øystein đang ngồi với đám bạn rượu nam (và một nữ) tại bàn dành cho người hút thuốc. Trên nền những bản nhạc pop đình đám một thời, bản tin của kênh Eurosport và tiếng mở rán xèo xèo họ đang thích thú chén chú chén anh và chuyện trò về những vé số được giải, một vụ giết người chết ba mạng gần đây và những thói xấu của một người bạn vắng mặt.

“Chà, chào Harry!” Cái giọng khàn khàn của Øystein xuyên qua lớp âm thanh hỗn tạp. Anh ta hất mái tóc dài, nhờn bóng ra sau rồi chùi tay lên đùi quần rồi chìa ra cho Harry. “Đây là gã cớm mà tớ đang nhắc tới với các cậu.

Người đã bắn chết cái gã ở bên Úc ấy. Bắn thẳng vào đầu, Harry nhỉ?”

“Cừ lắm,” một trong số các thực khách nói. Harry không nhìn thấy mặt anh ta vì anh ta đang cúi về phía trước làm mái tóc dài rủ xuống bên trên cốc bia như một tấm rèm. “Tiêu diệt bọn sâu bọ đó.”

Harry trở vào một bàn còn trống và Øystein gật đầu, dụi điều thuốc đang hút, đút bao Petteres vào túi áo bò và tập trung bê cốc bia tươi mới rót sang chiếc bàn đó để không làm sánh ra.

“Lâu lắm mới thấy cậu,” Øystein nói, quần một điều thuốc mới. “Cả mấy thằng kia nữa. Chưa gặp lại tụi nó lần nào. Chúng đều đã chuyển đi, lấy vợ và có con cả rồi.” Øystein bật cười. Một tiếng cười chua chát, khàn khàn. “Dù gì thì tụi nó cũng đã ổn định cả rồi. Ai mà tin nổi cơ chứ?”

“Ừm.”

“Đã về Oppsal lần nào chưa? Bố cậu vẫn đang ở nhà cũ chứ?”

“Rồi, nhưng tôi không hay về lắm. Thỉnh thoảng chúng tôi nói chuyện qua điện thoại thôi.”

“Thế còn em gái cậu? Con bé đã khá hơn chưa?”

Harry mỉm cười. “Bị Down thì làm sao mà khá hơn được, Øystein. Nhưng con bé ổn. Đã có một căn hộ riêng ở Sogn. Có cả bạn trai nữa.”

“Chà, thế thì còn khá hơn cả tôi nữa ấy chứ.”

“Chuyện lái xe thì thế nào?”

“Cũng tạm ổn. Vừa đổi hãng taxi. Hãng cũ bảo tôi bốc mùi. Lũ khốn.”

“Vẫn không thích quay lại với máy tính à?”

“Cậu điên à!” Øystein lắc đầu dứt tiếng cười trong cổ họng trong lúc lia đầu lưỡi trên mảnh giấy. “Lương hằng năm lên tới cả triệu và có một văn phòng yên tĩnh - đương nhiên tôi cũng muốn thế lắm chứ, nhưng quá muộn rồi, Harry. Cái thời của những gã rock-n-roll trong lĩnh vực IT như tôi đã qua mất rồi.”

“Tôi đã nói chuyện với một người ở phòng bảo mật dữ liệu của ngân hàng

Den norske. Anh ta bảo rằng cậu vẫn được xem là một người đi tiên phong trong lĩnh vực phá mã.”

“Người đi tiên phong có nghĩa là đã thuộc về quá khứ, Harry ạ. Không ai có thì giờ cho một tên hacker hết thời đi sau những phát triển mới nhất tới mười năm cả. Cậu hiểu điều đó mà, phải không? Với lại còn có những chuyện phiền phức kia nữa.”

“Ừm. Thật ra là đã có chuyện gì?”

“Chuyện gì ư?” Øystein đảo mắt. “Cậu biết tôi rồi còn gì. Đã là dân hippy thì cả đời sẽ là dân hippy. Cần tiền. Thử một cái code mà lẽ ra tôi không nên thử.” Anh ta châm điếu thuốc cuốn tay và ngó quanh tìm một cái gạt tàn mà không thấy. “Thế còn cậu? Cai hẳn rượu rồi chứ?”

“Đang cố,” Harry với cái gạt tàn ở bàn bên. “Tôi đang gắn bó với một người.”

Anh kể cho Øystein về Rakel, Oleg và vụ xử quyền nuôi con ở Moscow. Rồi về cuộc đời nói chung. Cũng không mất nhiều thời gian lắm.

Øystein thì nói về những người khác trong nhóm bạn cùng lớn lên ở Oppsal. Về Sigge, người đã chuyển tới Harestua cùng với một người phụ nữ mà Øystein cho là quá có học so với anh ta, và Kristian giờ đang ngồi xe lăn sau khi bị một chiếc ô tô đâm phải trong lúc đang phóng xe máy ở phía Bắc Minnesund. “Bác sĩ đã cho nó một cơ hội.”

“Một cơ hội gì cơ?” Harry hỏi.

“Để lại chơi gái,” Øystein nói, nốc cạn cốc bia. Tore vẫn là giáo viên, nhưng đã chia tay với Silje. “Nó không gặp may lắm,” Øystein nói. “Nó tăng tận ba mươi cân. Đó là lý do vì sao cô ta cắt đứt với nó. Đúng thế đấy! Torkild gặp cô ta trong những lần la cà ở các quán bar và cô ta bảo nó là cô ta không chịu nổi cái kiểu động tí lại sụt sùi đó.”

Anh ta đặt cái cốc xuống. “Nhưng tôi biết đó không phải là lý do cậu gọi, đúng không?”

“Không, tôi cần cậu giúp đỡ. Tôi đang điều tra một vụ.”

“Để tóm cổ bọn bắt lương ư? Và cậu tìm đến tôi? Chúa ơi!” Øystein chuyển từ cười sang ho.

“Đó là một vụ mà cá nhân tôi có dính líu,” Harry nói. “Hơi khó giải thích mọi chuyện, nhưng tôi đang cố gắng lần theo một kẻ đang gửi email cho tôi. Tôi nghĩ là hắn đang sử dụng một máy chủ đầu đó ở nước ngoài với khách hàng ẩn danh.”

Øystein trầm ngâm gật đầu. “Vậy là cậu đang vướng phải rắc rối?”

“Có lẽ vậy. Điều gì khiến cậu nghĩ thế?”

“Tôi là một thằng lái taxi nát rượu, chẳng biết cái quái gì về những thành tựu mới nhất trong lĩnh vực IT. Và tất cả những người biết tôi đều có thể nói với cậu rằng trong công việc đó thì tôi chẳng đáng tin chút nào. Nói tóm lại, lý do duy nhất khiến cậu tới đây tìm tôi vì tôi là một thằng bạn cũ. Trung thành. Tôi sẽ giữ mồm giữ miệng, phải không?” Anh ta nốc một hơi dài cốc bia mới rót ra. “Có thể tôi thích uống bia dôm, nhưng tôi không ngu, Harry ạ.” Anh ta rít sâu một hơi thuốc. “Vậy, khi nào thì chúng ta bắt đầu?”

Đêm đã buông kín khu Slemdal. Cánh cửa mở ra, một người đàn ông và một người phụ nữ xuất hiện trên bậc cầu thang. Họ chia tay chủ nhà giữa những tiếng cười rồi bước xuống lối lái xe, sỏi lạo xạo, những đôi giày đen bóng loáng trong khi họ xì xầm bình luận về đồ ăn, về vợ chồng chủ trì bữa tiệc cùng những vị khách khác. Vì vậy, trong lúc ra khỏi cổng để rẽ ra phố Bjørnetrakket, họ không hề nhận thấy chiếc taxi đỗ lù l lại một chút phía dưới con đường. Harry dụi tắt điếu thuốc, vặn to đài lên và nghe Elvis Costello giọng đều đều hát bài *Watching the Detectives*. Trên đài P4. Anh đã nhận ra rằng khi những ca sĩ mà anh yêu thích nhất đến tuổi thì họ sẽ bị chuyển tới những kênh chẳng mấy ai nghe. Đương nhiên anh quá biết điều đó chỉ có

nghĩa là chính anh cũng đang già đi. Hôm qua họ đã phát Nick Cave sau Cliff Richard.

Một giọng phát thanh đêm khuya dễ nghe giới thiệu bài *Another Day in Paradise* và Harry tắt đài đi. Anh hạ kính cửa xe xuống và lắng nghe tiếng bass bị giảm bớt vọng ra từ trong nhà Albu, thứ âm thanh duy nhất khuấy động sự tĩnh lặng. Một bữa tiệc của người lớn. Những mối quan hệ làm ăn, hàng xóm và bạn bè cũ thời đại học. Không hẳn là tiệc trẻ con kiểu *The Birdy Song* và cũng không hẳn là một bữa tiệc thâu đêm, mà là rượu gin và nước khoáng, ABBA và Rolling Stones. Một nhóm U40 đã từng học sau đại học. Nói cách khác, không về với người trông trẻ quá muộn. Harry nhìn đồng hồ đeo tay. Anh nghĩ về cái email mới trên máy tính lúc anh và Øystein bật máy lên:

Tao đang chán. Mà sợ hay chỉ đơn giản là mày ngu?

TBK

Anh đã để chiếc máy tính lại cho Øystein xử lý và mượn taxi của anh ta, một con Mercedes cũ rích từ thập niên bảy mươi, rung bần bật như cái nệm lò xo cũ trên các lằn giảm tốc lúc anh đi vào khu dân cư, nhưng lái vẫn ngon. Anh đã quyết định sẽ đợi khi nhìn thấy những vị khách ăn mặc chỉnh tề rời khỏi nhà Albu. Việc gì phải nhặng xị. Và lại, anh cũng cần chút thời gian để nghĩ thấu đáo mọi chuyện kéo lại làm việc gì ngu ngốc. Harry cố gắng lạnh lùng và lý trí, nhưng cái câu Tao đang lại cứ ngáng trở anh.

“Giờ mày đã nghĩ thấu hết rồi nhé,” Harry lăm bắm với chính mình trong gương chiếu hậu. “Giờ thì mày đã có thể làm chuyện gì đó ngu ngốc được rồi.”

Vigdis ra mở cửa. Cô ta đã thực hiện một trò ảo thuật mà chỉ có những nhà ảo thuật nữ mới tinh thông và đàn ông sẽ không bao giờ có thể hiểu được ngọn nguồn: Cô ta đã trở nên rất xinh đẹp. Sự thay đổi cụ thể duy nhất mà Harry có thể chỉ ra là cô ta mặc một chiếc váy dạ tiệc màu ngọc lam tiếp màu với đôi mắt xanh và to của cô ta - lúc này mở to hơn nữa vì kinh ngạc.

“Tôi xin lỗi đã quấy quả các vị đêm hôm thế này, bà Albu. Tôi muốn nói chuyện với chồng bà.”

“Chúng tôi đang có tiệc. Không đợi đến mai được sao?” Cô ta mỉm cười với anh vẻ khẩn nài, và Harry nhận thấy cô ta đang nóng lòng muốn đóng sập cửa lại đến mức nào.

“Xin bà thứ lỗi,” anh nói. “Chồng bà đã không nói thật khi ông ta nói rằng không quen biết Anna Bethsen. Và tôi nghĩ là bà cũng vậy.” Harry không biết liệu bộ váy dạ tiệc hay cuộc đối đầu đã khiến anh phải ăn nói trang trọng. Miệng Vigdis Albu dường như đang thốt ra một tiếng ‘ồ’ câm lặng.

“Tôi có một nhân chứng đã nhìn thấy họ cùng nhau,” Harry nói. “Và tôi biết tấm ảnh đó từ đâu mà ra.”

Cô ta chớp mắt hai lần.

“Tại sao...?” Cô ta lắp bắp. “Tại sao...?”

“Vì họ là tình nhân, thưa bà Albu.”

“Không, ý tôi là - tại sao anh lại nói với tôi chuyện này? Ai cho anh cái quyền đó?”

Harry mở miệng định trả lời, để nói rằng anh nghĩ cô ta có quyền biết, rằng chuyện đó chẳng nào cũng sẽ lộ ra, vân vân.

Nhưng anh lại đứng nhìn cô ta trân trối. Cô ta biết tại sao anh nói cho cô ta biết, còn chính anh thì không, cho tới tận lúc này.

Anh nuốt khan.

“Quyền làm gì cơ, em yêu?”

Harry nhìn thấy Arne Albu đang đi xuống cầu thang. Trán anh ta bóng nhẫy mồ hôi và chiếc cà vạt nơ bướm đã được nối lỏng trước ngực áo. Anh có thể nghe thấy David Bowie đang lặp đi lặp lại câu hát *This is not America*.

“Suyt, Arne, anh làm các con tỉnh dậy bây giờ,” Vigdis nói, ánh mắt khẩn nài vẫn không rời khỏi Harry.

“Giờ mà có bom nguyên tử thả xuống thì chúng nó cũng chẳng dậy đâu,” anh chồng lè nhè nói.

“Em nghĩ đó là việc mà ông Hole đây vừa làm,” cô ta nói nhỏ nhẹ. “Có vẻ như là nhằm gây thiệt hại nặng nề nhất.”

Harry nhìn vào mắt cô ta.

“Gì cơ?” Arne Albu toét miệng cười và khoác vai vợ. “Cho tôi chơi với, được không?” Nụ cười của anh ta đầy vẻ thích thú, đồng thời lại có vẻ rất thành thật, gần như là ngây thơ. Giống như sự hoan hỉ đầy khinh suất của một thằng nhóc vừa mượn xe hơi của bố mà không xin phép.

“Xin lỗi ông,” Harry nói. “Trò chơi đã kết thúc. Chúng tôi đã có những bằng chứng cần thiết. Và ngay lúc này đây, một chuyên gia IT đang lần theo địa chỉ mà ông đã gửi email.”

“Anh ta đang nói về chuyện gì thế?” Arne bật cười. “Bằng chứng ư? Email ư?”

Harry nhìn anh ta chăm chú. “Tấm ảnh trong giày của Anna. Cô ấy đã lấy ra từ album gia đình ông khi ông và cô ấy cùng đến căn nhà gỗ ở Larkollen vài tuần trước.”

“Vài tuần trước?” Vigdis hỏi, nhìn chồng mình.

“Ông ấy biết khi tôi đưa tấm ảnh ra,” Harry nói. “Ông ấy đã ở Larkollen ngày hôm qua và nhét một tấm rửa thêm vào chỗ trống.”

Arne Albu nhú mày, nhưng vẫn tiếp tục mỉm cười. “Anh vừa uống rượu phải không, ngài cảnh sát?”

“Lẽ ra ông không nên bảo với cô ấy là cô ấy sắp phải chết.” Harry nói tiếp và biết rằng anh sắp sửa mất tự chủ. “Hoặc ít nhất là không nên rời mắt khỏi cô ấy sau đó. Cô ấy đã trộm tấm ảnh đó cho vào giày của mình. Và nó đã vạch mặt ông, ông Albu ạ.”

Harry nghe thấy một tiếng hít vào đột ngột của bà Albu.

“Giày dép có ở nhiều nơi...” Albu nói, vẫn vuốt ve cổ vợ. “Anh có biết tại sao đám doanh nhân Na Uy không thể làm ăn ở nước ngoài không? Họ quên mất giày của mình. Họ đi giày mua ở Na Uy mà lại mặc bộ vest Prada giá mười lăm nghìn krone. Người nước ngoài sẽ nhìn họ đầy ngờ vực.” Albu chỉ xuống dưới. “Nhìn mà xem. Đôi giày này là giày Ý, khâu tay. Nghìn tám krone. So với cái giá để mua được sự tự tin thì rẻ chán.”

“Điều tôi đang thắc mắc là tại sao ông lại tha thiết muốn cho tôi biết ông đã đợi ở bên ngoài lúc đó,” Harry nói. “Có phải là vì ghen không?”

Arne lắc đầu kèm theo một tiếng cười trong lúc cô vợ lách ra khỏi cánh tay của anh ta.

“Ông nghĩ tôi là người tình mới của cô ấy à?” Harry tiếp tục, “Và vì ông nghĩ là tôi sẽ không dám làm bất cứ chuyện gì phòng khi tên tôi có thể bị khai ra trong vụ án này, ông nghĩ ông có thể chơi tôi một chút, hành hạ tôi, làm tôi phát điên, là thế phải không?”

“Vào đây đi, Arne! Christian muốn phát biểu đôi lời!” Một người đàn ông tay cầm ly rượu và điệu xì gà đứng lão đảo trên đầu cầu thang.

“Cứ tiến hành đi,” Arne đáp. “Tôi còn phải tiễn quý ông này về trước đã.”

Người đàn ông nhú mày. “Có chuyện gì à?”

“Không có gì đâu,” Vigdis vội nói. “Cứ vào với mọi người đi Thomas.”

Người đàn ông nhún vai bỏ vào.

“Điều khác nữa khiến tôi ngạc nhiên là, mặc dù sau khi tôi đã đến gặp thẳng ông và đưa tấm ảnh ra, ông vẫn đủ ngạo mạn để tiếp tục gửi email cho tôi.” Harry nói tiếp.

“Tôi rất tiếc phải nhắc lại, ngài cảnh sát,” Albu líu lười nói, “Nhưng những... những email mà anh cứ nhắc hoài tới là gì vậy?”

“Được thôi. Nhiều người nghĩ rằng họ có thể gửi email nặc danh bằng cách đăng ký tài khoản ở một máy chủ nào đó mà không cần tiết lộ tên thật. Họ đã nhầm to. Một người bạn của tôi là dân hacker đã cho tôi biết tất cả mọi việc tất tật - ông làm trên mạng đều để lại những dấu vết điện tử có thể, và trong trường hợp này là sẽ bị lần ngược trở lại cái máy mà chúng được gửi đi. Vấn đề chỉ là biết phải tìm từ đâu mà thôi.” Harry lôi một bao thuốc từ túi áo trong ra.

“Tôi muốn ông không...” Vigdis định nói gì đó nhưng lại thôi.

“Nói cho tôi biết đi, ông Albu?” Harry nói, châm điếu thuốc. “Ông đã ở đâu vào tối thứ Ba tuần trước từ mười một giờ tới một giờ...”

Arne và Vigdis Albu nhìn nhau.

“Chúng ta có thể nói ở đây hoặc ra đồn cảnh sát,” Harry nói.

“Anh ấy ở nhà,” Vigdis nói.

“Như tôi đã nói.” Harry phì khói ra đằng mũi. Anh biết là anh đang quá liều lĩnh, nhưng đi một cú tháu cáy nửa vời thì chỉ toi công, vả lại giờ thì cũng chẳng còn đường lùi nữa. “Chúng ta có thể nói ở đây hoặc về đồn cảnh sát. Tôi có phải nói với các vị khách là bữa tiệc đã chấm dứt không?”

Vigdis cắn môi dưới. “Nhưng tôi đã bảo với anh là anh ấy,” cô ta mở lời. “Trông cô ta không còn xinh đẹp chút nào nữa.”*

“Không sao đâu, Vigdis,” Albu nói và vỗ vai vợ. “Vào tiếp khách đi em. Anh sẽ tiễn ông Hole ra cổng.”

Harry hầu như không cảm thấy chút gió nào mặc dù rõ ràng gió đang giật dữ dội trên đầu. Mây đang bay hối hả trên bầu trời và thỉnh thoảng lại che lấp mặt trăng. Họ bước đi thong thả.

“Sao lại ở đây?” Albu hỏi.

“Chính ông đã tự chuốc lấy còn gì.”

Albu gật đầu. “Có lẽ là vậy. Nhưng tại sao cô ấy lại phải biết sự việc theo cách này?”

Harry nhún vai. “Vậy ông muốn vợ ông biết chuyện theo cách nào?”

Nhạc đã tắt và thỉnh thoảng một tràng cười lại rộ lên từ phía trong nhà.

Christian đang phát biểu.

“Cho tôi xin điều thuốc được không?” Albu hỏi. “Thật ra thì tôi đã bỏ thuốc rồi.”

Harry đưa cho anh ta bao thuốc.

“Cảm ơn.” Albu đặt một điều thuốc lên môi và ghé gần lại chiếc bật lửa của Harry. “Anh đang theo đuổi điều gì? Tiền ư?”

“Sao ai cũng hỏi vậy thế nhỉ?” Harry lẩm bẩm.

“Anh đi một mình. Không có lệnh bắt và lại cố gắng bịp tôi bằng những lời đe dọa về chuyện lôi tôi tới đồn cảnh sát. Và nếu như anh đã len vào căn nhà gỗ ở Larkollen thì ít ra anh cũng sẽ gặp rắc rối ngang tôi.”

Harry lắc đầu.

“Không phải tiền?” Albu đứng thẳng trở lại. Có vài ngôi sao đang nhấp nháy trên bầu trời. “Vậy là điều gì đó riêng tư? Hai người là tình nhân của nhau phải không?”

“Tôi tưởng là ông đã biết mọi chuyện về tôi rồi,” Harry nói.

“Anna xem trọng tình yêu lắm. Cô ấy yêu chính tình yêu. Không, tôn thờ, chính xác là thế. Cô ấy tôn thờ tình yêu. Đó là điều duy nhất có vị trí trong cuộc đời cô ấy. Tình yêu và thù hận. Anh có biết sao nơ-tron là gì không?”

Harry lắc đầu. Albu giơ điều thuốc lên. “Đó là những hành tinh bị nén chặt và có lực hấp dẫn bề mặt cao đến mức nếu tôi thả điều thuốc này lên một trong số chúng thì nó sẽ đập xuống với một lực mạnh ngang một quả bom nguyên tử. Với Anna cũng vậy. Cô ấy bị hút về phía tình yêu - và hận thù - mạnh tới mức không gì tồn tại nổi trong khoảng trống ở giữa. Mọi chi tiết dù nhỏ nhất cũng có thể gây ra một vụ nổ bom nguyên tử. Anh hiểu không? Phải

mất một thời gian tôi mới hiểu ra. Cô ấy giống như sao Mộc - ẩn náu phía sau một đám mây lưu huỳnh vĩnh cửu. Và sự hài hước. Gọi tình nữa.”

“Sao Kim.”

“Xin lỗi, anh bảo sao cơ?”

“Không có gì.”

Mặt trăng nhô ra từ giữa hai đám mây, và giống như một con thú tưởng tượng, con hươu đực bằng đồng bước ra từ bóng tối của khu vườn.

“Anna và tôi đã hẹn gặp vào nửa đêm,” Albu nói. “Cô ấy bảo có vài đồ cá nhân của tôi muốn trả lại. Tôi đã đỗ xe ở Sorgenfrigata từ giữa mười hai giờ tới mười hai giờ mười lăm. Chúng tôi đã đồng ý là tôi sẽ gọi điện cho cô ấy từ ngoài xe thay vì bấm chuông. Vì một người hàng xóm tọc mạch, cô ấy bảo vậy. Nhưng mà cô ấy cũng chẳng nghe máy nên tôi đã lái xe về nhà.”

“Vậy là vợ ông đã nói dối.”

“Đương nhiên. Hôm anh mang tấm ảnh tới, chúng tôi đã thỏa thuận là cô ấy sẽ cho tôi chứng cứ ngoại phạm.”

“Vậy tại sao giờ đây ông lại từ bỏ chứng cứ ngoại phạm?”

Albu bật cười. “Chuyện đó có quan trọng không? Hai chúng ta đang nói chuyện với nhau, có vầng trăng im lặng kia chứng giám. Sau này tôi có thể chối bay chối biến. Và lại, nói thật là tôi chẳng nghĩ là anh có bất cứ cái gì có thể chống lại tôi.”

“Sao ông không tiện thể kể nốt phần còn lại đi?”

“Ý anh là thú nhận rằng tôi đã giết cô ấy ư?” Anh ta bật cười lần này to hơn. “Việc của anh là phải tìm ra điều đó, phải không?”

Họ đã ra tới cổng.

“Anh chỉ muốn xem tôi sẽ phản ứng ra sao thôi phải không?” Albu dụi tắt điếu thuốc vào tảng đá cẩm thạch. “Và anh muốn trả đũa, đó là lý do vì sao anh nói với vợ tôi. Anh đang tức giận. Một thằng bé tức giận phang tới tất bất cứ thứ gì lơ lạc vào đường đi của mình. Anh vui rồi chứ?”

“Khi tôi phát hiện ra địa chỉ email thì tôi sẽ tóm được ông thôi,” Harry nói. Anh không còn tức giận nữa. Chỉ mệt mỏi.

“Anh sẽ chẳng tìm ra địa chỉ email nào đâu,” Albu nói. “Xin lỗi anh bạn. Chúng ta có thể tiếp tục trò chơi này, nhưng anh không thắng nổi đâu.”

Harry vung tay. Tiếng những khớp đốt ngón tay va vào thịt nghe trầm đục và ngăn ngủi. Albu loạng choạng lùi lại một bước, tay ôm trán.

Harry có thể nhìn thấy hơi thở của chính anh phả ra xam xám trong đêm tối. “Ông sẽ phải đi khâu đấy,” anh nói.

Albu nhìn bàn tay vấy máu và cười khùng khục. “Chúa ơi, Harry, anh đúng là đồ vô dụng. Gọi tên tục của nhau được chứ? Tôi nghĩ điều này đã giúp chúng ta xích lại gần nhau hơn, anh có đồng ý không?”

Harry không trả lời, còn Albu thì cười to hơn nữa.

“Cô ấy thấy gì ở anh vậy hả, Harry? Anna không thích những kẻ vô dụng. Ít ra thì cô ấy cũng sẽ không để họ phang mình.”

Tiếng cười càng lúc càng to trong lúc Harry quay ra xe taxi, và mép răng cửa của chùm chìa khóa xe cửa vào da anh trong lúc nắm tay anh siết mỗi lúc một chặt hơn quanh chúng.

TINH VÂN ĐẦU NGỰA

Harry thức giấc khi nghe tiếng chuông điện thoại và hé mắt nhìn đồng hồ. Bảy rưỡi. Là Øystein. Anh ta đã rời khỏi căn hộ của Harry chỉ vừa ba tiếng trước. Sau đó, anh ta đã xác định được vị trí của máy chủ ở Ai Cập và lúc này thì anh ta đã khám phá ra nhiều hơn.

“Tôi đã email một người bạn cũ. Anh ta sống ở Malaysia và có làm mấy vụ hack vặt. ISP nằm ở El Tor, trên bán đảo Sinai. Ở đó có khá nhiều ISP, nó

kiểu như một trung tâm vậy. Cậu đang ngủ à?”

“Gần như vậy. Làm thế nào để lần ra khách hàng của chúng ta?”

“Chỉ có một cách, tôi e là vậy. Tới đó và mang theo một xấp đồ Mỹ thật dày.”

“Bao nhiêu?”

“Đủ để cạy miệng ai đó cho cậu biết cậu cần nói chuyện với ai. Và để cho người mà cậu nói chuyện đó nói cho cậu biết cậu thật sự cần nói chuyện với ai. Và để người mà cậu thật sự...”

“Tôi hiểu ý cậu rồi. Bao nhiêu?”

“Một nghìn, có thể đạt được một bước tiến nào đó.”

“Cậu nghĩ vậy chứ?”

“Theo tôi nhớ thì là như vậy. Tôi thì biết cái mẹ gì chứ.”

“Thôi được. Cậu có nhận vụ này không?”

“Đương nhiên.”

“Tôi trả bèo thối đấy. Cậu sẽ đi máy bay giá rẻ và ở trong khách sạn rẻ tiền.”

“Xong.”

Đã mười hai giờ và căng tin Sở Cảnh sát chật ních người. Harry nghiêng răng đi vào. Anh không ưa đồng nghiệp không phải nguyên tắc; anh không ưa họ từ trong bản năng. Và, sau nhiều năm, điều này càng lúc càng tệ hơn.

“Chứng hoang tưởng hoàn toàn bình thường,” Aune đã gọi tên căn bệnh đó như vậy. “Chính tôi cũng có cảm giác tương tự. Tôi nghĩ là tất cả các nhà tâm lý học đều đang tấn công tôi, trong khi trên thực tế thì có lẽ là không quá một nửa số họ.”

Harry nhìn khắp lượt căn phòng và phát hiện ra Beate với món bánh kẹp và lưng của một người đang ngồi ăn cùng cô. Harry cố gắng không để ý tới

những ánh mắt anh nhận được từ những chiếc bàn anh đi qua. Có ai đó lăm lăm một câu ‘Xin chào’, nhưng Harry đoán câu đó có hàm ý mỉa mai nên không đáp lại.

“Tôi có làm phiền không?”

Beate ngược lên nhìn Harry như thể bị bắt quả tang.

“Không hề.” Một giọng quen thuộc cất lên. “Tôi cũng đang định đi đây.”

Tóc gáy Harry dựng đứng - không phải theo nguyên tắc mà là theo bản năng.

“Tôi gặp lại nhé.” Tom Waaler mỉm cười, nụ cười chớp nhoáng trắng lốp trước khuôn mặt đỏ bừng của Beate. Anh ta nhắc cái khay của mình lên, gạt đầu với Harry và rời khỏi bàn.

Beate dán mắt vào món pho mát dê và cố hết sức soạn ra một vẻ mặt biết điều trong lúc Harry ngồi xuống.

“Thế nào?”

“Thế nào gì cơ?” Cô thở thê, cường điệu quá mức cái vẻ ngu ngơ không hiểu gì.

“Cô đã nhấn vào máy trả lời tự động của tôi là cô có một tin mới,” Harry nói. “Tôi đoán là chuyện gấp.”

“Tôi đã tìm ra rồi.” Beate uống cốc sữa. “Những bức phác họa khuôn mặt của Kẻ Hành quyết mà chương trình đó đã vẽ. Tôi đang vất óc nghĩ xem những bức phác họa đó khiến tôi nghĩ tới ai.”

“Ý cô là dữ liệu in ra mà cô đã cho tôi xem ấy hả? Hoàn toàn chẳng có gì giống với một khuôn mặt cả, chỉ toàn là những đường kẻ lung tung trên giấy.”

“Kể cả thế.”

Harry nhún vai. “Cô là người có hồi hình thoi. Nói ra đi.”

“Đêm qua tôi chợt nghĩ ra kẻ đó là ai.” Cô uống một ngụm sữa nữa và lấy khăn ăn lau cái miệng lem sữa, mỉm cười.

“Sao?”

“Trond Grette.”

Harry tròn mắt nhìn cô. “Cô đang đùa hả?”

“Không,” cô đáp. “Tôi chỉ nói là có một sự giống nhau nhất định. Dù sao thì Grette cũng ở cách Bogstadveien không xa vào thời điểm xảy ra án mạng. Nhưng, như tôi đã nói, tôi đã phát hiện ra.”

“Và bằng cách nào...?”

“Tôi đã kiểm tra thông tin ở bệnh viện Gaustad. Nếu đó chính là người đã tấn công chi nhánh DnB ở Kirkeveien thì không thể là Grette. Lúc đó anh ta ngồi trong phòng xem ti vi với ít nhất ba người chăm sóc. Và tôi đã cử hai anh chàng từ bên Pháp y tới chỗ Grette để lấy dấu vân tay. Weber vừa so sánh với dấu vân tay trên chai Coca. Hoàn toàn không khớp.”

“Vậy là lần đầu tiên cô đã nhầm?”

Beate lắc đầu. “Chúng ta đang tìm một người có rất nhiều đặc điểm ngoại hình giống với Grette.”

“Xin lỗi phải nói thế này, Beate, nhưng Grette chẳng có đặc điểm ngoại hình hay bất cứ loại đặc điểm nào hết. Anh ta là một nhân viên kế toán với bề ngoài như mọi nhân viên kế toán thôi. Tôi đã quên mất trông anh ta thế nào rồi.”

“Phải,” Cô nói, bóc mảnh giấy không thấm dầu ra khỏi miếng bánh kẹp tiếp theo. “Nhưng tôi thì không. Đó mới là điểm quyết định.”

“Ừm. Có lẽ tôi có tin tốt đây.”

“Ồ, vậy sao?”

“Tôi sẽ tới Botsen. Raskol muốn nói chuyện với tôi.”

“Chà. May mắn nhé.”

“Cảm ơn cô.” Harry đứng dậy. Lường lự. Hít một hơi sâu. “Tôi biết tôi không phải cha cô, nhưng cho phép tôi nói một điều được không?”

“Cứ thoải mái.”

Anh ngó quanh, để đảm bảo là không có ai nghe thấy. “Nếu tôi là cô thì tôi sẽ dè chừng với Waaler.”

“Cảm ơn anh,” Beate cắn một miếng bánh rỗ to. “Và cái phần nói về anh và cha tôi là chính xác đấy.”

“Tôi đã sống ở Na Uy suốt cuộc đời mình,” Harry nói. “Lớn lên ở Oppsal. Cha mẹ tôi là giáo viên. Cha tôi đã nghỉ hưu và từ lúc mẹ tôi mất, ông sống như một người mộng du, chỉ thỉnh thoảng tới thăm xứ sở của người sống. Em gái tôi nhớ ông lắm. Tôi cho là tôi cũng vậy. Tôi nhớ cả hai người. Họ nghĩ tôi sẽ làm giáo viên. Tôi cũng vậy. Nhưng tôi lại học trường Cảnh sát. Và học luật một thời gian nữa. Nếu ông hỏi tôi tại sao tôi lại đi làm cảnh sát thì tôi sẽ có thể đưa ra cả chục câu trả lời hợp lý, nhưng chính tôi thì lại chẳng tin nổi câu nào. Tôi không còn nghĩ về điều đó nữa. Nó là một công việc, người ta trả lương cho tôi, thỉnh thoảng tôi nghĩ tôi đang làm một việc tốt - ta có thể sống nhờ điều đó trong một thời gian dài. Tôi nghiện rượu từ trước khi sang tuổi ba mươi. Có lẽ từ trước khi tôi hai mươi, tùy vào cách nhìn nhận sự việc. Người ta bảo nó có sẵn trong gien rồi. Có lẽ vậy. Khi lớn lên tôi mới biết ông tôi ở Andalsnes ngày nào cũng say khướt suốt năm mươi năm trời. Hè nào tôi cũng tới đó cho tới khi tôi mười lăm tuổi mà chẳng bao giờ nhận ra điều gì. Không may là tôi lại không được thừa hưởng tài năng đó. Tôi đã làm những việc không hẳn là không ai phát hiện ra. Nói tóm lại việc tôi vẫn còn được ở trong ngành là một điều kỳ diệu.”

Harry ngược nhìn tấm biển KHÔNG HÚT THUỐC và châm lửa.

“Anna và tôi cặp với nhau trong sáu tuần. Cô ấy không yêu tôi. Tôi cũng chẳng yêu cô ấy. Khi tôi chấm dứt, tôi đã nghĩ cho cô ấy nhiều hơn là cho tôi. Nhưng cô ấy lại không nhìn nhận chuyện đó như vậy.”

Người đàn ông kia trong phòng gật đầu.

“Tôi đã từng yêu ba người đàn bà trong đời,” Harry nói tiếp. “Người đầu tiên là một mối tình trúc mã thanh mai mà tôi định lấy làm vợ, cho đến khi mọi thứ trở nên rối tung lên với cả hai chúng tôi. Sau khi tôi thôi cô ấy một thời gian dài, cô ấy tự sát, nhưng chuyện đó không liên quan gì tới tôi cả. Người thứ hai bị giết bởi một gã mà tôi đang truy đuổi ở phía bên kia bán cầu. Chuyện tương tự cũng xảy ra với một nữ đồng nghiệp của tôi - Ellen. Tôi không biết tại sao phụ nữ xung quanh tôi cứ chết như vậy. Có lẽ đó là do ghen.”

“Còn người thứ ba?”

Người thứ ba. Chiếc chìa khóa thứ ba. Harry vuốt ve những chữ cái đầu tên A.A, và rìa chiếc chìa khóa mà Raskol đã đưa cho anh trên mặt bàn khi anh được dẫn vào phòng. Harry đã hỏi xem nó có giống với cái chìa mà hắn đã nhận được hay không, và Raskol gật đầu.

Rồi hắn đề nghị Harry kể về mình.

Giờ thì Raskol đang ngồi, khuỷu tay chống lên bàn và những ngón tay đan vào nhau như thể đang cầu nguyện. Cái đèn tuýp bị trục trặc đã được thay và ánh sáng trên mặt hắn lúc này giống như lớp phấn màu trắng xanh.

“Người thứ ba đang ở Moscow,” Harry nói. “Tôi nghĩ cô ấy sẽ sống sót.”

“Cô ta là của anh à?”

“Tôi không muốn nói như vậy.”

“Nhưng hai người gắn bó với nhau chứ?”

“Đúng.”

“Và hai người dự định sẽ dành phần còn lại của đời mình bên nhau?”

“Ừm. Chúng tôi không dự định. Còn quá sớm để làm thế.”

Raskol mỉm cười với anh vẻ u buồn. “Ý anh là anh không dự định. Nhưng phụ nữ thì có. Phụ nữ lúc nào cũng dự định.”

“Như ông à?”

Raskol lắc đầu. “Tôi chỉ biết cách lên kế hoạch cho các vụ cướp ngân

hàng thôi. Tất cả đàn ông đều lơ mơ trong chuyện chiếm giữ trái tim. Chúng ta có thể tin rằng mình là kẻ chinh phục, như một viên tướng chiếm được thành, nhưng rồi chúng ta nhận ra khi đã quá muộn - đó là nếu chúng ta còn nhận ra được - rằng chúng ta đã bị ăn quả lừa. Anh đã từng nghe nói tới Tôn Tử chưa?”

Harry gật đầu. “Tướng Trung Quốc và là một nhà chiến lược trong việc dụng binh. Ông ta là tác giả cuốn Binh pháp.”

“Người ta nói rằng ông ta đã viết Binh pháp. Tôi thì tôi tin đó là một phụ nữ. Bề ngoài, Binh pháp là một cuốn cẩm nang về những mưu lược trên chiến trường, nhưng ở tầng sâu nhất nó mô tả cách giành chiến thắng trong xung đột. Hoặc nói chính xác hơn là nghệ thuật chiếm được cái ta muốn mà ít hao tổn nhất. Kẻ thắng trong một cuộc chiến không nhất thiết phải là người chiến thắng. Nhiều người đã giành được vinh quang, nhưng mất đi nhiều quân đến nỗi họ chỉ có thể lãnh đạo được theo điều kiện của kẻ thù tưởng đã bị khuất phục. Trong lĩnh vực quyền lực, phụ nữ không phù phiếm như đàn ông. Họ không cần phải phô trương quyền lực, họ chỉ muốn có thứ quyền lực có thể đem lại những thứ khác mà họ muốn. An toàn. Thực phẩm. Vui thú. Trả thù. Bình yên. Họ là những kẻ trù tính chuyện tìm kiếm quyền lực đầy lý trí, nghĩ xa hơn chuyện giao chiến, xa hơn những cuộc ăn mừng chiến thắng. Và bởi, họ có một năng lực bẩm sinh là nhìn ra điểm yếu của nạn nhân, nên bản năng mách bảo cho họ biết khi nào thì nên tấn công và tấn công như thế nào. Và khi nào thì dừng lại. Điều đó anh không học nổi đâu, Spiuni.”

“Có phải vì thế mà ông vào tù không?”

Raskol nhắm mắt lại và cười không thành tiếng. “Tôi có thể dễ dàng cho anh câu trả lời, nhưng anh không được tin lời nào tôi nói. Tôn Tử nói rằng nguyên tắc đầu tiên của chiến tranh là lừa đảo. Tin tôi đi - tất cả dân Di gan đều dối trá.”

“Ừm. Tin ông ư? Như trong nghịch lý của người Hy Lạp ấy hả?”

“Ái chà, một tay cảnh sát lại biết nhiều hơn bộ luật hình sự này. Nếu tất cả dân Di gan đều dối trá mà tôi lại là dân Di gan, thế thì tức là định kiến đó không đúng. Vì vậy sự thật là tôi sẽ nói thật và khi đó thì lại đúng là dân Di gan luôn nói dối. Tức là tôi đang nói dối. Một lập luận vòng tròn không thể phá vỡ. Cuộc đời tôi là thế đó và đó là sự thật duy nhất.” Hãn cười dịu dàng, gần như tiếng cười của phụ nữ.

“Giờ thì ông đã thấy được nước đi khai cuộc cờ của tôi rồi. Đến lượt ông đấy.”

Raskol nhìn Harry. Hãn gật đầu.

“Tôi tên là Raskol Baxhet. Đó là một cái tên Anbani, nhưng cha tôi không chịu thừa nhận rằng chúng tôi là người Anbani. Ông ấy bảo Anbani là cái lỗ đít của châu Âu. Vì thế tôi và tất cả các anh chị em tôi đều được dặn rằng chúng tôi sinh ra ở Rumani, được rửa tội ở Bungary và cắt bao quy đầu ở Hungary.”

Raskol giải thích rằng gia đình hãn có lẽ là người Meckari, nhóm người Di gan gốc Anbani lớn nhất. Cả gia đình đã bỏ chạy trong cuộc thảm sát người Di gan của Enver Hoxha, vượt núi để tới Montenegro và bắt đầu đi về phía Đông để làm ăn.

“Chúng tôi bị truy đuổi ở bất cứ nơi nào chúng tôi tới. Người ta bảo chúng tôi ăn trộm. Đương nhiên là thế, nhưng họ thậm chí còn chẳng thèm thu thập bằng chứng. Việc chúng tôi là dân Di gan chính là bằng chứng. Tôi nói với anh chuyện này là bởi để nhìn nhận một người Di gan, anh phải biết rằng từ lúc sinh ra hãn đã có trên trán cái dấu hiệu của kẻ hạ lưu. Chúng tôi bị mọi chế độ ở châu Âu ngược đãi. Chẳng có gì khác biệt giữa phát xít, cộng sản hay dân chủ. Chỉ có điều phát xít hành động hiệu quả hơn. Dân Di gan chẳng nặng xị lên về vụ Diệt chủng thời Thế Chiến là vì sự khác biệt của nó với những sự khủng bố mà chúng tôi thường phải hứng chịu không lớn lắm. Anh có vẻ không tin tôi nhỉ?”

Harry nhún vai. Raskol khoanh tay lại.

“Năm 1589, Đan Mạch ban bố án tử hình dành cho các thủ lĩnh của các nhóm dân Di gan,” hắn nói. “Năm mươi năm sau, người Thụy Điển quyết định rằng tất cả đàn ông Di gan đều phải bị treo cổ. Ở Moravia, họ cắt tai trái của phụ nữ Di gan, ở Bô hem thì cắt tai phải. Tổng Giám mục của xứ Mainz tuyên bố rằng tất cả mọi người dân Di gan đều phải bị hành quyết không qua kết án vì cách sống của họ nằm ngoài vòng pháp luật. Năm 1725, một đạo luật được thông qua ở nước Phổ rằng mọi người dân Di gan quá mười tám tuổi đều phải bị hành quyết mà không cần xét xử, nhưng sau đó đạo luật này đã bị bãi bỏ - giới hạn tuổi bị giảm xuống còn mười bốn. Bốn trong số các anh em trai của cha tôi đã chết trong tù. Chỉ có một người trong số đó là chết trong Thế Chiến. Tôi có cần kể tiếp nữa không?”

Harry lắc đầu.

“Nhưng ngay cả đó cũng là vòng tròn khép kín,” Raskol nói. “Nguyên nhân khiến chúng tôi bị ngược đãi và giúp chúng tôi sống sót là một. Chúng tôi là - và muốn - khác biệt. Chính vì chúng tôi bị đẩy ra ngoài giá lạnh mà đám gadio không thể lọt vào cộng đồng của chúng tôi. Dân Di gan là kẻ xa lạ bí ẩn, đầy đe dọa, anh chẳng biết gì về họ, nhưng lại có đủ loại tin đồn thêu dệt về họ. Bao thế hệ vẫn tin rằng người Di gan là những kẻ ăn thịt người. Nơi tôi lớn lên - Balteni, ngoại ô Bucharest - người ta bảo rằng chúng tôi là hậu duệ của Cain và tất yếu phải bị diệt vong. Những vị hàng xóm gadio của chúng tôi trả tiền để chúng tôi tránh xa họ.”

Raskol đưa mắt liếc nhìn khắp lượt những bức tường không có cửa sổ.

“Cha tôi là thợ rèn, nhưng ở Rumani ông chẳng kiếm nổi việc làm. Chúng tôi phải tới một bãi rác bên ngoài thành phố nơi những người Di gan tộc Kalderash sinh sống. Ở Anbani, cha tôi tìm Bulibas, tức thủ lĩnh và quan tòa địa phương của người Di gan, nhưng giữa những người Kalderash thì ông chỉ là một gã thợ rèn không công ăn việc làm.”

Raskol thở một hơi dài.

“Tôi sẽ không bao giờ quên được ánh mắt của ông khi dẫn về một con gấu nâu nhỏ đã thuần. Ông mua nó bằng chút tiền cuối cùng còn lại của mình từ một nhóm Di gan Ursari. “Nó biết nhảy múa,” Cha tôi bảo vậy. Stefan, anh trai tôi, đã cố cho con gấu ăn, nhưng nó không chịu, và mẹ tôi đã hỏi liệu có phải nó bị ốm không. Cha tôi bảo rằng ông đã dắt nó cuộc bộ từ Bucharest về và nó chỉ cần được nghỉ ngơi thôi. Bốn ngày sau thì con gấu chết.”

Raskol nhắm mắt lại và mỉm cười với vẻ u uất quen thuộc.

“Mùa thu năm đó, tôi và Stefan bỏ trốn. Bớt đi hai miệng ăn. Chúng tôi đi về phía Bắc.”

“Lúc đó ông bao nhiêu tuổi?”

“Tôi lên tám, anh ấy mười hai. Dự định là tới Tây Đức. Hồi đó người ta cho người tị nạn từ khắp thế giới tới đó và cho họ ăn. Tôi đoán rằng đó là cách họ đền bù. Stefan nghĩ rằng chúng tôi càng nhỏ thì càng có cơ hội được cho vào. Nhưng chúng tôi bị chặn lại ở biên giới Ba Lan. Chúng tôi đã tới Vácxava, ngủ dưới một gầm cầu, mỗi đứa một chiếc chăn, trong khu vực được bao bọc bằng tường rào cạnh Wschodnia, ga cuối của tuyến xe lửa miền Đông. Chúng tôi biết chúng tôi có thể tìm được một schlepper - kẻ làm nghề buôn người. Sau vài ngày tìm kiếm, chúng tôi tìm được một người biết tiếng Di gan tự xưng là người dẫn đường qua biên giới và hứa sẽ đưa chúng tôi tới Tây Đức. Chúng tôi không có tiền để trả, nhưng hắn bảo sẽ có cách; hắn biết một số người đàn ông sẽ trả hậu cho những chú nhóc Di gan xinh trai. Tôi không hiểu hắn nói về điều gì, nhưng rõ ràng Stefan thì hiểu. Anh ấy kéo gã dẫn đường qua một bên và họ to tiếng bàn bạc gì đó trong lúc gã dẫn đường chỉ trỏ vào tôi. Stefan lắc đầu quầy quậy và cuối cùng gã dẫn đường đành giơ hai tay lên tỏ ý nhượng bộ. Stefan bảo tôi đợi cho đến khi anh ấy đi xe về. Tôi đã làm theo lời dặn của anh, nhưng hàng tiếng đồng hồ trôi qua. Tới đêm rồi, tôi bèn nằm xuống và ngủ. Trong hai đêm đầu tiên ngủ dưới gầm cầu, tôi

đã bị đánh thức bởi tiếng phanh rít lên chói tai của những chiếc xe chở hàng, nhưng đôi tai trẻ con của tôi nhanh chóng nhận ra rằng đó không phải là những mà tôi cần phải cảnh giác. Vì vậy tôi cứ ngủ li bì cho đến lúc nghe thấy tiếng bước chân rón rén giữa đêm khuya. Đó là Stefan. Anh ấy chui vào chiếc chăn và nằm nép sát vào bức tường ẩm thấp. Tôi nghe thấy anh ấy khóc, nhưng cứ nhắm chặt mắt lại và không dám động cựa. Rồi tôi lại nhanh chóng nghe thấy tiếng tàu hỏa.” Raskol ngẩng đầu lên. “Anh có thích tàu hỏa không, Spiuni?”

Harry gật đầu.

“Hôm sau, gã dẫn đường quay lại. Hắn cần thêm tiền. Stefan lại lên chiếc xe đó đi mất. Bốn ngày sau, tôi tỉnh giấc lúc rạng sáng và thấy Stefan. Hắn là anh ấy đã thức suốt đêm. Anh ấy nằm như mọi khi, mắt nhắm hờ và tôi thấy hơi thở của anh ấy lơ lửng trong làn không khí buổi sáng sớm đầy sương giá. Trên đầu anh ấy có vết máu và một bờ môi sưng phồng. Tôi cầm chiếc chăn của mình lên và đi ra ga chính nơi có một gia đình Di gan Kalderash đang nướng nấu phía ngoài khu vực nhà vệ sinh, đợi đi về phía Tây. Tôi nói chuyện với thằng con lớn nhất. Nó bảo cái gã mà chúng tôi tưởng là một người dẫn đường là một tên ma cô ở địa phương thường lảng vảng ở khu vực nhà ga; hắn từng đề nghị trả ba mươi zloty cho hai thằng em bé nhất của nó. Tôi đưa cho thằng nhóc đó xem chiếc chăn của tôi. Nó dày dặn và còn tốt, ăn trộm từ một xưởng giặt là ở Lublin. Nó thích chiếc chăn. Sắp tới tháng Chạp. Tôi đề nghị được xem con dao của nó. Nó để bên trong áo sơ mi.”

“Làm sao ông biết là thằng nhóc đó có dao?”

“Dân Di gan ai cũng có dao. Để ăn. Ngay cả người thân trong nhà cũng không dùng chung dao kéo - họ có thể mắc marime, bị ô uế. Nhưng trong vụ đổi chác đó nó hời. Con dao nhỏ lại cùn. May thay, tôi đã mài sắc nó ở chỗ người thợ rèn trong xưởng đường sắt.”

Raskol lướt móng tay dài nhọn hoắt trên ngón út bàn tay phải dọc sống

mũi. “Đêm đó, sau khi Stefan bước lên chiếc xe, tôi hỏi gã ma cô là hã có khách nào cho cả tôi nữa không. Hã cười toét miệng và bảo tôi đợi. Khi hã quay lại, tôi nấp trong bóng tối dưới gầm cầu nhìn những chuyến tàu ra vào ga.

‘Lại đây, Sinti,’ hã gọi to. ‘Tao có một vị khách tốt lắm. Một ông nghị giàu có. Đi nào, chúng ta không có nhiều thì giờ đâu!’

Tôi bèn đáp: ‘Chờ chuyến tàu Krako đã.’

Hã bèn đi tới chỗ tôi và túm lấy cánh tay tôi. ‘Mày phải đi ngay, mày có hiểu không hả?’

Tôi chỉ cao đến ngang ngực hã. ‘Đây rồi,’ tôi nói, chỉ tay. Hã buông tôi ra và nhìn lên. Một chuỗi những toa xe bằng thép đen sì lăn qua trước hai khuôn mặt trắng nhợt của tôi và hã trong lúc cả hai cùng nhìn lên. Rơi khoảnh khắc tôi chờ đợi đã tới. Tiếng thép nghiêng lên thép rít chói tai khi tàu hãm phanh. Âm thanh đó sẽ át đi tất cả.”

Harry nheo mắt, như thể để dễ bề nhìn xem Raskol có nói dối không.

“Khi những toa tàu cuối cùng chậm chậm lăn qua, tôi thấy khuôn mặt một người phụ nữ đang nhìn tôi chăm chăm qua một ô cửa sổ. Trông bà ta giống một hồn ma. Giống mẹ tôi. Tôi giờ con dao vấy máu lên cho bà ta thấy. Và anh biết sao không, Spiuni? Đó là thời khắc duy nhất trong đời tôi từng cảm thấy hoàn toàn sung sướng.” Raskol nhắm mắt lại như thể để hồi tưởng lại khoảnh khắc đó. “Koke per koke. Mạng đổi mạng. Đó là câu ngạn ngữ của người Anbani về việc đòi nợ máu. Đó là chất men say sưa nhất và cũng nguy hiểm nhất mà Chúa đã ban cho loài người.”

“Sau đó chuyện gì đã xảy ra?”

Raskol lại mở mắt ra. “Anh có biết baxt là gì không, Spiuni?”

“Không hề.”

“Số mệnh. Địa ngục và nghiệp chướng. Đó là những thứ điều khiển cuộc đời mỗi chúng ta. Khi tôi móc ví của tên ma cô, có tới ba nghìn zloty trong

đó. Stefan quay về và chúng tôi mang cái xác qua đường tàu rồi vứt vào một trong những chiếc xe chở hàng đi về phía Đông. Rồi chúng tôi đi lên phía Bắc. Hai tuần sau chúng tôi lên lên một chiếc thuyền từ Gdansk tới Gothenburg. Từ đó chúng tôi tới Oslo rồi tới một cánh đồng ở Tyen nơi có bốn cái nhà lưu động, ba cái đã có dân Di gan ở. Cái thứ tư đã cũ kỹ và bị bỏ hoang, một trục xe đã gãy. Đó là nhà của chúng tôi trong suốt năm năm. Đêm Giáng sinh năm đó, chúng tôi đã mừng sinh nhật lần thứ chín của tôi tại căn nhà, với bánh quy và một cốc sữa bên dưới chiếc chăn duy nhất còn lại vào buổi sáng Giáng sinh, chúng tôi đột nhập vào cửa hàng đắt tiền, và chúng tôi biết rằng mình đã tới đúng chỗ.” Raskol cười rạng rỡ. “Chuyện đó dễ như lấy kẹo của một đứa bé sơ sinh vậy.”

Họ ngồi im lặng hồi lâu.

“Trông anh vẫn có vẻ như không tin tôi hoàn toàn,” cuối cùng Raskol nói.

“Chuyện đó có quan trọng không?” Harry hỏi lại.

Raskol mỉm cười. “Làm sao anh biết được là Anna không yêu anh?” hần hỏi. Harry nhún vai.

Tay bị còng với nhau, họ bước đi trong đường hầm Culvert.

“Đừng giả định tôi biết tên cướp là ai,” Raskol nói. “Đó có thể là một kẻ ngoài giới.”

“Tôi biết,” Harry nói.

“Tốt.”

“Vậy nếu như Anna là con gái của Stefan và ông ta sống ở Na Uy thì tại sao ông ta lại không tới đám tang của con gái?”

“Vì anh ấy qua đời rồi. Vài năm trước anh ấy bị ngã nhào xuống từ một mái nhà đang được sửa lại.”

“Thế còn mẹ Anna?”

“Chị ta đã chuyển về miền Nam Rumania cùng với em gái và em trai sau khi Stefan qua đời. Tôi không có địa chỉ của chị ta. Tôi cũng không tin là chị

ta có địa chỉ.”

“Ông đã nói với Ivarsson rằng lý do gia đình Anna không tới đám tang là vì chị ấy đã làm ô danh họ.”

“Tôi đã nói vậy à?” Harry có thể thấy vẻ thích thú trong cặp mắt nâu của Raskol. “Anh có tin tôi không nếu tôi bảo là tôi đã nói dối?”

“Có.”

“Nhưng tôi không nói dối. Anna đã bị gia đình từ thật. Cha con bé coi nó như không tồn tại nữa. Anh ấy không thềm nhắc đến tên nó. Để ngăn chặn marime. Anh có hiểu không?”

“Có lẽ là không.”

Họ bước vào đồn cảnh sát và đứng đợi thang máy. Raskol lăm bắm gì đó một mình rồi nói to lên. “Sao anh lại tin tôi, Spiuni?”

“Tôi đâu được lựa chọn?”

“Lúc nào anh cũng có lựa chọn.”

“Quan trọng hơn là: tại sao ông tin tôi? Chiếc chìa khóa ông nhận từ tôi có thể giống với chiếc chìa được gửi tới cho căn hộ của Anna, nhưng nhờ đâu tôi đã không tìm thấy nó trong căn hộ của kẻ sát nhân.”

Raskol lắc đầu. “Anh nhầm rồi. Tôi chẳng tin ai cả. Tôi chỉ tin vào bản năng của mình. Và nó mách bảo tôi rằng anh không phải một gã ngốc. Ai cũng sống vì một điều gì đó. Một thứ có thể bị lấy đi. Anh cũng vậy. Thế thôi.”

Cửa thang máy mở ra và họ bước vào trong.

Harry chăm chú nhìn Raskol trong cảnh tranh tối tranh sáng.

Hắn ngồi xem cuốn băng ghi hình về vụ cướp ngân hàng, lưng thẳng, hai lòng bàn tay chắp lại, mặt không biểu hiện gì. Thậm chí ngay cả khi tiếng súng nổ đã bị bóp méo vang lên trong Nhà Đau đớn.

“Ông có muốn xem lại không?” Harry hỏi khi họ xem tới những hình ảnh cuối cùng của Kẻ Hành quyết mất hút trên phố Industrigata.

“Không cần đâu,” Raskol đáp.

“Thế nào?” Harry nói, cố gắng không lộ giọng phẫn khích.

“Anh còn gì khác nữa không?”

Harry cảm thấy sắp sửa phải đón nhận tin xấu.

“Ừm, tôi có một cuốn băng ghi hình của siêu thị 7-Eleven ở góc phố đối diện với ngân hàng, nơi hắn đã đứng canh chừng trước vụ cướp.”

“Bật lên đi.”

Harry cho cuộn băng chạy hai lần. “Thế nào?” Anh hỏi lại khi sóng nhiễu như một trận bão tuyết dữ dội hiện lên trên màn hình trước mặt họ.

“Tôi biết cảnh sát cho là hắn đứng sau những vụ cướp khác và chúng ta cũng có thể xem cả những cuốn băng đó,” Raskol nói, nhìn đồng hồ đeo tay. “Nhưng làm vậy chỉ phí thời gian thôi.”

“Tôi tưởng ông bảo thời gian là thứ duy nhất mà ông có đủ.”

“Một lời nói dối trắng trợn,” hắn nói, rồi đứng dậy và đưa tay ra. “Thời gian là thứ duy nhất mà tôi không có. Tốt hơn hết là anh nên tra còng lại đi, Spiuni ạ.”

Harry rửa thầm. Anh sập cái còng vào tay Raskol và họ nghiêng người lách giữa chiếc bàn và bức tường để ra cửa. Harry nắm lấy tay cầm trên cánh cửa.

“Hầu hết các tên cướp ngân hàng đều có tâm hồn đơn giản,” Raskol nói. “Đó là lý do vì sao chúng trở thành cướp ngân hàng.”

Harry khựng lại.

“Một trong những tên cướp ngân hàng lừng danh nhất thế giới là Willie Sutton người Mỹ,” Raskol nói. “Khi hắn bị bắt và đưa ra tòa, thẩm phán hỏi hắn tại sao lại đi cướp ngân hàng. Sutton trả lời: Vì ở đó có tiền. Câu đó trở thành câu cửa miệng trong tiếng Anh Mỹ hằng ngày và tôi cho rằng ý nghĩa của nó là cho chúng ta thấy ngôn ngữ có thể thẳng thắn và dễ dàng một cách tài tình đến mức nào. Với tôi, nó chỉ cho thấy một thằng ngu đã để mình bị

bắt. Những tên cướp ngân hàng siêu hạng thì không nổi tiếng cũng không có gì để trích dẫn cả. Anh chẳng bao giờ nghe nói tới chúng vì chúng chẳng bao giờ bị bắt cả. Vì chúng không thẳng thắn và đơn giản. Kẻ mà anh đang tìm kiếm là một trong số đó.”

Harry chờ đợi.

“Grette,” Raskol nói.

“Grette ư?” Beate chăm chăm nhìn Harry, mắt như muốn nhảy ra khỏi tròng. “Grette?” Mạch máu nơi cổ cô phồng lên. “Grette có chứng cứ ngoại phạm mà! Trond Grette chỉ là một gã kế toán thỏ đế, không thể là cướp ngân hàng được! Trond Grette... là... là...”

“Kẻ vô tội,” Harry nói. “Tôi biết.” Anh đóng cửa văn phòng lại sau lưng và ngồi tụt sâu xuống chiếc ghế tựa trước bàn làm việc. “Nhưng chúng ta không nói về Trond Grette.”

Miệng Beate khép lại với một tiếng ực ứat át, nghe rõ mồn một.

“Cô đã nghe nói tới Lev Grette bao giờ chưa?” Harry hỏi. “Raskol bảo rằng hắn chỉ cần xem ba mươi giây đầu tiên là đủ biết, nhưng hắn muốn xem phần còn lại để chắc chắn bởi vì đã mấy năm nay chưa ai nhìn thấy Lev Grette cả. Theo tin đồn mới nhất mà Raskol nghe được, Grette đang sống đâu đó ở nước ngoài.”

“Lev Grette,” Beate nói, cái nhìn của cô lơ đãng hướng ra xa. “Hắn là một gã phi thường. Tôi nhớ có nghe cha tôi kể về hắn. Tôi đã đọc những bản báo cáo về các vụ cướp mà hắn bị tình nghi là có dính líu hồi hắn mới mười sáu tuổi. Hắn là một huyền thoại vì cảnh sát chẳng bao giờ bắt được hắn, và khi hắn lặn không sỏi tắm thì chúng ta thậm chí còn chẳng có nổi dấu vân tay của hắn.” Cô nhìn Harry. “Làm sao tôi có thể ngu ngốc đến thế nhỉ? Cùng vốc người. Cùng những nét tương tự. Anh trai của Trond Grette, phải không?”

Harry gật đầu.

Beate cau mày. “Nhưng thế thì có nghĩa là Lev Grette bắn chết em dâu.”

“Điều đó làm cho một số thứ khớp vào đúng vị trí, phải không?”

Cô chậm chậm gật đầu. “Khoảng cách hai mươi xăng ti mét giữa hai khuôn mặt. Họ biết nhau.”

“Và nếu như Lev Grette biết hắn đã bị phát hiện...”

“Đương nhiên,” Beate nói. “Cô ta là nhân chứng. Hắn không thể liều lĩnh để cô ta có thể tố giác hắn.”

Harry đứng dậy. “Tôi sẽ bảo Halvorsen pha thứ gì đó thật đặc cho chúng ta. Giờ thì cùng xem cuốn băng đó nào.”

“Tôi đoán là Lev Grette không biết Stine làm việc ở đó,” Harry nói, mắt vẫn dán vào màn hình. “Điều thú vị là hắn có lẽ đã nhận ra cô ta mà vẫn chọn sử dụng cô ta làm con tin. Hắn là hắn đã biết cô ta sẽ nhận ra hắn ở khoảng cách gần, nếu không phải là vì điều gì khác thì cũng là qua giọng nói.”

Beate lắc đầu tỏ vẻ không hiểu trong lúc mãi mê xem những hình ảnh của căn phòng lớn của ngân hàng, nơi mọi thứ đã tạm thời trở nên im lặng, và August Schulz, với cái dáng đi lệt xệt đã đi được nửa quãng đường. “Vậy thì tại sao hắn lại làm thế?”

“Hắn là một kẻ chuyên nghiệp. Không để cho bất cứ chuyện gì phụ thuộc vào may rủi. Từ giây phút này, Stine Grette coi như xong.” Harry dừng hình đúng lúc tên cướp vừa bước qua cửa và nhìn khắp lượt căn phòng. “Khi Lev Grette nhìn thấy cô ta và nhận thấy có khả năng hắn sẽ bị phát giác, hắn đã biết là cô ta sẽ phải chết. Vì vậy hắn cứ sử dụng cô ta làm con tin rồi.”

“Lạnh như băng.”

“Âm bốn mươi. Điều duy nhất tôi không hiểu nổi là tại sao hắn lại sẵn sàng giết người để tránh bị phát giác trong khi hắn đã bị truy nã vì những vụ cướp ngân hàng khác.”

Weber đi vào với khay cà phê.

“Đúng thế, nhưng Lev Grette đâu có bị truy nã vì cướp ngân hàng,” Ông ta nói, giữ cái khay thăng bằng cho đến khi đặt nó lên cái bàn uống nước. Căn phòng trông như thể đã từng được trang trí một lần từ hồi thập niên năm mươi rồi sau đó chẳng có ma nào đụng tới nữa. Những cái ghế tựa bọc vải nhung lông, cái đàn piano và những cái cây phủ kín bụi trên bậu cửa sổ tỏa ra một sự tĩnh lặng kỳ quái. Ngay cả con lắc của chiếc đồng hồ tử nằm trong góc phòng cũng đu đưa không một tiếng động. Người phụ nữ tóc trắng với đôi mắt tươi cười trong tấm kính lồng khung trên bệ lò sưởi cười không thành tiếng.

Sự tĩnh lặng dường như đã ngự ở đây từ khi Weber góa vợ tám năm trước khiến mọi thứ xung quanh ông cũng trở nên câm lặng. Thậm chí còn khó có thể làm một nốt nhạc đàn ngân lên thành tiếng trên chiếc piano. Căn hộ nằm ở tầng trệt của một tòa chung cư cũ ở Tyen, nhưng tiếng xe cộ bên ngoài chỉ càng làm nổi bật hơn sự tĩnh lặng đó. Weber ngồi xuống một chiếc ghế tựa có tay vịn, một cách thận trọng, như thể nó là vật trưng bày trong bảo tàng vậy.

“Chúng ta chưa bao giờ tìm thấy bất cứ bằng chứng cụ thể nào rằng Grette có dính líu tới bất cứ vụ cướp nào. Không có lời khai của nhân chứng, không tay trong nào nắm được gì về hắn, không dấu vân tay và cũng không có manh mối pháp y nào. Các báo cáo chỉ khẳng định rằng hắn là một kẻ tình nghi.”

“Ừm. Vậy, miễn là Stine Grette không tố giác hắn thì hắn vẫn là một người có lý lịch trong sạch?”

“Đúng thế. Bánh quy nhé?” Beate lắc đầu.

Hôm đó là ngày nghỉ của Weber, nhưng Harry đã gọi điện nài nỉ đòi tới nói chuyện với ông ta ngay tức khắc. Anh biết Weber ngại tiếp khách ở nhà, nhưng chuyện này không dừng được.

“Chúng tôi đã nói chuyện với nhân viên trực ở Phòng Giám định Pháp y so sánh những dấu vân tay trên chai Coca với dấu vân tay trong những vụ cướp trước đó mà Lev Grette bị nghi là đã thực hiện,” Beate nói. “Hoàn toàn

không khớp.”

“Như tôi đã nói,” Weber nói, kiểm tra xem nắp của bình cà phê đã đóng kín chưa, “Không hề tìm thấy dấu vân tay của Lev Grette tại hiện trường vụ cướp.”

Beate lật giở cuốn sổ ghi chép. “Ông có đồng tình với Raskol rằng Lev Grette là gã mà chúng ta đang truy tìm không?”

“Ừm, sao lại không?” Weber bắt đầu rút cà phê.

“Vì hắn chưa bao giờ dùng vũ lực trong bất cứ vụ cướp nào mà hắn bị tình nghi cả. Và vì cô ta là em dâu của hắn. Giết người vì sợ có thể bị nhận ra - đó chẳng phải là một động cơ khá yếu ớt cho hành vi giết người sao?”

Weber ngừng rút và nhìn cô. Ông liếc Harry vẻ hơi giễu cợt nhưng anh chỉ nhún vai.

“Không,” ông ta đáp. Và lại rút tiếp.

Mặt Beate đỏ lựng.

“Weber xuất thân từ trường đào tạo điều tra viên kinh điển,” Harry nói gần như xin lỗi. “Quan điểm của ông ấy là giết người, về bản chất, không bao gồm các động cơ có lý trí. Chỉ có những động cơ không rõ ràng theo mức độ, và thỉnh thoảng có thể gần giống như lý trí.”

“Nó là thế đấy,” Weber nói, đặt bình cà phê xuống.

“Tôi băn khoăn,” Harry nói, “Là tại sao Lev Grette lại rời khỏi Na Uy nếu cảnh sát chẳng có bằng chứng nào để buộc tội hắn?”

Weber phui những hạt bi vô hình trên tay vịn của chiếc ghế. “Tôi cũng không biết chắc chắn.”

“Chắc chắn ư?”

Weber giữ chặt cái quai sứ mỏng manh của tách cà phê bằng ngón cái to, mập và ngón trỏ ám nicotine. “Hồi đó rộ lên một tin đồn. Chúng tôi chẳng tin chút nào cả. Người ta cho rằng hắn không chạy trốn cảnh sát. Có người đã nghe nói rằng vụ cướp ngân hàng cuối cùng đã không diễn ra theo đúng kế

hoạch. Grette đã bỏ cộng sự của hắn trong hoạn nạn.”

“Theo kiểu nào?” Beate hỏi.

“Không ai biết. Một số người nghĩ rằng Grette đảm trách lái chiếc xe chạy trốn và đã lái xe đi mất khi cảnh sát tới, bỏ lại gã cộng sự trong ngân hàng. Những người khác lại bảo vụ cướp đó thành công, nhưng Grette đã ôm toàn bộ số tiền chuồn ra nước ngoài.” Weber nhấp một ngụm cà phê và cẩn thận đặt chiếc tách xuống. “Khía cạnh thú vị của vụ cướp mà chúng ta đang nói tới có lẽ không phải bằng cách nào mà là kẻ nào. Kẻ nào là người thứ hai đó?”

Harry nhìn sâu vào mắt Weber. “Ý ông đó là...?”

Vị chuyên gia pháp y kỳ cựu gật đầu. Beate và Harry đưa mắt nhìn nhau.

“Mẹ kiếp,” Harry kêu lên.

Beate để ý phần đường bên trái, đợi có khoảng trống trong dòng xe bên phải trên phố Tøyengata. Mưa quất rào rào xuống nóc xe. Harry nhắm mắt lại.

Anh biết nếu tập trung thì anh có thể làm cho dòng xe đang lao vùn vụt kia trở thành những con sóng vỗ vào mũi phà trong lúc anh đứng trong gió nhìn chằm chằm xuống lớp bột trắng xóa, nắm chặt tay ông nội. Nhưng anh không có thời gian.

“Vậy là Raskol từng có việc dang dở với Lev Grette,” Harry nói, mở mắt ra. “Và chọn hắn ta là tên cướp đó. Có thật là Grette chính là kẻ ở trong cuốn băng hay chỉ là Raskol đang trả thù? Hay đó lại là một trò bịp bợm nữa của Raskol với chúng ta?”

“Hoặc như Weber nói - chỉ là một tin đồn,” Beate nói. Những chiếc xe tiếp tục đi từ bên phải tới trong lúc cô sốt ruột gõ gõ mấy ngón tay lên bánh lái.

“Có lẽ cô nói đúng,” Harry nói. “Nếu Raskol muốn trả thù Grette thì hắn đã chẳng cần mượn tay cảnh sát. Cứ cho đó chỉ là tin đồn thì tại sao hắn lại chọn Grette, nếu Grette không làm việc đó?”

“Một ý nghĩ bất chợt chẳng?”

Harry lắc đầu. “Raskol là một người luôn tính toán trước sau. Hắn sẽ không chỉ nhằm người mà không có lý do chính đáng đâu. Tôi không chắc Kẻ Hành quyết đang hành động đơn độc.”

“Ý anh là sao?”

“Có lẽ có ai đó đã lên kế hoạch cho các vụ cướp. Một phần của một mạng lưới nhập khẩu vũ khí. Xe chạy trốn. Căn hộ bí mật. Một kẻ dọn dẹp, đảm trách việc hô biến những bộ quần áo và vũ khí sau đó. Và một kẻ rửa tiền, có nhiệm vụ tuần tiền đi.”

“Raskol ư?”

“Raskol muốn đánh lạc hướng chúng ta khỏi nhóm tội phạm thật sự, còn gì hay hơn là đẩy chúng ta vào việc tìm kiếm một gã mà chẳng ai biết là đang ở đâu, đã chết hay bị chôn hay đã định cư ở nước ngoài dưới cái tên mới, một kẻ tình nghi mà chúng ta sẽ không bao giờ loại được ra khỏi cuộc điều tra? Bằng cách quảng cho chúng ta một thứ vô dụng khó lòng tìm ra hẳn có thể đẩy chúng ta đuổi theo những cái bóng thay vì người của hẳn.”

“Vậy anh nghĩ là hẳn đang nói dối?”

“Dân Di gan ai chẳng nói dối.”

“Vậy sao?”

“Tôi đang trích dẫn câu nói của Raskol.”

“Hắn cũng có khiếu hài hước đấy chứ. Vậy thì việc gì mà hẳn không nói dối anh, nếu hẳn đã nói dối tất cả mọi người?”

Harry không trả lời.

“Cuối cùng cũng có chỗ trống rồi,” Beate nói, khẽ đạp chân ga.

“Đợi đã!” Harry nói. “Rẽ phải đi. Vào đường Finnmarkgata.”

“Được.” Cô chán chường đáp, và rẽ vào con đường trước mặt công viên Teyen. “Chúng ta đi đâu đây?”

“Chúng ta sẽ tới thăm Trond Grette tại nhà anh ta.”

Tấm lưới trên sân tennis đã bị tháo đi. Và cửa sổ nhà Grette chẳng thấy đèn đóm gì cả.

“Anh ta đi vắng rồi,” Beate kết luận sau khi bấm chuông hai lần. Cửa sổ nhà hàng xóm mở ra.

“Trond đang ở nhà đấy,” cái giọng láy rền phát ra từ khuôn mặt nhăn nhoe của người phụ nữ mà Harry nghĩ là còn nâu hơn cả lần trước anh gặp. “Chỉ là anh ta không ra mở thôi. Cứ nhấn chuông liên tục thì anh ta sẽ ra.”

Beate nhấn nút và họ nghe thấy tiếng chuông inh ỏi trong nhà. Cửa sổ nhà hàng xóm đóng lại và ngay sau đó họ thấy một khuôn mặt nhợt nhạt với hai bông mắt thâm xanh bên dưới hai con mắt đờ đẫn. Trond Grette đang mặc một chiếc áo choàng trong nhà màu vàng. Trông anh ta như thể vừa ra khỏi giường sau khi ngủ cả tuần trời. Và thế vẫn chưa đủ. Không nói một lời, anh ta giơ tay lên vẫy họ vào. Ánh mặt trời chiếu vào chiếc nhẫn kim cương trên ngón tay út của bàn tay trái anh ta, làm nó lóe lên.

“Lev rất khác người,” Trond nói. “Hồi mười lăm tuổi anh ấy đã định giết một người đàn ông.”

Anh ta mỉm cười băng quơ, như thể đang hồi tưởng lại một ký ức thân thương.

“Hình như chúng tôi chỉ có một bộ gien hoàn chỉnh để chia cho hai anh em. Cái gì không có ở anh ấy thì sẽ có ở tôi - và ngược lại. Chúng tôi lớn lên ở ngay Disengrenda, trong chính ngôi nhà này. Lev là một huyền thoại của cả khu, nhưng tôi chỉ là thằng em nhỏ của anh ấy. Một trong những điều đầu tiên tôi có thể nhớ được là hồi đi học, Lev đi trên nóc nhà ở trường trong giờ nghỉ. Đó là một ngôi nhà bốn tầng và không có giáo viên nào dám lên đưa anh ấy xuống. Chúng tôi đứng bên dưới hò reo trong lúc anh ấy nhảy múa vòng quanh, hai cánh tay dang rộng hai bên. Đến giờ tôi vẫn nhớ như in thân hình

của anh ấy trên nền trời xanh thẫm. Trong một lúc, tôi quên cả sợ hãi; thậm chí tôi còn không nghĩ ra rằng anh tôi có thể ngã lộn cổ. Tôi nghĩ những người khác cũng có cảm tưởng như vậy. Lev là người duy nhất dám đương đầu với anh em nhà Gausten trong khu chung cư ở Traverveien, mặc dù bọn chúng lớn hơn anh ấy ít nhất hai tuổi và từng vào trại giáo dưỡng dành cho trẻ vị thành niên. Hồi mười bốn tuổi, Lev lấy xe của bố tôi, lái tới Lillestrøm và trở về với một túi kẹo Twist mà anh ấy chôm được trong một cửa hàng ở nhà ga. Bố tôi không hề biết gì. Lev đưa chỗ kẹo cho tôi.”

Trond Grette dường như cố gượng cười. Cả ba đã ngồi xuống quanh bàn. Trond đã pha ca cao. Anh ta vừa đổ bột ca cao từ một cái hộp mà anh ta đứng nhìn trân trân hồi lâu. Có ai đó đã viết chữ CA CAO lên mặt lon thiếc bằng bút dạ. Nét chữ gọn ghẽ, mềm mại.

“Điều tệ nhất là lẽ ra Lev đã có thể thành người khá,” Trond nói. “Vấn đề của anh ấy là anh ấy chán mọi thứ rất nhanh. Mọi người bảo anh ấy là cầu thủ bóng đá giỏi nhất từng có ở Skeid trong bao năm trời, nhưng khi được chọn cho đội tuyển quốc gia thì anh ấy thậm chí còn chẳng thèm có mặt. Hồi mười lăm tuổi, anh ấy mượn một cây đàn ghi ta và hai tháng sau anh ấy đã biểu diễn những ca khúc do chính mình sáng tác ở trường rồi. Sau đó, anh ấy được một gã tên Waaktar rủ tham gia vào một ban nhạc ở Grorud, nhưng anh ấy lại từ chối vì họ không xứng tầm. Lev là loại người có thể làm được mọi việc. Lẽ ra anh ấy đã có thể học hành xong xuôi dễ như bỡn nếu anh ấy chịu làm bài tập về nhà và đừng trốn học nhiều quá.” Trond nhếch miệng cười buồn. “Anh ấy bảo tôi bắt chước chữ viết của anh ấy để làm bài luận hộ và trả cho tôi bằng những món đồ ăn trộm được, ít ra thì điểm môn tiếng Na Uy của anh ấy cũng được an toàn.” Trond bật cười, nhưng lấy lại vẻ nghiêm nghị ngay sau đó. “Rồi anh ấy lại chán đàn hát và bắt đầu giao du với một nhóm choai choai lớn hơn ở khu Årvoll. Lev dường như không bao giờ nghĩ có gì nguy hiểm khi buông bỏ những gì anh ấy có. Luôn luôn có thứ gì đó khác, thứ gì đó hay

ho hơn, thú vị hơn ở ngã rẽ tiếp theo.”

“Có thể điều này thật là ngớ ngẩn khi đem hỏi một cậu em, nhưng liệu anh có chắc là anh hiểu rõ anh trai mình không?” Harry hỏi.

Trond ngẫm nghĩ “Không, đó không phải là một câu hỏi ngớ ngẩn đâu. Đúng, chúng tôi lớn lên cùng nhau. Và đúng, Lev là người cởi mở, vui vẻ, và tất cả mọi người - con trai cũng như con gái - đều muốn được chơi với anh ấy. Nhưng thật ra Lev là một con sói cô độc. Có lần anh ấy bảo tôi rằng anh ấy chưa bao giờ có một người bạn thật sự, chỉ có người hâm mộ và bạn gái mà thôi. Có nhiều điều tôi không biết về Lev. Như khi anh em nhà Gausten tới gây lộn. Tụi nó có ba thằng và đều lớn hơn Lev. Tôi và những thằng nhóc khác trong khu hẽ thấy bóng chúng là chuẩn cho nhanh. Nhưng Lev vẫn ở yên chỗ cũ. Suốt năm năm trời, chúng đánh anh ấy như tử. Rồi một hôm, thằng lớn nhất trong ba anh em nhà đó - Roger - đi một mình. Chúng tôi chuẩn vội như mọi lần. Khi tôi núp trong góc của ngôi nhà đó ngó lại, tôi thấy Roger nằm ngửa ra đất, Lev cười trên người nó. Lev đè hai đầu gối xuống hai cánh tay Roger và cầm một cái que. Tôi lại gần để xem. Ngoại trừ hơi thở nặng nề, không một âm thanh nào phát ra từ cả hai. Đó là lúc tôi thấy Lev đã chọc cái que vào hốc mắt Roger.”

Beate ngo ngoáy trên ghế.

“Lev cực kỳ tập trung, như thể đang làm một việc gì đó đòi hỏi sự chính xác và cẩn thận ghê gớm. Anh ấy dường như đang cố gắng nạy cái con mắt đó ra. Roger máu chảy ròng ròng từ mắt xuống tai và nhỏ từ vành tai xuống mặt đường rải nhựa. Im lặng đến độ có thể nghe thấy cả tiếng máu rơi chạm xuống nền đất. Tách, tách, tách.”

“Lúc đó anh đã làm gì?” Beate hỏi.

“Tôi nôn thốc nôn tháo. Tôi chưa bao giờ chịu nổi cảnh tượng máu me; nó khiến tôi sây sẩm mặt mày và nôn nao.” Trond lắc đầu. “Lev thả cho Roger đi và về nhà cùng với tôi. Roger đã chữa lành con mắt, nhưng chúng tôi không

bao giờ còn nhìn thấy anh em nhà Gausten trong địa bàn của mình nữa. Nhưng tôi sẽ không quên được hình ảnh Lev cầm cái que đó. Trong những lúc như thế, tôi nghĩ ông anh của mình đôi khi có thể trở thành một người nào khác, một người mà tôi không biết, chỉ thỉnh thoảng bất chợt ghé thăm. Không may thay, sau lần đó, những chuyến ghé thăm như vậy ngày một thường xuyên hơn.”

“Anh đã nhắc đến chuyện anh ta từng định giết một người.”

“Đó là một buổi sáng Chủ nhật. Lev cầm theo một cái tua vít và một cái bút chì đập xe xuống cầu dành cho người đi bộ trên đường Ringveien. Các vị biết những cây cầu này phải không? Chúng hơi đáng sợ vì người ta phải đi trên những tấm lưới kim loại có lỗ hình vuông và nhìn xuống mặt đường nhựa cách bảy mét ở phía dưới. Như tôi đã nói, đó là một buổi sáng Chủ nhật, và không có nhiều người quanh đó. Anh ấy đã nói lỏng những cái đinh ốc của một trong những tấm lưới đó và để lại mỗi bên hai cái ốc cái bút chì ở trong cái góc phía dưới tấm lưới. Rồi anh ấy đợi. Đầu tiên, một người phụ nữ đi qua, trông như ‘vừa mới được phịch,’ anh ấy bảo vậy. Diện ngắt, tóc rối bù, chửi thề và khập khiễng trên đôi giày gót cao nhọn hoắt đã gãy.” Trond bật cười khe khẽ. “So với một thằng nhóc mười lăm thì Lev biết quá nhiều.” Anh ta cầm cốc đưa lên miệng và nhìn ra ngoài cửa sổ căn bếp với vẻ ngạc nhiên; một chiếc xe tải chở rác đã đỗ lại trước những thùng rác để ở phía sau mấy cái lồng sấy xoay. “Hôm nay là thứ Hai phải không?”

“Không,” Harry đáp, vẫn chưa đụng tới cốc nước của mình. “Chuyện gì đã xảy ra với cô gái đó?”

“Có hai lưới kim loại. Cô ta bước vào đường nằm ở bên trái. Xui xẻo, Lev bảo vậy. Anh ấy bảo anh ấy thích cô ta hơn gã kia. Rồi gã đàn ông xuất hiện. Gã đi về phía bên phải. Vì cái bút chì nằm trong góc của tấm lưới đã tháo lỏng cao hơn một chút so với những cái khác. Lev nghĩ rằng gã đã nhìn ra mối nguy hiểm nên càng tới gần, gã càng đi chậm lại. Đúng lúc gã định nhắc

bước cuối cùng thì dường như gã đã đóng băng trong không trung.”

Trond chậm rãi lắc đầu trong lúc quan sát chiếc xe tải kéo kẹt xước hết số phế thải trong toàn bộ khu nhà. “Khi gã hạ bàn chân xuống thì tấm lưới lập tức bung ra như một cái cửa lật. Các vị biết đấy, giống như những cái cửa lật người ta sử dụng trong những vụ treo cổ. Rơi xuống đường, người đàn ông đó bị gãy cả hai chân. Nếu đó không phải là sáng Chủ nhật thì hẳn là gã đã bị xe cán bẹp rồi. Xui xẻo, Lev bảo vậy.”

“Anh ta có nói thế với cảnh sát không?” Harry hỏi.

“Cảnh sát ư, có chứ,” Trond nói, nhìn chăm chăm vào trong cốc. “Hai ngày sau thì cảnh sát đến. Tôi ra mở cửa. Họ hỏi tôi có phải cái xe đạp bên ngoài là của người nào đó trong nhà tôi không. Tôi bảo đúng. Hóa ra đã có một nhân chứng nhìn thấy Lev đạp xe ra khỏi cái cầu đó và tả lại cái xe đạp cùng thằng nhóc mặc áo khoác màu đỏ. Vì vậy, tôi chỉ cho họ cái áo khoác chăn bông mà Lev đã mặc.”

“Anh ư?” Harry hỏi. “Anh tố giác chính anh trai mình sao?”

Trond thở dài. “Tôi bảo đó là xe đạp và áo khoác của tôi. Lev và tôi trông rất giống nhau.”

“Vì quái gì anh lại làm thế?”

“Tôi mới mười bốn tuổi, còn quá nhỏ để họ làm gì được. Là Lev thì ắt hẳn sẽ bị tổng vào trại giáo dưỡng nơi Roger Gausten từng vào.”

“Thế cha mẹ anh đã nói gì?”

“Họ có thể nói gì được chứ? Mọi người quen nhà tôi đều biết là Lev đã làm việc đó. Anh ấy chính là cái thằng khùng đã thó kẹo và ném đá, còn tôi là thằng em hiền lành, tử tế chịu khó làm bài tập về nhà và giúp đỡ các bà già sang đường. Về sau chuyện đó không bao giờ được nhắc đến nữa.”

Beate hắng giọng. “Việc anh nhận tội là ý của ai?”

“Của tôi. Tôi yêu quý Lev hơn bất cứ thứ gì trên đời. Nhưng vì vụ đó đã được khép lại nên giờ tôi mới nói ra. Và thực ra là...” Trond lại mỉm cười

thần thờ. “Đôi khi tôi cũng ước ao chính mình dám làm việc đó.”

Harry và Beate mân mê cốc nước của mình trong im lặng. Harry tự hỏi anh hay Beate sẽ là người hỏi. Nếu Ellen ở cạnh anh lúc này thì hẳn là họ đã biết bằng trực giác.

“Anh trai...?” Họ đồng thanh nói.

Trond chớp mắt nhìn cả hai.

Harry gật đầu ra hiệu với Beate.

“Anh trai anh hiện giờ sống ở đâu?” Cô hỏi.

“Lev... sống ở đâu ư?” Trond nhìn họ với vẻ bối rối.

“Vâng,” cô đáp. “Chúng tôi biết là anh ta đã đi vắng một thời gian rồi.”

Grette quay sang Harry. “Anh không nói rằng buổi gặp này là để nói về Lev.” Giọng anh ta có vẻ trách móc.

“Chúng tôi bảo chúng tôi muốn nói chuyện này chuyện kia,” Harry nói. “Chúng tôi đã hỏi xong chuyện này, giờ đến chuyện khác.”

Trond đứng bật dậy khỏi ghế, vớ lấy cái cốc, đi ra bồn rửa bát và đổ hết ca cao đi. “Nhưng Lev... dù sao thì anh ấy cũng là anh ấy thì dính dáng quái gì tới...?”

“Có lẽ là không có gì,” Harry nói. “Nếu có, chúng tôi muốn anh giúp loại anh ta ra khỏi danh sách điều tra của chúng tôi.”

“Anh ấy thậm chí còn không sống trong nước,” Trond rên lên, quay lại đối diện với họ.

Beate và Harry nhìn nhau.

“VẬY anh ta đang sống ở đâu?” Harry hỏi.

Trond lưỡng lự chính xác một phần mười giây rồi mới trả lời, “Tôi không biết.”

Harry quan sát chiếc xe tải chở rác màu vàng chạy qua bên ngoài. “Anh không giỏi nói dối lắm phải không?”

Trond đáp lại bằng cái nhìn dờ dẫm.

“Ừm,” Harry nói. “Có lẽ chúng tôi không thể mong đợi là anh sẽ giúp chúng tôi tìm ra anh trai anh. Mặt khác, chính vợ anh đã bị giết. Và chúng tôi có một nhân chứng đã chỉ ra rằng anh trai anh là kẻ giết người.” Anh ngược lên nhìn Trond lúc nói ra từ cuối cùng đó và thấy vết hằn của anh ta giật thót dưới làn da trắng xanh. Trong sự im lặng tiếp nối, họ có thể nghe thấy tiếng đài ở căn hộ kế bên.

Harry ho hắng. “Nếu có bất cứ điều gì anh có thể cho chúng tôi biết, chúng tôi sẽ vô cùng cảm kích.”

Trond lắc đầu.

Họ ngồi nán thêm vài phút rồi Harry đứng dậy. “Thôi được. Anh biết phải tìm chúng tôi ở đâu nếu anh nghĩ ra điều gì.”

Ra đến bậc thang bên ngoài căn hộ, Trond trông không có vẻ mệt mỏi như lúc họ mới đến. Harry ngược cặp mắt đỏ hoe lên nhìn vầng mặt trời đang lặn nhô ra giữa những đám mây.

“Tôi hiểu chuyện này không hề dễ dàng gì với anh, nhưng có lẽ đã đến lúc anh cởi cái áo khoác đỏ ra rồi.”

Grette không đáp lại, và cảnh cuối cùng họ nhìn thấy khi họ lái xe ra khỏi bãi đỗ xe là Grette đang đứng trên bậc cửa và mân mê chiếc nhẫn kim cương trên ngón út, và loáng thoáng một khuôn mặt rám nắng, nhăn nheo phía sau cửa sổ của nhà hàng xóm.

Đến tối, mây đã tan hết. Harry dừng lại đầu phố Dovregata trên đường từ quán Schrøder về nhà và ngược nhìn lên.

Những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời không trăng. Một trong số những đốm sáng đó là chiếc máy bay đang bay về hướng Bắc tới sân bay Gardermoen. Tinh vân Đầu ngựa thuộc chòm sao Thợ săn Orion. Tinh vân Đầu ngựa. Chòm sao Thợ săn.

Ai đã kể cho anh nghe chuyện này nhỉ? Có phải Anna không, anh tự hỏi. Về tới nhà anh bật ti vi lên để xem tin tức trên kênh NRK.

Mấy câu chuyện hùng tráng về đám lính cứu hỏa Mỹ. Anh tắt ti vi. Có tiếng đàn ông hét lên gọi tên một người đàn bà ở dưới phố, nghe có vẻ đang say. Harry lục túi áo tìm mẫu giấy anh ghi lại số mới của Rakel và phát hiện ra anh vẫn còn chiếc chìa khóa khắc hai chữ cái A.A. Anh bèn đặt cái chìa khóa đó vào sâu trong ngăn kéo trên chiếc bàn để điện thoại trước khi quay số. Không ai nghe máy. Khi điện thoại kêu, anh không chắc liệu đó có phải là cô không; thay vào đó, anh lại nghe tiếng Øystein trên đường dây rè rè.

“Bố khỉ, ở đây người ta lái xe khiếp thật!”

“Cậu không cần phải hét lên thế, Øystein.”

“Ở đây người ta đang định giết chết mẹ nó cái thằng tôi hay sao ấy! Tôi đã bắt taxi từ Sharm el-Sheikh tới đây. Một chuyến đi tuyệt vời, tôi nghĩ vậy - xuyên qua sa mạc, không có nhiều xe cộ lắm, đường thẳng băng. Trời, tôi nhầm to. Tôi có thể nói cậu hay chuyện tôi sống sót được quả là kỳ tích đấy. Mà lại còn nóng chảy mỡ! Mà cậu đã nghe tiếng bọn châu chấu ở đây chưa - lũ đế sa mạc ấy? Chúng cứ ra rả thứ âm thanh chói tai nhất quả đất. Xuyên thủng não luôn, kinh người. Nước ở đây mới tuyệt chứ. Tuyệt cú mèo! Trong vắt, chỉ hơi ngả xanh. Ấm ngang thân nhiệt, nên cậu sẽ không cảm thấy gì hết. Hôm qua tôi bước lên khỏi biển mà thậm chí còn không dám chắc là mình vừa xuống đó...”

“Quên cái vụ nhiệt độ nước biển đi, Øystein. Cậu đã tìm ra cái máy chủ đó chưa?”

“Rồi và chưa.”

“Thế là thế nào?”

Harry không có được câu trả lời. Rõ ràng là họ đã bị cắt ngang bởi một cuộc nói chuyện ở đầu dây bên kia. Harry nghe lồm bồm được mấy từ ‘sếp’ và ‘tiền’.

“Harry? Xin lỗi nhé, cái gã này hơi hoang tưởng. Tôi cũng thế. Trời nóng khủng khiếp, thật đấy! Nhưng tôi nghĩ là tôi đã tìm ra đúng cái máy chủ. Luôn có khả năng người ta đang tìm cách bịp tôi, nhưng ngày mai tôi sẽ xem tận mắt và gặp riêng lão chủ. Chỉ cần ba phút trên bàn phím là tôi sẽ biết nó có phải là cái máy ta tìm không. Và phần còn lại chỉ là vấn đề tiền. Tôi hy vọng là vậy. Mai gọi cho cậu nhé. Cậu phải thấy những con dao của dân Bedouin ở đây mới được...”

Tiếng cười của Øystein nghe giả tạo.

Việc cuối cùng Harry làm trước khi tắt đèn là tra cứu trên bách khoa toàn thư. Tinh vân Đầu ngựa là một đám mây đen. Không có nhiều thông tin về nó lắm, cũng như về chòm sao Thợ săn Orion, ngoại trừ nó được xem là một trong những chòm sao đẹp nhất. Orion là một nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, một Titan, và là thợ săn vĩ đại. Vị thần này bị Eos quyến rũ, khiến nữ thần Artemis nổi cơn thịnh nộ giết chết. Harry đi ngủ với cái cảm giác rằng có ai đó đang nghĩ về anh.

Sáng hôm sau, khi mở mắt ra, anh cảm thấy những ý nghĩ của mình tản mát khắp nơi, như những mảnh vụn và những hình ảnh loáng thoáng của những cảnh tượng đã gần như bị lãng quên. Tưởng như ai đó đã xới tung bộ não của anh lên, và những thứ chứa trong đó, vốn được sắp xếp gọn gàng trong các ngăn kéo và ngăn tủ, nay vung vãi khắp nơi. Hẳn là anh đã mơ. Điện thoại ngoài sảnh cứ kêu mãi. Harry bắt mình rời khỏi giường.

Lại là Øystein: anh ta đang ở trong văn phòng ở El Tor. “Chúng ta có rắc rối đây,” anh ta nói.

SÃO PAULO

Miệng Raskol nặn ra một nụ cười dịu dàng. Vì thế, không thể xác định liệu nó có thật sự dịu dàng hay không.

Harry đoán là không.

“Vây là anh có một người bạn ở Ai Cập đang tìm một số điện thoại,” Raskol nói. Harry không thể đoán ra ngữ điệu đó là mỉa mai hay thản nhiên.

“El Tor,” Harry nói, xoa lòng bàn tay lên tay vịn của chiếc ghế. Anh cảm thấy cực kỳ bất an. Không phải vì lại phải ngồi trong cái phòng tiếp khách vô trùng đó một lần nữa, mà là vì mục đích của anh. Anh đã xem xét mọi lựa chọn. Vay một khoản tiền cá nhân. Giải bày với Bjarne Møller. Bán chiếc Ford Escort cho cái ga ra nơi anh luôn phải đem nó đến sửa. Nhưng đây là cơ hội khả thi duy nhất, cách thức hợp lý duy nhất. Thật điên rồ.

“Số điện thoại đó không đơn giản là một số điện thoại,” Harry nói. “Nó sẽ dẫn chúng tôi tới chỗ khách hàng đã gửi email cho tôi. Cái email chứng tỏ hẳn biết nhiều chi tiết về cái chết của Anna, những chi tiết hẳn khó lòng biết được nếu như hẳn không có mặt ở đó ngay trước khi cô ấy chết.”

“Và gã bạn của anh bảo rằng chủ sở hữu của ISP đó đã đòi 60.000 bảng Ai Cập. Tức là?”

“Xấp xỉ 120.000 krone.”

“Mà anh nghĩ là tôi nên đưa cho anh?”

“Tôi chẳng nghĩ gì cả. Tôi chỉ đang kể cho ông hoàn cảnh là thế. Họ muốn tiền mà tôi thì không có.”

Raskol lướt một ngón tay dọc môi trên. “Tại sao đó lại là vấn đề của tôi, Harry? Chúng ta đã giao kèo với nhau và tôi đã thực hiện thỏa thuận của mình rồi còn gì.”

“Tôi sẽ thực hiện phần thỏa thuận của tôi, nhưng sẽ mất nhiều thời gian hơn nếu không có tiền.”

Raskol lắc đầu, giơ cả hai tay lên và nắm bắt gì đó mà Harry đoán là tiếng Di gan. Øystein tỏ ra tuyệt vọng trên điện thoại. Chắc chắn là họ đã tìm được

chính xác cái máy chủ đó, anh ta nói vậy. Nhưng anh ta đã tưởng tượng ra một món đồ cổ han gỉ trong một cái nhà kho, kêu lộc xộc nhưng vẫn chạy được, và một gã buôn ngựa đội khăn xếp muốn ba con lạc đà và một bao thuốc lá Mỹ. Nhưng thay vào đó, anh ta lại bước vào một văn phòng có máy lạnh nơi có gã Ai Cập trẻ măng, com lê cà vạt trắng nhìn anh ta chăm chăm qua cặp kính gọng bạc và hét cái giá ‘không mặc cả’, trả bằng tiền giấy không thể phát hiện ra và lời đề nghị chỉ có giá trị trong vòng ba ngày.

“Tôi đoán là anh đã cân nhắc những hậu quả nếu như chuyện lộ ra rằng anh đã nhận tiền từ một kẻ như tôi trong lúc làm nhiệm vụ?”

“Tôi đâu có làm nhiệm vụ,” Harry nói.

Raskol xoa lòng bàn tay lên tai. “Tôn Tử bảo rằng nếu anh không kiểm soát mọi chuyện đang diễn ra thì chúng sẽ kiểm soát anh. Anh không kiểm soát được mọi chuyện, Spiuni. Thế có nghĩa rằng anh đã sai lầm. Mà tôi thì không thích những kẻ mắc sai lầm. Vì thế, tôi có một đề nghị thế này. Chúng ta sẽ đơn giản hóa cho cả đôi bên. Anh cho tôi biết tên của gã đó và tôi sẽ lo nốt phần còn lại.”

“Không!” Harry đập tay đánh chát xuống mặt bàn. “Tôi không muốn hăn bị tấn bởi một trong số những gã đâm thuê chém mướn của ông. Tôi muốn hăn phải bóc lịch trong tù.”

“Anh làm tôi ngạc nhiên đấy, Spiuni. Nếu tôi hiểu chính xác về anh thì anh đã ở vào vị trí nhạy cảm rồi. Tại sao không để cho công lý được thực thi đủ một cách ít đau buồn nhất có thể?”

“Không giết người để trả thù. Chúng ta đã thỏa thuận như vậy.”

Raskol mỉm cười. “Anh đúng là một gã cứng đầu, Hole ạ. Tôi thích thế. Và tôi tôn trọng thỏa thuận. Nhưng lúc này anh đang bắt đầu làm hỏng việc rồi đấy. Làm sao tôi chắc chắn được đó chính là kẻ đã giết Anna?”

“Ông đã có cơ hội để kiểm tra xem chiếc chìa khóa tôi tìm thấy trong nhà gỗ của anh ta có giống với chiếc chìa của Anna không?”

“Và giờ anh lại tới tìm tôi xin giúp đỡ. Vậy thì anh phải trả thêm cho tôi chứ.”

Harry nuốt khan. “Khi tôi thấy Anna, cô ấy đã nhét một tấm ảnh trong giày của cô ấy.”

“Tiếp đi.”

“Tôi nghĩ là cô ấy đã tìm cách nhét nó vào đó trước khi tên giết người bắn cô ấy. Đó là tấm ảnh chụp gia đình tên giết người.”

“Chỉ có thể thôi sao?”

“Đúng thế.”

Raskol lắc đầu, nhìn Harry rồi lại lắc đầu.

“Tôi không biết ai mới là kẻ ngu ngốc nhất ở đây. Anh, vì đã để cho bạn mình lừa bịp. Bạn anh, kẻ nghĩ rằng hắn có thể trốn được sau khi đã cuồn tiền của tôi.” Hắn thở dài sườn sượt. “Hay tôi, vì đã đưa tiền cho anh.”

Harry nghĩ là anh sẽ cảm thấy sung sướng hoặc ít ra là nhẹ nhõm. Trái lại, anh chỉ cảm thấy ruột gan thắt lại thêm. “Vậy ông cần biết gì?”

“Chỉ cần tên của gã bạn anh và ngân hàng ở Ai Cập nơi hắn muốn rút tiền.”

“Một tiếng nữa ông sẽ có.” Harry đứng dậy.

Raskol xoa cổ tay như thể vừa tháo còng ra. “Tôi hy vọng là anh không nghĩ rằng anh đã hiểu được tôi, Spiuni.” Hắn nói nhỏ, không hề ngược nhìn lên.

Harry khựng lại. “Ý ông là gì?”

“Tôi là người Di gan. Thế giới của tôi là một thế giới đảo ngược. Anh có biết Chúa trong tiếng Di gan là gì không?”

“Không.”

“Devel. Quỷ. Kỳ lạ, phải không? Khi anh bán linh hồn mình đi, nên biết kẻ mua nó là ai, Spiuni ạ.”

Halvorsen nghĩ rằng trông Harry có vẻ kiệt sức.

“Định nghĩa từ ‘kiệt sức’ xem nào,” Harry nói, tựa lưng vào chiếc ghế trong phòng làm việc của anh. “Hay, đúng ra là, đừng có định nghĩa.”

Khi Halvorsen hỏi Harry mọi chuyện tiến triển thế nào rồi và Harry lại bảo anh ta định nghĩa từ ‘tiến triển’ thì Halvorsen đành thờ dài mà rời khỏi văn phòng, đi thử vận may với Elmer.

Harry bấm số điện thoại mà Rakel đã cho anh, nhưng lại nghe thấy cái giọng Nga mà anh đoán là đại khái đang bảo anh đã nhầm số. Vì vậy, anh gọi cho Bjarne Møller và cố gắng gây ấn tượng với sếp rằng anh không đi nhầm hướng. Møller nghe có vẻ không tin lắm.

“Tôi muốn nghe tin tức tốt lành, Harry ạ. Đừng có báo cáo là anh đã sử dụng thời gian của mình như thế nào.”

Beate đi vào để báo rằng cô vừa xem cuộn băng thêm mười lần nữa và cô không còn nghi ngờ gì rằng Kẻ Hành quyết và Stine Grette biết nhau. “Tôi nghĩ rằng câu cuối cùng mà hắn nói với cô ta là cô ta sẽ chết. Anh có thể nhìn thấy điều đó trong mắt cô ta. Vừa thách thức lại vừa sợ hãi, giống y như trong những bộ phim chiến tranh mà anh thấy những chiến sĩ kháng chiến xếp hàng chờ bị bắn ấy.”

Ngừng.

“Này?” Cô huơ huơ tay trước mặt anh. “Trông anh có vẻ kiệt sức.”

Anh bèn gọi cho Aune.

“Harry đây. Người ta thường phản ứng thế nào khi biết là họ sắp bị hành quyết?”

Aune cười khùng khục. “Họ tập trung,” Ông ta nói. “Vào thời gian.”

“Và sợ hãi? Sợ đến quần trí?”

“Còn tùy. Kiểu hành quyết mà anh đang nói tới là kiểu gì?”

“Hành quyết trước mặt nhiều người. Trong một ngân hàng.”

“Hiếu rồi. Hai phút nữa tôi sẽ gọi lại cho anh.”

Harry nhìn đồng hồ trong lúc chờ đợi. Mất đúng 120 giây.

“Quá trình chết đi, rất giống với quá trình sinh ra, là một chuyện rất riêng tư,” Aune nói. “Lý do những người ở vào hoàn cảnh đó, theo bản năng, sẽ mong muốn được ẩn nấu không phải chỉ vì họ cảm thấy dễ bị tấn công về thể xác. Chết trước mặt những người khác, như trong một vụ hành quyết công khai, là một đòn trừng phạt gấp đôi vì nó là sự sỉ nhục nổi nhục nhã của nạn nhân theo cách tàn bạo nhất có thể tưởng tượng ra được. Đó là một trong những lý do những vụ hành quyết công khai được xem là có hiệu quả răn đe người dân lớn hơn so với việc hành quyết trong nhà tù không ai hay biết. Tuy nhiên, người ta vẫn có một số chiều cố như bắt buộc người hành quyết phải đeo mặt nạ. Đó không phải là để che giấu danh tính của người hành quyết như nhiều người tưởng - vì ai chẳng biết đó là một đồ tể hoặc một thợ bện dây thừng ở địa phương. Đeo mặt nạ là vì kẻ bị kết án, để hắn không cảm thấy một người xa lạ đứng quá gần mình vào khoảnh khắc hắn chết.”

“Ừm. Tên cướp này cũng đeo mặt nạ.”

“Cách sử dụng mặt nạ là cả một lĩnh vực trong nghiên cứu tâm lý đấy. Ví dụ như, quan niệm hiện đại cho rằng đeo mặt nạ sẽ tước mất tự do của chúng ta có thể đã bị đảo ngược hoàn toàn. Mặt nạ có thể làm mất nhân cách theo một cách lại đem đến sự tự do. Nếu không thì, theo anh, sự nở rộ những vũ hội hóa trang thời Victoria là do đâu? Hoặc là việc sử dụng mặt nạ trong các trò chơi ân ái? Mặt khác, đương nhiên một tên cướp ngân hàng đeo mặt nạ vì nhiều lý do tầm thường hơn.”

“Có lẽ vậy.”

“Có lẽ vậy ư?”

“Tôi không biết,” Harry thở dài. “Có vẻ như anh...”

“Đang mệt. Gặp lại ông sau.”

Vị trí của Harry trên trái đất từ từ dịch chuyển ra xa mặt trời và chiếu ngày càng tối sớm. Những trái chanh bày bên ngoài cửa tiệm của Ali phát sáng như những ngôi sao màu vàng nhỏ bé, và một làn mưa bụi lặng lẽ rơi trong lúc Harry thả bộ trên phố Sofies. Anh dành cả buổi chiều hôm đó để thu xếp việc chuyển tiền đến El Tor. Việc đó cũng không khó khăn cho lắm. Anh đã nói chuyện với Øystein, lấy số hộ chiếu của anh ta cộng với địa chỉ của cái ngân hàng cạnh khách sạn anh ta ở và gọi điện báo thông tin đó cho tờ nội san của nhà tù có tên là Bóng ma Trở lại, nơi Raskol đang viết một bài về Tôn Tử. Rồi vấn đề còn lại chỉ là chờ đợi.

Harry về đến cửa và đang định tìm chìa khóa thì nghe thấy tiếng chân bước nhẹ trên vỉa hè sau lưng anh. Anh không quay lại.

Cho đến khi nghe thấy tiếng gầm gừ nho nhỏ.

Thật ra thì anh cũng chẳng ngạc nhiên. Nếu đun nóng một cái nồi áp suất thì người ta biết sớm muộn gì cũng có chuyện xảy ra.

Cái mặt của con chó đen như bóng đêm và tương phản với hàm răng đang nhe ra trắng ớn. Ánh sáng yếu ớt từ chiếc đèn chụp phía trên cánh cửa hắt vào một dòng nước dãi vẫn còn dính vào một cái răng nanh to tướng làm nó lóe sáng.

“Ngồi xuống!” Một giọng nói quen thuộc vang lên từ trong bóng tối dưới lối vào ga ra ở phía bên kia của con phố hẹp, tĩnh lặng. Con chó giống Rottweiler ngằn ngừ hạ thấp cái phần thân sau đồ sộ, vạm vỡ lên mặt đường ẩm ướt, nhưng cặp mắt nâu sáng quắc của nó, thứ khác xa với cái gọi là ‘mắt cún’ nhất mà người ta có thể tưởng tượng ra, thì không rời Harry.

Bóng của cái mũ che khuất khuôn mặt của người đàn ông đang tiến lại gần. “Chào anh, Harry. Sợ chó hả?”

Harry nhìn xuống bộ hàm đỏ lòm trước mặt anh. Một mẫu chuyện vật

vĩnh nào đó chỉ hiện lại trong óc anh. Người La Mã đã từng sử dụng tổ tiên của giống chó Rottweiler này trong cuộc chinh phục châu Âu. “Không, anh muốn gì?”

“Cho anh một đề nghị. Một đề nghị mà anh... cụm từ đó là gì nhỉ?”

“Được rồi, cứ nói tôi nghe đề nghị của anh đi, Albu.”

“Thỏa ước ngừng bắn.” Arne Albu hất cái lưỡi trai của chiếc mũ lên. Anh ta cố gắng nở nụ cười trẻ con, nhưng nó không trơn tru như lần trước. “Anh tránh xa tôi, và tôi sẽ tránh xa anh.”

“Hay đấy. Và anh định làm gì tôi, Albu?”

Albu hất đầu về phía con chó giống Rottweiler, không phải đang ngồi mà là ngồi xổm sẵn sàng tấn công. “Tôi có cách của tôi. Và tôi chẳng đến nỗi thiếu tiềm lực.”

“Ừm.” Harry vỗ vào túi áo khoác để tìm thuốc lá, nhưng dừng lại khi nghe thấy tiếng gầm gừ trở thành hăm dọa. “Trông anh mệt mỏi quá rồi, Albu. Có phải việc chạy trốn đã khiến anh kiệt sức không?”

Albu lắc đầu. “Không phải tôi chạy trốn, Harry. Mà là anh.”

“Vậy ư? Những lời đe dọa mơ hồ với một sĩ quan cảnh sát ở một nơi công cộng. Tôi gọi đó là những dấu hiệu của sự mệt mỏi. Tại sao anh không muốn chơi thêm nữa?”

“Chơi ư? Anh coi chuyện này như vậy à? Một trò gieo súc sắc với số phận của con người?”

Harry nhìn thấy sự giận dữ trong ánh mắt của Albu. Có cả điều gì khác nữa. Quai hàm của anh ta hết siết lại dần và những mạch máu ở hai bên thái dương và trán lồi lên. Đó là sự tuyệt vọng.

“Anh có biết mình vừa làm gì không?” Anh ta nói, gần như thì thầm, không còn buồn cố gắng mỉm cười nữa. “Cô ấy đã... bỏ tôi. Cô ấy đã đưa cả lũ trẻ theo. Vì một vụ ngoại tình còn con. Anna không còn có nghĩa lý gì với tôi nữa.”

Arne Albu đứng sát lại gần Harry. “Tôi gặp Anna khi một người bạn đưa tôi đi xem triển lãm tranh của anh ta và tình cờ cô ta có một buổi triển lãm riêng ở đó. Tôi mua hai bức tranh của cô ta, tôi không thật sự hiểu tại sao. Tôi bảo mua cho văn phòng. Đương nhiên là chúng chẳng bao giờ được treo ở bất cứ đâu cả. Hôm sau, khi tôi đến lấy hai bức tranh đó về, tôi và Anna tự nhiên lại trò chuyện, và đột nhiên tôi lại mời cô ta đi ăn trưa. Rồi đi ăn tối. Và hai tuần sau là một chuyến đi nghỉ cuối tuần ở Berlin. Mọi chuyện vượt quá tầm kiểm soát. Tôi bị mắc kẹt và thậm chí không thêm cố gắng giải thoát cho mình. Cho đến tận lúc Vigdis phát hiện ra và dọa sẽ bỏ tôi.”

Giọng anh ta bắt đầu run rẩy.

“Tôi đã hứa với Vigdis đó chỉ là chuyện xảy ra một lần, một si mê ngu ngốc mà bọn đàn ông tầm tuổi tôi thỉnh thoảng đeo đuổi khi gặp một người phụ nữ trẻ. Cô ta khiến họ nhớ lại thời thanh xuân. Trẻ trung, mạnh mẽ và độc lập. Nhưng họ thì không còn được như vậy nữa. Kém nhất là độc lập. Khi nào anh có con, anh sẽ hiểu...”

Giọng anh ta đuối dần và anh ta thở nặng nhọc. Anh ta dứt hai tay sâu vào túi áo khoác và nói tiếp.

“Anna là một người tình mãnh liệt. Mãnh liệt đến gần như dị thường. Cứ như thể cô ta không bao giờ có thể buông ra. Tôi đã phải dứt áo ra đi theo đúng nghĩa đen; cô ta đã xé rách một cái áo khoác của tôi khi tôi cố gắng ra khỏi cửa. Tôi nghĩ là anh hiểu điều tôi nói. Cô ta từng kể với tôi về tình cảnh của mình sau khi chia tay anh. Cô ta đã gần như vỡ vụn.”

Harry sững sốt đến mức không đáp lại được gì.

“Nhưng có lẽ là tôi thấy thương hại cô ta,” Albu nói tiếp. “Nếu không thì tôi đã không đồng ý gặp lại. Tôi đã nói rất rõ ràng rằng chuyện giữa chúng tôi đã chấm dứt, nhưng cô ta bảo chỉ muốn trả lại cho tôi vài thứ. Tôi không biết anh sẽ đến và phá hỏng mọi chuyện. Khiến nó trông như thể chúng tôi đã... tiếp nối từ chỗ chúng tôi chấm dứt.” Anh ta cúi đầu. “Vigdis không tin tôi. Cô

ấy bảo cô ấy sẽ không bao giờ có thể tin tôi nữa. Không một lần nào nữa.”

Albu ngẩng mặt lên và Harry nhìn thấy nỗi tuyệt vọng trong mắt anh ta. “Anh đã lấy mất cái duy nhất tôi có, Hole. Họ là tất cả những gì tôi còn lại. Tôi không biết liệu có thể lấy lại được nữa hay không.” Mặt anh ta biến dạng vì đau đớn.

Harry nghĩ tới cái nôi áp suất. Sắp đến lúc rồi.

“Cơ hội duy nhất mà tôi có là nếu anh... nếu anh không...”

Harry phản ứng theo bản năng khi thấy bàn tay của Albu chuyển động bên trong túi áo khoác. Anh đá vào mặt bên đầu gối anh ta, làm anh ta khuỵu xuống vỉa hè. Harry vung căng tay quật thẳng vào mặt con Rottweiler khi nó lao tới tấn công; anh nghe thấy tiếng vải bị xé rách và cảm thấy những cái răng xuyên thủng da, cắm vào thịt mình. Anh hy vọng là cái hàm của con chó sẽ bị vướng vào đó, nhưng con vật ranh ma khốn kiếp đó lại nhả ra. Harry nhắm vào một mảng thịt để hờ đen sì mà đá nhưng lại trượt. Anh nghe thấy móng chân nó cào roẹt một cái trên mặt đường nhựa khi nó lao tới và nhìn thấy hàm răng của nó há hoác ra để tợp anh. Có ai đó từng bảo anh rằng giống chó Rottweiler này, từ khi chưa đầy ba tuần tuổi, đã biết rõ rằng cách giết người hiệu quả nhất là xé rách cổ họng, và lúc này cổ máy bằng thịt bảy mươi cân đó đã vọt qua hai cánh tay anh. Harry lợi dụng sức đẩy của cú đá tạo ra để xoay một vòng. Nhờ vậy, khi bộ răng của con chó khép lại thì không phải trên họng anh mà là trên gáy. Nói vậy không có nghĩa là anh đã thoát nạn. Anh vớ ra sau và dùng một tay túm chặt hàm trên còn tay kia túm chặt hàm dưới, dùng hết sức bình sinh để kéo.

Tuy nhiên, thay vì nhả ra, bộ hàm đó lại cắm sâu thêm vài mi li mét nữa vào gáy anh. Những khúc gân và các cơ hàm của con chó rắn như thép. Harry chạy giật lùi và xô mạnh vào tường. Anh nghe thấy xương sườn của con chó gãy rắc, nhưng bộ hàm thì nhất quyết không chịu nhả ra. Anh cảm thấy kinh hãi. Anh đã từng nghe kể về chuyện những bộ hàm ngậm chặt, về loài linh

cầu với bộ hàm ngoạm chặt lấy cổ họng của một con sư tử đực rất lâu sau khi bị những con sư tử cái xé xác làm trăm mảnh. Anh cảm thấy máu nóng chảy xuống lưng bên trong chiếc áo thun và nhận thấy mình đã ngã khụy xuống.

Phải chăng mọi thứ đang bắt đầu mất hết cảm giác? Mọi người đâu hết cả rồi? Phố Sofies vốn vắng vẻ, nhưng Harry nghĩ anh chưa từng thấy nó hoang vắng như lúc này. Anh chợt nhận ra là mọi chuyện đã diễn ra trong yên lặng, không một tiếng la hét, không một tiếng sữa, chỉ có tiếng thịt va vào thịt và thịt bị xé rách. Anh cố hét lên, nhưng không thốt ra nổi một tiếng.

Thị lực của anh bắt đầu tối lại ở hai bên rìa. Anh biết một động mạch đang bị chèn ép và anh đang rơi vào trạng thái thị trường hình ống vì não không nhận được đủ máu. Những quả chanh rực rỡ bên ngoài cửa hiệu của Ali đang mất dần vẻ rực rỡ của nó. Có gì đó màu đen, bằng phẳng, ẩm ướt và răn đánh lao tới gần và nổ tung trên mặt anh. Anh nếm thấy sỏi. Xa xa, anh nghe thấy giọng Albu gọi, “Đi thôi!”

Sự chèn ép xung quanh gáy anh bỗng dịu hẳn. Vị trí của Harry trên mặt đất từ từ dịch chuyển ra xa khỏi mặt trời và đến lúc tối đen như mực thì anh nghe thấy ai đó hỏi. “Anh còn sống không? Anh có nghe thấy tôi nói không?”

Rồi một tiếng thép khua lạch cạch sát tai anh. Những bộ phận của súng. Có người đang lên cò.

“Ừa...” Anh nghe thấy một tiếng rên trầm và tiếng chất nôn rơi toẹt xuống mặt đường. Thêm nhiều tiếng lạch cạch nữa. Chốt an toàn đang được tháo ra... Vài giây nữa thôi mọi chuyện sẽ chấm dứt. Cảm giác là như vậy. Không tuyệt vọng - không sợ hãi - thậm chí không cả hối tiếc. Chỉ thấy nhẹ nhõm. Chẳng có gì nhiều mà để lại. Albu đang thông thả. Đủ để Harry nhận ra rốt cuộc là anh vẫn còn gì đó. Một thứ anh để lại. Anh hít căng phổi. Mạng lưới mạch máu hấp thụ ôxy và bơm nó lên não.

“Nào, được rồi...” Giọng nói đó cất lên, nhưng ngừng bật khi cú đâm của Harry phóng trúng họng.

Harry quỳ dậy. Anh đuối sức lắm rồi. Anh đã cố gắng tinh táo trong lúc chờ đợt tấn công cuối cùng. Một giây trôi qua. Rồi hai giây. Ba giây. Mùi bãi nôn xộc lên mũi anh phát lợm.

Những ngọn đèn đường phía trên đầu anh trở nên rõ ràng hơn. Con phố không người. Vắng tanh. Ngoại trừ một người đàn ông đang nằm bên cạnh anh, khoác cái áo chăn bông màu xanh và có vẻ như là cái áo ngủ lòi ra ở cổ, đang ho sặc sụa. Ánh sáng lóe lên trên bề mặt kim loại. Đó không phải súng, là bật lửa. Tới lúc này Harry mới nhận ra người đàn ông đó không phải Arne Albu. Đó là Trond Grette.

Với một tách trà bỏng giấy trên tay, Harry ngồi đối diện với Trond bên bàn ăn, lúc này vẫn còn thở hổn hển và khò khè, cặp mắt trở hoảng hốt như lồi bật ra khỏi tròng. Về phần mình, anh cũng chóng mặt buồn nôn, và những vết thương trên gáy nhức nhối như phải bỏng.

“Uống đi,” Harry nói. “Trong đó pha nhiều chanh lắm đấy. Nó sẽ làm tê liệt các cơ và xoa dịu chúng để anh thở dễ dàng hơn.”

Trond làm theo. Trước sự kinh ngạc của Harry, ly nước đó dường như có tác dụng thật sự. Chỉ sau vài ngụm nước và hai cơn ho, gò má nhợt nhạt của Trond đã dần dần hồng hào trở lại.

“Troakiqua,” anh ta khò khè.

“Gì cơ?” Harry ngồi thụt sâu vào trong chiếc ghế còn lại trong bếp.

“Trông anh kinh quá.”

Harry mỉm cười và sờ cái khăn anh đã quấn quanh cổ. Nó đã ướt đầm máu.

“Có phải vì vậy mà anh bị nôn không?”

“Không chịu được khi nhìn thấy máu,” Trond nói. “Tôi cứ...” Anh ta đảo mắt.

“Ừm, lẽ ra chuyện sẽ còn tệ hơn nữa cơ. Anh đã cứu nguy cho tôi.”

Trond lắc đầu. “Lúc thấy anh tôi ở cách khá xa. Tôi chỉ hô lên. Tôi không chắc có phải vì thế mà hấn gọi con chó đi không. Xin lỗi vì tôi đã không nhìn biển số xe, nhưng tôi thấy chúng leo lên một chiếc xe Jeep Cherokee để chuồn.”

Harry xua tay gạt đi. “Tôi biết hấn là ai.”

“VẬY Ừ?”

“Hấn đang bị điều tra. Nhưng có lẽ tốt hơn hết là anh nên nói cho tôi biết anh làm gì mà lại loanh quanh ở đây, Grette.”

Trond Grette ngo ngoáy không yên với tách trà. “Với vết thương như thế thì anh dứt khoát phải tới phòng cấp cứu đi.”

“Tôi sẽ xem xét chuyện đó. Anh đã suy nghĩ chút nào kể từ cuộc nói chuyện lần trước của chúng ta chưa?”

Trond chậm rãi gạt đầu.

“VẬY anh đã có kết luận thế nào?”

“Tôi không thể giúp anh ấy thêm nữa.” Thật khó để Harry xác định xem có phải chỉ là vì cái thanh quản đang đau mà Trond thì thào cái câu cuối cùng đó không.

“VẬY thì anh trai anh đang ở đâu?”

“Tôi muốn anh nói với anh ấy rằng tôi chính là người đã báo cho anh. Anh ấy sẽ hiểu.”

“ĐƯỢC.”

“Porto Seguro.”

“Ờ.”

“Một thành phố ở Brazil.”

Harry nhăn mũi. “Tốt. Làm thế nào chúng ta tìm được anh ta ở đó?”

“Anh ấy chỉ nói với tôi là anh ấy có một căn nhà ở đó. Anh ấy không chịu cho địa chỉ, chỉ có số điện thoại thôi.”

“Tại sao? Anh ta có bị truy nã đâu.”

“Tôi không biết địa chỉ có đúng không.” Trond nhấp ngụm nữa. “Dù thế nào thì anh ấy cũng bảo là sẽ tốt hơn nếu tôi không biết địa chỉ.”

“Ừm. Thành phố đó có rộng không?”

“Lev bảo chừng một triệu dân.”

“Được rồi. Anh không có thông tin nào khác nữa hả? Những người khác biết anh ta và có thể có địa chỉ của anh ta?”

Trond do dự rồi gật đầu.

“Cứ nói đi,” Harry nói.

“Lần gặp nhau ở Oslo vừa rồi, Lev và tôi đi uống cà phê. Anh ấy bảo là cà phê ở đây còn tệ hơn mọi khi. Bảo anh ấy đã bắt đầu uống cafezinho ở một ahwa địa phương.”

“Ahwa ư? Đó là một quán cà phê kiểu Ả Rập phải không?”

“Chính xác. Cafezinho là một biến thể đậm đặc theo kiểu Brazil của loại cà phê đen. Lev bảo rằng ngày nào anh ấy cũng tới đó. Uống cà phê, hút hookah và chơi cờ đô mi nô với ông chủ quán người Xyri, họ gần như chơi thân với nhau. Tôi nhớ tên ông ta là Muhammed Ali. Giống tên của gã võ sĩ quyền Anh.”

“Và năm mươi triệu người Ả Rập khác. Anh trai anh có nói đó là quán cà phê nào không?”

“Chắc là có, nhưng tôi lại không nhớ. Nhưng ở Brazil chắc không thể có quá nhiều ahwa chứ?”

Có lẽ vậy, Harry nghĩ. Chắc chắn là một manh mối cụ thể để lần theo rồi. Anh định đưa một bàn tay lên trán, nhưng ngay khi anh cố gắng giơ bàn tay lên thì cổ anh đau nhói.

“Câu hỏi cuối cùng, Grette. Điều gì khiến anh quyết định nói với tôi chuyện này?”

Tách trà của Trond lượn mấy vòng. “Tôi biết anh ấy đã về Oslo.”

Harry bỗng cảm thấy chiếc khăn trên cổ anh chẳng khác nào một sợi thừng nặng trĩu. “Sao anh biết?”

Trond gãi cằm một lúc lâu mới trả lời. “Chúng tôi đã không nói chuyện hơn hai năm nay. Đột nhiên, anh ấy gọi cho tôi và bảo là đang ở trong thành phố. Chúng tôi đã gặp nhau ở một quán cà phê và nói chuyện rất lâu. Thế mới có chuyện cà phê cà pháo đó.”

“Chuyện đó xảy ra lúc nào?”

“Ba ngày trước vụ cướp.”

“Hai người đã nói chuyện gì?”

“Mọi chuyện. Nhưng chẳng có gì quan trọng. Khi người ta đã biết nhau lâu như chúng tôi thì những chuyện lớn thường trở nên lớn đến độ chúng tôi lại chỉ toàn nói chuyện vặt. Bọn tôi nói về... những bông hồng của ông già, kiểu vậy.”

“Chuyện lớn kiểu như thế nào?”

“Những chuyện đã làm mà tốt nhất là không nên làm. Và những gì đã nói mà tốt nhất là không nên nói.”

“Cho nên các anh quay ra nói về hoa hồng hả?”

“Tôi chăm sóc những khóm hồng khi chỉ còn lại tôi và Stine ở trong căn nhà đó. Đó là nơi Lev và tôi đã lớn lên. Đó cũng là nơi tôi muốn các con tôi lớn lên.” Anh ta cắn môi dưới. Cái nhìn của anh ta dán vào mảnh vải dầu màu nâu và trắng; mảnh vải đó là kỷ vật duy nhất mà Harry đem theo khi mẹ anh mất.

“Anh ta không dả động gì tới vụ cướp sao?” Trond lắc đầu.

“Anh biết là lúc đó thì vụ cướp ắt hẳn đã phải được lên kế hoạch xong xuôi rồi. Rằng ngân hàng của vợ anh sẽ bị tấn công?”

Trond thở dài sườn sượt. “Nếu vậy thì tôi đã biết trước và ngăn chặn được nó rồi. Anh thấy đấy, Lev rất khoái kể cho tôi nghe về những vụ cướp ngân hàng của anh ấy. Anh ấy đã kiếm được các cuốn băng ghi hình mà anh ấy cất

giữ trên gác xép ở Disengrenda, và thỉnh thoảng lại bắt tôi xem cùng. Để thấy anh ấy là một ông anh thông minh cỡ nào. Khi tôi lấy Stine và bắt đầu đi làm, tôi đã nói rõ là tôi sẽ không nghe thêm bất cứ kế hoạch nào của anh ấy nữa. Chuyện đó khiến tôi rơi vào tình thế nhạy cảm.”

“Ừm. Vậy là anh ta không hề biết Stine làm việc ở ngân hàng đó?”

“Tôi đã kể với Lev là cô ấy làm cho ngân hàng Nordea, nhưng tôi nghĩ là không nói chi nhánh nào.”

“Nhưng họ biết nhau chứ?”

“Đúng, họ có gặp nhau vài lần. Vài lần họp mặt gia đình. Lev chưa bao giờ thích thú những chuyện kiểu vậy.”

“Quan hệ giữa họ thế nào?”

“À, khi nào muốn thì Lev có thể rất dễ mến.” Trond mỉm cười giấu cợt. “Như tôi đã nói, chúng tôi chia nhau một bộ gien. Tôi mừng là anh ấy còn buồn nghĩ tới chuyện phô ra những gì tốt đẹp với Stine. Và bởi vì tôi đã bảo trước với cô ấy rằng Lev có thể cư xử với những người anh ấy không ưa như thế nào, nên cô ấy thấy vừa lòng lắm. Lần đầu tiên cô ấy tới nhà tôi chơi, Lev đã đưa cô ấy đi một vòng quanh khu và chỉ cho cô ấy thấy những nơi mà anh em tôi thường chơi đùa hồi nhỏ.”

“Nhưng không có cái cầu dành cho người đi bộ đấy chứ?”

“Không, không có.” Trond trầm ngâm nâng hai bàn tay lên và nhìn chúng. “Nhưng chớ tin rằng đó là vì anh ấy. Lev cực kỳ thích kể về những chuyện xấu mà anh ấy đã làm. Đó là vì anh ấy biết tôi không muốn cô ấy biết tôi có một ông anh như vậy.”

“Ừm. Anh chắc là không phải mình đang vẽ ra một bức tranh cao quý hơn về ông anh trai so với những gì anh ta xứng đáng đấy chứ?”

Trond lắc đầu. “Lev có cả mặt tối lẫn mặt sáng. Giống như tất cả chúng ta thôi. Anh ấy sẵn sàng chết cho người mình yêu quý.”

“Nhưng không phải trong tù?”

Trond mở miệng định nói, nhưng chẳng thốt ra được câu trả lời nào. Da bên dưới một bên mắt giật giật. Harry thở dài, rồi khó nhọc đứng dậy. “Tôi phải gọi taxi đi cấp cứu.”

“Tôi có xe đây,” Trond nói.

Tiếng động cơ ro ro. Harry nhìn đắm đắm lên những ngọn đèn đường đang lướt qua trên nền trời đêm đen thẫm bảng điều khiển trong xe và chiếc nhẫn kim cương trên ngón út của Trond chốc một lại lóe lên trong lúc anh ta giữ vô lăng.

“Anh đã nói dối về chiếc nhẫn anh đang đeo,” Harry thì thào. “Viên kim cương nhỏ thế kia làm gì có giá tới ba mươi nghìn. Tôi đoán nó chỉ chừng năm nghìn và anh đã mua cho Stine tại một cửa hiệu kim hoàn ở Oslo này. Phải không?”

Trond gật đầu.

“Anh gặp Lev ở São Paulo, phải không. Và số tiền đó là để đưa cho anh ta.” Trond gật đầu.

“Đủ để anh ta sống tiếp,” Harry nói. “Đủ để mua vé máy bay khi anh ta quyết định quay về Oslo làm một vụ nữa.”

Trond không đáp.

“Lev vẫn đang ở Oslo,” Harry thì thào. “Tôi muốn có số di động của anh ta.”

“Anh biết sao không?” Trond thận trọng rẽ phải vào khu Alexander Kiellands. “Đêm qua tôi nằm mơ thấy Stine hiện về nói chuyện với tôi. Cô ấy ăn mặc như một thiên thần. Không giống một thiên thần thật sự, nhưng ăn mặc như trong lễ hội hóa trang. Cô ấy bảo thiên đàng không phải là chỗ của cô ấy. Và khi tỉnh dậy, tôi nghĩ ngay tới Lev. Tôi nhớ tới cảnh anh ấy ngồi trên rìa mái một tòa nhà trong trường, hai chân thả xuống đung đưa trong lúc chúng tôi vào giờ học tiếp theo. Anh ấy chỉ là một cái chấm nhỏ, nhưng tôi nhớ lúc ấy mình nghĩ gì. Đó là chỗ của anh ấy.”

PHẦN IX

TIỀN BOA

Có ba người ngồi trong văn phòng của Ivarsson: Ivarsson, ngồi phía sau cái bàn ngăn nắp, và Beate với Harry - trên hai chiếc ghế tựa thấp hơn một chút. Mẹo dùng ghế thấp là một thủ thuật thống trị nổi tiếng đến mức người ta có thể được thứ lỗi vì nghĩ rằng nó không còn được sử dụng nữa, nhưng Ivarsson thì biết rõ hơn nhiều. Kinh nghiệm của ông ta cho thấy những thủ thuật cơ bản không bao giờ lỗi mốt.

Harry ngã ghế ra sau để anh có thể nhìn ra ngoài cửa sổ. Nó hướng ra khách sạn Plaza. Những đám mây cuộn cuộn lướt qua tòa cao ốc lấp lánh và cả thành phố mà không hề nhỏ một hạt mưa. Harry bị mất ngủ, dù anh đã uống thuốc giảm đau sau khi được tiêm phòng uốn ván ở bệnh viện. Lời giải thích của anh với các đồng nghiệp rằng anh bị một con chó hoang đi lạc tấn công vừa đủ sáng tạo để còn tin được và cũng vừa đủ sát thực để anh còn có thể thuyết phục được họ. Gáy anh sưng vù và lớp băng quấn chặt cứ cọ xát vào da anh. Harry biết rõ là sẽ đau đến mức nào nếu anh quay đầu về phía Ivarsson, lúc này đang nói. Mà anh cũng biết rằng kể cả không bị đau thì anh cũng chẳng ngoái đầu lại.

“VẬY là anh muốn đặt vé máy bay cho anh sang Brazil để tìm kiếm?” Ivarsson nói, phúi sạch mặt bàn và giả bộ cố nén cười. “Trong lúc Kẻ Hành quyết rõ ràng là đang mài mê cướp ngân hàng ở Oslo?”

“Chúng ta đâu có biết hắn ở chỗ nào ở Oslo,” Beate nói. “Hoặc liệu hắn có

ở Oslo không. Nhưng chúng tôi hy vọng chúng tôi có thể lần ra ngôi nhà mà em trai hắn bảo là hắn có ở Porto Seguro. Nếu chúng tôi tìm ra nó, chúng tôi cũng sẽ tìm được dấu vân tay của hắn. Và nếu chúng khớp với dấu vân tay chúng tôi có trên chai Coca thì chúng ta sẽ có được bằng chứng luận tội. Như vậy thì chuyến đi này cũng là xứng đáng.”

“Thật vậy sao? Mà đó là những dấu vân tay gì mà chẳng ai khác có hả?”

Beate cố đưa mắt cho Harry nhưng anh không nhận thấy. Cô nuốt khan. “Vì theo nguyên tắc thì chúng ta làm việc độc lập với nhau nên chúng tôi quyết định sẽ chỉ hai chúng tôi biết. Cho đến khi phát hiện được thêm điều gì.”

“Beate thân mến,” Ivarsson mào đầu, nháy mắt phải. “Cô bảo ‘chúng tôi’ nhưng tôi chỉ nghe thấy Harry Hole thôi. Tôi đánh giá cao sự hăng hái của anh Hole trong việc trung thành với phương pháp của tôi, nhưng chúng ta không nhất thiết cứ phải để nguyên tắc cản trở chúng ta cùng nhau tìm ra kết quả chứ. Vì vậy, tôi hỏi lại: những dấu vân tay nào thế?”

Beate tuyệt vọng nhìn Harry cầu viện.

“Hole?” Ivarsson gọi.

“Đó là cách chúng tôi tiến hành điều tra vụ này,” Harry nói. “Cho đến khi biết thêm thông tin.”

“Tùy các vị thôi,” Ivarsson nói. “Nhưng quên chuyến đi đó đi. Hai người sẽ phải nói chuyện với cảnh sát Brazil và đề nghị họ giúp lấy dấu vân tay.”

Beate hăng giọng. “Tôi đã kiểm tra rồi. Chúng tôi phải gửi đơn xin phép qua Giám đốc Sở Cảnh sát ở tỉnh Bahia và để một công tố viên người Brazil ở khu vực đó thông qua vụ này, để cuối cùng sẽ cấp một lệnh khám nhà. Người mà tôi đã nói chuyện bảo rằng kinh nghiệm cho thấy là việc này, nếu không có những liên hệ với cơ quan chính quyền ở Brazil, thì sẽ mất từ hai tháng đến hai năm.”

“Chúng tôi đã đặt vé bay vào tối mai,” Harry nói, chăm chú nhìn một cái

móng tay. “Ông quyết định thế nào?”

Ivarsson bật cười. “Anh nghĩ sao? Anh tới hỏi xin cấp tiền cho những vé máy bay tới tận bên kia bán cầu mà thậm chí chẳng thêm trình bày lý do cho một chuyến đi như vậy. Anh định lục soát một ngôi nhà mà không có lệnh khám nhà, vậy thì dù anh có tìm thấy bằng chứng pháp y đi nữa, chắc tòa cũng sẽ buộc lòng phải bác bỏ vì anh đã sử dụng những biện pháp phi pháp để thu được nó.”

“Dùng mẹo ném gạch đi,” Harry nói khẽ.

“Xin lỗi, anh nói gì cơ?”

“Có một người nào đó ném viên gạch qua cửa sổ. Viên cảnh sát tình cờ lại đi ngang qua đó và không cần phải có lệnh khám nhà, cứ thế bước vào. Họ nghĩ là có mùi cần sa trong phòng khách. Một nhận thức chủ quan, nhưng lại là lý do chính đáng cho một cuộc khám nhà ngay lập tức. Họ sẽ giữ được chứng cứ pháp y, như là dấu vân tay chẳng hạn, từ căn nhà đó. Rất chi là hợp pháp.”

“Tóm lại là chúng tôi đã nghĩ kỹ về chuyện mà chúng tôi định làm,” Beate vội nói thêm. “Nếu tìm ra ngôi nhà đó, chúng tôi sẽ thu thập dấu vân tay bằng cách hợp pháp.”

“Vậy sao?”

“Hy vọng là không cần phải dùng đến mẹo ném gạch.”

Ivarsson lắc đầu. “Không đủ thuyết phục. Câu trả lời của tôi rõ ràng và dứt khoát là: không.” Ông ta nhìn đồng hồ đeo tay để ám chỉ là cuộc họp đã kết thúc, kèm theo một nụ cười bò sát mỏng dính. “Cho đến khi nào có thêm thông tin.”

“Chẳng lẽ anh không thí được cho ông ta thứ gì sao?” Beate nói khi đã ra khỏi phòng Ivarsson và đang đi dọc hành lang.

“Như là gì?” Harry hỏi, rón rén quay đầu sang. “Ông ta đã quyết từ trước rồi mà.”

“Anh thậm chí còn chẳng cho ông ta cơ hội để cho chúng ta vé.”

“Tôi cho ông ta cơ hội để không bị vượt quyền.”

“Ý anh là gì?” Họ dừng lại trước cửa thang máy.

“Tôi đã bảo cô rồi. Trong vụ này chúng ta đã được cho phép có những vượt rào nhất định.”

Beate quay sang, trở mắt nhìn anh. “Tôi nghĩ là tôi đã hiểu,” cô nói chậm rãi. “Vậy giờ thì chuyện gì sẽ xảy ra?”

“Ông ta sẽ bị vượt quyền. Đừng quên kem chống nắng đấy.”

Cửa thang máy mở ra.

Sau đó, Bjame Møller kể với Harry rằng Ivarsson rất bức bối khi nhận quyết định của Giám đốc Sở cho phép Harry và Beate tới Brazil và yêu cầu Đơn vị Chống Cướp trả tiền vé máy bay cùng toàn bộ chi phí ăn ở.

“Giờ thì anh hài lòng chưa?” Beate hỏi Harry trước khi anh về nhà.

Tuy nhiên, khi Harry đi ngang qua Quảng trường và thấy cuối cùng nắng cũng đã chiếu xuyên qua màn mây dày, thì lạ thay, anh lại chẳng hề cảm thấy đặc ý chút nào. Chỉ thấy xấu hổ, và kiệt sức vì đau đớn và thiếu ngủ.

“Tiền boa ư?” Harry gào vào điện thoại. “Tiền boa là cái quái gì chứ hả?”

“Quỹ đen,” Øystein nói. “Sẽ không một ai ở cái đất nước chết tiệt này thèm nhắc một ngón tay lên nếu không có đút lót.”

“Mẹ kiếp!” Harry đá cái bàn ở trước tấm gương. Điện thoại trượt khỏi bàn còn ống nghe bị giăng mạnh rơi ra khỏi tay anh.

“A lô? Cậu còn đó không, Harry?” Chiếc điện thoại trên sàn kêu lẹt xẹt. Harry muốn để mặc nó nằm trơ ra đó. Bỏ đi. Hoặc bật một cái đĩa của ban nhạc Metallica lên, bật to hết cỡ. Một trong số các album cũ của họ.

“Đừng có suy sụp, Harry!” Giọng trong điện thoại the thé.

Harry cúi xuống, cổ vẫn giữ thẳng và nhắc ống nghe lên. “Xin lỗi cậu

Øystein. Cậu bảo là họ muốn bao nhiêu tiền?”

“Hai mươi nghìn bảng Ai Cập. Tức là bốn mươi nghìn krone Na Uy. Sau đó họ sẽ dâng vị khách kia đến tận miệng tôi, họ bảo vậy.”

“Tụi nó đang lừa đảo chúng ta, Øystein.”

“Đương nhiên rồi. Vậy chúng ta có muốn khách hàng đó nữa hay không?”

“Tiền đang được chuyển vào tài khoản. Nhớ lấy biên lai đấy.”

Harry nằm trên giường, nhìn trần trần lên trần nhà trong lúc đợi chỗ thuốc giảm đau nhiều gấp ba liều dùng phát huy tác dụng. Hình ảnh cuối cùng anh thấy trước khi chìm ngỉm vào bóng tối là một thằng bé ngồi ở cao phía trên đầu, đung đưa đôi chân và nhìn xuống anh.

D’AJUDA

Fred Baugestad ngất ngư sau cơn say. Gã đã ba mươi một tuổi, ly hôn và làm công nhân trên giàn khoan dầu Statfjord B. Công việc nặng nhọc và trong giờ làm việc thì đến ngủi bia cũng không được, nhưng tiền kiếm được rất khá, có ti vi trong phòng, đồ ăn ngon lành, và thứ nhất là: cứ ba tuần làm thì bốn tuần nghỉ. Một số người về nhà với vợ và nhìn chăm chăm vào bốn bức tường, một số người thì lại đi lái taxi hoặc xây nhà để khỏi phát điên vì buồn chán, còn một số thì tiêu thời gian như Fred: tới một xứ nhiệt đới nào đó mà uống tràn cung mây. Thịnh thoảng, gã lại viết một tấm thiệp gửi cho con gái Karmøy, hoặc ‘bé yêu’ như hã vẫn gọi con bé dù giờ nó đã mười tuổi rồi. Hay là mười một nhỉ? Dù sao thì đó cũng là liên hệ duy nhất còn lại của hã với đại lục Âu này, và thế là đủ. Lần cuối cùng nói chuyện với cha, gã nghe ông than phiền về chuyện bà mẹ bị bắt vì lại chôm bánh quy ở siêu thị Rimi.

“Bố cầu nguyện cho mẹ,” cha gã nói vậy và thắc mắc là Fred có mang

cuốn Kinh Thánh bằng tiếng Na Uy theo không. “Cuốn Kinh cần thiết như bữa sáng mà, bố,” Fred đáp. Mà đúng thế thật, vì khi còn ở A’djuda, Fred chẳng bao giờ ăn trước giờ ăn trưa. Trừ phi người ta coi caipirinha là đồ ăn. Cái này là một câu hỏi về định nghĩa vì hẵn cho đến tận bốn thìa đường vào mỗi ly cocktail. Fred Baugestad uống caipirinha vì thật ra là nó rất tệ. Ở châu Âu, thứ cocktail này được khen nức nở một cách không xứng đáng vì nó được pha bằng rượu rum hay vodka thay vì cachaca - thứ rượu mạnh thô và đắng của người Brazil được chưng cất từ mía, khiến cho việc uống caipirinha trở thành một hành động sám hối mà Fred bảo là nhất định phải thế. Cả ông nội lẫn ông ngoại của Fred đều nghiện rượu, và với cấu tạo gen đã vậy thì gã nghĩ tốt nhất là nên chọn cái mé an toàn mà đứng, tức là uống thứ gì đó tệ đến mức gã sẽ không bao giờ bị phụ thuộc vào nó.

Hôm nay, gã đã lê tới quán của Muhammed vào lúc mười hai giờ và gọi một tách cà phê đen pha rượu brandy rồi chậm rãi thả bộ trên con đường hẹp rải sỏi lồi lõm, hai bên là những ngôi nhà nhỏ lụp xụp quét vôi trắng trắng, dưới cái nóng như nung. Ngôi nhà mà hẵn và Roger vừa thuê là một trong số những ngôi nhà ít trắng hơn. Lốp vừa đã bong tróc, và bên trong, những bức tường xám chưa qua xử lý bị thấm bởi những cơn gió ẩm ướt thổi từ Đại Tây Dương vào đến độ chỉ cần thè lưỡi ra là người ta có thể nếm được cái vị nồng gắt của mùi tường. Nhưng làm thế để làm gì, Fred ngẫm nghĩ. Nhà thế vẫn ở tốt. Ba phòng ngủ, hai đệm, một tủ lạnh và một bếp nấu. Lại có cả xô pha và một mặt bàn kê trên hai khối gạch xi măng cốt Leca trong căn phòng mà họ xác định là phòng khách vì nó có một cái lỗ gần như hình vuông trên bức tường mà chúng gọi là cửa sổ. Đáng lẽ chúng phải dọn dẹp thường xuyên hơn một chút - bếp lúc nhúc kiến lửa có thể đốt sừng người - nhưng Fred không hay đi vào đó từ sau khi tủ lạnh được dời ra phòng khách. Gã đang nằm khểnh trên ghế xô pha, lên kế hoạch cho hoạt động tiếp theo trong ngày thì Roger về.

“Cậu đi đâu thế?” Fred hỏi.

“Tới một tiệm thuốc ở Porto,” Roger nói, cười ngoác đến tận mang tai, ngang qua khuôn mặt to đầy những vết mẩn đỏ. “Cậu đích tin nổi là họ bán cái gì ở quầy đó đâu. Cậu có thể mua mọi thứ mà ở Na Uy thậm chí còn không được kê đơn.” Hắn dốc đồng thuốc trong túi ni lông ra và bắt đầu đọc to tên thuốc.

“Ba mi li gam Benzodiazepine. Hai mi li gam Flunitrazepam. Chết tiệt, thế thì gần như là Rohypnol rồi còn gì!”

Fred không nói gì.

“Mệt à?” Roger nhanh nhẩu hỏi. “Cậu đã ăn gì chưa?”

“Chưa. Mới uống cà phê ở quán Muhammed thôi. Mà này, có một gã trông có vẻ bí ẩn ở đó đang hỏi Muhammed về Lev đấy.”

Roger ngẩng phắt lên khỏi đồng thuốc. “Về Lev á? Trông hắn thế nào?”

“Cao. Tóc vàng. Mắt xanh. Có vẻ là người Na Uy.”

“Bố khỉ, đừng có dọa tở như thế, Fred.” Roger quay lại đọc nhãn thuốc.

“Ý cậu là sao?”

“Để tở nói thế này nhé. Nếu hắn cao, da ngăm và gầy thì hắn là đã tới lúc chuồn khỏi d’Ajuda. Và cả Tây bán cầu này luôn. Trông hắn có giống côm không?”

“Trông lũ côm thế nào?”

“Chúng... thôi quên đi, anh chàng dầu khí.”

“Trông hắn giống dân nhậu. Tở biết rõ đám đó trông thế nào mà.”

“OK. Vậy có lẽ đó là một gã bạn của Lev. Chúng ta sẽ giúp hắn chứ?”

Fred lắc đầu. “Lev bảo hắn sống ở đây hoàn toàn không... không... từ gì đó trong tiếng La tinh có nghĩa là bí mật ấy. Muhammed giả bộ chưa bao giờ nghe thấy tên Lev. Gã đó sẽ tìm được Lev nếu Lev muốn.”

“Tở đùa đấy. Mà này, Lev giờ đang ở đâu nhỉ? Mấy tuần nay không thấy bóng dáng.”

“Tớ mới nghe nói là hã đã về Na Uy rồi,” Fred nói, từ từ nâng đầu lên.

“Có lẽ hã lại đi cướp ngân hàng và bị tóm rồi cũng nên,” Roger nói và mỉm cười trước ý nghĩ đó. Không phải vì gã muốn Lev bị tóm, mà vì cứ nghĩ đến chuyện cướp ngân hàng là gã lại mỉm cười. Chính bản thân gã đã thực hiện ba vụ, và mỗi lần như vậy gã thấy phấn khích tột. Đồng ý là hai lần đầu chúng đều bị tóm, nhưng tới lần thứ ba thì chúng đã làm mọi việc rất chuẩn. Khi miêu tả lại phi vụ đó, gã luôn lờ đi tình huống may mắn là những chiếc máy quay giám sát tạm thời bị hỏng, nhưng dù sao thì số tiền kiếm được cũng đã cho phép gã hưởng cảnh ngồi mát ăn bát vàng - và thỉnh thoảng với tới nàng tiên nâu - ở cái xó d’Ajuda này.

Ngôi làng nhỏ đẹp đẽ nằm ở phía Nam Porto Seguro và cho tới mãi gần đây vẫn là nơi dung nạp nhiều cá nhân bị truy nã nhất lục địa Nam Mỹ này tính từ phía Nam Bogotá. Chuyện này khởi đầu từ thập niên bảy mươi, khi d’Ajuda trở thành một điểm quy tụ đám hippy và dân du cư sống bằng nghề cờ bạc, bán trang sức thủ công và đồ trang trí cơ thể ở châu Âu vào mùa hè. Họ là nguồn thu nhập thêm được chào đón tại d’Ajuda, và chung quy là chẳng ảnh hưởng đến ai, vì vậy hai gia đình người Brazil, mà trên nguyên tắc là sở hữu toàn bộ công nghiệp và thương mại của ngôi làng này, đã đạt được một thỏa thuận với cảnh sát trưởng, dẫn đến kết quả là chính quyền làm ngơ chuyện hút cần sa trên bãi biển, trong quán cà phê, trong các quán bar mọc lên như nấm và, sau một thời gian, cả trên đường phố cũng như bất cứ nơi đâu.

Tuy nhiên, có một vấn đề là: giống như ở những nơi khác, tiền phạt đối với du khách hút cần sa và vi phạm những luật lệ chẳng mấy ai biết lại là nguồn thu nhập quan trọng của cảnh sát, vốn được nhà nước trả lương còm cõi. Vì vậy, để ngành kinh doanh du lịch rất lợi nhuận và cảnh sát có thể cộng sinh một cách ăn ý, hai gia đình này phải cung cấp cho cảnh sát nguồn thu nhập đảm bảo khác. Chuyện này khởi đầu với một nhà xã hội học người Mỹ

và bạn trai người Argentina của ông ta, vốn chịu trách nhiệm sản xuất và buôn bán cần sa tại địa phương, bị buộc phải trả tiền bảo kê và bảo hộ độc quyền cho cảnh sát trưởng - nói cách khác, những đối thủ tiềm tàng sẽ bị bắt ngay lập tức và dẫn giải một cách rùm beng lên cảnh sát liên bang. Tiền được rót vào túi một vài cảnh sát địa phương và mọi chuyện êm đẹp cho đến khi có ba người Mexico đề nghị sẽ trả tiền bảo kê cao hơn, và một sáng Chủ nhật nọ, lão người Mỹ cùng anh bồ Argentina bị giải lên cảnh sát liên bang rùm beng ngay trên quảng trường trước bưu điện. Tuy nhiên, hệ thống mua và bán quyền bảo hộ hoạt động theo cơ chế thị trường đó vẫn tiếp tục phát đạt, và d'Ajuda nhanh chóng đầy rẫy đám tội phạm bị truy nã từ đủ mọi ngóc ngách trên thế giới, có thể chắc chắn sẽ nhận được sự an toàn tương đối với một cái giá thấp hơn hẳn so với ở Pattaya hay nhiều nơi khác. Tuy vậy, tới thập niên tám mươi, cái viên ngọc thiên nhiên đẹp đẽ và cho đến lúc đó vẫn gần như chưa bị chạm tới với những bãi biển dài, những buổi hoàng hôn đỏ ối và thứ cần sa tuyệt hảo này đã bị phát hiện bởi đám kèn kèn du lịch - tây ba lô. Họ đổ xô tới d'Ajuda với quyết tâm hưởng thụ, và thế là hai đại gia trong thị trấn phải đánh giá lại khả năng phát triển kinh tế của d'Ajuda với tư cách một trại tị nạn cho những kẻ trốn tránh pháp luật. Khi những quán bar đèn mờ, ấm cúng được biến thành những cửa hiệu cho thuê đồ lặn, và quán cà phê nơi dân địa phương từng nhảy điệu lambada theo lối cũ bắt đầu tổ chức những bữa tiệc 'Đêm-Trăng-Cuồng-Nhiệt', cảnh sát đã phải tiến hành những cuộc đột kích chớp nhoáng vào những ngôi nhà nhỏ quét vôi trắng với tần suất ngày càng lớn và xua những kẻ mang án tù chống trả ác liệt ra quảng trường. Nhưng với những kẻ phạm pháp thì sống ở d'Ajuda vẫn còn an toàn hơn chán những nơi khác trên thế giới, mặc dù chứng bệnh hoang tưởng vẫn chui vào đầu tất cả bọn họ, không chỉ riêng Roger.

Đó là lý do vì sao trong chuỗi thức ăn ở d'Ajuda có chỗ cho một người như Muhammed Ali. Cơ sở cho sự tồn tại của lão là lão có một đài quan sát

chiến lược ở quảng trường vốn cũng là bến cuối của tuyến xe buýt từ Porto Seguro tới. Đứng sau quầy trong cái quán ahwa mở toang cửa, Muhammed có thể nhìn thấy hết mọi chuyện diễn ra ở cái quảng trường rải sỏi độc nhất, nóng như nung của d'Ajuda. Khi những chuyến xe buýt xịch tới, lão ngừng phục vụ cà phê và nhét thuốc lá Brazil - thứ thay thế kém cỏi cho loại thuốc lá nhà trồng m'aasil của lão - vào cái túi, để kiểm tra những người mới đến hòng phát hiện xem có cảnh sát hoặc những kẻ săn tiền thưởng không. Nếu cái mũi thính như cầu của lão đánh hơi thấy cảnh sát, lão liền báo động ngay lập tức.

Báo động là một dạng thỏa thuận có trả phí, qua đó những người trả phí hằng tháng được gọi điện hoặc nhận một mẫu tin nhắn mà thằng nhóc Paulinho nhỏ con, nhanh chân sẽ ghim lên cửa. Muhammed cũng có lý do riêng trong việc để ý những chuyến xe buýt tới làng. Khi lão và Rosalita chạy trốn chồng ả ở Rio, lão chưa nghi ngờ một giây phút nào về cái kết cục chờ đợi lão và ả nếu như gã chồng bị bỏ rơi phát hiện ra họ đang ở đâu. Chỉ cần vài trăm đô la là người ta có thể thuê được những vụ giết người đơn giản ở khu ổ chuột của Rio hoặc São Paulo, nhưng thậm chí một tay sát thủ chuyên nghiệp dày dạn kinh nghiệm cũng không đòi quá hai hoặc ba nghìn đô cộng thêm chi phí cho cuộc tìm kiếm và tiêu diệt, mà trong chục năm trở lại đây chỗ ấy đã trở thành nơi mà cung lớn hơn cầu. Chưa kể, nếu thuê giết một đôi thì còn được khuyến mại nữa.

Đôi khi, những kẻ mà Muhammed xác định là loại săn tiền thưởng đi thẳng vào quán của lão. Để cho ra vẻ, chúng gọi một tách cà phê, và đến lúc tách cà phê đã cạn một mức thích hợp, chúng sẽ hỏi cái câu không tránh khỏi này: Ông-có-biết-người-bạn-như-thế-này-của-tôi-sống-ở-đâu-không? Hoặc Ông-có-biết-người-đàn-ông-trong-tấm-ảnh-này-không? Tôi-nợ-anh-ta-một-món-tiền. Trong những trường hợp như vậy, Muhammed nhận được một khoản phụ phí nếu câu trả lời đã chuẩn bị sẵn của lão ('Tôi thấy hẵn bắt xe

tới Porto Seguro, xách theo một cái va li lớn từ hai ngày trước rồi, thưa senhor') khiến cho kẻ săn tiền thưởng kia bắt ngay chuyển xe đầu tiên rời khỏi làng.

Khi người đàn ông cao lớn, tóc vàng, mặc bộ vest vải linen nhàu nhĩ, cổ quần băng, đặt túi hành lý và một cái túi đựng bộ đồ chơi Playstation lên quầy, lau mồ hôi trên trán và gọi cà phê bằng tiếng Anh, thì Muhammed có thể đánh hơi thấy sắp có thêm mấy đồng real phụ trội cộng vào với tiền phí cố định. Nhưng không phải người đàn ông đã đánh thức bản năng của lão; mà là người phụ nữ đi cùng gã. Chẳng khác nào trên trán cô ta có viết chữ CẢNH SÁT to đùng.

Harry nhìn khắp quán bar. Ngoại trừ anh, Beate và lão chủ quán Ả Rập đứng sau quầy, còn có ba người khác ngồi trong quán. Hai Tây ba lô và một du khách thuộc loại rách rưới, hơn thế, hình như đang chệnh choáng sau cơn say nặng. Cổ Harry làm anh đau muốn chết. Anh nhìn đồng hồ đeo tay. Đã hai mươi tư tiếng kể từ lúc họ rời Oslo. Oleg đã gọi, kỷ lục Tetris đã bị phá và Harry đã mua được một bộ G-Con 45 hiệu Namco ở một cửa hàng bán đồ chơi điện tử tại sân bay Heathrow trước khi bay tới Recife. Họ đã lên một cái máy bay cánh quạt để bay tới Porto Seguro. Ra khỏi sân bay anh đã thương lượng được một cái giá có lẽ là cắt cổ với một gã taxi để gã chở họ ra phà tới bến d'Ajuda nơi có một chiếc xe buýt xóc nảy chờ họ đi nốt quãng đường vài cây số.

Đã hai mươi tư tiếng kể từ lúc anh ngồi trong phòng tiếp khách giải thích cho Raskol rằng anh cần thêm bốn mươi nghìn krone cho bọn Ai Cập. Raskol đã cho anh hay quán ahwa của Muhammed Ali không phải ở Porto Seguro mà ở một cái làng gần đó. "D'Ajuda," Raskol tươi cười nói. "Tôi biết mấy gã sống ở đó."

Lão chủ quán người Ả Rập nhìn Beate, thấy cô lắc đầu liền đặt tách cà phê xuống trước mặt Harry. Nó đặc xịt và đắng ngắt.

“Ông Muhammed,” Harry nói và nhận thấy người đàn ông đứng sau quầy sững lại. “Ông là Muhammed phải không?”

Lão chủ quán Ả Rập nuốt khan. “Ai đang hỏi vậy?”

“Một người bạn.” Harry dứt bàn tay phải vào túi áo khoác và thấy vẻ hoảng hốt trên khuôn mặt nâu sẫm. “Em trai của Lev đang tìm anh ta.” Harry lôi ra một trong những tấm ảnh mà Beate đã tìm thấy ở nhà Trond và đặt lên quầy.

Muhammed nhắm mắt lại một giây. Môi lão mấp máy như đang khẽ lẩm bẩm một lời tạ ơn.

Tấm ảnh chụp hai thằng bé. Đứa cao hơn mặc một cái áo khoác chần bông màu đỏ. Nó đang cười to và quàng một cánh tay lên vai thằng bé kia đầy thân thiện, còn thằng bé kia chỉ mỉm cười bẽn lẽn nhìn vào máy ảnh.

“Tôi không biết liệu Lev đã từng nhắc tới em trai anh ta bao giờ chưa,” Harry nói. “Tên anh ta là Trond.”

Muhammed nhắc tấm ảnh lên và chăm chú xem.

“Ừm,” lão nói, gãi râu. “Tôi chưa bao giờ thấy cả hai người này. Và tôi chưa từng nghe thấy có ai tên là Lev cả. Tôi biết hầu hết mọi người ở đây.”

Lão trả tấm ảnh lại cho Harry, anh bèn cất nó vào trong túi áo khoác và uống nốt tách cà phê. “Chúng tôi phải đi kiếm một chỗ để ngủ đã, Muhammed. Sau đó chúng tôi sẽ quay lại. Trong khi đó cứ suy nghĩ một chút đi.”

Muhammed lắc đầu, lôi tờ hai mươi đô la mà Harry nhét bên dưới tách cà phê ra và trả lại. “Tôi không nhận tiền to,” lão nói.

Harry nhún vai. “Dù sao thì chúng tôi cũng sẽ quay lại, ông Muhammed ạ.”

Tại khách sạn nhỏ có tên là Vitória, họ thuê được hai phòng rộng thênh thang vì giờ đang là mùa vắng khách. Harry được đưa cho chiếc chìa khóa đánh số 69, mặc dù khách sạn chỉ có hai tầng và hơn hai mươi phòng. Khi lôi ngăn kéo của cái kệ đầu giường bên cạnh cái giường trái tim màu đỏ và thấy hai bao cao su cùng với những lời chúc tụng của khách sạn, anh đoán là mình đã thuê phải phòng tân hôn. Có một cái gương choán hết cả cánh cửa nhà tắm phản chiếu người nằm trên giường. Trong cái tủ quần áo to kênh cang và sâu hun hút, món đồ duy nhất trong phòng ngoại trừ chiếc giường, treo vài cái áo choàng tắm dài tới đùi, đã hơi sờn, sau lưng có những họa tiết phương Đông.

Cô lễ tân mỉm cười và lắc đầu khi anh chìa tấm ảnh Lev Grette ra. Điều tương tự cũng xảy ra trong nhà hàng ngay cạnh đó và trong quán cà phê Internet nằm cách phía trên con phố chính yên ắng một cách kỳ lạ. Nó dẫn từ nhà thờ đến nghĩa địa, theo truyền thống, nhưng được đặt cho một cái tên mới: Broadway. Cuối cùng, trong một tiệm tạp hóa bé tí nhin bán nước và đồ trang hoàng Giáng sinh, đề SIÊU THỊ phía trên cửa, họ tìm được một người phụ nữ đứng sau quầy tính tiền. Bà ta trả lời có, với mọi thứ họ hỏi, và nhìn họ bằng cặp mắt dờ dẩn cho đến lúc họ bỏ cuộc và đi khỏi. Trên đường về, họ thấy một người đang đứng một mình, một cảnh sát trẻ đang tựa vào chiếc xe jeep, tay khoanh lại và bao súng căng phồng lủng lẳng bên hông, vừa ngáp vừa nhìn theo họ.

Trong quán của Muhammed, thằng bé gầy nhẳng đứng sau quầy giải thích rằng ông chủ của nó đột nhiên quyết định nghỉ để đi dạo rồi. Beate hỏi khi nào ông ta trở về nhưng thằng bé lúng túng lắc đầu, chỉ lên mặt trời và bảo, “Trancoso.”

Cô lễ tân khách sạn bảo rằng đoạn đường mười ba cây không nghỉ dọc con đường cát trắng dẫn tới Trancoso là điểm hút khách nhất ở d’Ajuda. Ngoài

nhà thờ Công giáo ở quảng trường, nó cũng là điểm hút khách duy nhất.

“Ừm. Sao quanh đây vắng người thế, senhora?” Harry hỏi. Cô ta mỉm cười và chỉ ra biển.

Giờ thì họ đã ra đó. Trên bãi cát bỏng rát, trải dài tít tằm mắt về cả hai phía dưới hơi nóng bốc lên. Có những người đi tắm nắng đang nằm như xác chết trong quan tài, những người bán dạo trên bãi biển lê bước qua cát lún, lom khom bên dưới cái túi ướp lạnh và bao đựng quả tươi, những người pha chế đồ uống cười toe toét sau quầy bar dựng tạm có loa thùng đang phát nhạc samba từng bừng dưới cái mái lợp rạ, và những vận động viên lướt sóng mặc đồng phục quốc gia màu vàng, môi quét ôxít kẽm màu trắng. Và hai người đang đi về phía Nam, tay xách giày. Một người mặc quần soóc, áo thiếu vải và đội cái mũ rơm mà cô đã thay từ lúc ở khách sạn, người kia vẫn để đầu trần, mặc bộ vest linen nhàu nhĩ.

“Cô ta bảo mười ba cây số phải không?” Harry hỏi, thối bay giọt mồ hôi đang đọng trên chóp mũi.

“Trời sẽ tối trước khi chúng ta tới được đó,” Beate nói và chỉ tay. “Nhìn xem, mọi người về hết rồi kìa.”

Có một vệt đen chạy dài dọc theo bãi biển, có vẻ như là một đoàn người dài dằng dặc đang trên đường về nhà với vầng mặt trời chiếu sau lưng.

“Đúng là cái mà chúng ta đã yêu cầu còn gì.” Harry nói, chỉnh lại kính râm. “Một đoàn người gồm toàn bộ dân làng d’Ajuda. Chúng ta sẽ phải căng mắt ra mà nhìn. Nếu không thấy Muhammed thì biết đâu lại may mắn đụng phải đúng Lev.”

Beate mỉm cười. “Cá anh một trăm là chúng ta sẽ không gặp được hẳn.”

Những khuôn mặt lướt qua dưới cái nóng. Đen, trắng, trẻ, già, xấu, đẹp, phê thuốc, tỉnh táo, tươi cười, quạu quọ. Những quán bar và quầy cho thuê ván lướt sóng đều đã biến mất. Họ chỉ còn nhìn thấy cát và biển ở bên trái, và rừng cây rậm rịt ở bên phải. Đó đây, người ta ngồi thành từng nhóm với mùi

cần sa quần không lẫn đi đâu được phải đến.

“Tôi đang nghĩ nhiều hơn về cái chuyện khoảng cách thân mật và giả thiết tay trong của chúng ta,” Harry nói. “Cô có nghĩ là Lev và Stine Grette có thể đã biết nhau sâu hơn quan hệ anh chồng và em dâu không?”

“Ý anh là cô ta tham gia vào việc lên kế hoạch, rồi hắt bả cô ta để bịt đầu mối ư?” Beate nhìn vầng mặt trời.

“Ừm, sao không chứ?”

Mặc dù đã hơn bốn giờ chiều, nhưng cái nóng vẫn không dịu đi là mấy. Họ cởi giày ra để bước qua mấy tảng đá, và khi bước sang phía bên kia, Harry thấy một cành cây khô, to mà biển đã đánh dạt vào bờ. Anh cầm cái cành xuống cát rồi lôi ví và hộ chiếu ra khỏi túi áo khoác trước khi treo nó lên cái cây treo mũ tạm thời.

Lúc này họ đã thấy Trancoso từ xa, và Beate nói rằng họ vừa đi qua một người đàn ông mà cô đã nhìn thấy trong một cuốn băng. Lúc đầu, Harry còn tưởng cô nói tới một diễn viên có chút tiếng tăm, cho tới lúc cô bảo tên hắt là Roger Person, và rằng, cùng với nhiều tiền án về ma túy, hắt đã ngồi tù vì cướp bưu điện ở Gamlebyen và Veitvet. Hắt còn bị tình nghi là cướp bưu điện ở Ulleval.

Fred đã nốc liền ba ly caipirinha trong một nhà hàng trên bãi biển ở Trancoso, nhưng vẫn nghĩ rằng thật điên rồ khi cuốc bộ mười ba cây số về chỉ để - như Roger nói - ‘phơi da cho khỏi mốc’.

“Vấn đề của cậu là cậu không thể ngồi yên vì đã nốc những viên thuốc mới đó,” Fred rên rỉ với gã bạn đang nhón chân đi tha thẩn ở phía trước, hai đầu gối khuỳnh khuỳnh.

“Thì sao? Cậu cần phải đốt bớt calo trước khi trở về với những bữa tiệc búp phê ở ngoài Biển Bắc đó chứ. Nói cho tớ biết Muhammed bảo gì trên

điện thoại về lũ cớm đó đi.”

Roger thở dài rồi miễn cưỡng lục tìm trong cái ký ức ngắn hạn của gã. “Ông ta bảo đưa con gái trắng đến nổi trông như trong suốt vậy. Và một tên người Đức đô con có cái mũi của một thằng nghiện rượu.”

“Người Đức á?”

“Muhammed đoán vậy. Có thể là người Nga. Hoặc người da đỏ ở Inca hoặc...”

“Buồn cười thật. Ông ta có chắc bọn chúng là cớm không?”

“Ý cậu là sao?” Roger dừng lại và Fred suýt va phải gã.

“Tớ chỉ đang nói là tớ chẳng thích chuyện đó,” Roger nói. “Theo tớ biết thì Lev không cướp ngân hàng ngoài Na Uy. Và cảnh sát Na Uy không tới Brazil để tóm một tên cướp ngân hàng quèn. Có lẽ là đám người Nga. Bố khi. Chúng ta biết ai đã cử chúng tới đây. Và không phải chúng tới tìm Lev.”

Fred lại rên rỉ. “Làm ơn đừng có bối cái đồng phân Di gan ấy lên nữa.”

“Cậu nghĩ là tớ hoang tưởng, nhưng hẳn đúng là quý Xa tăng. Hẳn không thèm chớp mắt trước khi nã đạn vào kẻ nào dám lừa của hẳn dù chỉ một krone. Tớ chưa bao giờ nghĩ là hẳn sẽ tìm ra. Tớ chỉ lấy có mấy nghìn từ một cái túi để tiêu vật thôi mà, phải không? Nhưng cậu biết đấy, đó là nguyên tắc. Nếu cậu là kẻ đứng đầu nhóm, cậu phải được kính trọng trừ phi...”

“Roger! Nếu muốn nghe cái mớ chuyện giang hồ nhảm nhí này thì tớ đã thuê một cuốn băng rồi.”

Roger không nói gì.

“Này? Roger?”

“Im,” Roger thì thào. “Đừng ngoảnh lại, cứ tiếp tục đi đi.”

“Sao?”

“Nếu cậu không say quắc cần câu như thế thì hẳn là cậu đã nhận ra chúng ta vừa đi qua cái con bé trong suốt và cái tên có cái mũi của thằng nghiện rượu rồi đấy.”

“Thật thế ư?” Fred ngẩn đầu lên. “Roger...”

“Gì?”

“Tớ nghĩ là cậu đã nói đúng.” Họ quay lại.

Roger tiếp tục bước, không ngoảnh lại. “Mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp! “Giờ phải làm sao?”

Khi không nhận được câu trả lời, Fred ngoái lại nhìn mới phát hiện ra Roger đã lủi mất. Gã kinh ngạc nhìn kỹ bãi cát thì thấy dấu chân sâu hoắm Roger để lại, rồi đi theo những dấu chân đó đột ngột ngoặt sang trái. Phía trước mặt, gã nhìn thấy hai gót chân thoăn thoắt của Roger. Rồi Fred cũng bắt đầu chạy về phía rừng cây xanh rì, rậm rịt.

Harry bỏ cuộc gần như ngay lập tức.

“Chẳng ích gì đâu,” anh kêu to với Beate. Cô ngập ngừng rồi dừng lại.

Chỉ còn cách biển vài mét, nhưng cứ như thế họ vừa bước sang một thế giới khác. Cái nóng ẩm thấp, mù mịt lơ lửng giữa những thân cây trong bóng tối đen ngòm dưới vòm lá. Thứ âm thanh có lẽ là tiếng của hai gã đang chạy trốn bị át đi bởi tiếng quang quác của lũ chim và tiếng gầm của biển sau lưng họ.

“Cái gã đi sau trông không giống một vận động viên chạy nước rút chút nào,” Beate nói.

“Chúng rành đường hơn ta,” Harry nói. “Chúng ta không đem theo vũ khí, nhưng nhờ đâu chúng có.”

“Nếu Lev chưa được cảnh báo từ trước thì giờ hẳn sẽ được cảnh báo. Vậy chúng ta làm gì đây?”

Harry xoa lớp băng ướt đầm trên cổ. Lũ muỗi đã kịp lén vào chích mấy nốt. “Chuyển qua kế hoạch B.”

“Thế ư? Là gì vậy?”

Harry nhìn Beate và thắc mắc là sao trán cô chẳng rịn ra một giọt mồ hôi nào trong khi anh thì cứ ướt sũng như một cái máng nước bị mục.

“Đi câu.”

Hoàng hôn không kéo dài nhưng nó là một màn trình diễn của tất cả các sắc đỏ trong dải quang phổ. Cùng với một vài màu sắc nữa, Muhammed nghĩ, chỉ về phía vầng mặt trời vừa hòa vào đường chân trời như một miếng bơ trên chiếc chảo nóng.

Tuy nhiên, tên người Đức đứng trước quầy không quan tâm đến hoàng hôn. Anh ta vừa nói là anh ta sẽ trả một nghìn đô cho ai có thể giúp anh ta tìm ra Lev Grette hoặc Roger Person. Liệu Muhammed có thể truyền lời đề nghị đó đi không? Người bán tin nào quan tâm có thể tới phòng 69, khách sạn Vitória, tên người Đức bảo vậy trước khi rời khỏi quán cùng với người phụ nữ trắng xanh.

Những con nhạn lao điên cuồng khi lũ côn trùng mò ra cho vũ điệu ngắn ngủi lúc đêm về. Mặt trời đã tan chảy thành lớp bột lỏng màu đỏ phía trên mặt biển và mười phút sau thì trời tối.

Một tiếng sau, khi Roger ló mặt vào quán, chửi thề, trông gã nhột nhạt dưới lớp da rám nắng.

“Thằng Di gan trời đánh,” gã lăm bắm với Muhammed, và kể rằng gã đã kịp nghe kể về khoản tiền thưởng béo bở ở quán bar của Fredo bèn chuồn ngay lập tức. Trên đường tới đây, gã đã lượn vào siêu thị, được Petra cho biết tên người Đức và ả tóc vàng đã tới đó hai lần. Lần cuối cùng họ tới mua dây câu; họ không hỏi thêm câu nào.

“Họ mua cái đó làm gì?” Gã hỏi, đảo mắt liếc nhanh xung quanh trong lúc Muhammed rót cà phê. “Câu cá chắc?”

“Của cậu đây,” Muhammed nói, ra hiệu về phía cái tách. “Tốt cho chứng

hoang tưởng đấy.”

“Hoang tưởng á?” Roger kêu lên. “Đây là chuyện hoàn toàn có thật. Một nghìn đô chết tiệt! Dân ở đây sẵn sàng bán cả mẹ mình để đổi lấy một phần mười số tiền đó.”

“Vậy thì cậu định làm gì?”

“Việc phải làm. Ngăn chặn tên người Đức đó.”

“Thật ư? Bằng cách nào?”

Roger nhăm nháp cà phê trong lúc lôi ra một khẩu súng lục màu đen với cái băng súng ngắn màu nâu đỏ từ trong cặp quần ra. “Chào em Taurus PT92C từ São Paulo đi nào.”

“Không, cảm ơn,” Muhammed rít lên. “Cất ngay cái đó đi. Cậu điên rồi. Cậu nghĩ là cậu có thể một mình đấu với tên người Đức đó hả?”

Roger nhún vai và lại nhét khẩu súng vào cặp quần.

“Fred đang run như cây sậy ở nhà. Nó bảo nó sẽ không bao giờ tỉnh táo lại nữa.”

“Tên này là dân chuyên nghiệp đấy, Roger.”

Roger khịt mũi. “Thế còn tôi? Tôi đã cướp mấy cái ngân hàng rồi chứ bộ. Mà ông biết cái gì là quan trọng nhất không, Muhammed? Bất ngờ. Cái đó quyết định tất cả.” Roger uống nốt tách cà phê. “Mà chuyên nghiệp cái khi móc gì khi mà hăn đi khắp nơi nói bô bô số phòng mình ở như thế.”

Muhammed đảo mắt và làm dấu thánh giá.

“Allah có thể nhìn thấy ông đấy, Muhammed ạ,” Roger nói cộc lốc rồi đứng dậy.

Roger nhìn thấy người phụ nữ tóc vàng ngay khi bước vào khu lễ tân. Cô đang ngồi với một nhóm đàn ông xem một trận đá bóng trên chiếc ti vi để trên quầy. Đúng rồi, tối nay có trận flafu, trận đấu truyền thống giữa hai đội Flamengo và Fluminense ở Rio. Đó là lý do vì sao quán Fredo đông nghẹt.

Gã vội vã đi qua họ, hy vọng không bị nhìn thấy. Chạy lên cầu thang trải

thăm và tiếp tục đi dọc theo hành lang. Gã biết rõ là phòng nào. Khi chồng của Petra có chuyện làm ăn phải đi vắng thì Roger luôn đặt phòng 69.

Roger áp tai vào cửa nhưng chẳng nghe thấy gì. Gã nhòm qua lỗ khóa, nhưng bên trong tối om. Tên người Đức chắc đã đi ra ngoài hoặc đang ngủ. Roger nuốt khan. Tim gã đập mạnh, nhưng nửa viên thuốc kích thích mà gã vừa uống đã giúp gã bình tĩnh. Gã kiểm tra lại khẩu súng, thấy đã nạp đạn và chốt hãm đã mở, rồi mới nhẹ nhàng ấn tay nắm cửa xuống. Cửa dễ mở! Roger lén vào phòng và khẽ khàng đóng cửa lại. Gã đứng trong bóng tối, nín thở. Chẳng nhìn thấy ai cũng chẳng nghe thấy gì. Không có chuyển động, không thấy tiếng thở. Chỉ có chiếc quạt trần đang phe phẩy. May mà Roger đã biết rõ căn phòng này. Gã chĩa khẩu súng vào chỗ mà gã biết là kê chiếc giường hình trái tim, khi mắt đã quen với bóng tối. Một dải ánh trăng hắt thứ ánh sáng nhàn nhạt lấp lánh vào giường, nơi chiếc chăn lông vũ đã bị vứt sang một bên. Giường trống không. Gã nghĩ nhanh. Có thể nào tên người Đức đó ra ngoài mà quên khóa cửa không? Nếu vậy thì Roger có thể yên tâm ngồi chờ cho đến khi tên người Đức quay về và trở thành mục tiêu ngay ngưỡng cửa. Chuyện đó hoàn hảo như mơ, như một ngân hàng quên không kích hoạt khóa hẹn giờ. Chỉ có điều chuyện đó thường không xảy ra. Cái quạt trần.

Gã sức tỉnh đúng giây phút đó.

Roger giật thót khi chợt nghe thấy tiếng xả nước trong nhà tắm. Thì ra tên đó ngồi trong nhà xí này giờ! Roger nắm lấy khẩu súng bằng cả hai tay và hai cánh tay vươn ra, chĩa vào chỗ mà gã biết là cửa phòng tắm. Năm giây trôi qua. Rồi tám. Roger không thể nín thở thêm nữa. Tên đó đang chờ đợi cái gì thế không biết. Hẳn đã xả nước rồi cơ mà. Mười hai giây.

Có lẽ hẳn đã nghe thấy gì đó. Có lẽ hẳn đang cố gắng bỏ trốn. Roger nhớ có một ô cửa sổ trên một bức tường. Chết tiệt! Đây là cơ hội của gã; gã không thể để tên đó trốn thoát. Roger bèn rón rén đi qua cái tủ quần áo bên

trong treo cái áo choàng mà Petra mặc trông rất đẹp, đứng trước cửa phòng tắm và đặt tay lên tay nắm cửa. Hít một hơi thật sâu. Gã đang định ấn tay nắm cửa xuống thì cảm thấy một chút gió thổi qua. Không phải từ cái quạt hay một ô cửa sổ nào đó để mở. Nó là một thứ gì đó khác.

“Đứng im!” Một giọng nói vang lên ngay sau lưng gã. Sau khi ngẩng đầu lên và nhìn vào tấm gương trên cửa nhà tắm, Roger bèn làm theo. Gã đông cứng đến mức răng va lập cập. Cánh cửa tủ vừa mở ra và bên trong, giữa hai cái áo choàng màu trắng, gã nhìn ra một người có vóc dáng lực lưỡng. Nhưng đó không phải là điều gây ra cơn ớn lạnh đột ngột. Cái tác động tâm lý khi phát hiện ra có kẻ còn có vũ khí lớn hơn nhiều thứ vũ khí mà mình đang cầm và chĩa nó vào mình không hề suy giảm dù có chút hiểu biết về vũ khí. Ngược lại là đằng khác. Ta sẽ biết những viên đạn cỡ lớn phá hủy cơ thể người hiệu quả hơn nhường nào. Khẩu Taurus PT92C của Roger là ống xì đồng so với con quái vật đen sì, to lù lù mà hấn liếc thấy sau lưng nhờ ánh trăng. Có tiếng ken két khiến Roger ngược lên. Thứ trông như sợi dây câu ánh lên. Nó ròng từ khe nứt trên cửa nhà tắm tới chỗ cái tủ.

“Guten Abend,” Roger thì thào.

Sáu năm sau, khi Roger tình cờ bị vấy vào một quán bar ở Pattaya, chỉ để rồi phát hiện ra Fred sau lớp râu tóc xồm xoàm, lúc đầu gã ngạc nhiên tới mức cứ đứng đực ra cho đến khi Fred kéo ghế cho.

Fred gọi đồ uống và kể với Roger rằng gã không còn làm việc ở Biển Bắc nữa. Được nhận trợ cấp cho người tàn tật. Roger ngần ngừ ngồi xuống và giải thích, không nói chi tiết, rằng trong sáu năm qua gã đã điều hành một công ty chuyển phát ở Chang Rai. Sau vài ly, Fred hăng giọng và hỏi thật ra là chuyện gì đã xảy ra vào cái đêm Roger đột nhiên chạy khỏi d’Ajuda.

Roger nhìn vào ly rượu của mình, hít một hơi sâu và bảo rằng gã không có

lựa chọn nào khác. Tên người Đức, hóa ra lại không phải là người Đức, đã lừa gã và định đập chết gã ngay tại chỗ. Tuy nhiên, vào phút chót, Roger đã thỏa thuận được với tên đó. Roger có ba mươi phút để rời khỏi d'Ajuda nếu gã khai ra Lev Grette sống ở đâu.

“Khẩu súng mà cậu bảo hắn cầm là loại gì?” Fred hỏi.

“Tôi quá không nhìn rõ. Dù sao thì cũng không phải là loại phổ biến. Nhưng mà thề với cậu nó sẽ thối bay đầu tở tở tận quán Fredo.” Roger liếc nhanh ra cửa.

“Tớ vừa tìm được một chỗ ở tại đây,” Fred nói. “Cậu đã có chỗ nào để ở chưa?”

Roger như thế gã chưa hề nghĩ tới chuyện đó. Gã xoa bộ râu chưa cạo hồi lâu rồi mới trả lời.

“Thật ra là chưa.”

EVARD GRIEG

Căn nhà của Lev nằm ở cuối một ngõ cụt. Trông nó giống hầu hết những căn khác xung quanh, cấu trúc đơn giản chỉ khác chỗ căn nhà này có lắp kính thật ở cửa sổ. Một ngọn đèn đường lẻ loi hắt chùm ánh sáng vàng vọt xuống một quần thể động vật vô cùng đa dạng đang đấu tranh để giành không gian sống trong khi những con dơi phàm ăn lặn ngụp trong bóng tối.

“Trông có vẻ như không có ai ở nhà,” Beate thì thào.

“Có lẽ hắn tiết kiệm điện,” Harry nói.

Họ dừng lại trước một cái cổng sắt thấp tè, gỉ sét.

“Vậy chúng ta sẽ tiến hành thế nào?” Beate hỏi. “Đi thẳng vào mà gõ cửa à?”

“Không. Cô bật điện thoại lên và đợi ở đây. Khi thấy tôi đã núp dưới cửa sổ thì gọi vào số này.” Anh đưa cho cô mẫu giấy xé ra từ một cuốn sổ.

“Tại sao?”

“Nếu tôi nghe thấy có tiếng điện thoại di động đổ chuông trong nhà thì chúng ta có thể đoán là Lev có nhà.”

“Được. Vậy còn việc bắt giữ hắn, anh nghĩ sẽ phải làm thế nào? Với cái này hả?” Cô chỉ vào cái vật to lù lù đen sì Harry đang cầm trong tay phải.

“Sao không?” Harry đáp. “Nó có tác dụng đối với Roger Person mà.”

“Hắn ở trong phòng tối và chỉ nhìn thấy nó qua một cái gương nhà cười thôi, Harry.”

“Ừm, thì vì không được phép mang vũ khí vào Brazil nên chúng ta sẽ phải sử dụng cái mà chúng ta có thôi.”

“Giống như sợi dây câu buộc vào nhà tắm và món đồ chơi ấy hả?”

“Đây không chỉ là một món đồ chơi, Beate. Đây là bộ G-Con 45 hiệu Namco.” Anh vỗ vỗ vào khẩu súng ngắn bằng nhựa cỡ đại.

“Ít ra thì cũng bóc cái nhãn Playstation đi,” Beate lắc đầu nói.

Harry cởi giày, lom khom chạy qua cái sân khô ráo, nứt nẻ từng là bãi cỏ. Anh tới nơi, ngồi xuống, lưng áp vào bức tường bên dưới cửa sổ và dùng tay ra hiệu cho Beate. Anh không nhìn thấy cô, nhưng biết cô có thể thấy anh trên nền bức tường trắng. Anh ngước lên nhìn bầu trời nơi vũ trụ đang phô bày. Giây lát sau, tiếng chuông yếu ớt nhưng rõ ràng của một chiếc điện thoại di động vang lên trong nhà. Bản *Trong lâu đài của vị sơn vương*. Vở kịch Peer Gynt. Gã này có khiếu hài đây.

Harry chăm chú nhìn vào một ngôi sao và cố gắng gạt hết những ý nghĩ khác ra khỏi đầu ngoại trừ việc phải làm. Nhưng anh không làm được. Có lần Aune đã hỏi tại sao người ta lại hay thắc mắc rằng liệu ngoài vũ trụ có sự sống hay không, trong khi chúng ta biết rằng riêng số lượng mặt trời trong thiên hà này còn nhiều hơn số hạt cát trên một bãi biển trung bình? Chúng ta

bản khoản xem liệu có khả năng họ là loài yêu hòa bình không, rồi cân nhắc xem có đáng mạo hiểm để liên lạc với họ hay không. Harry siết chặt báng súng. Lúc này anh cũng đang tự hỏi mình như vậy.

Điện thoại ngừng phát bản nhạc của Grieg. Harry chờ đợi. Rồi anh hít một hơi và nhón chân đi tới cửa. Anh lắng tai nghe nhưng chỉ thấy tiếng dế kêu. Anh bèn nắm lấy tay nắm cửa đoán là nó đã bị khóa.

Khóa thật.

Anh rửa thầm. Anh đã quyết định từ trước rằng nếu nó bị khóa và họ bị mất yếu tố bất ngờ thì họ sẽ đợi đến ngày hôm sau và mua một món vũ khí nào đó trước khi quay về. Anh không tin là việc mua hai khẩu súng cầm tay tử tế ở một nơi như thế này lại có gì khó khăn. Nhưng đồng thời anh lại có cảm giác rằng Lev sẽ sớm được thông báo về những chuyện đã xảy ra trong ngày hôm nay và họ không còn nhiều thời gian nữa.

Harry nhảy dựng lên khi cảm thấy bàn chân phải đột nhiên đau chói. Anh tự động rút chân lại và nhìn xuống. Dưới ánh sáng yếu ớt của các ngôi sao, anh nhìn thấy một đường đen sì trên nền tường trắng xóa. Cái đường đó chạy từ cửa chính, qua cầu thang nơi anh đang đứng, và đi xuống các bậc thềm, ở đó anh không nhìn thấy nó nữa. Anh lục túi áo tìm cái đèn pin nhỏ xíu nhãn hiệu Maglite và bật lên. Kiến. Những con kiến vàng to tướng, gần như trong suốt bò thành hai hàng - một hàng đi xuống bậc thềm, còn hàng kia bò vào trong nhà qua khe cửa dưới. Chúng rõ ràng là một họ kiến khác với loài kiến đen ở Na Uy. Khó có thể nhìn thấy chúng đang vận chuyển thứ gì, nhưng Harry biết đủ về loài kiến, dù vàng hay gì khác, để đoán bên trong ắt phải có thứ gì.

Harry tắt đèn pin. Nghĩ một lát. Rồi rời khỏi đó. Bước xuống bậc thềm và đi ra cổng. Anh dừng lại giữa chừng, quay lại rồi bắt đầu chạy. Cánh cửa đơn giản bằng gỗ đã mục bật tung ra khỏi khung cửa khi bị cái thân thể nặng chín mươi nhăm cân của Harry Hole lao vào, với vận tốc ba mươi cây số một giờ.

Một bên cẳng tay của anh bị đè bên dưới người khi anh và phần còn lại của cánh cửa rơi đánh rầm xuống nền nhà lát gạch, khiến cơn đau nhói lên dọc cánh tay rồi lan tới cổ anh. Nằm trên sàn nhà trong bóng tối, anh chờ đợi một tiếng cạch trôn tru của súng lên cò. Khi không thấy gì, anh bèn đứng dậy và bật đèn pin lên. Luồng ánh sáng hẹp đó chiếu vào dòng kiến đang bò trên tường. Harry cảm thấy máu đang rỉ ra âm ỉ bên trong lớp băng cổ. Anh đi theo những thân kiến óng ánh trên tấm thảm bẩn thỉu bước vào căn phòng kế bên. Dòng kiến đột ngột rẽ trái và tiếp tục leo tường. Đèn pin chiếu vào một tấm hình Kama Sutra trong lúc lướt lên trên. Đoàn kiến phân nhánh và tiếp tục bò trên trần. Harry ngửa đầu ra. Cổ anh đau chưa từng thấy. Giờ thì chúng đã ở ngay phía trên đầu anh. Anh buộc phải quay đầu. Luồng ánh sáng của chiếc đèn pin lướt quanh một lúc rồi lại tìm thấy lũ kiến. Đây thật ra có phải là con đường ngắn nhất của chúng không? Đó là ý nghĩ cuối cùng của Harry trước khi anh nhìn chăm chăm vào mặt Lev Grette. Thân thể Lev lù lù phía trên Harry, làm anh đánh rơi đèn pin và loạng choạng lùi lại. Nào anh có lẽ đã bảo rằng quá muộn rồi, nhưng tay anh vẫn cứ lập bập lần tìm khẩu G-Con 45 hiệu Namco trong trạng thái vừa choáng váng vừa mù mịt.

PHẦN X

LAVA PE

Beate không thể chịu nổi mùi hôi thối quá vài phút nên phải chạy bổ ra ngoài. Người cô gập đôi lại trong lúc Harry bước ra và ngồi xuống bậc thềm hút thuốc.

“Anh không ngủi thấy à?” Beate rên rỉ, dải rốn nhỏ xuống từ mũi, từ miệng.

“Chứng loạn khứu giác.” Harry trầm ngâm nhìn đầu thuốc cháy sáng. “Mất một phần khứu giác. Có một số thứ tôi không còn ngủi thấy nữa. Aune bảo rằng đó là vì tôi đã ngủi mùi xác chết quá nhiều rồi. Tổn thương cảm xúc, kiểu vậy.”

Beate lại ọe tiếp. “Tôi xin lỗi,” cô rên rỉ. “Là lũ kiến. Ý tôi là, tại sao những sinh vật tởm lợm đó lại phải dùng hai lỗ mũi như một kiểu đường cao tốc hai làn thế?”

“Ừm, nếu cô nhất định muốn biết, thì tôi có thể nói cho cô hay chỗ nào có nguồn chất đạm phong phú nhất trên cơ thể người.”

“Không cần, xin cảm ơn!”

“Xin lỗi.” Harry dụi điếu thuốc lên nền đất khô. “Cô đã ứng phó rất tốt lúc ở trong đó, Lønn ạ. Nó không giống như khi xử lý những cuộn băng đầu.” Anh đứng dậy và lại đi vào trong.

Lev Grette đang lủng lẳng trên một sợi thừng ngăn buộc vào cái móc treo đèn trên trần nhà. Hẳn lơ lửng cách sàn nhà ít nhất nửa mét, còn cái ghế bị đá

đổ, và đó là lý do lũ ruồi nhặng đã độc quyền tận hưởng cái xác trước lũ kiến vàng, lúc này vẫn đang tiếp tục cái đám rước ngược xuôi trên sợi dây thừng.

Beate đã tìm thấy điện thoại di động với cục sạc trên sàn nhà bên cạnh ghế xô pha và nói cô có thể xác định cuộc gọi cuối cùng của hắn. Harry đi vào bếp bật đèn lên. Một con gián màu xanh bóng đang chằm chệ trên một tờ giấy A4, hai cái râu rung rung hướng về phía anh, rồi nhanh chóng lẩn vào trong cái nôi.

Harry nhấc tờ giấy lên. Nó được viết tay. Anh đã từng đọc đủ loại thư tuyệt mệnh và rất ít trường hợp văn vẻ ra hồn. Những lời trăng trối thường là những câu lảm nhảm đầy bối rối, những tiếng kêu tuyệt vọng cầu xin giúp đỡ hoặc những lời chỉ dẫn khô khan về việc trao quyền thừa kế cái máy nướng bánh hay máy xén cỏ cho ai. Một trong những lá thư có ý nghĩa hơn cả mà Harry từng đọc là khi một người nông dân ở Maridalen viết bằng phấn trên bức tường trong chuồng gia súc: *Một người đàn ông đã treo cổ tự vẫn ở đây. Làm ơn hãy gọi cho cảnh sát. Xin lỗi.* Từ những kinh nghiệm đó, bức thư của Lev Grette, nếu không phải là độc nhất vô nhị thì chí ít cũng là bất thường.

Trond yêu quý,

Anh vẫn luôn tự hỏi cái cảm giác khi chiếc cầu đi bộ đột ngột há hoác dưới chân ông ta thì như thế nào. Khi cái vực thăm mở ra và ông ta biết có gì đó hoàn toàn vô nghĩa sắp sửa xảy ra. Ông ta sắp chết chẳng vì lý do gì cả. Có lẽ ông ta vẫn còn mong muốn nhiều điều. Có lẽ ai đó đang ngồi đợi ông ta vào buổi sáng hôm ấy. Có lẽ ông ta nghĩ ngày hôm ấy sẽ là khởi đầu cho một cái gì đó mới mẻ. Ông ta đã đúng, theo một cách nào đó...

Anh chưa từng kể với em rằng anh đã tới thăm ông ta trong bệnh viện. Anh đã mang theo một bó hoa to và kể rằng anh đã nhìn thấy mọi chuyện diễn ra từ cửa sổ căn hộ nhà mình; anh đã gọi xe cứu thương và tả lại cho cảnh sát về thăng nhót đó cùng với chiếc xe đạp của nó. Ông ta nằm trên

giường, nhỏ bé và xám ngoét, nói cảm ơn anh. Rồi anh hỏi ông ta một câu hỏi ngớ ngẩn kiểu một bình luận viên thể thao: “Cảm giác của ông lúc đó thế nào?”

Ông ta không trả lời, chỉ nằm yên đó giữa mớ dây nhợ loăng ngoăng và túi dịch truyền, nhìn anh. Rồi ông ta lại cảm ơn anh và y tá bảo anh phải ra ngoài.

Vì vậy anh chẳng bao giờ biết được cái cảm giác đó là thế nào. Tới một ngày, khi vệt thắm cũng mở ra dưới chân anh. Nó không xảy ra khi anh chạy lên phố Industrigata sau vụ cướp. Hoặc sau đó, trong lúc anh đếm tiền. Hoặc trong khi anh đang xem bản tin thời sự. Nó xảy ra đúng y như đã từng xảy ra với ông già đó. Một buổi sáng, anh đang vui vẻ đi dạo, không hề nghĩ có gì hiểm nguy. Năng suất bừng, anh đã an toàn trở về d’Ajuda, anh có thể nghỉ ngơi và bắt đầu nghĩ ngơi. Anh đã tước đoạt từ người mà anh yêu nhất, cái mà nó yêu nhất. Anh đã có hai triệu krone để sống, nhưng chẳng còn mục đích để sống tiếp nữa. Điều đó đã xảy ra vào buổi sáng hôm nay.

Anh không hy vọng là em sẽ hiểu được, Trond ạ. Anh đã cướp một ngân hàng, anh đã thấy cô ấy nhận ra anh, anh bị mắc kẹt trong một trò chơi với những luật chơi của chính nó, những thứ không có chỗ trong thế giới của em. Anh không hy vọng là em sẽ hiểu việc anh sắp làm lúc này, nhưng có lẽ em có thể hiểu rằng cũng có khi người ta cảm thấy chán điều này. Chán sống.

Lev

Tái bút: Lúc ông già đó cảm ơn anh nhưng không mỉm cười, anh không nghĩ ra. Nhưng ngày hôm nay thì anh đã ngẫm nghĩ về chuyện đó, Trond ạ. Có lẽ ông ấy chẳng còn ai, cũng chẳng còn gì chờ đợi mình nữa. Có lẽ ông ta chỉ cảm thấy nhẹ nhõm khi cái vệt mở ra và ông ta nghĩ mình sẽ không phải tự tay làm việc đó.

Beate đang đứng trên một chiếc ghế bên cạnh xác Lev thì Harry bước vào. Cô đang chập vạt uốn cong một ngón tay của Lev vào để có thể gá nó vào mặt trong của một cái hộp kim loại nhỏ bóng loáng.

“Điên quá,” cô nói. “Miếng mút thấm mực bị phơi nắng ở khách sạn nên khô cong mất rồi.”

“Nếu cô không lấy được dấu vân tay rõ nét thì chúng ta sẽ phải sử dụng phương pháp của lính cứu hỏa.”

“Là gì?”

“Bàn tay của những người bị kẹt trong đám cháy thường tự hoạt động không theo điều khiển của họ. Bởi vậy, thậm chí trên một cái xác cháy đen, lớp da trên đầu ngón tay của họ có thể vẫn còn nguyên vẹn và cô có thể sử dụng dấu vân tay để nhận dạng cái xác. Đôi khi, vì những lý do thực tế, lính cứu hỏa phải cắt một ngón tay và đưa tới cho Pháp y.”

“Thế gọi là mạo phạm thân thể đấy.”

Harry nhún vai. “Nếu cô nhìn sang bàn tay kia của cái xác thì sẽ thấy hằn đã bị mất một ngón rồi.”

“Tôi thấy rồi,” cô đáp. “Trông như thể nó đã bị cắt vậy. Thế có nghĩa là sao?”

Harry tới gần hơn và chiếu đèn pin vào. “Nghĩa là mãi lâu sau khi hằn treo cổ ngón tay mới bị cắt. Có lẽ có ai đó đã tới đây và thấy hằn đã làm thay việc của mình.”

“Ai?”

“Ừm, ở một số nước, dân Di gan trừng phạt kẻ trộm bằng cách cắt ngón tay chúng,” Harry nói. “Nếu chúng ăn trộm của dân Di gan thì sẽ bị như vậy.”

“Tôi nghĩ là tôi đã lấy được một dấu vân tay khá rõ,” Beate nói, quệt mồ hôi trên trán. “Chúng ta hạ hằn xuống chứ?”

“Không,” Harry đáp. “Ngay sau khi đã xem xét hết nơi này, chúng ta sẽ xóa sạch dấu vết rồi chuẩn. Tôi đã thấy một cái bột điện thoại ngoài đường

cái. Tôi sẽ ra đó gọi nặc danh cho cảnh sát để thông báo về cái xác. Khi về tới Oslo, cô có thể gọi điện cho cảnh sát Brazil và yêu cầu họ gửi báo cáo pháp y. Tôi chắc chắn là hắn đã bị chết vì nghẹt thở, nhưng tôi muốn biết thời gian chết.”

“Thế còn cánh cửa?”

“Chúng ta chẳng làm gì được với nó cả đâu.”

“Còn cổ anh? Cái băng đã đỏ ối rồi kìa.”

“Quên nó đi. Tay tôi còn đau hơn đây này. Tôi đã đè lên nó khi lao qua cửa.”

“Đau đến mức nào?”

Harry gượng nhẹ giơ cánh tay lên và nhăn mặt. “Không cử động thì không sao.”

“Hãy nghĩ là anh may mắn vì không bị mắc chứng múa giật Setesdal.”

Hai trong ba người trong căn phòng phá lên cười, nhưng tiếng cười của họ nhanh chóng lắng xuống.

Trên đường về khách sạn, Beate hỏi Harry xem anh có thấy toàn bộ sự việc đó có gì khó hiểu không.

“Từ góc độ chuyên môn thì không. Còn ngoài chuyên môn thì tôi chưa bao giờ thấy tự sát là điều dễ hiểu cả.”

Anh búng tàn thuốc. Nó vạch một đường vòng cung trong màn đêm đen đặc như sờ thấy được. “Nhưng đấy là tôi.”

PHÒNG 316

Cánh cửa sổ mở đánh rầm.

“Trond đi vắng rồi,” giọng bà hàng xóm lách rền. Mái tóc trắng phau của bà

ta rõ ràng là vừa mới sử dụng một liều hóa chất nữa kể từ chuyến viếng thăm lần trước của họ và da đầu bà ta sáng bong lên dưới lớp tóc đã mất hết sức sống. “Các vị vừa đi xuống phía Nam đấy à?”

Harry ngẩng khuôn mặt rám nắng lên và nhìn bà ta. “Gần như vậy. Bà có biết anh ta đi đâu không?”

“Cậu ta đang sắp đồ đạc lên xe,” bà ta nói, chỉ về mặt bên kia của dãy nhà. “Tôi nghĩ là cậu ta sắp đi du lịch, tội nghiệp.”

“Ừm.”

Beate muốn đi, nhưng Harry vẫn đứng im tại chỗ. “Bà sống ở đây lâu rồi phải không?” anh hỏi.

“Ồ, vâng. Ba mươi hai năm.”

“Chắc bà vẫn còn nhớ Lev và Trond từ hồi họ còn nhỏ chứ?”

“Đương nhiên. Hai anh em họ đã để lại dấu ấn sâu đậm lên cái khu Disengrenda.” Bà ta mỉm cười và dựa vào khung cửa sổ. “Nhất là Lev. Cái thẳng miệng cứ dẻo quẹo. Chúng tôi vẫn luôn biết lớn lên cậu ta sẽ trở thành một đứa nguy hiểm với phụ nữ.”

“Nguy hiểm à, vâng. Có lẽ bà biết chuyện về người đàn ông bị ngã từ trên cầu dành cho người đi bộ xuống chứ?”

Mặt bà ta sa sầm và bà ta thì thào bằng giọng thương cảm. “Ồ, có chứ. Một chuyện khủng khiếp. Tôi nghe nói là ông ta đã không bao giờ đi lại bình thường được nữa, tội nghiệp. Hai đầu gối của ông ta cứng đờ lại. Anh có thể hình dung nổi có đứa trẻ nào nghĩ ra cái trò ác độc thế không?”

“Ừm. Hẳn đó phải là một đứa trẻ lêu lổng.”

“Lêu lổng ư?” Bà đưa tay lên che mắt. “Tôi không nói vậy đâu. Cậu ta là một đứa trẻ lễ phép, được dạy dỗ tử tế. Vì thế nên chuyện đó mới gây sốc.”

“Và mọi người quanh đây đều biết anh ta đã làm chuyện đó?”

“Tất. Tôi đã thấy cậu ta từ chính cái cửa sổ này. Mặc áo khoác đỏ phóng chiếc xe đạp của cậu ta. Lẽ ra tôi phải biết là có chuyện gì đó bất thường khi

cậu ta quay về. Mặt cậu ta cắt không còn hột máu.” Bà ta rùng mình trước cơn gió lạnh vừa thổi ào qua. Rồi bà ta chỉ sang đường.

Trond đang đi về phía họ, hai tay buông thõng bên hông. Anh ta bước chậm lại dần, rồi cuối cùng, gần như dừng hẳn.

“Là về Lev, phải không,” anh ta lên tiếng khi cuối cùng cũng bước đến chỗ họ.

“Đúng,” Harry đáp.

“Anh ấy chết rồi à?”

Từ khóe mắt, Harry thấy bộ mặt kinh ngạc trong cửa sổ. “Đúng anh ta chết rồi.”

“Tốt,” Trond nói. Rồi anh ta cúi xuống và vùi mặt vào lòng bàn tay.

Bjarne Møller đứng nhìn chăm chăm qua cửa sổ với vẻ lo âu khi Harry ló vào qua cánh cửa khép hờ. Anh gõ cửa.

Møller quay lại, mặt tươi hân lên. “Ồ, chào cậu.”

“Báo cáo đây, thưa sếp.” Harry quăng cái phong bì đựng tài liệu màu xanh lên bàn ông.

Møller ngồi phịch xuống ghế, sau một hồi cố gắng xoay xở ông cũng nhét được đôi chân dài quá khổ xuống dưới gầm bàn và đeo kính lên.

“A ha,” ông lẩm bẩm trong lúc mở cái phong bì bên ngoài đề DANH MỤC TÀI LIỆU. Bên trong có độc một tờ giấy A4.

“Tôi không nghĩ là ông sẽ muốn biết hết tỉ mỉ mọi chuyện,” Harry nói.

“Nếu cậu đã nói vậy, thì tôi chắc là cậu đúng,” Møller nói, lướt qua những dòng chữ thừa rếch.

Harry nhìn qua vai sếp mình ra ngoài cửa sổ. Chẳng có gì để nhìn, chỉ thấy sương mù dày đặc giăng mắc khắp thành phố như một cái tã đã dùng. Møller đặt tờ giấy xuống.

“VẬY là cậu đã tới đó, có người đã báo cho cậu biết chỗ ở của Kẻ Hành quyết và cậu tìm thấy hắn đã treo cổ hả?”

“Đại để là vậy.”

Møller nhún vai. “Tôi sẽ chấp nhận báo cáo này miễn là chúng ta có bằng chứng chắc chắn rằng gã này là kẻ mà chúng ta đang tìm.”

“Weber đã kiểm tra dấu vân tay sáng nay.”

“Và?”

Harry ngồi xuống ghế. “Chúng khớp với những dấu vân tay chúng ta tìm thấy trên chai Coca mà tên cướp đã cầm trước khi hành động.”

“Có chắc đó cũng là một chai...?”

“Thư giãn đi, sếp. Chúng tôi đã có hình ảnh của cả cái chai lẫn tên cướp trên băng ghi hình. Ông vừa đọc trong bản báo cáo nói rằng chúng ta đã có thư tuyệt mệnh viết tay trong đó Lev Grette đã thú nhận, phải không nào? Chúng tôi đã tới khu Disgrenda sáng nay để thông báo cho Trond Grette. Chúng tôi cũng hỏi mượn những cuốn vở thời đi học của Lev cất trên gác xép và Beate đã mang tới chỗ chuyên gia về chữ viết tay bên Kripos. Anh ta bảo rằng chắc chắn chữ trong thư tuyệt mệnh được viết bởi cùng một người.”

“Rồi, rồi, rồi, tôi chỉ muốn hoàn toàn chắc chắn trước khi công bố tin này thôi, Harry. Nó sẽ là tin trang nhất đấy, cậu biết mà.”

“Ông nên cố gắng vui lên một chút, sếp ạ.” Harry đứng dậy. “Chúng ta mới phá vụ án lớn nhất trong một thời gian dài. Chỗ này phải giăng cờ, hoa, biểu ngữ và bóng bay phấp phới mới phải.”

“Chắc là cậu nói đúng,” Møller thở dài. ông ngừng một lúc rồi hỏi. “VẬY tại sao trông cậu cũng chẳng vui hơn?”

“Tôi sẽ không vui được chừng nào chưa phá được vụ án kia, ông biết mà...” Harry đi ra cửa. “Hôm nay Halvorsen và tôi sẽ dọn bàn để mai bắt đầu điều tra vụ Ellen Gjeltén.”

Anh dừng lại ở ngưỡng cửa khi Møller hắng giọng. “Gì vậy, sếp?”

“Tôi thắc mắc là làm thế nào cậu lại biết được Lev Grette là Kẻ Hành quyết.”

“À, phiên bản chính thức là Beate đã nhận ra hắc trên băng ghi hình. Ông có muốn nghe phiên bản không chính thức không?”

Møller xoa bóp cái đầu gối cứng đơ. Vẻ mặt lo lắng lại hiện ra. “Chắc là không.”

“Ừm,” Harry lên tiếng khi đứng ở ngưỡng cửa Nhà Đau đớn.

“Ừm,” Beate đáp lại, xoay ghế và liếc nhìn những hình ảnh đang lướt qua trên màn hình.

“Tôi nghĩ là phải cảm ơn cô vì đã phối hợp quá tuyệt vời.”

“Tôi cũng vậy.”

Harry đứng đó, mân mê chùm chìa khóa. “Thôi,” anh nói. “Tôi không nghĩ là Ivarsson sẽ bực mình lâu lắm đâu. Dù sao thì ông ta cũng đã được đắm mình trong vinh quang rằng chính ông ta đã đề xuất lập ra đội chúng ta còn gì.”

Beate cười nhạt. “Tối chừng nào đội còn tồn tại.”

“Chớ quên cái chuyện mà tôi đã nói về người mà cô đã biết là ai rồi đấy nhé.”

“Không đâu.” Mắt cô lóe lên.

Harry xo vai. “Hắc là một tên khốn. Tôi không thể vô lương tâm đến mức không nói cho cô biết.”

“Rất vui được biết anh, Harry.”

Harry để cánh cửa khép lại sau lưng.

Harry mở cửa căn hộ của anh, đặt cái túi hành lý và túi đựng bộ trò chơi Playstation xuống giữa nền sảnh và đi vào giường. Sau ba tiếng ngủ liền tù tì không mộng mị, anh tỉnh giấc khi nghe thấy tiếng chuông điện thoại. Anh quay sang nhìn thì thấy đồng hồ báo thức chỉ 7 giờ 3 phút tối; anh bèn bật dậy khỏi giường, lật xệch chạy ra sảnh, nhấc điện thoại lên và nói, “Chào cậu, Øystein,” trước khi người kia kịp giới thiệu tên.

“Chào, cậu ở Oslo, còn tôi đang ở sân bay Ai Cập,” Øystein đáp. “Chúng ta đã hẹn giờ này sẽ nói chuyện, phải không?”

“Cậu đúng là thần đúng hẹn,” Harry vừa đáp vừa ngáp. “Và đang say.”

“Say đâu mà say,” Øystein nói líu lười, giọng phẫn nộ. “Mới tợp hai ly Stella thôi. Hay là ba nhĩ? Cậu biết đấy, ở sa mạc là phải để ý lượng nước mình uống. Tôi hoàn toàn tỉnh táo và sáng suốt, Harry ạ.”

“Thế thì tốt rồi. Hy vọng là cậu có thêm nhiều tin tức tốt lành.”

“Giống như bác sĩ thường nói, có cả tin tốt lẫn tin xấu. Tôi sẽ nói tin tốt trước nhé...”

“Được.”

Ngừng một lúc lâu, trong lúc ấy Harry chỉ nghe thấy tiếng rền rẹt trên nền tiếng gì đó nghe như tiếng thở nặng nề.

“Øystein?”

“Sao?”

“Tôi đang đứng đây, phấn khích như một đứa bé chờ quà Giáng sinh.”

“VẬY HẢ?”

“Tin tốt là gì?”

“À, đúng rồi. Ừm, tôi đã lấy được số điện thoại của vị khách đó, Harry. Đơn giản như đan rổ, ở đây họ nói vậy. Đó là một số di động từ Na Uy.”

“Di động ư? Có thể dùng số di động không?”

“Cậu có thể gửi email qua mạng không dây đi khắp thế giới. Chỉ cần nối máy tính của cậu với một cái điện thoại di động, điện thoại này lại nối với máy chủ. Khá là xưa rồi mà, Harry.”

“OK, nhưng khách hàng đó có tên chứ?”

“Ờ... đương nhiên. Nhưng những gã ở El Tor không có. Họ chỉ gửi hóa đơn cho tổng đài điện thoại ở Na Uy thôi, trong trường hợp này là Telenor, đến lượt công ty này sẽ gửi hóa đơn cho khách hàng cuối cùng. Vì vậy tôi gọi cho Dịch vụ giải đáp số điện thoại ở Na Uy và lấy được cái tên đó.”

“Sao?” Harry lúc này đã tỉnh như sáo.

“Giờ thì đến cái tin không mấy tốt lành đây.”

“Sao?”

“Cậu đã xem hóa đơn điện thoại gần đây chưa, Harry?”

Mất vài giây anh mới hiểu ra. “Điện thoại di động của tôi ư? Gã khốn kiếp đó đã sử dụng điện thoại của tôi ư?”

“Tôi đoán là cậu bị mất phải không?”

“Đúng, tôi bị mất từ cái tối... ở nhà Anna. Khốn kiếp!”

“Thế mà cậu chẳng nghĩ ra, tốt hơn là nên báo cắt điện thoại à?”

“Nghĩ ra á?” Harry rên rỉ. “Từ hồi cái chuyện chết tiệt này xảy ra, tôi chẳng nghĩ ra được cái gì khôn ngoan cả, Øystein. Xin lỗi cậu, nhưng tôi đang sợ vãi ra đây này. Quá đơn giản và rõ ràng. Đó là lý do vì sao tôi không tìm thấy điện thoại ở nhà Anna. Và vì sao mà hần cười nhạo tôi.”

“Xin lỗi vì đã phá hỏng ngày hôm nay của cậu.”

“Gượng đã.” Harry nói, đột nhiên phấn chấn hẳn lên. “Nếu chúng ta chứng minh được hần giữ điện thoại của tôi thì chúng ta cũng chứng minh được là hần đã vào nhà Anna sau khi tôi rời khỏi đó!”

“Chu cha!” Cái ống nghe ré lên. Rồi một câu nói thận trọng hơn cất lên: “Mà thế có phải là cậu vẫn vui không? A lô? Harry?”

“Tôi đây. Tôi đang nghĩ.”

“Nghĩ là tốt. Cứ nghĩ đi. Tôi có hẹn với Stella. Ừm, thật ra là vài ly Stella. Và nếu tôi lên kịp chuyến bay về Oslo...”

“Thượng lộ bình an, Øystein.”

Harry đứng đó, tay vẫn cầm ống nghe, cân nhắc xem liệu có nên ném nó vào gương không. Khi anh tỉnh dậy vào ngày hôm sau, anh hy vọng là cuộc trò chuyện với Øystein chỉ là mơ. Mà đúng là thế thật. Sáu hay bảy phiên bản khác nhau.

Raskol ngồi đó, đầu gục vào lòng bàn tay trong lúc Harry nói. Hẳn không động đậy hay ngắt lời anh trong lúc anh thuật lại chuyện đã tìm ra Lev Grette và chuyện cái điện thoại di động của anh chính là nguyên nhân khiến họ vẫn không tìm ra bằng chứng chống lại kẻ đã giết Anna. Khi Harry nói xong, Raskol khoanh tay lại và từ từ ngẩng đầu lên. “Anh đã phá xong vụ án của mình rồi, nhưng vụ án của tôi vẫn chưa được phá.”

“Tôi không xem đó là vụ án của tôi và vụ án của ông, Raskol. Trách nhiệm của tôi...”

“Nhưng tôi thì có, Spiuni,” Raskol cắt ngang. “Tôi điều hành một đội quân.”

“Ừm. Ý ông chính xác là gì?”

Raskol nhắm mắt lại. “Tôi đã kể cho anh nghe về cái lần Ngô Vương mời Tôn Tử dạy cho các cung nữ về binh pháp chưa nhỉ, Spiuni?”

“Ừm, chưa.”

Raskol mỉm cười. “Tôn Tử là nhà trí thức, và ông ta bắt đầu bằng việc giải thích chính xác và mô phạm về cách hành quân cho đám cung nữ. Khi tiếng trống vang lên, họ không chịu hành quân mà cứ khúc khích hoặc cười to. Tôn Tử bèn nói, ‘Nếu mệnh lệnh của vị tướng không được hiểu thì đó là lỗi của vị tướng,’ và giải thích thêm một lần nữa. Nhưng chuyện tương tự vẫn xảy ra

khi ông ra lệnh hành quân. ‘Nếu mệnh lệnh đã được hiểu nhưng không được tuân theo thì đó là lỗi của chỉ huy,’ ông ta nói và sai hai tên lính của ông ta chọn ra hai người đứng đầu đám cung nữ. Họ bị xếp hàng rồi đem chặt đầu ngay trước mặt những người cung nữ khác đang run sợ. Khi đức vua nghe thấy hai ái phi của mình bị chặt đầu, ngài liền đổ bệnh và nằm liệt giường mất mấy ngày. Lúc bình phục, ngài bèn trao cho Tôn Tử quyền chỉ huy quân đội của mình.” Raskol lại mở mắt ra. “Câu chuyện này dạy cho chúng ta điều gì, Spiuni?”

Harry không đáp.

“Nó dạy chúng ta rằng, trong quân đội, logic lúc nào cũng phải toàn vẹn và thống nhất. Nếu anh buông lỏng kỷ cương, anh sẽ chỉ có một đám cung nữ cười rúc rích. Khi anh tới hỏi vay thêm 40.000 krone nữa, anh đã có được nó là vì tôi tin chuyện tấm ảnh trong giày của Anna. Vì Anna là người Di gan. Người Di gan chúng tôi đi đâu cũng sẽ để một patrin ở ngã ba đường. Một cái khăn quàng màu đỏ buộc trên cành cây, một khúc xương gãy, chúng đều mang ý nghĩa khác nhau. Một tấm ảnh có nghĩa là ai đó đã chết. Hoặc sẽ chết. Anh không biết chuyện đó, nên tôi đã tin lời anh nói.” Raskol đặt hai tay lên bàn, lòng bàn tay ngửa lên. “Nhưng người đàn ông đã lấy mạng cháu gái tôi vẫn nhón nhơ ngoài kia, và khi tôi ngồi đây nhìn anh, tôi thấy một cung nữ đang khúc khích cười, Spiuni ạ. Đã nói là phải làm. Cho tôi biết tên hân, Spiuni.”

Harry hít một hơi. Hai từ. Bốn âm tiết. Nếu anh hết lộ tên của Albu, anh ta sẽ phải chịu bản án như thế nào? Giết người có tính toán trước, động cơ là ghen tuông. Chín năm, sáu năm thì ra? Còn hậu quả dành cho Harry? Vụ điều tra chắc chắn sẽ làm lộ ra cái sự thật rằng anh, vốn là cảnh sát, lại giấu nhem sự thật để chính mình không trở thành kẻ tình nghi. Gậy ông đập lưng ông. Hai từ, bốn âm tiết. Toàn bộ những rắc rối của anh sẽ được giải quyết. Albu sẽ là kẻ duy nhất phải hứng chịu hậu quả cuối cùng.

Câu trả lời của Harry chỉ có một âm tiết.

Raskol gật đầu và nhìn Harry bằng ánh mắt buồn bã. “Tôi đã e là anh sẽ nói vậy. Anh không cho tôi cơ hội nào cả, Spiuni. Anh có nhớ tôi đã nói gì khi anh hỏi tôi tại sao tôi tin anh không?”

Harry gật đầu.

“Ai cũng có thứ gì đó mà họ coi là mục đích của đời mình. Chẳng phải đúng thế sao, Spiuni? Một thứ có thể bị lấy đi. Thế, phòng 316 nghe có quen không?”

Harry không trả lời.

“Vậy thì để tôi nói cho anh biết nhé. Ba một sáu là số phòng ở khách sạn Quốc tế tại Moscow. Olga đang trực ở tầng đó. Cô ta sắp nghỉ hưu và muốn có một kỳ nghỉ dài, thú vị bên bờ Biển Đen. Có ba cầu thang bộ và một thang máy dẫn đến tầng đó. Thêm cả thang máy dành cho nhân viên nữa. Căn phòng đó có giường đôi.”

Harry nuốt đánh ực.

Raskol tì trán lên hai bàn tay đã gập lại. “Thằng bé nằm ngủ ở gần cửa sổ nhất.”

Harry đứng dậy, đi ra cửa và đập dữ dội. Anh nghe thấy tiếng động vang vọng khắp hành lang bên ngoài. Anh cứ thế đập cho tới lúc nghe thấy tiếng chìa khóa tra vào ổ.

CHẾ ĐỘ RUNG

“Xin lỗi, nhưng tôi đã đi nhanh hết sức rồi,” Øystein nói, lái chiếc xe taxi của anh ta xuống khỏi vỉa hè bên ngoài cửa hiệu Trái cây và Thuốc lá của Elmer.

“Mừng cậu trở về,” Harry nói, tự hỏi liệu chiếc xe buýt đang chạy tới từ

bên phải có nhận ra rằng Øystein không có ý định dừng lại không.

“Chúng ta sẽ tới Slemdal phải không?” Øystein phớt lờ tiếng còi đầy tức giận của chiếc xe buýt.

“Bjørnetrakket. Cậu có biết là ở chỗ này cậu phải nhường đường không đấy?”

“Quyết định không nhường.”

Harry quay sang nhìn anh bạn. Anh chỉ thấy có hai con mắt đỏ ngầu sau hai cái kính hẹp. “Một hả?”

“Mất ngủ vì đi máy bay.”

“Ở đây và Ai Cập chỉ chênh lệch có một múi giờ thôi, Øystein.”

“Ít nhất là thế.”

Vì cả bộ giảm xóc lẫn lò xo ở chiếc ghế của anh không còn hoạt động được nữa, Harry cảm thấy từng viên sỏi xe nghiền qua và từng lúc lên hay xuống dốc trên suốt quãng đường trong lúc họ phóng ngoằn ngoắt qua những khúc quanh trên đường tới nhà Albu, nhưng lúc này chuyện đó chẳng khiến anh bận tâm là mấy. Anh đã mượn điện thoại của Øystein, gọi tới khách sạn Quốc tế, phòng 316. Oleg nghe máy. Harry nghe thấy giọng thằng bé vui vui khi nó hỏi anh đang ở đâu.

“Trong ô tô. Mẹ cháu đâu?”

“Ra ngoài rồi ạ.”

“Chú cứ nghĩ tới mai mẹ cháu mới phải đến tòa án.”

“Tất cả các luật sư sẽ họp tại Kuznetski Most,” nó nói như người lớn. “Một tiếng nữa mẹ cháu sẽ về.”

“Nghe này, Oleg, cháu nhắn cho mẹ nhé. Bảo mẹ cháu đổi khách sạn đi. Đổi ngay nhé.”

“Tại sao ạ?”

“Vì... chú bảo thế. Chỉ bảo với mẹ thế thôi, được chứ? Chú sẽ gọi lại sau.”

“Được ạ.”

“Ngoan lắm. Chú phải đi đây.”

“Chú...”

“Gì thế?”

“Không có gì ạ.”

“OK. Đừng quên bảo với mẹ điều chú vừa nói nhé.”

Øystein hăm phanh và đỗ xe lên vỉa hè.

“Đợi ở đây.” Harry nói và nhảy ra. “Nếu hai mươi phút nữa mà tôi không ra thì gọi cho phòng tác chiến, số điện thoại tôi đã đưa cho cậu rồi đấy. Bảo với họ là...”

“Thanh tra Hole bên Đội Hình sự muốn cử một xe tuần tra với các sĩ quan cảnh sát có vũ trang tới đây ngay. Tôi biết rồi, Harry.”

“Tốt. Nếu cậu nghe thấy tiếng súng thì gọi điện ngay nhé.”

“Được rồi. Như trong phim nào ấy nhỉ?”

Harry ngược lên nhìn ngôi nhà. Không thấy tiếng sủa nào. Một chiếc xe BMW từ từ đi qua xe họ và đỗ lại ở phía dưới phố. Còn mọi thứ khác đều yên lặng.

“Hầu hết các phim,” Harry thở ra.

Øystein toét miệng cười. “Tuyệt.” Rồi một nếp nhăn lo âu xuất hiện ở giữa hai mắt anh ta. “Đúng là chuyện này tuyệt chứ? Không phải chỉ là mạo hiểm đến điên rồ đâu nhỉ?”

Vigdis Albu ra mở cửa. Cô ta mặc một cái áo sơ mi trắng mới là và váy ngắn, nhưng đôi mắt vẫn còn lơ mơ của cô ta thì có vẻ như vừa đi ra từ giường ngủ.

“Tôi đã gọi đến cơ quan chồng bà,” Harry nói. “Họ bảo tôi là hôm nay ông ấy ở nhà.”

“Có lẽ,” cô ta đáp. “Anh ta không sống ở đây nữa, ngài thanh tra. Anh chính là người đã lôi toàn bộ chuyện này lên cùng với... với...” Cô ta hươ

tay như thể đang tìm từ thích hợp, nhưng với nụ cười đầy ác cảm, cô ta đành chấp nhận là không còn từ nào khác để diễn đạt: "... con điểm đó."

"Tôi vào được chứ, bà Albu?"

Cô ta khom vai và rùng mình để biểu lộ nỗi ghê tởm. "Hãy gọi tôi là Vigdis hoặc bất cứ cái tên nào khác, nhưng không phải cái tên đó."

"Cô Vigdis." Harry cúi người. "Giờ thì tôi vào được rồi chứ?"

Cặp lông mày tía mỏng cau lại. Cô ta lưỡng lự. Rồi cô ta chìa một bàn tay ra. "Sao không?"

Harry nghĩ anh phát hiện ra mùi rượu gin thoảng qua, nhưng cũng có khi là mùi nước hoa của cô ta. Chẳng có gì trong căn nhà cho thấy điều bất thường - nó sạch sẽ, thơm tho và gọn gàng. Có những bông hoa tươi trong một chiếc lọ trên tủ buýp phê. Harry nhận thấy lớp vỏ bọc ghế xô pha trắng hơn một chút so với màu trắng nhạt mà anh ngồi lần trước. Nhạc cổ điển bật nhỏ đang phát ra từ những chiếc loa anh không nhìn thấy.

"Mahler phải không?" Harry hỏi.

"Những bản nhạc hay nhất," Vigdis nói. "Arne chỉ mua tuyển tập thôi. Anh ta luôn nói mọi thứ nếu không phải tốt nhất thì chỉ là đồ bỏ."

"Thật tốt là anh ta không đem những tuyển tập đó theo. Mà anh ta đang ở đâu vậy?"

"Trước hết, anh ta không sở hữu bất cứ thứ gì anh nhìn thấy ở đây. Và tôi không biết, mà cũng chẳng muốn biết anh ta đang ở đâu. Anh có thuốc lá không, thanh tra?"

Harry đưa bao thuốc cho cô ta và chăm chú nhìn cô ta lóng ngóng bật cái bật lửa bằng gỗ tếch và bạc loại để bàn. Anh cúi người qua bàn và chìa cái bật lửa dùng một lần của mình ra.

"Cảm ơn anh. Tôi đoán anh ta ra nước ngoài rồi. Một nơi nào đó ấm áp. Chứ không nóng nực, như tôi muốn, tôi e là vậy."

"Ừm. Cô nói rằng ông ta không sở hữu bất cứ thứ gì ở đây nghĩa là sao?"

“Chính xác như tôi nói. Ngôi nhà, đồ đạc, xe ô tô - tất cả đều là của tôi.”
Cô ta phả mạnh khói thuốc. “Cứ hỏi luật sư của tôi.”

“Tôi nghĩ là chồng cô có tiền để...”

“Đừng có gọi anh ta như thế!” Vigdis hình như đang cố hút hết số thuốc lá ra khỏi điếu thuốc. “Đúng, Arne có tiền. Anh ta có đủ tiền để mua ngôi nhà, đồ đạc, xe cộ, những bộ vest, căn nhà gỗ và trang sức mà anh ta đưa cho tôi không với lý do nào khác ngoài để trưng trổ trước mặt tất cả cái đám được gọi là bạn đó. Anh thấy đó, điều duy nhất có ý nghĩa với Arne là chuyện người khác sẽ đánh giá như thế nào về anh ta. Gia đình của anh ta, gia đình của tôi, đồng nghiệp, hàng xóm và bạn bè từ thời đại học.” Nỗi tức giận khiến cho giọng cô ta có âm sắc the thé chói tai như thể cô ta đang nói qua một cái loa vậy. “Ai cũng là khán giả trước cuộc sống tuyệt vời của Arne Albu. Họ phải vỗ tay khi mọi chuyện diễn ra tốt đẹp. Nếu Arne chịu dành cái sức lực để thu hút những tràng pháo tay đó mà điều hành công ty thì có lẽ Albu AS đã không tụt dốc như thế.”

“Theo Dagens Naeringsliv, công ty Albu AS làm ăn khá lắm cơ mà.”

“Albu AS là một công ty gia đình, không phải công ty niêm yết trên sàn chứng khoán, thường xuyên phải công bố thông tin chi tiết về các tài khoản của họ. Arne làm cho nó trông có vẻ sinh lời bằng cách thanh lý tài sản của công ty.” Cô ta dụi nửa điếu thuốc còn lại vào gạt tàn. “Hai năm trước, công ty rơi vào một cơn khủng hoảng tiền mặt sâu sắc và vì chính Arne phải chịu trách nhiệm cho khoản nợ đó, anh ta đã sang tên ngôi nhà và tất cả các tài sản khác của chúng tôi cho tôi và lũ trẻ.”

“Nhưng những người mua lại trả một khoản tiền khá lớn. Báo chí viết là ba mươi triệu.”

Vigdis bật cười chua chát. “Vậy là anh tin vào cái câu chuyện về một doanh nhân thành đạt rút lui để dành nhiều thời gian hơn cho gia đình, phải không? Arne rất giỏi PR, tôi phải công nhận là như vậy. Để tôi nói thế này

nhé - Arne phải lựa chọn hoặc là bán công ty, hoặc là phá sản. Đương nhiên là anh ta chọn về đầu.”

“Thế còn ba mươi triệu?”

“Arne có thể trở nên quỵến rũ khi anh ta muốn. Và mọi người sẽ phải mê mẩn. Đó là lý do vì sao anh ta giỏi thương lượng, nhất là trong những tình huống nhiều sức ép. Nhờ vậy mà ngân hàng và nhà cung cấp mới để cho công ty này sống sót lâu tới vậy. Arne đã thương lượng được hai điều khoản trong hợp đồng với nhà cung cấp về cái mà lẽ ra là một thỏa ước từ bỏ vô điều kiện. Anh ta sẽ được phép giữ lại căn nhà gỗ, hiện vẫn đứng tên anh ta, và anh ta yêu cầu bên mua viết số tiền mua ba mươi triệu. Điều đó không có ý nghĩa nhiều lắm với họ vì họ có thể xóa toàn bộ số tiền đó bằng khoản nợ của Albu AS. Anh ta làm cho vụ phá sản trông như một vụ chuyển nhượng phi thường. Mà đó quả là một kỳ tích, phải không?”

Cô ta ngật đầu ra sau, cười. Harry nhìn thấy vết sẹo nhỏ dưới cằm do phẫu thuật căng da mặt.

“Thế còn Anna Bethsen?” anh hỏi.

“Ả điểm của anh ta ấy hả?” Cô ta bắt chéo đôi chân thanh mảnh, dùng một ngón tay gạt món tóc xòa xuống mặt và nhìn đắm đắm vào khoảng không với vẻ dừng dưng. “Cô ta chỉ là một món đồ chơi mà thôi. Sai lầm lớn của anh ta là hăm hở muốn khoe khoang với đám bạn bè về ả nhân tình người Di gan chính cống. Không phải ai mà Arne xem là bạn cũng cảm thấy họ phải, nói thế nào nhỉ, trung thành với anh ta trong mọi chuyện. Nói tóm lại là chuyện đã tới tai tôi.”

“Và?”

“Tôi cho anh ta một cơ hội nữa. Vì lũ trẻ. Tôi là người biết lý lẽ.” Cô ta nhìn Harry qua hai mi mắt dày. “Nhưng anh ta không chịu nhận.”

“Có lẽ anh ta phát hiện ra rằng cô ấy không chỉ là một món đồ chơi chẳng?”

Cô ta không trả lời, nhưng cặp môi đã mỏng càng trở nên mỏng hơn.

“Anh ta có phòng làm việc hay đại loại thế không?” Harry hỏi.

Vigdis Albu gật đầu.

Cô ta dẫn anh đi lên lầu. “Anh ta thường khóa trái cửa lại và ngồi ở đây suốt nửa buổi đêm.” Cô ta mở cánh cửa phòng áp mái, căn phòng nhìn ra các mái nhà hàng xóm.

“Làm việc à?”

“Lướt mạng. Anh ta nghiền kinh khủng. Bảo rằng anh ta xem xe, nhưng Chúa mới biết là anh ta làm gì.”

Harry đi tới chỗ cái bàn và kéo một ngăn kéo ra. “Bị lấy hết đồ rồi à?”

“Anh ta mang mọi thứ của anh ta ở đây đi rồi. Nhét vừa một cái túi ni lông.”

“Cả cái máy tính ư?”

“Là laptop.”

“Chiếc lap top mà anh ta kết nối với một điện thoại di động?”

Cô ta nhướn mày. “Tôi chẳng biết gì về chuyện đó cả.”

“Tôi chỉ thắc mắc thôi.”

“Anh còn muốn xem gì nữa không?”

Harry quay lại. Vigdis đang dựa vào khung cửa, một cánh tay vòng qua đầu, tay kia buông bên hông. Cái cảm giác ngờ ngợ chột trào lên trong anh.

“Tôi muốn hỏi một câu cuối cùng, bà... cô Vigdis.”

“Ờ, anh đang vội à, thanh tra?”

“Đồng hồ ngoài xe taxi đang chạy. Câu hỏi đơn giản thôi. Cô có nghĩ là có thể anh ta đã giết Anna không?”

Cô ta chăm chú nhìn Harry, không có vẻ gì là vội, nhẹ nhàng đá gót giày vào bậc cửa. Harry chờ đợi.

“Anh có biết điều đầu tiên anh ta thốt ra khi tôi nói với anh ta về con điếm đó là gì không? Hứa với anh là em sẽ không nói với ai, Vigdis. Tôi không

được nói với ai! Với Arne, ý niệm rằng người khác nghĩ là chúng tôi hạnh phúc quan trọng hơn quan hệ thực sự giữa chúng tôi. Câu trả lời của tôi, ngài thanh tra ạ, là tôi không biết anh ta có thể làm chuyện gì. Tôi không biết người đàn ông đó.”

Harry lôi một tấm danh thiếp từ túi áo trong ra. “Tôi muốn cô gọi cho tôi nếu anh ta liên lạc với cô hoặc nếu cô biết được anh ta đang ở đâu. Ngay lập tức.”

Vigdis nhìn danh thiếp của anh, cặp môi tô son hồng túm tùm cười. “Chỉ khi đó thôi sao, thanh tra?”

Harry không trả lời.

Trên cầu thang bên ngoài căn nhà, anh quay lại nhìn cô ta. “Cô có nói với ai không?”

“Rằng chồng tôi không chung thủy ư? Anh nghĩ sao?”

“Tôi nghĩ cô là người thực tế.”

Cô ta cười rạng rỡ.

“Mười tám phút,” Øystein nói. “Chết tiệt, nhịp tim tôi bắt đầu tăng rồi đây này.”

“Cậu có gọi vào số di động cũ của tôi trong lúc tôi ở trong đó không đấy?”

“Đương nhiên. Nó cứ đổ chuông suốt.”

“Tôi chẳng nghe thấy gì cả. Nó không còn ở đây nữa.”

“Xin lỗi, nhưng cậu có biết gì về chế độ rung không vậy?”

“Gì cơ?”

Øystein giả vờ như đang lên cơn co giật. “Như thế này này. Chế độ rung. Điện thoại tắt tiếng.”

“Cái điện thoại của tôi có giá một krone và chỉ đổ chuông thôi. Hẳn đã mang nó theo rồi, Øystein ạ. Có chuyện gì với cái xe BMW màu xanh ở dưới

phố rồi?”

“Gì cơ?”

Harry thở dài. “Đi thôi.”

PHẦN XI

MAGLITE

“Anh định bảo em rằng có gã tâm thần nào đó đang đuổi theo mẹ con em vì anh không thể tìm ra kẻ đã giết một người thân của hẳn ư?” Giọng Rakel rít lên trong điện thoại.

Harry nhắm mắt lại. Halvorsen đã ra cửa hàng Elmer và chỉ còn mình anh trong phòng làm việc. “Nói ngắn gọn là như vậy. Anh đã có một thỏa thuận với hẳn. Hẳn đã thực hiện phần của mình.”

“Và đó là lý do tại sao mẹ con em bị săn đuổi ư? Đó là lý do em phải chuyển khách sạn cùng với con trai em, đứa trẻ mà trong vài ngày nữa mới biết được liệu nó có được ở với mẹ mình hay không ư? Chuyện đó... chuyện đó...” Giọng cô vọt lên thành giọng nữ cao đầy giận dữ và đứt quãng. Anh để cô nói mà không ngắt lời. “Tại sao vậy, Harry?”

“Lý do xưa nhất quả đất,” anh nói. “Nợ máu phải trả bằng máu. Thù truyền kiếp.”

“Chuyện đó thì có liên quan gì tới mẹ con em?”

“Anh đã nói là không liên quan gì hết. Em và Oleg không phải là mục đích, mà chỉ là phương tiện thôi. Tên này thấy hẳn có trách nhiệm phải báo thù vụ giết người đó.”

“Trách nhiệm ư?” Tiếng hét của cô xuyên thủng màng nhĩ Harry. “Báo thù là một trong những hành động bảo vệ lãnh thổ mà đàn ông các anh ưa thích nhất. Không phải vì trách nhiệm, mà là ham muốn của loại người chưa tiến

hóa!”

Anh chờ cho đến lúc anh nghĩ là cô đã nói xong. “Anh xin lỗi về chuyện đó, nhưng lúc này anh không thể làm gì được.”

Cô không trả lời.

“Rakel?”

“Vâng.”

“Em đang ở đâu?”

“Nếu những gì anh nói là đúng, về chuyện bọn chúng tìm ra mẹ con em dễ dàng thế nào, thì em không chắc rằng em sẽ mạo hiểm nói với anh trên điện thoại.”

“Được. Em ở một nơi an toàn chứ?”

“Em nghĩ vậy.”

“Tốt.”

Một giọng Nga loáng thoáng vọng vào rồi đi xa dần, giống như trên đài phát thanh sóng ngắn.

“Tại sao anh không thể trấn an em rằng mẹ con em không hề gặp nguy hiểm nào hết, Harry? Hãy nói với em rằng đó chỉ là tưởng tượng của anh, rằng chúng chỉ đang phỉnh...” Giọng cô trở nên gay gắt. “... bất cứ chuyện gì...”

Harry dành thời gian để nghĩ câu trả lời. Rồi anh nói bằng một giọng chậm rãi, rành rọt: “Em cần phải sợ, Rakel à. Đủ sợ để làm việc nên làm.”

“Và đó là?”

Harry hít một hơi sâu. “Anh sẽ giải quyết mọi việc êm đẹp. Anh hứa với em đấy. Anh sẽ giải quyết mọi việc êm đẹp.”

Harry gọi cho Vigdis sau khi Rakel cúp máy. Cô ta nhắc máy ngay sau hồi chuông đầu tiên.

“Tôi, Hole đây. Cô đang ngồi chờ điện thoại của ai hả, bà Albu?”

“Anh nghĩ sao?” Qua cái giọng nói lú lẫm của cô ta, Harry đoán là cô ta

đã uống ít nhất vài ly rượu kể từ lúc anh rời khỏi đó.

“Tôi không biết, nhưng tôi muốn cô báo cảnh sát là chồng cô mất tích.”

“Tại sao? Tôi đâu có thấy thiếu anh ta.” Cô ta bật ra một tiếng cười buồn bã, ngắn ngủi.

“Tôi cần có lý do để bắt đầu tổ chức tìm kiếm. Cô có thể lựa chọn. Hoặc thông báo rằng anh ta đã mất tích, hoặc tôi sẽ tuyên bố anh ta đang bị điều tra. Vì tội giết người.”

Im lặng một lúc lâu. “Tôi không hiểu, ngài cảnh sát.”

“Không có gì nhiều để hiểu đâu, bà Albu. Tôi cứ nói là cô đã báo rằng chồng cô mất tích nhé?”

“Chờ đã!” Cô ta la lên. Harry nghe thấy tiếng thủy tinh vỡ choang ở đâu đây bên kia. “Anh đang nói về chuyện gì thế? Arne đã bị điều tra rồi cơ mà.”

“Đúng, nhưng là do tôi điều tra. Tôi vẫn chưa thông báo với ai cả.”

“VẬY Ừ? Thế còn ba cảnh sát tới đây sau khi anh đi khỏi là sao?”

Harry cảm giác như có một ngón tay lạnh giá đang lướt dọc sống lưng anh. “Ba cảnh sát ư?”

“Lực lượng cảnh sát các anh không liên lạc với nhau ư? Họ không chịu đi. Tôi gần như phát khiếp.”

Harry đã rời khỏi cái ghế ở bàn làm việc. “Có phải họ đi xe BMW màu xanh da trời không, bà Albu?”

“Anh có nhớ tôi đã nói gì với anh về cái vụ gọi bà này bà nọ không, Harry?”

“Cô đã nói gì với họ?”

“Không nhiều lắm. Tôi không nghĩ là có điều gì ngoài những gì tôi đã nói với anh. Họ xem vài tấm ảnh và... ừm, không hẳn là họ bất lịch sự, nhưng...”

“Cô đã làm thế nào để họ về?”

“Về ư?”

“Họ sẽ không về trừ phi đã tìm thấy cái mà họ đang tìm kiếm. Tin tôi đi,

bà Albu.”

“Harry, tôi chán phải nhắc...”

“Nghĩ đi. Chuyện này quan trọng lắm.”

“Chúa ơi, tôi đã bảo anh rồi, tôi chẳng nói gì hết. Tôi... đúng, tôi bật lại một tin nhắn đã được ghi âm mà Arne để lại trên máy trả lời tự động hai ngày trước. Sau đó họ bỏ đi.”

“Cô bảo là cô chưa nói chuyện với anh ta cơ mà.”

“Tôi không nói. Anh ta chỉ bảo là anh ta mang con Gregor đi thôi. Và đúng thế thật. Tôi nghe thấy tiếng nó sửa ở hậu cảnh.”

“Anh ta gọi từ đâu?”

“Làm sao tôi biết được?”

“Dù thế nào thì các vị khách của cô cũng biết. Đây là vấn đề,” Harry cố gắng nghĩ ra cách diễn đạt khác, nhưng bất lực: “... sống còn đấy.”

Có rất nhiều điều Harry không biết về đường sá và thông tin liên lạc. Anh không biết rằng, theo tính toán, việc xây hai đường hầm ở Vinterbro và mở rộng xa lộ đó sẽ giúp giảm tắc nghẽn vào giờ cao điểm trên đường E6 ở phía Nam Oslo. Anh không biết rằng lý lẽ cốt yếu ủng hộ dự án tiền tỷ này không phải những cử tri thường xuyên đi lại giữa Moss và Drøbak mà là vì an toàn giao thông. Những nhà chức trách quản lý dự án làm con đường này đã dùng một công thức tính lợi ích cho xã hội, dựa trên một ước tính rằng một mạng người sẽ tiêu tốn chừng 20,4 triệu krone, trong đó có cả tiền cho xe cứu thương, đổi tuyến đường và thiệt hại thuế thu nhập trong tương lai. Khi đi về phía Nam trên đường E6 bằng chiếc xe Mercedes của Øystein, xe nọ nối đuôi xe kia, Harry thậm chí còn không biết rằng anh coi giá trị mạng sống của Arne Albu là bao nhiêu. Chắc chắn anh không biết mình sẽ đạt được cái gì nếu cứu mạng anh ta. Anh chỉ biết rằng anh không thể để mất cái mà anh có

nguy cơ sắp mất. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Vì vậy, nghĩ quá nhiều sẽ chẳng ích gì.

Tin nhắn được ghi âm mà Vigdis Albu đã bật cho anh nghe qua điện thoại kéo dài năm giây và chỉ có một mẫu thông tin đáng giá. Thế là đủ. Chẳng có gì trong mười từ ngắn ngủi mà Arne Albu nói trước khi cúp máy: ‘Anh đưa Gregor đi cùng. Anh báo để em biết.’

Không phải là tiếng sửa điên cuồng của Gregor trong hậu cảnh.

Đó là những tiếng kêu lạnh lẽo. Lũ mòng biển.

Khi tấm biển chỉ đường báo rẽ vào Larkollen hiện ra thì trời đã tối.

Bên ngoài căn nhà gỗ là một chiếc xe Jeep Cherokee, nhưng Harry đi tiếp lên chỗ quay đầu xe. Không thấy chiếc BMW màu xanh ở đó. Anh bèn đỗ ngay phía dưới ngôi nhà. Lên vào lúc này cũng chẳng gì; anh đã nghe thấy tiếng chó sủa lúc hạ kính cửa xe trên đường vào.

Harry biết rằng lẽ ra anh nên mang theo súng. Không phải là có lý do nào để lường trước là Arne Albu có vũ khí; anh ta không thể biết được có kẻ nóng lòng muốn tính mạng anh ta - hay nói chính xác hơn là muốn cái chết của anh ta. Nhưng họ không còn là những diễn viên duy nhất trong tấn trò này nữa.

Harry bước xuống xe. Lúc này, anh không nhìn thấy hay nghe thấy con mòng biển nào - có lẽ chúng chỉ kêu vào ban ngày, anh nghĩ.

Gregor bị xích vào lan can cạnh những bậc thềm ở cửa trước. Răng nó lóe lên dưới ánh trăng khiến cái gáy vẫn còn nhức nhối của Harry ớn lạnh, nhưng anh vẫn buộc lòng phải đến gần con chó đang tru đó bằng những sải bước chậm rãi.

“Mày nhớ tao chứ?” Harry thì thào khi anh tới gần đến mức có thể chạm được vào hơi thở màu xám của con chó. Sợi xích bị kéo căng rung rung phía sau Gregor. Harry ngồi xuống và, ngạc nhiên thay, tiếng sủa giảm dần. Cái âm thanh khàn khàn cho thấy nó đã sủa được một lúc lâu rồi. Gregor đẩy hai chân trước lên, cúi thấp đầu xuống và dừng hẳn lại. Harry nắm vào tay nắm

cửa. Cửa đã bị khóa. Anh có nghe thấy giọng nói nào trong nhà không? Một bóng đèn trong phòng khách vẫn sáng.

“Arne Albu!”

Không có tiếng trả lời. Harry đợi và thử gọi lại.

Không thấy chiếc chìa khóa trên chỗ cái đèn chụp. Vì vậy, anh tìm một tảng đá đủ lớn, trèo qua thanh chắn trên hiên, đập vỡ một ô kính nhỏ trên cánh cửa thông ra hiên, rồi thò tay qua đó mở cửa.

Không có dấu hiệu vật lộn nào trong căn phòng. Giống một chuyến ra đi vội vã hơn. Có một cuốn sách còn để mở trên bàn. Harry cầm lên. *Macbeth* của Shakespeare. Có một dòng chữ được khoanh lại bằng bút bi xanh. *Ta không nói bằng lời; tiếng nói của ta nằm ở thanh kiếm.* Anh nhìn khắp phòng nhưng không thấy cái bút nào cả.

Chỉ có cái giường trong phòng ngủ nhỏ nhất là được dùng đến. Một cuốn tạp chí dành cho đàn ông để trên kệ đầu giường.

Một cái đài nhỏ, được vặn gần đến kênh thời sự P4, cứ xì xà xì xào ở trong bếp. Harry bèn tắt nó đi. Trên mặt bàn bếp là một miếng sườn bò đã tan đá và bông cải xanh vẫn còn nguyên trong túi bóng. Harry cầm miếng thịt đi ra hiên.

Con chó đang cào cửa và anh mở ra. Cặp mắt chó con màu nâu giương lên nhìn anh. Hay nói đúng hơn là nhìn miếng sườn, vừa ném xuống bậc thềm là bị xé vụn thành nhiều mảnh.

Harry nhìn con chó đói khát trong lúc ngẫm xem phải làm gì. Nếu anh còn làm được gì. Arne Albu không đọc Shakespeare, cái đó thì chắc chắn.

Khi vụn thịt cuối cùng bị xức nốt, Gregor bắt đầu hướng ra ngoài đường mà sửa với sinh lực vừa hồi phục. Harry đi tới chỗ là hàng rào chắn, tháo xích ra và suýt nữa thì không đứng vững là trên mặt hiên ướt nhẹp khi Gregor chạy vùng đi. Con chó kéo anh xuống lối đi nhỏ trước nhà, băng qua con đường và xuôi xuống con dốc dựng đứng nơi Harry có thể nhìn thấy những

con sóng đen ngòm đang xô vào bãi đá nhẵn thín trắng lóa dưới ánh sáng của vầng trăng lưỡi liềm. Người và chó lôi qua bãi cỏ cao, uớt lép nhép cứ riu lấy chân Harry như thể không muốn cho họ đi, nhưng Gregor không chịu dừng lại cho đến khi đá cuội và cát lạo xạo dưới đôi giày Doc Martens của Harry. Mấu đuôi tròn ủng của Gregor dỏng lên. Họ đang đứng trên bãi biển. Thủy triều đang dâng cao; những con sóng gần như chạm tới bãi cỏ cứng và sỏi bong bóng như thể trong bọt sóng lưu lại trên cát khi nước biển rút đi có khí các bô níc vậy. Con Gregor lại bắt đầu sủa.

“Anh ta đã lên một chiếc thuyền à?” Harry hỏi, nửa với Gregor, nửa với chính mình. “Anh ta đi một mình hay là đi với ai?”

Anh không nhận được câu trả lời từ cả anh lẫn con chó. Tuy vậy, rõ ràng là dấu vết chấm dứt ở đây. Khi Harry kéo cái vòng cổ, con chó Rottweiler to lớn không chịu nhúc nhích. Vì vậy, anh lại bật chiếc đèn pin Maglite lên và chiếu ra biển. Anh chỉ nhìn thấy những con sóng trắng xóa nối đuôi nhau, như những vệt bạch phiến trên một tấm gương đen thẫm. Rõ ràng là có một đoạn dốc nhẹ dưới mặt nước. Harry lại kéo sợi xích lần nữa, nhưng con chó đột ngột tru lên một tiếng tuyệt vọng và bắt đầu dùng móng đào xuống lớp cát.

Harry thở dài, tắt đèn pin đi và quay về ngôi nhà gỗ. Anh pha cho mình một tách cà phê trong bếp và lắng nghe tiếng sủa ở đằng xa. Sau khi tráng cốc, anh lại đi ra biển và tìm thấy một khoảng trống giữa những tảng đá để ngồi xuống tránh gió. Anh châm một điếu thuốc và cố gắng suy nghĩ. Rồi anh khép chiếc áo khoác sát vào người hơn và nhắm mắt lại.

Một đêm, khi nằm trên giường, Anna đã nói với anh điều gì đó. Chắc lúc đó đã gần hết sáu tuần - và hẳn là anh đã tỉnh táo hơn bình thường vì anh còn nhớ được. Cô đã bảo với anh rằng chiếc giường của cô là một con tàu, còn cô và anh là hai kẻ đắm tàu, những con người cô đơn trôi dạt trên biển, sợ hãi phải nhìn thấy đất liền. Đó có phải là điều sẽ xảy ra tiếp theo? Phải chăng họ

đã thấy đất liền? Anh không nhớ chuyện đã xảy ra như vậy. Anh có cảm tưởng như thể anh đã bỏ tàu, nhảy qua mạn tàu. Có lẽ ký ức của anh đã lừa anh.

Anh nhắm mắt lại và cố gắng gọi lại một hình ảnh của cô. Không phải từ lúc họ là những kẻ đắm tàu, mà từ lần cuối cùng anh nhìn thấy cô. Họ đã ăn cùng nhau. Hình như là vậy. Cô đã rót rượu cho anh - có phải là rượu vang không nhỉ? Có phải anh đã ném nó? Hình như thế. Cô lại rót cho anh thêm nữa. Anh đã để mất kiểm soát. Rót đầy ly của anh. Cô đã cười nhạo anh. Hôn anh. Nhảy múa cho anh xem. Thì thầm những lời vô thường vô phạt ngọt ngào quen thuộc vào tai anh. Họ đã lao vào giường và trút bỏ tất cả. Chuyện đó thật sự dễ dàng với cô đến thế sao? Hay là với anh?

Không, không thể nào lại như thế.

Nhưng Harry không biết chắc. Anh không thể tự tin mà nói rằng anh không hề nằm trên một chiếc giường ở Sorgenfrigata với một nụ cười sung sướng trên môi. Anh đã tái hợp với một người tình cũ trong lúc Rakel nằm trên giường, nhìn chăm chăm lên trần phòng khách sạn ở Moscow, không ngủ được vì sợ mất con.

Harry khom người lại. Cơn gió lạnh căm thối xuyên qua người anh như thể anh là một bóng ma. Anh đã từng ngăn không cho những suy nghĩ đó lọt vào đầu mình, nhưng giờ đây chúng lại ủa vào trong anh: nếu như anh không thể biết được là liệu anh có khả năng lừa dối người phụ nữ mà anh trân trọng nhất đời không, thì làm sao anh biết được mình đã làm những gì khác nữa? Aune đã xác nhận rằng rượu và ma túy chỉ làm mạnh thêm hay suy yếu những phẩm chất vốn tiềm ẩn trong người chúng ta. Nhưng ai biết chắc được có gì ở trong mình? Con người đâu phải người máy, và sự tương tác hóa học của bộ não cũng thay đổi theo thời gian. Ai có thể liệt kê đầy đủ mọi việc mình có thể làm - căn cứ hoàn cảnh đúng và thuốc chữa sai?

Harry rùng mình rửa thầm. Giờ thì anh đã hiểu. Hiểu tại sao anh phải đi tin

Arne Albu và lấy được lời tự thú trước khi những kẻ khác làm cho anh ta phải ngậm miệng. Không phải vì cái nghề của anh đã ăn vào máu hay luật pháp đã trở thành chuyện của cá nhân anh; mà là vì anh phải biết. Mà Arne Albu là người duy nhất có thể nói cho anh biết.

Harry nhắm mắt lại. Tiếng gió rít khê khi thổi vào bề mặt đá granit vang lên bên trên giai điệu nhịp nhàng dai dẳng, như thoi miên của sóng.

Khi anh mở mắt ra thì trời không còn tối nữa. Gió đã cuốn mây đi và những vì sao mờ mịt đang nhấp nháy phía trên anh. Trăng đã thay đổi vị trí. Harry liếc nhìn đồng hồ. Anh đã ngồi đây gần một tiếng. Gregor đang sửa dũ dội ra biển. Chân tê cứng, anh đứng dậy và loạng choạng đi tới chỗ con chó. Lực hút của mặt trăng đã dịch chuyển khiến mực nước rút xuống và Harry nặng nề bước đi trên bãi cát đã trên rộng rãi.

“Đi nào, Gregor. Chúng ta sẽ không tìm thấy gì ở đây đâu.”

Con chó táp anh khi anh đi tới túm lấy cái vòng xích trên cổ nó, và Harry tự động nhảy phắt lại một bước. Anh nhìn ra mặt biển. Ánh trăng lấp lánh trên mặt nước đen thẫm, những gì anh có thể nhìn thấy thứ mà lúc này, khi thủy triều dâng lên cao nhất, anh đã không thấy. Trông nó giống như đỉnh hai cái cọc buộc dây chuyền nhô lên khỏi mặt nước biển. Harry đi tới mép nước và chiếu đèn pin.

“Chúa ơi,” anh thì thào.

Gregor nhảy phốc vào nước, Harry lội theo sau. Phải lội vào nước tới mười mét, nhưng mức nước thậm chí còn chưa tới đầu gối anh. Anh nhìn xuống thì thấy một đôi giày. Khâu tay, hàng Ý. Harry chiếu đèn pin xuống nước, nơi ánh sáng bị phản chiếu trên hai cẳng chân trần, trắng xanh, dựng đứng lên như hai cái bia mộ màu trắng.

Những tiếng hét của Harry bị gió cuốn và tiếng sóng xô vào bờ át ngay tức khắc. Nhưng chiếc đèn pin mà anh đánh rơi, bị biển nuốt chửng, đã nằm dưới đáy cát và chiếu sáng suốt gần hai mươi tư tiếng. Mùa hè năm sau, khi thẳng

bé nhặt được chiếc đèn chạy tới đưa cho bố nó thì nước muối đã ăn mòn lớp vỏ màu đen và cả hai bố con chẳng ai lại liên hệ chiếc đèn pin Maglite đó với cái chuyện rùng rợn là phát hiện ra một xác chết.

Mới năm trước, câu chuyện đó còn tràn ngập các tờ báo, nhưng dưới ánh nắng mùa hè, nó dường như xảy ra từ thuở nào.

DAVID HASSELHOFF

Ánh sáng buổi sớm chiều thẳng xuống như một cây cột màu trắng xuyên qua lỗ thủng trên bầu trời và trút thứ mà Tom Waaler gọi là ‘Ánh sáng của Chúa’ xuống vịnh. Có rất nhiều bức ảnh tương tự treo trên những bức tường ở nhà. Anh ta bước tới chỗ dải băng căng ra để cách ly hiện trường vụ án. Những ai nghĩ mình hiểu anh ta hẳn sẽ nói rằng tính anh ta thích nhảy chứ không phải chui qua. Họ nói đúng về sau, nhưng trật lất về trước. Tom Waaler không tin là có ai hiểu được mình. Và anh ta chủ định để cho mọi việc cứ diễn ra như vậy.

Anh ta nâng cái máy ảnh kỹ thuật số lên trước đôi kính râm cảnh sát có mắt kính màu xanh ánh thép, mà ở nhà anh ta còn cả tá. Món quà của một khách hàng tỏ lòng cảm kích. Thật ra cái máy ảnh cũng vậy. Khung hình thu lấy cái lỗ trên mặt đất và cái xác bên cạnh. Cái xác mặc quần vải đen và sơ mi từng có màu trắng, nhưng lúc này thì nhuộm màu cháo lòng vì cát và đất sét.

“Thêm một tấm ảnh nữa cho bộ sưu tập riêng của cậu hả?” Weber lên tiếng.

“Vụ này mới.” Waaler nói, vẫn không nhìn lên. “Tôi thích những vụ giết người sáng tạo. Ông đã xác định được danh tính của nạn nhân chưa?”

“Arne Albu. Bốn mươi hai tuổi. Đã có vợ và ba con. Có vẻ khá giàu. Anh ta sở hữu một căn nhà gỗ ngay phía sau kia.”

“Có ai nhìn thấy hoặc nghe thấy gì không?”

“Cảnh sát đang tới từng nhà để hỏi. Nhưng anh cũng thấy là ở đây vắng vẻ đến thế nào mà.”

“Biết đâu có ai đó ở trong cái khách sạn đằng kia?” Waaler chỉ về phía tòa nhà lớn có cánh cổng gỗ màu vàng cuối bãi tắm.

“Không chắc lắm,” Weber nói. “Vào thời điểm này trong năm thì làm gì có ai ở đó.”

“Lại tìm thấy xác chết?”

“Một cú điện thoại nặc danh gọi từ một buồng điện thoại ở Moss. Tới đồn cảnh sát Moss.”

“Là kẻ giết người à?”

“Tôi không nghĩ thế. Anh ta nói anh ta nhìn thấy một đôi chân chống ngược lên trong khi dắt chó đi dạo.”

“Họ có cuộc nói chuyện trên băng ghi âm không?”

Weber lắc đầu. “Anh ta không gọi vào số điện thoại khẩn cấp.”

“Ông hiểu chuyện này như thế nào?” Waaler ra hiệu về phía cái xác.

“Còn chờ các bác sĩ gửi báo cáo, nhưng tôi thấy có vẻ như anh ta đã bị chôn sống. Nhìn bên ngoài không thấy có dấu hiệu bạo lực, nhưng máu trong mũi, miệng và những mạch máu bị vỡ trong mắt cho thấy sự tích tụ máu ở đầu. Ngoài ra, chúng tôi còn phát hiện thấy cát chui sâu vào trong họng anh ta, có nghĩa là anh ta vẫn hít thở khi bị chôn.”

“Tôi hiểu. Còn gì khác nữa không?”

“Con chó vẫn được xích vào hàng rào bên ngoài căn nhà gỗ của anh ta ở phía trên kia. Một con Rottweiler to vật vã xấu xí. Khỏe kinh người. Cửa không khóa. Trong nhà cũng không có dấu hiệu vật lộn.”

“Nói cách khác, chúng đã xông vào nhà, dùng súng đe dọa anh ta, xích

con chó lại, đào một cái hố và hỏi xem anh ta có thấy phiền nếu phải nhảy xuống đó không.”

“Nếu như bọn chúng có vài người.”

“Một con Rottweiler lực lưỡng, một cái hố sâu mét rưỡi. Tôi nghĩ là đã rõ như ban ngày, Weber ạ.”

Weber không phản ứng, chưa từng có vấn đề gì khi làm việc với Waaler. Anh chàng là một trong số ít những cảnh sát điều tra có tài; kết quả công việc của anh ta đã tự mình nói lên điều đó. Nhưng như vậy không có nghĩa là Weber phải ưa anh ta. Mặc dù ‘không ưa’ thì cũng không hẳn. Nó là cái gì đó khác cái khiến người ta nghĩ tới trò phát hiện những điểm khác biệt giữa hai bức tranh. Người ta không chỉ ra được nó là cái gì, nhưng vẫn thấy bất an. Bất an, đúng là từ đó.

Waalер ngồi thụp xuống bên xác chết. Anh ta biết Weber không ưa mình. Cũng chẳng sao. Weber là một cảnh sát lớn tuổi làm việc ở Phòng Pháp y, chẳng có khả năng thăng tiến thêm nữa, không thể có chút ảnh hưởng gì tới sự nghiệp hay cuộc sống của Waaler. Nói ngắn gọn là ông không phải là người mà anh ta cần phải lấy lòng.

“Ai đã nhận dạng anh ta?”

“Vài người dân địa phương ghé qua,” Weber đáp. “Chủ cửa hàng tạp hóa đã nhận ra anh ta. Chúng tôi đã liên lạc với vợ anh ta ở Oslo và đưa cô ta tới đây. Cô ta đã xác nhận đây chính là Arne Albu.”

“Thế bây giờ cô ta ở đâu?”

“Trong căn nhà gỗ.”

“Đã ai thăm vấn cô ta chưa?” Weber nhún vai.

“Tôi rất thích được là người đầu tiên có mặt tại hiện trường,” Waaler nói, nhào về phía trước để chụp cận cảnh khuôn mặt xác chết.

“Cảnh sát Moss thụ lý vụ này. Chúng ta chỉ đưa gọi tới để hỗ trợ thôi.”

“Chúng ta có kinh nghiệm,” Waaler nói. “Đã có ai lịch sự giải thích cho

mấy gã quê mùa đó chưa?”

“Thật ra có vài người của chúng tôi đã từng điều tra những vụ án giết người rồi,” một giọng nói vang lên sau lưng họ.

Waalder ngược lên thì thấy một người đàn ông đang mỉm cười, khoác áo da cảnh sát màu đen. Cầu vai có một sao, mép viền vàng.

“Tôi không phật lòng đâu,” anh chàng thanh tra địa phương bật cười. “Tôi là Paul Sørensen. Anh chắc là thanh tra Waalder?”

Waalder ngắn gọn chào lại anh ta và phớt lờ cái chìa tay của Sørensen. Anh ta không thích đụng chạm thân thể với những người đàn ông không quen biết. Hay kể cả những người đàn ông mà anh ta quen biết cũng vậy. Với phụ nữ thì khác. Miễn là anh ta vẫn nắm quyền kiểm soát. Mà lúc nào chẳng vậy.

“Nhưng anh chưa từng điều tra vụ nào như thế này, Sørensen,” Waalder nói, vạch một mí mắt của người chết lên để lộ ra một tròng mắt vẫn máu. “Đây không phải là một vụ đâm nhau trong quán rượu hay một cuộc phiêu lưu xui xẻo do say rượu. Vì thế nên các anh mới gọi chúng tôi tới, phải không nào?”

“Đúng là vụ này không có vẻ giống như do dân trong vùng gây ra,” Sørensen nói.

“Tôi đề nghị anh và các cậu kia hãy đứng đây trông coi trong lúc tôi đi hỏi bà vợ của cái xác này.”

Sørensen bật cười như thể Waalder vừa kể một chuyện rõ khôi hài, nhưng im tắp lự khi thấy cặp lông mày của Waalder nhướng lên phía trên cái kính râm cảnh sát. Tom Waalder đứng dậy và bắt đầu đi về phía hàng rào cách ly. Anh ta chậm rãi đếm đến ba, rồi quát lên mà không thèm quay lại. “Và đánh cái xe cảnh sát đó đi chỗ khác. Tôi thấy các anh đỗ đúng chỗ quay đầu xe, Sørensen. Bên Pháp y sẽ tìm kiếm dấu lốp xe từ chiếc xe của kẻ giết người đấy. Xin cảm ơn.”

Không cần quay lại anh ta cũng biết nụ cười tắt lịm trên khuôn mặt đang hớn hờ của Sørensen. Và rằng hiện trường tội ác vừa được cảnh sát Oslo tiếp

quản.

“Bà Albu phải không?” Waaler hỏi trong lúc bước vào phòng khách. Anh ta quyết định sẽ giải quyết việc này càng nhanh càng tốt. Anh ta có hẹn ăn trưa với một cô gái trẻ đầy triển vọng, và anh ta không muốn lỡ hẹn.

Vigdis Albu ngược lên khỏi cuốn album ảnh mà cô ta đang lật xem.
“Vâng?”

Waaler thích thú với những gì anh ta thấy. Thân hình được chăm chút kỹ càng, cái dáng ngồi tự tin, sự tự nhiên cố ý kiểu người dẫn chương trình ti vi và cúc áo thứ ba để mở. Anh ta cũng thích thứ anh ta nghe được. Giọng nói nhẹ nhàng chỉ dành cho những lời đặc biệt mà anh ta thích những người đàn bà của mình nói. Và anh ta cũng thích cái miệng mà anh ta hy vọng sẽ được nghe thấy những lời đó cất lên.

“Tôi là thanh tra Tom Waaler,” anh ta nói, ngồi xuống đối diện với Vigdis. “Tôi hiểu đây hẳn phải là một cú sốc đối với bà. Đương nhiên, câu đó nghe hơi sáo, và tôi không tin là nó có chút ý nghĩa nào đối với bà lúc này, nhưng tôi muốn bày tỏ với bà sự thông cảm của tôi. Tôi cũng từng mất một người rất thân thiết.”

Anh ta chờ đợi. Cho đến lúc cô ta buộc phải ngược lên và anh ta nhìn thấy cặp mắt cô ta. Chúng nhòa, và thoát đầu, Waaler cứ tưởng nước mắt khiến nó nhòa như vậy. Mãi tới lúc cô ta trả lời anh ta mới nhận ra là do say: “Anh có thuốc lá không ngài cảnh sát?”

“Cứ gọi tôi là Tom. Tôi không hút thuốc. Xin lỗi bà.”

“Tôi phải ở đây bao lâu, Tom?”

“Tôi sẽ thu xếp để bà được về sớm nhất có thể. Tôi chỉ cần hỏi vài câu thôi, được chứ?”

“Vâng.”

“Tốt. Bà có biết ai có thể muốn lấy mạng chồng bà không?”

Vigdis Albu chống tay đỡ cằm và nhìn đăm đăm ra ngoài cửa sổ. “Anh cảnh sát kia đâu rồi, Tom?”

“Xin lỗi, bà nói gì?”

“Chẳng phải anh ta nên ở đây sao?”

“Cảnh sát nào, bà Albu?”

“Harry ấy. Anh ta xử lý vụ này mà, phải không?”

Lý do chính khiến Tom Waaler thăng tiến nhanh hơn bất cứ đồng nghiệp nào khác là anh ta phát hiện ra rằng chẳng ai, ngay cả các luật sư bào chữa, sẽ vận vẹo xem làm cách nào anh ta thu thập được chứng cứ về tội lỗi rành rành của bị cáo. Lý do tiếp theo là anh ta có những cần ăng ten nhạy bén. Đương nhiên, thỉnh thoảng chúng cũng trở ra khi cần phải phản ứng. Nhưng chúng chưa bao giờ phản ứng khi không cần. Và lúc này thì chúng đang bắt sóng lia lịa.

“Bà đang nói tới Harry Hole phải không, bà Albu?”

“Anh có thể dừng ở đây.”

Tom Waaler vẫn thích cái giọng nói đó. Anh ta tấp vào lề đường, nhào về phía trước và ngước lên nhìn ngôi nhà màu hồng cao vút trên ngọn đồi. Ánh nắng buổi sáng lóe lên trên một vật trông giống như một con thú trong vườn.

“Anh thật tử tế,” Vigdis Albu nói. “Khi thuyết phục Sørensen cho tôi về, lại còn lái xe đưa tôi về nữa.”

Waalder mỉm cười thân thiện. Anh ta biết là nụ cười của mình thân thiện. Nhiều người bảo trông anh ta giống David Hasselhoff, ngôi sao của bộ phim Baywatch ở cái cằm, thân hình và nụ cười. Anh ta đã xem bộ phim đó và hiểu ý họ là gì.

“Lẽ ra tôi phải cảm ơn bà mới đúng,” anh ta nói.

Đúng là vậy. Trong suốt chuyến xe từ Larkollen về đây, anh ta đã biết được vài điều thú vị. Ví dụ như, Harry Hole đã cố gắng tìm ra bằng chứng rằng chồng cô ta đã giết Anna Bethsen, người phụ nữ mà theo như anh ta nhớ là đã tự sát ở Sorgenfrigata cách đây ít lâu. Vụ án này đã được khép lại. Chính anh ta đã kết luận rằng đó là một vụ tự sát và viết báo cáo. Vậy thì cái gã Hole ngu ngốc kia đang theo đuổi chuyện gì? Có phải hắn đang cố tìm cách trả đũa những mối hiềm khích trước kia? Có phải Hole đang cố gắng chứng minh Anna Bethsen là nạn nhân của một vụ giết người hòng làm tổn hại thanh danh của anh ta - Tom Waaler hay không? Tên nát rượu rồ dại đó hoàn toàn có thể đào xới một chuyện như vậy, nhưng Waaler vẫn không hiểu nổi tại sao Hole lại dành nhiều tâm huyết cho một vụ mà tệ nhất cũng sẽ chỉ chứng tỏ được rằng Waaler đã kết luận hơi vội vàng mà thôi. Anh ta gạt phăng cái ý tưởng rằng động cơ của Harry có lẽ chỉ đơn giản là muốn làm sáng tỏ vụ án đó. Chỉ có trong phim thì cảnh sát mới dành thời gian rảnh để làm những chuyện như vậy.

Giờ đây, việc kẻ tình nghi của Harry đã chết đương nhiên sẽ có nghĩa là còn có nhiều giải pháp khác. Waaler chưa biết chắc giải pháp đó là gì, nhưng vì bản năng mách bảo anh ta rằng Harry Hole có liên quan, nên anh ta rất muốn tìm ra. Vì vậy, khi Vigdis Albu hỏi Waaler xem liệu anh ta có muốn vào nhà uống cà phê không thì ý nghĩ đầy kích thích về một bà góa mới mất chồng không phải là cái hấp dẫn anh ta nhất. Đây có thể là cơ hội để hất cẳng cái gã luôn rình mò sau lưng anh ta suốt - bao lâu rồi nhỉ? Hơn một năm nay đúng không?

Đúng đúng là hơn một năm. Hơn một năm kể từ khi Sĩ quan Ellen Gjeltén nhờ một sai lầm của Sverre Olsen - phát hiện ra rằng Tom Waaler chính là nhân vật chủ chốt đứng sau những vụ buôn lậu vũ khí có tổ chức ở Oslo. Khi anh ta ra lệnh cho Olsen xử cô ta trước khi cô ta tiết lộ những điều mình biết, thì anh ta cũng biết quá rõ rằng Hole sẽ không chịu bỏ cuộc chừng nào chưa

tìm ra kẻ giết cô. Vì vậy, anh ta đã sắp đặt để mũ của Olsen được tìm thấy ở hiện trường, để anh ta có thể bắn kẻ tình nghi ‘vì mục đích tự vệ’ trong lúc vây bắt hắn. Không có gì để buộc tội anh ta cả, nhưng Waaler cứ có cảm giác bất an kỳ lạ rằng Hole đang tới gần. Và hắn có thể nguy hiểm.

“Căn nhà rất trống trải khi mọi người đi hết,” Vigdis Albu nói, mở khóa cửa.

“Bà sống... ở... một mình bao lâu rồi?” Waaler hỏi, trong lúc đi theo cô ta lên cầu thang dẫn tới phòng khách. Anh ta vẫn thích cái mà anh ta nhìn thấy.

“Các con tôi đang ở cùng bố mẹ tôi ở Nordby. Ý định là sẽ để chúng ở đó cho đến khi mọi chuyện trở lại bình thường.” Cô ta thở dài và ngồi thụp xuống một cái ghế bành sâu lòng. “Tôi phải uống chút gì đã. Rồi tốt hơn là đi gọi điện cho chúng.”

Tom Waaler đứng đó quan sát cô ta. Cô ta vừa phá hỏng mọi thứ bằng câu đó. Cái cảm giác phấn khích râm ran mà anh ta cảm thấy lúc này bay biến sạch. Đột nhiên, trông cô ta già hẳn đi. Có lẽ là vì tác động của rượu đã hết. Ban này, nó đã khiến các nếp nhăn trên mặt cô ta phẳng ra và miệng cô ta trở nên mềm mại, nhưng lúc này đã đánh lại thành một vết nứt màu hồng, cong cớn.

“Mời anh ngồi, Tom. Để tôi đi pha cà phê.”

Anh ta buông mình xuống xô pha trong lúc Vigdis đi vào bếp. Anh ta đuổi chân ra và nhận thấy một vết bẩn đã mờ trên lớp vải bọc. Nó làm anh ta nhớ tới vết bẩn trên xô pha nhà, do máu kinh nguyệt để lại.

Anh ta mỉm cười khi nghĩ tới điều đó. Ý nghĩ về Beate Lønn. Cô nàng Beate Lønn ngây thơ, ngọt ngào, ngồi bên kia bàn nước nuốt lấy từng lời anh ta nói như thể đó là những viên đường trong cốc cà phê sữa của cô ta, thứ đồ uống dành cho các bé gái. Tôi nghĩ cần phải có can đảm sống thật với bản thân. Điều quan trọng nhất trong một mối quan hệ là thành thật, em có nghĩ thế không? Thật khó biết phải ném những câu sáo rỗng sâu sắc giả hiệu đã

được tuyển chọn này vào đâu mới trúng đối với bọn con gái trẻ, nhưng rõ ràng là với Beate thì anh ta đã ném trúng tâm. Cô ngoan ngoãn theo anh ta về nhà sau khi anh ta pha cho cô một ly nước vốn chỉ dành cho bọn nhóc.

Anh ta phải bật cười. Thậm chí, hôm sau Beate Lønn còn nghĩ rằng cô bị ngứa là do một mồi, và tại cốc cà phê đó mạnh hơn cả phê bình thường cô vẫn uống. Cho thuốc đúng liều lượng là quan trọng nhất.

Phần hay nhất là sáng hôm sau, anh ta đi vào phòng khách thì thấy cô đang kỳ cọ một mảnh khăn ướt trên xô pha, nơi tối hôm trước họ mới khởi động sơ sơ thì cô bất tỉnh và trò vui thật sự bắt đầu.

‘Tôi xin lỗi,’ cô nói, gần như sắp khóc. ‘Tôi vừa mới nhìn kỹ nó. Xấu hổ quá đi mất. Tôi cứ nghĩ là tới tuần sau mới đến kỳ.’

‘Không sao,’ anh ta đáp rồi vỗ nhẹ má cô. ‘Miễn là em cố gắng chùi sạch cái thứ chết tiệt đó.’

Rồi anh ta chạy vội vào bếp. Anh ta phải mở vòi nước và sập cửa tủ lạnh để át đi tiếng cười của mình. Trong khi Beate Lønn đang chùi vết máu của Linda để lại. Hay là của Karen nhỉ?

Vigdis gọi vọng ra từ nhà bếp. “Anh có bỏ sữa vào cà phê không, Tom?” Giọng cô ta nghe có vẻ gắt gỏng, có chút sắc thái của dân nhà giàu Oslo. Dù sao thì anh ta cũng đã phát hiện ra thứ mình cần.

“Tôi chợt nhớ ra là tôi có một cuộc hẹn trong thành phố,” anh ta nói. Anh ta quay lại thì thấy Vigdis đang đứng ngưỡng cửa phòng bếp, tay cầm hai tách cà phê, mắt mở to, đầy ngạc nhiên. Như thế anh ta vừa tát vào mặt cô ta vậy. Anh ta nghiền ngẫm ý nghĩ đó.

“Bà cần có thời gian riêng cho mình,” anh ta nói rồi đứng dậy. “Tôi biết. Như tôi đã nói, tôi cũng vừa mất một người bạn.”

“Tôi rất tiếc khi nghe vậy,” Vigdis nói, có vẻ bối rối. “Thậm chí tôi còn chưa hỏi đó là ai.”

“Cô ấy tên là Ellen. Một đồng nghiệp của tôi. Tôi quý cô ấy lắm.” Tom

Waler nghiêng đầu sang bên và nhìn Vigdis, cô ta đáp lại bằng một nụ cười ngập ngừng.

“Anh đang nghĩ gì vậy?” Cô ta hỏi.

“Có lẽ hôm nào đó tôi sẽ ghé qua để biết tình hình của bà.” Anh ta tặng cô nàng một nụ cười thân thiện nữa, nụ cười giống David Hassethoff nhất, và thầm nghĩ cuộc sống sẽ trở nên hỗn loạn đến mức nào nếu người ta có thể đọc được suy nghĩ của nhau.

CHỨNG KHIẾM KHỨU

Tình trạng tắc nghẽn giao thông giờ tan tầm đã bắt đầu, và trên phố Grønlandsleiret, những người làm công ăn lương đi ô tô chậm chạp nhích qua Sở Cảnh sát. Một chú chim chích đậu trên cành cây nhìn cái lá cuối cùng rụng xuống rồi bị cuốn lên và bông bành lượn qua cửa sổ của phòng họp tầng năm.

“Tôi không giỏi diễn thuyết trước đông người.” Bjarne Møller mào đầu, và những ai đã từng nghe Møller phát biểu đều gật đầu đồng tình.

Một chai rượu sâm banh nhãn hiệu Opera giá bảy mươi chín krone, mười bốn cái cốc nhựa vẫn nguyên trong hộp, và tất cả mọi người từng tham gia vào vụ Kẻ Hành quyết chờ Møller nói nốt.

“Trước hết, tôi muốn chuyển lời chúc mừng nồng nhiệt từ phía Hội đồng thành phố Oslo, ngài Thị trưởng và ngài Giám đốc Sở Cảnh sát và cảm ơn tất cả các bạn vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Như các bạn đều biết, chúng ta đã phải chịu áp lực khá lớn khi nhận ra mình đang phải đối mặt với một tên cướp ngân hàng hàng loạt...”

“Tôi không biết lại có loại cướp ngân hàng nào khác đấy!” Ivarsson nói to

và nhận được một tràng cười. Ông ta chọn cho mình một chỗ ở cuối phòng, cạnh cửa ra vào, để từ đó có thể quan sát tất cả các cảnh sát trong phòng họp.

“Tôi cho rằng anh có thể nói vậy,” Møller mỉm cười. “Điều tôi muốn nói là... ừm... như các bạn đã biết... chúng ta đều vui mừng vì vụ này đã kết thúc. Trước khi nâng ly, tôi muốn nói một lời cảm ơn đặc biệt tới người đáng được khen ngợi nhất...”

Harry có thể cảm thấy những người khác đang nhìn mình. Anh ghét những dịp như thế này. Các sếp phát biểu, phát biểu trước các sếp, cảm ơn những tên hề, vỗ tuồng nhằm nhí.

“Rune Ivarsson, người đã chỉ đạo cuộc điều tra. Xin chúc mừng anh, Rune.” Một tràng vỗ tay nổi lên.

“Anh có muốn nói vài lời không, Rune?”

“Không,” Harry nghiêng răng lầm bầm.

“Vâng, tôi xin nói đôi lời,” Ivarsson đáp. Các cảnh sát được mời tới nhất loạt nghển cổ lên. Ông ta hăng giọng. “Không may là tôi không có quyền để nói, giống như anh đã nói lúc nãy, Bjarne ạ, rằng tôi không giỏi diễn thuyết trước đông người. Bởi vì tôi giỏi thật.” Tiếng cười lại rộ lên. “Và từ kinh nghiệm là người phát biểu trong những buổi tổng kết về thành công của những vụ án khác, tôi biết rằng để cảm ơn từng người thì chắc sẽ mất cả ngày. Các bạn đều biết rằng công việc của cảnh sát là một công việc mang tính tập thể. Beate và Harry có vinh dự là những người trực tiếp phá án, nhưng cả nhóm đã tạo nền tảng cho thành công đó.”

Harry sững sốt nhìn cả phòng gật đầu tán thành.

“Vì vậy, xin cảm ơn tất cả các bạn.” Ivarsson nhìn khắp lượt các cảnh sát ngồi trong phòng, hiển nhiên là nhằm để từng cá nhân đều cảm thấy được chú ý và cảm ơn. Rồi, với giọng vui vẻ hơn, ông ta hô to, “Mở sâm banh nào!”

Ai đó đưa chai rượu cho ông ta và, sau khi lắc một hồi, ông ta bắt đầu mở cái nút bần ra.

“Tôi chẳng hứng thú gì với trò này,” Harry thì thào với Beate. “Tôi chuồn đây.”

Cô nhìn anh với vẻ quả trách.

“Coi chừng!” Cái nút bần nổ tung rồi phóng thẳng lên trần nhà. “Mọi người cầm cốc lên nào!”

“Xin lỗi!” Harry nói. “Hẹn gặp ngày mai nhé.”

Anh đi qua phòng để lấy áo khoác. Trong thang máy đi xuống, anh tựa vào thành thang máy. Tối qua, anh mới được ngủ có vài tiếng trong căn nhà gỗ của Albu. Sáu giờ sáng nay anh đã lái xe tới ga tàu ở Moss, tìm một trạm điện thoại công cộng và số của đồn cảnh sát Moss để báo về cái xác trên bờ biển. Anh biết họ sẽ gọi cho cảnh sát Oslo xin trợ giúp. Khi anh về tới Oslo lúc tám giờ, anh bèn tới quán Kaffebrenneriet ở Ullevalsveien và uống một tách cortado* cho tới lúc chắc chắn vụ án đó đã được giao cho những người khác và anh có thể trở về văn phòng bình an.

Cửa thang máy trượt mở, Harry bước ra rồi đi qua cửa tự động. Bước vào bầu không khí mùa thu lạnh giá, quang đăng của Oslo, vốn được báo cáo là ô nhiễm hơn không khí ở Bangkok. Anh tự nhủ rằng không việc gì phải vội và buộc mình bước chậm lại. Hôm nay, anh không muốn nghĩ tới bất cứ chuyện gì, chỉ ngủ và hy vọng là sẽ không mơ thấy gì hết. Hy vọng ngày mai tất cả mọi cánh cửa đều khép lại sau lưng anh.

Tất cả, trừ một cánh cửa. Cánh cửa sẽ không bao giờ khép lại, cánh cửa mà anh không muốn khép lại. Nhưng anh sẽ chưa nghĩ tới nó, cho tới ngày mai. Rồi anh sẽ đi dạo với Halvorsen ngoài bờ sông Akerselva. Dừng lại bên cái cây mà họ đã tìm thấy xác cô. Dừng lại lần thứ một trăm chuyện đã xảy ra. Không phải bởi họ đã quên mất điều gì, mà là để lấy lại cái cảm giác đó, cái mùi xộc vào mũi đó. Nghĩ đến mà anh đã thấy sợ.

Anh đi theo lối mòn giữa đám cỏ. Lối đi tắt. Anh không nhìn về phía nhà tù xám xịt bên trái. Nơi Raskol lúc này hẳn đã tạm cất bàn cờ vào hộp. Họ sẽ

không bao giờ tìm được thứ gì ở Larkollen hay bất cứ đâu khác để định tội tên Di gan đó hay bất cứ tay chân nào của hắn, ngay cả khi chính Harry đảm trách vụ này. Họ sẽ phải theo đuổi lâu đến khi nào cần thiết. Kẻ Hành quyết đã chết. Arne Albu đã chết. Công lý giống như nước, Ellen từng nói vậy. Nó luôn tìm được một cách nào khác. Họ biết điều đó không đúng, nhưng ít ra thì đó là một lời nói dối đôi lúc có thể giúp họ khuây khỏa.

Harry nghe thấy tiếng còi hụ. Anh đã nghe quen từ lâu rồi. Những chiếc xe màu trắng gắn đèn màu xanh quay tít chạy vụt qua anh và đi khuất xuống dưới phố Grønlandsleiret. Anh đã cố gắng không nghĩ đến lý do mà chúng được gọi đi. Có lẽ chẳng liên quan tới anh. Mà nếu có thì cũng phải đợi đã. Đến mai.

Tom Waaler nhận ra là anh ta đến quá sớm. Những người dân sống trong tòa chung cư sơn vàng nhạt này còn nhiều việc khác để làm hơn là ru rú trong nhà suốt ngày. Anh ta vừa nhấn cái nút cuối cùng trên hàng nút. Anh ta đang quay người định bước đi thì nghe thấy cái giọng lệt xệt trong loa kín: “A lô?”

Waaler quay phắt lại. “Xin chào, đó có phải là...” Anh ta nhìn vào bảng tên cạnh cái nút. “Astrid Monsen không?”

Hai mươi giây sau, anh ta đã đứng ở đầu cầu thang, nhìn vào khuôn mặt lốm đốm tàn nhang, sợ sệt đang ngó nhìn anh ta từ phía sau khóa dây xích an toàn.

“Tôi vào được chứ, chị Monsen?” anh ta hỏi, nhe hàm răng của mình ra trong nụ cười đặc biệt của David Hasselhoff.

“Không thì hơn,” chị ta nói the thé. Có lẽ chị ta không xem phim Baywatch.

Anh ta bèn giơ thẻ ngành ra.

“Tôi tới để hỏi xem liệu chị có thể cung cấp thông tin gì về cái chết của

Anna Bethsen hay không. Chúng tôi không còn chắc chắn rằng đây là một vụ tự sát nữa. Tôi biết là một đồng nghiệp của tôi đang tự mình tiến hành điều tra và tôi không rõ là chị đã nói chuyện với anh ta chưa.”

Tom Waaler từng nghe nói rằng động vật, nhất là những loài săn mồi, có thể đánh hơi thấy nỗi sợ hãi. Điều đó không làm anh ta ngạc nhiên. Anh ta chỉ ngạc nhiên là không phải tất cả mọi người đều đánh hơi thấy nỗi sợ hãi. Nỗi sợ hãi có mùi hăng gắt, thoảng qua như nước đá bò.

“Chị sợ gì vậy, chị Monsen?”

Hai đồng tử của chị ta càng giãn rộng ra hơn nữa. Cơn ớn lạnh của Waaler lúc này rung rít.

“Sự giúp đỡ của chị rất quan trọng đối với chúng tôi,” Waaler nói. “Khía cạnh quan trọng nhất trong mối quan hệ giữa cảnh sát và người dân là sự thành thật, chị có đồng ý không?”

Mắt chị ta lơ đãng nhìn đi chỗ khác và anh ta bèn đánh bạo: “Tôi tin là đồng nghiệp của tôi có dính dáng gì đó đến vụ án này.”

Cái cằm chị ta trễ xuống và chị ta nhìn Waaler với ánh mắt bất lực. Trúng phóc.

Họ ngồi trong bếp. Những bức tường màu nâu đầy những nét vẽ của trẻ con. Waaler đoán chị ta là một bà dì có cả đàn cháu. Anh ta ghi chép trong lúc chị ta nói.

“Tôi nghe thấy một tiếng rầm trong hành lang, và khi tôi đi ra thì thấy một người đàn ông lặn kênh trên đầu cầu thang trước cửa nhà tôi. Anh ta rõ ràng là bị ngã nên tôi đã hỏi xem anh ta có cần giúp đỡ gì không, nhưng anh ta nói gì nghe chẳng rõ. Tôi bèn đi lên tầng trên và bấm chuông nhà Anna Bethsen, nhưng cũng không thấy ai trả lời. Khi đi xuống tôi đỡ anh ta dậy. Mọi thứ trong túi anh ta văng tung tóe. Tôi nhặt được ví của anh ta, trong đó có tên và

địa chỉ nhà anh ta. Rồi tôi dìu anh ta ra phố, vẫy một cái taxi không có khách và đưa địa chỉ cho người lái xe. Tất cả những gì tôi biết chỉ có vậy.”

“Và chị chắc đó chính là người sau đó đã tới thăm chị? Tức là Harry Hole ấy?”

Chị ta nuốt khan. Rồi gật đầu.

“Tốt rồi, chị Astrid. Làm thế nào chị biết được là anh ta ở trong nhà Anna ra?”

“Lúc anh ta tới tôi đã nghe thấy.”

“Chị nghe thấy anh ta tới và chị nghe thấy anh ta đi vào căn hộ của Anna?”

“Phòng làm việc của tôi ở ngay cạnh hành lang. Ngồi trong đó anh có thể nghe thấy mọi thứ. Tòa nhà này yên tĩnh lắm; không có nhiều người ra vào đây.”

“Chị có nghe thấy động tĩnh nào khác gần căn hộ của Anna không?”

Chị ta ngần ngừ. “Tôi nghĩ là tôi đã nghe thấy có ai đó rón rén đi lên phòng Anna sau khi cảnh sát đã rời khỏi đó. Nhưng nghe như tiếng chân phụ nữ. Giày cao gót ấy mà. Nó phát ra tiếng khác hẳn. Nhưng tôi nghĩ đó là bà Gundersen ở tầng ba.”

“Vậy sao?”

“Cứ hể đi uống rượu ở quán Gamle Major về là bà ta thường đi rón rén.”

“Chị có nghe thấy tiếng súng nào không?”

Astrid lắc đầu. “Những bức tường giữa các căn hộ được cách âm tốt lắm.”

“Chị có nhớ biển số của chiếc taxi đó không?”

“Không.”

“Chị nghe thấy tiếng động mạnh ở ngoài hành lang vào lúc mấy giờ?”

“Mười một giờ mười lăm.”

“Chị hoàn toàn chắc chắn chứ, chị Astrid?”

Chị ta gật đầu. Hít một hơi sâu.

Waler ngạc nhiên trước sự chắc chắn đột ngột trong giọng nói của chị ta: “Anh ta đã giết cô ấy.”

Waler cảm thấy mạch đập nhanh hơn. Một chút thôi. “Điều gì khiến chị nói thế, chị Astrid?”

“Tôi biết có gì đó không ổn khi nghe người ta bảo Anna tự sát đêm đó. Chẳng phải là có người nằm say bí tỉ trên cầu thang đấy sao, còn cô ấy thì không ra mở cửa. Tôi đã định gọi cho cảnh sát nhưng rồi anh ta đã tới đây...” Chị ta nhìn Tom Waler như người chết đuối vớ được cọc. “Câu đầu tiên anh ta hỏi tôi là tôi có nhận ra anh ta không. Và đương nhiên là tôi hiểu ý anh ta là gì.”

“Vậy ý anh ta là gì, chị Astrid?”

Giọng chị ta vọt lên nửa quãng tám. “Một kẻ giết người hỏi nhân chứng duy nhất liệu họ có nhận ra mình không? Anh nghĩ sao? Anh ta tới để cảnh cáo tôi nếu tôi tố giác anh ta. Tôi đã làm theo ý muốn của anh ta. Tôi đã bảo với anh ta là tôi chưa bao giờ nhìn thấy anh ta.”

“Nhưng chị đã bảo rằng sau đó anh ta quay lại để hỏi chị về Arne Albu cơ mà?”

“Đúng thế, anh ta muốn tôi gán tội cho kẻ khác. Anh phải hiểu là lúc đó tôi sợ đến mức nào. Tôi đã giả vờ là không nhận ra và thuận theo ý anh ta...” Tom nghe thấy những tiếng nước nở bắt đầu bóp nghẹt những dây thanh quản của chị ta.

“Nhưng bây giờ thì chị đã sẵn lòng nói cho chúng tôi biết chuyện này rồi chứ? Trong một phiên tòa phải tuyên thệ?”

“Vâng, nếu như các anh... nếu như tôi biết là tôi sẽ được an toàn.”

Tiếng chuông báo có email phát ra từ một căn phòng khác. Waler nhìn đồng hồ, đã bốn rưỡi. Anh ta phải hành động nhanh, nếu được thì phải ngay trong tối nay.

Lúc bốn giờ ba mươi lăm phút, Harry mở cửa căn hộ và ngay lập tức nhớ ra anh quên bém đã hẹn Halvorsen cùng tới phòng tập đạp xe. Anh hất giày ra, đi vào phòng khách rồi nhấn nút PLAY trên chiếc máy trả lời tự động đang nhấp nháy. Là Rakel gọi.

“Tòa sẽ ra quyết định vào thứ Tư này. Em đã đặt vé máy bay vào thứ Năm. Mẹ con em sẽ về tới sân bay Gardermoen lúc mười một giờ. Oleg hỏi là liệu anh có thể tới đón mẹ con em không.”

Mẹ con em. Cô đã kể là quyết định sẽ có hiệu lực ngay tức thì. Nếu họ thua thì sẽ chẳng có mẹ con em nào mà đón, chỉ là một người đã mất tất cả.

Cô không để lại số điện thoại để anh gọi lại, báo rằng mọi chuyện đã kết thúc và cô không cần phải ngoái nhìn sau lưng nữa. Anh thở dài và ngồi thụp xuống cái ghế bành màu xanh. Nhắm mắt lại và nhìn thấy cô ở đó. Rakel. Tấm ga trải giường màu trắng lạnh giá đến mức nó khiến da anh như phải bỏng, những tấm rèm hầu như không lay động trên ô cửa sổ để mở và một dải ánh trắng lọt vào, chiếu lên cánh tay trần của cô. Anh nhẹ nhàng lướt đầu ngón tay trên mắt, bàn tay, đôi vai nhỏ, cái cổ cao, thanh mảnh, và đôi chân đang quăn lẩy chân anh. Anh cảm thấy hơi thở bình thản, ấm áp của cô trên cổ anh, nghe thấy nhịp thở phát ra từ cái thân hình đang say ngủ đó thay đổi hầu như không nhận ra khi anh nhẹ nhàng ve vuốt eo lưng cô. Bờ hông cô cũng khẽ dịch chuyển về phía anh như thể cô chỉ đang ngủ đông và chờ đợi.

Lúc năm giờ chiều, Rune Ivarsson nhấc máy điện thoại nhà tại Østeras và nói với người gọi rằng cả gia đình ông ta vừa mới ngồi vào bàn ăn. Bữa ăn có ý nghĩa thiêng liêng với gia đình họ; vui lòng hãy gọi lại sau có được không?

“Xin lỗi đã làm phiền ông, Ivarsson. Tôi Tom Waaler đây.”

“Chào, Tom,” Ivarsson nói với miếng khoai tây nhai dở trong miệng.
“Nghe này...”

“Tôi cần xin lệnh bắt Harry Hole ngay. Cùng với lệnh khám nhà anh ta. Thêm năm người tiến hành khám nhà. Tôi có lý do để tin rằng Hole có dính líu tới một vụ giết người theo chiều hướng rất không hay.”

Miếng khoai tây nghẹn lại trong họng Ivarsson.

“Việc khẩn đấy,” Waaler nói. “Có nguy cơ là bằng chứng sẽ bị tiêu hủy.”

“Bjarne Møller,” Ivarsson chỉ thốt ra được cái tên đó giữa những cơn ho.

“Phải, tôi biết rằng nói đúng ra thì đây là trách nhiệm của Møller,” Waaler nói. “Nhưng tôi cược là ông sẽ đồng ý với tôi là ông ấy thiên vị. Ông ấy và Harry đã làm việc với nhau mười năm rồi mà.”

“Anh nói có lý. Nhưng cuối ngày hôm nay chúng tôi còn phải làm một việc khác nữa, vì vậy lính của tôi đều bị trói chân trói tay cả rồi.”

“Rune...” Đó là vợ Ivarsson. Ông ta do dự, không muốn làm bà vợ bức mình. Ông ta đã về muộn hai mươi phút sau vụ ăn mừng bằng sâm banh, rồi chuông báo động ở chi nhánh Grensen của ngân hàng Den norske lại kêu rinh lên.

“Tôi sẽ trả lời anh sau, Waaler. Tôi sẽ gọi cho các cố vấn pháp luật của cảnh sát để xem tôi có thể làm gì.” Ông ta hắng giọng và nói thêm, đủ to để cho bà vợ nghe thấy. “Sau khi chúng tôi ăn xong.”

Harry tỉnh giấc khi nghe thấy tiếng đập cửa. Não bộ anh tự động kết luận rằng người đó đã đập cửa một lúc rồi và biết chắc là Harry có nhà. Anh bèn nhìn đồng hồ đeo tay. 5 giờ 55 phút. Anh đã mơ về Rakel. Anh vươn vai và đứng lên khỏi ghế.

Tiếng đập cửa lại vang lên. Mạnh.

“Đọc rồi, được rồi,” Harry kêu lên và đi ra cửa. Anh lơ mơ nhìn thấy một

bóng người qua lớp kính gợn sóng trên cửa. Hẳn là người hàng xóm nào đó, Harry thầm nghĩ, vì họ không gọi bằng điện thoại nội bộ.

Anh vừa đặt tay lên tay nắm cửa thì thấy mình dừng lại. Một cảm giác nhói lên ở cổ. Mắt anh hoa lên. Mạch đập hồi hã. Vô lý. Anh bèn mở cửa ra.

Là Ali. Mặt cau lại.

“Anh đã hứa hôm nay sẽ dọn kho của anh trong tầng hầm rồi cơ mà,” anh ta nói.

Harry vỗ trán.

“Khỉ thật! Xin lỗi anh, Ali. Tôi đãng trí quá đi mất.”

“Không sao đâu, Harry. Tối nay nếu anh rảnh thì tôi sẽ giúp anh một tay.”

Harry nhìn anh ta ngạc nhiên. “Giúp tôi á? Tôi chỉ cần mười giây là dọn xong chỗ đó. Nói thật là tôi không nhớ nổi mình có gì để dưới đó nữa, nhưng cũng được.”

“Đó là những thứ có giá trị mà, Harry.” Ali lắc đầu. “Anh đúng là khủng khi để những món đồ như vậy trong tầng hầm.”

“Chuyện đó thì tôi không rõ. Tôi ra quán Schröder ăn chút gì đã. Rồi tôi sẽ ghé qua, Ali.”

Harry đóng cửa, ngồi thụp xuống ghế và nhấn điều khiển từ xa. Bản tin thời sự phát bằng ngôn ngữ ước hiệu. Harry từng thụ lý một vụ phải thẩm vấn vài người diếc và anh đã học được vài ước hiệu. Anh cố gắng khớp các cử chỉ của phóng viên với dòng chữ chạy bên dưới. Chiến sự Trung Đông không có gì mới. Một người Mỹ bị đưa ra tòa án binh vì chiến đấu cho Taliban. Harry không xem nữa. Thực đơn trong ngày của quán Schröder, một tách cà phê, một miếng thuốc lá, anh thầm nghĩ. Đi xuống tầng hầm rồi về thẳng giường ngủ. Anh cầm điều khiển định tắt ti vi đi thì cho thấy người phóng viên xòe các ngón tay ra rồi giơ ngón cái lên. Đó là một ước hiệu mà anh nhớ được. Có ai đó đã bị bắn. Harry liền nghĩ ngay tới Arne Albu, nhưng anh ta lại bị chết ngạt. Mắt anh liếc xuống dòng phụ đề chạy bên dưới. Anh chết sững trên

ghế. Rồi nhấn nút điều khiển điên cuồng. Đây là tin xấu - có thể là rất xấu. Dịch vụ viễn truyền văn bản không cung cấp được gì nhiều hơn so với dòng phụ đề.

Nhân viên ngân hàng bị bắn trong vụ cướp. Tên cướp đã bắn một nhân viên thu ngân tại chi nhánh Grendsen của ngân hàng DNB ở Oslo vào chiều nay. Tình trạng của nhân viên này hiện rất nguy kịch.

Harry đi vào buồng ngủ và bật máy tính lên. Vụ cướp là tin trang nhất của báo điện tử. Anh nhấp đúp chuột:

Chi nhánh ngân hàng này đang chuẩn bị đóng cửa khi một tên cướp đeo mặt nạ xông vào, giơ súng lên và ra lệnh cho nữ trưởng chi nhánh lấy tiền ra khỏi cây ATM. Do việc lấy tiền không diễn ra theo đúng thời gian được yêu cầu, hắn đã bắn một nhân viên ngân hàng ba mươi tư tuổi. Tình trạng của người phụ nữ bị thương được cho biết là rất nguy kịch. Trưởng Đơn vị Chống Cướp Rune Ivarsson nói rằng lực lượng cảnh sát hiện chưa tìm được đầu mối và không có bình luận gì về những ý kiến cho rằng vụ cướp này có cùng phương thức với những vụ cướp được tiến hành bởi người được đặt biệt danh là Kẻ Hành quyết. Tuần qua, cảnh sát đã thông báo rằng hắn được tìm thấy, đã chết ở d'Ajuda, Brazil.

Có thể chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên. Đương nhiên là có thể. Nhưng không phải vậy. Không thể nào. Harry đưa một tay lên vuốt mặt. Đây là điều mà anh vẫn sợ suốt từ bấy đến giờ.

Lev Grette chỉ cướp một ngân hàng. Những vụ tiếp theo được thực hiện bởi một kẻ nào đó khác. Một kẻ đã thành thực. Thành thực đến mức hắn lấy làm tự hào vì đã bắt chước được Kẻ Hành quyết thực sự tới tận chi tiết đầm máu cuối cùng.

Harry cố gắng hãm luồng suy nghĩ đó lại. Anh không muốn nghĩ ngợi thêm chút nào về những vụ cướp ngân hàng nữa. Hay là chuyện nhân viên ngân hàng bị bắn. Hay những hậu quả của chuyện hóa ra có tới hai Kẻ Hành

quyết. Nguy cơ anh có thể sẽ lại phải làm việc dưới sự chỉ đạo của Ivarsson và trì hoãn vụ án của Ellen.

Dừng lại. Hôm nay không nghĩ gì nữa. Để mai.

Nhưng hai chân anh vẫn kéo anh ra sảnh, và những ngón tay anh tự động nhấn số của Weber. “Harry đây. Có gặp may gì không?”

“Đương nhiên là có rồi.” Giọng Weber có vẻ hưng phấn một cách đáng ngạc nhiên. “Rốt cuộc thì người tốt luôn gặp may mà.”

“Thế mà giờ tôi mới biết đấy,” Harry nói. “Nói đi nào.”

“Beate Lønn đã gọi cho tôi từ Nhà Đau đớn trong lúc chúng tôi đang ở ngân hàng. Cô ấy vừa mới bắt đầu xem những cuốn băng ghi lại vụ cướp thì phát hiện ra điều gì đó thú vị. Tên cướp đứng gần tấm nhựa phân cách phía trên quầy giao dịch trong lúc hắn nói chuyện. Cô ấy bảo bọn tôi kiểm tra xem có nước bọt bắn vào không. Lúc đó vụ cướp mới xảy ra được nửa tiếng nên vẫn có cơ may tìm ra gì đó.”

“Và?” Harry sốt ruột hỏi.

“Không thấy chút nước bọt nào trên tấm vách ngăn cả.”

Harry rên lên.

“Nhưng một giọt nước tí tẹo do hơi thở đọng lại.”

“Thật à?”

“Ừ, thật.”

“Chắc là có ai đó đạo này hay cầu nguyện buổi tối. Chúc mừng, Weber.”

“Tôi đoán là chúng ta sẽ có hồ sơ ADN trong vòng ba ngày nữa. Sau đó chúng ta có thể bắt đầu so sánh. Tôi đoán là từ nay đến cuối tuần chúng ta sẽ lần được ra hắn.”

“Hy vọng là ông đoán đúng.”

“Đương nhiên.”

“Cảm ơn vì đã thỏa mãn cơn tò mò của tôi.”

Harry cúp máy và mặc áo khoác vào. Anh đang định đi thì nhớ ra chưa tắt

máy tính bèn đi vào phòng ngủ. Khi anh tới để nhấn nút tắt nguồn thì anh nhìn thấy nó. Tim anh đập chậm lại và máu trong mạch dồn lại. Anh vừa nhận được email. Đương nhiên là anh vẫn có thể tắt máy. Lẽ ra anh nên làm vậy, có gì gấp đâu. Có thể là bất kỳ người nào gửi. Chỉ có một người là không thể. Lúc này sao mà Harry thấy muốn mình đã trên đường tới quán Schrøder thế không biết. Lững thững trên phố Dovregata, thắc mắc về những đôi giày đang lơ lửng giữa trời và đất, thích thú nhớ lại những hình ảnh trong giấc mơ về Rakel. Những việc kiểu như vậy. Nhưng đã quá muộn rồi; những ngón tay của anh lại tự hoạt động. Những bộ phận bên trong của chiếc máy tính kêu ro ro. Rồi cái email hiện ra. Lần này khá dài.

Chào Harry,

Sao mặt mày lại dài ra thế kia? Chắc mày nghĩ mày sẽ không nhận được thư của tao nữa chứ gì. Cuộc đời còn nhiều bất ngờ lắm, Harry ạ. Một điều mà trước lúc mày đọc thư này Arne Albu hẳn đã phát hiện ra. Tao và mày, chúng ta đã làm cho cuộc sống của hắn điều đứng, phải không? Nếu tao không nhầm thì vợ hắn đã bỏ hắn và giữ lấy mấy đứa con. Ác quá, nhỉ? Cướp đi gia đình của một gã đàn ông, nhất là khi mày biết đó là điều quan trọng nhất trong cuộc đời một con người. Nhưng hắn tự làm thì phải tự chịu thôi. Tội không chung thủy có bị trừng phạt bao nhiêu cũng không đủ, mày có đồng ý với tao không, Harry? Dù sao thì món nợ máu nho nhỏ của tao cũng dừng ở đây.

Nhưng vì mày đã bị lôi vào chuyện này dù là thành phần vô tội, nên có lẽ tao nợ mày một lời giải thích. Lời giải thích khá đơn giản. Tao yêu Anna. Tao thật lòng yêu nàng. Con người nàng và những gì nàng mang đến cho tao.

Không may là nàng lại không yêu cái mà tao mang tới cho nàng. Cái chữ H to đùng. Cái Giấc ngủ mê man đó. Mày có biết nàng có sẵn máu nghiện*

ngập không? Như tao đã nói, đời còn lắm bất ngờ. Tao đã đưa nàng đến với ma túy sau một cuộc trưng bày nghệ thuật thất bại - nói toạc ra là như vậy. Nàng và ma túy dường như sinh ra để cho nhau vậy; mê ngay từ mũi tiêm đầu tiên. Anna là khách hàng và người tình bí mật của tao trong suốt bốn năm. Nói cách khác, hai vai trò đó không thể tách rời.

Khó hiểu hả, Harry? Vì mày không hề nhìn thấy dấu vết tiêm chích nào khi mày lột quần áo của nàng ra phải không? Phải rồi, ‘mê ngay từ mũi tiêm đầu tiên’ chỉ là một cách nói thôi. Mày biết đấy, Anna không chịu nổi kim tiêm. Bọn tao dùng giấy bạc bọc kẹo sô cô la Cul’a để hít heroin. Tốn kém hơn tiêm chích nhiều. Mặt khác, Anna lại luôn mua được với giá bán sỉ miễn là cặp với tao. Chúng tao - nói thế nào nhỉ? - không thể tách rời nhau. Cứ nghĩ đến những lần đó, nước mắt tao lại ứa ra. Nàng làm bất cứ việc gì mà một người đàn bà có thể làm cho một gã đàn ông: nàng ngủ với tao, cho tao ăn, cho tao uống, mua vui cho tao và an ủi tao. Và van xin tao. Nói chung, điều duy nhất nàng không làm là yêu tao. Sao chuyện đó lại khó khăn đến thế nhỉ, Harry? Nàng đã yêu mày, trong khi mày chẳng làm cái chớ gì cho nàng cả.

Thậm chí, nàng còn có thể yêu được cả Arne Albu. Mà tao lại cứ nghĩ rằng hẳn là một thằng đàn ông đang moi tiền để mua ma túy theo giá thị trường, hòng tránh xa tao một thời gian.

Nhưng rồi một buổi tối tháng Năm, tao gọi cho nàng. Tao vừa ngồi tù ba tháng vì mấy tội vặt, và tao với Anna đã lâu không nói chuyện. Tao bảo nàng là chúng tao nên ăn mừng. Tao đã nhận được loại hàng tinh khiết nhất thế giới từ xưởng sản xuất ở Chang Rai. Tao có thể nhận ra ngay tức khắc có gì đó không ổn qua giọng nàng. Nàng bảo mọi chuyện đã kết thúc. Tao đã hỏi nàng rằng nàng đang nói tới H hay là tao, và nàng đáp, cả hai. Mày biết đấy, nàng đã bắt đầu với cái tác phẩm sẽ khiến nàng được nhớ tới, nàng nói vậy, và việc đó cần đầu óc tinh táo. Mày cũng biết là Anna bướng

bình đến thế nào một khi đã quyết tâm theo đuổi điều gì, vì vậy, tao dám cá là mày không hề phát hiện ra ma túy trong máu nàng. Phải không?

Thế rồi nàng kể với tao về gã đó, Arne Albu. Họ đang đi lại với nhau và có kế hoạch dọn về sống chung. Trước tiên hẳn phải giải quyết với vợ đã. Từng nghe câu đó rồi phải không, Harry? Tao cũng vậy.

Trong khi cả thế giới đang đổ vỡ tan tành mà đầu óc ta vẫn có thể tập trung được, chẳng lạ sao? Trước khi gác máy tao đã biết mình phải làm gì. Trả thù. Man rợ quá à? Không hề. Trả thù là sự phản xạ của con người có tư duy, một sự pha trộn phức tạp của hành động và sự kiên định mà cho tới nay không một loài động vật nào khác đạt tới trong quá trình tiến hóa. Nói về tiến hóa, hành động trả thù đã cho thấy nó hiệu quả đến mức chỉ có những kẻ có lòng căm thù mãnh liệt nhất trong số chúng ta mới sống sót. Trả thù hay là chết. Nghe như tên một bộ phim cao bồi miền Tây ấy nhỉ, nhưng nên nhớ rằng chính logic của sự trả thù đã tạo ra nhà nước dựa trên hiến pháp. Lời hứa thiêng liêng rằng mắt trả bằng mắt, kẻ có tội bị thiêu dưới hỏa ngục hoặc ít ra là bị treo cổ. Trả thù về căn bản là nền tảng của văn minh, Harry ạ.

Vì vậy, tối hôm đó tao đã ngồi xuống và vạch ra một kế hoạch. Tao lên kế hoạch đơn giản thôi.

Tao đặt Trioving đánh cho tao một chiếc chìa khóa căn hộ của Anna. Tao sẽ không nói với mày tao đã làm thế nào. Sau khi mày rời khỏi đó thì tao vào.

Anna đã lên giường. Nàng, một khẩu Beretta M92 và tao đã có một cuộc trò chuyện khá lâu và đầy thấu hiểu. Tao bảo nàng tìm thứ gì đó mà Arne Albu đã đưa cho nàng - một cái thẻ, một lá thư, một tờ danh thiếp, bất cứ thứ gì. Kế hoạch là để nó ở trên xác của nàng để giúp mày liên hệ vụ giết người với hẳn, nhưng nàng lại chỉ có một tấm ảnh chụp gia đình hẳn tại căn biệt thự gỗ mà nàng đã rút trộm từ trong cuốn album gia đình hẳn. Tao

đoán cái đó có lẽ hơi bí hiểm và chắc mày cần thêm một chút trợ giúp. Vì vậy tao nảy ra một ý. Ngài Beretta đã thuyết phục nàng nói cho tao biết cách vào được căn nhà gỗ của Albu. Chiếc chìa khóa được để ở trong cái đèn ngoài hiên.

Sau khi bắn nàng - tao sẽ không kể chi tiết vì chuyện đó ít kịch tính một cách đáng thất vọng (chẳng có chút sợ hãi hay hối tiếc) - tao đã nhét tấm ảnh vào trong chiếc giày của nàng rồi lập tức đến thẳng Larkollen. Tao đã nhét chiếc chìa khóa dự phòng của Anna vào trong chính biệt thự đó, như tao chắc là giờ này mày đã nhận ra. Tao đã nghĩ tới chuyện gắn nó vào bên trong két nước bồn cầu, đó là chỗ ưa thích nhất của tao, như chỗ Michael trong phim Bố già giấu súng. Nhưng có lẽ mày sẽ không có đủ trí tưởng tượng mà tìm ở đó, và lại làm thế cũng chẳng để làm gì. Vì thế, tao đã để nó ở trong ngăn kéo kệ đầu giường. Dễ ợt, phải không nào?

Sân khấu thế là đã dựng xong, và mày và những con rối khác có thể bước vào. Mà tao hy vọng là mày đừng bực mình vì những cú hích nhẹ của tao nhằm tiếp đà cho mày trong quá trình đó nhé. Trí thông minh của đám cảnh sát chúng mày thực ra là chẳng có gì đáng lo ngại. Ý tao là không cao đến mức đáng lo ngại.

Cáo biệt. Cảm ơn đã đồng hành và giúp đỡ. Hân hạnh được làm việc cùng mày, Harry.

TBK.

PHẦN XII

CHIM CHOI CHOI AI CẬP

Một chiếc xe cảnh sát đỗ cạnh cửa tòa nhà Harry ở, và một chiếc khác chặn ở chỗ rẽ từ phố Dovregata vào phố Sofies.

Tom Waaler đã ra chỉ thị không bật còi hú hay đèn.

Qua máy bộ đàm, anh ta hỏi lại xem mọi người đã vào vị trí chưa và nhận được những xác nhận rè rè, liến thoảng. Ivarsson thông báo rằng giấy xanh - lệnh bắt giữ và lệnh khám nhà - từ chỗ cố vấn luật pháp của Sở Cảnh sát đã gần tới đúng bốn mươi phút trước. Waaler đã nói khá rõ ràng là anh ta không muốn nhóm Delta, anh ta sẽ tự mình chỉ đạo nhóm bắt giữ và đã có những người anh ta cần chờ sẵn. Ivarsson không kêu ca gì.

Tom Waaler xoa tay. Một phần là vì gió lạnh đang quét qua con phố từ sân vận động Bislett, nhưng chủ yếu là vì đang khoái chí. Bắt người là phần thú vị nhất trong công việc này. Anh ta đã nhận ra điều đó từ hồi còn nhỏ, khi anh ta và Joakim nằm trong vườn quả của cha mẹ mỗi tối mùa thu để rình bắt bọn lưu manh từ bên khu nhà tập thể lên vào ăn trộm táo. Và chúng tới thật. Thường đi theo nhóm từ tám đến mười đứa. Tuy nhiên, dù chúng có bao nhiêu đứa thì cũng chẳng có gì khác cả, vì khi anh ta và Joakim soi đèn pin và hét vào cái loa tự chế thì cả đám sẽ tự trở nên hỗn loạn. Hai đứa tuân theo những nguyên lý giống lũ sói đi săn tuần lộc: chọn con nào nhỏ nhất và yếu nhất. Nhưng chính việc bắt giữ - dồn con mồi vào chân tường - khiến Tom phấn khích nhất, còn phần trừng phạt lại hấp dẫn Joakim, sự sáng tạo của nó

trong lĩnh vực này đã tiến xa đến mức đôi lúc Tom phải ngăn nó lại. Không phải vì Tom thương xót lũ trộm, mà bởi vì, không giống Joakim, anh ta có thể giữ cho đầu óc mình tỉnh táo và lường trước hậu quả. Tom thường nghĩ không phải ngẫu nhiên mà anh ta và Joakim lại gắn bó với nhau đến thế. Joakim giờ đã là một Phó thẩm phán ở tòa án lưu động Oslo với một tương lai lấp lánh đang vẫy gọi.

Khi Tom nộp đơn xin gia nhập ngành cảnh sát, thứ hấp dẫn anh ta chính là ý nghĩ được bắt người. Bố Tom từng muốn anh ta theo học ngành y, hoặc thần học như ông. Hồi đi học, Tom thường được xếp hạng ưu trong trường, vậy thì tại sao lại làm cảnh sát? Bố anh ta từng nói rằng việc được học hành tử tế là rất quan trọng đối với lòng tự trọng của mỗi người, và kể với Tom về anh trai của ông, phải làm việc ở cửa hàng bán đồ sắt giữa đồng ốc vít và căm ghét mọi người vì cảm thấy mình không ngang bằng với họ.

Tom đã ngồi nghe những lời răn dạy này của bố với nụ cười mĩa mai mà anh ta biết khiến ông rất khó chịu. Điều bố anh ta lo lắng không phải lòng tự trọng của Tom, mà là hàng xóm và họ hàng sẽ nghĩ gì về chuyện con trai duy nhất của ông sẽ trở thành một cảnh sát ‘quèn’. Bố anh ta không bao giờ hiểu được rằng dù đứng trên người khác thì anh vẫn có thể ghét họ. Vì anh ta là người tốt hơn.

Anh ta nhìn đồng hồ đeo tay. Sáu giờ mười ba phút. Anh ta nhấn chuông ở tầng trệt.

“Xin chào,” một giọng phụ nữ cất lên.

“Cảnh sát đây,” Waaler nói. “Cô có thể mở cửa cho chúng tôi được không?”

“Làm sao tôi biết được các anh là cảnh sát?”

Một ả Pakistan, Waaler nghĩ, và bảo cô ta ngó ra ngoài cửa sổ sẽ thấy xe cảnh sát. Cái khóa ro ro mở ra.

“Và hãy yên trong nhà,” anh ta nói qua điện thoại nội bộ.

Waler cử một người ra chặn ở phía sau tòa nhà, cạnh lối thoát hiểm. Sau khi xem sơ đồ của tòa nhà trên mạng nội bộ, anh ta đã nhớ căn hộ của Harry nằm đâu và biết không có cầu thang phía sau nên không phải lo.

Waler và hai cảnh sát khác rón rén đi lên cầu thang bằng gỗ đã mòn, mỗi người trang bị một khẩu tiểu liên MP5 khoác vai. Lên tầng hai, Waler dừng lại và chỉ tay vào cánh cửa không có - và hầu như chưa bao giờ cần có - biển tên. Anh ta nhìn hai người kia. Ngực họ phập phồng dưới bộ đồng phục. Và không phải vì leo cầu thang.

Họ đội mũ trùm mặt vào. Các từ khóa là tốc độ, hiệu quả và kiên quyết. Cái từ cuối cùng thật ra có nghĩa là kiên quyết để tàn nhẫn, và nếu cần thì là để giết. Điều đó hiếm khi cần. Nói chung, ngay cả những tên tội phạm rắn mặt nhất cũng hoàn toàn tê liệt khi thấy một nhóm đàn ông đeo mặt nạ, mang vũ khí bất ngờ ập vào. Nói tóm lại là họ sử dụng đúng những chiến thuật của bọn cướp ngân hàng.

Waler ổn định vị trí rồi gật đầu với một cảnh sát khác, người này nhẹ nhàng gõ lên cửa bằng hai đốt ngón tay. Làm vậy là để có thể viết vào báo cáo rằng họ đã gõ cửa trước. Waler đập nát tấm kính cửa bằng báng khẩu tiểu liên của anh ta, rồi thò tay vào trong mở cửa ra chỉ với một động tác. Anh ta hét lên khi cả toán cảnh sát ập vào căn hộ. Một nguyên âm hay chữ cái đầu của một từ, anh ta cũng không rõ nữa. Anh ta chỉ biết rằng anh ta thường hét lên như vậy khi anh ta và Joakim bật đèn pin lên. Đó là phần hay nhất.

“Bánh bao khoai tây,” Maja nói, dọn cái đĩa của Harry đi và nhìn anh với vẻ quả trách. “Anh không hề đụng tới.”

“Xin lỗi,” Harry nói. “Tôi không thấy muốn ăn. Xin chuyển lời chào của tôi tới đầu bếp, và bảo với anh ta rằng không phải do anh ta nấu dở. Lần này

thì không.”

Maja cười phá lên rồi đi vào bếp.

“Maja...”

Cô ta từ từ quay lại. Có gì đó trong giọng Harry như điềm báo chuyện sắp xảy ra.

“Mang cho tôi cốc bia, được chứ?”

Cô ta lại tiếp tục đi vào bếp. Không phải chuyện của mình, cô ta nghĩ thầm. Mình chỉ phục vụ khách hàng thôi. Chẳng liên quan gì tới mình cả.

“Có chuyện gì vậy, Maja?” Người đầu bếp hỏi khi cô trút cái đĩa vào thùng rác.

“Không phải là cuộc đời của tôi,” cô ta đáp. “Mà của anh ta. Cái gã ngồi đó.”

Điện thoại ở phòng làm việc của Beate ré lên một tiếng chói tai và cô bèn nhấc ống nghe. Cô nghe thấy tiếng nói, cười va chạm cốc lạnh canh. Rồi giọng người gọi vang lên.

“Tôi có làm phiền cô không?”

Mất một giây, cô cảm thấy không chắc chắn lắm. Giọng anh nghe thật xa lạ. Nhưng không thể là người nào khác được.

“Harry à?”

“Cô đang làm gì thế?”

“Tôi... tôi đang tìm manh mối trên mạng. Harry...”

“Vậy là cô đã đưa cuốn băng ghi hình vụ cướp chi nhánh ngân hàng trên phố Grensen lên mạng rồi à?”

“Vâng, nhưng anh...”

“Có vài điều tôi phải nói với cô, Beate. Arne Albu...”

“Được rồi, nhưng hãy nghe tôi nói đã.”

“Giọng cô nghe có vẻ hơi căng thẳng, Beate.”

“Đương nhiên!” Cô hét lên át cả tiếng rẹt rẹt trong điện thoại. Rồi bình tĩnh hơn: “Họ đang đi bắt anh đấy, Harry. Tôi đã cố gọi để báo cho anh biết sau khi họ đi, nhưng chẳng có ai ở nhà cả.”

“Cô đang nói gì thế?”

“Là Tom Waaler. Anh ta đã xin lệnh bắt anh.”

“Sao cơ? Tôi sắp bị bắt ư?”

Giờ thì Beate đã hiểu ra giọng Harry sao nghe lại khác như vậy. Anh đã uống rượu. Cô nuốt khan. “Nói cho tôi biết anh đang ở đâu, Harry, tôi sẽ tới đón anh. Rồi chúng ta có thể nói là anh ra đầu thú. Tôi vẫn chưa hiểu đầu đuôi chuyện này là thế nào, nhưng tôi sẽ giúp anh, Harry. Tôi hứa đấy. Harry? Đừng làm gì ngu ngốc đấy, được chứ? A lô?”

Cô ngồi đó, lắng nghe những tiếng nói, cười và chạm cốc, rồi tiếng bước chân đi tới và một giọng phụ nữ khàn khàn cất lên: “Tôi là Maja ở quán Schrøder.”

“Thế...”

“Anh ta đi rồi.”

SOS

Vigdis Albu tỉnh giấc khi nghe thấy tiếng Gregor sửa bên ngoài. Mưa đang quất rào rào lên mái nhà. Cô ta nhìn đồng hồ đeo tay. Bảy rưỡi. Chắc là cô ta đã ngủ thiếp đi. Cái cốc để trước mặt cô ta trống rỗng, căn nhà trống rỗng, mọi thứ đều trống rỗng. Kế hoạch của cô ta không phải là như vậy.

Cô ta đứng dậy, đi ra chỗ cánh cửa thông ra hiên và nhìn Gregor. Nó đang quay ra cổng, tai và đuôi dựng đứng. Cô ta phải làm gì? Cho nó đi? Hay để

người ta tiêm thuốc cho nó chết? Ngay cả mấy đứa con cô ta cũng chẳng yêu quý gì cái con vật bồn chồn và động chút là sữa này. Kế hoạch, đúng thế. Cô ta liếc chai rượu gin đã vơi một nửa trên mặt bàn kính. Đã đến lúc lên kế hoạch mới.

Tiếng sữa của Gregor xé toạc bầu không khí. Gấu, gấu!

Arne từng bảo rằng, anh ta thấy tiếng sữa khó chịu đó làm anh ta vững dạ; nó cho người ta cái cảm giác mơ hồ rằng có kẻ đang cảnh giác. Anh ta bảo chó có thể đánh hơi thấy kẻ thù, vì những kẻ có ý đồ xấu thường tỏa ra mùi khác với bè bạn. Vigdis quyết định ngày mai cô ta sẽ gọi cho bác sĩ thú y; cô ta đã mệt mỏi vì phải trả chi phí chăm sóc cho một con chó cứ sữa nặng lên mỗi lần cô ta bước vào phòng.

Cô ta mở hé cánh cửa ra hiên và lắng nghe. Giữa tiếng chó sữa và tiếng mưa rơi, cô ta nghe thấy tiếng sỏi kêu xào xạc. Cô ta chỉ vừa kịp chải đầu qua loa và lau một vệt mascara bị lem bên dưới mắt trái thì chuông cửa kêu lên ba nốt đầu tiên trong vở trường ca *Messiah* của Handel, một món quà mừng tân gia của gia đình chồng. Cô ta lờ mờ nhận ra người bấm chuông là ai. Cô ta đã đoán đúng. Gần đúng.

“Ngài cảnh sát?” Cô ta hỏi, kinh ngạc thật sự. “Quả là một bất ngờ thú vị.”

Người đàn ông đứng trên bậc thềm ướt nhẹ. Nước đọng thành giọt trên lông mày anh. Anh vịn một cánh tay vào khung cửa và nhìn cô ta không đáp. Vigdis Albu mở hãnh cửa ra và lại lim dim mắt: “Anh không định vào sao?”

Cô ta đi trước dẫn đường và nghe thấy tiếng giày của anh lép nhép phía sau. Cô ta biết anh thích cái mà anh đang thấy.

Anh ngồi xuống cái ghế bành, vẫn không cởi áo khoác ra. Cô ta nhận thấy lớp vải thấm lại vì bị thấm nước.

“Rượu gin nhé, ngài cảnh sát?”

“Có Jim Beam không?”

“Không.”

“Thế thì gin cũng được.”

Cô ta lấy ra hai cốc pha lê - một món quà cưới của gia đình chồng - và rót rượu cho cả hai. “Xin chia buồn,” người cảnh sát nói, nhìn cô ta với cặp mắt đỏ ngầu, long lanh, cho thấy đây không phải là cốc rượu đầu tiên của anh trong ngày hôm nay.

“Cảm ơn anh,” cô ta nói. “Skal.”

Khi cô ta đặt cốc rượu của mình xuống, cô ta nhìn thấy anh đã uống hết một nửa cốc của mình. Anh xoay xoay cái cốc trên tay rồi đột nhiên nói: “Tôi đã giết anh ta.”

Vigdis bất giác đặt tay lên sợi dây chuyền đeo trên cổ. Món quà của buổi sáng đầu tiên sau lễ cưới.

“Tôi không muốn chuyện lại kết thúc như vậy,” anh nói. “Nhưng tôi thật ngu ngốc và bất cẩn. Tôi đã dẫn những kẻ giết người đến thẳng chỗ anh ta.”

Vigdis ép cái cốc vào miệng để anh không thấy là cô ta sắp phá lên cười.

“Vậy là giờ cô đã biết rồi đấy,” anh nói.

“Giờ tôi đã biết rồi, Harry,” cô ta thì thào. Cô ta nghĩ mình nhìn thấy một thoáng ngạc nhiên trong mắt anh.

“Cô đã nói chuyện với Tom Waaler.” Câu nói nghe như một lời xác minh hơn là một câu hỏi.

“Ý anh là cái tay điều tra viên nghĩ mình là món quà của Chúa dành cho... ừm. Tôi đã nói chuyện với anh ta. Kể mọi thứ tôi biết. Đương nhiên là vậy. Lễ nào tôi không nên làm thế, Harry?”

Anh nhún vai.

“Tôi đã đẩy anh vào hoàn cảnh khó khăn à, Harry?” Cô ta gập chân để lên trên ghế xô pha và nhìn anh với vẻ lo lắng từ phía sau cái cốc.

Anh không nói gì.

“Một cốc nữa nhé?”

Anh gật đầu. “Ít ra dù tôi cũng có một mẫu tin tốt cho cô đây.” Anh thận

trọng nhìn theo bàn tay cô ta trong lúc cô ta rót rượu vào cốc của anh. “Tối nay tôi đã nhận được một cái email từ một kẻ đã thú nhận là giết Anna Bethsen. Chính kẻ này đã dụ tôi nghĩ rằng Arne đã giết cô ấy.”

“Tuyệt thật,” cô ta nói và phì cả rượu gin ra bàn. “Ôi trời, chắc là rượu hơi quá nặng.”

“Cô có vẻ không ngạc nhiên lắm.”

“Chẳng có gì còn làm tôi ngạc nhiên được nữa. Nói thật nhé, tôi cũng chẳng nghĩ là Arne có gan giết người.”

Harry xoa gáy. “Dù thế. Giờ thì tôi đã có bằng chứng là Anna Bethsen bị giết. Tôi đã gửi lá thư thú nhận đó tới cho một đồng nghiệp của tôi trước khi ra khỏi nhà hôm nay. Cũng như tất cả các email khác mà tôi đã nhận được. Thế có nghĩa là tôi đã công khai hết toàn bộ những gì dính dáng đến tôi. Anna là bạn gái cũ của tôi. Rắc rối của tôi là tôi đã ở cùng cô ấy vào cái đêm cô ấy bị giết. Lẽ ra tôi phải từ chối lời mời của cô ấy ngay lập tức nhưng tôi lại ngu ngốc và bất cẩn, rồi lại nghĩ rằng tôi sẽ có thể tự mình giải quyết vụ đó đồng thời vẫn bảo đảm là mình sẽ không bị lôi vào. Tôi...”

“Ngu ngốc và bất cẩn. Anh vừa nói thế rồi.” Cô ta trầm ngâm quan sát anh trong lúc anh vuốt ve tấm nệm của chiếc ghế xô pha bên cạnh anh. “Đương nhiên, cái đó lý giải rất nhiều điều. Dầu vậy, tôi vẫn không hiểu tại sao chuyện ở với một người đàn bà anh muốn... ở cùng lại phải là một tội ác. Anh hãy giải thích xem nào, Harry.”

“Ừm.” Anh nuốt thứ rượu lóng lánh xuống. “Ngày hôm sau tôi tỉnh dậy mà chẳng nhớ nổi chuyện gì.”

“Tôi hiểu rồi.” Cô ta đứng dậy, đi về phía anh và đứng đối diện với anh. “Anh có biết hẩn là ai không?”

Anh ngả đầu lên thành xô pha phía sau và ngược lên nhìn cô ta. “Ai bảo đó là ‘hẩn’ nào?” Lưỡi anh đã hơi lú lút.

Cô ta giơ một bàn tay thanh mảnh ra. Anh nhìn cô ta với vẻ dò hỏi.

“Áo khoác,” cô ta nói. “Rồi đi thẳng lên phòng tắm mà tắm nước nóng đi. Trong lúc đó tôi sẽ đi pha cà phê và tìm quần áo khô cho anh. Tôi không nghĩ là anh ta sẽ thấy khó chịu đâu. Về nhiều mặt, anh ta cũng là người biết điều.”

“Tôi...”

“Nào.”

Được làn nước ấm vuốt ve khiến người anh run lên vì dễ chịu. Nước cứ tiếp tục mơn man từ trên đùi tới hông anh và khiến khắp người anh nổi da gà. Anh rên lên. Rồi anh hạ nốt phần thân thể còn lại vào trong nước nóng và ngả người ra sau.

Anh nghe thấy tiếng mưa rơi bên ngoài và lắng tai theo dõi những động tĩnh của Vigdis Albu, nhưng cô ta vừa bật một cái đĩa lên. Ban nhạc The Police. Tệ hơn nữa lại là đĩa Những bài hát hay nhất. Anh nhắm mắt lại.

Sting đang hát SOS. Điều đó khiến anh đoán là giờ này hẳn Beate đã đọc email mà anh gửi rồi. Hẳn là cô đã gửi email đó cho những người khác và cuộc săn cáo hẳn đã bị hủy. Rượu khiến mi mắt anh trĩu xuống, nhưng mỗi lần nhắm mắt anh lại thấy hai cẳng chân và đôi giày Ý nhô ra từ cái bồn tắm đang bốc hơi nghi ngút. Anh lặn tay ra sau đầu tìm cái cốc mà anh đã đặt trên miệng bồn tắm. Khi anh gọi cho Beate từ quán Schrøder, anh mới chỉ uống hai vại bia lớn, và lượng bia ấy còn lâu mới có thể khiến anh mất cảm giác. Nhưng cái cốc chết tiệt ấy đâu rồi nhỉ? Anh tự hỏi liệu có phải Tom Waaler vẫn đang săn đuổi anh không. Harry biết hẳn thêm muốn vụ bắt giữ này. Nhưng anh sẽ không ra đầu thú cho đến khi nào đã sắp xếp chắc chắn mọi thứ vào đúng vị trí. Từ giờ trở đi, anh không thể tin ai được nữa. Anh sẽ giải quyết chuyện đó. Nhưng nghỉ giải lao chút đã. Uống thêm ly nữa. Ngủ nhờ trên cái ghế xô pha ở đây tối nay. Để cái đầu tỉnh táo. Đợi đến mai.

Tay anh va phải cái cốc pha lê nặng trĩu và nó rơi xuống sàn lát gạch, phát ra tiếng vỡ òng ọc.

Harry chửi thề và đứng dậy. Anh suýt ngã nhưng kịp bám lấy bức tường

vào phút chót. Anh quần cái khăn tắm bằng vải lông nhung dày dặn quanh eo và đi vào phòng khách. Chai rượu gin vẫn nằm trên mặt bàn. Anh tìm thấy một cái cốc trong tủ rượu và rót đầy tới miệng. Anh nghe thấy tiếng máy pha cà phê. Và giọng Vigdis ngoài sảnh vọng vào. Anh đi vào phòng tắm và cẩn thận đặt cái cốc xuống bên cạnh đồng quần áo Vigdis đã để ở đó cho anh, một bộ đồ nhãn hiệu Bjørn Borg màu xanh dương và đen. Anh dùng cái khăn tắm lau gương và thấy mặt mình trong mảnh gương không còn ám hơi nước.

“Mày ngu quá,” anh thì thào.

Anh đứng trên sàn. Một dòng nước màu đỏ từ từ chảy xuống cái khe giữa những viên gạch xuống rãnh nước. Anh nhìn theo dòng nước đỏ tới bàn chân phải của mình, nơi máu tươi vẫn đang rỉ ra giữa những ngón chân anh. Anh thậm chí còn không hề nhận ra. Chẳng nhận ra điều gì. Anh lại nhìn vào gương và bật cười.

Vigdis đặt ống nghe xuống. Cô ta vừa bị buộc phải ứng biến, dù cô ta ghét phải làm thế. Khi mọi chuyện không tuân theo đúng kế hoạch, nó khiến cô ta cảm thấy phát bệnh trong người. Ngay từ hồi nhỏ, cô ta đã nhận ra rằng chẳng có chuyện gì tự nhiên xảy ra. Luôn luôn phải lên kế hoạch trước. Cô ta vẫn nhớ lần chuyển nhà từ Skien tới Slemdal hồi cô ta học lớp ba. Trước mặt cả lớp mới, cô ta đã đứng giới thiệu về mình trong lúc bọn bạn ngồi nhìn cô ta chăm chăm, quần áo của cô ta và cái túi nhựa kỳ dị khiến cho mấy đứa con gái khúc khích và chỉ trỏ. Tới tiết cuối cô ta đã viết ra một danh sách chi tiết về những đứa con gái trong lớp sẽ trở thành bạn thân của cô ta, những đứa sẽ nhận được cái nhún vai lạnh lùng, những đứa con trai sẽ đem lòng yêu cô ta và những giáo viên sẽ chọn cô ta là học trò cưng của họ. Cô ta đã treo danh sách đó lên đầu giường khi về tới nhà và không chịu bỏ xuống cho tới tận Giáng sinh, khi dấu kiểm đã được đánh bên cạnh tất cả những cái tên.

Nhưng lúc này lại khác. Giờ đây cô ta đang phải để cho những kẻ khác sắp xếp mọi chuyện vào đúng chỗ.

Cô ta nhìn đồng hồ. Mười giờ kém hai mươi. Tom Waaler bảo rằng họ sẽ tới trong vòng mười hai phút nữa. Anh ta đã hứa sẽ tắt còi hụ trước khi tới Slemdal để cô ta không cần phải lo lắng về hàng xóm. Cô ta thậm chí còn không hề dả động tới chuyện đó.

Cô ta ngồi ngoài sảnh, chờ đợi. Cô ta hy vọng Hole đã ngủ trong bồn tắm. Nhìn đồng hồ lần nữa. Nghe nhạc. May mà những bài hát căng thẳng của The Police đã kết thúc và giờ Sting đang hát những bài hát trong album đơn ca của anh ta bằng một giọng hát tuyệt vời, êm dịu. Về cơn mưa... như những giọt nước mắt rơi xuống từ một vì sao. Nó hay đến mức cô ta suýt khóc.

Rồi cô ta nghe thấy con Gregor sửa khăn khăn. Cuối cùng đã tới.

Cô ta mở cửa và bước ra bậc thềm như đã sắp xếp. Cô ta nhìn thấy một cái bóng băng qua vườn về phía hiên và một cái bóng khác chạy vòng ra phía sau ngôi nhà. Hai người đàn ông đeo mặt nạ, mặc quân phục màu đen, mang những khẩu súng lục nhỏ, mũi vênh dừng lại trước mặt cô ta.

“Vẫn ở trong bồn tắm chứ?” Một gã thì thào sau mặt nạ đen. “Rẽ trái sau cầu thang à?”

“Vâng, Tom,” cô ta thì thào. “Và cảm ơn vì đã đến thật...”

Nhưng họ đã đi vào nhà.

Cô ta nhắm mắt và lắng nghe. Những bước chân chạy lên cầu thang, tiếng gầm gừ dữ tợn của Gregor ngoài hiên, giọng êm dịu của Sting đang hát bài *How Fragile We Are*, tiếng cửa nhà tắm bật mở khi bị đá mạnh.

Cô ta quay lại và đi vào trong. Lên tầng. Về phía có tiếng hét. Cần một ly. Cô ta thấy Tom đang đứng trên đỉnh cầu thang. Anh ta đã lột cái mũ trùm đầu ra, nhưng mặt nhăn nhó đến mức cô ta gần như không nhận ra anh ta nữa. Anh ta chỉ vào cái gì đó. Trên tấm thảm. Cô ta nhìn xuống. Một vệt máu. Cô ta nhìn theo nó kéo qua phòng khách ra tới chỗ cái cửa hiên để mở. Cô ta

không thể nghe rõ cái gã ngốc mặc đồ đen đó đang quát tháo cái gì. Cô ta chỉ có thể nghĩ tới kế hoạch đó. Kế hoạch không phải là thế này.

WALTZING MATILDA

Harry chạy. Tiếng sửa giật cục của con Gregor giống như cái máy gõ nhịp đầy giận dữ ở chậu cảnh, còn mọi thứ xung quanh đều yên lặng. Hai bàn chân trần của anh giẫm lên cỏ ướt. Anh đưa thẳng hai cánh tay ra phía trước trong lúc lao qua một hàng rào nữa, hầu như không cảm thấy những cái gai nhọn đang cào rách hai lòng bàn tay anh và bộ đồ nhãn hiệu Bjørn Borg. Anh không tìm thấy quần áo và giày của mình đâu; anh đoán là cô ta đã mang xuống nhà, chỗ cô ta ngồi đợi. Trong lúc tìm một đôi giày khác, anh nghe thấy Gregor ư ử và anh đã chạy thực mạng trong tình trạng đó, mặc quần vải và áo sơ mi. Mưa quất vào mắt anh, và những ngôi nhà, những cây táo và bụi cây thấp đang nhòa đi trước mắt anh. Một khu vườn nữa hiện ra từ trong bóng tối. Anh đánh liều nhảy qua cái hàng rào thấp. Nhưng lại mất thăng bằng. Chạy sau khi vừa uống rượu. Một bãi cỏ xén tỉa hiện ra và ập vào mặt anh. Anh nằm đó, lắng nghe.

Anh nghĩ lúc này anh sẽ nghe thấy tiếng chó sủa nhặng lên khắp nơi. Victor có ở đó không nhỉ? Nhanh thế ư? Waaler hẳn đã yêu cầu họ trực chiến. Harry đứng dậy và nhìn quanh. Anh đang ở trên đỉnh của ngọn đồi lúc này anh chạy lên. Cần thận tránh xa những con đường thấp đèn sáng trưng chẳng mấy chốc nữa sẽ đầy xe cảnh sát đi lùng và là nơi anh dễ bị phát hiện. Anh nhìn thấy nhà Albu dưới phố Bjørnetrakket. Có bốn chiếc xe bên ngoài cửa trước, hai chiếc gắn đèn xoay màu xanh. Anh nhìn xuống phía bên kia ngọn đồi. Có phải tên khu đó là Holmen hay Gressbanen không nhỉ? Tên gì đại

loại vậy. Một chiếc xe dân sự đỗ trên vỉa hè gần ngã tư, đèn bật sáng. Harry đã nhanh, nhưng Waaler còn nhanh hơn. Chỉ có cảnh sát mới đỗ kiểu đó.

Anh xoa mặt thật mạnh. Cố gắng gạt bỏ cảm giác mù mịt mà mới đây anh còn thèm muốn. Một ánh sáng xanh lóe lên giữa rừng cây trên phố Stasjonsveien. Anh đã như cá nằm trong lưới, và cái lưới đang từ từ siết lại. Anh khó mà trốn thoát. Waaler quá khôn. Nhưng anh không hiểu lắm. Chuyện này mình anh ta không thể làm được. Hẳn phải có ai đó đã cho phép sử dụng nhiều nguồn lực đến thế để đi bắt một người. Chuyện gì đã xảy ra vậy? Beate chưa nhận được email mà anh gửi sao?

Anh lắng nghe. Không nghi ngờ gì nữa, có thêm chó. Anh đưa mắt nhìn quanh. Nhìn những ngôi nhà sáng đèn, nằm biệt lập và rải rác khắp quả đồi tối đen như mực. Anh nghĩ tới những căn phòng ấm áp, thoải mái phía sau những ô cửa sổ. Người Na Uy thích ánh sáng. Và họ có điện. Họ chỉ tắt đèn khi nào xuôi Nam đi nghỉ hai tuần. Ánh mắt anh chuyển từ nhà này sang nhà khác.

Tom Waaler ngược lên nhìn những ngôi nhà biệt lập trang hoàng cho khung cảnh như những ngọn đèn trong lễ Giáng sinh. Những khu vườn rộng, tối om. Ăn trộm quả. Anh ta gác chân lên bảng đồng hồ trong cái xe tải đã được chế đặc biệt của Victor. Họ có những thiết bị truyền thông tốt nhất có thể kiếm được, vì vậy anh ta đã chuyển việc điều khiển chiến dịch đến đó. Anh ta có thể liên lạc qua sóng vô tuyến với tất cả các đơn vị vây quanh khu vực này. Anh ta nhìn đồng hồ đeo tay. Lũ chó đã ngừng sủa; đã sắp được mười phút kể từ lúc chúng biến vào bóng tối cùng với những người huấn luyện chó nghiệp vụ, lùnh sục trong các khu vườn.

Tiếng bộ đàm vang lên rền rẹt: “*Stasjonsveien gọi Victor 01. Chúng tôi đang giữ một chiếc xe với người tên là Stig Antonsen đang đi về phía đường*

Revehiven 17. Anh ta nói là đang đi làm về. Chúng tôi có...?”

“Kiểm tra thẻ căn cước, địa chỉ rồi cho anh ta qua,” Waaler nói. “Cả những người khác ngoài đó cũng làm thế, OK? Nghĩ đi chứ.”

Waaler lôi một cái đĩa CD từ trong túi áo ra và nhét vào đầu đĩa trên xe. Vài bài hát giọng nam cao. Prince với bài *Thunder*. Người đàn ông ngồi ghế lái bên cạnh anh ta nhướng mày, nhưng Waaler vờ như không hay và bật to tiếng. Lời bài hát. Điệp khúc. Lời bài hát. Lại điệp khúc. Bài tiếp theo: *Pop Daddy*. Waaler lại nhìn đồng hồ. Khi thật, lũ chó đi tuần lâu thế? Anh ta đập mạnh tay lên bảng đồng hồ. Người lái xe lại liếc nhìn.

“Bọn nó có cả một vệt máu mới tinh để lần theo cơ mà,” Waaler nói. “Khó đến thế sao?”

“Chúng là chó chứ có phải rô bốt đâu,” người lái xe nói. “Thư giãn đi, rồi chúng sẽ tóm được anh ta thôi.”

Gã ca sĩ mãi mãi được biết đến với cái nghệ danh Prince đang hát dở bài *Diamonds and Pearls* thì có báo cáo về. “*Victor 03 gọi Victor 01. Chắc là chúng tôi đã tóm được anh ta. Chúng tôi đang đứng bên ngoài một ngôi nhà trắng ở... ờ... Erik đang cố tìm xem tên của con đường này là gì, nhưng có một con số 16 trên tường.*”

Waaler vặn nhỏ tiếng nhạc. “Được rồi. Tìm xem rồi đợi chúng tôi tới. Tiếng gì đang kêu rinh lên thế?”

“Nó phát ra từ trong nhà.”

Bộ đàm lại kêu rền rét: “*Stasjonsveien gọi Victor 01. Xin lỗi đã chen ngang nhưng ở đây có một xe an ninh. Họ bảo rằng họ đang tới số nhà 16 đường Harelabben. Tổng đài trung tâm của họ vừa nhận được báo động có trộm ở nhà đó. Tôi có...?”*

“Victor 01 gọi tất cả các đơn vị!” Waaler gào lên. “Tiến vào. Nhà số 16 phố Harelabben.”

Bjarne Møller đang giận điên người. Giữa lúc đang xem chương trình ti vi yêu thích nhất của ông! Ông tìm thấy ngôi nhà màu trắng, số 16, xe đỗ bên ngoài, đi qua cổng rồi lên chỗ cửa để mở nơi một sĩ quan cảnh sát đang đứng cạnh một con chó béc giê Đức đã bị xích.

“Waler có đây không?” Møller hỏi. Viên cảnh sát ra hiệu về phía cánh cửa. Møller nhận thấy kính cửa sổ tiền sảnh đã bị đập vỡ. Waler đang đứng bên trong sảnh, bàn bạc gì đó với một cảnh sát khác, vẻ bức tức.

“Chuyện quái gì đang diễn ra ở đây thế?” Møller hỏi thẳng, không mào đầu.

Waler quay ra. “Phải rồi. Ai gọi ông tới đây thế, Møller?”

“Beate Lønn gọi. Ai đã cho phép tiến hành cái việc ngu ngốc này thế hả?”

“Cố vấn luật pháp cảnh sát của chúng ta.”

“Tôi không nói về vụ bắt giữ. Tôi đang hỏi ai đã cho phép tổ chức Thế Chiến thứ Ba chỉ vì một trong số chính các đồng nghiệp của chúng ta có lẽ - có lẽ! - phải giải thích một số chuyện.”

Waler nhún gót chân trong lúc nhìn Møller chòng chọc. “Ivarsson, chúng tôi tìm thấy một vài bằng chứng tại nơi ở của Harry cho thấy anh ta không chỉ là người mà chúng ta muốn nói chuyện. Anh ta bị tình nghi giết người. Ông còn thắc mắc gì nữa không, Møller?”

Møller nhướn mày kinh ngạc và kết luận rằng chắc Waler đang rất tức giận. Đây là lần đầu tiên anh ta ăn nói với cấp trên với thái độ khiêu khích như thế. “Còn Harry đâu?”

Waler chỉ vào những vết chân màu đỏ trên sàn nhà lát gỗ. “Anh ta đã ở đây. Đột nhập, như ông thấy đấy. Bắt đầu có khá nhiều thứ phải giải thích rồi phải không?”

“Tôi hỏi giờ anh ta đang ở đâu.”

Waalder và tay cảnh sát kia nhìn nhau. “Rõ ràng là Harry không thiết tha giải thích cho lắm. Khi chúng tôi tới thì anh ta đã chạy mất rồi.”

“Vậy sao? Tôi có cảm tưởng là anh đã bao vây toàn bộ khu vực này.”

“Đúng thế.” Waalder nói.

“Vậy thì làm thế nào anh ta chạy thoát được?”

“Dùng cái này.” Waalder chỉ vào cái điện thoại trên bàn. Ông nghe dính thứ gì đó trông giống như máu.

“Anh ta chạy trốn bằng điện thoại để bàn ư?” Møller chợt có cái cảm giác phi lý - bởi nỗi bức dọc và sự nghiêm trọng của tình thế cùng lúc tác động tới ông - là muốn mỉm cười.

“Có lý do để tin rằng,” Waalder nói trong lúc Møller nhìn bắp cơ mạnh mẽ trên cái quai hàm David Hasselhoff đánh lại, “Anh ta đã gọi một chiếc taxi.”

Øystein cho xe chạy chậm chậm xuôi con hẻm rồi rẽ vào cung đường bán nguyệt rải sỏi phía trước nhà từ Oslo. Anh ta lùi xe vào giữa hai chiếc xe khác, đuôi xe chĩa về phía cái công viên vắng hoe và đường Grønlandsleiret. Anh ta xoay khóa từ để tắt máy, nhưng cái cần gạt nước vẫn cứ gạt soàn soạt qua lại. Rồi đợi. Chẳng thấy ai quanh đó, cả trên quảng trường lẫn trong công viên. Anh ta liếc lên nhìn Sở Cảnh sát rồi rút cái đòn bẩy dưới bánh xe lên. Một tiếng cạch vang lên và nắp cốp xe bật ra.

“Ra đi!” Anh ta gọi, mắt nhìn gương.

Chiếc xe rung lên, nắp cốp được mở hẫng ra rồi đóng sầm lại. Rồi cửa sau xe mở ra và một người đàn ông nhảy vào trong.

Øystein nhìn vị khách ướm như chuột lột, run rẩy qua gương. “Trông cậu tuyệt lắm, Harry.”

“Cảm ơn.”

“Bộ đồ đẹp đấy.”

“Không phải cỡ của tôi, nhưng mà là hàng hiệu Bjørn Borg. Cho tôi mượn giày cậu được không?”

“Sao cơ?”

“Tôi chỉ tìm được đôi dép nỉ đi trong nhà ở cái sảnh đó thôi. Không thể xỏ cái đó mà đi vào nhà giam thăm tù được. Cả áo khoác của cậu nữa.”

Øystein đảo mắt rồi loay hoay cởi cái áo khoác da ngăn ra.

“Cậu có gặp rắc rối nào khi đi qua chỗ họ dựng hàng rào bao vây không?” Harry hỏi.

“Chỉ lúc vào thôi. Họ phải kiểm tra xem tôi có tên và địa chỉ của người mà tôi đem gói đồ đến không.”

“Tôi thấy cái tên đó ở trên cửa.”

“Lúc ra, họ chỉ nhìn vào trong xe rồi xua tay bảo tôi đi. Ba mươi giây sau thì có tiếng om sòm trên điện đàm. Gọi tất cả các đơn vị, gì gì đó nữa. Hê hê.”

“Tôi cũng nghĩ là tôi nghe thấy gì đó sau xe. Cậu biết bắt sóng vô tuyến của cảnh sát là phạm pháp, phải không Øystein?”

“Ừm, bắt sóng thì không phạm pháp. Sử dụng mới là phạm pháp. Mà tôi hầu như chưa bao giờ sử dụng.”

Harry thắt dây giày và quăng đôi dép qua ghế sang chỗ Øystein. “Khi nào lên thiên đường cậu sẽ được tưởng thưởng. Nếu họ lục lại biển số xe taxi của cậu và cảnh sát viếng thăm thì cậu phải khai ra với họ những gì đã xảy ra. Rằng cậu được khách gọi qua điện thoại di động và vị khách đó cứ đòi nằm trong cốp.”

“Đương nhiên. Đó là sự thật mà.”

“Điều chân thật nhất lâu lắm rồi tôi mới được nghe.”

Harry hít một hơi sâu và nhấn chuông. Bước đầu thì cũng chưa mạo hiểm lắm, nhưng khó mà biết được cái tin anh bị truy nã đã lan nhanh tới mức nào. Dù sao thì cảnh sát cũng ra vào nhà tù này suốt.

“Vâng,” một giọng nói văng ra từ điện thoại nội bộ.

“Thanh tra Harry Hole đây,” Harry nói hơi rành rọt quá, nhìn vào máy quay phía trên cửa ra vào với vẻ mặt mà anh hy vọng là điềm tĩnh. “Tối gặp Raskol Baxhet.”

“Tôi không thấy tên anh trong danh sách.”

“Vậ ư?” Harry hỏi. “Tôi đã nhờ Beate Lønn gọi cho anh để đặt lịch cho tôi rồi cơ mà. Tối qua, lúc chín giờ. Cứ hỏi Raskol xem.”

“Nếu là thăm viếng ngoài giờ quy định thì anh phải nằm trong danh sách, thưa thanh tra. Mai gọi lại vào giờ làm việc nhé.”

Harry đổi chân trụ. “Anh tên là gì?”

“Beygset. Tôi e là tôi không thể...”

“Nghe này, Beygset. Chuyển viếng thăm này liên quan đến việc tìm kiếm thông tin cho một vụ án quan trọng của cảnh sát mà không thể đợi đến mai được. Tôi đoán là tối nay anh đã nghe thấy tiếng còi hụ khắp xung quanh Sở Cảnh sát rồi, phải không?”

“Vâng, nhưng...”

“Được rồi, nếu ngày mai anh không muốn trả lời các câu hỏi của báo chí rằng anh đã phá bĩnh kế hoạch này như thế nào thì tôi đề nghị là chúng ta hãy bỏ qua quy tắc cứng nhắc và nhấn cái nút của lễ phải thông thường đi. Chính là cái nút ở ngay trước mặt anh đấy, Beygset.”

Harry nhìn chăm chăm vào ống kính vô tri của máy quay. Một ngàn lẻ một, một ngàn lẻ hai. Khóa cửa kêu ro ro.

Raskol đang ngồi trên một cái ghế trong buồng giam thì Harry được dẫn vào.

“Cảm ơn ông đã xác nhận chuyến viếng thăm,” Harry nói, nhìn quanh cái buồng giam một chiều bốn, một chiều hai mét. Một cái giường, một cái bàn viết, hai tủ đựng bát đĩa, vài cuốn sách. Không đài, tạp chí hay tài sản cá nhân, tường trống trơn.

“Tôi thích thế này hơn,” Raskol nói để trả lời cho những suy nghĩ của Harry. “Để đầu óc tập trung.”

“Thế thì hãy cảm nhận xem chuyện này giúp đầu óc ông tập trung thế nào,” Harry nói, ngồi xuống mép giường. “Arne Albu rốt cuộc không giết Anna. Ông giết nhầm người rồi. Bàn tay ông đã vấy máu người vô tội, Raskol.”

Harry không chắc chắn, nhưng hình như anh nhận thấy cái mặt nạ kẻ tử đạo hòa nhã nhưng lạnh lùng của gã Di gan khế giật giật một chút xú. Raskol cúi xuống và áp hai lòng bàn tay lên hai bên thái dương.

“Tôi đã nhận được một cái email từ kẻ giết người,” Harry nói. “Hóa ra hẳn đã thao túng tôi ngay từ phút đầu.” Anh lướt một bàn tay qua lại trên họa tiết ca rô của chiếc chăn lông vũ trong lúc tóm tắt lại nội dung của bức thư. Và tiếp theo là bản tóm tắt các sự kiện trong ngày.

Raskol ngồi bất động, lắng nghe cho tới lúc Harry nói hết. Sau đó, hẳn ngẩng đầu lên. “Thế có nghĩa là tay anh cũng vấy máu người vô tội, Spiuni a.”

Harry gật đầu.

“Giờ anh tới đây để bảo với tôi rằng tôi là kẻ đã khiến tay anh vấy máu. Vì thế tôi nợ anh.”

Harry không đáp.

“Tôi đồng ý,” Raskol nói. “Nói cho tôi xem tôi nợ anh cái gì nào.”

Harry ngừng vuốt ve cái chăn lông. “Ba thứ. Trước hết, tôi cần một nơi ẩn náu đến khi tìm hiểu ra ngọn ngành chuyện này.”

Raskol gật đầu.

“Thứ hai, tôi cần chìa khóa căn hộ của Anna để xem xét vài thứ.”

“Tôi đã trả lại nó rồi còn gì.”

“Không phải chiếc chìa có chữ A.A., cái chìa đó đang nằm trong ngăn kéo ở nhà tôi, mà bây giờ tôi không thể về đó. Và thứ ba...”

Harry ngừng lại và Raskol chăm chú nhìn mặt anh với vẻ tò mò.

“Nếu tôi nghe Rakel nói có bất cứ kẻ nào chỉ cần nhìn hai mẹ con họ với vẻ khả nghi, thì tôi sẽ ra đầu thú, ngửa bài và khai ra ông là người giết dây vụ giết hại Arne Albu.”

Raskol mỉm cười với anh vẻ khoan dung và thân thiện. Như thế, thay mặt cho Harry, hẳn ân hận một điều mà cả hai đều biết quá rõ - sẽ không bao giờ có ai tìm ra được chút liên hệ nào giữa Raskol và vụ giết người đó. “Anh không cần phải lo lắng về Rakel và Oleg, Spiuni. Đầu mối liên lạc của tôi đã được chỉ thị ngừng ngay việc đó khi bọn tôi đã xử Albu xong. Anh nên lo lắng về kết quả của phiên tòa hơn. Đầu mối của tôi nói rằng triển vọng không lạc quan lắm đâu. Theo tôi hiểu là gia đình của cha thằng bé có một số mối quen biết nào đó, đúng không?”

Harry so vai.

Raskol mở ngăn kéo bàn viết, lấy một cái chìa khóa hệ thống nhãn hiệu Trioving sáng loáng đưa cho Harry. “Hãy tới ga tàu điện ở Grønland. Đi xuống nhịp cầu thang thứ nhất, anh sẽ thấy một người phụ nữ ngồi sau một ô cửa sổ cạnh phòng vệ sinh. Anh phải trả năm krone mới được vào. Hãy bảo với bà ta rằng Harry đã tới, đi vào một ngăn trong phòng vệ sinh nam và chốt cửa lại. Khi nghe có người và huýt sáo bài *Waltzing Matilda* thì có nghĩa là phương tiện của anh đã sẵn sàng. Chúc may mắn, Spiuni.”

Mưa quất xuống dữ dội đến mức nước bắn lên từ mặt đường nhựa cũng đủ tạo thành một cơn mưa khác, và nếu như người ta chịu bỏ ra chút thời gian thì họ sẽ thấy những cầu vồng nhỏ xíu quanh những ngọn đèn đường phía cuối phần đường hẹp một chiều trên phố Sofies. Tuy nhiên, Bjarne Møller không có thời gian ông ra khỏi xe, đưa áo khoác lên che đầu rồi băng qua con phố tới chỗ cửa trước tòa nhà nơi Ivarsson, Weber và một người đàn ông, hình như là gốc Pakistan, đang đứng đợi.

Møller bắt tay và người đàn ông ngăm đen giới thiệu mình tên là Ali Niazi, hàng xóm của Harry.

“Waler sẽ tới đây ngay sau khi giải quyết xong ở Slemdal,” Møller nói. “Các anh đã tìm được gì?”

“Những thứ khá là giật gân, tôi e là vậy,” Ivarsson nói. “Điều quan trọng nhất bây giờ là nghĩ xem sẽ phải nói thế nào với báo chí rằng một trong số những cảnh sát của chúng ta lại...”

“Khoan đã,” Møller làu bàu. “Đừng có nhanh nhẩu quá. Nói qua tôi nghe nào?”

Ivarsson nhếch miệng cười. “Đi với tôi.”

Trưởng Đơn vị Chống Cướp dẫn ba người đi qua một ô cửa thấp và bước xuống một cầu thang ngoan ngoèo tới tầng hầm. Møller hết cúi lại nghiêng cái thân hình cao, gầy của ông để không va vào trần hay tường hầm. Ông không thích các hầm nhà.

Giọng Ivarsson vang vọng đều đều giữa những bức tường gạch. “Như ông đã biết, Beate Lønn nhận được một số email chuyển tiếp từ Hole. Anh ta khẳng định rằng đó là những email mà kẻ đã thú nhận giết Anna Bethsen gửi cho anh ta. Một giờ trước tôi đã tới Sở Cảnh sát và đọc mấy email đó. Nói thẳng ra thì chúng chủ yếu là những chuyện vớ vẩn viết lộn xộn và khó hiểu.

Nhưng chúng lại chứa những thông tin mà người viết hẳn là sẽ không thể có được nếu như không biết nội tình chuyện đã xảy ra vào cái đêm Anna Bethsen chết. Mặc dù những thông tin đó cho thấy Hole có tới căn hộ của Anna vào tối hôm ấy, nhưng có vẻ như nó cũng đồng thời cung cấp cho anh ta bằng chứng ngoại phạm.”

“Có vẻ như ư?” Møller cúi đầu chui qua một khung cửa nữa. Bên trong, ngăn hãm thậm chí còn thấp hơn nữa khiến ông phải cúi gập người xuống bước đi trong lúc cố không nghĩ rằng bên trên ông là bốn tầng vật liệu xây dựng được kết dính với nhau bằng cái thứ phen trát đất tuổi đời mấy thế kỷ. “Ý ông là sao, Ivarsson? Chẳng phải ông vừa nói rằng những email đó chứa đựng lời thú tội sao?”

“Đầu tiên, chúng tôi khám nhà Hole,” Ivarsson nói.

“Chúng tôi bật máy tính của anh ta lên, mở hòm thư ra và tìm thấy tất cả các email mà anh ta đã nhận được. Giống y như anh ta đã giải thích với Beate Lønn. Nói cách khác là một bằng chứng ngoại phạm rành rành.”

“Tôi nghe ông nói rồi,” Møller nói, cau kinh ra mặt. “Ông nói nhanh vào vấn đề đi có được không?”

“Đương nhiên, vấn đề là cái người đã gửi những email đó tới máy tính của Harry.”

Møller nghe thấy mấy giọng nói khác.

“Vòng qua cái góc này,” người đàn ông tự giới thiệu là hàng xóm của Harry nói.

Họ dừng lại trước một cái kho. Hai người đàn ông ngồi xổm phía sau tấm lưới kim loại. Một người chiếu đèn pin vào phần sau một chiếc máy tính xách tay trong lúc đọc to một con số lên, còn người kia thì ghi lại. Møller nhìn thấy hai sợi dây điện chạy ra từ ổ cắm điện trên tường, một dây nối với máy tính xách tay, dây kia nối với chiếc điện thoại di động Nokia trầy trụa, rồi điện thoại lại được kết nối với máy tính.

Møller đứng thẳng lên hết mức có thể. “Và điều đó thì chứng tỏ cái gì?”

Ivarsson đặt một bàn tay lên vai anh chàng hàng xóm của Harry. “Ali bảo rằng anh ta đã vào hầm vài ngày sau khi Anna Bethsen bị giết, và đó là lần đầu tiên anh ta nhìn thấy cái máy tính xách tay này cùng với cái điện thoại di động được gắn với nó trong phòng kho của Harry. Chúng tôi đã kiểm tra cái điện thoại.”

“Và?”

“Nó của Hole. Bây giờ chúng tôi đang cố gắng tìm hiểu xem ai đã mua cái máy tính. Chúng tôi đã kiểm tra cả những thư gửi đi nữa.”

Møller nhắm mắt lại. Lưng ông đã đau ê ẩm.

“Và chúng kia.” Ivarsson lắc đầu xác minh. “Tất cả các email mà Harry đang cố gắng làm cho chúng ta tin là có một kẻ giết người bí mật nào đó đã gửi cho anh ta.”

“Ừm,” Møller nói. “Nghe có vẻ không ổn nhỉ.”

“Weber đã tìm thấy bằng chứng thật sự trong căn hộ.”

Møller nhìn Weber chờ nghe thông tin, ông này bèn giơ lên một cái túi bóng nhỏ trong suốt, vẻ mặt lăm lăm.

“Một chiếc chìa khóa ư?” Møller hỏi. “Với chữ viết tắt A.A.?”

“Tìm thấy trong ngăn kéo bàn điện thoại,” Weber nói. “Nó khớp với chìa khóa căn hộ của Anna Bethsen.”

Møller ngậy người nhìn Weber. Ánh sáng gay gắt từ cái đèn trần khiến mặt họ có một màu nhợt nhạt chết chóc y như những bức tường quét vôi trắng và Møller có cảm tưởng như ông đang ở trong hầm mộ. “Tôi phải ra ngoài đây,” ông lăm bắm.

PHẦN XIII

SPIUNI GJERMAN

Harry mở mắt ra và ngược nhìn lên thì thấy một cô bé đang mỉm cười và chợt cảm thấy đầu đau như búa bổ.

Anh bèn nhắm mắt lại, nhưng cả tiếng cười của cô bé lẫn cơn đau đều không biến mất.

Anh cố gắng nhớ lại đêm hôm đó.

Raskol, nhà vệ sinh ở ga tàu điện, gã béo lùn mặc bộ vest Armani cũ huyết sáo, một bàn tay đeo nhẫn vàng chìa ra, mái tóc đen và móng tay út dài, nhọn hoắt. “Chào anh, Harry. Tôi là Simon bạn anh.” Và, đối lập hoàn toàn với bộ vest sòn mòn là một chiếc Mercedes mới cứng với một anh chàng tài xế trông giống em trai của Simon, cũng với cặp mắt nâu vui vẻ và cái tay lông lá, đeo đầy vàng chìa ra bắt.

Hai người đàn ông đứng trước xe trò chuyện bằng thứ tiếng pha trộn giữa tiếng Na Uy và tiếng Thụy Điển, với ngữ điệu lạ lùng của người trong gánh xiếc, người bán dao, nhà truyền giáo, và ca sĩ chính trong ban nhạc hát cho vũ hội. Nhưng họ không nói gì nhiều lắm. “Anh thế nào, anh bạn?”

“Thời tiết sợ nhỉ?”

“Quần áo bảnh ghê, anh bạn. Chúng ta trao đổi nhé?” Tiếng cười vui vẻ ánh lập lòe của bật lửa. Harry có hút thuốc không? Thuốc lá Nga đấy. Làm một điếu, chắc sẽ hơi thô, nhưng, anh biết đấy, ‘ngon theo cách của nó’. Tiếng cười lại rộ lên. Không ai nhắc đến tên của Raskol hay nơi họ đang tới.

Hóa ra cũng chẳng xa lắm.

Họ rẽ sau Bảo tàng Munch và xe xóc nảy qua những ổ gà để vào một bãi đỗ xe phía trước một sân bóng bỏ hoang, lầy lội. Cuối bãi đỗ xe có ba căn nhà lưu động. Hai căn to và mới, còn một căn nhỏ không có bánh, kê trên những khối gạch xi măng cốt liệu.

Cánh cửa của một trong hai căn nhà lưu động to mở ra và Harry trông thấy bóng của một người phụ nữ. Mấy đứa trẻ con ló đầu ra từ phía sau cô ta. Harry đếm được năm đứa.

Anh bảo anh không đói và ngồi trong góc nhà nhìn họ ăn. Người trẻ hơn trong hai người phụ nữ ở căn nhà lưu động đó mang thức ăn lên và họ ăn rất nhanh, không khách sáo. Đám trẻ con vừa nhìn Harry vừa cười khúc khích và xô đẩy nhau. Harry nháy mắt với chúng và gượng nở một nụ cười trong lúc cảm giác dần dần trở lại với thân thể cứng ngắc, tê liệt của anh. Thế là tốt, vì cơ thể đó dài đến hai mét và từng xăng ti mét đều đang đau nhức. Sau đó Simon đưa cho anh hai cái chần len và thân thiện vỗ vai anh một cái, hất đầu ra hiệu về phía cái nhà lưu động nhỏ. “Không phải là khách sạn Hilton, nhưng ở đây anh được an toàn, anh bạn.”

Chút hơi ấm nào còn sót lại trong cơ thể Harry thì cũng bay biến nốt ngay khi anh bước vào căn nhà lưu động khang khác nào cái tủ lạnh hình quả trứng đó. Anh đã hất văng đôi giày của Øystein vốn nhỏ hơn chân anh ít nhất một cỡ và xoa chân rồi cố gắng xoay trở để đôi chân ngoằng của mình vừa với cái giường ngắn ngủn. Việc cuối cùng anh nhớ nổi mình đã làm là anh đã phải chật vật lột cái quần ướt nhẹp ra.

“Hi hi hi.”

Harry lại mở mắt ra. Khuôn mặt nhỏ ngăm đen biến mất và tiếng cười lúc này cất lên từ bên ngoài, vọng vào qua cánh cửa để mở khiến một dải nắng bạo dạn len vào và chiếu lên bức tường sau lưng anh cùng những tấm ảnh ghim trên đó. Harry chống khuỷu tay ngồi lên và ngăm những tấm ảnh. Một

tấm chụp hai thằng bé quàng tay ôm nhau đứng góc chính căn nhà lưu động mà lúc này anh đang nằm. Trông chúng có vẻ mãn nguyện. Không, còn hơn thế. Trông chúng thật hạnh phúc. Đó có lẽ là lý do khiến Harry hầu như không nhận ra nỗi Raskol ngày nhỏ.

Harry lia chân xuống khỏi chiếc giường tầng và quyết định phớt lờ cơn đau đầu. Để chắc chắn là dạ dày vẫn ổn, anh bèn ngồi nán lại vài giây. Anh đã trải qua những thử thách tồi tệ hơn nhiều so với chuyện ngày hôm qua, tồi tệ hơn rất nhiều. Trong suốt bữa ăn tối hôm qua, anh đã suýt buột miệng hỏi họ xem có thứ đồ uống gì nặng hơn không, nhưng kìm lại được. Có lẽ cơ thể anh lúc này sẽ chịu được rượu tốt hơn sau một thời gian dài tiết chế chẳng?

Câu hỏi của anh được trả lời khi anh bước ra ngoài.

Lũ trẻ tròn mắt kinh ngạc khi thấy Harry vịn vào cái thanh sắt nối giữa xe ô tô và căn nhà lưu động rồi nôn lên lớp cỏ úa. Anh ho và khạc nhổ vài lần rồi dùng mu bàn tay chùi miệng.

Khi anh quay lại thì thấy Simon đang đứng đó với một nụ cười tươi roi rói, như thể việc trút hết mọi thứ trong dạ dày ra là cách khởi đầu tự nhiên nhất cho một ngày. “Ăn chứ, anh bạn?”

Harry nuốt khan rồi gật đầu.

Simon cho Harry mượn bộ vest nhàu nhĩ, một cái áo sơ mi sạch cổ rộng và chiếc kính râm to đùng. Họ lên chiếc Mercedes và lái tới phố Finnmarkgata. Tại chỗ dừng đèn đỏ cạnh quảng trường Cal Berners, Simon hạ cửa kính xuống và quát một người đàn ông đang đứng bên ngoài một ki ốt hút xì gà. Harry ngờ ngợ là đã trông thấy gã đầu đó. Theo kinh nghiệm thì anh biết cảm giác đó thường có nghĩa gã từng có tiền án. Gã cười hô hố và quát lại gì đó mà Harry không nghe rõ.

“Người quen à?” anh hỏi.

“Một đầu mối liên lạc,” Simon nói.

“Một đầu mối,” Harry lặp lại, nhìn chiếc xe cảnh sát đang chờ đèn xanh

phía bên kia ngã tư.

Simon rẽ sang hướng Tây, đi về phía bệnh viện Ulleval.

“Nói cho tôi biết đi,” Harry nói. “Raskol có đầu mối kiểu gì ở Nga mà lại có thể tìm ra một người trong cái thành phố hai mươi triệu dân như thế?”

Harry búng ngón tay đánh tách. “Có phải là mafia Nga không?”

Simon bật cười. “Có lẽ. Nếu anh không nghĩ ra ai giỏi tìm người hơn.”

“KGB ư?”

“Nếu tôi nhớ chính xác thì họ không còn tồn tại nữa, anh bạn ạ.” Simon cười to hơn.

“Vị chuyên gia Nga ở Cục An ninh đã bảo tôi rằng những cựu điệp viên của KGB vẫn đang hoạt động.”

Simon nhún vai. “Đặc ân, anh bạn ạ. Và đáp lại đặc ân. Toàn bộ chuyện đó là như vậy.”

Harry nhìn lướt khắp con phố. Một cái xe tải phóng ào qua. Anh đã nhờ Tess cô bé mắt nâu đã đánh thức anh - chạy tới khu trung tâm Toyen mua hộ mấy tờ báo Dagbladet và Verdens Gang, nhưng chẳng thấy tờ nào đăng tin cảnh sát bị truy nã. Nhưng như vậy không có nghĩa là anh có thể chường mặt ra khắp nơi, bởi lẽ, trừ phi anh nhầm, ảnh anh hẳn đã có trong mọi xe cảnh sát.

Harry vội bước tới chỗ cánh cửa, cắm cái chìa khóa của Raskol vào ổ và xoay. Anh cố gắng không gây ra tiếng động trong hành lang. Có một tờ báo bên ngoài cửa nhà Astrid Monsen. Khi đã lọt vào được trong căn hộ của Anna, anh nhẹ nhẹ đóng cánh cửa lại sau lưng và hít một hơi.

Đừng nghĩ về thứ mình cần tìm.

Căn hộ có mùi mốc. Anh đi vào căn phòng ở cuối. Chẳng có gì bị đụng tới kể từ lần cuối anh tới đây. Bụi nhảy múa trong ánh nắng đang tràn vào qua cửa sổ và chiếu sáng ba bức chân dung. Anh đứng ngăm nhìn chúng. Có gì đó quen thuộc đến kỳ lạ ở những cái đầu méo mó. Anh đi tới gần những bức

tranh và lướt những đầu ngón tay qua những cục sơn dầu. Nếu chúng đang trò chuyện với anh thì anh chẳng hiểu chúng nói gì cả.

Rồi anh đi vào bếp.

Bếp bốc mùi rác và mỡ ôi. Anh mở cửa sổ ra, xem xét đồng đĩa và dao kéo trong bồn rửa. Chúng đã được tráng nhưng chưa được rửa. Anh dùng nĩa chọc chọc những mẫu thức ăn đã răn lại. Tách một mẫu bé xíu màu đỏ trong nước xiết ra. Cho vào miệng. Ớt Nhật.

Hai ly rượu vang nằm sau cái chảo lớn. Một ly còn dính ít cặn mịn màu đỏ, còn ly kia có vẻ như đã không được dùng đến. Harry đưa cái ly lên mũi ngửi, nhưng chỉ thấy mùi một chiếc ly ấm. Ngoài những cái ly uống rượu vang còn có hai cái cốc thường. Anh tìm thấy một cái khăn lau bát để có thể cầm mấy cái ly giơ ra trước ánh sáng mà không để lại dấu vân tay. Một cái sạch, còn cái kia phủ một lớp dính dính. Anh dùng móng tay cạo lớp dính đó và mút ngón tay. Đường. Có vị cà phê. Coca ư? Harry nhắm mắt lại. Rượu vang và Coca? Không. Là nước và rượu vang cho một người. Coca và cái ly không đụng đến cho người kia. Anh quấn cái ly trong mảnh khăn và nhét nó vào túi áo khoác. Trong cơn bốc đồng, anh đi vào phòng tắm, xoáy mở nắp bồn chứa nước bồn cầu và lần sờ bên trong. Không thấy gì.

Bước ra phố, anh nhìn thấy những đám mây từ đằng Tây đang ùn ùn kéo tới và không khí trở nên lạnh tê. Harry căn môi dưới. Anh quyết định rồi rảo bước về phía phố Vibes.

Harry ngay lập tức nhận ra gã trai đứng sau quầy ở cửa hàng khóa.

“Xin chào, tôi tới từ Sở Cảnh sát,” Harry nói, hy vọng thằng nhóc không hỏi tới cái thẻ ngành anh cất trong túi áo khoác bỏ lại nhà Vigdis Albu ở Slemdal.

Gã trai đặt tờ báo xuống. “Tôi biết.”

Nỗi hoảng hốt choán lấy Harry trong một giây.

“Tôi nhớ anh đã tới đây lấy một chiếc chìa khóa.” Gã trai cười toe. “Tôi

nhớ tất cả các khách hàng của mình.”

Harry hắng giọng. “Ừm, tôi không hẳn là một khách hàng.”

“Vậy sao?”

“Không, chiếc chìa khóa đó không phải lấy cho tôi. Nhưng đó không phải là lý do...”

“Phải là của anh chứ,” gã trai cắt ngang. “Một chiếc chìa khóa hệ thống, phải không?”

Harry gật đầu. Từ khóe mắt, anh nhìn thấy một chiếc xe tuần tra đang chậm chậm chạy qua. “Chính là tôi đang muốn hỏi về chìa khóa hệ thống. Tôi không biết là làm thế nào mà một người bên ngoài lại có thể có được bản sao của một chiếc chìa khóa hệ thống như thế. Ví dụ như một cái chìa Trioving.”

“Không thể,” gã trai nói với cái giọng chắc như đinh đóng cột của một người hay đọc các tạp chí khoa học có hình minh họa. “Chỉ Trioving mới có thể làm thêm một bản sao sử dụng được. Vì thế cách duy nhất là làm giả giấy xin phép viết tay của ban quản lý chung cư. Nhưng ngay cả chuyện đó cũng sẽ bị phát hiện khi anh tới lấy chiếc chìa khóa vì chúng tôi sẽ hỏi thẻ căn cước của anh và so lại với danh sách các chủ căn hộ trong tòa nhà.”

“Nhưng tôi đã lấy được một cái chìa khóa hệ thống trong này. Và đó lại là chìa khóa của người khác.”

Gã trai nhíu mày. “Không, tôi nhớ khá rõ là anh đã chìa thẻ căn cước ra và tôi đã kiểm tra tên. Anh nghĩ là mình đã lấy chìa khóa của ai?”

Qua hình ảnh phản chiếu trên cửa kính sau quầy, Harry thấy chiếc xe cảnh sát kia chạy ngược lại.

“Thôi bỏ qua đi. Có cách nào khác để đánh thêm một chiếc chìa khóa không?”

“Không. Trioving, cái công ty đã đánh những cái chìa này, chỉ nhận đơn đặt hàng từ những khách hàng được ủy quyền giống như chúng tôi thôi. Và,

như tôi đã nói, chúng tôi kiểm tra giấy tờ và quản lý những chiếc chìa khóa của các nhà ở chung và các khu chung cư. Hệ thống này phải khá an toàn.”

“Nghe có vẻ như vậy.” Harry bức bối đưa tay lên xoa mặt. “Cách đây ít lâu tôi đã gọi tới và được bảo rằng có một người phụ nữ sống ở Sorgenfrigata đã nhận được ba chiếc chìa cho căn hộ của cô ta. Một cái chúng tôi tìm thấy trong căn hộ của cô ta, cái thứ hai cô ta đưa cho người thợ điện phải sửa chữa gì đó và cái thứ ba chúng tôi tìm được ở một nơi khác. Vấn đề là, tôi không tin rằng cô ta đã đặt đánh chiếc chìa thứ ba. Anh có thể kiểm tra thông tin đó giúp tôi không.”

Gã trai nhún vai. “Đương nhiên là có thể, nhưng tại sao anh không tự mình hỏi cô ta cho xong?”

“Có kẻ đã bắn chết cô ấy.”

“Ồi trời,” gã trai kêu lên, chẳng buồn chớp mắt.

Harry đứng im như tượng. Anh có thể cảm nhận được thứ gì đó. Những rung động nhỏ nhất. Có lẽ chỉ là gió lùa qua cửa? Đủ để khiến tóc gáy dựng đứng. Có tiếng hăng giọng ngập ngừng. Anh chưa nghe thấy tiếng chân người bước vào. Không quay đầu lại, anh cố gắng nhìn xem ai, nhưng ở góc đó thì không thể.

“Cảnh sát,” một giọng the thé cất lên sau lưng anh. Harry nuốt nghẹn. “Sao?” gã trai nói, ngoác qua vai Harry.

“Họ đang ngoài kia,” cái giọng đó nói. “Họ bảo rằng bà già ở số nhà 14 vừa bị đột nhập. Bà ấy cần một ổ khóa mới ngay lập tức vì vậy họ muốn hỏi là liệu chúng ta có thể cử ai đó tới ngay lập tức không.”

“Thế anh đi với họ đi, Alf. Anh thấy đấy, tôi đang có khách.”

Harry chăm chú lắng nghe cho đến lúc tiếng bước chân xa dần. “Anna Bethsen.” Anh nghe thấy mình thì thào. “Anh có thể kiểm tra xem liệu có phải chính cô ấy đã đích thân đến lấy tất cả các chìa khóa không?”

“Không cần phải kiểm tra. Chắc chắn là cô ta đã lấy tất cả.”

Harry nhào qua mặt quầy. “Anh cứ kiểm tra giúp tôi xem?”

Gã trai thở dài đánh sượt rồi đi vào gian trong. Gã mang một tập hồ sơ ra rồi lật giở. “Anh tự xem đi,” gã nói. “Đây, đây và đây.”

Harry nhận ra mấy cái giấy biên nhận. Chúng giống hệt với những cái mà chính anh đã ký khi anh tới lấy chìa khóa cho Anna. Nhưng tất cả các biên nhận đều là do Anna ký. Anh đang định hỏi cái biên nhận có chữ ký của anh đâu thì chợt nhìn thấy ngày tháng.

“Biên nhận này cho thấy cái chìa khóa cuối cùng được lấy vào tháng Tám,” anh nói. “Nhưng đó là từ rất lâu trước lúc tôi tới đây và...”

“Sao?”

Harry ngược nhìn lên không trung. “Cảm ơn anh,” anh nói. “Tôi đã tìm thấy thứ tôi cần.”

Ngoài trời, gió đã mạnh lên. Harry gọi điện từ một bộ điện thoại ở quảng trường Valkyrie.

“Beate à?”

Hai con mòng biển bay ngược chiều gió phía trên tòa tháp của Trường Hàng hải và lượn lờ ở đó. Bên dưới chúng là vịnh Oslo, nước đã ngả màu xanh đen đáng sợ, và đỉnh Ekeberg, nơi hai người đang ngồi trên chiếc ghế băng trông như hai cái chấm nhỏ xíu.

Harry đã nói xong chuyện về Anna Bethsen. Về thời gian họ qua lại với nhau. Về những gì anh còn nhớ được trong cái đêm cuối cùng đó. Về Raskol. Beate cũng đã kể với anh rằng họ đã truy ra nguồn gốc của cái máy tính xách tay đó. Ba tháng trước, nó đã được rạp phim Colosseum mua lại từ cửa hàng Expert. Giấy bảo đảm là do Anna Bethsen viết. Chiếc điện thoại di động kết nối với nó là cái điện thoại Harry khẳng định anh đã bị mất.

“Tôi ghét tiếng kêu của lũ mòng biển,” Harry nói.

“Anh chỉ nói được có thế thôi à?”

“Và lúc này thì đúng là vậy.”

Beate đứng dậy. “Tôi không nên tới đây, Harry. Lẽ ra anh không nên gọi cho tôi.”

“Nhưng cô đã tới đấy thôi.” Harry thôi không cố châm lửa giữa gió nữa. “Điều đó có nghĩa là cô tin tôi, phải không?”

Đáp lại, Beate vung hai tay ra với vẻ bức bối.

“Tôi cũng chẳng biết gì nhiều hơn cô,” Harry nói. “Thậm chí còn không chắc chắn được là mình đã không bắn Anna.”

Hai con mòng biển tách nhau ra và trình diễn một màn nhào lộn đẹp mắt trong giờ.

“Hãy cho tôi những gì anh biết một lần nữa,” Beate nói.

“Tôi biết gã này đã lấy được chìa khóa căn hộ của Anna bằng cách nào đó nên hẳn đã có thể lên vào rồi thoát ra vào cái đêm xảy ra án mạng. Khi rời khỏi đó, hẳn mang máy tính xách tay của Anna và điện thoại di động của tôi đi theo.”

“Điện thoại di động của anh sao lại ở trong căn hộ của Anna?”

“Có lẽ nó đã bị rơi ra khỏi túi áo khoác của tôi trong buổi tối hôm đó. Tôi kể với cô là tôi đã hơi hưng phấn.”

“Rồi sao?”

“Kế hoạch ban đầu của hẳn đơn giản thôi. Lái xe tới Larkollen sau khi ra tay rồi nhét cái chìa hẳn đã dùng vào căn nhà gỗ của Arne Albu. Móc vào cái móc chìa khóa có những chữ cái A.A. để không ai nghi ngờ gì. Nhưng khi thấy điện thoại của tôi ở đó thì đột nhiên hẳn nhận ra rằng hẳn có thể thay đổi kế hoạch một chút. Khiến cho sự việc trông như thể tôi mới chính là kẻ giết Anna rồi sắp đặt chứng cứ để đổ tội cho Arne Albu. Sau đó, hẳn dùng điện thoại của tôi để kết nối với một máy chủ ở Ai Cập và bắt đầu gửi email cho tôi theo một cách mà không bao giờ có thể lần ra người gửi.”

“Và nếu như hắn bị lần ra thì nó sẽ dẫn tới...”

“Tôi. Tuy nhiên, tôi không phát hiện ra có chuyện gì bất ổn cho tới khi nhận được hóa đơn kế tiếp từ hãng Telenor. Có lẽ thậm chí ngay cả lúc đó cũng không, vì tôi không đọc kỹ lắm.”

“Hoặc là cắt thuê bao khi bị mất điện thoại.”

“Ừm.” Harry đứng phắt dậy và bắt đầu đi đi lại lại. “Điều khó hiểu hơn là làm thế nào hắn lọt được vào kho của tôi trong tầng hầm. Cô không tìm thấy bất cứ dấu hiệu nào cho thấy có kẻ đột nhập và không ai trong tòa nhà tôi ở lại tiếp tay cho kẻ đột nhập. Nói cách khác, ắt là hắn phải có chìa khóa. Thật ra, hắn chỉ cần một cái chìa khóa vì chúng tôi sử dụng một chiếc chìa khóa hệ thống để mở cả cửa tòa nhà, cửa gác mái, cửa tầng hầm và cửa căn hộ, nhưng không dễ gì mà có được một cái như thế. Mà chìa khóa của căn hộ nhà Anna cũng là một chiếc chìa khóa hệ thống...”

Harry dừng lại và nhìn về hướng Nam. Một con tàu vận tải màu xanh lục, có hai cái cần trục to tướng đang đi ngược trên vịnh.

“Anh đang nghĩ gì thế?” Beate hỏi.

“Tôi đang nghĩ là liệu có nên nhờ cô kiểm tra một số cái tên giúp tôi không.”

“Tốt hơn là tôi không nên làm, Harry. Như tôi đã nói, lẽ ra tôi còn không nên tới đây.”

“Và tôi đang thắc mắc là sao cô lại bị mấy vết bầm kia.”

Cô đưa phắt tay lên cổ. “Tại tập Judo thôi. Anh còn thắc mắc gì nữa không?”

“Có, tôi muốn nhờ cô đưa cái này cho Weber.” Harry lôi một cái ly thủy tinh bọc vải từ trong túi áo khoác ra. “Nhờ ông ta kiểm tra dấu vân tay trên đó và so sánh với dấu vân tay của tôi.”

“Ông ấy có dấu vân tay của anh không?”

“Phòng Giám định Pháp y có dấu vân tay của mọi cảnh sát hình sự. Và

nhờ ông ấy phân tích chất trong ly.”

“Harry...” cô lên tiếng, giọng có vẻ quở trách.

“Làm ơn?”

Beate thở dài và cầm lấy cái gói.

“Lasesmeden AS,” Harry nói.

“Anh nói vậy là sao?”

“Nếu cô đổi ý chuyện kiểm tra mấy cái tên đó, cô có thể xem danh sách nhân viên ở Lasesmeden. Đó là một công ty khóa nhỏ.”

Cô làm vẻ mặt cam chịu.

Harry nhún vai. “Chỉ cần cô đưa cho Weber cái ly là tôi cũng hài lòng rồi.”

“Khi Weber có kết quả thì tôi liên lạc với anh ở đâu?”

“Có thật cô muốn biết không?” Harry mỉm cười.

“Tôi muốn biết càng ít càng tốt. Anh sẽ liên lạc với tôi, được chứ?”

Harry khép chặt cái áo khoác hơn nữa. “Ta đi chứ?”

Beate gật đầu, nhưng không nhúc nhích. Harry nhượng mào.

“Thứ mà hẩn viết,” cô nói. “Cái đoạn nói rằng ‘chỉ có kẻ hận thù nhất mới sống sót được’. Anh nghĩ điều đó có đúng không, Harry?”

Harry duỗi chân trên chiếc giường ngắn ngủn trong căn nhà lưu động. Tiếng xe cộ ngoài phố Finnunarkgata khiến Harry nhớ tới thời thơ ấu ở Oppsal, nằm trên giường và lắng nghe tiếng xe cộ. Vào mùa hè, khi cả nhà anh về nhà ông nội ở thị trấn Andalsnes yên tĩnh, đó là thứ duy nhất mà anh khao khát: được trở về với cái tiếng vù vù đều đều ru ngủ của ô tô, chỉ bị phá vỡ bởi một chiếc xe máy, một cái ống bơm ồn ào hay tiếng còi hụ của xe cảnh sát ở đằng xa.

Có tiếng gõ cửa. Là Simon. “Tess muốn anh kể chuyện cho nó trước khi đi

ngủ cả tối mai nữa,” anh ta vừa nói vừa bước vào trong nhà. Harry đã kể cho con bé nghe chuyện con chuột túi đã học cách nhảy như thế nào và được thưởng một cái ôm chúc ngủ ngon của tất cả bọn trẻ.

Hai người đàn ông lặng lẽ hút thuốc. Harry chỉ vào tấm ảnh trên tường. “Đó là Raskol và anh trai phải không? Stefan, cha của Anna ấy?”

Simon gật đầu.

“Bây giờ Stefan đang ở đâu?”

Simon nhún vai, tỏ vẻ không mấy quan tâm, và Harry biết chủ đề đó là cấm kỵ.

“Nhìn trong tấm ảnh trông họ có vẻ là một đôi bạn thân,” Harry nói.

“Anh biết không, họ cứ như cặp song sinh dính liền vậy. Đôi bạn chí thân. Raskol từng ngồi tù hai lần thay cho Stefan.” Simon bật cười. “Tôi có thể thấy là anh sừng sốt, anh bạn ạ. Đó là truyền thống của họ. Anh có hiểu không? Nhận sự trừng phạt thay cha hoặc anh là một vinh dự.”

“Cảnh sát hoàn toàn không thấy như vậy đâu.”

“Họ không phân biệt được Raskol với Stefan. Anh em Di gan mà. Không dễ dàng đối với cảnh sát Na Uy.” Anh ta toét miệng cười và mời Harry một điếu thuốc. “Nhất là khi họ đeo mặt nạ.”

Harry rít một hơi thuốc và hỏi bừa một câu. “Chuyện gì đã chen vào giữa họ?”

“Anh nghĩ sao?” Simon mở to mắt với điệu bộ rất kịch. “Đương nhiên là một người đàn bà.”

“Anna ư?”

Simon không trả lời, nhưng Harry biết anh đang tới gần cái anh đang muốn biết. “Có phải việc Stefan không muốn dính dáng gì đến Anna nữa liên quan tới chuyện cô ấy đã cặp với một gã gadjo không?”

Simon dụi tắt điếu thuốc rồi đứng lên. “Không phải là Anna, mà là mẹ cô ta. Chúc ngủ ngon, Spiuni.”

“Ừm. Câu hỏi cuối cùng được không?” Simon đứng lại. “Spiuni nghĩa là gì vậy?”

Simon cười khùng khục. “Đó là cách nói gọn của từ *Spiuni gjerman* - gã gián điệp người Đức. Nhưng thư giãn đi, anh bạn. Nó không có ý xúc phạm gì đâu. Ở vài nơi, thậm chí nó còn được dùng để đặt tên cho con trai đấy.”

Rồi anh ta đóng cửa lại và đi về.

Gió đã lặng và chỉ còn nghe thấy tiếng xe cộ đều đều chạy qua ngoài phố Finnmarkgata. Nhưng Harry vẫn không sao ngủ nổi.

Beate nằm trên giường, lắng nghe tiếng xe cộ bên ngoài. Hồi còn nhỏ, giọng kể của cha thường ru cô vào giấc ngủ. Những câu chuyện của cha chẳng có trong cuốn sách nào mà là do ông sáng tạo ra ngay trong lúc kể. Chúng chẳng bao giờ giống hết nhau, cho dù thỉnh thoảng cũng mở đầu giống nhau và có những nhân vật giống nhau: hai tên trộm xấu xa, một ông bố thông minh và cô con gái dũng cảm. Và chúng luôn kết thúc có hậu là lũ trộm bị tóm.

Beate không nhớ nổi có bao giờ cô nhìn thấy ông đọc sách không. Khi lớn lên, cô nhận ra rằng cha cô bị mắc chứng khó đọc. Nếu không phải vì thế thì lẽ ra ông đã trở thành luật sư, mẹ cô bảo vậy.

“Đúng như mong muốn của cha mẹ về con.”

Nhưng những câu chuyện đó chẳng kể về ông luật sư nào, và khi Beate báo với mẹ rằng cô đã được nhận vào trường Cảnh sát thì mẹ cô bật khóc.

Beate giật mình choàng tỉnh. Có ai vừa bấm chuông. Cô rên lên và lia chân xuống khỏi giường.

“Anh đây,” giọng nói trong điện thoại nội bộ nói.

“Tôi đã bảo không muốn gặp anh nữa rồi cơ mà,” Beate nói, run lên trong cái áo choàng mặc nhà mỏng manh. “Về đi.”

“Anh sẽ về khi đã xin lỗi xong. Đó không phải là anh. Anh không phải là

người như vậy. Chỉ tại anh... mất kiểm soát. Làm ơn Beate. Chỉ năm phút thôi.”

Cô do dự. Cổ cô vẫn cứng đờ và Harry đã nhận thấy những vết bầm. “Anh mang theo một món quà,” cái giọng đó nói.

Cô thở dài. Dù chuyện gì xảy ra thì một lúc nào đó cô cũng sẽ phải gặp anh ta thôi. Tốt hơn là giải quyết mọi chuyện nhà chứ không phải ở cơ quan. Cô nhấn nút, buộc chặt cái áo choàng lại quanh người và đứng đợi ở cửa, lắng nghe tiếng bước chân của anh ta trên cầu thang.

“Chào,” anh ta nói khi nhìn thấy cô, và mỉm cười. Một nụ cười tươi rói, trắng lóa của David Hasselhoff.

HỒI HÌNH THOI

Tom Waaler đưa cho cô món quà, cố gắng hết sức để không chạm vào người cô vì ngôn ngữ của cơ thể cô cho thấy cô vẫn sợ hãi như một chú linh dương, mà kẻ săn mồi có thể nghĩ thấy. Anh ta đi qua cô để vào phòng khách, ngồi xuống sofa mà không đợi mời. Cô đi theo sau và vẫn đứng. Anh ta nhìn quanh. Anh ta thường hay lui tới những căn hộ của các cô gái trẻ và thấy chúng được trang hoàng ít nhiều theo cùng một kiểu. Riêng tư nhưng nhàm chán, ấm cúng nhưng tẻ nhạt.

“Em không định mở nó ra sao?” anh ta hỏi.

Cô làm theo lời đề nghị của anh ta.

“Một cái đĩa CD,” cô nói, mặt ngấn ra.

“Không phải là cái đĩa bất kỳ nào đâu,” anh ta nói. “*Purple Rain* đấy. Bật lên đi, em sẽ hiểu.”

Anh ta quan sát cô trong lúc cô bật cái đài đa chức năng thảm hại mà cô và

những kẻ khác giống cô gọi là máy stereo. Cô nàng Lønn không hẳn là ưa nhìn. Nhưng ngọt ngào theo kiểu riêng. Người ngợm cũng xoàng, không nhiều đường cong để mà vuốt ve, nhưng thanh mảnh và khỏe khoắn. Cô thích thú chuyện mà anh ta đã làm cô và bộc lộ một sự nhiệt tình lành mạnh. Ít ra thì trong vài lần đầu, khi anh ta hành xử khá nhẹ nhàng. Đúng, quả thật là chuyện đó đã diễn ra hơn một lần. Quả là đáng ngạc nhiên, bởi lẽ cô không phải là kiểu mà anh ta thích.

Rồi một buổi tối nọ, anh ta đã cho cô tận hưởng đủ. Và cô cũng giống như phần lớn những cô nàng khác mà anh ta từng cặp không hoàn toàn đồng điệu với anh ta. Điều đó chỉ khiến cho mọi chuyện càng trở nên thú vị đối với anh ta, nhưng thông thường thế có nghĩa là sau đó thì đường ai nấy đi. Và chuyện đó sẽ chẳng ảnh hưởng gì tới anh ta cả. Beate nên lấy đó làm mừng; bởi vì lẽ ra chuyện còn có thể tệ hơn thế rất nhiều. Cách đây mấy hôm, đột nhiên cô nói với anh ta về cái nơi mà cô nhìn thấy anh ta lần đầu tiên.

“Ở Grunerlokka,” cô nói. “Vào buổi tối, và anh ngồi trong chiếc xe màu đỏ. Đường rất đông và cửa kính xe anh đã hạ xuống. Đó là vào mùa đông. Năm ngoái.”

Anh ta khá sửng sốt. Nhất là bởi buổi tối duy nhất anh ta nhớ được mình đã tới Grunerlokka hồi mùa đông năm ngoái là cái hôm thứ Bảy khi anh ta cùng đồng bọn tiền Ellen Gjeltten về chiều trời.

“Em nhớ mặt người,” cô nói, mỉm cười đắc thắng khi thấy phản ứng của anh ta. “Hồi hình thoi. Đó là một bộ phận trong não có chức năng nhận biết hình dạng của các khuôn mặt. Bộ phận đó của em phát triển bất thường. Chắc là em nên ra chợ vẽ chân dung.”

“Anh hiểu rồi,” anh ta nói. “Em còn nhớ được gì khác nữa không?”

“Anh đang nói chuyện với ai đó.”

Anh ta chống khuỷu tay lên đỡ đầu, ghé lại gần cô và dùng ngón cái vuốt ve thanh quản của cô. Cảm thấy mạch cô đập rộn; cô như một chú thỏ non

hoảng hốt. Hay đó chính là mạch đập của anh ta?

“Anh nghĩ chắc em phải nhớ cả khuôn mặt của người kia nữa, phải không?” anh ta hỏi, bộ não hoạt động ráo riết. Có ai biết là tối nay cô ta tới đây không? Cô ta có nhớ mà không bép xép về quan hệ của họ như anh ta đã dặn chứ? Anh ta có cái túi đựng rác nào bên dưới bồn rửa không?

Cô quay về phía anh ta với nụ cười bối rối: “Ý anh là sao?”

“Nhìn qua ảnh liệu em có nhận ra người kia không?”

Cô nhìn anh ta rất lâu. Rồi hôn anh ta dè dặt.

“Sao?” anh ta hỏi, đưa bàn tay còn lại từ dưới tấm chăn lông lên. “Ừm. Ừm, không. Anh ta quay lưng về phía em.”

“Nhưng em vẫn nhớ bộ quần áo anh ta mặc chứ? Ý anh là nếu em được yêu cầu nhận dạng hân?”

Cô lắc đầu. “Hồi hình thôi chỉ nhận ra khuôn mặt thôi. Phần còn lại của não em hoàn toàn bình thường.”

“Nhưng em vẫn nhớ được màu chiếc xe anh ngồi?”

Cô bật cười và rúc vào anh ta. “Thế tức là em thích cái mà em nhìn thấy, đúng không?”

Anh ta len lén rút tay ra khỏi cổ cô.

Hai tối sau, anh ta đã cho cô nếm trải toàn bộ màn diễn. Nhưng cô không thích cái thứ mà cô bị buộc phải xem. Hay nghe. Hay cảm thấy.

Những câu mở đầu của bài *When Doves Cry* gào tướng lên trong loa. Cô bèn vặn nhỏ tiếng xuống.

“Anh muốn gì?” cô hỏi, ngồi xuống cái ghế bành. “Như anh đã nói. Để xin lỗi em.”

“Anh vừa nói rồi. Từ giờ coi như xong nhé?” Cô cố tình ngáp rõ to. “Tôi đã chuẩn bị đi ngủ rồi, Tom.”

Anh ta cảm thấy cơn giận đang trào lên. Không phải màn sương màu đỏ làm biến dạng và che mờ mọi thứ, mà là hơi nóng trắng rực lên soi sáng và

tiếp thêm sinh lực. “Được, vậy thì nói chuyện công việc nhé. Harry Hole đang ở đâu?”

Beate bật cười. Prince đang gào rú bằng chất giọng nam cao.

Tom nhắm mắt lại, cảm thấy càng lúc càng mạnh mẽ hơn bởi cơn giận đang cháy tràn trong huyết quản như làn nước sông băng làm dịu cơn khát. “Harry đã gọi cho em vào buổi tối anh ta biến mất. Anh ta cũng chuyển tiếp email, cho em. Em là đầu mối liên lạc của anh ta, người duy nhất anh ta có thể tin lúc này. Anh ta đang ở đâu?”

“Tôi mệt lắm rồi, Tom.” Cô đứng dậy. “Nếu anh muốn hỏi thêm bất cứ chuyện gì mà lúc này tôi không thể trả lời ngay được thì tôi đề nghị để đến mai đi.”

Tom Waaler không nhúc nhích. “Hôm nay anh vừa nói chuyện với một nhân viên bên trại giam. Harry vừa tới đó tối qua, ngay trước mũi chúng ta, trong lúc chúng ta và một nửa đơn vị mặc đồng phục đổ đi tìm anh ta. Em có biết rằng Harry liên kết với Raskol không?”

“Tôi chẳng biết anh đang nói về chuyện gì hay chuyện đó có liên quan gì tới vụ án cả.”

“Anh cũng vậy, nhưng anh đề nghị em ngồi xuống đã, Beate, và lắng nghe câu chuyện nhỏ mà anh nghĩ là sẽ khiến em đổi ý về Harry và bạn của hắn.”

“Câu trả lời là không, Tom. Về đi.”

“Ngay cả khi câu chuyện đó liên quan đến cha em ư?”

Anh ta thấy miệng cô giật giật và biết mình đã đánh trúng đích.

“Anh có những nguồn tin mà - biết nói sao nhỉ - cảnh sát bình thường không thể tiếp cận, có nghĩa là anh biết chuyện gì đã xảy ra vào lúc cha em bị bắn ở Ryen. Và anh biết ai đã bắn ông ấy.”

Cô tròn mắt, há hốc miệng.

Waalder bật cười. “Em chưa sẵn sàng đón nhận chuyện này phải không?”

“Anh nói dối.”

“Cha em đã bị bắn bằng một khẩu tiểu liên Uzi, sáu viên vào ngực. Theo báo cáo thì ông ấy đã đi vào ngân hàng để thương lượng, mặc dù lúc đó ông ấy chỉ đi một mình, không mang theo vũ khí và vì thế chẳng có gì để mà thương lượng cả. Tất cả những gì ông ấy có thể hy vọng chỉ là khiến cho lũ cướp trở nên căng thẳng và hung hãn mà thôi. Một sai lầm khủng khiếp. Không thể hiểu nổi. Nhất là khi cha em vốn được xem là một huyền thoại về nghiệp vụ cảnh sát. Thật ra, ông ấy đi cùng một đồng nghiệp, một sĩ quan trẻ đầy hứa hẹn với những triển vọng xán lạn, một ngôi sao đang lên. Nhưng anh ta lại chưa từng có kinh nghiệm trực tiếp về một vụ cướp ngân hàng nào và đương nhiên không phải là về những tên cướp mang theo những khẩu súng ra hồn.

“Anh ta vốn rất hòa hợp với cấp trên và hôm đó anh ta phải lái xe đưa cha em về nhà sau giờ làm. Vì vậy, cha em tới Ryen trong một chiếc xe mà báo cáo đã không đề cập đến rằng không phải là xe của cha em. Vì xe của cha em lúc đó đang ở trong ga ra nhà em, cùng với em, Beate, và mẹ, khi nhận được tin, phải không?”

Anh ta thấy cổ cô gồng lên, căng cứng và chuyển sang màu xanh. “Tiên sư anh, Tom.”

“Lại đây nào, để nghe câu chuyện nhỏ về cha em,” anh ta nói, vỗ vỗ tay xuống cái nệm xô pha bên cạnh. “Vì anh sẽ kể bằng một giọng rất dịu dàng và anh thật lòng nghĩ là em nên nghe chuyện này.”

Cô lưỡng lự, bước thêm một bước rồi lại thôi.

“Thôi được,” Tom nói. “Hôm đó, vào - tháng mấy nhỉ, Beate?”

“Tháng Sáu,” cô thốt lên.

“Đúng rồi, tháng Sáu. Họ nghe thấy báo cáo trên điện đài, ngân hàng đó lại ở gần, họ đã lái xe tới đó và đỗ ở bên ngoài, mang theo súng. Tay cảnh sát trẻ và vị thanh tra dạn dày. Họ hành động theo đúng nguyên tắc, đợi chi viện hoặc đợi cho lũ cướp đi ra khỏi ngân hàng. Không hề nghĩ tới việc bước vào

ngân hàng. Cho đến khi một tên cướp xuất hiện ở trước cửa, súng chĩa vào đầu một nữ nhân viên. Hắn gọi tên cha em. Hắn đã thấy họ bên ngoài và nhận ra thanh tra Lønn. Hắn hét lên rằng hắn sẽ không làm hại người phụ nữ đó, nhưng hắn cần một con tin. Nếu thanh tra Lønn chịu thế chỗ cô ta thì mọi chuyện sẽ ổn. Nhưng ông ấy phải bỏ súng xuống và đi vào ngân hàng một mình để thực hiện vụ trao đổi đó. Và cha em, ông ấy đã làm gì? Ông ấy suy nghĩ. Ông ấy phải nghĩ thật nhanh. Người phụ nữ đó đang bị sốt. Người ta có thể chết vì sốt. Ông ấy nghĩ tới vợ mình, mẹ em. Một ngày thứ Sáu, tháng Sáu, sắp tới cuối tuần. Và nắng... nắng rực rỡ, phải không Beate?”

Cô gật đầu.

“Ông ấy nghĩ trong ngân hàng chắc đang nóng lắm. Căng thẳng. Tuyệt vọng. Rồi ông ấy quyết định. Ông ấy quyết định làm gì, Beate?”

“Ông ấy đi vào trong.” Tiếng thì thào ghen ngào cảm xúc.

“Ông ấy đi vào trong.” Waaler hạ thấp giọng. “Thanh tra Lønn đã đi vào trong ngân hàng, còn tay cảnh sát trẻ đứng ngoài đợi. Đợi chi viện. Đợi người phụ nữ đó đi ra. Đợi ai đó đến bảo anh ta phải làm gì, hoặc đó chỉ là một giấc mơ hay một tình huống huấn luyện nào đó, và anh ta có thể về nhà vì đó là thứ Sáu, trời thì nắng rực rỡ. Nhưng, trái lại, anh ta nghe thấy...” Waaler bắt chước một tràng súng nổ bằng cách để lưỡi lên vòm miệng và rung lên. “Cha em đổ gục xuống ngay ngưỡng cửa đang mở, nằm sông soài trên mặt đất, nửa người bên trong, nửa bên ngoài. Sáu phát súng vào ngực.”

Beate ngồi phịch xuống ghế.

“Tay cảnh sát trẻ nhìn thấy vị thanh tra nằm đó và biết trong đó không phải là một đợt huấn luyện. Hay là một giấc mơ. Chúng thật sự có súng tự động và chúng có gan bắn cảnh sát không chùn tay. Anh ta sợ hãi hơn bao giờ hết. Anh ta đã đọc về những tình huống như vậy, anh ta từng đạt điểm cao về môn tâm lý học, nhưng có gì đó rạn vỡ. Anh ta bị khống chế bởi chính nỗi sợ hãi mà anh ta đã viết rất hay trong bài thi. Anh ta lên xe và lái đi. Anh ta cảm

đầu lái về tới nhà, và cô vợ trẻ mới cưới ra đón anh ta tức giận vì anh ta đã về ăn tối muộn. Anh ta đứng đực ra nghe trách móc, như một cậu học sinh, và hứa sẽ không bao giờ tái phạm rồi vào ăn tối. Sau khi ăn tối xong, họ xem ti vi. Một phóng viên nói rằng có một cảnh sát đã bị bắn trong một vụ cướp ngân hàng. Cha em đã chết.”

Beate giấu mặt trong lòng bàn tay. Mọi chuyện cũ chợt ùa về. Toàn bộ ngày hôm đó. Cái nhìn thích thú đầy tò mò lên vầng mặt trời tròn xoe trên nền trời xanh trống rỗng. Cô cũng đã nghĩ đó chỉ là một giấc mơ.

“Những tên cướp ngân hàng đó có thể là ai? Ai lại biết tên cha em, ai biết toàn bộ cách bố trí trong ngân hàng, ai biết trong số hai cảnh sát đang đứng ngoài, chỉ có thanh tra Lønn là người có thể đe dọa chúng? Ai có thể lạnh lùng tính toán được rằng hắn có thể đặt cha em vào một tình thế tiến thoái lưỡng nan và biết trước lựa chọn của ông ấy? Để hắn có thể bắn chết ông ấy và muốn làm gì với tay cảnh sát trẻ cũng được? Ai? Beate?”

Nước mắt chảy xuống kẽ ngón tay cô. “Ra...” cô sụt sịt.

“Anh chưa nghe thấy, Beate.”

“Raskol.”

“Đúng, là Raskol. Chỉ có hắn thôi. Tên phụ tá của hắn nổi đóa. Chúng là cướp chứ không phải là bọn giết người, hắn bảo vậy. Hắn ngu đến mức dọa sẽ ra đầu thú và khai ra Raskol. May mà hắn đã trốn được khỏi Na Uy trước khi Raskol tóm được.”

Beate nức nở. Waaler đợi.

“Em có biết cái phần nức cười nhất trong chuyện này là gì không? Đó là em để cho mình bị kẻ giết cha lừa gạt. Giống như cha em vậy.”

Beate ngẩng đầu lên. “Ý... ý anh là sao?”

Waaler nhún vai. “Em nhờ Raskol chỉ ra kẻ giết người. Hắn đang sẵn lòng kẻ đã dọa sẽ khai ra hắn trong một phiên tòa xử tội sát nhân. Vậy thì hắn làm gì? Đương nhiên, hắn sẽ đổ cho kẻ đó.”

“Lev Grette ư?” Cô lau nước mắt.

“Tại sao không? Như thế em có thể giúp hăn tìm ra Lev. Anh đã đọc báo cáo và biết là em đã tìm thấy Grette treo cổ. Rằng hăn đã tự sát. Anh chẳng đặt cược vào cửa đó. Anh sẽ không ngạc nhiên nếu có kẻ nào đó đã tới trước em.”

Beate hăng giọng. “Anh đã quên mất vài chi tiết. Trước hết là chúng tôi đã tìm được một lá thư tuyệt mệnh. Lev không để lại nhiều thứ có chữ viết tay của anh ta, nhưng tôi đã nói chuyện với em trai anh ta, và người đó đã tìm lại vài cuốn vở cũ trên gác xép tại nhà họ ở Disengrenda. Tôi đã đưa đến cho Jean Hue, chuyên gia về chữ viết tay ở Kripos, anh ta khẳng định đó là chữ viết của Lev. Thứ hai, Raskol đã vào tù, tự nguyện. Chuyện đó không khớp lắm với ý định giết người để tránh bị trừng phạt.”

Waler lắc đầu. “Em là một cô gái thông minh, nhưng cũng giống như cha em, em không hiểu rõ tâm lý con người. Em không biết trí não tội phạm hoạt động như thế nào. Raskol không ở trong tù, chỉ là tạm thời chuyển trụ sở tới nhà tù Botsen thôi. Một cái án giết người có thể thay đổi toàn bộ chuyện đó. Trong khi ấy, em lại đang bảo vệ hăn. Và bạn của hăn, Harry Hole.”

Anh ta ghé lại gần và đặt một bàn tay lên cánh tay cô. “Anh xin lỗi nếu như chuyện đó khiến em đau lòng, nhưng giờ em đã biết rồi, Beate. Không phải là do cha em khinh suất. Và Harry lại đang cấu kết với kẻ đã giết cha em. Vậy em nghĩ sao? Chúng mình sẽ cùng tìm ra Harry chứ?”

Beate nhắm nghiền hai mắt, nặn nốt giọt nước mắt cuối cùng. Rồi cô mở mắt ra. Waler đưa cho cô chiếc khăn tay và cô cầm lấy.

“Tom,” cô nói. “Tôi phải giải thích cho anh rõ chuyện này.”

“Không cần đâu.” Waler vuốt ve bàn tay cô. “Anh hiểu mà. Lòng trung thành của em đang giằng co. Thử tưởng tượng xem cha em sẽ làm gì. Thế mới gọi là chuyên nghiệp, nhỉ.”

Beate quan sát anh ta. Rồi cô chậm rãi gật đầu. Cô hít vào. Đúng lúc đó,

điện thoại đổ chuông.

“Em có định nghe điện thoại không?” Waaler nói, sau khi điện thoại đổ ba hồi.

“Là mẹ tôi,” Beate nói. “Nửa phút nữa tôi sẽ gọi lại cho bà.”

“Nửa phút ư?”

“Đó là khoảng thời gian cần thiết để tôi nói với anh rằng nếu tôi biết Harry ở đâu thì anh sẽ là người cuối cùng mà tôi cho biết.” Cô trả lại anh ta chiếc khăn tay. “Và cũng là để anh xỏ giày vào mà biến ra khỏi đây.”

Tom Waaler cảm thấy cơn giận trào lên như một cái vòi phun nước lên đến lưng, rồi cổ. Anh ta tận hưởng điều đó trong một khoảnh khắc rồi dùng một tay giật cô ngã xuống dưới mình. Cô thở dốc và chống cự, nhưng anh ta biết cô cảm thấy anh ta đã cứng lên rồi và cái miệng mím chặt của cô sẽ sớm mở ra thôi.

Sau sáu hồi chuông, Harry gác máy và rời khỏi bộ điện thoại để cô gái đứng sau anh có thể len vào. Anh quay lưng về phía phố Kjolberggata và chiều gió, chiêm một liều thuốc rồi nhả khói về phía bãi đỗ xe và những căn nhà lưu động. Chuyện này thật nực cười. Giờ anh đang đứng đây, chỉ cách Phòng Giám định Pháp y, Sở Cảnh sát và căn nhà lưu động một tầm ném đá theo ba hướng khác nhau. Mặc một bộ vest của dân Di gan. Bị truy nã. Nghe mà buồn cười đến chết được.

Rằng Harry đánh đàn. Anh quay nửa người lại khi một chiếc xe cảnh sát lướt qua con phố nườm nượp xe cộ nhưng không có dân cư. Harry chưa ngủ được chút nào. Không chịu nổi phải ở yên một chỗ trong lúc thời gian trôi qua. Anh xéo nát đầu mẫu thuốc dưới gót chân và đang định bước đi thì nhìn thấy cái bộ điện thoại lại trống. Anh bèn nhìn đồng hồ. Đã gần nửa đêm mà cô không có nhà thì lạ thật. Có lẽ cô đã đi ngủ và không ra nhắc điện thoại

kip? Anh lại bấm số. Cô nhắc máy ngay tức khắc. “Beate đây.”

“Tôi Harry đây. Tôi có làm cô thức giấc không?”

“Tôi... có.”

“Xin lỗi. Mai tôi gọi lại nhé?”

“Không, giờ thì rảnh rồi.”

“Cô đang một mình chứ?”

Im lặng. “Sao anh lại hỏi vậy?”

“Nghe cô nói có vẻ... thôi, quên đi. Cô đã phát hiện ra điều gì chưa?”. Anh nghe thấy cô nuốt ực như thể đang cố gắng lấy lại hơi thở.

“Weber đã kiểm tra các dấu vân tay trên cái ly. Hầu hết là của anh. Việc phân tích chất cặn trong cái ly đó mấy hôm nữa sẽ xong.”

“Tuyệt.”

“Còn về cái máy tính trong kho của anh, hóa ra trong đó có cài một chương trình chuyên dụng cho phép đặt trước ngày và giờ gửi một cái email nào đó. Sự thay đổi cuối cùng trên những email đó được thực hiện vào cái ngày Anna Bethsen chết.”

Harry không còn cảm thấy cơn gió lạnh cắt da cắt thịt nữa.

“Có nghĩa là những email mà anh nhận được đã có sẵn và chỉ đợi đến lúc gửi đi thôi,” Beate nói. “Điều đó lý giải làm sao mà anh hàng xóm người Pakistan của anh lại thấy nó trong kho chứa đồ của anh từ cách đây khá lâu.”

“Ý cô là chương trình đó tự động gửi thư đi trong suốt thời gian vừa qua ư?”

“Được kết nối với mạng lưới chính thì cái máy tính và điện thoại di động sẽ tự xử lý được.”

“Trời!” Harry vỗ trán. “Nhưng điều đó chắc hẳn phải có nghĩa là cái gã lập trình trên cái máy tính đó đã đoán trước được toàn bộ tiến trình của sự việc. Toàn bộ câu chuyện quỷ quái này là một màn múa rối, và chúng ta là những con rối.”

“Có vẻ là như vậy. Harry này?”

“Tôi đây. Tôi chỉ đang cố gắng tiếp nhận chuyện đó. Thôi, tốt nhất là nên quên nó đi một lát, có quá nhiều thông tin phải xử lý cùng lúc. Thế còn tên của công ty mà tôi đã nói với cô thì sao?”

“À, công ty đó. Điều gì khiến anh nghĩ là tôi đã động chút nào tới việc đó?”

“Chẳng gì cả. Cho đến lúc cô nói câu vừa rồi.”

“Tôi có nói gì đâu.”

“Không, nhưng cách nói của cô nghe đầy hứa hẹn.”

“Ồ, vậy sao?”

“Cô đã tìm thấy thứ gì phải không?”

“Tôi đã tìm thấy một thứ.”

“Nói đi!”

“Tôi đã gọi cho những kế toán mà cửa hàng khóa đó thuê và yêu cầu một cô gửi cho tôi số bảo hiểm xã hội của các nhân viên làm việc tại đó. Có bốn nhân viên toàn thời gian và hai bán thời gian. Tôi chạy các số bảo hiểm đó qua Danh sách Tội phạm và An sinh Xã hội. Năm trong số đó chưa từng có tiền án tiền sự. Nhưng một...”

“Sao?”

“Tôi đã phải dùng giấy chứng nhận để lấy được mọi thông tin. Phần lớn là ma túy. Đã từng bị cáo buộc là bán rong heroin và morphine, nhưng chỉ bị kết án vì tội tàng trữ một lượng nhỏ cần sa. Từng ngồi tù vì tội đột nhập và hai vụ cướp có vũ khí.”

“Dùng bạo lực à?”

“Hắn dùng một khẩu súng trong một vụ. Không bắn, nhưng đã nạp đạn.”

“Tuyệt. Hắn là kẻ chúng ta tìm. Cô đúng là thiên thần. Tên hắn là gì?”

“Alf Gunnerud. Ba mươi tuổi, độc thân. Ở số 9, phố Thoa Olsens. Có vẻ như sống một mình.”

“Nhắc lại tên và địa chỉ đi.”

Beate nhắc lại.

“Ừm. Không thể tin nổi là với một lý lịch như vậy mà Gunnerud lại tìm được việc làm một cửa hàng khóa.”

“Trong danh sách thì Birger Gunnerud là chủ.”

“Ra vậy. Tôi hiểu. Cô chắc là mọi chuyện vẫn ổn chứ?”

Im lặng.

“Beate?”

“Mọi chuyện vẫn ổn cả, Harry. Anh định làm gì bây giờ?”

“Tôi đang nghĩ đến chuyện viếng thăm nhà hắc. Xem liệu tôi có thể tìm được thứ gì thú vị không. Nếu tin được thì tôi sẽ gọi cho cô từ căn hộ của hắc để cô có thể cho một chiếc xe tới và tịch thu bằng chứng theo đúng quy định.”

“Khi nào anh đi?”

“Tại sao?”

Lại im lặng.

“Để chắc là tôi có nhà khi anh gọi điện.”

“Mười một giờ ngày mai. Hy vọng là lúc đó hắc đang ở chỗ làm.”

Khi Harry gác máy, anh đứng nhìn trân trân lên bầu trời đêm đầy mây uốn cong bên trên thành phố như một cái mái vòm màu vàng. Anh đã nghe thấy tiếng nhạc ở hậu cảnh. Nhỏ thôi, nhưng cũng đủ. Bài *Purple Rain* của Prince.

Anh nhét một đồng xu vào rãnh và bấm số 1881.

“Tôi muốn biết số điện thoại của người có tên là Alf Gunnerud...”

Chiếc taxi lướt đi như một con cá đen lặn lẽ trong màn đêm, qua những cột đèn giao thông, dưới ánh sáng của đèn đường và tấm biển báo hiệu trung tâm thành phố.

“Chúng ta không thể cứ tiếp tục kiểu gặp gỡ như thế này,” Øystein nói. Anh ta nhìn vào gương và nhìn Harry mặc bộ áo liền quần màu đen mà anh ta đã mua hộ cho anh từ nhà.

“Có mang xà beng đi không đấy?” Harry hỏi.

“Trong cốp ấy. Nhỡ tên đó có nhà thì sao?”

“Người có nhà thường sẽ nghe điện thoại.”

“Thế nhỡ hẵn về lúc cậu đang ở trong nhà hẵn?”

“Thế thì làm như tôi đã dặn: hai tiếng còi ngắn.”

“Được rồi, được rồi, nhưng tôi không biết gã đó trông thế nào.”

“Khoảng ba mươi, tôi đã nói rồi còn gì. Thấy ai giống thế đi vào nhà số 9 thì bấm còi lên.”

Øystein đánh xe vào cạnh một tấm biển CẤM ĐỔ tại một khúc phố xoắn ô nhiễm đông nghịt xe cộ được nhắc tới trên trang 256 một cuốn sách đầy bụi có tựa đề Ủy viên hội đồng Thành Phố IV trong một thư viện công cộng ở gần đó là ‘con phố cực kỳ u ám, khó coi có tên là Thoa Olsens’. Nhưng tối nay thì nó lại cực kỳ thích hợp với Harry. Tiếng ồn ào, xe cộ phóng qua và bóng tối sẽ nguy trang cho anh và chiếc taxi đang đợi.

Harry nhét thanh xà beng vào ống tay áo khoác da và rảo bước sang đường. Anh nhẹ người khi thấy có ít nhất hai mươi cái chuông bên ngoài nhà số 9. Điều đó sẽ cho anh khá nhiều lựa chọn nếu trò bịp của anh không hiệu quả ngay lần đầu. Tên Alf Gunnerud đứng thứ hai phía bên phải. Anh ngược nhìn phía bên phải của tòa nhà. Những ô cửa sổ trên tầng bốn tối om. Harry bèn bấm chuông tầng trệt. Một giọng nữ đang ngái ngủ cất lên.

“Xin chào, tôi đang cố gắng liên lạc với Alf,” Harry nói. “Nhưng ở đó người ta bật nhạc to đến mức không nghe thấy tiếng chuông. Tức là Alf Gunnerud ấy. Anh thợ khóa ở tầng bốn. Cô làm ơn mở cửa giùm tôi được không?”

“Đã quá nửa đêm rồi.”

“Tôi xin lỗi. Tôi sẽ lên nhắc Alf vặn nhạc nhỏ lại.” Harry chờ đợi. Rồi tiếng ro ro vang lên.

Anh bước ba bậc một. Lên tầng bốn, anh đứng lại và lắng nghe, nhưng chỉ thấy tim mình đang đập thình thịch. Phải chọn giữa hai cánh cửa. Một miếng giấy bôi màu xám đề ANDERSEN viết bằng bút dạ dán trên một cánh cửa. Cánh cửa còn lại trống trơn.

Đây là phần quan trọng nhất trong kế hoạch. Nếu là khóa đơn thì có thể bẫy cong đến lúc nó mở ra mà không đánh thức cả tòa nhà, nhưng nếu Alf dùng cả một loạt khóa mua từ Lasesmeden AS thì Harry gặp rắc rối rồi. Anh nhìn cánh cửa từ trên xuống dưới. Không thấy nhãn dán của một dịch vụ an ninh hay tổng đài trung tâm nào. Không có khóa an toàn chống khoan. Không có xi lanh đôi chống trộm với chốt kép. Chỉ có một cái khóa xi lanh đơn nhãn hiệu Yale cũ kỹ. Dễ như ăn kẹo.

Harry giơ ống tay áo khoác lên và tức lấy thanh xà beng khi nó thò ra. Anh lưỡng lự, rồi nhét đầu nhọn vào khe cửa phía dưới cái khớp. Gần như quá dễ dàng. Nhưng không có thời gian để nghĩ, và cũng không có lựa chọn. Anh không nạy bật cửa ra mà chỉ ép cánh cửa về phía bản lề để anh có thể lách cái thẻ ngân hàng của Øystein vào trong cái chốt làm cái then trượt ra khỏi cái hộp trên khung cửa. Anh dùng lực bẩy cánh cửa hé ra thêm một chút nữa, và dùng gót chân đạp lên mép cửa bên dưới. Cánh cửa kêu cọt két trên bản lề trong lúc đẩy nhẹ thanh xà beng và nhét cái thẻ qua. Anh lên vào trong rồi đóng cánh cửa sau lưng lại. Toàn bộ quá trình đó diễn ra trong vòng tám giây.

Tiếng tủ lạnh kêu o o và tiếng cười trong một bộ phim sitcom nào đó từ tivi nhà hàng xóm vọng sang. Harry cố gắng thở thật sâu và đều trong lúc lắng nghe mọi động tĩnh trong bóng tối như mực. Anh nghe thấy tiếng xe cộ chạy ngoài đường và cảm thấy một luồng gió lạnh buốt, cho thấy cửa sổ trong căn hộ này đã cũ. Nhưng quan trọng nhất: không có những tiếng động cho thấy

có người trong nhà.

Anh tìm thấy công tắc đèn. Tiền sảnh dứt khoát là cần phải được cải tạo, phòng khách thì cần trát vữa lại. Bếp lẽ ra phải được loại bỏ. Đồ đạc bên trong của căn hộ lý giải vì sao biện pháp an ninh lại sơ sài. Hay, nói chính xác ra là chẳng có đồ đạc gì mấy. Alf Gunnerud chẳng có gì, ngay cả một cái đài stereo mà lẽ ra Harry đã phải bảo anh ta vặn nhỏ tiếng đi. Bằng chứng duy nhất cho thấy có người ở là hai cái ghế gấp, một cái bàn uống nước màu xanh lục, quần áo bừa bãi khắp nơi và một cái giường có ruột chần lông nhưng không có vỏ.

Harry đeo đôi găng tay rửa bát mà Øystein đã mang theo và bê một chiếc ghế vào trong sảnh. Anh để nó trước hàng tủ bát đĩa treo thường cao đến tận cái trần nhà ba mét, gạt hết những ý nghĩ nảy ra từ trước khỏi đầu và thận trọng đặt một bàn chân lên tay vịn ghế. Đúng lúc đó thì điện thoại đổ chuông. Harry bước chệch một bước sang bên, cái ghế gấp sập lại và anh ngã phịch xuống sàn nhà.

Tom Waaler có linh cảm xấu. Tình huống này thiếu mất cái cấu trúc rõ ràng mà lúc nào anh ta cũng cố gắng đạt tới. Vì sự nghiệp và triển vọng tương lai của anh ta không nằm trong tay anh ta mà là do những kẻ anh ta liên minh chi phối, nên nhân tố con người là một rủi ro tiềm ẩn mà anh ta cần phải tính đến. Cảm giác bất an đó xuất phát từ thực tế là anh ta không biết liệu mình có thể tin tưởng Beate Lønn, Rune Ivarsson hay - và điều này mới hệ trọng - cái kẻ vốn là nguồn thu nhập quan trọng nhất của anh ta: Xỏ lá.

Khi Tom biết tin Hội đồng Thành phố bắt đầu gây áp lực với Giám đốc Sở Cảnh sát, yêu cầu phải bắt bằng được Kẻ Hành quyết sau vụ cướp ngân hàng trên phố Gronlandsleiret, anh ta đã chỉ thị cho Xỏ lá lánh đi. Hai người đã đồng ý về một địa điểm mà Xỏ lá biết từ hồi trước. Pattaya là nơi chứa chấp

nhiều tội phạm bị truy nã từ các nước phương Tây nhất ở phía Đông bán cầu và chỉ cách phía Nam Bangkok hai tiếng lái xe. Đóng vai một khách du lịch da trắng, Xỏ lá sẽ hòa lẫn vào đám đông. Xỏ lá gọi Pattaya là ‘Sodom* của châu Á’, vì vậy Waaler không thể hiểu tại sao hắn lại lù lù dẫn xác về Oslo, kêu rằng hắn không chịu nổi nó thêm một phút nào nữa.

Waaler dừng đèn đỏ trên đường Uelands và xi nhan rẽ trái. Cảm giác bất an. Xỏ lá đã tiến hành vụ cướp ngân hàng gần đây nhất mà không thèm hỏi qua anh ta trước, và đó là sự vi phạm nguyên tắc nghiêm trọng. Nhất định phải xử lý chuyện đó.

Anh ta vừa cố gọi cho Xỏ lá, nhưng hắn không nghe máy. Việc đó có thể hiểu theo bất cứ nghĩa nào. Ví dụ như, có thể là hắn đang ở căn nhà gỗ ở Tryvann, lên kế hoạch chi tiết cho vụ đánh cắp một chiếc xe tải chở tiền mà cả hai từng nói tới. Hoặc là đang kiểm tra các dụng cụ - quần áo, vũ khí, điện đài cảnh sát, các bản vẽ. Nhưng cũng có thể là hắn lại tái nghiện và ngồi ở trong góc nhà gật gù, ống tiêm cắm trên cẳng tay.

Waaler lái xe chậm chậm trên con phố nhỏ tối tăm, bắt đầu nơi Xỏ lá sống. Một chiếc taxi đang đợi khách đỗ bên kia đường. Waaler ngược lên nhìn cửa sổ của căn hộ. Quái lạ, đèn vẫn sáng. Nếu Xỏ lá lại chích choác thì mọi chuyện sẽ hết sức hỗn loạn. Để vào được căn hộ của hắn không phức tạp lắm. Khóa cửa nhà hắn khá thường. Anh ta nhìn đồng hồ. Vụ ghé thăm Beate khiến anh ta khích động, và anh ta biết mình chưa thể ngủ được. Anh ta phải đi lòng vòng một lúc đã, rồi gọi vào cuộc điện thoại để xem chuyện gì xảy ra.

Waaler vặn to bài hát của Prince, tăng tốc và lái lên phố Ullevalsveien.

Harry ngồi trên cái ghế gấp, đầu gục vào hai lòng bàn tay, hông đau nhói nhưng không tìm ra một chút bằng chứng nào cho thấy Alf Gunnerud là thủ phạm. Chỉ mất mười phút để xem xét hết chút đồ đạc ít ỏi trong căn hộ, ít đến

mức anh cứ thấy nghi nghi rằng hắn sống ở nơi nào khác. Harry đã tìm thấy một cái bàn chải đánh răng trong nhà tắm, một tuýp kem đánh răng đã gần hết và một mẫu xà phòng không còn nhận ra hình gì được nữa dính bết vào cái đĩa đựng. Thêm một cái khăn tắm có lẽ đã từng trắng. Chỉ có thế. Đó là cơ hội của anh.

Harry những muốn phá lên cười. Đập đầu vào tường. Đập bể đầu của một chai Jim Beam và uống whisky cùng những mảnh thủy tinh vỡ. Bởi vì thủ phạm phải là - phải là - Gunnerud. Theo thống kê, trong số tất cả những bằng chứng buộc tội, có một phần sẽ có giá trị hơn hết, đó là những cáo buộc và kết án trong quá khứ. Vụ này đã chỉ đích danh Gunnerud. Hắn từng có tiền án về ma túy và sử dụng súng, hắn lại làm việc cho một cửa hàng khóa và do đó có thể đặt làm bất cứ chìa khóa hệ thống nào hắn cần, ví dụ như chìa khóa căn hộ của Anna. Hay chìa khóa căn hộ của Harry.

Anh đi tới bên cửa sổ, tự hỏi làm sao mình lại có thể chạy vòng vòng theo đúng y cái kịch bản của một thằng điên nào đó. Nhưng giờ đây không có thêm sự chỉ dẫn hay lời thoại nào nữa. Trăng ló qua khe hở giữa những đám mây, trong giống như một viên thuốc bổ sung flo nhai dở, nhưng ngay cả điều đó cũng không thể giúp anh nhớ ra.

Anh bèn nhắm mắt lại. Tập trung. Thứ gì anh thấy trong căn hộ này có thể chỉ cho anh lời thoại tiếp theo? Cái gì anh đã bỏ sót? Anh hình dung lại căn phòng một cách tỉ mỉ, từng phần một. Sau ba phút thì anh bỏ cuộc. Tất cả đã kết thúc. Chẳng có gì ở đây cả.

Anh kiểm tra lại mọi thứ để đảm bảo chúng vẫn y nguyên như lúc anh mới tới và tắt đèn phòng khách. Đi vào toa lét, đứng trước bồn cầu và cởi cúc quần. Chờ đợi. Chúa ơi, giờ thì thậm chí anh còn không làm nổi việc này. Thế rồi nó cũng tuôn ra và anh thở dài một tiếng đầy mệt mỏi. Anh ấn cần gạt, nước xối và đúng lúc đó, anh chợt điếng người. Không phải anh vừa nghe thấy tiếng còi ô tô trên nền tiếng nước xối đấy chứ? Anh đi ra sảnh và

đóng cửa nhà tắm lại để nghe rõ hơn. Đúng rồi. Một tiếng bíp ngắn gọn, dứt khoát trên phố. Gunnerud sắp về!

Harry đã ra tới ngưỡng cửa thì chợt nghĩ ra. Đương nhiên là chỉ tới lúc này anh mới nghĩ, khi đã quá muộn. Nước xả bồn cầu. Bồn già. Khóa súng. Đó là chỗ ưa thích nhất của tao.

“Mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp!”

Harry lại chạy vào nhà tắm, tắm lấy cái núm trên nắp két nước mà vặn cuống cuống. Cái đinh ốc màu đỏ, gỉ sét từ từ hiện ra. “Nhanh nữa lên này,” anh thì thào. Nhịp tim anh tăng vọt trong lúc anh xoay cái núm và cái cần chết tiệt cứ xoay ken két nhưng không chịu rời ra. Anh nghe thấy tiếng sập cửa ở cầu thang. Rồi nó long ra và anh nhấc cái nắp két nước lên. Tiếng sứ va và nhau âm vang khắp cái không gian nhập nhoạng trong lúc nước vẫn tiếp tục dâng lên. Harry thò tay vào trong và ngón tay anh lướt qua lớp men trơn tuột của cái két nước. Cái chết tiệt gì thế này? Chẳng có gì cả ư? Anh lật cái nắp két nước lên, và thấy nó. Dán vào mặt trong. Anh hít một hơi sâu. Mọi vết khía, mọi chỗ lồi lõm, mọi gờ rìa hình răng cưa bên dưới cái miếng băng dính sáng loáng đó là một người bạn cũ. Nó vừa khít với cửa ngôi nhà, tầng hầm và căn hộ của anh. Tấm ảnh bên cạnh nó nhìn cũng quen không kém. Tấm ảnh biến mất trong gương. Cô em gái mỉm cười còn Harry thì cố ra vẻ ngẫu. Da rám nắng và cái vẻ ngu ngơ đầy hạnh phúc. Tuy nhiên, Harry không quen thứ bột trắng trong cái túi ni lông được dán vào đó bằng ba miếng băng dính điện màu đen, nhưng anh đã sẵn sàng cá kha khá tiền rằng đó là *diacetyl morphine*, hay còn gọi là heroin. Rất nhiều heroin. Ít nhất cũng phải bóc lịch sáu năm. Harry không chạm vào bất cứ thứ gì, chỉ đẩy cái nắp rồi vặn lại trong lúc lắng nghe tiếng bước chân. Như Beate đã chỉ ra, có lấy được bằng chứng cũng vô ích khi người ta biết rằng anh đã lên vào căn hộ này mà không có lệnh khám nhà. Cái núm đã được xoay lại như cũ và anh chạy ra cửa. Không có lựa chọn nào hết, đành phải mở cửa và bước ra cầu thang thôi.

Tiếng chân lê bước lên cầu thang. Anh khẽ khàng đóng cửa lại, ngó qua lan can và nhìn thấy một cái đầu tóc đen, dày, bờm xờm. Trong vòng năm giây nữa, hẳn sẽ trông thấy Harry. Bước ba bước dài lên tầng năm là đủ để Harry đi khuất khỏi tầm nhìn của hẳn.

Hẳn dừng khựng lại khi phát hiện ra Harry đang ngồi trước mặt mình. “Chào anh, Alf,” Harry nói, nhìn đồng hồ. “Tôi đang chờ anh.”

Gã đàn ông nhìn anh chăm chăm với cặp mắt to. Một khuôn mặt xanh xao, lấm tấm tàn nhang, đóng khung trong bộ tóc dài chấm vai, nhờn mỡ, với phần tóc mai xung quanh tai cắt theo kiểu đầu của ca sĩ Liam Gallagher. Hẳn không khiến Harry nghĩ đến một tên giết người chai sạn, mà là một thằng choai choai sợ bị ăn đòn thêm.

“Anh muốn gì?” hẳn hỏi to, giọng the thé.

“Tôi muốn anh đi với tôi tới Sở Cảnh sát.”

Hẳn phản ứng một cách tự phát. Hẳn xoay ngoắt lại, túm lấy lan can mà nhảy xuống đầu cầu thang bên dưới. “Này!” Harry kêu to, nhưng gã đã linh mất khỏi tầm nhìn của anh. Tiếng bước chân thành thịch dưới bậc thang thứ năm hay thứ sáu gì đó vọng lên trong lồng cầu thang.

“Gunnerud!”

Như để trả lời, Harry thấy cánh cửa dưới nhà đóng sầm lại.

Anh thò tay vào túi áo khoác mới thấy mình chẳng mang theo điều thuốc nào. Giờ thì kỵ binh quay đầu phản công.

Tom Waaler giảm tiếng nhạc, lôi cái điện thoại di động đang kêu ra khỏi túi, nhấn cái nút màu xanh và áp lên tai. Anh ta nghe thấy tiếng thở hỗn hển, gấp gáp và lo lắng, có cả tiếng xe cộ ở đầu bên kia.

“A lô?” Giọng nói đó cất lên. “Anh có đó không?” Là Xỏ lá. Giọng hẳn có vẻ đang rất sợ hãi.

“Gì thế, Xỏ lá?”

“Ôi, Chúa ơi, anh đây rồi. Mọi chuyện rồi hết cả lên. Anh phải giúp tôi với. Mau lên.”

“Tao chẳng phải làm gì hết. Trả lời câu hỏi đi.”

“Họ đã phát hiện ra chúng ta. Có một tên cớm đứng trên cầu thang đợi tôi về.”

Waler dừng lại chỗ vạch kẻ sang đường phía trước phố Ringveien. Một ông già bước từng bước rất ngắn, trông rõ kỳ quặc, sang đường. Nhìn ông ta bước thì chắc đến mùa quýt mới sang tới bên kia.

“Hắn muốn gì?” Waler hỏi.

“Anh nghĩ sao? Muốn bắt tôi, tôi đoán vậy.”

“Thế thì tại sao mà vẫn chưa bị bắt?”

“Tôi chạy bán sống bán chết. Đông thẳng. Nhưng chúng đang lùng bắt tôi. Ba xe cả sát đã đi qua. Anh có nghe không đấy? Chúng sẽ tóm tôi, trừ phi...”

“Đừng có hét vào điện thoại. Những cảnh sát khác đâu?”

“Tôi không thấy có cảnh sát nào khác. Tôi nhảy xuống luôn.”

“Và mà chạy thoát một cách dễ dàng hả? Mà có chắc cái gã đó là cảnh sát không?”

“Có, chính là hắn mà, phải không?”

“Ai?”

“Harry Hole, tôi đoán vậy. Hắn lại vừa ghé qua cửa hàng.”

“Mày chẳng nói gì với tao cả.”

“Đó là cửa hàng khóa. Cảnh sát viếng thăm suốt mà!”

Đèn chuyển sang xanh. Waler bấm còi giục ô tô phía trước. “Thôi được, chuyện đó nói sau. Giờ mà đang ở đâu?”

“Tôi đang ở bộ điện thoại trước ờ... Tòa án.” Hắn cười giọng bồn chồn. “Và tôi không thích đứng đây lắm.”

“Có gì không nên có trong căn hộ của mày không đấy?”

“Sạch sẽ. Mọi dụng cụ tôi để căn nhà gỗ cả.”

“Thế còn mày? Mày có sạch không?”

“Anh biết quá rõ là tôi cai rồi mà. Anh có tới không? Mẹ kiếp, tôi đang run lấy bầy đây này.”

“Bình tĩnh đi, Xỏ lá.” Waaler ước tính xem anh ta sẽ mất bao nhiêu thời gian. Để tới Tryvann. Sở Cảnh sát. Trung tâm thành phố. “Coi nó như một vụ cướp ngân hàng ấy. Khi nào tới tao sẽ cho mày một viên.”

“Tôi đã bảo anh là tôi cai rồi mà.” Rồi, hấn ngập ngừng. “Tôi không biết là anh lại mang thuốc theo người đấy, Hoàng Tử.”

“Lúc nào tao chẳng mang.”

Im lặng.

“Anh có thuốc gì?”

“*Vòng tay của mẹ. Rohypnol.* Mày có mang khẩu Jelicho tao đưa cho không?”

“Lúc nào chẳng mang.”

“Tốt. Giờ thì nghe cho rõ đây. Chỗ hẹn của chúng ta sẽ là bến cảng ở phía Đông cảng công te nơ. Tao đang ở cách đó khá xa nên mày sẽ phải cho tao bốn mươi phút.”

“Anh đang nói gì vậy? Bố khỉ, anh phải tới đây ngay!”

Waalder lắng nghe tiếng thở phì phò phả vào lớp vỏ điện thoại mà không trả lời.

“Chúng mà tóm được tôi thì tôi lôi anh theo luôn. Hy vọng là anh hiểu điều đó, Hoàng Tử. Nếu làm vậy mà được tha thì tôi sẽ phun hết. Việc đêch gì tôi phải hứng tội cho anh nếu anh...”

“Nghe có vẻ như mày đang sợ vãi cả ra quần đấy, Xỏ lá. Mà lúc này thì không cần phải sợ. Có cái gì đảm bảo cho tao rằng mày chưa bị bắt và đây không phải là cái bẫy giăng ra để tóm tao? Giờ thì hiểu chưa hả? Hãy tới đó một mình và đứng dưới một ngọn đèn đường để tao thấy rõ mày khi tao tới

đó.”

Xỏ lá rên lên. “Mẹ kiếp! Mẹ kiếp! Mẹ kiếp!”

“Sao?”

“Không sao. Được rồi. Nhớ mang theo thuốc đấy. Mẹ kiếp!”

“Cảng công te nơ, bốn mươi phút nữa. Đứng dưới đèn.”

“Đừng có tới muộn đấy.”

“Gượng đã, còn nữa. Tao sẽ đỗ xe dưới đường, cách xa chỗ mày đứng. Khi tao nói thì hãy giơ khẩu súng lên trời để tao thấy rõ.”

“Để làm gì? Anh bị hoang tưởng hay sao thế?”

“Cứ cho là hoàn cảnh lúc này hơi nhập nhằng một chút và tao sẽ không mạo hiểm đâu. Cứ làm như tao bảo.”

Waler nhấn cái nút màu đỏ và nhìn đồng hồ đeo tay. Vặn cái núm điều khiển âm thanh về phía bên phải. Ghi ta. Những âm thanh đẹp dễ và tinh khiết. Cơn giận đẹp dễ và tinh khiết.

Bjarne Møller bước vào căn hộ và nhìn nhanh khắp căn phòng với vẻ chệch trách.

“Một cái xó ẩm cúng nhỉ?” Weber nói. “Nghe nói hắc là người quen?”

“Alf Gunnerud. Ít ra thì căn hộ này đứng tên hắc. Có cả lô vân tay ở đây. Để xem có phải là của hắc không. Kính.” Ông ta chỉ một chàng trai trẻ đang quét một cây cọ mỏng lên cửa sổ. “Những dấu vân tay rõ nhất luôn ở trên kính.”

“Vì ông đang lấy dấu vân tay, tôi đoán rằng ông đã phát hiện ra những thứ khác nữa ở đây phải không?”

Weber chỉ vào một cái túi ni lông đặt trên một tấm thảm trải sàn cùng với nhiều đồ vật khác. Møller ngồi thụp xuống và thọc một ngón tay qua đi kẻ hở trên túi. “Hừm. Ném như vị heroin. Phải gần nửa ký. Thế cái này là gì?”

“Một tấm ảnh chụp hai đứa trẻ. Chúng tôi vẫn chưa biết là ai. Và một chiếc chìa khóa của hãng Trioving chắc chắn không phải của cái cửa này.”

“Nếu đó là một chiếc chìa khóa hệ thống, Trioving có thể sớm báo cho chúng ta biết chủ sở hữu của nó. Thằng bé trong ảnh có gì trông quen lắm.”

“Tôi cũng nghĩ thế.”

“Hồi hình thoi,” một giọng phụ nữ cất lên sau lưng họ.

“Cô Lønn,” Møller kêu lên ngạc nhiên. “Đơn vị Chống Cướp làm gì ở đây?”

“Chính tôi đã nhận được mật báo ở đây có heroin. Tôi đã được đề nghị gọi cho ông.”

“Vậy là cô cũng có người cung cấp tin trong giới buôn ma túy à?”

“Cả giới cướp ngân hàng nữa, ông biết đấy, đó là một gia đình lớn hạnh phúc mà.”

“Ai là người cung cấp tin?”

“Không biết. Anh ta gọi về nhà tôi sau khi tôi đã đi ngủ. Không để lại tên hay nói làm sao anh ta biết tôi làm trong ngành cảnh sát. Nhưng thông tin thì cụ thể và chi tiết đến mức tôi phải hành động và đánh thức ngay một cố vấn luật pháp của Sở Cảnh sát.”

“Ừm,” Møller nói. “Ma túy. Tiền án. Nguy cơ để mất vật chứng có giá trị. Tôi có thể hình dung là cô được bật đèn xanh ngay lập tức.”

“Vâng.”

“Tôi không thấy có xác chết, vậy tại sao lại gọi cho tôi?”

“Người cung cấp tin đã ám chỉ tới một việc khác nữa.”

“Ồ, là gì vậy?”

“Alf Gunnerud được cho là có quen biết Anna Bethsen rất rõ. Hẳn là người tình và bán ma túy cho cô ta. Cho đến khi cô ta bỏ hăng đi với người khác lúc hăng đang ngồi tù. Ông nghĩ sao về chuyện đó, Møller?”

Møller nhìn Beate. “Tôi thấy vui,” ông đáp, không để lộ phản ứng gì. “Vui

hơn cô có thể tưởng tượng nhiều.”

Ông vẫn chăm chú nhìn cô, rồi, cuối cùng, phải cụp mắt xuống.

“Weber,” ông nói. “Tôi muốn anh dựng hàng rào cách ly căn hộ này và gọi tất cả các nhân viên dưới quyền anh tới đây. Chúng ta có việc phải làm.”

PHẦN XIV

KHẤU GLOCK

Stein Thommesen đã làm cảnh sát mặc đồng phục được hai năm. Ao ước lớn nhất của anh ta là trở thành điều tra viên và giấc mơ của anh ta là được làm một chuyên gia trong ngành cảnh sát với giờ làm việc cố định, văn phòng riêng và mức lương tốt hơn một thanh tra. Để có thể về nhà với Trine và kể với cô một rắc rối thú vị nào đó ở cơ quan mà anh ta và một chuyên gia từ Ban Trọng án đang thảo luận, khiến cô thấy quá đổi phức tạp và không thể hình dung nổi. Thế nhưng lúc này anh ta lại đang làm việc theo ca với đồng lương còm cõi, thức dậy sau cả mười tiếng ngủ li bì mà vẫn mệt rũ rời, và khi Trine nói rằng cô sẽ không sống như vậy trong suốt phần đời còn lại của mình nữa, anh ta sẽ phải cố giải thích rằng anh ta đã chịu đựng những chuyện gì khi phải lái xe đưa cái lũ mới lớn dùng ma túy quá liều đi cấp cứu, bảo với bọn trẻ con rằng anh ta phải bắt cha chúng vì tội đánh đập mẹ chúng, và hứng tất cả những thứ tồi tệ từ những người ghét bộ đồng phục anh ta đang mặc. Và Trine sẽ đảo mắt. Đã nghe nhàm tai rồi.

Khi thanh tra Tom Waaler ở Đội Hình sự đi vào phòng trực và hỏi Stein Thommesen xem anh ta có muốn đi với mình để tóm một gã bị truy nã không, thoát đầu Thommesen nghĩ có lẽ Waaler sẽ có thể chỉ cho anh ta vài mẹo để trở thành điều tra viên.

Trong lúc chạy tới bùng binh trên phố Nylandsveien, anh ta đề cập chuyện đó với Waaler thì Waaler mỉm cười. Ngụch ngoạc vài chữ lên một mẫu giấy,

tất cả chỉ có thể, Waaler bảo vậy. Anh ta - Waaler - sẽ có thể nói tốt vài lời cho Stein.

“Thế thì... tuyệt quá.” Thommesen tự hỏi liệu anh ta có nên nói ‘Cảm ơn’ không, hay là nói thế nghe có vẻ quy lụy quá. Rốt cuộc thì đã có gì nhiều mà phải cảm ơn Waaler. Nhưng đương nhiên anh ta sẽ về kể với Trine rằng anh ta đã ướm hỏi. Đúng vậy, đó chính xác là cái từ mà anh ta sẽ dùng: ‘ướm hỏi’. Rồi sau đó chẳng nói gì hết, để giữ vẻ bí hiểm, cho đến lúc nghe ngóng được gì đó.

“Cái gã mà chúng ta đang đi bắt này phạm tội gì thế?” anh ta hỏi.

“Tôi đang đi tuần tra thì nghe thấy trên đài của cảnh sát rằng họ đã tịch thu được một lượng heroin ở phố Thoa Olsens. Từ Alf Gunnerud.”

“Có, tôi cũng có nghe. Gần nửa cân.”

“Rồi có người mật báo cho tôi rằng anh ta đã thấy Gunnerud ở chỗ cảng công te nơ.”

“Tối nay chắc hẳn những người cung cấp tin phải để ý lắm. Cũng chính một người nặc danh đã mật báo thông tin dẫn tới vụ tịch thu heroin đó. Có lẽ chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên, nhưng thật lạ là hai người nặc danh...”

“Có thể chính là một người cung cấp tin,” Waaler cắt lời. “Có lẽ có kẻ đang âm mưu sau lưng Gunnerud, bị hấn lừa hay gì đó?”

“Có lẽ...”

“Vậy là anh muốn trở thành điều tra viên,” Waaler nói, và Thommesen nghĩ rằng anh ta nhận thấy một chút bức bối trong giọng của Waaler. Họ rời khỏi cái bùng binh để rẽ xuống khu cảng. “Phải, tôi có thể hiểu điều đó. Đó là một sự thay đổi, phải không? Đã nghĩ đến bộ phận nào chưa?”

“Đội Hình sự,” Thommesen nói. “Hoặc Đơn vị Chống Cướp. Phòng Xâm hại Tình dục thì không được, tôi nghĩ vậy.”

“Không, đương nhiên là không. Tới rồi.”

Họ băng qua khoảng sân tối om đặt những công te nơ chồng lên nhau và

một tòa nhà lớn, màu hồng ở phía cuối.

“Cái gã đang đứng dưới ngọn đèn đường kia trông giống với mô tả lắm,” Waaler nói.

“Đâu?” Thommesen hỏi, nhìn vào trong bóng tối.

“Cạnh tòa nhà đằng kia kìa.”

“Khỉ thật! Mắt anh tinh thế.”

“Anh có mang súng không?” Waaler hỏi, chạy chậm lại.

Thommesen nhìn Waaler ngạc nhiên. “Anh đâu có nói gì về chuyện...”

“Không sao, tôi mang. Ở yên trong xe để gọi hỗ trợ nếu hấn gây rắc rối gì cho chúng ta, được chứ?”

“Được. Anh có chắc là chúng ta không nên gọi...?”

“Không kịp đâu.” Waaler bật đèn xe sáng trưng và dừng lại. Thommesen ước lượng khoảng cách từ xe tới chỗ cái bóng người dưới ngọn đèn đường là khoảng năm mươi mét, nhưng những đo đạc về sau này đã cho thấy khoảng cách chính xác là ba mươi tư mét.

Waaler nạp đạn vào khẩu Glock 20 - anh ta đã xin phép và được cấp quyền đặc biệt sử dụng nó - và chộp lấy một cái đèn pin to, đen ở giữa hai ghế đầu rồi bước ra khỏi xe. Anh ta quát to trong lúc bước về phía người đàn ông kia. Hóa ra, chính xác điểm này về sau đã phát sinh khác biệt lớn giữa hai báo cáo tường trình vụ việc của hai cảnh sát. Trong báo cáo của Waaler, anh ta đã quát, ‘Cảnh sát đây! Cho xem chúng nào’ có nghĩa là “Đưa hai tay lên đầu.” Công tố viên đồng tình rằng một kẻ từng vào tù ra khám với tiền sử vài lần bị bắt sẽ quen với kiểu biệt ngữ đó. Và rõ ràng là thanh tra Waaler đã thông báo mình là cảnh sát. Nhưng trong báo cáo ban đầu của Thommesen thì Waaler đã kêu to lên rằng, ‘xin chào, thằng bạn cảnh sát của mày đây. Cho xem nó đi nào.’” Tuy nhiên, sau vài cuộc hội ý giữa Waaler và Thommesen thì anh ta đã nói rằng báo cáo của Waaler có lẽ sát thực hơn.

Những sự việc xảy ra sau đó không thấy có sự bất đồng nào. Người đàn

ông đứng dưới ngọn đèn phản ứng bằng cách thò tay vào túi áo khoác và lôi ra một khẩu súng, mà sau này được tiết lộ là một khẩu Glock 23 với số xê ri đã bị giũa mất, vì thế không thể lần ra nguồn gốc. Waaler, theo Đội Điều tra Đặc biệt, một đơn vị trực thuộc Sở Cảnh sát có thẩm quyền độc lập vốn là một trong những cảnh sát thiện xạ nhất, đã hét lên và bắn ba phát liên tiếp. Hai phát trúng Alf Gunnerud. Một trúng vai trái. Một trúng hông. Không phát nào làm chết người, nhưng khiến Gunnerud ngã ngửa ra đất. Waaler đã chạy về phía Gunnerud, giương súng lên và quát, ‘Cảnh sát đây! Không được chạm vào súng không tôi bắn! Tôi đã bảo không được chạm vào súng!’

Từ điểm này, bản báo cáo của Thommesen có rất ít điểm chắc chắn để bổ sung vì anh ta đứng cách xa ba mươi tư mét, trời thì tối, thêm vào đó Waaler lại đứng chắn mất tầm nhìn của anh ta. Mặt khác, không có gì trong bản báo cáo của Thommesen - hay trong những chứng cứ thu được tại hiện trường - mâu thuẫn với những sự kiện sau đó được mô tả trong báo cáo của Waaler: Gunnerud chộp lấy khẩu súng, chĩa vào người anh ta bất chấp đã được cảnh báo và Waaler đã nhanh tay bắn trước. Khoảng cách giữa hai người lúc đó là khoảng từ ba đến năm mét.

Tôi sắp chết. Và chẳng hiểu sao lại thế. Tôi đang nhìn xuống nòng súng bốc khói. Kế hoạch không phải là như vậy, dù sao thì cũng không phải là kế hoạch của tôi. Nhưng có lẽ tôi đã đi theo hướng này suốt bấy lâu nay. Nhưng đây không phải là kế hoạch của tôi. Kế hoạch của tôi hay hơn. Kế hoạch của tôi hợp lý kia. Áp suất trong khoang đang giảm và một áp lực vô hình đang ép vào màng nhĩ tôi từ bên trong. Có ai đó vừa cúi xuống hỏi tôi đã sẵn sàng chưa. Chúng tôi sắp hạ cánh.

Tôi thì thào rằng tôi từng đi ăn trộm từng nói dối, từng bán ma túy rong và gian dân. Nhưng tôi chưa từng giết ai. Lần gây tổn thương người phụ nữ ở

chi nhánh Grensen cũng chỉ là một trong những tội đã nói trên.

Những ngôi sao dưới thấp đang chiếu vào khoang máy bay.

“Đó là tội lỗi...” tôi thì thào. “Làm hại người phụ nữ mà tôi yêu. Chuyện đó có thể tha thứ không?” Nhưng cô tiếp viên đã bỏ đi và những bóng đèn hạ cánh bỗng sáng trưng lên khắp xung quanh máy bay.

Đó là buổi tối đầu tiên Anna nói ‘Không’, còn tôi thì bảo ‘Có’ và đẩy cửa ra. Đó là thứ ma túy tinh khiết nhất mà tôi từng có được, và đem hít thì quả là phí của giờ. Nàng phản đối nhưng tôi bảo hàng miễn phí thì nàng đi sửa soạn ống tiêm. Nàng chưa bao giờ chích heroin nên tôi tiêm cho nàng. Làm cho người khác thì khó hơn. Sau hai lần thất bại, nàng nhìn tôi và thì thào, ‘Em đã không xài ba tháng rồi. Em đã cai được rồi.’ Tôi bèn nói, ‘Mừng em trở lại.’ Nàng ta cười và nói, ‘Em sẽ giết anh.’ Lần thứ ba thì tôi tìm thấy ven của nàng. Hai đồng tử của nàng nở ra, từ từ, như những bông hồng đen. Những giọt máu lăn từ cẳng tay nàng xuống tấm thảm cùng với những tiếng thở dài mệt mỏi. Rồi đầu nàng ngất ra sau. Ngày hôm sau, nàng gọi cho tôi bảo muốn thêm. Những bánh xe đang rít lên trên đường nhựa.

Lẽ ra chúng ta đã có thể biến cuộc sống của mình thành cái gì tốt đẹp, cả anh và em. Kế hoạch là thế, như vậy mới hợp lý. Còn chuyện này thì anh chẳng thấy có lý chút nào.

Theo báo cáo khám nghiệm tử thi, viên đạn 10 li đã bắn trúng và làm vỡ nát xương mũi Alf Gunnerud. Những mảnh xương nhỏ đi theo viên đạn xuyên qua lớp mô mỏng trước não, đạn chì cùng với xương đã phá hủy đồi não, hệ bản tính và tiểu não, trước khi viên đạn xuyên qua phần hộp sọ sau đầu. Cuối cùng nó khoan một lỗ trên mặt đường nhựa vẫn còn rỗ sau khi công nhân duy tu đường sửa chữa bãi đỗ xe hai ngày trước.

BONNIE TYLER*

Đó là một ngày ảm đạm, ngán ngùi và nói chung là không cần thiết. Những đám mây xám xịt nặng nước bay qua thành phố mà không rõ xuống một giọt mưa, và gió thỉnh thoảng lại giật từng cơn thổi bay những tờ báo trên cái quầy phía ngoài cửa hàng Thuốc lá và Trái cây của Elmer. Những dòng tít lớn trang bìa trên quầy báo cho thấy người dân đã bắt đầu ngán ngẫm thứ gọi là chiến tranh chống khủng bố, mà giờ đây hàm chứa ý nghĩa của một khẩu hiệu tranh cử có phần ghê tởm và hơn nữa đã mất đà vì chẳng ai biết thủ phạm chính ở đâu. Một số người thậm chí còn nghĩ rằng hắn đã chết. Do đó, báo chí đã bắt đầu dành đất cho các ngôi sao truyền hình thực tế, những nhân vật hơi có tiếng tăm ở nước ngoài đã nói gì đó hay ho về người Na Uy, và kế hoạch đi nghỉ của các thành viên hoàng gia. Biến cố có kịch tính duy nhất khả dĩ phá vỡ được sự đơn điệu đó là vụ đấu súng ở cảng công te nơi kẻ giết người đang bị truy nã đồng thời cũng là tên bán ma túy rong đã chĩa súng vào cảnh sát và bị bắn chết khi chưa kịp nhả đạn. Trưởng Đơn vị Phòng chống Ma túy báo cáo đã tịch thu một lượng heroin khá lớn trong căn hộ của người đàn ông đã chết, còn người đứng đầu Đội Hình sự bình luận rằng vụ giết người mà gã đàn ông ba mươi tuổi đó được cho là đã thực hiện vẫn đang trong quá trình điều tra. Tuy nhiên, tờ báo với thời điểm biên tập gần đây nhất đã cung cấp thêm thông tin rằng những bằng chứng chống lại gã đàn ông, vốn không có nguồn gốc nước ngoài này, là rất thuyết phục. Và khá kỳ quặc là viên cảnh sát dính líu tới vụ này lại chính là người đã bắn chết gã phát xít mới Sverre Olsen tại nhà trong một tình huống tương tự hơn một năm trước. Viên cảnh sát này đã bị đình chỉ công tác cho đến khi cơ quan có thẩm quyền độc lập của Sở Cảnh sát kết thúc cuộc điều tra, tờ báo đó viết như vậy kèm trích dẫn lời Giám đốc Sở Cảnh sát nói rằng đây là một quy trình thông thường trong những tình huống như thế và vụ này không liên quan tới vụ

Sverre Olsen.

Vụ cháy một căn nhà gỗ ở Tryvann cũng được đăng vắng tắt bởi vì một can xăng nhỏ cạn sạch đã được tìm thấy gần hiện trường của ngôi nhà đã bị thiêu rụi, và vì thế cảnh sát không thể loại trừ khả năng có kẻ phóng hỏa. Điều không thấy đăng trên báo là các nhà báo đã cố gắng liên hệ với Birger Gunnerud để hỏi xem ông ta cảm thấy thế nào khi mất cả con trai và căn nhà gỗ trong cùng một đêm.

Trời tối sớm nên ba giờ chiều đèn đường đã được bật lên.

Hình ảnh của vụ cướp ở Grensen vừa được bấm dừng rung rung trên màn hình khi Harry bước vào Nhà Đau đón.

“Có đi tới đâu không?” anh hỏi, hát hàm về phía hình ảnh Kẻ Hành quyết được phóng to toàn màn hình.

Beate lắc đầu. “Chúng tôi đang đợi.”

“Đợi hẩn hành động tiếp à?”

“Ngay lúc này, hẩn đang ngồi ở đâu đó và lên kế hoạch một vụ cướp nữa. Tôi đoán là trong tuần sau.”

“Cô có vẻ chắc chắn.”

Cô nhún vai. “Kinh nghiệm thôi.”

“Của cô à?”

Cô mỉm cười nhưng không đáp.

Harry ngồi xuống. “Hy vọng cô không bực vì tôi đã không làm như đã nói trên điện thoại.”

Cô nhúu mày. “Ý anh là sao?”

“Tôi đã bảo là hôm nay tôi mới khám nhà hẩn.”

Harry nhìn Beate chăm chú. Trông cô hoàn toàn không hiểu gì thật. Ừ thì Harry đâu phải điệp viên chứ. Anh đang định nói, rồi lại đổi ý. Thay vào đó,

Beate lại nói, “Có một chuyện tôi phải hỏi anh, Harry.”

“Hỏi đi.”

“Anh có biết gì về chuyện giữa Raskol và cha tôi không?”

“Chuyện gì về họ?”

“Rằng Raskol... có mặt ở ngân hàng vào lúc đó. Hắn đã bắn cha tôi.”

Harry cup mắt. Nhìn chăm chăm hai bàn tay mình. “Không,” anh đáp. “Tôi không biết.”

“Những anh đã đoán ra chưa?”

Anh ngẩng đầu lên và bắt gặp ánh mắt của Beate. “Tôi cũng có nghĩ đến chuyện đó. Chỉ thế thôi.”

“Điều gì đã khiến anh nghĩ vậy?”

“Sám hối.”

“Sám hối ư?”

Harry hít một hơi sâu. “Đôi khi, một tội ác có thể góm guốc đến mức làm mờ mắt ta. Ở bề ngoài hoặc bên trong.”

“Ý anh là sao?”

“Mọi người đều cần phải sám hối, Beate ạ. Cả cô. Chúa biết là tôi cần làm thế. Raskol cũng vậy. Đó là một nhu cầu cơ bản, giống như tắm rửa vậy. Điều đó liên quan đến sự điều hòa, một sự cân bằng nội tâm cực kỳ cần thiết. Chúng ta gọi sự cân bằng đó là đạo đức.”

Harry nhìn mặt Beate hết tái lại đỏ. Cô mở miệng định nói.

“Không ai biết tại sao Raskol lại ra tự thú,” Harry nói. “Nhưng tôi tin rằng, đó là để sám hối. Vì với một người coi tự do lãng du là sự tự do duy nhất, thì nhà tù chính là hình thức tự trừng phạt cao nhất. Cướp đi một mạng người khác với cướp tiền. Tôi đoán là hắn đã phạm phải một tội ác khiến hắn mất cân bằng nội tâm. Vì vậy, hắn đã chọn cách tự sám hối bí mật, vì chính mình và vì Chúa - nếu hắn có một vị Chúa.”

Cuối cùng Beate cũng lắp bắp được: “Một... kẻ giết người... có đạo đức

ư?”

Harry chờ đợi. Nhưng không nghe thấy thêm câu nào.

“Người có đạo đức là người chấp nhận những hậu quả do chính đạo đức của bản thân gây nên,” anh dịu dàng nói. “Chứ không phải của người khác.”

“Vậy nếu như tôi đeo cái này vào?” Beate nói gay gắt, mở cái ngăn kéo trước mặt cô rồi lôi một bao súng ngắn khoác vai ra. “Nếu tôi khóa cửa một phòng thẩm tù nào đó lại, chỉ còn tôi và Raskol trong đó rồi sau đó bảo rằng hắn tấn công tôi nên tôi đã bắn hắn để tự vệ? Để trả thù cho cha tôi theo cái cách mà anh xử lý lũ sâu bọ. Như vậy anh thấy đã đủ đạo đức chưa?” Cô đập mạnh bao súng lên bàn.

Harry ngả người vào ghế và nhắm mắt cho đến lúc anh nghe thấy hơi thở dồn dập của cô dịu lại. “Câu hỏi là, theo cô đủ đạo đức là thế nào, Beate ạ. Tôi không biết tại sao cô lại để súng bên người, và tôi không có ý định ngăn cản cô làm bất cứ việc gì mà cô muốn.”

Anh đứng dậy. “Hãy làm cho cha cô tự hào, Beate ạ.”

Khi anh nắm lấy tay cầm ở cửa thì nghe thấy tiếng Beate nức nở. Anh quay lại.

“Anh không hiểu!” cô nức nở. “Tôi đã nghĩ là mình có thể tôi đã nghĩ đó là một kiểu... nợ phải đòi.”

Harry vẫn đứng im. Rồi anh đẩy một cái ghế lại gần cô và ngồi xuống, đặt một bàn tay lên má cô. Những giọt nước mắt của cô nóng hổi và lăn qua bàn tay thô ráp của anh trong lúc cô nói. “Anh gia nhập lực lượng cảnh sát là vì anh muốn thiết lập trật tự sự cân bằng cho mọi chuyện, phải không? Sự đền tội, công lý và những thứ đại loại thế. Rồi một ngày, anh có cơ hội mà anh vẫn hằng mơ ước, để trả thù. Rồi hiểu ra rồi cuộc đó không phải là điều anh muốn.” Cô khịt mũi. “Mẹ tôi từng bảo chỉ có một điều duy nhất còn tệ hơn cả chuyện không thỏa được lòng khao khát. Đó là không cảm thấy khao khát bất cứ điều gì. Thù hận tựa như chút gì còn sót lại sau khi đã mất tất cả. Và rồi nó

cũng bị tước nốt khỏi anh.”

Cô gạt phẳng bao súng khỏi bàn. Nó văng vào tường đánh thịch.

Khi Harry đứng trên phố Sofies lục túi áo khoác thân quen để tìm chìa khóa thì trời đã tối đen như mực. Sáng hôm đó, một trong những việc đầu tiên mà anh làm khi tới Sở Cảnh sát là đi lấy quần áo, vốn bị tịch thu từ nhà Vigdis Albu, ở Phòng Giám định Pháp y. Nhưng cái việc đích thực đầu tiên là ghé qua văn phòng của Bjarne Møller. Người đứng đầu Đội Hình sự đã nói rằng những chuyện liên quan tới Harry hầu như đều có vẻ ổn, nhưng còn phải đợi xem có ai báo cáo gì về vụ đột nhập tại nhà số 16 phố Harelabben không đã. Trong ngày hôm đó, người ta sẽ cân nhắc xem liệu có nên xử lý chuyện Harry giấu nhẹm thông tin mình có mặt trong căn hộ của Anna Bethsen vào cái đêm xảy ra án mạng hay không. Harry đáp rằng, trong trường hợp vụ này bị điều tra, anh sẽ buộc lòng phải nhắc đến sự tự do tương đối mà Giám đốc Sở Cảnh sát và Møller đã cho phép anh trong quá trình tìm kiếm Kẻ Hành quyết, ngoài ra họ còn chấp thuận cho anh bay tới Brazil mà không thông báo cho cảnh sát Brazil.

Bjarne nhếch mép cười châm biếm và bảo ông đoán họ sẽ kết luận sẽ không điều tra, hoặc thật ra là không cần xử lý gì hết.

Tiền sảnh im lặng. Harry gỡ bỏ dải băng cách ly của cảnh sát chẳng trước cửa căn hộ của anh. Một mảnh ván ép che ô kính bị phá.

Anh đứng đó, nhìn bao quát phòng khách. Weber giải thích rằng họ đã chụp ảnh căn hộ trước khi bắt đầu lục soát nên mọi thứ có thể sắp xếp lại đúng chỗ. Tuy nhiên, anh không khỏi nghĩ rằng những bàn tay và cặp mắt xa lạ đã sục sạo ở đây. Không phải là anh có gì nhiều cần che giấu - chỉ vài lá thư tình cuồng nhiệt thuở nào, một hộp bao cao su đã mở và hết hạn từ lâu và một phong bì đựng những tấm ảnh chụp xác chết của Ellen Gjeltén. Cất giữ

chúng ở nhà có thể bị xem là bệnh hoạn. Ngoài ra: một cuốn tạp chí khiêu dâm, một cái đĩa Bonnie Tyler và một cuốn sách của Linn Ullmann.

Harry nhìn cái đèn đỏ nhấp nháy trên máy trả lời tự động một lúc lâu mới bấm. Giọng quen thuộc của thằng bé tràn ngập căn phòng đã trở nên lạ lẫm. “Chào chú, là mẹ con cháu đây. Hôm nay tòa quyết định. Mẹ cháu đang khóc, vì vậy mẹ cháu bảo cháu nói...”

Harry chuẩn bị tinh thần và hít một hơi. “Ngày mai mẹ con cháu sẽ rời khỏi đây.”

Harry nín thở. Anh có nghe chính xác không? Mẹ con cháu sẽ rời khỏi đây ư?

“Mẹ con cháu đã thắng. Chú phải nhìn thấy mặt họ lúc đó. Mẹ bảo ai cũng nghĩ mẹ con cháu sẽ thua. Mẹ, mẹ có muốn... không, mẹ cháu cứ khóc thôi. Giờ thì hai mẹ con cháu đi ra quán McDonald ăn mừng đây. Mẹ cháu hỏi là chú có ra đón mẹ con cháu được không? Chào chú.”

Anh nghe thấy tiếng thở của Oleg phả vào điện thoại và ai đó hỉ mũi rồi bật cười ở hậu cảnh. Giọng Oleg lại cất lên, lần này nhỏ hơn: “Cháu sẽ thích lắm nếu chú đi đón, Harry ạ.”

Harry ngồi phịch xuống chiếc ghế. Một cục nghẹn lớn dần lên trong họng anh và những giọt nước mắt tuôn rơi.

PHẦN XV

TBK

Bầu trời không một gợn mây, nhưng gió thì lạnh cắt da cắt thịt và vàng mặt trời nhợt nhạt không đủ để sưởi ấm. Harry và Aune đều đã dựng hết cổ áo khoác lên và đi song song trên đại lộ trồng những cây bạch dương đã trút sạch lá để tồn tại qua mùa đông.

“Tôi đã kể với vợ tôi anh vui mừng đến mức nào khi báo với tôi rằng Rakel và Oleg sắp về,” Aune nói. “Bà ấy hỏi là như vậy có phải ba người sắp dọn về sống chung không.”

Đáp lại Harry chỉ mỉm cười.

“Ít ra thì nhà cô ấy cũng đủ chỗ,” Aune chọc.

“Nhà tôi cũng đủ chỗ mà,” Harry nói. “Gửi lời chào Karoline và trích dẫn Ola Bauer ấy.”

“Tôi chuyển sang con phố Vô Ưu?”

“Những điều đó cũng chẳng ích gì nhiều.”

Cả hai cùng bật cười.

“Dù sao thì hiện giờ tôi chỉ đang chú tâm vào vụ án thôi,” Harry nói.

“À, vụ án đó,” Aune nói. “Tôi đã đọc hết các báo cáo như anh bảo. Kỳ lạ. Quá kỳ lạ. Anh thức dậy trong căn hộ của mình, không nhớ nổi chuyện gì rồi, dùng một cái, anh bị rơi vào trò chơi của Alf Gunnerud. Đương nhiên, để thiết lập đọc một chẩn đoán về tâm lý sau khi người ta đã chết là khá nan giải, nhưng hẳn thật sự là một trường hợp thú vị. Chắc chắn là một bộ óc thông

minh và sáng tạo. Thậm chí, gần như là có khí chất nghệ sĩ. Hắn đã ấp ủ một kế hoạch quá tài tình. Nhưng có vài điều tôi thấy thắc mắc. Tôi đã đọc bản sao của những email mà hắn gán cho anh. Hắn có nhắc tới chuyện anh đã bị bắt tình. Điều đó có nghĩa rằng hắn đã thấy anh rời khỏi căn hộ đó trong tình trạng chệnh choáng và đoán đọc ngày hôm sau anh sẽ chẳng nhớ nổi chuyện gì, phải không?”

“Khi một người phải được dìu lên xe taxi thì sẽ là như vậy. Tôi đoán là lúc đó hắn đang đứng ngoài phố, theo dõi tôi, đúng như hắn đã đổ cho Arne Albu làm trong email. Có lẽ hắn đã liên lạc với Anna và biết tối hôm đó tôi tới. Việc tôi rời khỏi nhà cô ấy trong tình trạng say xỉn hẳn là một thuận lợi không ngờ.”

“Rồi sau đó, hắn đã mở khóa căn hộ bằng cái chìa mà hắn lấy được từ nhà sản xuất thông qua cửa hàng Lasesmeden AS. Rồi bắn chết cô ấy. Dùng súng của hắn phải không?”

“Có lẽ vậy. Số xe ri đã bị giấu mất. Cả khẩu súng mà chúng tôi tìm thấy trong tay Gunnerud ở cảng công te nơ cũng vậy. Weber bảo kiểu giấu cho thấy chúng có cùng một mối cung cấp. Có vẻ như ai đó đang điều hành đường dây nhập khẩu súng bất hợp pháp với số lượng lớn. Khẩu Glock mà chúng tôi tìm thấy trên người Sverre Olsen - cái tên đã giết Ellen ấy - cũng có những vết giấu y hệt.”

“Thế rồi hắn đặt khẩu súng vào bàn tay phải của cô ấy. Mặc dù cô ấy thuận tay trái.”

“Làm mỗi nhử,” Harry nói. “Đương nhiên là hắn biết kiểu gì tôi cũng sẽ nhảy vào, nếu không vì lý do gì khác thì cũng là để đảm bảo vị trí của tôi không bị tổn hại. Và hắn biết rằng, không giống như những cảnh sát khác, tôi sẽ nhận ra bàn tay cầm súng là sai.”

“Và rồi còn tấm ảnh chụp bà Albu và lũ trẻ nữa.”

“Để dụ tôi tìm tới Arne Albu, người tình cuối cùng của cô ấy.”

“Và trước khi đi khỏi hăn đã lấy máy tính xách tay của Anna và điện thoại di động của anh đánh rơi trong căn hộ tối hôm đó.”

“Thêm một thuận lợi không ngờ.”

“Vậy là bộ óc đó dựng ngay lên một kế hoạch phức tạp, kín kẽ để trừng phạt cô nhân tình đã phản bội mình, người đàn ông mà cô ta đã bỏ hăn để đi theo trong lúc hăn bóc lịch và cái mục tiêu mới lục lại của cô ta, anh chàng cảnh sát tóc vàng. Thêm vào đó, hăn lại biết ứng biến. Hăn lợi dụng công việc của mình ở Lasesmeden AS để lọt được vào căn hộ và tầng hầm của cậu. Hăn để máy tính của Anna vào trong đó, kết nối với điện thoại di động của cậu, rồi thiết lập một tài khoản email thông qua một máy chủ không thể lần ra.”

“Gần như không thể lần ra thôi.”

“À, phải, cái gã mọt máy tính giấu tên của anh đã tìm ra nó. Nhưng cái anh ta không phát hiện được là những email anh nhận đã được viết từ trước rồi gửi đi vào những ngày đã định sẵn trên cái laptop giấu trong kho của anh. Nói cách khác, kẻ gửi những email đó đã sắp đặt tất cả từ trước khi cái máy tính được đặt vào vị trí. Chính xác chứ?”

“Ừm. Ông đã đọc những email đó chưa?”

“Rồi.” Aune gật đầu. “Ngẫm lại, anh có thể thấy rằng mặc dù chúng có nhắc đến một diễn biến sự việc cụ thể, nhưng những email đó vẫn khá mơ hồ. Song người trong cuộc thì sẽ không thấy vậy, kẻ gửi email có vẻ thường xuyên cập nhật tin tức và lên mạng. Nhưng hăn tạo được cái ấn tượng đó là vì về nhiều mặt, hăn chính là người điều khiển toàn bộ tấn trò này.”

“Ừm, chúng tôi chưa biết liệu có phải Gunnerud đã sắp đặt vụ giết hại Arne Albu không. Một đồng nghiệp của hăn ở cửa hàng khóa bảo rằng anh ta và Gunnerud đã tới quán Gamle Major uống bia vào thời điểm xảy ra án mạng.”

Aune xoa tay. Harry không rõ ông làm vậy vì lạnh hay vì thích thú khi

nghĩ rằng có quá nhiều kết quả khả dĩ hoặc không khả dĩ nhưng đều hợp lý. “Cứ cho là Gunnerud không giết Albu đi,” nhà tâm lý học nói. “Vậy thì hẳn định sắp đặt cho Albu số phận như thế nào khi dẫn dắt anh tìm tới anh ta? Để Albu bị kết tội? Nhưng thế thì anh sẽ thoát. Và ngược lại. Không thể nào cả hai cùng bị buộc tội trong một vụ giết người.”

“Phải,” Harry nói. “Ông phải tự hỏi xem điều gì là quan trọng nhất trong cuộc đời Albu?”

“Giỏi,” Aune nói. “Một người cha ba đứa con đã hạn chế tham vọng công danh, dù có tự nguyện hay không. Tôi đoán đó là gia đình.”

“Vậy Gunnerud sẽ đạt được gì khi tiết lộ, hoặc đúng hơn là để tôi phát hiện ra rằng Arne Albu vẫn tiếp tục gặp Anna?”

“Vợ anh ta đã đưa ba đứa con đi và bỏ anh ta.”

“Mất mạng sống chưa phải là điều tồi tệ nhất. Điều tồi tệ nhất là mất lý do để sống.”

“Hay đấy.” Aune gật đầu tán thưởng. “Ai đã nói câu đó?”

“Tôi quên rồi,” Harry nói.

“Thế thì câu hỏi tiếp theo mà anh phải đặt ra là hẳn muốn tước đi thứ gì ở anh, Harry? Điều gì khiến cuộc sống của anh đáng sống?”

Họ đã tới ngôi nhà mà Anna từng sống. Harry mân mê chùm chìa khóa một lúc lâu.

“Sao?” Aune hỏi.

“Tất cả những gì mà Gunnerud có thể biết về tôi là do Anna kể. Mà cô ấy biết tôi từ cái hồi tôi chưa có gì... nhiều hơn công việc.”

“Công việc ư?”

“Hẳn muốn tôi phải bóc lịch. Nhưng, chủ yếu là bị đá ra khỏi ngành.” Họ vừa đi lên cầu thang vừa trò chuyện.

Trong căn hộ, Weber và người của ông ta vừa hoàn thành việc kiểm tra pháp y. Weber có vẻ vui và bảo rằng đã tìm thấy dấu vân tay của Gunnerud

vài nơi, bao gồm cả đầu giường.

“Hắn chẳng cần thận gì cả,” Weber nói.

“Hắn tới đây nhiều đến mức có cần thận thì ông cũng sẽ tìm ra dấu vân tay thôi,” Harry nói. “Vả lại, hắn tin mình sẽ không bao giờ bị nghi ngờ.”

“Nhân tiện, cách Albu bị giết cũng khá thú vị,” Aune nói trong lúc Harry mở cánh cửa trượt dẫn vào căn phòng có mấy bức chân dung và cái đèn chụp Grimmer. “Chôn chống ngược. Trên bãi biển. Trông có vẻ giống như một nghi lễ, như thể kẻ giết người đang cố gắng nói với chúng ta về hắn vậy. Anh đã bao giờ nghĩ về chuyện đó chưa?”

“Không phải vụ của tôi.”

“Đó không phải là cái tôi muốn hỏi.”

“Thôi được rồi. Có lẽ kẻ giết người muốn nói điều gì đó về nạn nhân.”

“Ý anh là sao?”

Harry bật cái đèn chụp Grimmer lên và ánh sáng chiếu vào cả ba bức tranh. “Nó làm tôi nhớ tới điều gì đó hồi học luật, Luật Gulathing năm 1100. Nó nói rằng mọi người chết đều phải được chôn đất thiêng, trừ những kẻ làm điều ô nhục, phản bội và giết người. Những kẻ đó phải được chôn nơi biển tiếp giáp đất liền. Nơi Albu bị chôn không cho thấy một vụ giết người vì ghen tuông, như khi Gunnerud là thủ phạm giết anh ta. Có ai đó muốn chỉ ra rằng Albu là một kẻ mắc tội.”

“Nghe hay đấy,” Aune nói. “Tại sao chúng ta phải xem lại những bức tranh này? Trông gớm chết.”

“Ông chắc là không thể nhìn thấy bất cứ điều gì trong đó thật chứ?”

“Đương nhiên là có. Tôi có thể thấy một nghệ sĩ trẻ tự phụ nhưng lại chẳng có khiếu nghệ thuật.”

“Tôi có một đồng nghiệp tên Beate Lønn. Hôm nay cô ấy không thể tới được vì còn phải phát biểu ở một hội thảo của cảnh sát ở Đức, về việc làm thế nào để có thể nhận dạng những tội phạm đeo mặt nạ với sự trợ giúp của phần

mềm xử lý hình ảnh trên máy tính và hồi hình thoi. Cô ấy có biệt tài bẩm sinh là có thể nhận ra mọi khuôn mặt từng nhìn thấy trong đời.”

Aune gật đầu. “Tôi có biết về hiện tượng đó.”

“Khi tôi cho cô ấy xem những bức tranh này, cô ấy đều nhận ra người trong đó.”

“Vây ư?” Aune nhướn một bên lông mày. “Kể cho tôi nghe thêm đi.”

Harry chỉ tay. “Người bên trái là Arne Albu, người ở giữa là tôi và người cuối cùng là Alf Gunnerud.”

Aune nheo mắt, đẩy kính lại cho ngay ngắn và cố nhìn ba bức tranh từ những khoảng cách khác nhau. “Thú vị đấy,” ông ta lẩm bẩm. “Cực kỳ thú vị. Tôi chỉ nhìn thấy mỗi hình dáng của những cái đầu.”

“Tôi chỉ muốn biết liệu ông, với tư cách là một nhân chứng chuyên gia, có thể hạ cố công nhận có kiểu nhận thức này. Nó sẽ giúp chúng tôi tiến xa hơn trong việc tìm hiểu mối liên hệ giữa Gunnerud và Anna.”

Aune xua tay. “Nếu điều anh nói về cô Lønn là đúng thì hẳn là cô ta đã nhận ra một khuôn mặt mà chỉ cần cực ít thông tin.”

Khi trở ra, Aune nói rằng ông tha thiết muốn gặp cô Beate Lønn này vì công việc. “Cô ấy là điều tra viên phải không?”

“Ở đơn vị Chống Cướp. Tôi đã làm việc với cô ấy trong vụ Kẻ Hành quyết.”

“À, ra vậy. Vụ đó thế nào?”

“À, không có nhiều manh mối lắm. Người ta đã mong hẩn sớm hoạt động trở lại, nhưng chẳng có gì xảy ra. Thật ra là rất lạ.”

Trên phố Bogstadveien, Harry nhận thấy những bông tuyết đầu tiên liệng trong gió.

“Đông tới rồi!” Ali hét lên với Harry qua con phố, tay chỉ lên trời. Anh ta

nói gì đó với anh trai mình bằng tiếng Urdu, anh này lập tức tiếp quản việc vác những cái sọt hoa quả cất vào trong cửa hàng. Rồi Ali đi bộ sang đường về phía Harry. “Thật tuyệt khi mọi chuyện qua đi, phải không?” Anh ta mỉm cười.

“Phải,” Harry đáp.

“Mùa thu thật kinh khủng. Cuối cùng thì cũng có chút tuyết rơi.”

“À, phải. Tôi cứ nghĩ là anh định nói vụ án.”

“Về chuyện cái máy tính xách tay trong kho của anh hả? Chuyện đó kết thúc rồi à?”

“Chưa ai nói gì với anh sao? Họ đã tìm ra thủ phạm để nó vào đấy.”

“A ha. Chắc đó là lý do vì sao vợ tôi được báo là rớt cuộc hôm nay tôi không cần phải tới đồn cảnh sát để thẩm vấn nữa. Mà đầu đuôi chuyện đó là sao?”

“Nói vắn tắt thì có một gã đang cố gắng dựng chuyện là tôi dính líu tới một tội ác nghiêm trọng. Mời tôi tới dùng bữa đi, tôi sẽ kể hết mọi chi tiết.”

“Tôi đã mời rồi còn gì, Harry!”

“Anh đâu có nói khi nào.”

Ali đảo mắt. “Tại sao anh phải có ngày giờ trước rồi mới dám ghé qua? Cứ gõ cửa là tôi ra mở ngay. Lúc nào chúng tôi chẳng có đồ ăn.”

“Cảm ơn, Ali. Tôi sẽ gõ thật to và rõ.” Harry mở cửa.

“Anh có khám phá ra người phụ nữ đó là ai không? Cô ta có phải là một trợ thủ của hắn không?”

“Ý anh là sao?”

“Người phụ nữ bí ẩn mà tôi đã thấy đứng trước cửa tầng hầm ngày hôm đó. Tôi đã nói với tay Tom nào đó rồi mà.”

Harry đứng lại, tay vẫn đặt trên tay nắm cửa. “Chính xác là anh đã nói gì với anh ta, Ali?”

“Anh ta hỏi là liệu tôi có nhìn thấy bất cứ thứ gì bất thường trong hoặc

xung quanh tầng hầm không, thì tôi nhớ ra là đã thấy một người phụ nữ mà tôi không nhận ra đứng quay lưng lại bên cạnh cửa tầng hầm trong lúc tôi về tới gần tòa nhà. Tôi nhớ vì tôi định hỏi cô ta là ai thì nghe thấy tiếng ổ khóa kêu lách cách, nên tôi nghĩ nếu cô ta có chìa thì chắc không sao.”

“Lúc đó là vào khi nào và trông cô ta ra sao?”

Ali xòe hai lòng bàn tay ra tỏ vẻ xin lỗi. “Tôi bận quá và chỉ nhìn thoáng qua thôi. Ba tuần trước thì phải? Hay là năm tuần? Tóc vàng? Hay tóc đen nhỉ? Tôi cũng chẳng nhớ nữa.”

“Nhưng anh chắc đó là phụ nữ chứ?”

“Chắc có lẽ lúc đó tôi đã nghĩ là phụ nữ.”

“Alf Gunnerud cao tầm thước, vai hẹp và tóc đen, dài chấm vai. Điều đó có khiến anh nghĩ là phụ nữ không?”

Ali ngẫm nghĩ. “Có, chắc là vậy. Mà cũng có thể là con gái của bà Melkersen tới thăm chẳng hạn.”

“Chào Ali.”

Harry quyết định tẩm nhanh rồi thay đồ để đi thăm Rakel và Oleg, hai mẹ con cô đã mời anh tới ăn bánh kếp và chơi Tetris. Từ Moscow về, Rakel đã mang về một bàn cờ vua đẹp long lanh, quân cờ dẻo tay và bàn cờ làm bằng gỗ khảm trai. Không may là Rakel lại không thích khẩu súng G-CON 45 Namco mà Harry đã mua cho Oleg nên tịch thu ngay lập tức. Cô giải thích rằng cô đã bảo Oleg rất nhiều lần không được nghịch súng đồ chơi cho đến ít nhất là mười hai tuổi. Harry và Oleg đều chấp thuận mà không dám cự nự gì, vẻ mặt xấu hổ. Nhưng hai chú cháu đều biết Rakel sẽ tận dụng cơ hội có Harry trông Oleg để chạy bộ. Và Oleg đã thì thầm với Harry rằng nó biết mẹ giấu súng ở đâu.

Những tia nước nóng bỏng xua cái lạnh ra khỏi cơ thể anh trong lúc anh cố quên đi những gì Ali đã nói. Bất cứ vụ nào cũng luôn có chỗ cho những nghi ngờ, dù nó có vẻ rõ ràng và đã được giải quyết triệt để đến đâu. Mà

Harry vốn hay hoài nghi. Nhưng đến một ngưỡng nào đó, ta cũng phải có niềm tin, để cuộc sống được sáng tỏ hoặc để ta hiểu được cuộc sống.

Anh lau khô người, cạo râu và thay áo sạch. Soi vào gương, anh nhe răng ra. Oleg bảo rằng răng anh ố vàng làm Rakel đã bật cười hơi to. Trên gương, anh thấy bản in của cái email đầu tiên mà TBK gửi, ghim trên bức tường đối diện. Mai anh sẽ gỡ xuống và đính tấm ảnh hai anh em lên. Ngày mai. Anh nhìn cái thư trong gương. Kỳ lạ là anh không hề nhận ra vào cái buổi tối anh đứng trước gương và cảm thấy yếu mất gì đó. Harry và em gái. Chắc là vì khi nhìn thứ gì đó qua thường xuyên thì dần dần người ta sẽ không còn thấy nó nữa. Không nhìn ra. Anh nhìn kỹ cái email trong gương. Rồi anh gọi taxi, xỏ giày sẵn và đợi. Nhìn đồng hồ đeo tay. Giờ này chắc taxi đã tới rồi. Đi thôi. Nhưng anh nhận ra là anh lại nhắc ống nghe lên và đang bấm số.

“Aune đây.”

“Tôi muốn ông đọc lại những email đó lần nữa và nói cho tôi biết ông nghĩ chúng do đàn ông hay phụ nữ viết.”

KEBAB

Qua đêm thì tuyết tan. Astrid Monsen vừa ra khỏi tòa nhà và băng qua mặt đường nhựa đen, ướt át tới phố Bogstadveien thì thấy anh chàng cảnh sát tới vàng vada hè đối diện*. Mạch đập của chị ta, cũng giống như tốc độ chân bước, tăng vọt. Chị ta cầm cúi nhìn về phía trước, hy vọng anh cảnh sát không phát hiện thấy mình. Những tấm ảnh Alf Gunnerud đăng trên báo và cánh điều tra viên cứ lên lên xuống xuống cầu thang suốt nhiều ngày phá rối lịch làm việc lặng lẽ hằng ngày của chị ta. Nhưng giờ thì xong rồi, chị ta đã tự nhủ.

Chị ta hấp tấp đi về phía vạch sang đường dành cho người đi bộ. Tới tiệm

bánh Hansen. Tới đó là thoát. Uống tách trà và ăn cái bánh rán tại cái bàn sau quầy thu ngân, nằm thẳng góc cuối quán cà phê dài và hẹp đó. Ngày nào cũng vậy, đúng 10 rưỡi.

“Trà và bánh rán ạ?”

“Vâng, làm ơn.”

“Hết 38 krone.”

“Của bà đây.”

“Cảm ơn cô.”

Đó hầu như là cuộc trò chuyện dài nhất trong ngày của chị ta với một người khác.

Mấy tuần qua, mỗi khi tới chị ta lại thấy một người đàn ông lớn tuổi ngồi tại bàn đó, và mặc dù vẫn có mấy bàn trống, đó là cái bàn duy nhất chị ta ngồi được bởi vì... không, lúc này dù ta không muốn nghĩ về những chuyện như thế. Tuy vậy, dù ta buộc lòng phải tới sớm hơn mười lăm phút để chiếm cái bàn đó trước. Hôm nay, việc đó đúng là vừa khéo vì nếu không, lúc anh ta bấm chuông chắc chị ta vẫn còn đang nhà. Và chị ta sẽ phải ra mở cửa. Chị ta đã hứa với mẹ. Kể từ cái lần chị ta không chịu nghe điện thoại hoặc ra mở cửa khi có chuông suốt hai tháng trời, rồi cuối cùng thì cảnh sát tới và bà mẹ đã dọa bắt chị ta trở lại bệnh viện tâm thần.

Chị ta không nói dối mẹ.

Còn với những người khác thì có. Chị ta nói dối họ suốt. Khi nói chuyện điện thoại với các nhà xuất bản, khi đi mua hàng và chat qua mạng. Nhất là trên mạng. Chị ta có thể giả vờ là bất cứ ai, một nhân vật nào đó trong những cuốn sách mà chị ta từng dịch, hay là Ramona, người đàn bà lang chạ, suy đồi nhưng can đảm vốn chính là con người chị ta hồi trẻ. Astrid phát hiện ra Ramona từ hồi còn nhỏ. Cô ta là một vũ công, có mái tóc đen dài và cặp mắt nâu hình quả hạnh. Astrid thường vẽ Ramona, nhất là đôi mắt, nhưng phải lén lút vì mẹ sẽ xé tan những bức vẽ ấy và bảo rằng bà không muốn thấy cái ngữ

mất nét đó trong nhà bà. Ramona đã biến mất nhiều năm, rồi lại trở về, và Astrid nhận ra rằng Ramona đã bắt đầu thế chỗ như thế nào khi chị ta viết thư cho những nhà văn nam mình dịch. Sau những lời đầu hỏi han về ngôn ngữ và văn hóa, chị ta thích viết những email thân mật hơn, và sau vài email như vậy thì các chàng văn nhân Pháp sẽ nài nỉ được gặp chị ta. Khi họ tới Oslo để ra mắt sách. Và lại, chỉ riêng chị ta cũng đủ là lý do để họ sang Na Uy. Nhưng chị ta sẽ luôn từ chối, dù có vẻ như điều đó chẳng khiến kẻ theo đuổi nhụt chí, mà ngược lại thì hơn. Giờ đó được coi là hoạt động văn học của chị ta; sau khi giấc mộng xuất bản những cuốn sách do chính mình viết đã sụp đổ từ vài năm trước. Một người tư vấn xuất bản cuối cùng đã xả một tràng trên điện thoại, rít lên rằng anh ta không chịu nổi ‘cái kiểu nặng nề xì phát rồ’ của chị ta thêm một phút nào nữa; chẳng độc giả nào thèm trả tiền để chia sẻ những suy nghĩ của chị ta đâu, ngoại trừ một bác sĩ tâm lý, nhưng thế thì chị ta phải mất phí.

“Chị Astrid Monsen!”

Chị ta cảm thấy cổ họng mình thắt lại và thấy hoảng hốt trong giây lát. Chị ta không muốn gặp vấn đề về hô hấp ngay ngoài đường thế này. Thấy đèn đỏ, chị ta định sang đường. Lẽ ra chị ta đã có thể thoát, nhưng chị ta sẽ chẳng bao giờ sang đường khi đèn đỏ.

“Chào chị, tôi đang đến gặp chị đây,” Harry Hole đã đuổi kịp chị ta. Anh vẫn có cái vẻ mặt bị săn đuổi và cặp mắt vằn đỏ ấy. “Tôi xin nói trước là tôi đã đọc báo cáo của thanh tra Waaler về cuộc nói chuyện của anh ta với chị. Tôi hiểu là chị đã nói dối tôi vì quá sợ hãi.”

Chị ta có thể cảm thấy mình sẽ sớm bị thở gấp.

“Quả là cực kỳ thiếu chuyên nghiệp khi tôi đã không nói ngay với chị về vai trò của tôi trong toàn bộ câu chuyện đó,” anh chàng cảnh sát nói.

Chị ta nhìn anh, sừng sốt. Nghe giọng anh có vẻ hối lỗi thật.

“Còn tôi đã đọc thấy báo viết rằng kẻ phạm tội đã bị tóm,” chị ta nghe

thấy mình nói vậy.

Họ đứng đó, nhìn nhau trân trân.

“Ý tôi là đã chết,” chị ta nói thêm, giọng khê khàng.

“Ừm,” anh nói, mỉm cười ngập ngừng. “Có lẽ chị sẽ không thấy phiền nếu trả lời giúp tôi vài câu hỏi chứ?”

Đó là lần đầu tiên chị ta không ngồi một mình ở cái bàn trong quán bánh Hansen. Cô gái đứng sau quầy tươi cười với chị ta kiểu ‘biết rồi nhá’ giữa những cô bạn gái, như thể người đàn ông cao lớn đi với chị ta là một người thấp túng vậy. Vì trông anh đúng như vừa bước từ giường ra, có lẽ cô gái đó thậm chí còn nghĩ rằng... không, lúc này chị ta không muốn ấp ủ cái ý tưởng đó.

Họ ngồi xuống và anh đưa cho chị ta một xấp giấy in một vài email mà anh muốn chị ta đọc. Liệu chị ta, với tư cách là một nhà văn, có thể giải mã xem chúng được viết bởi đàn ông hay là phụ nữ không? Chị ta xem. Với con mắt của một nhà văn, như anh bảo. Liệu chị ta có nên nói với anh sự thật? Chị ta nâng tách trà lên để anh không thể thấy mình đang mỉm cười trước ý nghĩ đó. Đương nhiên là không rồi. Chị ta sẽ nói dối.

“Khó nói lắm,” chị ta nói. “Đây có phải là truyện hư cấu không?”

“Vừa có lại vừa không,” Harry nói. “Chúng tôi nghĩ rằng kẻ giết Anna Bethsen đã viết.”

“Vậy thì phải là đàn ông.”

Harry nhìn chăm chăm xuống mặt bàn, và chị ta liếc trộm anh một cái. Anh không đẹp trai, nhưng có gì đó cuốn hút. Nói nghe có vẻ khó tin, nhưng chị ta nhận thấy điều đó ngay từ lúc nhìn thấy anh nằm trên đầu cầu thang ngoài cửa nhà mình. Có khi vì chị ta đã uống nhiều hơn mọi khi một ly Cointreau, nhưng lúc đó đúng là chị ta nghĩ trong anh thật thanh thản, gần như là đẹp trai, khi anh nằm đó như một chàng hoàng tử đang say ngủ mê người nào đã đặt trước cửa nhà chị ta. Những món đồ trong túi quần túi áo

anh đã vắng ra khắp cầu thang, và chị ta đã nhặt từng thứ một. Chị ta thậm chí còn xem trộm ví của anh để tìm tên và địa chỉ.

Harry ngược mắt lên khiến chị ta vội nhìn lảng đi chỗ khác. Liệu có thể nào chị ta đã thích anh không? Đương nhiên rồi. Vấn đề là ở chỗ anh sẽ không thích chị ta. Cái tính thích nặng xị. Những nỗi sợ vô căn cứ. Những tiếng nức nở. Anh sẽ không thích những thứ ấy. Anh muốn những người đàn bà như Anna Bethsen. Như Ramona.

“Chị chắc là không nhận ra cô ta chứ?” anh hỏi chậm rãi.

Chị ta nhìn anh với vẻ kinh hoàng. Chỉ tới lúc đó chị ta mới nhận ra là anh đang giơ một tấm ảnh lên. Anh đã từng cho chị ta xem tấm ảnh này. Một người đàn bà và hai đứa trẻ con trên bãi biển.

“Ví dụ như, vào cái đêm xảy ra án mạng chẳng hạn.”

“Tôi chưa từng thấy cô ta bao giờ,” Astrid Monsen nói quả quyết.

Tuyết lại bắt đầu rơi. Những bông tuyết to, ướt át, chưa rơi xuống khoảng đất nâu giữa Sở Cảnh sát và nhà tù Botsen thì đã xám xịt và bắn thiu. Weber để lại lời nhắn trong văn phòng của anh. Nó khẳng định những nghi ngờ của Harry là đúng, chính những nỗi nghi ngờ đã khiến anh nhìn mấy cái email đó theo cách mới. Tuy nhiên, lời nhắn ngắn gọn của Weber vẫn khiến anh thấy sốt. Một cơn sốc đã được lường trước.

Harry đã gọi điện suốt khoảng thời gian còn lại của ngày hôm đó, thỉnh thoảng chạy qua chạy lại cái máy fax. Trong giờ nghỉ, anh ngồi nghiền ngẫm, xếp viên gạch này lên viên gạch khác và cố gắng không nghĩ về điều mà anh đang tìm kiếm. Nhưng nó đã quá rõ ràng. Cái tàu lượn siêu tốc này có thể lao lên, đổ xuống, rồi lượn vòng vèo bao nhiêu tùy thích, nhưng nó cũng giống như những cái tàu lượn siêu tốc khác - nó sẽ dừng lại tại chính điểm khởi hành.

Khi Harry ngừng nghĩ ngợi và gần như toàn bộ bức tranh đã hiện rõ, anh ngã lưng ra ghế. Anh không hề có chút cảm giác chiến thắng nào, mà chỉ thấy trống rỗng.

Rakel không hỏi gì khi anh gọi điện báo cô dừng chờ anh. Sau đó, anh đi lên cầu thang tới tầng tin rồi lên sân thượng trên nóc nhà, nơi có vài người đang đứng run rẩy hút thuốc. Những ngọn đèn của thành phố đang nhấp nháy bên dưới họ trong ánh sáng ảm đạm đầu buổi chiều. Harry châm một điếu thuốc, vuốt một bàn tay dọc theo bức tường rồi nắm một nắm tuyết. Vo lại. Nén thật chặt, rồi ép nó giữa lòng bàn tay, siết đến khi chỗ băng tan chảy qua kẽ ngón tay anh. Rồi anh ném nó xuống thành phố. Anh nhìn theo quả bóng tuyết lấp lánh trong lúc nó rơi xuống, mỗi lúc một nhanh, đến khi nó biến mất vào khoảng không xám và trắng.

“Trong lớp tôi có một đứa tên là Lugwig Alexander,” Harry nói to.

Những người đứng hút thuốc giẫm chân xuống đất rồi nhìn anh chàng thanh tra.

“Nó có khiếu ngôn ngữ và được đặt biệt danh là Kebab. Vì, có lần trong giờ tiếng Anh, nó ngớ ngẩn tới độ bảo giáo viên là nó thích từ ‘barbecue’ viết là ‘BBQ’ vì viết ngược lại sẽ là kebab. Khi tuyết rơi, cứ đến giờ nghỉ giải lao là các lớp lại bốc tuyết vo lại ném nhau. Kebab không muốn tham gia, nhưng bọn tôi ép nó. Đó là trò duy nhất bọn tôi cho nó tham gia. Làm bia đỡ đạn. Nó ném tẹt đến mức cổ lăm chỉ được vài cú lớp yếu ớt. Lớp kia có thằng Gàm, một thằng béo ị chơi bóng ném cho đội tuyển của Oppsal. Nó thường đánh bật những quả cầu tuyết của Kebab đi và lấy làm khoái chí, ném lại thằng bạn túi bụi đến thâm tím cả người bằng những cú ném dưới tầm vai. Một hôm, Kebab nhồi một hòn đá to bên trong một quả cầu tuyết và ném cao hết sức có thể. Gàm mỉm cười nhảy lên và giơ đầu ra đỡ. Âm thanh đó nghe như tiếng đá va vào đá trong một vũng nước nông, vừa cứng lại vừa mềm. Đó là lần duy nhất tôi thấy một cái xe cấp cứu trong sân trong.”

Harry rít một hơi thuốc thật sâu.

“Trong phòng giáo viên, người ta tranh luận suốt mấy ngày về việc liệu có nên phạt Kebab hay không. Suy cho cùng, nó có ném quả cầu tuyết đó vào ai đâu, vì vậy câu hỏi đặt ra là: liệu người ta có đáng bị trừng phạt vì đã không nghĩ cho một thằng ngu cư xử như một thằng ngu?”

Harry dụi tắt điếu thuốc rồi đi vào trong.

Đã hơn bốn rưỡi. Gió lạnh đã thổi mạnh hơn trong khoảng không trống trải kéo dài từ sông Akerselva tới ga tàu điện ngầm ở quảng trường Gronlands. Đám học trò và những người về hưu đã vãn, nhường chỗ cho những người phụ nữ và đàn ông mặt kín bưng và cà vạt thắt chặt đang vội vã về nhà sau giờ làm. Harry va vào một người trong lúc chạy xuống cầu thang để vào ga tàu điện ngầm khiến tiếng chửi thề vang vọng giữa các bức tường và đuổi theo anh. Anh dừng lại trước cái cửa sổ giữa hai nhà vệ sinh. Vẫn là cái bà lớn tuổi đã ngồi ở đó lần trước.

“Tôi phải nói chuyện với Simon ngay lập tức.”

Đôi mắt nâu thản nhiên của bà ta nhìn anh chăm chăm.

“Anh ta không còn ở Toyen nữa,” Harry nói.

“Mọi người đi hết rồi.” Người phụ nữ nhún vai, lúng túng.

“Bảo là Harry cần gặp.”

Bà ta lắc đầu và xua anh đi.

Harry cúi xuống ghé sát vào tấm kính ngăn cách giữa họ. “Bảo là spiuni gjerma muốn gặp.”

Simon lái xe vào phố Ennebakkveien thay vì đi qua đường hầm Ekeberg dài ngoằng.

“Anh biết không, tôi chẳng thích đi đường hầm chút nào,” anh ta giải thích lúc họ bò lên con đường ven núi với tốc độ chậm hơn rùa đúng vào giờ tan tầm của buổi chiều.

“Vậy là hai anh em đã cùng nhau bỏ trốn tới Na Uy và lớn lên trong cái

nhà lưu động đó để rồi tan vỡ vì cùng yêu một cô gái?” Harry hỏi.

“Maria sinh ra trong một gia đình đáng kính thuộc tộc Lovari. Họ sống ở Thụy Điển và cha cô ta là vua của các tộc người Di gan ở đó. Cô ta đã lấy Stefan và chuyển tới Oslo sống khi mới mười ba tuổi còn anh ta mười tám. Stefan yêu vợ đến mức sẵn sàng chết vì cô ta. Anh biết đấy, lúc đó Raskol đang trốn bên Nga. Không phải trốn cảnh sát, mà là trốn một nhóm người Anbani gốc Kosovo ở Đức nghĩ rằng anh ta đã lừa họ trong một vụ làm ăn nào đó.”

“Làm ăn ư?”

“Họ tìm thấy một cái xe móc trống không vứt bên lề một xa lộ ở gần Hamburg.” Simon mỉm cười.

“Nhưng Raskol đã trở về?”

“Một ngày nắng đẹp tháng Năm, anh ta trở về Toyen. Đó là lần đầu tiên Raskol và Maria trông thấy nhau.” Simon bật cười. “Lạy Chúa, cái cách họ nhìn nhau. Tôi phải ngó lên trời xem có phải sấm sét sắp nổ ra không, vì không khí lúc đó căng như dây đàn.”

“Vậy là họ đã phải lòng nhau?”

“Ngay tức khắc. Trước mặt bao nhiêu người. Đám phụ nữ còn cảm thấy ngượng.”

“Nhưng nếu như chuyện đó rõ ràng đến vậy thì họ hàng phải phản ứng chứ, phải không?”

“Họ không nghĩ chuyện đó nguy hiểm đến thế. Đừng quên là chúng tôi kết hôn sớm hơn các anh. Chúng tôi không thể ngăn cản đám trẻ được. Họ si mê nhau. Mười ba, anh có thể tưởng tượng được đấy...”

“Tôi có thể.” Harry xoa gáy.

“Nhưng anh cũng thấy đấy, trường hợp này khá nghiêm trọng. Cô ta đã lấy Stefan nhưng lại yêu Raskol ngay từ ngày đầu gặp mặt. Và dù sống cùng Stefan trong nhà lưu động của họ, nhưng cô ta vẫn thường xuyên giáp mặt

Raskol, vốn ở lì đó suốt. Rồi lửa gần rơm. Khi Anna chào đời, chỉ có Stefan và Raskol không biết Raskol chính là cha đẻ của con bé.”

“Tôi nghiệp cô ấy.”

“Và tội nghiệp cả Raskol nữa. Người duy nhất hạnh phúc là Stefan. Anh biết không, mặt anh ta vênh lên đến ba mét ấy. Anh ta bảo Anna xinh đẹp y như bố nó.” Simon cười buồn. “Lẽ ra mọi chuyện đã có thể tiếp diễn như vậy. Nếu như Stefan và Raskol không quyết định đi cướp ngân hàng.”

“Và vụ đó đổ bể?”

Dòng xe dịch chuyển về phía ngã tư Ryen.

“Có ba người thực hiện vụ cướp đó. Stefan là người lớn tuổi nhất, vì vậy anh ta là người đầu tiên đi vào và là người cuối cùng chạy ra. Trong lúc hai người kia ôm tiền chạy đi lấy xe tẩu thoát thì Stefan ở lại bên trong ngân hàng, giương súng lên để người ta không bấm chuông báo động. Nhưng họ là dân nghiệp dư, thậm chí không hề biết rằng ngân hàng đó có báo động cam. Khi hai người kia lái xe đến đón Stefan thì anh ta đã nằm bẹp trên chốc mui một chiếc xe cảnh sát. Một viên sĩ quan đã còng tay anh ta lại. Raskol lái xe. Anh ta mới mười bảy và thậm chí còn chưa có bằng lái. Anh ta hạ cửa kính xe xuống. Với ba nghìn krone vứt bằng ghế sau, anh ta đã lái rất chậm qua chỗ chiếc xe cảnh sát nơi anh trai đang giãy giụa trên mui xe. Rồi Raskol và viên sĩ quan đó nhìn vào mắt nhau. Chúa ơi, không khí lúc đó đặc quánh như lúc anh ta và Maria gặp nhau vậy. Cái nhìn của họ cứ như thể kéo dài mãi mãi. Tôi đã sợ là Raskol sẽ hét lên, nhưng anh ta không hề nói một lời nào mà cứ thế lái đi. Đó là lần đầu tiên họ trông thấy nhau.”

“Raskol và Jorgen Lønn phải không?”

Simon gật đầu. Họ rời khỏi cái bùng binh và ngoặt vào Ryen. Simon xi nhan rồi phanh xe lái bên một trạm xăng. Họ đi tới trước một tòa nhà mười hai tầng. Logo của ngân hàng Den norske nhấp nháy trên tấm bảng hiệu nê ông màu xanh nước biển bên trên lối vào gần đó.

“Stefan lĩnh án bốn năm vì đã bắn súng lên trời,” Simon nói. “Nhưng anh biết không, sau phiên tòa, một chuyện lạ lùng đã xảy ra. Raskol tới thăm Stefan nhà tù ở Botsen, và ngày hôm sau, một người lính gác bảo rằng anh ta nghĩ tù nhân mới đã thay đổi diện mạo. Cấp trên của anh ta bảo rằng chuyện đó là bình thường đối với những kẻ lần đầu vào tù. Ông này kể với cấp dưới rằng nhiều bà vợ không nhận ra chồng mình trong chuyến thăm đầu tiên nữa kia. Người lính kia cảm thấy yên tâm, nhưng vài ngày sau, có một người phụ nữ đã gọi đến nhà tù. Cô ta nói rằng họ đã giữ nhầm tù nhân. Em trai của Stefan Baxhet đã thế chỗ anh mình và họ phải thả người tù đó ra ngay.”

“Chuyện đó có thật ư?” Harry hỏi, lôi cái bật lửa ra và đưa lên đầu điều thuốc. “Phải, thật,” Simon đáp. “Trong các tộc người Di gan ở Nam Âu, khá bình thường khi em, hay là con trai, thụ án thay cho người bị kết án, nếu những người này phải gánh vác gia đình. Giống như Stefan. Anh biết đấy, với chúng tôi, đó là vấn đề danh dự.”

“Nhưng nhà cầm quyền sẽ sớm phát hiện ra là họ đã nhầm, phải không?”

“Ha!” Simon vung cả hai tay ra. “Với các anh, dân Di gan nào cũng như nhau mà thôi. Nếu anh ta vào tù vì việc gì đó không phải do anh ta làm thì chắc chắn cũng phạm tội gì khác.”

“Ai đã gọi tới?”

“Người ta chẳng bao giờ phát hiện ra, nhưng cũng chính trong đêm đó, Maria đã biến mất. Người ta chẳng bao giờ thấy cô ấy nữa. Cảnh sát giải Raskol về Toyen lúc nửa đêm và Stefan bị lôi ra khỏi nhà lưu động, quấy đập và chửi thề. Anna lúc đó mới hai tuổi và đang nằm trên giường, gào thét đòi mẹ mà lại chẳng có ai, không một người đàn ông hay phụ nữ nào, có thể dỗ được con bé nín. Cho tới khi Raskol bước vào và bế con bé lên.”

Họ nhìn chăm chăm vào cửa ngân hàng. Harry liếc nhìn đồng hồ. Chỉ còn vài phút nữa là đóng cửa. “Rồi chuyện gì xảy ra sau đó?”

“Khi thụ án xong, Stefan bỏ ra nước ngoài ngay lập tức. Thịnh thoảng tôi

vẫn nói chuyện với anh ta qua điện thoại. Anh ta đi khắp nơi.”

“Thế còn Anna?”

“Con bé lớn lên trong cái nhà lưu động đó, anh biết không. Raskol đã cho nó đi học. Nó kết bạn với dân gadjo. Nhiễm những thói quen gadjo. Nó không muốn sống như chúng tôi; nó muốn làm những việc giống như bạn bè của mình - tự quyết định chuyện của mình, tự kiếm tiền và có một chỗ ở riêng. Từ lúc con bé được thừa hưởng lại căn hộ của bà ngoại và chuyển tới Sorgenfrigata, chúng tôi không còn liên hệ gì với nó nữa. Nó... ừm, đã chọn bỏ đi. Người duy nhất mà nó có bất cứ liên hệ gì là Raskol.”

“Anh có nghĩ là cô ấy biết Raskol là cha đẻ của mình không?”

Simon nhún vai. “Theo tôi được biết thì không ai hé một lời nào. Nhưng tôi chắc là con bé biết.”

Họ ngồi im lặng.

“Đây là nơi chuyện xảy ra,” Simon nói.

“Ngay trước giờ đóng cửa,” Harry nói. “Như lúc này.”

“Hẳn là anh ta đã không bắn Lønn nếu không bị buộc phải làm vậy,” Simon nói. “Nhưng anh ta phải làm việc cần làm thôi. Anh biết đấy, anh ta là chiến binh mà.”

“Không có các cung nữ cười rúc rích.”

“Gì cơ?”

“Không có gì. Stefan đang ở đâu, Simon?”

“Tôi không biết.”

Harry đợi. Họ nhìn một nhân viên ngân hàng khóa cánh cửa từ bên trong.

Harry tiếp tục đợi.

“Lần gần đây nói chuyện với tôi, anh ta gọi từ một thành phố ở Thụy Điển,” Simon nói. “Gothenburg. Tôi chỉ có thể giúp anh đến thế.”

“Tôi không phải là người anh đang giúp.”

“Tôi biết,” Simon thở dài. “Tôi biết.”

Harry tìm thấy ngôi nhà màu vàng ở phố Vetlandsveien. Đền cả hai tầng đều bật. Anh đỗ lại, ra khỏi xe rồi đứng đó nhìn ga tàu điện ngầm. Đó là nơi cả lũ gặp nhau vào tối đầu thu để đi ăn trộm táo. Sigge, Tore, Kristian, Torkild, Øystein và Harry. Đó là một đội hình cố định. Họ đạp xe tới Nordstrand vì táo ở đó to hơn và dân nơi đó ít có khả năng quen bố mẹ họ. Sigge là đứa đầu tiên trèo qua rào còn Øystein đứng ngoài canh. Harry là đứa cao nhất nên có thể với tới những quả táo to nhất. Thế nhưng, một tối nọ, họ không thích đạp xe đi xa thế nữa bèn đi ăn trộm táo ngay trong khu nhà mình. Harry đứng bên này đường nhìn sang khu vườn đó. Cả lũ đã ních đầy túi thì anh bỗng phát hiện thấy một khuôn mặt đang nhìn chăm chăm xuống họ từ một ô cửa sổ sáng đèn ở tầng một. Không nói một lời. Đó là Kebab.

Harry mở cổng và đi thẳng tới cửa. Dòng chữ JORGEN VÀ KRISTIN LØNN được sơn trên tấm biển bằng sứ phía trên hai cái chuông. Harry bấm cái chuông trên cùng.

Beate không trả lời cho tới khi anh nhấn chuông lần thứ hai.

Cô hỏi anh có muốn uống trà không, nhưng anh lắc đầu, rồi cô đi vào bếp trong lúc anh hất giày ra ở sảnh.

“Tại sao tên cha cô vẫn ở trên tấm biển vậy?” anh hỏi khi cô cầm một cái tách đi vào phòng khách. “Để người lạ nghĩ rằng có một người đàn ông đang sống trong căn nhà này à?”

Cô nhún vai và ngồi xuống một chiếc ghế bành sâu lòng. “Chúng tôi chưa có thời gian để thay đổi nó. Tên cha tôi có lẽ đã đó lâu tới mức chúng tôi chẳng còn thấy nó nữa.”

“Ừm.” Harry áp hai lòng bàn tay vào nhau. “Nói chung đó là chuyện mà tôi đã muốn nói với cô.”

“Về tấm biển ngoài cửa ư?”

“Không. Chứng khiếm khuyết. Không gửi thấy mùi xác chết ấy.”

“Ý anh là sao?”

“Hôm qua tôi đang đứng ngoài sảnh nhìn vào cái email đầu tiên nhận được từ kẻ đã giết Anna. Nó cũng giống với tấm biển ngoài cửa nhà cô. Các giác quan của tôi nhận ra nó, nhưng não thì không. Đó chính là chứng khiếm khuyết. Bản in đã treo ở đó lâu đến mức tôi không còn nhìn thấy nó nữa, giống như tấm ảnh chụp hai anh em tôi. Khi tấm ảnh bị đánh cắp, tôi chỉ nhận thấy có gì khác, nhưng không biết đó là gì. Cô có biết tại sao không?”

Beate lắc đầu.

“Vì chẳng có chuyện gì xảy ra để khiến tôi nhìn mọi chuyện khác đi cả. Tôi chỉ nhìn thấy cái mà tôi cho là ở đó. Nhưng hôm qua, đã có một chuyện xảy ra. Ali bảo rằng anh ta từng nhìn thấy một người phụ nữ đứng quay lưng lại với anh ta bên cánh cửa tầng hầm. Đột nhiên, tôi nghĩ rằng trong suốt thời gian qua tôi đã mặc nhiên cho rằng kẻ giết Anna là đàn ông mà không hề nhận ra. Một khi hình dung nhầm về cái mà cô nghĩ là mình đang tìm kiếm thì cô sẽ không còn nhìn thấy những thứ khác mà cô tìm ra. Chuyện đó đã khiến tôi nhìn cái email bằng một cặp mắt khác.”

Lông mày Beate nhíu lại. “Ý anh là không phải Alf Gunnerud đã giết Anna Bethsen sao?”

“Cô biết trò đảo chữ chứ?” Harry hỏi. “Một trò chơi chữ. Kẻ giết Anna đã để lại một patrin cho tôi. Một dấu hiệu. Tôi đã nhìn thấy nó trong gương. Email đó ký tên một người phụ nữ, nếu đảo ngược lại. Vì vậy tôi đã gửi nó cho Aune. Ông ấy đã liên hệ với một chuyên gia về tâm lý học nhận thức và ngôn ngữ. Chỉ đọc qua một câu trong lá thư đe dọa nặc danh là ông ta có thể xác định được giới tính, lứa tuổi và xuất thân của người viết. Trường hợp này thì ông ta nói những email đó có thể được viết bởi cả nam lẫn nữ, tuổi từ hai mươi đến bảy mươi và ở bất kỳ đâu trên đất nước này. Nói cách khác là chẳng giúp được gì. Ngoại trừ việc ông ta nghĩ có lẽ đó là phụ nữ. Vì một

cụm từ duy nhất. Email viết ‘mấy tháng cảnh sát chúng mày’ thay vì ‘cảnh sát chúng mày’ hoặc một danh từ tập hợp không cụ thể nào đó. Ông ta bảo rằng người viết có lẽ đã vô tình dùng từ đó vì nó phân biệt giới tính của người gửi và người nhận.”

Harry ngả người ra ghế.

Beate đặt cái tách xuống. “Khó có thể nói là tôi đã bị thuyết phục, Harry ạ. Người phụ nữ không rõ danh tính trên cầu thang, một mật mã mà đảo ngược các chữ lại thì thành tên của một người đàn bà, và một nhà tâm lý học nghĩ rằng Alf Gunnerud đã chọn lối viết của phụ nữ để diễn đạt ý mình.”

“Ừm,” Harry gật đầu. “Đồng ý. Trước hết, tôi muốn nói với cô cái gì đã khiến tôi lần theo hướng đó. Nhưng trước khi tôi nói với cô kẻ đã giết Anna, tôi muốn nhờ cô giúp tìm một người mất tích.”

“Đương nhiên là được. Nhưng sao lại hỏi tôi. Tên người mất tích đâu phải...”

“Có chứ.” Harry mỉm cười buồn bã. “Tên người mất tích đúng là sở trường của cô.”

PHẦN XVI

RAMONA

Harry tìm thấy Vigdis Albu dưới bãi biển. Cô ta đang ngồi trên chính tảng đá nhẵn nhụi anh từng ngồi ôm gối ngủ gật trong lúc nhìn ra vịnh. Trong làn sương buổi sớm, mặt trời trông như một dấu vết nhợt nhạt của chính nó vậy. Con Gregor chạy thẳng tới chỗ Harry, đuôi ngoáy tí. Thủy triều đã rút và biển tỏa ra mùi tảo và dầu. Harry ngồi xuống một tảng đá nhỏ sau lưng cô ta và rút một điều thuốc ra.

“Có phải anh đã tìm ra anh ta không?” cô ta hỏi, không quay đầu lại. Harry tự hỏi cô ta đã đợi anh bao lâu.

“Nhiều người đã tìm ra Arne Albu,” anh ta đáp. “Tôi là một trong số đó.”

Cô ta gạt nhẹ một lọn tóc đang bay trước mặt theo chiều gió. “Tôi cũng vậy. Nhưng đó là cách đây lâu lắm rồi. Có lẽ anh không tin, nhưng tôi đã từng yêu anh ta.”

Harry bấm cái bật lửa lên. “Tại sao tôi lại không nên tin cô?”

“Anh tin gì thì tùy. Không phải ai cũng biết yêu. Có lẽ chúng ta - và họ nữa - tin có tình yêu, nhưng thực tế là vậy. Họ học cách bước đi, các câu thoại, cách đi đứng, thế thôi. Một số người giỏi đến mức họ có thể lừa được chúng ta khá lâu. Điều khiến tôi ngạc nhiên không phải là họ đã thành công, mà là vì họ có thể tốn công làm vậy. Tại sao bỏ chừng ấy công sức ra chỉ để được đáp lại một tình cảm mà mình còn chẳng hiểu? Anh có hiểu không, anh cảnh sát?”

Harry không nói gì.

“Có lẽ chỉ là họ sợ,” cô ta nói, quay về phía anh. “Sợ nhìn thấy mình trong gương và phát hiện ra mình què quặt.”

“Cô đang nói về ai vậy, bà Albu?”

Cô ta lại quay ra biển. “Ai biết? Anna Bethsen? Hay Arne? Hoặc tôi? Hay con người mà tôi đã trở thành.”

Con Gregor liếm tay Harry.

“Tôi biết Anna Bethsen bị giết thế nào,” Harry nói. Anh nhìn chăm chăm vào lưng cô ta, nhưng không thấy rõ phản ứng nào. Điều thuốc bắt lửa sau lần cố gắng thứ hai. “Chiều hôm qua tôi đã có kết quả của Phòng Giám định Pháp y phân tích bốn cái ly trong bồn rửa nhà Anna Bethsen. Dấu vân tay trên đó là của tôi. Hình như tôi đã uống Coca. Tôi không bao giờ nghĩ đến chuyện uống Coca với rượu vang. Có một cái ly không được dùng tới. Nhưng điều thú vị là người ta tìm thấy dấu vết của *morphin hydroclorid* trong cặn Coca còn sót lại. Nói đơn giản là morphin. Cô biết tác dụng của liều lớn, phải không, bà Albu?”

Cô ta nhìn kỹ mặt anh với vẻ thăm dò. Rồi chậm rãi lắc đầu.

“Không ư?” Harry hỏi. “Bất tỉnh và quên hết những chuyện từ lúc cô nuốt nó vào bụng, sau đó là cảm giác buồn nôn và váng đầu khi tỉnh dậy. Dễ bị nhầm với hậu quả do say rượu. Thuốc đó khá hiệu quả cho âm mưu cưỡng hiếp khi hẹn hò, rất giống Rohypnol. Và chúng ta đã bị cưỡng hiếp. Tất cả chúng ta. Phải không, bà Albu?”

Một con mòng biển cười ré phía trên đầu họ.

“Lại là anh à,” Astrid Monsen nói và bật ra một tiếng cười ngắn, căng thẳng, rồi để anh vào. Họ ngồi trong bếp. Chị ta lật đặt đi lại pha trà và lấy miếng bánh mua ở tiệm Hansen ‘phòng khi có người ghé chơi’ bày ra bàn. Harry

lúng búng nói mấy câu vô thường vô phạt về đợt tuyết hôm qua và chuyện cái thế giới mà ai nấy đều tưởng sắp sập đến nơi, cùng với cái tòa tháp đôi trên ti vi nhìn chung chưa hề suy suyển. Mãi tới lúc chị ta rót trà và ngồi xuống anh mới hỏi chị ta nghĩ gì về Anna.

Chị ta há hốc miệng.

“Chị ghét cô ấy, phải không?”

Trong sự im lặng theo sau, một tiếng bíp điện tử vang bên trong căn phòng bên kia.

“Không. Tôi không ghét cô ta.” Astrid ấp chặt lấy một tách trà xanh to tướng. “Chỉ là cô ta... khác người.”

“Khác theo kiểu gì?”

“Cách sống của cô ta. Kiểu con người cô ta. Cô ta thật may mắn khi là một người... kiểu như vậy.”

“Và chị không thích thế?”

“Tôi... không biết nữa. Không, có lẽ là tôi không thích.”

“Tại sao không?”

Astrid Monsen nhìn anh. Rất lâu. Nụ cười cứ chọt hiện chọt tắt trong đôi mắt chị ta như thể một con bướm đậu rồi lại bay.

“Không như anh nghĩ đâu,” chị ta nói. “Tôi ghen với Anna. Tôi ngưỡng mộ cô ta. Có những ngày tôi còn ước giá như mình là cô ta. Cô ta trái ngược hoàn toàn với tôi. Tôi phải ngồi lì đây trong khi cô ta...”

Chị ta nhìn ra cửa sổ. “Gần như cô ta chẳng hề mặc gì mà bước vào cuộc đời, Anna là như vậy. Đàn ông đến rồi đi, cô ta biết mình không giữ được họ, nhưng cô ta vẫn yêu họ. Cô ta không biết vẽ, nhưng cô ta lại trưng bày tranh của mình để cả thế giới tự nhìn ngắm. Cô ta nói chuyện với mọi người như thể cô ta thấy có đủ lý do để tin rằng họ thích cô ta. Với tôi cũng vậy. Có những ngày tôi cảm thấy Anna đã đánh cắp con người thật của tôi, rằng hai chúng tôi không thể chung dưới một mái nhà, và tôi sẽ phải đợi đến lượt

mình.” Chị ta lại bật ra tiếng cười căng thẳng khi nãy. “Nhưng rồi cô ta chết. Và tôi phát hiện ra rằng chuyện sẽ không diễn ra như vậy. Tôi không thể là cô ta. Giờ thì chẳng ai có thể. Vậy chẳng buồn hay sao?” Chị ta lại hướng cái nhìn của mình vào Harry. “Không, tôi không ghét cô ta. Tôi yêu cô ta.”

Harry cảm thấy cổ nổi gai ốc. “Chị có thể kể cho tôi chuyện gì đã xảy ra vào cái tối chị thấy tôi ngoài hành lang không?”

Nụ cười lúc hiện lúc tắt như một bóng đèn huỳnh quang sắp hỏng. Như thể một người hạnh phúc thỉnh thoảng ló ra rồi lại thụt vào trong mắt chị ta. Harry linh cảm cái đập sắp vỡ.

“Anh xấu trai,” chị ta thì thào. “Nhưng xấu theo một cách rất hấp dẫn.”

Harry nhướn một bên lông mày. “Ừm. Khi đỡ tôi dậy, chị có ngửi thấy mùi rượu không?”

Trông chị ta có vẻ ngạc nhiên. Như thể lúc trước chị ta không hề nghĩ tới chuyện đó. “Không. Không hẳn. Anh... chẳng có mùi gì cả.”

“Không có mùi gì ư?”

Mặt chị ta đỏ lựng. “Không... có mùi gì đặc biệt.”

“Tôi có đánh rơi thứ gì ngoài cầu thang không?”

“Ví dụ như là gì?”

“Điện thoại di động. Chìa khóa?”

“Chìa khóa gì?”

“Chị cứ trả lời tôi đi đã.”

Chị ta lắc đầu. “Không có điện thoại di động. Và tôi đã nhét chìa khóa vào trong túi áo của anh. Tại sao anh lại hỏi tất cả những chuyện đó?”

“Vì tôi đã biết kẻ đã giết Anna. Tôi chỉ muốn kiểm tra kỹ các chi tiết trước thôi.”

PATRIN

Ngày hôm sau, tàn dư của đợt tuyết rơi suốt hai ngày đã biến mất. Trong buổi họp sáng của Đơn vị Chống Cướp Ivarsson nói rằng nếu muốn tiến triển thêm chút nào trong vụ Kẻ Hành quyết thì hy vọng lớn nhất của họ là hấn tiến hành một vụ cướp nữa, nhưng ông ta nói thêm không may là dự đoán của Beate rằng Kẻ Hành quyết sớm muộn gì cũng sẽ tấn công lại không chính xác. Beate không mấy để tâm tới lời phê bình gián tiếp này khiến ai nấy đều ngạc nhiên. Cô nhún vai và tự tin nhắc lại rằng việc Kẻ Hành quyết tiếp tục ra tay chỉ là vấn đề thời gian.

Tối hôm đó, một chiếc xe cảnh sát chạy vào bãi đỗ xe trước Bảo tàng Munch và dừng lại. Bốn người đàn ông bước xuống, hai cảnh sát mặc đồng phục cộng thêm hai người mặc thường phục nhìn xa trông như thể đang nắm tay nhau bước đi vậy.

“Xin lỗi vì những biện pháp an ninh,” Harry nói, hất hàm về phía cái còng tay. “Đó là cách duy nhất tôi có thể xin phép làm chuyện này.”

Raskol so vai. “Tôi nghe anh thấy khó chịu hơn tôi khi chúng ta bị còng tay vào nhau, Harry.”

Cả nhóm đi qua bãi đỗ xe tiến về phía chốt ném bóng và mấy căn nhà lưu động. Harry ra hiệu cho hai cảnh sát mặc đồng phục đứng đợi bên ngoài, còn anh và Raskol bước vào trong cái nhà lưu động nhỏ.

Simon đang đứng đợi bên ngoài. Anh ta lôi ra một chai Calvados và ba cái ly. Harry lắc đầu, mở khóa còng tay và lê đến chỗ cái ghế xô pha.

“Về nhà vui chứ?” Harry hỏi.

Raskol không đáp, và Harry chờ đợi trong lúc cặp mắt đen của Roskol nhìn khắp nhà. Harry thấy đôi mắt dừng lại ở tấm ảnh chụp hai anh em phía trên đầu giường. Anh nghĩ mình nhìn thấy khoe cái miệng dụ dỗ ấy hơi nhếch lên chút xíu.

“Tôi đã hứa tới mười hai giờ chúng ta sẽ về tới Botsen, vì vậy chúng ta sẽ nói những chuyện quan trọng nhất,” Harry nói. “Alf Gunnerud không giết Anna Bethsen.”

Simon nhìn qua phòng tới Raskol lúc này đang nhìn Harry chăm chăm. “Arne Albu cũng không.”

Trong sự im lặng, tiếng xe cộ rầm rập trên phố Finnmarkgata dường như to thêm. Đêm đêm, khi nằm trong xà lim Raskol có thấy nhớ tiếng ồn ào của đường phố không? Hẳn có nhớ giọng nói từ chiếc giường khác, mùi và tiếng thở đều đặn của anh trai mình? Harry quay sang Simon. “Anh không phiền để chúng tôi ở riêng với nhau chứ?”

Simon quay sang Raskol và nhận được một cái gật đầu ngắn gọn. Anh ta bèn đi ra và đóng cửa lại. Harry khoanh tay trước ngực và ngược nhìn lên. Cặp mắt của Raskol sáng quắc, như thể vừa lên cơn sốt.

“Ông đã biết lâu rồi, phải không?” Harry hỏi nhỏ.

Raskol áp hai lòng bàn tay vào nhau, nhìn bề ngoài thì tưởng là dấu hiệu của sự điềm tĩnh trong lòng, nhưng những đầu ngón tay trắng bệch lại nói lên điều khác.

“Có lẽ Anna đã đọc Tôn Tử,” Harry nói. “Và biết nguyên tắc hàng đầu của chiến tranh là lừa dối. Tuy vậy, cô ấy vẫn cho tôi lời giải. Chỉ tại tôi không giải được mật mã đó. TBK. Cô ấy thậm chí còn cho tôi một manh mối; cô ấy bảo vòng mạc sẽ đảo ngược mọi thứ, vì vậy tôi sẽ phải nhìn vào gương mới thấy chúng thật sự là gì.”

Raskol đã nhắm mắt lại. Hình như hẳn đang cầu nguyện. “Mẹ con bé rất xinh đẹp và điên rồ,” hẳn thì thào. “Anna đã thừa hưởng cả hai phẩm chất đó.”

“Tôi biết ông đã giải được mật mã đó từ lâu,” Harry nói. “Chữ ký của cô ấy là TBK. Đọc từ trái sang thì nó là TBK, nhưng trong gương thì nó trở thành KBT, nếu như có thêm các nguyên âm thì sẽ là Kẻ Báo Thù. Nữ thần

báo thù. Cô ấy đã bảo tôi vậy. Đó là kiệt tác của cô ấy. Thứ mà cô ấy muốn khiến cho người đời nhớ tới cô ấy.”

Harry nói mà giọng không có chút gì là đắc thắng. Nó chỉ là lời trần thuật sự việc. Căn nhà lưu động chật chội dường như thu lại xung quanh họ.

“Kể cho tôi nghe nốt phần còn lại,” Raskol thở ra.

“Tôi cho là ông có thể tự suy ra được.”

“Kể đi!” hần rít lên.

Harry nhìn ô cửa sổ nhỏ hình tròn phía trên chiếc bàn, lúc này đã bám đầy hơi nước. Như ô cửa sổ trên tàu. Một cái tàu vũ trụ. Anh tưởng tượng rằng nếu anh lau lớp hơi nước đi thì họ sẽ phát hiện ra rằng mình đang ngoài vũ trụ, hai phi hành gia cô đơn trong một căn nhà lưu động lơ lửng trên Tinh vân Đầu ngựa. Chuyện đó cũng chẳng kỳ lạ gì hơn so với chuyện mà anh sắp kể.

PHẦN XVII

BINH PHÁP

Raskol đứng thẳng dậy và Harry bắt đầu kể:

“Hè rồi, Ali Niazi, hàng xóm của tôi, đã nhận được một lá thư của ai đó tỏ ý muốn trả một món nợ từ hồi ông ta sống trong tòa nhà nhiều năm trước. Ali không tìm thấy tên ông ta trong danh sách người từng ở đó, vì vậy anh ta đã viết thư lại bảo ông ta cứ quên đi. Tên người đàn ông đó là Eriksen. Tôi đã gọi cho Ali hôm qua và nhờ anh ta tìm lại lá thư mà anh ta đã nhận được. Hóa ra địa chỉ là số 17 Sorgenfrigata. Astrid Monsen đã kể với tôi rằng hồi mùa hè hòm thư của Anna đã dán một cái tên khác lên đó trong vòng mấy ngày. Tên là Eriksen. Lá thư đó nhằm mục đích gì? Tôi bèn gọi cho cửa hàng khóa hỏi. Đúng là họ đã nhận được một đơn đặt khóa cho căn hộ của tôi. Tôi nhờ họ fax cái đơn cho tôi. Điều đầu tiên tôi nhận ra là đơn đặt hàng được viết một tuần trước khi Anna chết. Đơn đó được ký bởi Ali, chủ tịch và là người giữ chìa khóa trong ban quản lý nhà chung cư nơi tôi ở. Chữ ký giả mạo trên tờ đơn đặt hàng cũng chỉ xoàng thôi. Do một họa sĩ xoàng bắt chước chữ ký trong lá thư mà cô ta từng nhận được chẳng hạn. Nhưng thế cũng đủ để một cửa hàng khóa lập tức đặt thêm một chiếc chìa khóa cho căn hộ của Harry Hole từ hãng Trioving. Và Harry Hole phải đích thân xuất hiện, chìa thẻ căn cước rồi ký nhận cho cái chìa khóa đó mà cứ đinh ninh trong mình đang ký nhận một chiếc chìa phụ cho Anna. Nghe buồn cười lắm, phải không?”

Raskol có vẻ như không hề khó khăn gì trong việc kiềm chế bản thân.

“Giữa cuộc gặp của chúng tôi và bữa tối, cô ấy đã sắp đặt toàn bộ chuyện này. Đăng ký một tài khoản email thông qua một máy chủ Ai Cập rồi viết mấy cái email trên máy tính xách tay, cài đặt trước ngày giờ gửi thư. Trong ngày hôm đó, cô ấy đã mở cửa tầng hầm của tòa nhà và tìm ra kho chứa đồ của tôi. Cô ấy cũng dùng chính chiếc chìa khóa đó để mở cửa căn hộ của tôi và tìm ra một món đồ cá nhân dễ dàng nhận biết mà cô ấy có thể đặt vào trong căn hộ của Alf Gunnerud. Cô ấy chọn tấm ảnh chụp hai anh em tôi. Mục tiếp theo trong kế hoạch là viếng thăm người tình cũ đồng thời cũng là gã bán lẻ ma túy cho cô ấy Alf Gunnerud hẳn sẽ hơi ngạc nhiên khi gặp lại cô ấy. Cô ấy muốn gì? Mua hay mượn một khẩu súng, có lẽ vậy chăng? Vì cô ấy biết hẳn có một khẩu súng mà Oslo hiện nay đang tràn ngập, với số xê ri của nhà sản xuất đã bị giũa. Hẳn tìm cho cô ấy một khẩu súng, một khẩu Beretta M92F, trong lúc cô ấy đi vào nhà vệ sinh. Hẳn thấy cô ấy trong đó khá lâu. Và cuối cùng, khi cô ấy đi ra thì đột nhiên cô ấy lại vội vã về luôn. Ít ra thì chúng ta cũng có thể tưởng tượng chuyện đã diễn ra như vậy.”

Quai hàm Raskol siết chặt đến nỗi Harry có thể thấy môi hẳn thu hẹp lại. Harry ngả ra sau.

“Việc tiếp theo là đột nhập vào căn nhà gỗ của Albu và đặt chiếc chìa khóa của căn hộ cô ấy vào đó. Trò trẻ con; cô ấy biết rõ chìa khóa của ngôi nhà đó để trong cái đèn ngoài hiên. Trong lúc ở đó cô ấy lấy tấm ảnh chụp Vigdis và lũ trẻ ra khỏi album ảnh đem theo. Và mọi thứ thế là sẵn sàng. Cô ấy chỉ còn phải đợi. Đợi Harry tới ăn tối. Thực đơn là món xúp tôm yam với ớt Nhật, Coca và morphine hydroclorid. Cái thành phần sau cùng này đặc biệt hay gặp trong các vụ đánh thuốc để cưỡng hiếp khi hẹn hò, vì nó dạng lỏng và hầu như không có vị gì, việc định lượng thuốc thì khá đơn giản nhưng hậu quả thì không dự đoán được. Nạn nhân sẽ tỉnh dậy với một cái lỗ hổng to đùng trong trí nhớ mà họ nghĩ là do rượu gây ra vì có tất cả những triệu chứng của say rượu. Và từ nhiều góc độ, có thể nói là tôi đã bị hiếp. Tôi mù mịt đến mức

cô ấy lấy điện thoại di động ra khỏi túi áo khoác của tôi để như không rồi đẩy tôi ra khỏi cửa. Sau khi tôi đi rồi, cô ấy cũng đi tới phòng kho của tôi ở tầng hầm tòa nhà. Tại đó, cô ấy kết nối điện thoại di động của tôi với cái máy tính xách tay. Khi về đến nhà, cô ấy rón rén đi lên gác. Astrid Monsen đã nghe thấy tiếng chân cô ấy, nhưng lại nghĩ là bà Gundersen ở tầng ba. Rồi cô ấy chuẩn bị tinh thần cho màn cuối trước khi để cho những việc còn lại tự xảy ra. Đương nhiên là cô ấy biết tôi sẽ điều tra vụ án, dù chính thức hay không, vì thế cô ấy đã để cho tôi hai patrin. Cô ấy cầm súng bằng tay phải, biết rằng tôi biết cô ấy thuận tay trái. Rồi cô ấy đặt tấm ảnh vào trong giày.”

Môi Raskol nhấp nhỉnh, nhưng không một âm thanh nào lọt qua.

Harry đưa tay lên vuốt mặt. “Nét vẽ cuối cùng của kiệt tác đó là bóp cò súng.”

“Nhưng tại sao?” Raskol thì thào.

Harry nhún vai. “Anna là một người cực đoan. Cô ấy muốn trả thù những người cô ấy cho là đã lấy đi lẽ sống của mình. Đó chính là tình yêu. Những kẻ có tội là Albu, Gunnerud và tôi. Và cả gia đình ông nữa. Nói tóm lại là thù hận đã chiến thắng.”

“Vớ vẩn,” Raskol nói.

Harry quay lại và nhắc tấm ảnh chụp Raskol và Stefan trên tường xuống, đặt lên chiếc bàn giữa họ. “Chẳng phải thù hận luôn chiến thắng trong gia đình ông sao, Raskol?”

Raskol ngửa đầu ra sau và nốc cạn cái ly. Rồi mỉm cười tươi rói.

Harry nhớ lại những giây sau đó như đoạn băng tua nhanh. Sau mấy giây đó anh đã nằm trên sàn, bị Raskol kẹp cổ, mắt đầy rượu Calvados xộc lên mũi anh và cái mép lờm chờm của cái chai bị đập vỡ kề sát cổ anh.

“Chỉ có một thứ nguy hiểm hơn huyết áp quá cao, Spiuni ạ,” Raskol thì thào. “Và đó là huyết áp quá thấp. Vì vậy, hãy nằm yên đi.”

Harry nuốt khan và cố nói gì đó, nhưng Raskol càng siết chặt hơn và câu

anh định nói lại bật ra thành một tiếng rên rỉ.

“Tôn Tử nói rất rõ về tình yêu và thù hận, Spiuni ạ. Cả tình yêu và thù hận đều chiến thắng trong chiến tranh. Chúng không thể tách rời nhau, như cặp song sinh dính liền. Chỉ có phần nộ và thương cảm mới thua cuộc mà thôi.”

“Vậy thì cả hai chúng ta đều sắp thua rồi,” Harry rên lên.

Raskol lại siết chặt tay hơn nữa. “Anna của tao không bao giờ chọn cái chết.” Giọng hắn run rẩy. “Con bé rất yêu đời.”

Harry khò khè thốt ra từng từ: “Như ông yêu tự do hả?”

Raskol nói lỏng tay và Harry vừa hớp không khí vào hai lá phổi nhức nhối vừa rên rỉ. Mạch anh đập như trống trận trong đầu, nhưng tiếng xe cộ ồn ào ngoài đường đã lại vang lên.

“Ông đã lựa chọn,” Harry thở khò khè. “Ông ra đầu thú là để sám hối. Người khác có thể thấy khó hiểu, nhưng đó là quyết định của ông. Anna cũng làm một việc tương tự.”

Raskol lại dí cái chai vào cổ Harry khi thấy anh định di chuyển. “Tao làm vậy là có lý do.”

“Tôi biết,” Harry nói. “Sám hối cũng là một bản năng mạnh gần ngang bản năng trả thù.”

Raskol không nói gì.

“Ông có biết là Beate Lønn cũng đã có một quyết định không? Cô ấy đã nhận ra rằng chẳng gì có thể khiến cha cô ấy trở về nữa. Chẳng còn phần nộ nữa. Cô ấy đã nhờ tôi chuyển lời chào và nói với ông rằng cô ấy đã tha thứ cho ông.” Cái đầu nhọn của một mảnh thủy tinh cọ vào da anh. Nghe như tiếng ngòi bút máy rê trên giấy nhám. Ngập ngừng viết cái từ cuối cùng. Chỉ thiếu mất dấu chấm. Harry nuốt khan. “Giờ thì đến lượt ông phải chọn, Raskol ạ.”

Harry hít vào, cố gắng không để nỗi sợ hãi lại gần. “Liệu ông có muốn giải thoát cho Beate Lønn hay không. Liệu ông có nói cho cô ấy biết chuyện

gì đã xảy ra vào cái ngày ông bắt cha cô ấy. Liệu ông có giải thoát cho chính mình không.”

“Tao ư?” Raskol bật cười khẽ.

“Tôi đã tìm thấy ông ta,” Harry nói. “Thực ra là Beate Lønn đã tìm thấy.”

“Tìm thấy ai?”

“Ông ta sống ở Gothenburg.”

Tiếng cười của Raskol ngừng bật.

“Ông ta sống ở đó suốt mười chín năm qua,” Harry nói tiếp. “Kể từ khi phát hiện ra ông là cha đẻ của Anna.”

“Mày nói dối,” Raskol hét lên và giơ cái chai lên cao quá đầu. Harry cảm thấy miệng anh khô ran và nhắm chặt mắt lại. Khi Harry mở mắt ra, anh thấy cặp mắt vô hồn và đờ đẫn của Raskol. Cả hai cùng đồng thời hít vào; ngực nhô lên và xẹp xuống cùng một nhịp.

Raskol thì thào. “Còn... Maria?”

Harry phải cố gắng đến hai lần thì dây thanh quản của anh mới phát được ra thành tiếng. “Không ai nhận được tin tức gì của bà ấy cả. Có người bảo Stefan rằng vài năm trước họ thấy bà ấy sống cùng một nhóm dân du mục ở Normandy.”

“Thế Stefan? Anh đã nói chuyện với anh ấy sao?”

Harry cố gắng nhún vai, nhưng không thể cử động. “Ông tự hỏi ông ta đi...”

“Hỏi...” Raskol tròn mắt nhìn Harry, không tin nổi.

“Hôm qua Simon đi đón ông ta rồi. Ông ta đang ngồi ở nhà bên. Cảnh sát vẫn còn một số chuyện chưa giải quyết xong, nhưng mấy tay cảnh sát ngoài kia đã được dặn là không đụng đến ông ta. Ông ta muốn nói chuyện với ông. Phần còn lại tùy ông quyết định.”

Harry luồn tay vào giữa cái chai và cổ mình. Raskol cũng không cố gắng ngăn anh lại khi anh đứng lên. Hắn chỉ hỏi. “Tại sao anh lại làm vậy,

Spiuni?”

Harry nhún vai. “Ông đã can thiệp để các quan tòa ở Moscow quyết định cho Rakel giữ Oleg. Tôi cũng sẽ cho ông cơ hội để ông giữ lấy người thân duy nhất còn lại của mình.” Anh lôi cái còng tay ra khỏi túi áo khoác và đặt lên bàn. “Dù ông quyết định thế nào thì tôi cũng xem như giờ hai ta đã hết nợ.”

“Hết nợ ư?”

“Ông đã đảm bảo người thân của tôi trở về. Cho nên tôi cũng đã làm như vậy với ông.”

“Tôi nghe anh nói rồi, Harry. Nhưng thế nghĩa là sao?”

“Nghĩa là tôi sẽ nói ra tất cả mọi chuyện tôi biết về vụ sát hại Arne Albu. Và chúng tôi sẽ dùng mọi cách để truy ra ông.”

Raskol nhướng một bên lông mày. “Bỏ cuộc đi, Spiuni, thế sẽ dễ dàng hơn cho anh đấy. Anh biết là anh sẽ không tìm được bằng chứng nào chống lại tôi, vậy thì cố để làm gì?”

“Bởi vì chúng tôi là cảnh sát,” Harry nói. “Chứ không phải các cung nữ cười rúc rích.”

Mắt Raskol vẫn không rời mắt Harry. Rồi hắt hơi cúi đầu.

Đến ngưỡng cửa, Harry quay lại. Người đàn ông gầy gò đang ngồi cúi đầu bên cái bàn nhựa, bóng tối che khuất khuôn mặt.

“Ông có từ giờ tới nửa đêm mai, Raskol. Rồi mấy người cảnh sát đó sẽ đưa ông trở lại nhà tù.”

Tiếng còi xe cứu thương hú vang, cắt ngang tiếng xe cộ chạy trên phố Finnmarkgata, lúc hú lên, lúc lại lặng đi như thể đang tìm kiếm một giọng điệu trong trẻo.

CÔNG CHÚA MEDEA

Harry thận trọng đẩy cửa phòng ngủ. Anh nghĩ vẫn nghĩ thấy mùi nước hoa của cô, nhưng loãng đến mức anh không rõ liệu nó có sẵn trong căn phòng hay hiện về từ ký ức. Chiếc giường lớn ở giữa phòng trông oai vệ như chiến thuyền La Mã. Anh ngồi xuống cái đệm, đặt những ngón tay lên tấm ga trải giường màu trắng, lạnh lẽo, nhắm mắt lại và cảm thấy nó đang trôi lên hụp xuống. Một cơn sóng đáy chậm rãi, dữ dội. Có phải tối hôm đó Anna đã đợi anh ở đây, giống như thế này không? Tiếng chuông giận dữ vang lên. Harry nhìn đồng hồ đeo tay. Bảy giờ đúng. Đó là Beate. Mấy phút sau Aune bấm chuông và cái cằm hai ngấn của ông đỏ ửng lên vì leo cầu thang. Ông hỗn hển chào Beate và cả ba đi vào phòng khách.

“Vậy là cô có thể nói ba bức chân dung này vẽ ai sao?” Aune hỏi.

“Arne Albu,” Beate nói, chỉ vào bức tranh bên trái. “Harry ở giữa, và Alf Gunnerud bên phải.”

“Ấn tượng đấy,” Aune nói.

“Ừm,” Beate nói. “Một con kiến có thể phân biệt được khuôn mặt của cả triệu con kiến khác trong tổ mà. Theo tỷ lệ tương ứng với trọng lượng cơ thể, nó có hồi hình thoi còn lớn hơn cả tôi nữa.”

“Vậy thì tôi e là bộ phận đó của tôi cực kỳ kém phát triển,” Aune nói. “Anh có nhìn ra điều gì không, Harry?”

“Chắc chắn là tôi có thể nhìn được ra nhiều hơn so với lần đầu Anna cho tôi xem chúng. Giờ thì tôi hiểu ra rằng chính là ba người này đã bị cô ấy kết tội.” Harry ra hiệu về phía hình người phụ nữ đang cầm ba cái bóng đèn. “Nemesis, nữ thần của công lý và báo thù.”

“Mà người La Mã đã ăn cắp của người Hy Lạp,” Aune nói. “Họ đã giữ lại biểu tượng cái cân, thay cái roi bằng thanh kiếm, bịt mắt bà ta lại và gọi bà ta là Justitia.” Ông đi tới chỗ cái đèn. “Vào năm 600 trước Công nguyên, khi họ

bắt đầu nghĩ rằng cái hệ thống báo thù bằng sinh mạng không có hiệu quả và quyết định không để cho cá nhân báo thù nữa mà biến nó trở thành chuyện của cả xã hội, thì chính người phụ nữ này đã trở thành biểu tượng của nhà nước pháp quyền hiện đại.” Ông vuốt ve khuôn mặt bằng đồng lạnh lẽo của người phụ nữ. “Công lý đui mù. Sự báo thù tàn nhẫn. Nền văn minh của chúng ta nằm trong tay bà ta. Bà ta thật đẹp phải không?”

“Đẹp như ghế điện,” Harry nói. “Sự báo thù của Anna không hẳn là tàn nhẫn.”

“Nó vừa tàn nhẫn, lại vừa cuồng nhiệt,” Aune nói. “Cùng lúc vừa có tính toán trước, lại vừa do kích động mạnh. Chắc cô ta hẳn rất nhạy cảm. Tất nhiên là bị chấn thương về tâm lý nữa, nhưng ai mà chẳng thế. Tất cả chỉ phụ thuộc vào mức độ chấn thương mà thôi.”

“Thế Anna đã bị chấn thương ra sao?”

“Tôi chưa bao giờ gặp cô ta nên sẽ chỉ phỏng đoán thôi.”

“Cứ nói đi,” Harry nói.

“Nói về chủ đề các vị thần cổ đại, tôi đoán là anh đã nghe đến tên Narkissos, vị thần Hy Lạp say mê chính cái bóng của mình đến mức không thể dứt ra được rồi chứ? Freud đã giới thiệu khái niệm ái kỷ với tâm lý học, một người có ý thức thái quá về sự độc tôn, bị ám ảnh bởi giấc mơ bất bại. Với người ái kỷ, nhu cầu trả thù những kẻ đã sỉ nhục họ thường lớn hơn rất nhiều so với mọi nhu cầu khác. Nó được gọi là ‘cơ thịnh nộ của kẻ ái kỷ’. Nhà phân tâm học người Mỹ Heinz Kohut đã mô tả một người như vậy có thể tìm cách trả thù kẻ lăng mạ mình - vốn có khi chỉ là chuyện vặt vãnh đối với chúng ta - bằng bất cứ phương tiện nào mà họ có trong tay. Ví dụ, một chuyện mà nhìn bề ngoài chỉ là sự cự tuyệt bình thường có thể khiến cho kẻ ái kỷ hành động không biết mệt mỏi, với quyết tâm sắt đá, hòng san bằng tỷ số, nếu cần có thể gây ra cái chết.”

“Cái chết cho ai?” Harry hỏi.

“Tất cả.”

“Thật điên rồ,” Beate thốt lên.

“Thật ra, đó chính là câu tôi đang muốn nói,” Aune nói gọn lỏn.

Họ đi vào phòng ăn. Aune ngồi thử lên một cái ghế tựa cũ kỹ, thẳng đứng kê cạnh cái bàn gỗ sồi dài và hẹp. “Người ta không còn đóng ghế kiểu này nữa.”

Beate rên rỉ. “Nhưng sao cô ta lại phải tước đi mạng sống của chính mình... chỉ để trả thù? Phải có những cách khác chứ.”

“Đương nhiên,” Aune nói. “Nhưng tự sát thường tự nó đã là một hành động trả thù. Ta muốn bắt kẻ đã bỏ rơi mình cảm thấy có lỗi. Chỉ là Anna tăng thêm vài mức. Hơn nữa, có đủ lý do để nghi ngờ rằng cô ta không muốn sống thêm nữa. Cô đơn, bị người tình và gia đình ruồng bỏ. Cô ta đã thất bại trong nỗ lực trở thành một nghệ sĩ và phải mượn ma túy giải sầu, nhưng cái đó cũng chẳng giúp được gì. Nói tóm lại, cô ta là một con người bất hạnh và thất vọng sâu sắc đã chọn tự sát có tính trước. Và cũng để báo thù.”

“Mà không hề cân nhắc đạo lý chút nào ư?” Harry hỏi.

“Đương nhiên, ở góc độ đạo lý cũng khá thú vị.” Aune khoanh tay. “Xã hội của chúng ta áp đặt lên chúng ta trách nhiệm đạo lý là phải sống và vì thế người ta chỉ trích việc tự sát. Tuy nhiên, rõ ràng cô ta ngưỡng mộ những gì thuộc về thời cổ, nên có lẽ Anna đã tìm thấy chỗ dựa ở những triết gia Hy Lạp, vốn cho rằng mọi người đều nên được tự chọn thời điểm mà họ chết đi. Nietzsche cũng cho rằng cá nhân có đầy đủ quyền đạo lý để tự kết liễu mạng sống của mình. Ông ta đã dùng từ tự tận hay là cái chết tự nguyện.” Aune giơ ngón tay trở lên để nhấn mạnh. “Nhưng cô ta phải đương đầu với một sự khó xử về đạo đức nữa. Báo thù. Trong tư cách một người theo Công giáo, cô ta được đạo đức Công giáo yêu cầu không báo thù. Đương nhiên, nghịch lý là ở chỗ những người Công giáo lại thờ vị Chúa vốn là kẻ báo thù khủng khiếp nhất trong số họ. Chống lại Chúa thì sẽ bị thiêu trong hỏa ngục đời đời, một

hành động báo thù hoàn toàn không hề cân xứng với tội lỗi, gần như một trường hợp mà tổ chức Ân xá Quốc tế kêu gọi bảo vệ, nếu anh hỏi ý kiến tôi. Và nếu như...”

“Có lẽ cô ta chỉ căm ghét thôi?”

Cả Aune và Harry đều quay lại nhìn Beate. Cô ngược lên nhìn họ với vẻ sợ sệt, như thể vừa lỡ lời.

“Đạo lý,” cô thì thào. “Tình yêu cuộc sống. Tình yêu. Vậy mà căm ghét lại mạnh nhất.”

PHẦN XVIII

LÂN QUANG

Harry đứng bên cửa sổ để mở, lắng nghe tiếng còi xe cứu thương hú ở đằng xa rồi dần dần biến mất trong dòng âm thanh ầm ầm của cái vạc thành phố. Ngôi nhà mà Rakel được cha để lại nằm cao bên trên mọi chuyện đang diễn ra trong tấm thảm ánh sáng mà anh thoáng nhìn thấy qua rặng thông cao trong vườn. Anh thích đứng nhìn rặng cây, tự hỏi chúng đã đứng đó bao lâu và cảm thấy ý nghĩ đó giúp anh điềm tĩnh. Và đứng nhìn ánh đèn của thành phố khiến anh nhớ tới lân quang trên biển. Anh mới thấy hiện tượng đó một lần, vào cái đêm ông anh chèo thuyền đưa anh ra biển để chiếu đèn vào lỗ của ở gần Svärtholmen. Dù chỉ có một đêm đó thôi, nhưng anh không bao giờ quên được. Đó là một trong những điều mà thời gian càng trôi qua thì càng trở nên rực rỡ và có thật hơn. Không phải mọi thứ đều như vậy. Anh đã ở với Anna bao nhiêu đêm? Bao nhiêu lần họ lên cái thuyền của vị hoa tiêu Đan Mạch đó và lướt tới bất cứ nơi đâu mà họ nhất thời muốn tới? Anh không nhớ nổi. Chẳng bao lâu nữa toàn bộ những gì còn lại cũng sẽ sớm bị lãng quên. Buồn ư? Có. Buồn nhưng cần thiết.

Tuy nhiên, có hai khoảnh khắc về Anna mà anh biết là sẽ khó có thể phai nhòa. Hai hình ảnh gần như giống hệt nhau, cả hai đều có mái tóc dài của cô xõa trên gối như chiếc quạt màu đen, cặp mắt mở to và một bàn tay nắm chặt tấm ga trải giường trắng toát. Điểm khác nhau chỉ là bàn tay còn lại. Trong một hình ảnh, những ngón tay của cô đan vào tay anh; còn trong hình ảnh

kia, chúng cầm một khẩu súng.

“Anh đóng cửa sổ được không?” Rakel nói sau lưng anh. Cô đang ngồi trên ghế sofa, hai chân gấp lại, tay cầm ly vang đỏ. Oleg vừa vui vẻ đi ngủ, sau lần đầu tiên đánh bại Harry trong trò Tetris, và Harry sợ rằng một thời đại đã qua đi không thể trở lại.

Thời sự chẳng có gì mới để nói. Toàn điệp khúc cũ: cuộc viễn chinh bằng quân sự chống lại phương Đông, những hành động trả đũa phương Tây. Họ tắt ti vi và bật đĩa nhạc của Stone Roses mà Harry thấy vừa ngạc nhiên vừa thích thú khi tìm thấy trong tập đĩa của Rakel. Tuổi trẻ. Đó là quãng thời gian mà chỉ anh thấy chẳng gì thích bằng nhìn những thằng nhóc người Anh vênh váo cầm ghi ta tạo dáng. Giờ thì anh thích Kings of Convenience vì họ hát chính xác và nghe có vẻ đỡ ngu ngốc hơn Donovan một chút. Và Stone Roses khi bật nhỏ tiếng. Buồn nhưng chân thực. Có lẽ là cần thiết. Mọi chuyện diễn tiến theo vòng tròn. Anh đóng cửa sổ lại và thầm hứa khi nào có dịp sẽ đưa Oleg tới ngay một hòn đảo để chiếu đèn pin vào lũ cua.

Down, down, down, tiếng hát của ban nhạc Stone Roses phát ra từ đôi loa. Rakel cúi xuống nhấp rượu. “Một câu chuyện xưa như trái đất,” cô thì thào. “Hai anh em cùng yêu một người đàn bà, đúng là công thức cho một tấn bi kịch.”

Họ im lặng, đan tay vào nhau và lắng nghe tiếng thở của nhau. “Anh có yêu cô ta không?” cô hỏi.

Harry cân nhắc câu hỏi đó một cách cẩn thận rồi mới trả lời. “Anh không nhớ nữa. Đó là một quãng thời gian... mất phương hướng trong đời anh.”

Cô vuốt ve cằm anh. “Anh có biết em đang nghĩ một chuyện rõ kỳ quặc không? Người đàn bà mà em chưa từng nhìn thấy hay gặp gỡ này bước vào căn hộ của anh, đi một vòng và nhìn thấy tấm ảnh chụp ba chúng ta ở Frognerstieren trên chiếc gương của anh. Biết rằng mình sẽ phá hỏng mọi thứ. Và có lẽ dù sao hai người cũng đã yêu nhau.”

“Ừm. Cô ấy đã lên kế hoạch tỉ mỉ từ lâu rồi, trước cả lúc biết về em và Oleg. Cô ấy đã lấy được chữ ký của Ali từ hồi mùa hè năm nay.”

“Hình dung xem, cô ta đã chặt vật thể nào khi giả mạo chữ ký của anh ta, lại còn ký bằng tay trái chứ.”

“Anh chưa nghĩ đến chuyện đó.” Anh xoay đầu lại trong lòng cô và ngược nhìn cô. “Nói về chuyện khác được không em? Em sẽ nói sao nếu anh gọi cho cha anh và hỏi mượn ngôi nhà ở Andalsnes vào mùa hè tới? Thời tiết ở đó chẳng mấy khi đẹp, nhưng có cái nhà bè và chiếc thuyền có mái chèo của ông nội anh.”

Rakel bật cười. Harry nhắm mắt lại. Anh yêu tiếng cười của cô. Anh tự nhủ nếu cẩn thận tránh phạm sai lầm thì anh sẽ được nghe tiếng cười đó suốt một thời gian dài sắp tới.

Harry giật mình bừng tỉnh. Lồm cồm bò dậy và há hốc miệng để thở. Anh vừa mơ, nhưng anh lại chẳng nhớ nổi là mơ chuyện gì. Tim anh đập như một cái trống cái đang bị nện điên cuồng. Có phải anh lại đang chìm dưới nước trong cái bể bơi ở Bangkok không? Hay là đang đối mặt với kẻ giết người trong căn phòng ở khách sạn SAS? Đầu anh đau nhức nhối.

“Có chuyện gì vậy?” Rakel lăm bắm trong bóng tối.

“Không sao,” Harry thì thào. “Em ngủ lại đi.”

Anh đứng dậy, đi vào phòng tắm và uống một cốc nước. Khuôn mặt hốc hác, nhợt nhạt trong gương nhìn lại anh. Ngoài trời gió đang thổi rất mạnh. Cành cây sồi lớn trong vườn quệt vào tường. Chọc vào vai anh. Cù vào cổ anh và khiến tóc gáy anh dựng đứng. Harry lại rót đầy cốc nước và uống chậm chậm. Giờ thì anh đã nhớ ra. Cái cảnh mà anh vừa mơ. Một thằng nhóc đang ngồi trên mái nhà, đu đưa hai chân. Không chịu vào lớp. Để em trai phải viết thay bài luận. Dẫn người yêu mới của em trai đi khắp khu để chỉ cho cô ta những nơi mà hai anh em đã từng chơi hồi nhỏ. Harry đã mơ về công thức của một bi kịch.

Khi anh lại chui vào dưới lớp chăn lông thì Rakel đã ngủ. Anh nhìn chăm chăm lên trần nhà và bắt đầu đợi trời sáng.

Khi chiếc đồng hồ để trên kệ đầu giường chỉ năm giờ ba phút thì anh không chịu nổi nữa, đứng lên gọi cho dịch vụ giải đáp số điện thoại theo yêu cầu và ghi lại số điện thoại nhà riêng của Jean Hue.

HEINRICH SCHIRMER

Beate thức dậy khi chuông cửa kêu lần thứ ba. Cô lặn qua nhìn đồng hồ. Mới năm giờ mười lăm. Cô nằm yên, băn khoăn xử lý thế nào sẽ là khôn ngoan nhất - bảo anh ta cút xuống địa ngục hay là giả vờ không có nhà. Một hồi chuông nữa, điều này cho thấy anh ta sẽ không bỏ cuộc.

Cô thở dài, ra khỏi giường và khoác cái áo choàng mặc nhà lên người. Cô nhấc điện thoại nội bộ.

“Gì thế?”

“Xin lỗi vì đã ghé qua muộn thế này, Beate. Hoặc là sớm thế này.”

“Cút xuống địa ngục đi, Tom.”

Im lặng hồi lâu.

“Không phải Tom,” cái giọng đó nói. “Là tôi, Harry đây.”

Beate lăm bằm chửi thề và nhấn nút OPEN.

“Tôi không thể nằm trần trọc thêm nữa,” Harry vừa nói vừa bước vào. “Là chuyện liên quan đến Kẻ Hành quyết.”

Anh ngồi phịch xuống ghế sofa trong lúc Beate chạy vội vào phòng ngủ.

“Như tôi đã nói, việc cô làm gì với Waaler không phải là chuyện của tôi...” anh nói to về phía cửa phòng ngủ để mở.

“Như anh đã nói, đó không phải là việc của anh,” cô cũng đáp to. “Và lại

anh ta bị đình chỉ rồi.”

“Tôi biết. Tôi đã bị gọi đến tòa án của Đội Điều tra Đặc biệt để nói về cuộc gặp của tôi với Alf Gunnerud.”

Cô trở ra, đã thay áo phông trắng và quần jean, đứng đối diện với anh. Harry ngược lên nhìn cô.

“Ý tôi là bị đình chỉ,” cô nói. “Vậy sao?”

“Hắn là gã khốn. Nhưng như thế không có nghĩa là anh có thể nói gì với ai tùy thích.”

Harry nghiêng đầu và nheo một bên mắt.

“Tôi có cần phải nhắc lại không?” cô hỏi.

“Không,” anh nói. “Tôi nghĩ là giờ tôi đã hiểu thông điệp rồi. Nếu đó không phải bất cứ ai, mà là một người bạn thì sao?”

“Cà phê nhé?” Nhưng Beate chưa kịp vào đến bếp thì mặt đã đỏ lửng Harry đứng dậy đi theo cô. Chỉ có một chiếc ghế tựa bên cạnh chiếc bàn nhỏ. Trên tường có một tấm gỗ sơn màu hồng trên đề bài thơ Hávamál* cổ.

Ở mọi ngưỡng cửa, đều có một người bước vào, một người phải do thám xung quanh, một người phải soi mói xung quanh vì ngờ vực là để biết rằng không có kẻ thù nào đang ẩn náu bên trong, trước khi người ấy bước chân vào.

“Có hai điều Rakel nói đêm qua khiến tôi phải suy nghĩ,” Harry nói, cúi xuống bên bồn rửa. “Thứ nhất là, hai anh em cùng yêu một người đàn bà là công thức cho một bi kịch. Thứ hai là, chắc hẳn Anna đã phải vất vả một thời gian dài mới bắt được chữ ký của Ali vì cô ấy thuận tay trái.”

“Ồ, vậy ư?” Cô cho một muỗng cà phê vào máy.

“Những cuốn vở của Lev. Cô đã lấy chúng từ tay Trond Grette, để so sánh với chữ viết trong lá thư tuyệt mệnh. Cô có nhớ đó là môn gì không?”

“Tôi không nhìn kỹ đến thế. Tôi chỉ nhớ phải kiểm tra xem đó có phải đúng là chữ của hắn không thôi.” Cô rót nước vào trong máy.

“Đó là môn ngữ văn,” Harry nói.

“Có thể,” cô nói, quay lại đối diện với anh.

“Đúng là môn đó,” Harry nói. “Tôi vừa từ chỗ Jean Hue bên Kripos tới đây.”

“Chuyên gia về chữ viết tay đó hả? Vừa xong, giữa đêm hôm?”

“Ông ta có phòng làm việc tại nhà và rất thông cảm. Ông ta đã kiểm tra cuốn vở và lá thư tuyệt mệnh với cái này.” Harry mở một tờ giấy ra và đặt lên tấm thoát nước trên bồn rửa. “Cà phê còn lâu nữa không?”

“Chuyện gì mà gấp thế?” Beate hỏi, nhào tới để nhìn vào tờ giấy.

“Mọi chuyện,” Harry nói. “Việc đầu tiên cô cần làm là kiểm tra lại tất cả các tài khoản ngân hàng.”

Else Lund, trưởng đại diện kiêm một trong hai nhân viên của đại lý du lịch Brastour, thỉnh thoảng lại bị gọi vào lúc nửa đêm bởi một khách hàng ở Brazil bị cướp, hay mất hộ chiếu và vé máy bay, và trong cơn tuyệt vọng đã gọi vào số di động của bà mà không nghĩ gì đến sự chênh lệch múi giờ. Kết quả là bà ta phải tắt điện thoại khi đi ngủ. Đó là lý do tại sao bà ta lại tức giận đến thế khi điện thoại cố định đổ chuông lúc năm rưỡi và giọng nói ở đầu dây bên kia hỏi xem liệu bà có thể đến văn phòng càng sớm càng tốt không. Bà ta chỉ bớt giận chút xíu khi giọng nói đó nói thêm rằng họ là cảnh sát.

“Tôi hy vọng rằng đây là chuyện sống chết,” Else Fund nói.

“Đúng vậy,” giọng đó nói. “Chủ yếu là chết.”

Như mọi khi, Rune Ivarsson là người tới Sở sớm nhất. Ông ta nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ. Ông ta thích sự tĩnh lặng, được ở một mình một phòng, nhưng đó không phải là lý do. Khi những người khác tới, Ivarsson đã đọc

xong tất cả các bản fax, các báo cáo gửi tới từ tối hôm trước cũng như tất cả các tờ báo mới, nhờ đó mà đã có khởi đầu ông ta cần. Là sếp thì lúc nào cũng phải đi trước một bước - dựng lên một cái đầu cầu để có tầm nhìn xa. Khi cấp dưới trong đơn vị của ông ta thỉnh thoảng tỏ ra bức bối rằng lãnh đạo đang ém thông tin, đó là vì họ không hiểu rằng tri thức là sức mạnh, rằng bất cứ nhóm lãnh đạo nào cũng đều phải có sức mạnh để tìm đường đưa vụ án tới kết quả mỹ mãn cuối cùng. Thật vậy, đơn giản là vì lợi ích của họ lãnh đạo mới phải nắm giữ nhiều thông tin hơn. Khi ông ta hướng dẫn mọi thành viên điều tra vụ Kẻ Hành quyết phải báo cáo trực tiếp với ông ta, thì chính xác là vì lý do đó, để giữ thông tin chỗ của nó thay vì lãng phí thời gian cho những cuộc bàn thảo bất tận, vốn chỉ nhằm tạo cho thuộc cấp cảm giác rằng họ được tham dự vào quá trình đó. Ngay lúc này, điều quan trọng hơn là ông ta, với tư cách Trưởng đơn vị, tỏ ra bình tĩnh, làm đầu tàu và hành động. Mặc dù ông ta đã cố hết sức để làm cho những phát hiện về Lev Grette trong vụ này trông có vẻ như là công lao của mình, thì ông ta vẫn biết rằng diễn tiến của việc đó đã làm uy quyền của ông ta giảm sút. Uy quyền của một Trưởng đơn vị không phải vấn đề uy tín cá nhân, mà là vấn đề đối với toàn bộ ngành cảnh sát, ông ta tự nhủ vậy.

Có tiếng gõ cửa.

“Tôi không biết anh cũng là người đi làm sớm đấy, anh Hole,” Ivarsson nói với bộ mặt xanh xao ở ngưỡng cửa, trong lúc tiếp tục đọc tờ fax trước mặt. Ông ta đã yêu cầu một tờ nhật báo gửi mấy câu trích dẫn trong bài phỏng vấn ông ta về Kẻ Hành quyết. Ông ta không thích bài phỏng vấn đó. Đã đành là ông ta không bị trích dẫn sai, nhưng những câu đó khiến ông ta nghe như đang lảng tránh và tuyệt vọng. May mà mấy bức ảnh trông cũng được. “Anh muốn gì, Hole?”

“Chỉ muốn báo rằng tôi đã triệu tập một cuộc họp trên tầng sáu. Tôi nghĩ có lẽ ông sẽ thích đi cùng. Đó là về một vụ được gọi là cho phép ngân hàng ở

Bogstadveien. Chúng tôi sắp bắt đầu rồi.”

Ivarsson dừng đọc và ngược lên. “Tức là anh đã triệu tập họp? Hay nhỉ. Tôi có thể hỏi là ai cho phép có cuộc họp này không, anh Hole?”

“Chẳng ai cả.”

“Chẳng ai cả.” Ivarsson thốt ra một tiếng cười ngắn the thé như tiếng mòng biển. “Vậy thì tốt hơn hết là anh nên đi lên đó và nói rằng cuộc họp bị hoãn đến sau giờ ăn trưa. Anh thấy đấy, tôi còn cả một đồng báo cáo phải xem ngay lúc này. Rõ rồi chứ?”

Harry chậm rãi gật đầu, như thể đang cân nhắc vấn đề đó một cách thận trọng và thỏa đáng. “Rõ. Nhưng đây là công việc của Đội Hình sự, nên chúng tôi sẽ bắt đầu ngay bây giờ. Chúc ông may mắn với đồng báo cáo đó.”

Anh quay đi và, đúng lúc đó, năm đấm của Ivarsson giáng đánh rầm xuống mặt bàn.

“Hole? Đừng có quay cái lưng chết tiệt lại với tôi như thế! Tôi mới là người triệu tập họp trong đơn vị này. Nhất là khi đó lại là một vụ cướp. Hiểu chứ?” Cái môi dưới đỏ au, ướt át ở chính giữa khuôn mặt của vị sếp Đơn vị Chống Cướp run lên.

“Ông nghe thấy rồi đấy, tôi nói đó là một vụ được gọi là cướp ngân hàng ở Bogstadveien, Ivarsson.”

“Vậy ý anh là cái quái gì khi gọi như thế hả?” Giọng ông ta nghe như rên rỉ.

“Rằng vụ cướp ở Bogstadveien chưa bao giờ là một vụ cướp cả,” Harry nói. “Đó là một vụ giết người đã được lên kế hoạch kỹ lưỡng.”

Harry đứng bên cửa sổ và nhìn sang nhà tù Botsen. Ngày miễn cưỡng dịch chuyển, như một chiếc xe bò kéo kẹt. Những đám mây đen trùm trên đỉnh Ekeberg và những chiếc ô đen trên phố Gronlandsleiret. Họ lục tục kéo đến

sau lưng anh: Bjarne Møller vừa ngáp vừa ngồi thụp xuống ghế, Giám đốc Sở Cảnh sát tươi cười đang trò chuyện với Ivarsson; Weber khoanh tay im lặng và sốt ruột; Halvorsen đã giở sổ sẵn sàng; và Beate Lønn thì hồi hộp nhìn quanh.

PHẦN XIX

STONE ROSES

Sau đó thì cơn mưa rào cũng ngớt. Mặt trời ló ra giữa bầu trời xám xịt một màu, rồi mây rẽ ra như những tấm rèm sân khấu mở ra cho hồi kết. Hóa ra đó là những giờ khắc cuối cùng mà bầu trời còn xanh trước khi thành phố Oslo trùm kín cái chăn lông mùa đông màu xám lên đầu. Disengrenda năm sương nắng trong lúc Harry nhấn chuông lần thứ ba.

Anh có thể nghe thấy tiếng chuông như tiếng sôi ùng ục trong lòng ngôi nhà liền kề. Cửa sổ nhà hàng xóm lại bật mở.

“Trond không có nhà đâu,” cái giọng rung lên. Mặt bà ta lần này có một màu nâu khác, màu nâu vàng, khiến Harry nghĩ tới làn da bị ám khói thuốc. “Tội nghiệp cậu ta,” bà ta nói thêm.

“Anh ta đang ở đâu?” Harry hỏi.

Bà ta đảo mắt thay cho câu trả lời và xĩa ngón cái ra sau vai.

“Sân tennis ư?”

Beate dậm bước, nhưng Harry vẫn đứng nguyên.

“Tôi cứ nghĩ về chuyện mà lần trước chúng ta đã trao đổi,” anh nói. “Về cái cầu đi bộ ấy. Bà đã bảo rằng mọi người đều ngạc nhiên vì anh ta vốn là đứa trẻ trầm tính và lễ độ.”

“Tôi đã nói thế ư?”

“Nhưng mọi người ở Grenda đều biết là anh ta đã làm chuyện đó ư?”

“Chúng tôi thấy cậu ta đạp xe đi sáng hôm đó.”

“Mặc cái áo khoác màu đỏ?”

“Đúng.”

“Là Lev?”

“Lev ư?” Bà ta bật cười, lắc đầu. “Tôi đâu có nói về Lev. Cậu ta làm nhiều việc kỳ quặc, nhưng chưa bao giờ ác ý cả.”

“Vậy thì đó là ai?”

“Trond. Chính là tôi nói về cậu ta mà. Đúng là tôi đã bảo trông cậu ta tái mét lúc trở về. Trond không chịu nổi khi nhìn thấy máu.”

Gió đang mạnh lên. Ở phía Tây, những đám mây bông đen sì đang bắt đầu nuốt chửng bầu trời xanh. Gió giật từng cơn khiến những vũng nước trên cái sân đất nện đỏ ối gợn lên và xóa đi hình ảnh phản chiếu của Trond Grette, lúc này đang tung quả bóng lên để giao bóng lần nữa.

“Xin chào,” Trond nói, đánh quả bóng đi khiến nó nhẹ nhàng xoay tròn giữa không trung. Một đám bụi phấn trắng tinh bốc lên từ phía sau phần sân của người giao bóng và ngay lập tức bị thổi bạt khi quả bóng đập xuống rồi nảy lên, cao tít và không thể quay lại, vượt qua chỗ đứng của đối thủ tưởng tượng ở phía bên kia tấm lưới.

Trond quay lại đối diện với Harry và Beate đang đứng bên ngoài hàng rào sắt. Anh ta mặc áo chơi tennis, quần sóc, tất dài và giày đều màu trắng.

“Hoàn hảo, phải không?” Anh ta mỉm cười.

“Gần như vậy,” Harry đáp.

Trond nở rộng nụ cười hơn nữa, rồi đưa tay lên che mắt và nhìn khắp bầu trời. “Có vẻ mây đang kéo đến rồi. Tôi giúp gì được hai vị?”

“Anh có thể đi cùng chúng tôi về Sở Cảnh sát,” Harry nói.

“Sở Cảnh sát ư?” Anh ta nhìn họ chăm chăm, kinh ngạc. Tức là, anh ta có vẻ như đang cố gắng tỏ ra kinh ngạc. Đôi mắt mở to của anh ta hơi kịch và có gì đó giả tạo trong giọng nói của anh ta mà họ không nghe thấy lúc thẩm vấn. Cái ngữ điệu đó quá thấp và hơi cao lên một chút ở cuối: ‘Sở Cảnh sát ư?’

Harry cảm thấy tóc gáy anh dựng đứng.

“Ngay bây giờ,” Beate nói.

“Được.” Trond gật đầu như thể vừa hiểu ra điều gì, rồi lại mỉm cười. “Chắc chắn rồi.” Anh ta đi tới chỗ cái ghế băng nơi có hai chiếc vợt tennis ló ra từ bên dưới cái áo khoác màu xám. Đôi giày của anh ta lê trên nền đất nện.

“Hắn mất bình tĩnh rồi,” Beate thì thào. “Tôi sẽ còng tay hắn.”

“Đừng...” Harry nói và chớp lấy cánh tay cô, nhưng cô đã xô công bước vào trong. Thời gian như là dài ra, phòng lên như tức khí và giữ Harry lại, làm anh bất động. Qua hàng rào sắt, anh thấy Beate vớ lấy cái còng tay móc ở thắt lưng. Anh nghe thấy tiếng bước chân của Trond trên nền sân đất nện. Những bước chân ngắn. Như một phi hành gia. Bàn tay của Harry tự động lần tìm khẩu súng trên cái bao súng đeo vai bên trong áo khoác.

Beate chỉ vừa nói được câu “Grette, tôi xin lỗi...” thì Trond tới được chỗ cái ghế băng và luồn nhanh tay xuống bên dưới chiếc áo khoác. Thời gian lúc này đã bắt đầu giống như sinh thể, co và duỗi trong khoảnh khắc. Harry cảm thấy bàn tay anh đang nắm lại quanh bóng súng, biết rằng có một quãng bất tận giữa giây phút này và việc rút súng ra, nạp đạn vào, tháo chốt an toàn và ngắm bắn. Phía dưới cánh tay giơ lên của Beate, anh thoáng thấy một tia sáng lóe lên phản xạ ánh mặt trời.

“Tôi cũng vậy,” Trond nói, nâng khẩu AG3 màu xám thép và xanh ô liu lên vai.

Cô lùi lại một bước.

“Cô bạn thân mến,” Trond nói nhẹ nhàng. “Đứng yên vào nếu cô muốn sống thêm vài giây nữa.”

“Chúng tôi đã nhầm,” Harry nói, xoay lưng về phía cửa sổ và nhìn các điều tra viên tới họp. “Stine Grette không phải là do Lev giết mà do chính chồng cô ta, Trond Grette.”

Cuộc trò chuyện giữa Giám đốc Sở Cảnh sát và Ivarsson ngừng lại, Møller ngồi thẳng dậy trong ghế, Halvorsen thì quên cả ghi, thậm chí cả vẻ uể oải trên mặt Weber cũng biến mất.

Chính Møller rốt cuộc là người lên tiếng phá vỡ sự im lặng. “Cái gã kế toán đó ư?”

Harry gật đầu với những khuôn mặt sững sốt.

“Không thể nào,” Weber lên tiếng. “Chúng ta có cuốn băng từ siêu thị 7-Eleven, và chúng ta có dấu vân tay trên cái chai Coca. Chắc chắn chính Lev Grette là kẻ giết người.”

“Chúng ta cũng có cả chữ viết tay trong lá thư tuyệt mệnh,” Ivarsson nói.

“Và trừ phi tôi quá lẩn, không thì chính Raskol đã chỉ đích danh Lev Grette,” Giám đốc Sở nói.

“Vụ này có vẻ quá rõ ràng rồi còn gì,” Møller nói.

“Để tôi giải thích,” Harry nói.

“Đúng thế, anh làm ơn giải thích xem?” Giám đốc Sở nói.

Mây đang kéo đến nhanh hơn và lướt qua phía trên bệnh viện Aker như một hạm đội màu đen.

“Đừng có làm gì ngu ngốc, Harry,” Trond nói. Họng súng đã gí sát vào trán Beate. “Bỏ cái khẩu súng tôi biết là anh đang cầm xuống.”

“Không thì sao?” Harry hỏi, lôi súng ra.

Trond khẽ cười khùng khục. “Để hiểu thôi. Tôi sẽ bắn cô đồng nghiệp của

anh.”

“Như anh đã bắn vợ mình hả?”

“Cô ta đáng bị như vậy.”

“Vậy ư? Vì cô ấy thích Lev hơn anh sao?”

“Vì cô ta là vợ của tôi!”

Harry hít vào. Beate đang đứng giữa anh và Trond, nhưng lưng cô quay về phía anh thế kia thì anh không thể thấy được biểu hiện gì trên mặt cô cả. Có vài lộ trình để chọn. Một là bảo với Trond rằng hắn là thằng ngu và khinh suất, rồi hy vọng là hắn sẽ hiểu ra. Nhưng lý lẽ bác lại lựa chọn đó là: một gã mang theo khẩu AG3 nạp sẵn đạn ra sân tennis thì hắn là đã quá rõ sẽ làm gì với nó. Hai là làm theo lời Trond, đặt súng xuống, và đợi bị hành quyết. Ba là gây áp lực với Trond, gây ra chuyện gì đó, một chuyện khiến hắn phải thay đổi kế hoạch. Hoặc nổi giận và bóp cò. Lựa chọn thứ nhất chắc chắn là không hy vọng gì, lựa chọn thứ hai sẽ dẫn tới hậu quả tồi tệ nhất có thể xảy ra, và lựa chọn thứ ba thì, ừm, nếu Beate gặp chuyện tương tự như Ellen, Harry biết là anh sẽ không bao giờ có thể thanh thản mà sống tiếp nếu như anh còn sống.

“Có lẽ cô ấy không còn muốn là vợ của anh nữa,” Harry nói. “Có phải chuyện đã xảy ra như vậy không?”

Ngón tay của Trond siết quanh cò súng và mắt hắn nhìn vào mắt Harry qua vai Beate. Harry bắt đầu đếm thầm theo bản năng. “Một nghìn lẻ một, một nghìn lẻ hai...”

“À tưởng là có thể bỏ tao,” Trond nói nhỏ. “Tao - người đã mang lại cho ả tất cả.” Hắn bật cười. “Để đi theo một gã chẳng bao giờ làm bất cứ điều gì cho ai, kẻ nghĩ đời là bữa tiệc sinh nhật và tất cả mọi món quà đều dành cho hắn. Lev không ăn cắp. Hắn chỉ không hiểu được hai giới từ ‘của’ và ‘cho’ thôi.” Tiếng cười của Trond lan theo gió như mẩu vụn của những chiếc bánh quy hình chữ cái.

“Như là của Stine cho Trond,” Harry nói.

Trond chớp mắt dữ tợn. “À nói ả yêu hử. Yêu. ả thậm chí còn chưa từng dùng cái từ đó vào ngày cưới. Chỉ bảo là thích tao. ả thích tao. Vì tao tử tế với ả. Nhưng ả yêu cái thằng nhóc ngồi trên nóc nhà đung đưa chân và đợi vỗ tay. Đó là thứ đời dành cho hử. Vỗ tay.”

Khoảng cách giữa Harry và Trond chưa đầy sáu mét và anh có thể thấy những khớp đốt ngón tay trên bàn tay trái của Trond trắng bệch ra khi hử nắm chặt bóng sủng.

“Nhưng anh thì không, Trond. Anh đâu cần được vỗ tay, phải không? Anh thích lặng lẽ tận hưởng chiến thắng. Một mình. Như cái vụ trên cây cầu.”

Trond bĩu môi dưới. “Thừa nhận đi, mày đã tin chuyện đó, đúng không?”

“Phải, chúng tôi đã tin anh, Trond. Chúng tôi đã tin mọi điều anh nói.”

“Vậy thì tao đã lỡ miệng ở chỗ nào nhỉ?”

“Beate đã kiểm tra tài khoản ngân hàng của Trond và Stine Grette trong hai quý gần đây,” Harry nói.

Beate giở một xấp tài liệu lên cho những người khác trong phòng thấy. “Họ đều chuyển tiền cho công ty du lịch Brastour,” cô nói. “Công ty này cũng xác nhận rằng vào tháng Ba năm nay, Stine Grette đã đặt một chuyến đi tới São Paulo vào tháng Sáu, và một tuần sau Trond Grette theo đến đó.”

“Cho đến điểm này, những gì Trond đã khai với chúng tôi vẫn khớp,” Harry nói. “Có điều lạ là Stine đã kể với trưởng chi nhánh Klementsens rằng cô ta sẽ đi nghỉ ở Hy Lạp. Hơn nữa Trond Grette đặt và mua vé vào cùng một ngày khởi hành. Nếu định đi nghỉ cùng nhau để mừng mười năm ngày cưới thì đó chẳng phải là sắp lịch rất tệ sao?”

Căn phòng trở nên im lặng tới mức có thể nghe thấy cả tiếng chiếc tủ lạnh phía bên kia hành lang vừa tự động bật lên.

“Khiến người ta nghi ngờ cô vợ đã nói dối mọi người về nơi mình sẽ đến, và anh chồng vốn nghi ngờ sẵn đã kiểm tra bảng kê tài khoản ở ngân hàng của vợ và không thể khớp chuyển đi Brastour với một chuyển đi tới Hy Lạp. Anh ta bèn gọi tới Brastour, tìm ra tên khách sạn nơi vợ mình sẽ ở và đi tới đó để lôi cô ta về.”

“Rồi sao?” Ivarsson hỏi. “Anh ta có bắt được quả tang cô ta cùng với một gã da đen nào không?”

Harry lắc đầu. “Tôi không nghĩ là anh ta tìm thấy vợ mình.”

“Chúng tôi đã kiểm tra và thấy rằng cô ta không ở khách sạn đã đặt,” Beate nói. “Trond đã quay về trong chuyến bay sớm hơn dự kiến. Ngoài ra, Trond đã rút ba mươi nghìn krone trong tài khoản thẻ ở São Paulo. Ban đầu, anh ta bảo rằng anh ta đã mua một cái nhẫn kim cương, rồi sau đó lại khai rằng anh ta đã gặp Lev và đưa tiền cho hắn vì hắn đã cạn tiền. Nhưng, tôi khá chắc chắn rằng cả hai chuyện đó đều không đúng. Tôi tin rằng số tiền đó là dành cho một dịch vụ mà ở São Paulo thậm chí còn nổi tiếng hơn cả bán trang sức.”

“Đó là gì?” Ivarsson hỏi, rõ ràng là đang bức tức với sự im lặng đã trở nên không thể chịu nổi.

“Giết mướn.”

Harry đã muốn kéo dài câu chuyện ra hơn nữa, nhưng một cái liếc mắt từ Beate ra hiệu cho anh rằng anh đang cường điệu quá đà. “Khi Lev tới Oslo vào mùa thu này, thì đó là vì tiền của chính hắn. Hắn không hề khát kiệt và không có ý định cướp thêm bất cứ ngân hàng nào nữa. Hắn trở về để đưa Stine sang Brazil cùng mình.”

“Stine ư?” Møller kêu lên. “Vợ của em trai hắn ư?”

Harry gật đầu. Các điều tra viên có mặt đưa mắt nhìn nhau.

“Vậy là Stine phải tới Brazil mà không nói cho ai biết?” Møller nói tiếp. “Kể cả bố mẹ và bạn bè? Thậm chí không báo cáo với cấp trên?”

“Ừm,” Harry nói, “khi ông đã quyết định sống suốt đời với một tên cướp ngân hàng bị cả cảnh sát lẫn các đồng nghiệp truy tìm thì ông sẽ không công bố kế hoạch của mình và để lại một địa chỉ chuyển hộp thư đâu. Cô ta chỉ kể với một người duy nhất, và đó lại là Trond.”

“Người không nên kể nhất,” Beate nói thêm.

“Có lẽ cô ta tưởng mình hiểu hẳn, sau khi sống với nhau mười ba năm.” Harry đi về phía cửa sổ. “Gã kế toán nhạy cảm nhưng tử tế và chắc chắn yêu cô ta tha thiết. Để tôi suy đoán một chút về những chuyện đã xảy ra sau đó nhé.”

Ivarsson khịt mũi. “Vậy anh gọi cái việc mà anh đang làm cho đến lúc này là gì?”

“Khi Lev tới Oslo, Trond đã liên lạc với hẳn. Trond nói họ đều đã trưởng thành, lại là anh em nên có lẽ họ đã có thể nói chuyện thẳng thắn. Lev thấy nhẹ nhõm và vui vẻ. Nhưng hẳn không muốn chường mặt ra trong thành phố, như thế quá nguy hiểm, vì vậy họ đồng ý gặp nhau ở Disengrenda trong lúc Stine đang đi làm. Lev tới và được Trond đón tiếp tử tế. Trond bảo rằng lúc đầu thì hẳn cũng buồn lắm, nhưng giờ thì cơ bản là đã vượt qua chuyện đó và mừng cho họ. Hẳn mở hai chai Coca cho hai anh em rồi họ uống và trò chuyện về những chi tiết thực tế. Trond lấy được địa chỉ bí mật của Lev ở d’Ajuda, bảo để mình có thể chuyển tiếp thư từ, những khoản tiền trả chậm và những thứ khác cho Stine. Lev không nhận ra mình vừa đưa cho Trond những thông tin cần thiết để tiến hành kế hoạch mà Trond đã bắt đầu lúc ở São Paulo.”

Harry thấy Weber chậm rãi gật đầu.

“Sáng thứ Sáu. Ngày hành động. Buổi chiều hôm đó Stine sẽ quá cảnh tới London cùng với Lev rồi từ đó sáng hôm sau bay tới Brazil. Chuyến bay đó đã được đặt qua Brastours. Va li đã sắp và chờ sẵn ở nhà, nhưng cô ta và Trond vẫn đi làm như bình thường. Hai giờ, Trond rời nhiệm sở và đi tới

trung tâm Focus ở Sporveisgata. Hắn tới, trả tiền thuê sân bóng quần như đã đặt trước, nhưng bảo không tìm được người chơi cùng. Đó là bằng chứng ngoại phạm thứ nhất về địa điểm: một khoản tiền trả lưu vào máy lúc 14 giờ 34 phút. Rồi, thay vì chơi bóng quần, hắn nói hắn sẽ tới phòng tập thể hình để tập một chút và đi vào phòng thay đồ. Thời điểm đó có nhiều người ra vào. Hắn mang cái túi theo rồi chốt cửa toa lét lại, thay sang bộ đồ bảo hộ lao động và khoác gì đó bên ngoài, có lẽ là một cái áo khoác dài, chờ đến lúc có thể chắc chắn là những người hắn đã gặp trong toa lét ra hết mới đeo kính râm vào, xách cái túi đi nhanh ra khỏi phòng thay đồ mà không bị ai nhìn thấy, qua khu vực lễ tân. Tôi đoán là hắn đi về phía Stenspark rồi ngược lên phố Pilestredet bên phía khu xây dựng, ở đó họ nghỉ làm lúc ba giờ. Hắn lén nhanh vào, cởi phăng áo khoác ngoài, đội cái mũ che mặt được gấp lại rồi giấu dưới mũ lưỡi trai. Rồi hắn đi lên đồi và rẽ trái xuống phố Industrigata. Tại ngã tư Bogstadveien, hắn đi vào siêu thị 7-Eleven. Hắn đã tới đó hai tuần trước để kiểm tra góc máy quay. Và cái thùng rác mà hắn đặt mua đã được để vào đúng vị trí. Bối cảnh đó được dàn dựng cho các sĩ quan cảnh sát mẫn cán mà hắn biết sẽ kiểm tra băng ghi hình của các cửa hiệu và trạm xăng gần đó. Vì vậy, hắn đã dựng lên cái màn kịch nho nhỏ đó cho chúng ta xem: chúng ta không nhìn thấy mặt hắn nhưng thấy rất rõ cái chai Coca hắn cầm trong bàn tay để trần và uống. Hắn đã cho nó vào một cái túi ni lông để tất cả chúng ta đều tin rằng dấu vân tay trên đó không hề bị mưa rửa trôi và ném nó vào cái thùng rác màu xanh mà hắn biết tổng là còn lâu mới được bốc đi. Hắn là hắn đánh giá khá cao về hiệu quả làm việc của chúng ta, và chúng ta còn suýt để mất chứng cứ đó nữa, nhưng hắn gặp may - Beate đã phóng xe như điên và chúng tôi đã làm được: để cung cấp cho Trond Grette thêm một bằng chứng ngoại phạm kín kẽ nữa khi giành được cái chứng cứ cuối cùng, không thể chối cãi, chống lại Lev.”

Harry ngừng lời. Những khuôn mặt trước mắt anh thoáng vẻ khó hiểu.

“Chai Coca đó chính là cái chai mà Lev đã uống lúc ở Disengrenda,” Harry nói. “Hoặc ở đâu đó. Trond đã lấy nó chính xác là vì mục đích này.”

“Tôi e là anh đã quên mất một chi tiết, anh Hole ạ,” Ivarsson nói the thé. “Chính mắt anh đã thấy tên cướp đó cầm cái chai bằng bàn tay để trần. Nếu đó là Trond Grette thì dấu vân tay của hắn phải có trên vỏ chai chứ.”

Harry ra hiệu cho Weber.

“Keo dán,” vị thanh tra dày dạn lên tiếng.

“Anh bảo sao?” Giám đốc Sở quay sang Weber.

“Một mảnh quen thuộc của bọn cướp ngân hàng. Chỉ cần bôi một chút keo lên đầu ngón tay rồi để khô, thế là xong, không còn dấu vân tay nữa.”

Giám đốc Sở lắc đầu. “Nhưng cái gã kế toán quên đó, như các anh gọi ấy, đã học được những mảnh lời đó ở đâu?”

“Hắn là em trai của một trong những tên cướp ngân hàng chuyên nghiệp nhất mà Na Uy từng biết,” Beate nói. “Hắn nắm rõ các thủ đoạn và cách hành động của Lev. Lev cất những cuốn băng ghi hình về các vụ cướp của mình tại nhà ở Disengrenda, cùng với những thứ khác nữa. Trond đã tự học các mảnh khoe của anh trai thành thục đến nỗi ngay đến Raskol cũng bị lừa mà nghĩ rằng đó là Lev Grette. Trên hết, hai anh em lại có những điểm tương đồng về vóc dáng, điều đó có nghĩa là phần mềm máy tính xử lý hình ảnh thu được từ các cuốn băng có thể sẽ cho thấy tên cướp là Lev.”

“Chết tiệt!” Halvorsen bất giác kêu lên. Anh cúi đầu xuống và sợ sệt liếc nhìn Bjarne Møller, nhưng Møller đang ngồi ngây người, miệng há ra, nhìn chăm chăm về phía trước như thể vừa bị một viên đạn xuyên qua đầu.

“Mày vẫn không chịu bỏ súng xuống hả, Harry. Có thể giải thích được không?”

Harry cố gắng thở đều mặc dù tim anh đang đập điên cuồng. Đem ôxy cho

não, rất cần thiết. Anh cố không nhìn Beate. Gió thổi phồng những sợi tóc vàng, mảnh của cô. Các cơ trên cái cổ gầy mảnh căng ra, và vai cô bắt đầu run lên.

“Dễ hiểu thôi,” Harry đáp. “Anh sẽ bắn cả hai chúng tôi. Anh phải cho tôi cái thỏa thuận nào tốt hơn mới được, Trond ạ.”

Trond bật cười rồi áp má vào cái báng súng màu xanh. “Mày nói sao về thỏa thuận này, Harry? Mày sẽ có hai mươi năm giấy để nghĩ qua những lựa chọn khác rồi đặt súng xuống.”

“Hai mươi năm giấy như mọi lần ư?”

“Chính xác. Tao đoán là mày sẽ nhớ ra khoảng thời gian đó trôi qua nhanh như thế nào. Nghĩ mau lên, Harry.”

“Anh có biết điều gì đã khiến tôi nhận ra Stine biết tên cướp không?” Harry nói to. “Vì họ đứng quá gần nhau. Gần hơn so với anh và Beate lúc này nhiều. Chuyện đó thật kỳ lạ, nhưng ngay cả trong hoàn cảnh sống chết thì, nếu được, người ta vẫn tôn trọng khoảng cách thân mật của kẻ khác. Điều đó không lạ sao?”

Trond đặt nòng súng vào dưới cằm Beate và đẩy mặt cô lên. “Beate, cô vui lòng đếm giúp chúng tôi được không?” Hắn lại nói cái giọng rất kịch. “Từ một tới hai mươi năm. Đừng nhanh quá, mà cũng đừng chậm quá.”

“Tôi đang bắn khoản một chuyện,” Harry nói. “Cô ta đã nói gì trước khi bị anh bắn?”

“Mày thật sự muốn biết sao, Harry?”

“Phải, tôi muốn biết.”

“Beate có hai giây để bắt đầu đếm. Một...”

“Đếm đi, Beate!”

“Một.”

Giọng cô chỉ là một tiếng thì ào khô khốc.

“Hai.”

“Stine tuyên án tử hình cho chính ả và Lev.” Trond nói.

“Ba.”

“Ả bảo rằng tao có thể bắn ả, nhưng hãy tha cho Lev.”

Harry cảm thấy cổ họng thắt lại và nắm tay quanh khẩu súng của anh yếu đi.

“Bốn.”

“Nói cách khác, dù người trưởng chi nhánh có trút tiền vào túi nhanh hay chậm hơn thì hắn vẫn sẽ bắn Stine ư?” Halvorsen nói.

Harry rầu rĩ gật đầu.

“Vì có vẻ anh nắm rõ mọi chuyện nên tôi đoán anh cũng biết đường tẩu thoát của hắn,” Ivarsson nói. Giọng ông ta định tỏ vẻ vừa mỉa mai, vừa thích thú, nhưng lộ rõ sự bức tức.

“Không, nhưng tôi đoán là hắn sẽ chạy lại đúng đường lúc tới. Ngược lên phố Industrigata, rẽ xuống Pilestredet, đi vào khu xây dựng rồi cởi cái mũ trùm đầu ra và dán cái chữ POLITI lên sau lưng bộ đồ bảo hộ lao động. Khi quay lại Focus, hắn đang đội mũ lưỡi trai và đeo kính râm, và không thu hút sự chú ý của nhân viên ở đó vì họ không nhận ra ảnh của hắn. Hắn đi vào phòng thay đồ để thay sang bộ thể thao mà hắn đã mặc khi mới tới, rồi hòa vào đám đông trong phòng thể hình, đạp xe một chút, có lẽ nâng vài quả tạ. Rồi hắn đi tắm, tới bàn lễ tân báo rằng vợt của hắn bị mất. Cô gái nhận thông báo của hắn cho tôi biết chính xác thời gian là lúc 16 giờ 02 phút. Bằng chứng ngoại phạm đã được củng cố chặt chẽ, và hắn đi ra phố, nghe thấy tiếng còi hụ và lái xe về nhà. Có thể là thế.”

“Tôi không biết liệu tôi có hiểu đúng mục đích của cái nhãn dán cảnh sát không,” Giám đốc Sở nói. “Chúng ta thậm chí còn không dùng bộ đồ bảo hộ trong ngành.”

“Tâm lý dễ hiểu thôi ạ,” Beate nói và má đỏ bừng khi thấy Giám đốc Sở nhướn mày lên. “Ý tôi là... không phải dễ hiểu theo nghĩa là... ừm, rõ ràng.”

“Cứ nói đi,” Giám đốc Sở nói.

“Đương nhiên Trond Grette biết rõ rằng cảnh sát sẽ tìm kiếm bất cứ ai mặc bộ đồ bảo hộ lao động bị nhìn thấy trong khu vực đó. Vì thế, hẳn phải dán thứ gì đó lên bộ đồ của mình để cho cảnh sát đang lượn vè vè quanh đó ít chú ý tới cái người không rõ danh tính ở trung tâm Focus này. Người dân thường hay né tránh cảnh sát mà.”

“Giả thiết rất hay,” Ivarsson nói với nụ cười cáu kỉnh và đặt hai đầu ngón tay bên dưới cằm.

“Cô ấy nói đúng đấy,” Giám đốc Sở nói. “Ai cũng sợ nhà chức trách. Nói tiếp đi.”

“Nhưng, để hoàn toàn chắc chắn, hẳn đã vờ làm nhân chứng và tự nguyện cung cấp thông tin về cái gã mà hẳn đã nhìn thấy đi qua phòng tập thể hình mặc bộ đồ bảo hộ lao động in dòng chữ POLITI trên lưng.”

“Vốn tự nó đã là một đòn thiên tài,” Harry nói. “Grette đã kể với chúng tôi chuyện đó cứ như không hề biết rằng miếng dán có chữ POLITI sẽ loại người đàn ông đó ra khỏi sự điều tra của chúng ta. Đương nhiên, việc tự nguyện cung cấp thông tin, mà theo hẳn là có thể đặt hẳn vào đúng đường tẩu thoát của tên giết người, sẽ càng khiến hẳn trở nên đáng tin trong mắt chúng ta.”

“Sao cơ?” Møller nói. “Nhắc lại lần nữa xem nào, Harry. Chậm thôi.”

Harry hít một hơi sâu.

“Thôi,” Møller nói. “Tôi đau đầu quá.”

“Bây.”

“Nhưng anh đã không làm theo yêu cầu của cô ta,” Harry nói. “Anh đã

không tha cho anh trai mình.”

“Đương nhiên là không,” Trond nói.

“Lev có biết anh đã giết Stine không?”

“Tao thích thú được đích thân báo cho hăn biết. Qua điện thoại di động. Hăn đang đợi ở sân bay Gardermoen. Tao bảo hăn là nếu hăn không lên máy bay ngay thì tao sẽ đuổi theo cả hăn nữa.”

“Và anh ta đã tin anh khi anh bảo mình đã giết Stine?”

Trond bật cười. “Lev hiểu tao mà. Hăn không nghi ngờ lấy một giây. Trong lúc tao kể chi tiết cho hăn nghe thì hăn đọc thông tin về vụ cướp qua hệ thống viễn truyền văn bản trên ti vi phòng chờ dành cho hạng thương gia. Hăn tắt điện thoại đi khi tao nghe thấy người ta thông báo trên loa về chuyến bay của hăn. Của hăn và Stine. Này!” Hăn giáng súng lên đầu Beate.

“Tám.”

“Chắc anh ta đã nghĩ quay về sẽ được an toàn,” Harry nói. “Không hề hay biết về cái hợp đồng ở São Paulo, phải không?”

“Lev là một tên trộm, nhưng là gã trộm ngây thơ. Lẽ ra hăn không nên cho tao biết địa chỉ bí mật của mình ở d’Ajuda.”

“Chín.”

Harry cố gắng phớt lờ cái giọng đều đều như máy của Beate. “Rồi anh gửi hướng dẫn cho gã giết thuê, kèm lá thư tuyệt mệnh. Mà anh đã viết bằng chính kiểu chữ viết từng dòng để viết bài luận cho Lev.”

“Hoan hô,” Trond nói. “Cừ lắm, Harry. Chỉ có điều thực ra là chúng được gửi từ trước khi vụ cướp xảy ra.”

“Mười.”

“Ừm,” Harry nói, “gã giết thuê đó cũng đã làm rất tốt. Trông đúng như là Lev đã tự treo cổ vậy. Dù cái chuyện mất ngón tay út thì vẫn khá khó hiểu. Đó có phải là biên lai không?”

“Nói thế này nhé. Một ngón tay út sẽ bỏ vừa một cái phong bì bình

thường.”

“Cứ tưởng là anh không chịu được cảnh máu me chứ, Trond?”

“Mười một.”

Harry nghe thấy tiếng sấm ầm ì từ đằng xa, át cả tiếng gió đang rú rít. Cánh đồng và những con đường xung quanh vắng tanh. Mọi người đều đã đi tìm chỗ trú, tránh cơn bão đang sầm sập kéo tới.

“Mười hai.”

“Tại sao anh không ra đầu thú?” Harry hỏi. “Anh biết không thoát được cơ mà.”

Trond cười khùng khục. “Đương nhiên là không thể. Đó chính là vấn đề, phải không? Vô vọng. Chẳng còn gì để mất.”

“Mười ba.”

“Vậy kế hoạch là gì, Trond?”

“Kế hoạch ư? Tao có hai triệu krone từ vụ cướp đó và tao đang có kế hoạch sống một cuộc sống tha hương dài lâu - nếu không phải là hạnh phúc. Kế hoạch lên đường phải được xúc tiến nhanh hơn, nhưng tao đã chuẩn bị cho chuyện đó rồi. Hành lý đã chất lên xe và đã sẵn sàng ngay sau vụ cướp. Mà có thể chọn bị bắn hoặc bị còng vào hàng rào.”

“Mười bốn.”

“Anh biết là sẽ không ăn thua,” Harry nói.

“Tin tao đi, tao biết khá nhiều về cách biến mất. Lev từng chỉ làm mỗi việc đó thôi. Tao chỉ cần chạy trước hai mươi phút. Tao sẽ thay đổi phương tiện và nhân dạng hai lần. Tao có bốn cái xe và bốn cái hộ chiếu đang đợi sẵn, và tao có những đầu mối tốt. Ví dụ như ở São Paulo chẳng hạn. Hai mươi triệu dân. Mà có thể bắt đầu truy tìm ở đó.”

“Mười lăm.”

“Cô đồng nghiệp của mày sắp toi rồi, Harry ạ. Sẽ là thế nào đây nhỉ?”

“Anh đã nói quá nhiều rồi,” Harry nói. “Đằng nào anh cũng sẽ giết cả hai

chúng tôi thôi.”

“Mày phải mạo hiểm mới biết được. Lựa chọn của mày là gì?”

“Là anh sẽ chết trước tôi,” Harry nói, nạp đạn vào súng.

“Mười sáu,” Beate thì thào.

Harry đã trình bày xong.

“Giả thiết hay lắm, anh Hole,” Ivarsson nói. “Nhất là cái giả thiết về kẻ giết thuê ở Brazil ấy. Cực kỳ...” Ông ta nhe hàm răng nhỏ trong một nụ cười mỏng quệt: “Ngoại lai. Không còn gì nữa sao? Ví dụ như bằng chứng chẳng hạn?”

“Chữ viết tay. Lá thư tuyệt mệnh,” Harry nói.

“Anh vừa bảo rằng nó không khớp với chữ viết của Trond Grette còn gì.”

“Không phải là chữ viết bình thường của hắn. Nhưng những bài luận...”

“Anh có nhân chứng nào thề rằng hắn đã viết những bài luận đó không?”

“Không,” Harry đáp.

Ivarsson rên lên. “Nói cách khác, anh chẳng có lấy một mẫu bằng chứng buộc tội nào trong vụ cướp này cả.”

“Vụ giết người,” Harry nói nhẹ nhàng, nhìn thẳng Ivarsson. Từ khóe mắt, anh thấy Møller đang nhìn chăm chăm xuống sàn, hổ thẹn, còn Beate thì bóp tay thất vọng. Giám đốc Sở hắng giọng.

Harry tháo chốt an toàn.

“Mày định làm gì thế Trond nheo mắt lại và ấn nòng súng vào đầu Beate mạnh đến mức hắn đẩy đầu cô ngật ra sau.

“Hai mươi một,” cô rên rỉ.

“Anh có thấy được giải thoát không?” Harry hỏi. “Khi rốt cuộc anh nhận

ra mình chẳng còn gì để mất. Điều đó sẽ khiến cho mọi quyết định trở nên dễ dàng hơn rất nhiều.”

“Mày đang bịp tao thôi.”

“VẬY Ừ?” Harry đặt súng lên cẳng tay trái của mình và bắn. Phát súng to và chói tai. Ngay sau đó, tiếng vọng từ những tòa nhà cao đội ngược lại. Trond tròn mắt nhìn. Một cái rìa lởm chởm nhô lên quanh cái lỗ trên áo khoác da của anh chàng cảnh sát và một chùm len trắng lớt trong áo quay tít và bay đi theo gió. Máu chảy thành dòng. Những giọt nhỏ màu đỏ, nặng nề rơi xuống đất nghe như tiếng đồng hồ tích tắc bị bóp nghẹt, biến mất vào hỗn hợp đất đỏ và cỏ mục để rồi bị hút xuống lớp đất thịt. “Hai mươi hai.”

Những giọt máu to lên và rớt xuống mỗi lúc một nhanh, nghe như cái máy nhịp đang tăng tốc. Harry giương súng lên, chĩa súng qua cái lỗ hồng trên hàng rào lưới sắt và ngắm bắn. “Máu của tôi trông như thế đấy, Trond,” anh nói bằng một giọng nhỏ đến nỗi hầu như chỉ vừa đủ nghe. “Giờ thì xem máu của anh thế nào nhé?”

Đúng lúc đó, mây ập tới che khuất mặt trời.

“Hai mươi ba.”

Từ đằng Tây, một cái bóng đen sà xuống như bức tường, lúc đầu trùm lên cánh đồng, rồi tới dãy nhà liền kề, các tòa chung cư, và cái sân đất nện đỏ quạch cùng với ba con người. Nhiệt độ cũng hạ xuống. Như một hòn đá, tựa hồ tấm màn che ánh sáng đó không chỉ chặn đứng cái nóng, mà còn phát tán cái lạnh. Nhưng Trond không hề nhận thấy. Hắn chỉ nhìn và cảm nhận thấy những hóp không khí vội vã, ngăn ngại của người nữ cảnh sát, khuôn mặt nhợt nhạt, đồ dẫn của cô và cái họng súng của gã cảnh sát đang chĩa vào hắn như một con mắt đen ngòm cuối cùng cũng thấy cái nó đang tìm kiếm và khoan vào hắn, mổ xẻ hắn, kéo vật hắn ra. Tiếng sấm ầm ùng ùng xa. Nhưng hắn chỉ nghe thấy tiếng máu chảy. Thịt của gã cảnh sát nứt toác và những thứ bên trong xổ ra. Máu, ruột gan, sinh mạng của hắn đang ồ ào nhỏ

xuống cỏ. Không phải nó bị ngẫu nhiên mà là chính nó đang ngẫu nhiên, cháy xuyên xuống đất. Trond biết rằng dù hăn có nhắm mắt, bịt tai lại thì hăn cũng sẽ vẫn nghe thấy máu mình chảy giần giật trong tai, reo lên và đập rộn đòi thoát ra.

Hăn cảm thấy buồn nôn giống như kiểu bị một cơn trở dạ nhẹ, một cái bào thai sắp được đẻ ra qua miệng hăn. Hăn nuốt xuống, nhưng nước đang chảy ra từ tất cả các tuyến của hăn, bôi trơn cho nội tạng của hăn, chuẩn bị cho hăn. Cánh đồng, những tòa nhà và sân tennis bắt đầu quay cuồng. Hăn cuộn người lại, cố gắng nấp ra sau cô nàng cảnh sát, nhưng cô ta lại quá nhỏ bé, quá trong suốt, cứ như một tấm mạng bằng tơ của cuộc đời đang run rẩy trước cơn cuồng phong. Hăn bám vào khẩu súng như thể nó đang đỡ hăn chứ không phải ngược lại, siết ngón tay quanh cò súng, rồi chờ đợi. Phải chờ đợi. Để làm gì? Để nỗi sợ hãi buông tha hăn ư? Để mọi thứ trở lại trạng thái cân bằng ư? Nhưng không, chúng cứ thế quay cuồng và sẽ không dừng lại cho đến khi va mạnh xuống đáy. Mọi thứ đều đã rơi vào trạng thái rơi tự do từ cái lúc Stine báo với hăn rằng cô sẽ đi, và máu đang chảy rần rật trong tai hăn liên tục nhắc nhở rằng tốc độ rơi đang nhanh lên. Mỗi sáng thức dậy hăn lại nghĩ rằng chắc hăn đã quen với trạng thái rơi đó, và nỗi sợ hăn đã qua đi, cái đích đã ở trong tầm mắt, hăn đã vượt qua nỗi đau đang ngáng trở. Nhưng không phải vậy. Rồi hăn bắt đầu khao khát được rơi xuống cái đáy tận cùng, cái ngày hăn sẽ không còn sợ hãi nữa. Và giờ đây, khi nhìn thấy cái đáy đó thì hăn thậm chí còn thấy sợ hãi hơn. Mặt đất phía bên kia hàng rào sắt lao về phía hăn.

“Hai mươi tư.”

Khoảng thời gian đếm ngược sắp hết. Ánh mặt trời chiếu vào mắt Beate. Cô đang đứng trong một ngân hàng trên phố Ryen và ánh sáng bên ngoài chói chang, khiến mọi thứ trở nên trắng xóa và gay gắt. Cha cô đứng cạnh cô, lặng im như mọi khi. Mẹ cô đang gọi từ đâu đó, nhưng bà cách xa quá, bà luôn ở

quá xa. Beate đếm những hình ảnh, những mùa hè, những nụ hôn và những thất bại. Nhiều quá, đến mức cô ngạc nhiên sao lại nhiều đến vậy. Cô nhớ lại những khuôn mặt, Paris, Praha, nụ cười bên dưới hàng tóc mái màu đen, một lời tỏ tình vụng về, câu hỏi nín thở và sợ hãi: Nó có đau không? Và một nhà hàng San Sebastian mà cô có thời không đủ tiền trả, nhưng vẫn đặt bàn. Có lẽ suy cho cùng cô vẫn nên thấy biết ơn?

Cô bừng tỉnh khỏi dòng suy nghĩ đó khi khẩu súng đẩy nhẹ trán cô. Những hình ảnh vụt biến mất, chỉ còn lại một cái màn hình trắng xóa, nhiễu loạn, xèo xèo. Cô tự hỏi: tại sao cha chỉ đứng bên cạnh mình? Tại sao ông không yêu cầu mình điều gì đó? Ông chưa bao giờ làm vậy. Và cô ghét ông vì thế. Chẳng nhẽ cha không hiểu đó là điều duy nhất cô khao khát, được làm việc gì đó cho ông, bất cứ việc gì? Cô đã tới nơi ông tìm tới, nhưng khi tìm ra tên cướp đó, kẻ giết người đó, kẻ khiến vợ mất chồng, và muốn trả thù cho cha, cho họ, thì ông lại chỉ đứng bên cô, im lặng như mọi khi, và chối từ.

Giờ thì cô đang đứng vào vị trí của ông. Như tất cả những người hằng đêm cô vẫn xem trên băng ghi hình từ khắp nơi trên thế giới trong Nhà Đau đốn, bản khoản không hiểu họ đang nghĩ gì. Giờ thì đến lượt cô, thế mà cô vẫn không biết.

Rồi có ai đó tắt ánh sáng đi, mặt trời biến mất và cô chìm trong giá lạnh. Cô lại tỉnh dậy trong cái lạnh. Như thế lần tỉnh giấc đầu tiên chỉ là một phần của một giấc mơ mới. Và cô lại bắt đầu đếm. Nhưng giờ thì cô đang đếm những nơi cô chưa từng đến, những người cô chưa từng gặp, những giọt nước mắt cô chưa từng rơi, những lời cô chưa từng nghe.

“Có chứ,” Harry đáp. “Tôi có bằng chứng này.” Anh lôi ra một tờ giấy và đặt nó lên cái bàn dài.

Ivarsson và Møller cùng nhào tới, cụng cả đầu vào nhau.

“Cái gì đây?” Ivarsson cau kinh hỏi. “‘Một ngày tuyết vời’?”

“Chữ viết ngoáy,” Harry nói. “Trên một mảnh giấy bệnh viện Gaustad. Hai nhân chứng là tôi và cô Lønn, có mặt đó và có thể xác nhận rằng người viết là Trond Grette.”

“Thì sao?”

Harry nhìn họ. Anh quay đi và chậm rãi bước về phía cửa sổ. “Ông đã bao giờ kiểm tra chữ viết ngoáy của mình khi ông tưởng tượng mình đang nghĩ về điều gì đó khác chưa? Nó sẽ tiết lộ nhiều điều. Đó là lý do vì sao tôi lấy mẫu giấy này, để xem nó có ý nghĩa nào không. Thoạt nhìn thì chẳng thấy gì. Ý tôi là khi vợ vừa bị giết còn mình thì ngồi trong một căn phòng đóng kín ở bệnh viện tâm thần viết đi viết lại cái câu ‘Một Ngày Tuyết Vời’, thì hoặc là ông điên hoàn toàn, hoặc ông đang viết ngược lại với suy nghĩ của mình. Rồi tôi phát hiện ra một điều.”

Oslo tái nhợt, như mặt của một ông già mệt mỏi, nhưng hôm nay, dưới nắng, những sắc màu ít ỏi vẫn còn tỏa sáng. Giống như nụ cười cuối cùng trước khi nói lời chia tay, Harry thầm nghĩ.

“‘Một Ngày Tuyết Vời’,” anh nói. “Đó không phải một ý nghĩ, mà là một lời nhận xét hay khẳng định. Đó là một dòng tiêu đề. Của một dạng bài luận mà chúng ta viết hồi tiểu học.”

Một con chim chích bay ngang qua cửa sổ.

“Trond Grette không nghĩ ngợi gì, hắn chỉ viết nguệch ngoạc một cách tự động thôi. Như hắn từng làm hồi đi học, khi hắn ngồi bắt chước kiểu viết chữ mới. Jean Hue, chuyên gia về chữ viết tay ở Kripos, từng xác nhận rằng người viết lá thư tuyết mệnh cũng chính là người viết những bài luận hồi đi học đó.”

Cuốn phim dường như bị vấp, hình ảnh đứng im, không một chuyển động, không một lời nói, chỉ có những thao tác lặp đi lặp lại của cái máy phô tô ngoài hành lang.

Cuối cùng, Harry quay lại phá vỡ sự im lặng đó. “Có vẻ như tâm trạng của mọi người lúc này là muốn tôi và cô Lønn giải Trond Grette vào để thẩm vấn một chút.”

Mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp! Harry cố gắng giữ chắc khẩu súng nhưng cơn đau khiến anh choáng váng và những luồng gió dữ dội đang xô đẩy anh. Trond đã phản ứng với máu đúng như Harry hy vọng, và trong một khoảnh khắc, Harry đã có đường ngắm bắn rõ ràng. Nhưng Harry lại do dự và giờ thì hắn đã nấp sau Beate khiến Harry chỉ nhìn thấy một phần đầu và vai hắn. Trông cô giống quá. Giờ anh mới thấy, Chúa ơi, trông cô giống quá. Harry chớp mắt thật mạnh để nhìn thấy rõ họ. Cơn gió tiếp theo mạnh đến mức nó từa được cái áo khoác xám trên ghế băng và, trong một lúc, dường như có một người vô hình chỉ mặc mỗi cái áo khoác chạy trên sân tennis. Harry biết một cơn mưa rào nặng hạt đang kéo đến, đây là khối không khí mà màn mưa đang đẩy tới trước như là lời cảnh báo cuối cùng. Rồi trời tối đen như mực, hai thân hình trước mắt anh nhập làm một và cơn mưa đã ở ngay trên đầu; những hạt mưa to, nặng đồm dập trút xuống.

“Hai mươi năm.” Giọng Beate bỗng trở nên to và rõ ràng.

Một tia chớp lóe lên khiến Harry nhìn thấy hai thân hình hắt bóng xuống nền đất đỏ. Tiếng sấm gầm theo sau lớn đến mức nó bám dính vào tai họ như một lớp lót. Một thân hình tách khỏi thân hình kia và ngã lăn ra đất.

Harry quỳ xuống và nghe thấy mình gầm lên: “Ellen!”

Anh thấy cái bóng vẫn đang đứng quay lại, bắt đầu bước về phía anh, súng cầm trong tay. Harry nhắm bắn, nhưng mưa trút ào ạt xuống mặt khiến anh không còn nhìn thấy gì. Anh chớp mắt và nhắm lại. Anh không còn cảm thấy gì, không đau cũng không lạnh, không buồn khổ cũng không đặc thẳng, chỉ thấy sự trống rỗng mênh mông. Mọi việc trên đời không nhất thiết phải có

nghĩa; chúng chỉ lặp lại chính mình qua câu thần chú vĩnh hằng, để hiểu - sống, chết, tái sinh, sống, chết. Anh siết cò súng nửa chừng. Nhắm bắn.

“Beate?” anh thì thào.

Cô đá bật cánh cửa ra và đưa khẩu AG3 cho Harry, anh liền chụp lấy. “Chuyện gì... đã xảy ra vậy?”

“Chúng múa giật Setesdal,” cô nói.

“Chúng múa giật Setesdal ư?”

“Hắn đổ vật xuống như đồng gạch ấy, tội nghiệp.” Cô chìa bàn tay phải cho anh xem. Nước mưa đã gột sạch máu ở hai vết thương trên khớp đến ngón tay cô. “Tôi đang đợi xem có gì đánh lạc hướng hắn không. Rồi sấm nổ vang khiến hắn kinh hoàng. Có vẻ như anh cũng vậy.”

Họ nhìn vào cái thân hình bất động trong phần sân của người giao bóng bên tay trái.

“Anh sẽ giúp tôi còng tay hắn chứ, Harry?” Mái tóc vàng dính bết vào mặt cô, nhưng dường như cô không để ý. Cô mỉm cười.

Harry ngẩng lên trong mưa và nhắm mắt lại. “Chúa trên cao,” anh lầm bầm. “Linh hồn tội nghiệp này đến ngày 12 tháng Bảy năm 2022 mới được tự do. Xin Người rủ lòng thương.”

“Harry?”

Anh mở mắt ra. “Gì cơ?”

“Muốn hắn không được thả trước năm 2022 thì tốt hơn hết là chúng ta hãy đưa hắn về Sở Cảnh sát ngay lập tức.”

“Không phải hắn,” Harry nói và đứng dậy. “Mà là tôi. Đó là khi tôi nghỉ hưu.”

Anh quàng tay qua vai cô và mỉm cười. “Cô đúng là đồ múa giật, cô...”

ĐỈNH EKEBERG

Tháng mười hai tuyết lại bắt đầu rơi. Và lần này là thật. Tuyết chất đông trên tường các ngôi nhà, và theo dự báo thì tuyết sẽ còn tiếp tục rơi. Lời tự thú được đưa ra vào chiều ngày thứ Tư. Trond Grette, sau khi hội ý với luật sư bào chữa, đã thú nhận lên kế hoạch và tiến hành sát hại vợ mình.

Tuyết rơi suốt đêm, và ngày hôm sau hắn cũng thú nhận chủ mưu vụ giết hại anh trai. Cái gã mà hắn đã thuê làm việc này tên là El Ojo, Con Mắt, không có chỗ cố định. Gã thay đổi tên hành nghề và số điện thoại di động hằng tuần. Trond mới gặp gã có một lần, trong một bãi đỗ xe ở São Paulo, nơi họ thỏa thuận về mọi chi tiết. El Ojo đã nhận thước 1.500 đô la; Trond đã đặt số tiền còn lại trong một cái túi để trong một cái tủ có khóa ở phòng gửi hành lý tại nhà chờ sân bay Tietê. Thỏa thuận là Trond sẽ gửi thư tuyệt mệnh tới một bưu cục ở Campos Belos, một khu ngoại ô phía Nam thành phố này, và chiếc chìa khóa khi hắn nhận được ngón tay út của Lev.

Điều duy nhất có chút gì gần với sự vui vẻ trong những giờ thăm vấn đăng đăng là khi Trond được hỏi rằng làm thế nào, trong vai du khách, hắn lại có thể liên hệ được với một tên sát thủ giết thuê chuyên nghiệp. Hắn trả lời rằng chuyện đó còn dễ hơn nhiều so với việc đi kiếm thầu xây dựng ở Na Uy. Sự so sánh này không hoàn toàn là ngẫu nhiên.

“Có lần Lev kể với tôi,” Trond nói. “Bọn chúng tự quảng cáo mình là plomeros bên cạnh những quảng cáo chat line trên tờ Folha de São Paulo.”

“Plum... gì cơ?”

“Plomeros. Thợ sửa ống nước.”

Halvorsen đã gửi những thông tin ít ỏi đó qua fax cho đại sứ quán Brazil, họ đã cố kiểm chế không đưa ra những bình luận có tính châm chọc và hứa sẽ theo đuổi vụ này.

Khẩu AG3 mà Trond đã sử dụng trong vụ cướp là của Lev và đã được cất

trên gác xép nhà họ ở Disengrenda mấy năm nay. Không thể tìm ra nguồn gốc của nó vì số xê ri của nhà sản xuất đã bị giũa mất.

Giáng sinh đến sớm với hiệp hội các công ty bảo hiểm của Nordea vì số tiền trong vụ cướp ở Bogstadveien đã tìm thấy trong cốp xe ô tô của Trond và chưa đồng nào bị động đến.

Nhiều ngày trôi qua, tuyết vẫn rơi và quá trình thẩm vấn vẫn tiếp diễn. Vào buổi chiều ngày thứ Sáu, khi mọi người đều đã kiệt sức, Harry hỏi Trond tại sao hắn không nôn khi bắn xuyên qua đầu vợ mình - vốn dĩ hắn đâu có chịu được cảnh máu me. Căn phòng trở nên im lặng. Trond nhìn chăm chăm vào máy quay ở góc phòng. Rồi hắn chỉ lắc đầu.

Nhưng khi họ kết thúc buổi thẩm vấn và đi qua đường hầm Culvert để trở lại trại tạm giam, hắn chợt quay lại nói với Harry: “Còn tùy xem máu ai.”

Cuối tuần Harry đang ngồi trên một chiếc ghế bên cửa sổ, ngắm Oleg và đám trẻ trong phố xây những pháo đài bằng tuyết ở mảnh vườn bên ngoài căn nhà gỗ. Rakel đã hỏi anh rằng anh đang nghĩ gì và suýt nữa anh buột miệng nói ra. Nhưng thay vì vậy anh lại rủ cô đi dạo một chút. Cô đi lấy mũ và găng tay. Họ đi qua dốc trượt tuyết nhân tạo Holmenkollen và Rakel đã hỏi có nên mời cha và em gái của Harry tới nhà cô trong đêm Giáng sinh không.

“Chúng ta là những người thân duy nhất còn lại mà,” cô nói và siết chặt tay anh.

Đến thứ Hai, Harry và Halvorsen bắt tay vào vụ Ellen. Từ đầu. Thẩm vấn các nhân chứng đã từng được triệu đến, đọc lại các báo cáo cũ và kiểm tra những thông tin chưa từng được theo dõi và những manh mối cũ. Hóa ra đó lại là những manh mối đã nguội lạnh.

“Cậu đã tìm được địa chỉ của cái gã đã nói là nhìn thấy Sverre Olsen đi cùng một người đàn ông trong chiếc xe màu đỏ ở Grunerlokka chưa?” Harry hỏi.

“Kvinsvik. Địa chỉ của hắn được đặt ở nhà bố mẹ, nhưng tôi không tin là

chúng ta sẽ tìm thấy hắn ở đó.”

Harry không hy vọng sẽ nhận được sự hợp tác nhiệt tình khi anh bước vào quán Pizza Herbert hỏi gặp Roy Kvinsvik. Nhưng sau khi mua cốc bia cho một gã thanh niên mặc áo phông in logo Nasjonalallianse thì anh được biết rằng Roy không còn phải giữ lời thề im lặng từ khi hắn cắt đứt với đám bạn cũ cách đây chưa lâu. Hình như Roy đã gặp một cô gái theo Công giáo và từ bỏ niềm tin vào chủ nghĩa Quốc xã. Không ai biết cô ta là ai hay Roy hiện đang sống đâu. Nhưng có người đã nhìn thấy hắn hát bên ngoài nhà thờ thuộc Hội thánh Tin Lành Philadelphia.

Tuyết chất thành lớp dày khi xe gạt tuyết chạy qua chạy lại như con thoi trên những đường phố khu trung tâm Oslo.

Người phụ nữ bị bắn ở chi nhánh ngân hàng Den Norske trên phố Grensen đã được ra viện. Trên tờ Dagbladet, cô ta chỉ nơi viên đạn xuyên vào bằng một ngón tay và khoảng cách từ đó tới tim bằng hai ngón tay. Hiện giờ, cô ta đã ở nhà để chăm sóc chồng và hai con trong dịp Giáng sinh, tờ báo đó viết.

Trong tuần đó, lúc mười giờ sáng thứ Tư, Harry đứng ngoài cửa Phòng 3 Sở Cảnh sát, giẫm chân giũ tuyết bám trên ủng rồi gõ cửa.

“Vào đi Hole,” giọng thẩm phán Valderhaug gầm lên. Ông ta đang chỉ đạo cuộc điều tra nội bộ của Đội Điều tra Đặc biệt về vụ nổ súng trong khu cảng công te nơ. Harry được dẫn tới một cái ghế trước phiên tòa gồm năm người. Trừ Valderhaug ra còn có công tố viên, một nữ và một nam điều tra viên, luật sư bào chữa Ola Lunde mà Harry biết là cứng rắn nhưng rất có năng lực và thẳng thắn.

“Chúng tôi muốn hoàn tất các kết quả trước kỳ nghỉ Giáng sinh,” thẩm phán Valderhaug mào đầu. “Anh có thể nói cho chúng tôi biết chính xác hết

sức về vai trò của anh trong vụ này được không?”

Trên nền tiếng gõ bàn phím lạch cạch của người điều tra viên nam, Harry kể về cuộc gặp ngắn ngủi của anh với Alf Gunnerud. Khi anh trình bày xong, thẩm phán cảm ơn anh và giờ tài liệu sột soạt một lúc mới tìm thấy thứ ông ta muốn tìm. Ông ta ngó Harry qua cặp kính.

“Chúng tôi muốn biết liệu qua cuộc gặp gỡ ngắn ngủi với Gunnerud, anh có ngạc nhiên khi nghe nói hắn rút súng chĩa vào một cảnh sát không?”

Harry nhớ lại những gì anh đã nghĩ khi gặp Gunnerud ở cầu thang. Một gã trai sợ bị lĩnh thêm đòn. Không phải một kẻ giết người dày dạn. Harry nhìn vào mắt của vị thẩm phán và trả lời, “Không.”

Valderhaug bỏ kính ra. “Nhưng khi Gunnerud gặp anh, hắn lại chọn cách bỏ chạy. Tôi không hiểu tại sao khi gặp Waaler hắn lại đổi chiến thuật.”

“Tôi cũng không biết nữa,” Harry nói. “Tôi không có mặt ở đó.”

“Nhưng anh không thấy chuyện đó kỳ lạ sao?”

“Có, tôi có thấy.”

“Nhưng anh chỉ trả lời là anh không ngạc nhiên.”

Harry đẩy nhẹ cái ghế ngã ra sau. “Tôi làm cảnh sát lâu rồi, thừa thẩm phán. Nên tôi không còn thấy ngạc nhiên khi người ta làm những chuyện kỳ lạ nữa. Kể cả kẻ giết người.”

Valderhaug đeo kính lại và Harry nghĩ anh nhận thấy nụ cười chập chờn nơi cái miệng trên khuôn mặt nhăn nheo đó.

Ola Lunde hăng giọng. “Như anh đã biết, năm ngoái thanh tra Tom Waaler bị đình chỉ một thời gian ngắn vì có liên quan đến một vụ tương tự khi đi bắt một tên theo phái Phát xít mới.”

“Sverre Olsen,” Harry đáp.

“Vào lúc đó, Đội Điều tra Đặc biệt kết luận rằng không có đủ căn cứ để công tố viên buộc tội.”

“Các vị chỉ ngồi có một tuần,” Harry nói.

Ola Lunde nhượng một bên mày với Valderhaug, ông thăm phán gặt đầu. “Tuy nhiên,” Lunde tiếp tục, “đương nhiên là rất đáng chú ý khi chính người này lại rơi vào một tình huống tương tự lần nữa. Chúng tôi biết lực lượng cảnh sát có một ý thức đoàn kết mạnh mẽ và các sĩ quan sẽ ngại phải đặt đồng nghiệp của mình vào một hoàn cảnh khó khăn khi ở... ừm... ừ...”

“Mách lẻo,” Harry nói. “Xin lỗi, anh bảo sao?”

“Tôi nghĩ là cái từ mà anh đang tìm kiếm là ‘mách lẻo’.”

Lunde và vị thẩm phán lại nhìn nhau. “Tôi hiểu ý anh là gì, nhưng chúng tôi thích gọi đó là trình bày những thông tin có liên quan để đảm bảo các quy tắc được thực thi. Anh có đồng ý không, anh Hole?”

Hai chân trước của cái ghế Harry ngồi sập xuống đánh rầm. “Có, thật ra là tôi đồng ý. Chỉ là tôi không giỏi sử dụng ngôn ngữ như các ông thôi.”

Valderhaug không còn che giấu nổi nụ cười.

“Tôi không chắc về chuyện đó lắm, anh Hole,” Lunde nói, chính anh ta cũng bắt đầu mỉm cười. “Thật tốt là chúng ta đều đồng tình với nhau, và vì anh và Waaler từng làm việc chung nhiều năm, chúng tôi muốn dùng anh như một nhân chứng về tính cách. Chúng tôi cũng có mời những cảnh sát khác tới đây, họ đều nói tới tác phong không nhân nhượng của Waaler khi xử lý tội phạm và đôi khi là cả với những người không phải tội phạm. Anh có thể hình dung rằng Tom Waaler bắn Alf Gunnerud trong một khoảnh khắc thiếu suy nghĩ không?”

Harry nhìn ra ngoài cửa sổ, nấn ná hồi lâu. Anh hầu như không nhìn thấy đỉnh Ekeberg qua màn mưa tuyết. Nhưng anh biết nó ở đó. Năm nào cũng vậy, anh ngồi sau bàn làm việc và ngọn núi Ekeberg thì vẫn luôn ở đó, và sẽ mãi còn đó xanh về mùa hè, đen trắng về mùa đông; nó không thể bị dịch chuyển, đó là sự thật. Điều tuyệt vời về sự thật là người ta không phải ngẫm nghĩ xem chúng có đáng mong muốn hay không.

“Không,” Harry đáp. “Tôi không hình dung là Tom Waaler bắn Alf

Gunnerud trong một khoảnh khắc thiếu suy nghĩ.”

Nếu có ai ở trong Đội Điều tra Đặc biệt có nhận thấy Harry nhấn mạnh một chút ở từ ‘thiếu suy nghĩ’ thì họ cũng không nói gì.

Ở hành lang bên ngoài, Weber đứng dậy ngay khi Harry bước ra.

“Xin mời người tiếp theo,” Harry nói. “Ông có gì nào?”

Weber nhắc một cái túi ni lông lên. “Khẩu súng của Gunnerud. Tôi phải đi vào làm cho xong chuyện này đã.”

“Ừm.” Harry rút một điều thuốc ra khỏi bao. “Súng lạ nhỉ.”

“Hàng Israel,” Weber nói. “Khẩu Jericho 941.”

Harry đứng dậy nhìn chăm chăm vào cánh cửa khi nó đóng lại sau lưng Weber cho tới lúc Møller đi qua và nhắc anh nhớ điều thuốc chờ châm trên miệng.

Đơn vị Chống Cướp im lặng đến kỳ lạ. Lúc đầu, các điều tra viên đùa rằng Kẻ Hành quyết đã đi ngủ đông rồi, nhưng giờ thì họ bảo hẳn đã cho người ta bắn mình và chôn ở một nơi bí mật để được mãi mãi là huyền thoại. Tuyết đọng trên các mái nhà khắp thành phố, trưa xuống, và lớp tuyết mới lại rơi trong lúc khói bình thản bốc lên từ các ống khói.

Ba đơn vị ở sở Cảnh sát tổ chức bữa tiệc mừng Giáng sinh tại căng tin. Ngồi theo quy định nên rất cuộc là Bjarne Møller, Beate Lønn và Halvorsen ngồi cạnh nhau. Giữa họ là một chiếc ghế trống và một cái đĩa trên đặt thẻ tên của Harry.

“Anh ta đi đâu rồi?” Møller vừa hỏi vừa rót rượu cho Beate.

“Ra ngoài tìm một người bạn của Sverre Olsen, tìm bảo rằng hẳn đã nhìn thấy Olsen đi cùng một gã khác vào cái đêm xảy ra án mạng,” Halvorsen nói, chật vật mở một chai bia bằng cái bập lửa dùng một lần.

“Chán quá,” Møller nói. “Bảo anh ta đừng có làm việc đến chết chứ. Một

bữa tiệc Giáng sinh thì cũng đâu có mất nhiều thời gian.”

“Ông bảo anh ấy đi,” Halvorsen đáp.

“Có lẽ anh ấy chỉ không muốn tới thôi,” Beate nói.

Hai người đàn ông nhìn cô và mỉm cười.

“Có chuyện gì thế?” Cô bật cười. “Các vị không nghĩ là tôi hiểu Harry đến thế ư?”

Họ nâng cốc. Halvorsen không ngừng mỉm cười. Anh ta cứ nhìn đắm đắm. Có gì đó - anh ta không thể gọi đích danh nó ra - khác biệt ở cô. Lần anh ta gặp cô gần đây nhất là ở phòng họp, nhưng khi ấy trong mắt cô chưa có cái sinh khí như thế này. Đôi môi đỏ. Dáng người, tấm lưng yếu điệu.

“Harry thà vào tù còn hơn tới dự những sự kiện như thế này,” Møller nói và kể cho họ nghe về cái lần cô nàng Linda ở bộ phận lễ tân bên Cục An ninh ép anh nhảy.

Beate cười tới chảy nước mắt. Rồi cô quay sang Halvorsen và nghiêng đầu. “Anh định ngồi đó mà trở mắt nhìn suốt buổi tối à, Halvorsen?”

Halvorsen thấy hai má nóng bừng và lắp bắp được mỗi một câu ‘Đâu có’ đầy bối rối khiến Møller và Beate lại phá lên cười lần nữa.

Khuya hôm đó, anh ta mới thu hết can đảm hỏi Beate xem cô có thích xoay một vòng trên sàn nhảy không. Møller ngồi một mình đến lúc Ivarsson bước tới và ngồi vào ghế của Beate. Ông ta đã say, nói lú lờ cả lưỡi, và ông ta kể về cái lần ngồi trước một ngân hàng ở Ryen, sợ đến mất trí.

“Lâu lắm rồi mà, Rune,” Møller nói. “Lúc đó anh mới ra trường. Dù sao thì anh cũng đâu làm gì được.”

Ivarsson ngả ra sau và nhìn Møller. Rồi ông ta đứng dậy bỏ đi. Møller đoán rằng Ivarsson là một kẻ cô đơn nhưng thậm chí chẳng hề biết.

Khi hai DJ họ Li kết thúc bằng bài *Purple Rain* thì Beate và Halvorsen va phải một cặp nhảy khác và Halvorsen nhận thấy người Beate đột ngột cứng đờ lại. Anh ngược lên nhìn cặp kia.

“Xin lỗi,” một giọng trầm trầm cất lên. Hàm răng trắng khỏe khoắn trên khuôn mặt của David Hasselhoff lóe lên trong bóng tối.

Khi buổi tối kết thúc thì chẳng còn gọi nổi taxi và Halvorsen đề nghị đưa Beate về nhà. Họ cuốc bộ trên tuyết về hướng Đông và phải mất một tiếng mới về đến trước cửa nhà cô ở Oppsal.

Beate mỉm cười và quay lại đối diện với Halvorsen. “Nếu anh thích vậy thì chúng tôi rất vui mời anh tới chơi,” cô nói.

“Tôi rất thích,” anh ta đáp. “Cảm ơn cô.”

“Thỏa thuận vậy nhé,” cô nói. “Mai tôi sẽ báo với mẹ.”

Anh chúc cô ngủ ngon, hôn lên má cô và lại bắt đầu chuyến thám hiểm vùng cực về phía Tây.

Viện Khí tượng Na Uy thông báo rằng trận tuyết rơi kỷ lục được ghi lại cách đây hai mươi năm sắp bị phá vỡ.

Cùng ngày hôm đó, Đội Điều tra Đặc biệt kết thúc vụ Tom Waaler.

Nhóm điều tra kết luận rằng không phát hiện thấy điều gì mâu thuẫn với các quy tắc. Trái lại, Waaler còn được ca ngợi vì đã hành động chính xác và giữ được bình tĩnh trong một tình huống cực kỳ căng thẳng. Giám đốc Sở gọi cho Cảnh sát Trưởng để thăm dò xem liệu ông ta có nghĩ nên đề cử Waaler cho một giải thưởng nào không. Tuy nhiên, vì gia đình Alf Gunnerud là một trong những gia đình có máu mặt ở thành phố này - chú hấn nằm trong Hội đồng Thành phố - nên họ cảm thấy việc đó có lẽ là không phù hợp.

Đang là đêm Giáng sinh nên sự yên bình và thiện chí bao trùm lên, ừm, ít nhất là đất nước Na Uy bé nhỏ.

Rakel đã đuổi Harry và Oleg ra khỏi nhà để làm bữa trưa Giáng sinh. Khi hai chú cháu quay về thì khắp nhà đã sức nức mùi sườn. Ông Olav Hole, cha của Harry, cùng với Sis đi taxi tới.

Sis mê mẩn ngôi nhà, những món ăn, Oleg, tất cả mọi thứ. Trong suốt bữa ăn, cô và Rakel trò chuyện say sưa như những người bạn thân thiết trong khi Olav và cậu bé Oleg ngồi đối diện với nhau, hầu như chỉ đối đáp nhạt gừng. Nhưng đến lúc tặng quà thì cả hai bớt dè dặt hơn và Oleg mở cái gói lớn của ông với dòng chữ *Ông Olav tặng cháu Oleg*. Đó là một tuyển tập các tác phẩm của Jules Verne. Oleg há hốc miệng lật giở một cuốn.

“Ông ấy chính là người đã viết về cái tên lửa phóng lên mặt trăng mà chú Harry đã đọc cho con nghe đấy,” Rakel nói.

“Đó là những bản minh họa đầu tiên đấy,” Harry nói, chỉ vào bức vẽ Thuyền trưởng Nemo đang đứng bên lá cờ ở Nam Cực và đọc to, Tạm biệt. Đế chế mới của tôi bắt đầu với sáu tháng trong bóng tối.”

“Đây là những cuốn nằm trên giá sách của cha ông,” ông Olav nói, phần khích chẳng kém gì Oleg.

“Chuyện đó không quan trọng!” Oleg kêu lên.

Ông Olav đón nhận cái ôm cảm ơn với nụ cười ngượng ngùng nhưng nồng ấm.

Khi họ đã lên giường và Rakel đã ngủ, Harry trở dậy, tới bên cửa sổ. Anh nghĩ về tất cả những người không còn hiện diện trên đời: mẹ anh, Birgitta, cha của Rakel, Ellen và Anna. Và những người vẫn còn hiện diện. Øystein khu Oppsal, đã được anh gửi tặng một đôi giày nhân dịp Giáng sinh, Raskol ở nhà tù Botsen và hai người phụ nữ ở Oppsal đã tử tế tới mức mời Halvorsen tới bữa ăn tối muộn trong ngày lễ Giáng sinh vì năm đó anh ta phải ở lại trực và không được về thăm nhà ở Steinkjer.

Tối nay đã có chuyện gì đó xảy ra, anh không rõ là gì, nhưng có gì đó đã thay đổi. Anh đứng ngắm nhìn những ngọn đèn thành phố một lúc mới nhận ra tuyết đã ngừng rơi. Những lối mòn. Những người đi bộ trên phố Akerselva tối nay sẽ tạo nên những lối mòn.

“Điều ước của anh đã trở thành sự thật chưa?” Rakel thì thầm khi anh trở

về giường nằm.

“Điều ước ư?” Anh vòng tay ôm cô.

“Lúc đứng bên cửa sổ trông anh như thể đang ước điều gì đó. Là gì thế?”

“Anh đã có tất cả những gì mình ước rồi,” Harry nói, hôn lên trán cô.

“Nói cho em biết đi,” cô thì thào, nhích ra để nhìn anh cho rõ. “Hãy nói cho em biết điều ước của anh đi, Harry.”

“Em thật sự muốn biết sao?”

“Vâng.” Cô nép sát lại gần anh hơn.

Anh nhắm mắt lại và cuộn phim bắt đầu quay, chậm đến mức anh có thể thấy từng hình ảnh trong đó. Những lời mơn trên tuyết.

“Hòa bình,” anh nói dối.

VÔ ƯU

Harry nhìn tấm ảnh, nhìn nụ cười trắng xóa, nồng ấm, đường quai hàm mạnh mẽ và cặp mắt xanh ánh thép của Tom Waaler. Rồi anh đẩy tấm ảnh qua bàn.

“Cứ xem từ từ thôi,” anh nói. “Và xem kỹ vào.”

Roy Kvinsvik có vẻ bồn chồn. Harry ngả người ra trên chiếc ghế văn phòng và nhìn quanh. Halvorsen đã treo một tấm lịch mùa vọng lên bức tường phía trên tủ hồ sơ. Ngày Giáng sinh. Harry gần như được ở một mình một tầng. Đó là điều hay nhất ở các ngày nghỉ lễ. Anh không tin là anh sẽ nghe thấy Kvinsvik nói tiếng lạ như lúc anh tìm thấy hân ở hàng ghế đầu trong nhà thờ thuộc Hội thánh Tin Lành Philadelphia, nhưng hy vọng cũng mất gì đâu.

Kvinsvik hăng giọng và Harry ngồi thẳng dậy.

Ngoài cửa sổ, những bông tuyết nhẹ nhàng rơi xuống những con phố vắng

tanh.



Tiếng Anh nghĩa là ‘Thú vị thật’, vừa để đáp lại câu nói của Harry vừa để đùa với chữ ‘uninteresting’ (không thú vị) trong câu trước.

Sự phối hợp các đèn giao thông nhằm cho phép xe chạy trên đường với một vận tốc nhất định liên tiếp gặp đèn xanh.

Dirty Harry - tên một bộ phim hình sự Mỹ do Clint Eastwood thủ vai.

Tiếng Anbani: Tên gián điệp.

Cà phê đen pha thêm sữa ấm kiểu Tây Ban Nha.

Tức heroin.

Một thành phố nổi tiếng trụy lạc trong Kinh Cựu ước.

Nữ ca sĩ người anh nổi tiếng với bài hát “Total Eclipse of the Heart.”

Một tập thơ cổ Na Uy từ thời Viking, với những bài thơ khuyên nhủ cách sống, cách xử sự v.v.

đoạn này chắc thiếu - NQK

cần phải xem lại câu này - NQK